

Hội Ái Hữu

Biên Hòa

Quê Hương Mến Yêu

Côn Đảo

London



Thác Trị An

Virginia

2010

XUÂN CANH DẦN



ANH HÙNG TAO NGỘ



HỌA PHẨM CỦA LÝ TIÊN SINH – BIÊN HOÀ

MỤC LỤC

Lá Thư Xuân	1
Ban Chấp Hành & Ban Biên Tập	2
Câu Đối Mừng Xuân Canh Dần – Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.	3
Cung Chúc Tân Xuân	4
Chúc Mừng Năm Mới Canh Dần 2010 - Hoàng Biên	5
Chúc Xuân – Minh Lương Trương Minh Sung	6
Sớ Táo Quân – Táo Bà Thân Ngọc Mai	7
Săn Cọp Đồng Nai – Bình Nguyên Lộc	8
Chuyện Lạ Về Cọp - Nguyễn Kim Lộc	14
Năm Canh Dần Nói Chuyện Cọp – Hoàng Anh Tài	17
Tản Mạn Về Cọp Ba Móng.....- Nguyễn Kim Lộc	22
Ngài Hồ Trị Vì Năm Dần - Ngọc Tâm-Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm	28
Ba Con Cáo – Bình Nguyên Lộc	30
Những Nẻo Đường Đất Nước – Huy Lực Bùi Tiên Khôi	34
Văn Miếu Ở Nam Kỳ - Phan Văn Hùm	35
Từ Cánh Đồng Texas NhớDân Sông Cửu – Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu	37
Qua Sông Học Trường Mỹ Lộc - Trần Văn Linh	42
Chiều Sang Sông - Trần Văn Linh	46
Đại Tướng Đồ Cao Trí - Nguyễn Kim Lộc	47
Đại Tướng Đồ Cao Trí – Thân Thế Và Bình Nghiệp - Nguyễn Kim Lộc	60
Trung Sĩ Nhất Vũ Tiến Quang – Yên Tử Cư Sĩ Trần Đại Sỹ	63
Con Chó Vện Và Người Tù Cải Tạo - Nguyễn Vĩnh Long Hồ	69
Xương Ca – Hoàng Anh Tài	79
Hương Tinh Xứ Bưởi - Thơ Vĩnh Liêm, Nhạc Nguyễn Nhật Tân	86
Trĩu Lòng Thương Ai – Thơ Thế Nhân, Nhạc Bằng Giang	88
Hương Kỷ Niệm – Thơ Hoàng Ánh Nguyệt, Nhạc Bằng Giang	89
Người Có Kịp Về Mùa Lá Đỏ - Thơ Vương Hồng Ngọc, Nhạc LMST	90
Lưu Bút Ngày Xanh – Thơ Võ Thị Tuyết, Nhạc LMST	91
Trúc Tiên Nữ Sĩ – Lâm Sông Đông	92
Thơ Thế Nhân & Phong Trần	95
Thơ Hoàng Ánh Nguyệt	96
Thơ Lâm Sông Đông	98
Thơ Vương Hồng Ngọc & Hàn Thiên Lương	101
Thơ Vĩnh Liêm & Đào Văn Bình	102
Thơ Thy Lệ Trang Nguyễn Thị Cúc	103
Thơ Tưởng Dung	104
Thơ Võ Thị Tuyết	105
Thơ Lê Kim Oanh	106
Thơ Minh Lương Trương Minh Sung & Lê Kim Oanh	108
Thơ Nguyễn Văn Tỵ N & Lam Điền Nguyên Thử	109
Minh Tân Tên Một Ngôi Trường - Nguyễn Hữu Hạnh	110
Nhớ Ông Thầy Xưa - Trần Văn Trung	112
Nghị Viên Vũ Khánh Thành – Phóng Viên Võ Triều Sơn	117
Truyền Thống Hiếu HọcHuy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.	124
Alexander Solzhenitsyn – Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.	127
Sống Lâu Trăm Tuổi – Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.	130
Diễn Đàn Thị Trường Chứng Khoán - Quảng Thị Y	133

MỤC LỤC

Tết Nói Về Chuyện Thời Gian – Hàn Thiên Lương	135
Nhịp Điệu Thời Gian Trong Không Gian Vô Tận - Nguyễn Kim Lộc	139
Đường Xưa Lối Cũ - Nguyễn Văn Lợi	145
Bạn Cũ Trường Xưa - Trường Phan Hồ Thị Đậm	148
Hương Bưởi - Nguyễn Quỳnh Mai	153
Đường Vào Rừng Y - Nguyễn Thị khôi Nguyên & Nhất Nguyên	155
Quyển Đặc San Hội Ái Hữu Biên Hoà.....N.A.	158
Lời Tự Tình Ở Hai Đầu Nỗi Nhớ - Châu-Oanh	160
Thật Hay Phịa Tận Thế - Trần-thượng Thủ	164
Một Số Ngôi Trường Kỳ Cự Ở Nam Kỳ - Trần-thượng Thủ	166
Cổ Phi San – Non Châu Thới - Lương Văn Lựu	169
Huyền Thoại Dinh Độc Lập - Nguyễn Đình Lang	171
Chùa Đại Giác - Trần Văn Trung	174
Thánh Địa Đức Mẹ Đen Jasna Góra - Trần Văn Trung	179
Mỏ Muối Wieliczka - Trần Văn Trung	181
Xuân Và Cảnh Chùa - Trịnh Văn Kiều & Lê Kim Oanh	184
Bốn Mùa Nơi Thủ Phủ Washington, D.C.- Trịnh Văn Kiều & Lê Kim Oanh	188
Vịt Quay Hạnh Phước Biên Hoà - Hoàng Quỳnh Hương	194
Dưa Mắm Nêm Biên Hoà - Ngọc Tâm-Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm	199
Trái Thanh Long - Ngọc Tâm-Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm	200
Toa Thuốc Trường Sinh	202
Phương Pháp Dưỡng Sinh - Y Học Dân Tộc	203
Tản Mạn Về “Bách Niên Gia Trang”	206
Tâm Sự Của Nhạc Sĩ Bằng Giang Nói Về Thơ Được Phổ Nhạc	209
Biên Hoà Ca - Thơ Lâm Sĩ Đất, Nhạc Bằng Giang	210
Napoléon Đỗ Cao Trí - Nhạc LMST	211
Tướng Trần Quang Khôi - Nhạc LMST	212
Hình Ảnh Sinh Hoạt	213
Danh Sách Hội Viên - Cúng Lễ Vía và Ủng Hộ Quỹ Hội	217
Mục Lục	223

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

10731 TRIOLA LANE. HOUSTON, TEXAS 77072

ĐIỆN THOẠI: 713-922-5638

HỘI ĐOÀN BÁT VỤ LỢI VÀ TỪ THIỆN

GIẤY PHÉP SỐ: 800032127 ** SỐ MIỄN THUẾ VỤ: 20-0094475

E-MAIL: datlam1951@yahoo.com

WEB SITE: www.hoiaihUBNDH.org



Lá Thư Xuân

Đón Xuân năm Canh Dần 2010, người Việt tự do trên toàn thế giới đánh dấu một thời điểm lịch sử quan trọng 1975-2010; 35 năm kể từ cuộc di cư liêu chết đi tìm tự do, vĩ đại nhất của nhân loại, làm chấn động lương tâm mọi người trên quả đất này. Với niềm tin tưởng hân hoan chào đón mùa Xuân, chúng ta nhìn lại đoạn đường 35 năm đã trải qua trong xúc động bồi hồi.

Những mùa Xuân đầu tiên trên xứ người, dân Việt tỵ nạn phân tán ở rải rác khắp nơi, lạc lõng trong nền văn hoá mới, hương xuân lạnh lẽo xa lạ, nhưng chúng ta vẫn cố gắng đón xuân theo nghi thức cổ truyền.

Với ý chí nghị lực phi thường, với lòng can đảm bền bỉ phấn đấu tuyệt vời, người Việt tỵ nạn, từ hai bàn tay trắng vươn lên, đã tìm đến nhau xây dựng thành những cộng đồng thịnh vượng hùng mạnh và đóng góp vào xã hội Hoa Kỳ mọi mặt từ kinh tế, văn hoá, giáo dục, chính trị, nghệ thuật, văn chương,.....

Trong tinh nghĩa yêu thương đoàn kết, chúng ta đã siết chặt tay nhau cùng sinh hoạt để tìm lại những kỷ niệm thân thương ngày cũ, bảo vệ phát huy những nét hay đẹp của Văn Hoá Việt Nam, giáo dục rèn luyện con cháu chúng ta, hậu thế hệ trẻ mai sau trưởng thành hữu dụng, hữu ích cho xã hội cộng đồng.

35 mùa Xuân, thời gian dài của đời người

Hội Ái Hữu Biên Hoà của chúng ta, cách nay 11 năm chỉ một nhóm người yêu Hoa Bưởi tìm đến với nhau, ngày nay Hội đã có hơn 800 hội viên Đồng Hương và Thân Hữu Biên Hoà, sinh hoạt gắn bó với nhau trên cơ sở pháp lý một Hội Đoàn bất vụ lợi. Thoạt đầu, Hội đã tổ chức những chuyến đi thăm viếng kết hợp các đồng hương ở các quận hạt thành phố và các tiểu bang lân cận; tháng 5, 2009 “*Hoa Bưởi Vượt Đại Dương*” chuyến thăm đồng hương ở Âu Châu vô cùng nồng hậu, thăm thiết tại Pháp, Anh, Thụy Sĩ; tháng 8, 2009 phái đoàn “*Hương Bưởi Lan Xa*” rầm rộ về Virginia, Maryland, Washington, D.C., Thủ Đô Hoa Kỳ.

Song song với những thăm viếng tấp nập ồn ào, Hội phát hành Bảng Tin Hằng Tháng gửi đến hội viên đều đặn hơn 6 năm qua. Một web site: www.hoiaihuubienhoa.org để Quý Vị vào đọc những bài văn, thơ, cũng như nghe nhạc... cập nhật mỗi định kỳ. Hội đã tổ chức 8 lần ngày Lễ Vía Đức Thượng Đẳng Trần Thượng Xuyên hằng năm để đồng hương nhớ đến công đức tiền nhân đã bồi đắp quê hương xứ Bưởi. Từ năm 2007 đến nay, mỗi năm Hội đã ấn hành Đặc San Xuân Biên Hoà gồm những bài viết giá trị của nhiều tác giả nổi tiếng, với hình thức trình bày in đẹp, để đồng hương và thân hữu thường thức khi đón xuân về.

Ngày Mồng Một Tết Canh Dần năm nay rơi đúng vào ngày Chúa Nhật 14-02-2010, ngày Lễ Tình Yêu (Valentine) tại Hoa Kỳ. Đông phương và Tây phương đã gặp nhau. Chúng ta hân hoan đón mừng ngày đầu năm Canh Dần: ngày đầu mùa Xuân mới mở ra vận hội mới hanh thông, kinh tế hoàn cầu bắt đầu phục hồi khởi sắc; ngày tràn ngập tình thương yêu của mọi người; và là ngày muôn triệu trái tim cùng rạo rục mừng Xuân yêu thương, Xuân hy vọng, Xuân thịnh vượng, Hoa Bưởi dâng hương thơm ngát Xuân đời.

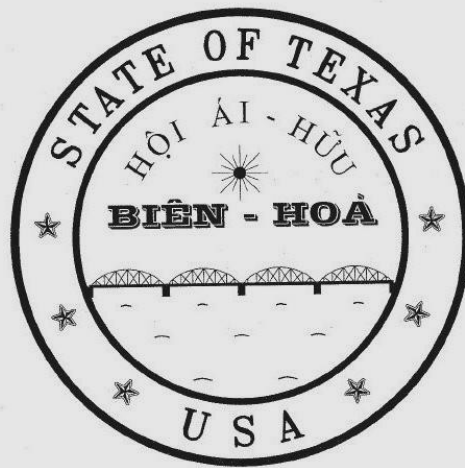
Trong bầu không khí thiêng liêng, nhìn lại 35 mùa Xuân đã trôi qua, tôi xin được thay mặt Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Biên Hoà trân trọng cảm ơn và kêu gọi sự tiếp tục đóng góp xây dựng từ tinh thần đến tài chánh của tất cả Quý Vị để chúng ta có phương tiện hoạt động hữu hiệu tốt đẹp hơn. Những tấm lòng vàng đầy trân quý này sẽ giúp Hội vững bước mạnh tiến trên con đường phục vụ con dân miền xứ Bưởi.

Với tinh thần hy sinh cao cả mong bảo tồn và phát huy văn hoá, chúng ta sẽ giúp thế hệ con cháu Việt Nam, nói chung, Biên Hoà nói riêng, có được một tương lai rạng rỡ, một ngày một đoàn kết thương yêu nhau hơn, hầu góp phần dựng xây Việt Nam, một quốc gia: ***an bình, tự do, dân chủ và nhân quyền.***

Kính chúc một năm Canh Dần thành công như ý.

Trân trọng.

Hội Trưởng Lâm Sĩ Đắt



Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 2007-2010

Cố Vấn: Ông Lê Văn Năm, Ông Lê Văn Trường

Hội Trưởng: Ông Lâm Sĩ Đắt
Phó Hội Trưởng Nội Vụ: Ông Ngô Khương An
Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ: Ông Kevin Đức Nguyễn
Thư Ký: Cô Đỗ Thị Minh Tâm
Thủ Quỹ: Cậu Bùi Anh Tuấn

Trưởng Ban Lễ Vía Đức Thượng Đẳng Trần Thượng Xuyên: Ông Từ Phước Hạnh
Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội Tân Niên: Ông Nguyễn Văn Ngàn
Liên Lạc và Thông Tin: Cô Giãn Lệ Vân

Ban Biên Tập Đặc San Hội Ái Hữu Biên Hoà, Xuân Canh Dần 2010

Hội Trưởng Lâm Sĩ Đắt - Tiến Sĩ Huy Lực Bùi Tiên Khôi - Hoàng Biên - Minh Lương Trương Minh Sung, Táo Bà Thân Ngọc Mai - Cố Vấn Sĩ Bình Nguyễn Lộc - Nguyễn Kim Lộc - Hoàng Anh Tài - Ngọc Tâm Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm - Phan Văn Hùm - Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu - Trần Văn Linh - Yên Tử Cư Sĩ Trần Đại Sỹ - Nguyễn Vĩnh Long Hồ - Nguyễn Nhật Tân, - Thế Nhân - Hoàng Ánh Nguyệt - Vương Hồng Ngọc - Võ Thị Tuyết - Lâm Sông Đồng - Phong Trần - Hàn Thiên Lương Phạm Văn Tốt - Vĩnh Liêm - Đào Văn Bình - Thy Lệ Trang Nguyễn Thị Cúc - Tưởng Dung - Lê Kim Oanh - Nguyễn Văn Tị Nạn - Lam Điền Nguyễn Thử - Nguyễn Hữu Hạnh - Trần Văn Trung - Phóng Viên Võ Triều Sơn - Quảng Thị Y - Nguyễn Văn Lợi - Trường Phan Hồ Thị Đậm - Nguyễn Quỳnh Mai - Nguyễn Thị Khôi Nguyễn & Nhật Nguyễn - N. A. - Châu & Oanh - Giáo Sư Trần-thượng Thủ - Cố Vấn Sĩ Lương Văn Lự - Nguyễn Đình Lang - Trịnh Văn Kiều - Nhạc Sĩ Bằng Giang.

Trình Bày: Thanh Long - Kim Linh - Quỳnh Như - John T - John Chinese.

Biên Soạn: Tam Tê - Huy Lực - Lâm Sông Đồng - Hoàng Biên - Hương Âm - Quỳnh Như - Huỳnh Đào Nguyễn - Lê Kim Oanh.

Ý nghĩa hình bìa trước: Đông Thành Tây Tự: Năm mới vạn sự thành đạt như ước đoán. Từ những chôn xưa của vùng đất địa linh nhân kiệt, con dân Biên Hoà đã hội tụ, nối kết, thắt chặt nghĩa tình đồng hương nơi xứ người và cùng chung lo bảo lưu, phát triển văn hoá tỉnh nhà.

Hình bìa sau: Bức tranh Thư Pháp Mừng Xuân Canh Dần của Nữ Hoạ Sĩ Phạm Thị Hương (Úc Châu) kính tặng Hội.

Câu đối mừng Xuân Canh Dần 2010

*Trời Tết quê hương, Kỷ Sửu ra đi
dân tộc mừng tự do dân chủ.*

*Đất Xuân hải ngoại, Canh Dần tiến đến
cộng đồng chúc no ấm nhân quyền..*

Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.
Houston's Poet Laureate
(Thi Sĩ Công Huân Danh Dự Thành Phố Houston)

壽 星 伏 虎



Năm Mới Kính Chúc Quý Đồng Hương và Thân Hữu Biên Hoà

Công Thành Danh Toại – Phú Quý Toàn Gia – Bách Niên Giai Lão



**Chúc Mừng Năm Mới Canh Dần
2010**

Mừng đón Tết về hạnh phúc thay
Xuân này vạn lộc...vạn hội may
Canh tân đất nước...quốc gia thịnh
Dần dóc cầm tinh...niên khoá này
Vạn triệu người dân...niềm hoan hỉ
Sự lành sẽ đến...Tự Do lai
Hạnh phùng ngộ nhập...trời Âu Á
Thông thoáng sum vầy...cõi Đông Tây

Hoàng Biên

(Bình Trước, Biên Hoà, Việt Nam)

CHÚC XUÂN

*Kính chúc bách niên quý cụ già
Hưởng Xuân mạnh khoẻ với thông gia
Vui cùng con cháu mừng Xuân mới
An lạc thân tâm, hưởng đức nhà.*

*Kính chúc đồng hương ở Biên Hoà
Tha hương lạc nghiệp ở phương xa
An lành, hạnh phúc nhiều may mắn
Thương nhớ quê nhà thật thiết tha.*

*Kính chúc mừng Xuân đến mọi người
Gia đình êm ấm mãi vui tươi
Phát tài may mắn tròn năm mới
Vạn sự bình an hưởng phúc Trời.*

*Kính chúc Xuân vui đến mọi nhà
An cư lạc nghiệp đẹp vườn hoa
Tân gia hạnh phúc tình nông thắm
Tân lộc tấn tài mãi với ta.*

*Kính chúc thân nhân bạn hữu mình
An lành, hạnh phúc, ánh bình minh
Công thành danh toại do tranh đấu
Cảm tạ quý nhân thật thắm tình.*

*Mến chúc tuổi Xuân hưởng lộc đời
Quyết tâm đỗ đạt ở nơi nơi
Thành công rạng rỡ mùa Xuân mới
Viễn ảnh tương lai mãi sáng ngời.*

*Thân chúc an vui hưởng Tết mình
Nhân lành quả tốt, hợp duyên xinh
Đức tài may mắn nên duyên phận
Hiếu hạnh trung trinh đẹp nghĩa tình.*

Minh Lương Trương Minh Sung
(Elk Grove, California. USA)





Ngày tháng dân qua
 Nó nức gần xa
 Chờ tới hăm ba
 Nhà nhà tiễn Táo
 Về cáo Thiên Đình
 Tình hình trần thế

Nay Táo Biên Hoà
 Texas, Houston
 Đông cho thiệt lạ
 Kể chuyện dương gian
 Cùng với Ngọc Hoàng
 Mong Ngài xét duyệt
 Rồi thưởng công đầu
 Cho hội đồng hương
 Biên Hòa xứ Bưởi
 Nay biết... ăn chơi (!?)

Lạy Trời: Là thiệt,
 Ngài biết hay không
 Trong năm 09
 Bà con sủng sính
 Diệt thiệt là xinh
 Tang tình vượt biển
 Đến Quận 13
 Paris, Âu Châu
 Bắc một nhịp cầu
 Đã lâu xa cách
 Nhắc chuyện đã qua
 Mà rung rung lệ
 Nhớ quê, nhớ bạn
 Nhớ sang hàng xóm
 Cô nàng móm móm...
 ... Ý, Thần đi lạc!
 Trở lại trời Âu
 Tàu cùng Thượng Đế
 Bác Phan Kiêu Dương,
 Anh Phước, anh Trung
 Cùng Hoàng Anh Tài
 Chị Xuyên... nhớ ngày
 Tung bùng hậu đãi
 Mãi mãi nhớ thương
 Chị Hương Thụy Sĩ
 Dẫn phái đoàn đi
 Ghi công cao cả
 Có Ba Biên Hoà

Một nhà gặp gỡ
 Ở cạnh sông Sein,
 Ven hông thánh đường...
 Cung vương thăm viếng
 Nổi tiếng Eiffel
 Ánh đèn Monmartre
 Đi lạc điện Louvre
 Nhiều khu xa lạ
 Không dám la cà
 Gần xa ngắm cảnh
 Rồi lại sang Anh
 Thăm thầy Khánh Thành
 Người làm rạng danh
 Nhân tài xứ Bưởi
 Trên dưới trong ngoài
 Ai ai cũng biết
 Nghị Viên gốc Việt
 An Việt tương thân
 Giúp đỡ di dân
 An cư lạc nghiệp
 Thầy thiết nhiệt tình
 Hết mình đưa đón
 Còn dẫn đi viếng
 Thăm Điện Nữ Hoàng...
 Vì ít thời gian
 Đành phải dứt ngang
 Hẹn sang năm tới
 Trở lại thăm nhau
 Giờ phải mau mau
 “Go home” kéo trễ
 Để mà cho kịp
 Sang Virginia
 Tham gia đại hội

Chị Ba Thạnh Hội
 Vội vàng huy động
 Hết các đồng hương
 Thân thương tiếp đón
 Phái đoàn phương xa
 Ông Bà Lai Kim
 Trái tim xứ Bưởi
 Đãi người Biên Hoà
 Nhà hàng “Bốn Chị”
 Nhất nhì nổi tiếng
 Riêng khắp thủ đô
 Thiên hạ trăm trò
 Ô hô! Ngon tuyệt!
 Thiệt là cảm động
 Bác Sĩ Sơ Đông,
 Vợ chồng Nguyễn Đạo,
 Thầy Đức Minh Trần
 Ân cần, chu đáo
 Ai nấy bảo nhau
 Năm sau... ghé nữa!

Ở có vài bữa
 Nên phải mau mau
 Cùng nhau đi viếng
 Điện Ngài Lincoln,
 Tháp Washington
 Ghé tượng Nữ Thần
 Rồi phân cò bạc
 Atlantic City
 Ghé đến làm chi
 Tiền đi mặt méo
 Quẹo Maryland
 Ăn uống uống
 Rồi xuống nhà thờ
 Ghé nơi Phật tự
 Một nhừ thạch động
 Trông đá biển thiên
 Về, đi... nghiêng nghiêng!!!

Thần quên chưa kể
 Về Lễ Vía Thần
 Đức Trần Thượng Xuyên
 Hằng niên vẫn cúng
 Lại nhúng tay vào
 Báo Xuân báo tháng
 Đắc San Canh Dân
 Ai nấy bản thân
 Tương đã hết gân
 Vậy mà tay chân
 Vẫn còn ngứa ngứa
 Hẹn ngày tái ngộ
 Sang năm sẽ qua
 La cà ở Ý
 Rồi Bỉ, rồi Anh
 Quanh qua bên Đức
 Xem bức tường thành
 Ô nhục Bá Linh.
 Nghĩ mà giựt mình
 Túi tiền thành lình
 Hình như teo tóp...

Thần đã ký cóp
 Góp chuyện gần xa
 Chuyện nước, chuyện nhà
 Để mà báo cáo
 Sau trước tỏ tường
 Mong Ngọc Hoàng thương
 Xin Ngài tưởng thưởng
 Cho hội đồng hương
 Luôn thường phát triển
 Dân mình vinh hiển
 Tên tuổi Biên Hoà
 Hương bưởi lan xa...

Táo Bà Thân Ngọc Mai
 Kính Bài



SĂN CỌP ĐỒNG NAI

Bình Nguyễn Lộc

(Tô Hoà Dương, San Jose, California, USA)

Trung tâm săn cọp ở Miền Nam Việt Nam là Ban Mê Thuột chứ không phải là ở vùng Đồng Nai. Nhưng người Pháp thường biến trung tâm Ban Mê Thuột thành một kỹ nghệ lớn, dành thu hút đô la Mỹ, người mình không thể chen vào đó được nên xin không nói đến.

Và lại cái kỹ nghệ nói trên chỉ có nhà tổ chức CAFFORT là được hưởng, còn kỹ nghệ ở Đồng Nai thì chính các thợ săn được hưởng, nên mang tính cách khác Ban Mê Thuột và đáng nói đến hơn. Hẳn bạn đọc sẽ hỏi thợ săn mà được hưởng cái gì? Ai thèm ăn thịt cọp? Người Mỹ, người Anh săn cọp ở Ban Mê Thuột trước năm 1945 là những tay triệu phú. Họ đến đó để tìm cảm giác mạnh, chỉ có thể thôi. Họ không thèm hưởng gì hết, ngoài những cảm giác đứng tim đó; ngoài ra, họ cũng chẳng biết cách hưởng thành quả của các cuộc săn bắn. Tuy nhiên, tôi cũng sẽ dành cho Ban Mê Thuột vài trang ở cuối bài.

Dưới thời Pháp thuộc, thợ săn cọp ở vùng Đồng Nai có đến 95% là người Pháp lai. Pháp thật không săn cọp. Còn lại người mình và một gia đình Phi Luật Tân có Pháp tịch mà gia đình tôi quen biết đã từ lâu đời. Đó là gia đình của Ông Marôcô. Ông này là hậu duệ của một anh lính đỏ đen cùi bắp, người Phi Luật Tân. Thuở Pháp đánh Nam Kỳ có nhờ sức của một số lính Phi Luật Tân do Tây Ban Nha cho mượn (thuở đó Phi Luật Tân là thuộc địa của Tây Ban Nha).

Chiếm xong Miền Nam rồi thì Pháp cho bọn lính đánh thuê này về nước. Nhưng một số nhỏ xin ở lại và được Pháp chấp thuận. Họ ở lại và sinh sống bằng ba nghề. Nghề thứ nhất là đa số xin làm cảnh sát cho Pháp. Thuở đó, dân ta gọi cảnh sát là lính “*mã tà*” vì trong ngôn ngữ của ba nước Phi Luật Tân, Indonésia và Malaysia cảnh sát được gọi là “*mata, mata*”. Danh từ Mã Lai này, nguyên xưa kia, có nghĩa là chiến sĩ, đồng với danh từ “*Samourai*” của Nhật, với danh từ “*lính tráng*” của ta, với danh từ “*tia hiên*” của Campuchia, với danh từ “*bạc liêu*” của Phù Nam. Nghề thứ nhì của họ là đánh loại xe du lịch mà Pháp gọi là *Calèche* do hai ngựa kéo. Đó là xe du lịch sang trọng nhất ở Sài Gòn ngày xưa, thuở chưa có ô-tô. Sau cùng, nghề săn cọp thì có một gia đình độc nhất làm mà thôi: gia đình Marôcô.

Tại sao Tây lai lại làm nghề đó? Vì săn cọp phải sắm súng trận, mà sắm trận thì người mình không được sắm, trừ vài trường hợp ngoại lệ. Tây lai thuở đó phần đông là con vô thừa nhận, chỉ học chương trình tiểu học của Pháp rồi thôi, chẳng xin được chỗ làm nào hết, trừ nghề cảnh sát, mà nghề cảnh sát đâu phải là nghề ung dung, thông thả. Nghề săn cọp, họ nằm không họ chơi, mỗi tháng hạ được một con cọp là đủ sống cả năm một cách phong lưu.

TÂY LAI KẾT BẠN VÀ VỮ TRANG

Người lai nào cũng khôn vặt cả, không riêng gì Tây lai, nhưng Tây lai lại có vẻ khôn vặt nhất trong các thứ người lai. Muốn săn cọp thì phải vào rừng sâu. Muốn vào rừng sâu, không thể xuất phát từ Sài Gòn mà tới nơi được, vậy họ phải lập tiền đồn ở các chợ huyện. Phải là ở các chợ, chứ ở làng họ không thành công đâu. Nông dân không thích chơi với Tây lai, Tây lai cũng không thích chơi với nông dân.

Chỉ có bọn con trai ăn không ngồi rồi ở các chợ xa mới ham bắt quàng làm họ với Tây lai. Họ tới một chợ nào đó, vào hiệu cà phê các-chú từ sáng đến trưa là đã có bạn rồi, nhứt là nếu ở các chợ cũng có phòng cho thuê bàn bi-da hoặc bàn ping-pong thì rất tốt. Ở Sài Gòn, họ cũng chỉ ăn no rồi đi thọc bi da với đánh ping-pong nên họ chơi khá giỏi, vào chợ quê thì họ nhứt rồi vậy.

Tôi chỉ hạn chế địa bàn quan sát trong tỉnh tôi thôi, là tỉnh Biên Hoà, không nói đến ba tỉnh khác là Tây Ninh, Thủ Dầu Một và Bà Rịa. Và lại, chỉ có Biên Hoà mới có nhiều chợ. Bốn tiền đồn xuất quân trong tỉnh này là: tiền đồn lớn nhất là Tân Uyên, chợ huyện lớn nhất trong tỉnh, tiền đồn thứ hai là Long Thành, chợ huyện lớn nhì trong tỉnh. Hai tiền đồn khác không phải là chợ huyện mà chỉ là chợ làng giàu, là tiền đồn thứ ba và thứ tư. Đó là chợ Cây Đào và chợ Tân Ba.

Khi một anh Tây lai nào đó đến tiền đồn thì tổ chức ăn uống, nhậu nhẹt vài ba ngày cái đã, có khi chính anh ta đài thọ chi phí, có khi bạn địa phương chung đũa tiền để đài thọ những cuộc vui đó. Nó gần có đủ cả tứ đồ tướng. Ăn nhậu đã đời rồi mới tính chuyện ra quân.

Chỉ có một cây súng trận độc nhất của anh Tây lai thôi. Trai làng mà có súng, loại súng bắn chim cũng không được phép mang theo vì vô ích, lại có thể gây tai nạn. Anh thợ săn lại được võ trang bằng một món thứ nhì nữa là một cây đèn đặc biệt vì phải săn ban đêm, và người mình gọi lối săn đó là “săn đọi đèn”.

Cây đèn này khá giống như cây đèn xe đạp mà người thợ săn cột vào giữa trán của anh ta, chớ không phải đội trên đầu. Đèn được thắp bằng hơi của đá đèn. Đá đèn này đựng trong một bình nhỏ giống như bình đựng nước của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Bình chia làm hai ngăn; ngăn trên chứa nước, ngăn dưới chứa khí đá. Nước nhiều từng giọt xuống khí đá, khí đá lên hơi, hơi được đưa lên đèn bằng một ống cao su nhỏ. Loại đèn này ánh sáng đi xa thua cả loại đèn-pin lớn ba pin, nhưng vẫn vừa đủ để cho họ thấy cạp. Dùng đèn pin bất tiện hơn vì một tay phải cầm đèn, hoá ra thiếu một tay để mà bắn.

Đó là chưa kể một vài con dao trong đó có một con dao đặc biệt, để làm gì rồi ta sẽ thấy, một cái cuốc mà là chưa vội biết công dụng, vài loại soong (saucepan), chảo, rượu đế, mỡ, hành tây, muối.

Bạn của thợ săn đã thuê cho anh ta một chiếc xe bò rồi, và họ lên đường lối bốn giờ chiều, sau khi ăn cơm rất sớm. Những người bạn này, thường thì không đi theo xe, vì vào rừng rồi thì cấm nói chuyện, cấm nô đùa, la lối, họ buồn, họ chẳng muốn đi theo làm gì. Tuy nhiên, thợ săn vẫn nài nỉ một người theo anh ta và có thù lao cho người này. Họ đi như thế suốt bảy tám tiếng đồng hồ trên đường mòn xuyên rừng và đến nơi là đã mười một giờ đêm rồi.

TRƯỜNG SĂN

Nơi đó là ở đâu? Là ở một cái trảng đôi khi do người chủ xe bò chỉ định, chớ không phải là thợ săn, vì các chủ xe bò chuyên đi rừng, thạo rừng hơn cả thợ săn nữa.

Cái trảng tiếng Anh nói là “savanna”. Đó là danh từ mà miền Nam vay mượn của dân Phù Nam, chớ miền Bắc tuy cũng có cái trảng, nhất là ở Trung Du, nhưng không có danh từ để trỏ nó, hoặc là có mà tôi không biết. Nguồn gốc cái trảng là đây: *Có dân ở địa phương đó làm hoả canh, họ đốt rừng trồng trọt. Trồng được ba năm, đất hết màu mỡ, mà họ thì không biết bón phân nên họ bỏ đất, đi đốt rừng nơi khác. Đất bỏ hoang một năm là tranh mọc đầy lên đó, mà hệ tranh mọc rồi thì chẳng có cây gì mọc được nữa hết, vì rễ tranh rậm rì, chẳng chịt, choán hết đất, rễ của các cây khác không tìm được thức ăn.*

Tranh là món ăn thích khẩu của nai. Tôi lại, nai từ rừng sâu đồ ra các trảng để ăn tranh. Trong khi đó thì nai lại là món ăn thích khẩu của cạp. Vậy muốn săn cạp, phải đến trảng. Cạp rình nai ở trảng, thì thợ săn cũng rình cạp ở trảng.



Nhưng không phải chỉ gián dị có thể đâu. Cạp rất thính hơi và nó biết hơi nào là hơi voi, hơi gấu, hơi nai và hơi người. Vậy thợ săn phải tìm cách ở dưới gió (sous le vent) so với vị trí của cạp.

Thí dụ nai ăn cỏ ở hướng Đông, cạp rình ngay ở hướng Đông. Nếu gặp gió hướng Tây mà thợ săn cũng rình ở hướng Tây là hỏng, vì gió hướng Tây sẽ đưa hơi của con người sang hướng Đông, báo động cho cạp biết. Người thợ săn không được phép là tay săn tập sự. Đền của y chiếu vào mắt thú (thú rình nào cũng ưa nhìn đèn). Mà mắt nai không khác mắt cạp đáng kể, người thường không phân biệt được đâu. nếu bắn phải một con nai, thì cạp đồng mất hết vì tiếng súng xua đuổi chúng nó. Một con nai bán chẳng được bao nhiêu tiền.

Xin nói tắt để quý vị độc giả đỡ ngáp. Thí dụ đêm đó anh thợ săn X hạ được một con cạp. Công việc đầu tiên của anh ta là đánh diêm lên để đốt râu cạp. Anh ta đốt, tin lời của bạn anh ta, vốn cũng đốt, nên mới làm cái công việc đó. Họ tin rằng khi ta xẻ một măng non, ta nhét một sợi râu cạp vào đó thì đến khi măng già, râu cạp sẽ hóa thành một thứ sâu lạ. Phân của loại sâu này là một loại thuốc độc mạnh nhưt thể giới, chỉ cần vài hạt bụi phân trong rượu là đủ giết chết ngay tức khắc một người to lớn. Thợ săn không nên cho râu cạp lọt vào tay ai hết, để tránh tội ác.

Xong đâu đó, thợ săn dùng con dao đặc biệt được nói đến khi nãy để lột da cạp. Phải có học thì mới lột được da trâu, da bò, da cạp. Vụng tay làm rách da thì bán chẳng ai mua đâu.

Bộ da cạp này hôm sau sẽ được đưa về Sài Gòn bán cho một vài nhà chuyên môn, chuyên dòn chất độn vào da cạp để dựng lại một con cạp giống hệt con sống, bán cho nhà giàu họ mua để trang trí nhà cửa. Bán một con cạp như thế, trừ thù lao cho chuyên viên, cũng còn đủ sống phong lưu trong hai ba tháng theo đời sống Tây lai.

Nhưng thợ săn không ham lắm, vì bán món khác giúp sống được một năm. Thế nên, công việc thứ nhì của họ là đào huyệt để chôn xác cạp. Họ vùi nong một năm, nhưng không có hoa như người khách viễn phương đã vùi Đạm Tiên đâu. Xác cạp bị chôn rất cạn, nhưng được phủ bằng những cành cây có gai, được đánh dấu nơi chôn rất cẩn thận. Ba tháng sau, họ trở lại đó đào đất lên họ có được một bộ xương cạp nguyên vẹn. Xương cạp nguyên vẹn bán được tiền hơn là những bộ xương không, đủ cả các loại xương. Người Tàu Chợ Lớn họ mua xương cạp với giá cao, chở về bán bên Tàu để Tàu chế ra hai thứ thuốc: “cao hổ cốt” và thuốc bột “hổ đầu”. Thuốc hay hay dở thì không biết, anh thợ săn cũng cóc cần biết, hễ người Tàu còn mua thì họ còn săn.

Có ai hỏi tại sao mới có ba tháng mà một cái xác sinh vật to lớn như thế đủ thì giờ để biến thành một bộ xương thật sạch, dùng được ngay, thì xin giải đáp thắc mắc như sau:

Trong rừng sâu có một loài sâu bọ, không biết tiếng Việt gọi ra sao vì không nghe ai điếm danh loài sâu bọ này hết, còn tiếng Pháp gọi nó là con “*charogne*”. Pháp lại gọi con *charogne* là “*sở vệ sinh của rừng rú*”, vì chính chúng nó ăn sạch bách muôn vạn xác thú, xác chim trong rừng giúp cho rừng khỏi hôi thúi. Ấy đấy, xác cạp bị chôn cạn, vùi nong một năm là nhằm mục đích giúp cho loài *charogne* dễ tìm ra xác. Đó là mẹo của người mình họ cố vấn cho các tay thợ săn Tây lai, chớ các anh Tây lai chỉ học tiểu học thôi, chẳng có đọc sách Pháp bao giờ hết để mà biết con *charogne*. Và cái cuộc được ám chỉ đến khi nãy là để đào lỗ chôn xác cạp. Còn người bạn có hường thù lao là một tay khiêng xác cạp vứt vào lỗ, vì anh Tây lai và anh đánh xe bò không chắc mình khiêng nổi những con cạp to. Ba người thì chắc ăn hơn.

Nãy giờ cô nói tắt tất cả mọi việc để bạn đọc đỡ ngáp, chứ thật sự thì mọi việc xảy ra không giản dị như thế, nếu quá dễ ăn, thì ai cũng làm thợ săn cạp hết, và các tay thợ săn đều trở thành triệu phú hết tron, nhà băng nào đủ chỗ chứa bạc của họ!

Không dễ ăn vì thợ săn đâu có đủ tài để hễ bắn là trúng đích. Bắn hụt là sự thường xảy ra, và bắn đúng mà cạp không chết cũng rất thường xảy ra. Nếu bắn hụt thì cạp đồng mất, chẳng có gì đáng lo. Nhưng cạp bị thương thì rất dễ sợ. Bị thương quá nặng, chúng sẽ chạy trốn, mà ta thì không dám theo dấu, vậy là lỗ một viên đạn súng săn, lỗ tiền mua khí đá đèn, lỗ tiền thuê xe bò. Nhưng rủi ro cạp chỉ bị thương nhẹ thôi thì chắc chắn là chúng nó sẽ tấn công địch thủ.

Thế nên thợ săn cạp, bọn đi theo thợ săn để chơi và cả anh đánh xe bò đều phải thạo cách tránh né cạp, chớ đừng hòng chống lại nó. Cạp rất mạnh, một mình nó, nó đủ sức kéo xác một con bò đi xa năm, bảy cây số. Mà cũng đừng mong leo cây. Không đủ thì giờ để leo cây đâu. Họ chỉ còn một cách độc nhưt là phân tán mông, nhảy lui, rồi núp sau một cỏ thụ. Cạp chỉ nhảy đến vô ta, vô hụt thì nó phải chuẩn bị cái nhảy thứ nhì, trong khi đó ta đủ thì giờ để đổi chỗ, núp sang cây khác, vô hiệu hoá sự chuẩn bị của nó. Nhảy lui cũng phải chuẩn bị trước khi bắn, vì nếu là đứng trước một bụi cây lớn, một bụi cây nhỏ mà nhiều gai, ta cũng không nhảy lui được. Tất cả mọi người trong đám săn đều phải lo đường rút lui trước khi bắn.

Có ai dám theo dấu cạp bị thương chẳng? Có, mặc dù rất nguy hiểm. Người Thượng can đảm hơn là về vụ này. Trong mười thợ săn ta, có thể chỉ có một hoặc hai người dám theo, còn người Thượng thì anh nào cũng dám cả, mặc dầu các anh chỉ có nỏ trong tay.

GỠ VÓN

Nếu không được cạp thợ săn sẽ về tay không chẳng? Không, họ bắn nai để gỡ vón. Nai, khi chúng nghe tiếng súng, chúng cũng chạy, nhưng chúng lại nghe cạp vừa rỗng cà-um, cà-um vừa khua lá chạy như giông, nên chúng hiểu ra sự thật, an lòng trở lại nơi đó ngay, hầu xơi cỏ.



Thợ săn cạp mà bắn nai thì bá phát bá trúng. Họ thường bắn hụt cạp vì có can đảm bao nhiêu, đến phút chót họ cũng có run tay tí tí, nên bắn trật. Bắn nai hiền lành, tay của họ rất vững. Hoá ra thường thì non hai tháng họ mới hạ được một con cạp, còn thì chiến lợi phẩm của thợ săn cạp lại là thịt nai, họ sẽ chở về chợ huyện để bán cho các hàng thịt bò, thịt lợn, kiếm tiền còm đủ ăn nhậu thêm nữa.

Nhưng thật ra thì họ ăn nhậu trước, ngay tại chỗ, vì thế mà trên kia tôi mới ám chỉ đến vài món hơi kỳ khôi mà họ mang theo như soong, chảo, mỡ hành tây và các con dao thường không phải dao đặc biệt dùng lột da cạp. Thịt nai bán ở các chợ dờ hơn thịt bò, chỉ được cái là rất mềm mà thôi. Nhưng thịt nai ăn ngay sau khi nai chết đạn thì tuyệt diệu. Các tay thợ săn Tây lai này cũng biết làm món “*nồi da xào thịt*” do người Thượng, dân Mạ dạy cho dân ta ở vùng Đồng Nai và ta dạy lại cho Tây lai.

Lột một tấm da nai to chừng bằng bốn chiếc khăn mù-xoa. Đóng bốn cây cọc ngắn xuống đất. Căng tấm da nai lên bốn ông Táo gỗ đó. Lúc vừa căng thì da nai thẳng tuột, nhưng hai phút sau da nai oằn xuống như lòng chảo. Bầm thịt nai với củ hành tây, chẻ mỡ vào chảo da, rồi bỏ thịt bầm vào đó. Nhúm lửa lên dưới cái chảo da nai ấy, rồi ngồi đó thưởng thức mùi thơm của nó, e rằng chai rượu đế sẽ cạn trước khi thịt chín.

Một con nai bán được ít tiền hơn một con bò và nhiều tiền hơn một con heo. Nhưng thợ săn vẫn làm giàu được trong việc săn nai, nếu gặp mùa. Mùa đó là mùa Xuân, mà một số nai già rụng sừng và mọc sừng khác. Cái sừng non đó người Tàu gọi là lộc nhung, có nghĩa là sừng non của nai, tôi gọi tắt là nhung, trong những loại thuốc mang tên là “*sâm nhung bổ thận hoàn*”. Sừng nai non bán cao giá lắm đấy nhé bà con ơi, vì được khoe là người Tàu quý nó lắm. Khoa học cũng đã nhìn nhận rằng lộc nhung rất bổ.

Cái món lợi sau đây, ít hơn, và người mình không nở tìm nhưng Tây lai đủ can đảm tìm: Bắn hạ những con nai cái đang có thai, mổ bụng nó ra để lấy cái bào thai nai, đem về bán cũng được khá tiền.

Người Việt miền Nam gọi cái bào thai bằng danh từ vay mượn của dân tộc Phù Nam là danh từ “*hàn nàm*”. Nhà giàu Việt Nam rất quý hàn nàm nai. Họ ngâm nó vào rượu rồi uống rượu đó. Đại bổ. Đại bổ. Các bạn không nghe nói các lãnh tụ cộng sản Hà Nội ăn bào thai của con người hay sao? Rượu hàn nàm là rượu quý vô song!

Cái món lợi thứ ba, chỉ nhỏ thôi, và người mình cũng không nở tìm, nhưng Tây lai cứ dám tìm như thường: hạ những con nai mẹ đang nuôi con bé dại. Đôi vú nai căng sữa, thơm vô số kể, vừa thơm, vừa dòn, vừa bùi, chiên mỡ rồi thưởng thức thì có thể làm cạn queo ba, bốn lít rượu đế.

SĂN CẠP GIỮA ĐƯỜNG

Đôi khi chưa tới trăng tranh, đã gặp cạp rồi. ta chẳng cần rình mò gì hết, hễ đến gần cạp là ta biết ngay. Mùi khét của cạp toả ra rất rộng. Bằng như mũi của ta quá kém thì bò sẽ báo động cho ta, vì bò thính hơi cạp hơn ta, hễ đánh hơi được cạp là nó sợ, nhất định không kéo xe đi tới nữa, đánh nó bao nhiêu nó cũng

sẽ bắt kẻ. Bằng như nếu bò cũng mắc chướng nghệt mũi như con người thì sẽ có một thứ tình báo khác thông tin cho thợ săn biết rằng quanh họ đang có cọp đi chơi đêm. Có một loài chim mà người mình gọi là chim *Từ Quy*. Nó chỉ là con chim đỗ quỳên chứ chẳng có gì lạ. Người thợ dân miền Nam gọi đùa chim từ quy là chim “*xia răng cọp*”. Nó đi theo cọp suốt ngày đêm, đợi khi cọp nằm nghỉ, há miệng ra để nó ăn thịt thúi ở các kẽ răng cọp. Cọp rất khoái chim từ quy, vì thuê chuyên viên xia răng khỏi tốn tiền mà!. Hễ vào đâu mà nghe đỗ quỳên kêu thê thảm là chắc chắn gặp “*ông ba mươi*” rồi.

Gặp ông ta, nhưng chưa thấy đâu. Mà cũng đừng thềm tìm mất công, bởi ông ta sẽ tự đến để nộp mình. Thú rừng bất kỳ con nào cũng rất khoái ngắm đèn. Cọp cũng thế, nên ông ta sẽ tìm lại nơi có ánh sáng, tìm cách đứng ngay tia đèn để cho thợ săn dễ ngắm nghía. Rồi thì là “*bùm*”. Một là ông ngủ, hai là tôi bị xoi tái, nhưng tôi có trí khôn, còn ông thì không. Ông cứ thử thoát, có thể bỏ xương bỏ da lại cho tôi, còn tôi thì thường thoát được.

Chim từ quy không phải chỉ kiếm ăn theo cọp, mà kiếm ăn theo sấu nữa. Dưới nắng trưa, sấu thường trườn lên những bãi cát ở bờ sông vắng để phơi nắng, và cũng há miệng ra cho từ quy xia răng. Các thợ săn sấu ở nguồn sông Đồng Nai (toàn thể là Tây thật chứ không phải Tây lai) rất sợ loài chim này, vì chúng thính hơi, nghe được hơi người là chúng báo động cho sấu biết để sấu chú ý xuống nước trốn.



CHẾT TRƯỚC KHI THẤY NAI THẤY CỌP

Ở miền Nam nước Việt, số người mình sắm súng đông hơn hết là trong tỉnh Thủ Dầu Một. Súng mà họ sắm, chỉ là loại súng Flanbert thôi, dùng để bắn chim và bắn ăn cướp. Đạn của loại súng này được gọi là cái bì. Bì được làm bằng giấy bồi khá cứng, to hơn một viên đạn súng săn một tí. Nhà sản xuất cho vào bì phân nửa là thuốc súng, phân nửa còn lại chứa đầy những viên chì nhỏ bằng hạt tiêu. Người mình gọi đó là đạn chì, bắn thì đạn nó tủa ra như là vãi chài, viên đạn này sai thì viên đạn khác nào đó cũng trúng được chim, có khi bắn một phát có thể làm rơi được vài con chim, rất tiện dụng.

Nhưng một số người có sẵn loại súng đó ở Thủ Dầu Một lại chơi một trò rất lạ. Đây là phát huy sáng kiến theo lời cộng sản “*đầy tinh thần sáng tạo*”. Họ đổ hết đạn ra mà vứt đi, đổ cả hai bì súng, đoạn dồn hết thuốc súng vào chung một bì, đoạn chôn vào thuốc súng đó một cây đinh thép thật to, bán trên thị trường thì đinh này dài đúng một tấc bảy, nên họ phải chặt đôi cây đinh ra.

Hoả lực của loại bì “*cải tiến*” này mạnh bằng đạn súng trận, súng săn. Thế rồi họ dùng thứ bì kỳ dị đó để săn cọp và săn nai, bắn cọp và bắn nai chết như chơi, y như là với súng trận.

Chỉ phiền là trong mười người chơi cái trò nguy hiểm đó, có đến bảy tám người bỏ mình. Nòng súng Flanbert vốn yếu, được chế tạo vừa đủ tương xứng với sức mạnh không đáng kể với đạn chì. Khi ta dùng một liều lượng thuốc súng gấp đôi, thì nòng súng không chịu đựng nổi sức nổ mạnh. Vậy là nòng súng bể vỡ, ngay trước mũi của thợ săn, cách mặt họ có năm tấc tây thôi, không vỡ sọ cũng thủng mắt, đàng nào cũng chết. Tuy nói thế chứ nòng súng không vỡ ngay ở phát súng đầu đầu, vì nếu thế, đâu có ai mà dám chơi cái trò dại dột đó.

Nói là nòng súng thép yếu là yếu vậy thôi, chứ đầu sao nó cũng bằng thép. Nó chịu đựng được chỉ vài mươi phát nổ, tức là lúc bắt đầu bắn đến lúc thợ nạn, thợ săn cũng có thể hạ được năm, bảy con nai. Và không phải hễ súng bể vỡ là thợ săn chết, vì có khi nòng súng chỉ bay đi mất thôi, mà thợ săn không bị gì hết ráo, chỉ phải ôm bá súng gõ về nhà, khoe với vợ là cọp nhai nát nòng súng mà anh đây thì nó nhai không nổi!

Nhờ tai nạn chậm xảy ra, nên bác thợ săn liều mạng rằng mình đủ thì giờ bỏ súng cũ kíp lúc, trước khi nòng súng bể, nên mới còn có người chơi trái trù đó mãi cho đến năm 1945 mới thôi.

KỸ NGHỆ BAN MÊ THUẬT

Những tay săn cộp ở Ban Mê Thuột trước năm 1945 (sau 1945 thì chiến tranh trong nước ta đã giết chết kỹ nghệ đó) là triệu phú Hoa Kỳ, Anh, Ý, Đức..v.v...

Người tổ chức là hãng Caffort ở Sài Gòn. Hãng này, bề ngoài chỉ là một căn nhà ở đường Catinat (sau này là đường Tự Do, bây giờ cộng sản đặt tên lại là đường Đồng Khởi). Hiệu buôn nhỏ này chỉ trưng bày vài cây súng lấy lệ thôi, nhưng đó là một tổ chức lớn, vốn rất to.

Một ông triệu phú Hoa Kỳ nào đó, thường chỉ tới một mình, hoặc một hay hai người bạn, có thể là nam, mà cũng có thể là nữ. Nhưng hãng phải có ngay cho họ vài chục cái lều vải, loại lều cắm trại nhưng tuyệt đẹp, hạng sang nhứt thế giới.

Họ đổ tiền ra, muốn bao nhiêu họ cũng ok hết, nhưng họ đòi hỏi rất nhiều. Phải chờ máy phát điện lên Ban Mê Thuột, chờ họ đâu có ưa đèn dầu, và máy đó phải đủ mạnh để chế tạo nước đá. Vậy là phải chờ thêm một máy bào nước đá nhỏ. Phải có cả một nhà bếp giữa rừng với đầy đủ các thứ cần thiết cho việc nấu bếp, với một anh đầu bếp người Tàu Hải Nam, nhóm Tàu này chuyên môn nấu ăn theo lối Pháp và nấu rất ngon. Rồi thì đủ thứ rượu Pháp, nào là Champagne Moet Chandon, nào là rượu nho loại Muscat, nào là các thứ nước suối, nước suối Perrier để pha với rượu mạnh, nước suối Vichy để giải khát, vài thứ nước suối khác cũng của Pháp để trị bệnh gan, bệnh thận ; rồi thì bò, những anh sai vặt, tầm lum ra, Sài Gòn cũng chẳng sánh kịp.

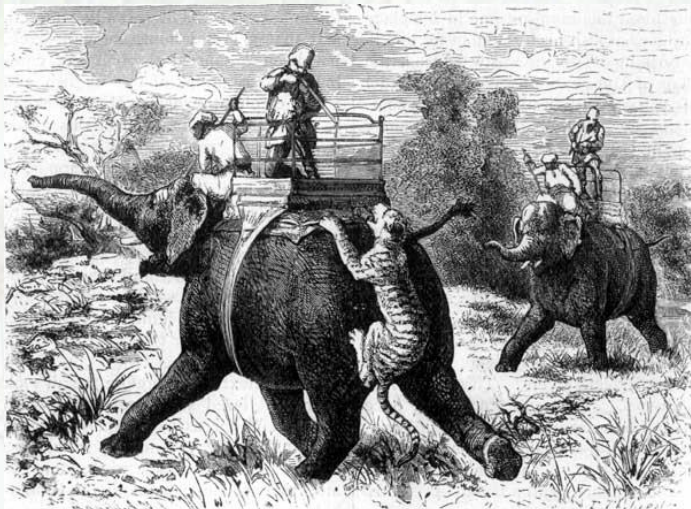
Tốn nhứt là phải trả lương tháng cho hai tay thiện xạ người Pháp (có đạo một người Việt Nam được thủ vai trò đó). Các ông triệu phú vốn bần dờ, nếu để cộp vò các ông thì hãng Caffort sẽ tiêu tủng sự nghiệp. Vậy các ông đi săn được hộ tống cẩn thận như Tổng Tổng Huê Kỳ đi Texas thăm cao bồi chuyên bắn súng đùng đùng.

Hai tay thiện xạ này chẳng những thiện xạ, lại phải là hai nhà tâm lý già rơ. Phải để cho các ông nhà giàu hạ con cộp, các ông mới khoái, mới xia đô la xanh ra, và các thiện xạ viên chỉ được phép bắn trong cái giây cuối cùng khi các ông Huê Kỳ bắn hụt.

Từ cái giây mà các ông nhà giàu bắn hụt đến cái giây mà cộp vò ông nhà giàu, chỉ có một giây mà thôi để cho hai tay thiện xạ đó "*cứu nguy dân tộc*". Một giây thôi. Thật là khó, nhưng phải làm cho được. Hai tay thiện xạ này ăn lương rất to, mà đôi khi cả hai tháng chỉ làm việc có một tuần lễ thôi.

Thỉnh thoảng họ lại tổ chức một lối săn rất ngoạn mục và săn giữa ban ngày. Một đàn voi mười con do người Thượng điều khiển. Khách hàng và bạn hữu của họ ngồi trong một bành voi, rồi mười con voi đó vây quanh một địa điểm mà nhân viên thám hiểm cho biết nơi đó có một gia đình cộp đang ngủ.

Người Thượng vừa đánh phèng la vừa hò hét, vừa khệp chặt vòng vây lần lần, cho đến khi mà vòng vây đó chỉ to bằng một biệt thự thì triệu phú ra tay. Lối săn này chẳng có gì nguy hiểm cả, nhưng lại tốn tiền hơn vì phải thuê mười con voi và ít lắm cũng hai mươi người Thượng.





CHUYỆN KỶ LẠ VỀ CỌP

Nguyễn Kim Lộc

(Chicago, Illinois, USA)

Hồi còn nhỏ tôi rất thích nghe kể về chuyện đường rừng, nhất là chuyện Cọp và khi lên Trung Học, tôi thường tìm đọc những quyển sách viết về chuyện đường rừng như “*Thần Hồ*” trong “*Ai Hát Giữa Rừng Khuya*” hoặc “*Tiếng Gọi Của Rừng Thẳm*” của TCHYA, bút hiệu tắt “*Tôi Chẳng Hề Yêu Ai*” của nhà văn Đái Đức Tuấn và nhiều tác giả khác như “*Ai Lên Phố Cát*” của Lan Khai.....

Đọc chuyện hai vợ chồng Hùng An và Nguyễn Liễu vào núi kiếm củi ở vùng núi Hương Sơn (nơi có ngôi chùa Hương, mà Nguyễn Nhược Pháp có dịp viết bài thơ *Em Đi Chùa Hương*). có đoạn: “...*người vợ bị mãnh hổ công đi mất... Hùng An thương vợ cứ đi kiếm ngày này qua ngày khác..., bỗng một hôm nghe tiếng vợ gọi từ xa... Hùng An nhắm hướng có tiếng gọi để tìm vợ, nhưng không thấy vợ đâu mà chỉ thấy một con cọp cái (tức người đàn bà ấy đã hoá hổ), nói rằng: “ Nhân duyên của thiếp và chàng chỉ chừng đó, thiếp để lại cho chàng một đứa con”* đồng thời trao cho Hùng An một cái bọc- cái bào thai... . *Nói xong, con cọp biến mất. Đứa nhỏ lớn lên, được đặt tên là Hùng Lân, văn võ song toàn. Khi giặc Ân nổi lên quấy phá dân ta, Hùng Lân tham gia chiến đấu và thắng trận. Khi chết được phong làm Phúc Thần của làng”*.

Đọc chuyện *Thần Hồ* - Truyện Kinh Di:

Yêu ma trong tác phẩm của ông là loại ma Trành, hóa thân của những cái chết bất đắc kỳ tử mà xưa dân gian gọi là dớp, dớp nhà, phải tìm mọi cách để tránh lặp lại với người sau. “*Peng Siao, nàng chính là con ma Trành, về sau thoát được cảnh tội tử hầu hạ cho Thần Hồ, do đó đã tìm được người thay thế, người rơi vào cái dớp của kẻ trước. Siao có tiền duyên với Đèo Lâm Khẳng, một người của gia tộc lớn nhất rừng Thạch Thành (Thanh Hoá). Nàng đã quyến rũ được họ Đèo vào ngôi nhà sàn của mình để được ân ái. Cuộc ân ái cuồng si giữa một kẻ là người và một kẻ là ma. Thế là Peng Siao được giải thoát.”* Cái tình của ma mà lại đắm say thắm thiết hơn cả tình người.

Thần trong tác phẩm của ông là Thần Hồ, những con hổ xám, hổ vàng, và hổ bạch đã thành tinh. Lúc là hổ nguyên hình, lúc lại biến thành người. Ai bị hổ ấy ám ảnh, rượt đuổi thì khó bảo toàn được tính mạng. Vì đã xúc phạm, đã tàn hại hổ mà mấy đời nhà Đèo Lâm Khẳng đều có người phải làm mồi cho hổ. Cách trả thù của hổ ứng với cách của người đã làm với hổ. Nghĩa là người nào của nhà họ Đèo đã bị hổ bắt thì cũng bị móc mắt một mắt và bị cắn mất hai hòn ngọc hành để phải tuyệt đường sinh dục, truyền giống. Điều này khiến ta nghĩ đến thuyết quả báo. Hồ là một lực lượng của tự nhiên. Con người đã xúc phạm, đã tàn hại tự nhiên thì sớm muộn chi tự nhiên cũng sẽ trả thù con người....Tôi không hiểu tại sao, lúc nào tôi cũng thích nghe kể chuyện ma, chuyện đường rừng và chuyện trinh thám ly kỳ. Tôi mê lắm, hồi đó, ai kể đến đâu là tôi mêch theo nghe đến đó...

Khoảng năm 1983, trong khi tôi đang “*hành nghề sửa xe đạp*” bên lề đường Phan Châu Trinh, Biên Hoà, tình cờ một người bạn, tên Quới (thuộc lớp tuổi đàn anh của tôi, cựu cầu thủ bóng đá tỉnh Biên Hoà, cũng là một Sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, phục vụ tại Tiểu Khu Buôn Mê Thuật, nổi tiếng về tài thiện xạ, từng đoạt giải Tác Xạ Võ Biên Quân Khu Tư) ghé thăm.... Tôi rất mến mộ tài săn bắn của anh Quới và có nhiều kỷ niệm đối với anh, nhớ nhất là vào năm 1957, đội bóng đá của Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia Việt Nam do ông Đỗ Cao Lụy (thân phụ của cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí) làm Chủ tịch, đi đá giao hữu với đội bóng Buôn Mê Thuật, thời ông Paul Nur làm Tỉnh trưởng.

Sáng sớm hôm sau, trên chuyến xe trở về Biên Hoà, người phụ tài xế xe Liên Hiệp, do anh Ba Bê lái, cho biết có Trung Úy Quới gởi cho anh em cầu thủ Biên Hoà hai con nai để trên mui xe và có tờ giấy nhỏ ghi nguệch ngoạc mấy chữ *“Tôi biếu anh em cầu thủ Biên Hoà hai con nai, vì bận công vụ, tôi không gặp anh em được. Chúc vui vẻ. Ký tên Trung Úy Quới”*.

Đội banh, trên đường về, ghé lại ngã ba Đồng Xoài, giao thịt nai cho quán thịt rừng, biến chế đủ thứ món ăn, cầu thủ ăn no nê, ngon miệng, còn được chút tiền cầm về - Thật là tuyệt- Tình cảm người Biên Hoà dành cho người Biên Hoà... Nhân dịp anh Quới ghé thăm, tôi mời anh đi uống cà phê nơi một cái quán ở vỉa hè, để anh em có dịp hàn huyên tâm sự với nhau về đủ thứ chuyện trên đời, từ dĩ vãng vàng son đến những ngày tan hàng rã ngũ, rồi đi tù cải tạo....Trong dịp này anh Quới thuật cho tôi nghe trường hợp của anh không bị đi cải tạo sau ngày 30-4-1975. Với tài thiện xạ, bách phát bách trúng của anh, được các cơ quan nhà nước Cộng Sản Buôn Mê Thuật, cung chiu và sử dụng anh trong việc đi săn thú rừng cho họ, mỗi khi trong tình có tiệc liên hoan, nhất là những ngày lễ trọng đại của họ.

Năm 1978, trước ngày lễ thành lập Quân Đội Nhân Dân Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (20-12-78), các cơ quan trong tỉnh Buôn Mê Thuật tổ chức đi săn, các đại diện cơ quan trong tỉnh tập trung khoảng 4 giờ chiều, tất cả lên xe vận tải loại nhỏ, loại Dodge 4 của Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà bỏ lại, chạy vào rừng, theo đường xe be (đường do các nhà khai thác lâm sản mở để chuyên chở gỗ súc) dọc theo Quốc Lộ 14....Trời vừa sụp tối, đoàn người đi săn, phát hiện một con cọp đang đứng gần một cây cổ thụ và tất cả mọi người ngồi trên xe đều muốn bắn hạ con cọp này, đồng thời thử tài nghệ của Trung Úy Nguyễn Văn Quới ra sao... riêng Trung Úy Quới tỏ ý không muốn bắn cọp, con thú từng được mệnh danh là *Chúa Tể Sơn Lâm*, nhưng lúc bấy giờ, anh Quới ở trong tình trạng phải làm theo lời yêu cầu hay nói đúng hơn là theo lệnh của cán bộ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Buôn Mê Thuật mà thôi.

Anh rọi đèn thẳng về hướng con cọp đang đứng, đồng thời đưa súng lên nhắm.... một tiếng *“đùng”* viên đạn xuyên qua tam tinh con cọp, mọi người đều chứng kiến cảnh trạng Trung Úy Quới bắn hạ con cọp này. Trung Úy Quới xuống xe và đi từ từ về phía con cọp đang nằm chết, và theo qui luật *“bất thành văn”* của những thợ săn, anh Quới chặt một cành cây gác lên con cọp vừa bị bắn hạ, dấu hiệu báo cho mọi người biết *“con thú này đã có chủ”*, và sau đó, đoàn tiếp tục cuộc đi săn ... kết quả bắn được thêm hai con nai.... Trên đường trở về, đoàn cho xe trở lại vị trí con cọp nằm chết, để chở con cọp về luôn thể.nhưng khi đến nơi thì không thấy con cọp đâu mà chỉ thấy một người Thượng nằm chết đúng vị trí con cọp bị hạ.... Thật là một chuyện lạ lùng, làm nhiều người hoảng sợ....Cán bộ trưởng đoàn bảo tài xế lái xe vào một sóc người Thượng ở gần đó để yêu cầu ông Trưởng Sóc ra nhận diện ...nhưng khi đoàn người trở lại vị trí thì người Thượng nằm chết đã biến mất... Tất cả mọi người đều tỏ rõ sự ngạc nhiên cực độ về sự huyền bí này. Sự việc chỉ có thể.... Nhưng đến sáng hôm sau... tiếng đồn Trung Úy Quới bắn chết người Thượng đã âm vang cả thành phố Buôn Mê Thuật.... Tin đồn này đã khiến cho Trung Úy Quới bối rối, lo âu, sợ có sự trả thù của người Thượng hoặc một sự việc chẳng may xảy đến cho anh, nên anh đã cấp tốc lẩn tránh về Biên Hoà. Anh Quới cho tôi biết, đây là một chuyện lạ, lần đầu tiên anh gặp trong cuộc đời săn bắn của anh, trong mấy chục năm qua, một hiện tượng đầy vẻ huyền bí của rừng xanh. (Trung Úy Nguyễn Văn Quới là em của Đại Úy Quý ngụ tại hẻm 54 đường Trịnh Hoài Đức, Biên Hoà trước kia, anh Quới cũng anh của các anh Vinh (cựu nhon viên Công An Biên Hoà, tự tử chết vào ngày 30-4-1975), anh Hoa, anh Hiếu (thợ đóng giày tiệm Giày Nguyễn Nghĩa trước kia và nhiều cô em gái) đều ngụ tại xóm Cây Chàm, xã Tân Thành, Biên Hoà)

Một thời gian sau đó, trong một buổi tiệc tại nhà anh Mười Lang, chủ quán Thu Hà, nổi tiếng canh chua cá bông lau và cá rô khô tộ, đường Phan Đình Phùng, Biên Hoà, gồm có anh Hai chủ quán cháo lòng Huỳnh Cua, anh Bảy Tiêu, nhà sản xuất Bò Vò Viên, anh Hiếu Nghĩa, chủ nhà may Hiếu Nghĩa, anh Năm Giỏi, làm Bồi Tế Đình Tân Lâm trước 1975 và anh Chín Vạng, quản lý tiệm cầm đồ Huỳnh Phú (Biên Hoà)....nhân dịp này, trong lúc trà dư tửu hậu, tôi đem câu chuyện đi săn của anh Quới nói trên, kể cho anh Mười Lang nghe.... Và nhân đó, anh Mười Lang thuật cho tôi nghe một câu chuyện tương tự *“cọp hoá thành người”* mà chính anh chứng kiến khi anh còn làm nghề khai thác lâm sản tại tỉnh Bình Long, như sau:

“Vào một buổi cuối chiều Chúa Nhật, khi anh từ Biên Hoà lên quận Bó Đức (Bình Long) để chuẩn bị mọi công việc, sẵn sàng cho thợ rừng vào rừng đốn và kéo gỗ vào ngày thứ Hai...”

Khi vừa xuống xe, anh Mười Lang tình cờ gặp ông Quận Trưởng sở tại đang chuẩn bị đi săn. Ông Quận Trưởng mời anh Mười Lang cùng đi săn cho vui, anh Mười Lang ngần ngại và tỏ ý không thích đi săn, nhưng sau cùng cũng chịu ý ông Quận Trưởng.

Ông Quận Trưởng xếp chỗ, tài xế và cận vệ ngồi phía sau xe, ông Quận Trưởng lái xe và anh Mười Lang ngồi bên phải....Xe chạy theo đường xe be, rồi rẽ vào hướng một con suốingồi khuất trong chòm cây chờ, với tư thế đạn đã lên nòng.....sau đó không lâu một con nai vàng xám khoảng chừng sáu chục ký xuống suối uống nước... Ông Quận Trưởng nhắm thật kỹ, bắn ngay đầu con nai, con nai quỵ xuống, gãy chết nhưng mắt vẫn còn mở, nước mắt chảy ròng ròng nhìn đăm đăm người bắn, nhìn khẩu súng vô tình, nhìn giống người tàn bạo... rồi rống lên một tiếng mà tắt hơiMọi người đến phụ khiêng con nai lên xe, rồi trở vào vị trí cũ ngồi canh chừng nữa....Lần này, ba con mang xuất hiện, một tiếng “bùm” một con man ngã gục, còn hai con khác vọt chạy hướng vào rừng sâu....Đoàn đi sẵn tiếp tục cho con mang lên xe và lái xe theo đường cũ trở về.... Xe đã ra đường lộ, trời cũng đã bắt đầu nhá nhem tối, xe chạy với tốc độ chậm, bỗng thấy một con cọp đang đứng gần trụ số bên lề đường, ông Quận Trưởng cho dừng lại pha đèn thẳng vào mắt con cọp.... đồng thời đưa súng lên nhắm và nổ liền một phát, con cọp trúng đạn bật ngửa ra và chết liền tại chỗ.....Ông Quận Trưởng xuống xe, từ từ tiến đến kiểm soát, quả thật con cọp đã chết, mọi người phụ khiêng con cọp lên xe....và tiếp tục đường về. Xe chạy được khoảng chừng hai cây số, bỗng hai quân nhân tài xế và vệ sĩ ngồi phía sau la lên “người Thượng! người Thượng!... không phải cọp”. Ông Quận Trưởng cho dừng xe lại quan sát, rồi bình tĩnh quẹo xe vào bìa rừng, tìm một sợi dây rừng, một đầu dây cột vào một bụi cây một đầu cột vào chân của người thượng, rồi cho xe chạy tới... người thượng rớt xuống xe... ông Quận Trưởng cho xe trở lên đường cái, tiếp tục đường về...” Anh Mười Lang thuật cho tôi nghe và nói: “*Tao chỉ biết chừng đó và tao giữ kín miệng đến bây giờ*”.

Hai người đàn anh của tôi có dịp chứng kiến, và thuật cho tôi nghe sự thật về việc cọp hoá người huyền bí như vậy, mãi đến bây giờ tôi vẫn còn thắc mắc về hiện tượng người hoá cọp nói trên. Làm sao có sự biến hoá kỳ quặc như vậy!

Tôi lại thuật thêm một câu chuyện bò sợ cọp, gây tai nạn chết người, ở thành phố Biên Hoà, có rất nhiều người biết đến. Khoảng năm 1949(?), vào một buổi trưa, tin loan truyền rất nhanh, có một tai nạn khá hy hữu, một con bò đụng một người cỡi xe đạp té xuống đường và chết ngay tại chỗ tại phía trước ty Hiến Binh đường Nguyễn Hữu Cảnh, Biên Hoà và sau khi gây tai nạn, con bò chạy mất hút về hướng xã Tân Thành, Biên Hoà ...Dur luận nhón nháo lên, người ta hỏi nạn nhân là ai và tại sao lại có việc thả bò đi trong thành phố mà không có người chặn giữ, lúc bấy giờ tôi chỉ biết chừng đó và theo thời gian tôi cũng đã lãng quên ...Đến vài chục năm sau, nhận dịp tôi sưu tầm tài liệu về chuyện cọp ba móng, một người bạn kể cho tôi nghe nạn nhân bị bò đụng chết nói trên là Ông Mười G. em của ông Sáu Sử nhà ở đường Trịnh Hoài Đức, đại diện hãng bảo hiểm Le Secours, chủ cây xăng Caltex và cũng là một thành viên trong Công Ty Xe Đò Liên Hiệp chạy tuyến Biên Hoà-Sài Gòn và cũng cho biết thêm tai nạn nói trên diễn tiến như sau:

“*Một nông dân ngụ tại làng Tân Thành đánh xe bò chở đá xanh đến xã Tân Vạn, và trên đường trở về, khi đến ngã tư đường đi Tân Vạn và Quốc Lộ 1, thuộc phạm vi xã Bửu Hoà thì có một chiếc xe nhà binh chở một con cọp đã bị bắn chết, chạy ngang qua... chẳng ai hay biết gì hết, nhưng hai con bò đánh được hơi cọp, bèn bứt phá dây quàng ách bò ra, chạy báng mạng qua hai cầu Gành và Rạch Cát để về nhà, chạy quá nhanh nên gây tai nạn nói trên*”.

Tôi chỉ lấy làm lạ tại sao con bò sợ cọp đến điên người và đánh hơi cọp hay như vậy. Rồi tôi tự kết luận đó là bản năng sinh tồn thiên phú....một con bò ở thành, vậy mà đánh được hơi cọp..... cũng như các con gà con, nó đâu biết con điều như thế nào đâu, thế mà khi nó nghe la “*diều diều*”, tức khắc nó chạy vào núp dưới cánh của mẹ nó, cảnh này tôi đã chứng kiến nhiều lần. Đó là bản năng sinh tồn thiên phú, tạo hoá ban cho từng loài vật có sự cảm nhận huyền nhiệm riêng để thoát hiểm mưu sinh..., như con chuột không sợ con voi hoặc con cọp, mà chỉ sợ con rắn. Khi thấy con rắn, con chuột như bị thất thần, cơ thể mềm nhũn ra, không còn một chút sinh lực nào hết, tứ chi như bị co cụm lại, và có cảm tưởng như đang chờ chết, mà người ta cho rằng con chuột khắc tinh con rắn.

Tôi mê chuyện đường rừng, chuyện khắc tinh, chuyện người ngậm ngải tìm trầm, rồi lạc đường, sống mãi trong rừng, thành người rừng, học cách sinh hoạt theo thú rừng và quên hẳn tiếng người; nào chuyện người đàn bà hoá hổ trong chuyện đường rừng của TCHYA và hai chuyện cọp hoá thành người nói trên.

Về chuyện đường rừng, tôi nghe thuật cũng như tìm đọc sách khá nhiều, nhưng chưa có trường hợp nào giống chuyện do hai người bạn của tôi kể cho tôi nghe và tôi đã thuật lại một cách trung thực trên đây. Tôi suy nghĩ mãi sao lại có hiện tượng kỳ quái “*người hoá cọp, cọp biến thành người*” như vậy được. Đúng là chuyện khó tin nhưng mà có thật nơi chôn rừng xanh ...mãi đến nay tôi còn thắc mắc ...



NĂM CANH DÀN NÓI CHUYỆN CỌP HOÀNG ANH TÀI (Paris, France)

Thời tiền bán thế kỷ thứ XX, đất nước Việt Nam còn bị đặt dưới quyền cai trị của đế quốc Pháp. Nhà cầm quyền lúc bấy giờ tuy có mở mang việc giáo huấn, nhưng rất hạn chế, cả 21 tỉnh của xứ Nam Kỳ mà chỉ có Mỹ Tho và Cần Thơ ở Miền Tây là có trường Trung học.

Các tỉnh Miền Đông và các tỉnh khác, học sinh sau khi đỗ bằng Tiểu học phải lên Sài Gòn dự thi tuyển vào trường Trung học Pétrus Ký dành cho nam sinh và Trung học Gia Long dành cho nữ sinh. Học sinh các tỉnh thì đông mà hai trường Trung học mỗi năm chỉ nhận khoảng sáu, bảy trăm học sinh, nên học sinh bị đánh hỏng rất nhiều. Nếu gia đình khá giả thì có điều kiện đóng học phí cho con học trường tư thục. Vì từ các tỉnh khác về Sài Gòn học, ai có thân nhân cho ở trọ thì thuộc thành phần học sinh ngoại trú, nếu không thì ở nội trú, cho nên việc học hành rất tốn kém, khó khăn, thế nên học sinh con gia đình nghèo thì đành ngâm câu :

*“Văn chương phú lục chẳng hay,
Trở về làng cũ học cày cho xong!!!”*

Vào thời kỳ ấy, trình độ dân trí còn quá thấp kém, nhiều người có đầu óc thủ cựu, chịu ảnh hưởng của Nho và Khổng giáo hiểu lầm câu: *“Học giả hảo bất học giả hảo”*, diễn dịch rằng: *“Học cũng tốt mà không học cũng tốt”*. Tuy nhiên có một bậc thâm nho giải thích rằng: *“Học vậy tốt hay không học vậy tốt?”*

Phân đông dân chúng chưa theo kịp trào lưu tiến hoá của nhân loại, đầu óc còn dị đoan, mê tín và đồng bóng... Ngư dân làm nghề chài lưới đánh cá tại các vùng như Tân Thành (Gò Công), Bà Rịa, Vũng Tàu, Long Hải, Phước Hải gọi cá voi (baleine) bằng danh từ *“Cá Ông”*. Đi biển mà gặp cá voi sắp chết, họ cùng nhau vớt về làm lễ cúng bái và đê tang! Lại có những người hể thấy con vật nào to lớn hay hung dữ thì gọi bằng ÔNG, chứng minh bởi câu ca dao sau đây :

*“Chiều chiều vịt lội cò bay,
Ông voi bẻ mía chạy ngay vô rừng”*

Riêng đối với loài cọp thì có những nhiều danh xưng như: *“Hùm, Hổ, Ông Cọp, Ông Ba Mươi và Ông Thầy v.v...”*, nên dân gian nảy sinh ra câu nói đùa rằng :

*“Ông tre nhỏ xíu nhỏ xíu còn có con rắn con rít”
Rậm rì, rậm rịt sao chẳng có Ông Thầy?”*

Thêm có những con người hay tin tưởng dị đoan, tà thuật của thầy ngãi, thầy bùa và thầy pháp, khi có con bị đau bệnh không lo chạy chữa thuốc men mà lại ép cho uống bùa!

Nhiều người quá tin vào khoa bói toán, việc dựng vợ gã chồng đều tin vào truyền thuyết: *“Dần, Thân, Ty, Hợi - Tứ Hành Xung!”* Đặc biệt dù nam hay nữ, những người tuổi Dần phải chịu nhiều thiệt thòi trong vấn đề hôn nhân, bởi người đời cứ định ninh tuổi Dần đàn ông thì đa thê và đàn bà thì đa phu và khó có cặp vợ chồng nào tuổi Dần mà chung sống với nhau trọn đời mãn kiếp!!! Thêm có một số người đại kỵ con số 13, nhất là tháng nào trong năm mà con số 13 rơi nhằm ngày thứ Sáu, thì người ta rất e dè lo sợ việc chẳng may có thể xảy ra. Các bậc lão niên nguyên quán tại Biên Hoà, nếu may mắn được sống còn đến hôm nay, hẳn còn nhớ khoảng 1936-1937, tại An Lạc (Bình Điền) có xảy ra một tai nạn xe ô tô đụng chết người, mà nạn nhân không ai khác hơn là anh Tư Hùng, con của một ông Bang trưởng tại chợ Biên Hoà; hiện còn một

người em trai buồn bán có cửa hàng chạp phô tại đường Nguyễn Văn Lễ đầu đường Cô Giang. Thuở ấy báo chí viết ngữ đều đồng loạt loan tin: “*Tại nạn ô-tô-rai đụng xe mô-tô*”. Tư Hùng chết, người bạn thì bị trọng vì ra đi nhằm ngày 13 tây mà trở về cũng vào ngày 13. Một điều tưởng cũng cần nhắc lại cho các em, cháu hậu duệ của chúng ta được biết là Biên Hoà quê hương yêu dấu lại đứng vào Tỉnh thứ 13 trong tổng số 21 tỉnh của Nam Bộ.

Nhân dịp Tân Xuân Canh Dần 2010, chúng tôi xin mượn điển đàn của Đặc San Xuân 2010, Canh Dần, để trình bày cùng quý đọc giả đồng hương những mẫu chuyện liên quan đến con vật liên hệ.

Cọp hình dáng giống hệt con mèo, nhưng to con hơn nhiều. Cọp thường có lông vàng và sọc đen, nhưng cũng có loại lông trắng và sọc đen, đó là bạch hổ.

Cọp là giống chuyên ăn thịt (carnassier), chân có móng vuốt. Các bậc phụ huynh thường lấy móng vuốt của cọp đem bịt vàng hoặc bạc rồi làm dây chuyền để cho trẻ em đeo với tin tưởng là chúng sẽ không bị giạt mình trong giấc ngủ. Râu cọp có thể dùng làm thuốc độc để giết người, thế nên những tay thiện xạ, khi săn được cọp rồi thì nhiệm vụ đầu tiên là phải dùng bật lửa đốt râu nó; xương cọp được nấu thành “*cao hổ cốt*” để trị bệnh nhức mỏi, đau xương.

Ta có những câu: - *Nhân tử lưu danh, hổ tử lưu bì (Cọp chết để da, người ta chết để tiếng)*; - *Hổ phụ sanh hổ tử (Cha nào con nấy)*. Ngày xưa mà một phụ nữ cỡi xe đạp là một chuyện lạ, nên thường bị các trẻ em la chộ cho là “*cỡi cọp, cỡi cọp*”; học sinh yếu kém chép bài của bạn đồng học, một khi cơm chẳng lành canh chẳng ngon, thường bị la chộ là “*thả cọp bắt dê*” ý nói cọp dê (copiê)! - *Rừng nào cọp nấy*, có nghĩa giang san nào anh hùng nấy, làm thần đất ta mà làm ma đất người! - Vào quán kêu thức ăn nhậu thoả thuê rồi không trả tiền, đó là những hạng người ăn quỵt hay “*ăn cọp*”. - Vào xem hát mà không mua vé là những tay chuyên *xem cọp* hay *coi cọp*. - Hoạ sĩ non tay nghề, tranh vẽ chẳng ra hồn được đời mỉa mai cho là “*vẽ rồng thành rắn, hoạ hổ thành miêu*.” Những chức quyền khi còn tại vị “*ăn trên ngồi chốc*”, khi sắp mãn nhiệm kỳ qui định thì tìm cách nấn ná ở lại chính quyền vì họ tự nghĩ: “*Lỡ lên lưng cọp, nếu xuống sẽ bị cọp ăn?*” - Thủy Quân Lục Chiến là một đội quân tinh nhuệ, chiến đấu anh dũng hiên ngang nên được mệnh danh là “*cọp biển*”. - Hùm Xám Cai Lậy là một hùm danh mà dân địa phương gán cho một cụ Đốc Phủ Sứ thời Pháp không được lòng dân. - “*Không vào hang cọp sao bắt được hùm*”, thật vậy nếu muốn thành công hay chiến thắng cần phải có sự kiên trì và dũng cảm. - Khắp các tỉnh Nam Bộ Việt Nam, mỗi khi vào dịp Tết Nguyên Đán môn cờ bạc “*bầu cua cá cọp*” là trò đỏ đen được giới bình dân ưa chuộng nhất.

Hai đoàn xiếc LONG TIÊN VÀ TA DUY HIỂN tại Biên Hoà.

Trước đây vào khoảng thời gian từ năm 1936-1937, cạnh Thủy Đài bên đường Hàng Dương có bãi đất trống, thỉnh thoảng có hai đoàn xiếc (Cirque) LONG TIÊN và TA DUY HIỂN đến che lều (Chapiteau) để biểu diễn nghệ thuật. Đặc biệt là những màn ảo thuật, nhào lộn và huấn luyện sư tử và cọp nhảy vòng lửa v.v....Người chỉ huy mặc áo dài, ngực đeo đầy huy chương, tay cầm roi điện ra lệnh cho các con thú dữ phải tuân theo, khán giả thấy đều thần phục. Nhưng, nếu quý đồng hương có dịp được nhìn qua màn ảnh nhỏ của vô tuyến truyền hình gần đây, chúng ta phải khâm phục những vị sư tại Thái Lan không cần vũ khí cầm tay mà vẫn thuần hoá được cả bày cọp. Đêm đến các vị sư ngủ trên sạp còn cả bày cọp ngủ phía dưới, họ xem bày cọp như bày chó không hơn không kém! Mặc dù vậy, những người nhẹ bóng vía phập phồng lo sợ vì phương ngôn thường có câu “*Người tập thú luôn luôn bị cọp ăn*” (*Le dompteur est souvent mangé par le tigre.*)



TRUYỆN TẾU VỀ CỌP.

Gặp thời buổi kinh tế khó khăn, nạn thất nghiệp lan tràn, muốn tìm được một công ăn việc làm không phải dễ, thế mà có người tỏ ra thông thạo biết có chỗ thu dụng nhân công với lương bổng hậu và sẵn sàng

giúp đỡ người thất nghiệp. Khi được hỏi nơi nào cần dùng người làm, thì được cho biết tại Sở Thú Thị Nghè đang cần một người “*xia răng cốp!*”

CON CỌP NHỒI BÔNG GÒN TRÊN LẦU TOÀ HÀNH CHÁNH BIÊN HOÀ.

Có thể nói đối với cá nhân tôi là một kỷ niệm nhớ đời nơi quê hương xứ sở. Thuở ấy, trên tay cầm một lá đơn đi xin việc làm, đến Toà Tỉnh Trưởng Biên Hoà vừa leo lên bậc thang chót thì hồn vía tôi thăng thiên, một con cốp khổng lồ với tư thế sẵn sàng vồ lấy người tôi. Lúc ấy tôi muốn hét lên một tiếng để cầu cứu, nhưng không làm sao la lên được vì quá khiếp sợ, tôi vội đi thụt lùi, xuống đến bậc thang dưới, tôi phóng nhanh ra sân, trong bụng thầm nghĩ, con cốp làm thế nào đến đây được? Nó từ cao nguyên hay từ thác Trị An lội sông đến đây? May thay, có độ ba người có việc đi lên lầu Toà Hành Chánh, tôi nôi gót theo sau, đến nơi nhìn kỹ thì đó chỉ là con hổ đôn bông gòn người ta chung để làm kiếng. Hú hồn, hú vía nhưng dù sao đối với tôi cũng là một kỷ niệm nhớ đời!!!

THI TUYỂN THÔNG DỊCH VIÊN TẠI BIÊN HOÀ.

Nhằm cung ứng nhân viên thông ngôn để phục vụ cho quân đội viễn chinh Pháp với cấp bậc đồng hoá (grade d'assimilation) vào thượng tuần của đệ nhứt lục cá nguyệt năm 1946. Cơ quan trung ương về ngành thông dịch tiếng bản xứ của lực lượng bộ binh có mở khoá thi để tuyển chọn thông ngôn. Cơ quan này có tên là “Corps Militaire des Interprètes de langues locales de l'armée de terre” đọc tắt là CMILLAT. Thí sinh dự thi phải qua hai thời kỳ:

- Thi viết (Épreuve écrit) tại Biên Hoà
- Thi sát hạch (Orale) tại Sài Gòn

Chỉ riêng tại tỉnh Biên Hoà có tất cả 38 thí sinh và cơ quan chính quyền mượn tạm trường Tiểu học Biên Hoà để tổ chức cuộc thi. Hai quân nhân của Trung Đoàn Bộ Binh Thuộc Địa thứ 22 của Pháp đóng tại Biên Hoà là Chuẩn Úy (Aspirant) Poirier và Trung Sĩ (Sergent) Adrian Paul một người Việt lai Pháp phụ trách làm giám khảo. Đề thi viết gồm có 03 môn: viết âm tả, làm bài luận văn và dịch một bài từ chữ Việt sang chữ Pháp. Chỉ có bài dịch được xem là hóc búa, nguyên văn như sau:

CON CỌP VÀ HAI THẰNG ẪN TRỘM

“Có hai thằng ăn trộm rình nhà người ta, lại thêm cũng có một con cốp tới rình bắt heo. Trời tối lờ mờ, anh ta ló mò lại chỗ con cốp đã ngồi mà tưởng là bạn đi với mình nên nói: “*Chũ nhà còn thức*” và vỗ nhằm lông lá xôm xoàm nên giựt mình nhảy qua một bên. Con cốp thành linh bị vỗ cái bốp, thất kinh chạy đi mất. Còn thằng rình góc kia nghe tiếng chân chạy cũng hết hồn rã đám chạy luôn. Cả hai nhảy nai nhảy càn vừa la vừa chạy.”

Nộp xong bài thi, tất cả thí sinh đều chuẩn bị rời khỏi phòng thi thì viên Chuẩn Úy tươi cười đến bắt tay anh Đào Văn Phò hết lời khen ngợi và tiên đoán anh Phò sẽ trúng tuyển ít lắm với cấp bậc Thượng Sĩ Nhất (Adjutant Chef) trước con mắt thán phục của hầu hết các thí sinh. Càng vinh dự hơn nữa, qua hôm sau anh Phò được mời đến Phòng Nhì Khu Biên Hoà làm việc với tư cách Thông Ngôn Phụ (Interprète Auxiliaire), trong khi chờ đợi kết quả chung cuộc. Một tháng sau đó, tất cả thí sinh đều được xe nhà binh chở xuống Sài Gòn để thi “*hạch miêng*”. Đúng như câu phương châm “*Học tài thi phận*”, kết quả chung cuộc anh Đào Văn Phò bị vị giám khảo khắc nghiệt đánh rớt! Tôi nghiệp đương sự định ninh thế nào mình cũng đậu, anh Phò đã mua sắm sẵn phù hiệu 22è R.I.C (Insigne) dây biểu chương (Fourragère) và mũ tai lừa (Calot), nhưng hời ơi!!!

Nhân đây một lần nữa cũng xin nhắc lại thành tích của cựu học sinh Trường Tỉnh Biên Hoà, xưa kia anh Phò là một học sinh ưu tú của tỉnh nhà, đã từng đỗ đầu, đậu thủ khoa trong kỳ thi tuyển vào trường Trung học Petrus Ký có học bổng. Anh Phò được gọi nhập học khoá Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức ra trường với cấp bậc Thiếu Úy. Anh được biệt phái sang Hải Quân và sau đó vinh thăng đến cấp bậc Trung Tá, làm Tỉnh Trưởng Côn Nôn đến 1972 thì giải ngũ. Sau cuộc đổi đời 1975, anh bị đi tù cải tạo, có tin anh Phò vừa mới qua đời cách đây vài năm tại Mỹ!!

Cuộc đời có nhiều chuyện trùng hợp ngẫu nhiên, còn hai người năm xưa đã trúng tuyển làm thông ngôn, qua cuộc thăng trầm của đất nước, giờ hai người ấy còn hiện diện trên đất Pháp: một ở Nice và một cư ngụ tại Paris....

TÁC GIẢ TCHYA VỚI TRUYỆN THẦN HỒ.

Ngày xưa tôi rất ham đọc những truyện viết của những nhà văn đất Bắc, tôi rất mến mộ nhân tài của những ông như: Thân Tâm, Ngọc Giao, Vũ Trọng Phụng, tôi thường cứ mỗi tuần đón mua Tiểu Thuyết Thứ Bảy và cứ nửa tháng mua Bán Nguyệt San Phở Thông của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn, tôi có nghe thiên hạ bàn tán về quyển truyện Thần Hồ của tác giả TCHYA, mà có người chiết tự cho là “*Tôi Chử Hề Yêu Ai*”. Thú thật tôi chưa bao giờ được hân hạnh đọc quyển sách ấy, nhưng một dịp tình cờ vào năm 1956, tôi rất hân hạnh gặp được hai nhà văn tên tuổi: Ông Ngọc Giao cấp bậc Trung Úy, Ông không mấy bô trai và Ông TCHYA tức nhà văn Đái Đức Tuấn với cấp bậc Đại Úy. Vào thời điểm ấy tuổi tác tôi đáng hàng em cháu của các Ông ấy, nhưng từ bấy giờ đến nay coi như cuộc gặp

gỡ đó là lần đầu mà cũng là lần chót, vì như một nhà thâm nho đã từng nói: “*Son trung thường hữu thiên niên mộc, lộ thượng nan phùng bách tuế nhơn*” (Trong rừng núi luôn luôn có những cây cổ thụ sống đến ngàn năm, nhưng ở ngoài đường ít thấy ai sống đến 100 tuổi ?)

TUỞNG NIỆM CÔ VĂN SĨ LƯƠNG VĂN LỰU.

Đồng hương xứ Bưởi Biên Hoà đã từng nghe danh nhà văn Lương Văn Lựu bút hiệu *Nhứt Lựu*. Trước tiên Ông là Thư Ký của văn phòng Luật Sư Lê Văn Trá tại Biên Hoà, sau vì nể lời chỗ tình quen thân, Ông nhận lời làm Thư Ký Bút Toán cho Nhà Nhiếp Ảnh Mỹ Dung của Ông Đặng Văn Lâu toạ lạc tại đầu căn phố đường Cô Giang. Sau 1945, Ông là Công Chức của Sở Công Chánh, có thời gian Ông là Quận Trưởng Hành Chánh Quận Đức Tu, tỉnh Biên Hoà.

Ông về hưu tại quê nhà Biên Hoà, Ông đã ra người thiên cổ từ lâu, nhưng còn để lại cho đời, cho đồng hương Biên Hoà những tài liệu, sách tham khảo lịch sử giá trị, báo chí...đặc biệt là 03 quyển sách: “*Biên Hoà Sử Lược*” trong đó Ông trình bày mọi vấn đề, nhất là những thủ tục về “*Quan, Hôn, Tương Tế*”.

Một chút hương lòng xin được ghi ơn công đức của Ông đóng góp cho nền văn hoá tỉnh nhà Biên Hoà.

Và Ông có kể lại chuyện “*Bà Mụ Trờì*”, bà mụ nổi danh hộ sinh ở Tân Khánh liên ranh với Biên Hoà. Chuyện rằng, Bà được cạp đực công Bà đến hộ sản cho con cạp cái sinh đẻ khó khăn, xong cạp đực công về tận nhà và sau ba hôm, vào một sáng sớm, nó mang đến nhà một con lợn để hậu tạ. Dựa vào những chuyện tích như trên, dân gian thường nói “*Cừu vật vật trả ơn*” và cũng có trường hợp “*Cừu nhơn nhơn trả oán*”, như tích La Thành cầm gươm giết Đon Hùng Tín người đã cưu mang hấn trong cơn nguy nan. Thói đời: Ôn thì dễ quên, còn oán thì nhớ mãi. Thợ ơn ai họ chỉ ghi trên cát bẻ; còn oán hận ai họ khắc ghi trên đồng thau.



NHỮNG VÕ SƯ TÊN TUỔI MỘT THỜI.

Thời tiền bán thế kỷ XX, Biên Hoà có rất nhiều vị võ sĩ tên tuổi như ở Hăng Dầu có Thầy Tư Du; Cù Lao Phô có Ông Tư Bộ; Bình Đa có Biện Tình, An Hảo có Ông Giáo Tông; Vĩnh Cửu thì có hai anh em Thầy Giáo Lương và Thầy Giáo Kế Ế; ở xã Bình Trước, Tân Mai thì có Ông Sáu Phu; ở xóm Kỷ Niệm thì có Ông Tám Vững. Nhưng nổi danh hơn hết là Ông Giáo Tông vì tại thành phố mỗi khi có Hội Chợ (Kermesse) hay thi đấu võ thì Ông đều được mời làm Trọng tài, được nổi tiếng là người võ nghệ cao cường. Nhưng theo lời thuật lại của Ông thì Ông rất khâm phục một người tên Hai Chân gốc Bà Trà, Tân Khánh là Võ Tông thời nay đã vào rừng đấu võ với cạp, đánh bại cạp mẹ và bắt trói 04 cạp con đem về đi biểu diễn khắp phố phường.

THẦY XU (SURVEILLANT) TÁM HIẾU, VÕ SĨ VÔ ĐỊCH BIÊN HOÀ.

Dân chúng Biên Hoà trước năm 1975 ai cũng đều nghe danh và thán phục võ sĩ Tám Hiếu, nguyên là Thầy Cai (Surveillant), tại Sở Cao Su Phước Tân, đã thượng đài tại rạp hát Vạn Khánh Hưng, Biên Hoà, đã lần lượt hạ hết các đấu thủ và đoạt chức vô địch toàn Tỉnh. Thời gian từ 1946, thầy Tám Hiếu là quân nhân phục vụ tại Phòng Nhì Tiểu Khu của Pháp tại Biên Hoà. Địa vị làm cho con người biến chất, dân chúng địa phương đã mất dần tình cảm mà họ đã dành cho một võ sĩ vô địch toàn Tỉnh trước đây và nhường chỗ cho một võ biền! Năm 1955, Ông ta thăng lên cấp bậc Trung sĩ nhất và theo đoàn lính Lê Dương thuyền chuyển về Sài Gòn, nhân một buổi tối vào chơi trò xe hơi điện, Ông gây gỗ và ý mình có võ nghệ, Tám Hiếu hạ đo ván anh chàng kia. Chẳng dè, nạn nhân là một nhân viên mũ xanh của Công An Xung Phong Bình Xuyên, hấn về kêu đồng bọn, chực chờ ở trước cổng ra vào khu Giải Trí Trường Đại Thế Giới (Grand Monde) chặn bắt Tám Hiếu chở về bên kia cầu Chữ Y. Biết Hiếu có võ nghệ, các thủ lãnh Bình Xuyên cho thả vào chuồng cạp để đấu võ với cạp với điều kiện hễ thắng thì tha, bằng chết rán chịu. Trên đây do chính lời của Vợ Tám Hiếu, đầu chít khăn tang đứng bán nước mía trước tiệm chạp phô Tứ Lợi đường Nguyễn Văn Lễ, kể lại tỉ mỉ cho tôi nghe, chị còn bị lường gạt thêm một số tiền là 30 000 bạc nữa!

Ta có câu: “*Cạp giết người cạp ngủ; người giết người thức đủ năm canh*”. Thiết nghĩ, đành rằng Tám Hiếu có phạm tội đánh người, nhưng giữa người với người mà đối xử một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo như thế thì còn thua loài thú dữ. Rồi sau đó chúng ta thấy gì? Lực Lượng Bình Xuyên bị quân đội Quốc Gia đánh tan rã, chuồng cạp bị phá vỡ và cho đến con cạp ăn thịt người cũng bị giết!

HUYỀN THOẠI CON CỌP TU TRÊN NÚI CHỨA CHAN (GIA RÂY)

Xưa kia, thời Việt Nam còn bị người Pháp thực dân cai trị, Biên Hoà là Tỉnh và Xuân Lộc là Quận. Đường xe lửa Biên Hoà-Xuân Lộc dài độ 50km, đứng từ bên phải nhà ga Xuân Lộc chúng ta có thể trông thấy núi Chứa Chan (Gia Rây) khoảng cách độ vài cây số. Thờ ải, có tin đồn tại đây có con cọp tu. Tin này do nhiều người thợ rừng loan truyền, thật sự thì loài thú cũng như người có tuổi thọ riêng biệt, người thì khi đau yếu còn có thuốc men, bệnh viện, ăn uống thì có gia nhân hoặc con cháu phụ trách, nhưng khi đã quá già yếu thì di chuyển không được và cũng không thiết đến ăn uống. Liên hệ đến chuyện con cọp, khi nó còn trẻ tự nó rượt đuôi con mồi để ăn thịt, đến khi nó đã già nua kiệt sức thì lê bước chân cũng nặng nề, đâu có ai cung cấp thức ăn, nước uống cho nó. Do đó, nó sống gượng để chờ ngày chết!

Có điều cần nhắc là “*Cọp chết để da, người ta chết để tiếng*”, sách sử đã từng khuyên chúng ta nên thương người đồng chủng, vả lại tiền nhân chúng ta cũng lưu lại câu ca dao “*Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng*”. Khi có quyền thế nên đối xử với đồng loại thế nào cho ra “*cái giống người*” để ngàn đời sau, hậu thế khỏi nguyên rủa!!!

LỤC VÂN TIÊN CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU TỨC ĐỒ CHIỂU.

Kể thêm truyện này để độc giả đồng hương thấy rõ hễ làm ác sẽ gặp ác. Ngày xưa giữa hai gia đình Võ Thế Loan và Lục Vân Tiên trong cuộc trả dư tửu hậu có hứa hẹn, có làm chỉ phối giao hôn, coi như hai bên là thông gia với nhau. Khi Vân Tiên bị mù mắt tìm đến nhà hai mẹ con Võ Thế Loan thì vì tham phú phụ bần, hai mẹ con gạt đem bỏ Vân Tiên vào hang Thương Tông, nhưng hai mẹ con người độc ác kia lúc trở về nhà thì bị cọp vồ! *Trở về chưa kịp đến nhà, Có hai con cọp chạy ra đón đường. Thấy đều bắt mẹ con nàng, Dem vào lại bỏ trong hang Thương Tông.*

HỒ NHỚ RỪNG (THẾ LỮ).

Tiếp theo đây xin được giới thiệu cùng quý độc giả bài thơ “*HỒ NHỚ RỪNG*” của thi sĩ Nguyễn Thứ Lễ, thuộc nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Những dòng thơ dưới đây đã sáng tác thời tiền bán thế kỷ thứ XX, nhưng được xem là có giá trị muôn đời.

*“Găm một mối cãm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua
Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ
Giuơng mặt bé, riều oai linh rừng thẳm
Nay sa cơ bị nhọc nhằn tù hãm
Để làm trò lạ mắt, thú đồ chơi
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi”*

*“Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa
Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi*

*Với khí thét khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên đồng dặc đàng hoàng”*

*“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tàn
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn?
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội?
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng?
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu !!!”*



Trong hầu hết chúng ta, những quân nhân, công chức Việt Nam Cộng Hoà, sau ngày 30.4.1975, cảm thấy thối tha hơn bao giờ hết khi nghe ngấm những lời thơ ai oán của thi nhân, tâm sự của con Hồ bị nhốt vào cũi sắt khi sa cơ thất thế, có những điểm trùng hợp với hoàn cảnh của chúng ta ngày nào!!!



TẢN MẠN VỀ CỌP BA MÓNG VÀ TUỔI ẤU THƠ TẢN CƯ CỦA TÔI

Nguyễn Kim Lộc
(Chicago, Illinois. USA)

Vào mùa Thu năm Ất Dậu, 1945, tinh thần chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam dâng cao, đi đâu, người ta cũng nghe ca “Mùa Thu rồi ngày hăm ba ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến. Rền khắp trời lời hoan hô dân quân Nam nhíp chân tiến lên trận tiền. Thuốc súng kém, chân đi không mà lòng người giàu lòng vì nước. Nóp với giáo mang ngang vai nhưng thân trai nào kém oai hùngThề quyết thắng quân ngoại xâm! Xây giang sơn hạnh phúc muôn đời...” Là người Việt Nam không ai mà không hưởng ứng, mỗi người hưởng ứng một cách khác.... Thời gian này, ba tôi cũng tham gia phong trào Việt Minh kháng chiến chống Pháp và gia đình gồm mẹ và bốn anh em tôi, phải đóng cửa căn nhà số 14 đường Thành Thái, thành phố Biên Hoà, tản cư về miền quê heo lánh...

Trước tiên, gia đình tôi ra tạm trú ở cồn Gáo, một cái cồn cát chiều dài chừng hơn 30 thước và chiều ngang khoảng non 20 thước, nằm giữa sông Đồng Nai, bên này bờ là xóm Đình Tân Lân và bên kia bờ là Lò Lu của ông Bang Trần Lâm, thuộc xã Hoá An. Lúc bấy giờ, trên cồn này, chỉ có duy nhất một ngôi nhà mái tôn thuộc gia đình bà Tám biệt danh bà Tám Heo, vì bà nuôi nhiều heo nái, và cồn Gáo này đã chìm dần xuống đáy sông Đồng Nai, hiện nay không còn dấu tích.

Kể đó, chúng tôi đi chuyển đến tạm trú ở hậu liêu chùa Hưng Long, một ngôi chùa cổ kính xây cất vào năm Ất Hợi, 1695, tọa lạc ven sông Đồng Nai thuộc xã Tân Ba, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà, khoảng ngang Cù Lao Thạnh Hội. Nhưng ở đây cũng không lâu, gia đình tôi trở qua bên này sông, đến xã Thiện Tân, quận Công Thành và ở tạm nơi mái hiên đình của làng này...

Sở dĩ, gia đình tôi phải tản cư, là vì ba tôi tham gia phong trào Việt Minh chống Pháp, sợ ở lại thành phố, sẽ bị công an Pháp bắt bớ, khó dễ.... Phải thực sự mà nói, thời gian này, phần đông người Việt Nam chưa biết gì về Cộng Sản; mọi người tham gia phong trào Việt Minh, chỉ vì lòng yêu nước và với mục đích duy nhất là đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi bờ cõi Việt Nam.

Đi tản cư là một điều vạ bất đắc dĩ, cảnh sống đây thiếu thốn và cơ cựcCó hai dạng tản cư:

- những người ở thành có thân nhân tham gia phong trào Việt Minh, phải tản cư ra miền quê xa xôi.
- những người giàu có ở miền quê sợ Tây đến bóc lột bắt bớ gán tội hoạt động hoặc tiếp tế cho Việt Minh, nên tản cư từ miền quê lên tỉnh.

Gia đình tôi thuộc dạng thứ nhất, bỏ chỗ ở nơi thành phố với đầy đủ tiện nghi, tản cư về miền đèo heo hút gió....nhưng cũng rất may, khi gia đình chúng tôi tản cư đến xã Thiện Tân, được hai vợ chồng ông Năm Đục ở ấp Vàm thuộc xã này, thương hoàn cảnh, mở rộng từ tâm, tận tình giúp đỡ, cho vào ở đậu trong nhà để tránh cảnh gió mưa, trong khi mẹ tôi, anh và hai em tôi đều bị chứng sốt rét rừng, hành hạ thảm thương, không có khả năng sinh hoạt bình thường, duy chỉ có mình tôi là không bị bệnh (tôi không hiểu tại sao?). Hai vợ chồng ông Năm Đục đề nghị với mẹ tôi, cho hai ông bà nhận tôi làm con nuôi vì hai ông bà ăn ở với nhau đã lâu mà không có con.

Trong hoàn cảnh ngặt nghèo, mẹ tôi đồng ý. Tôi được qua ở bên phía nhà cha mẹ nuôi, ăn uống và sinh hoạt với ông bà Năm. Việc ăn uống có khác hơn chút đỉnh, nhưng cũng chỉ khô, cá, hột vịt nước mắm và rau luộc, nhưng tôi thấy có sự cách biệt. Tôi từng ghen ngạo vào mỗi bữa ăn. Tôi cố gắng làm việc siêng năng để cho ông bà Năm vui lòng và giúp đỡ cho gia đình tôi nhiều hơn. Công việc của tôi không có gì là nặng nhọc, vào mỗi buổi sáng sớm, tôi mở cửa chuồng cho khoảng hai mươi con vịt ra đồng, xong tôi dẫn hai con bò đi cho ăn cỏ hoặc thỉnh thoảng đi theo ông Năm đánh xe bò vào rừng đốn bấp buồng và lò ô về đan phen và chẻ lạt...

Lúc bấy giờ, ba tôi được đề cử làm Trung Đội Trưởng, với biệt danh là Hoàng Tỷ (Bộ Đội Hoàng Tỷ), hoạt động vùng Thiện Tân, Tân Định....Nhân một ngày về thăm gia đình, ba tôi thấy mẹ tôi và anh em tôi quá khổ cực và đang bệnh sốt rét nặng, trông rất thảm nã; ba tôi quyết định bỏ đơn vị, đưa gia đình trở về thành phố Biên Hòa chữa bệnh vào giữa năm 1946....Ba mẹ tôi xin ông bà Năm cho tôi cùng về, nhưng tôi đòi ở lại (tôi không hiểu tại sao tôi lại hành động như vậy?). Chừng một năm sau, tôi lại nhớ cha mẹ và anh em tôi. Nhớ nhớ nhưng khiến tôi thẫn thờ, đãng trí công việc hàng ngày để cho cha mẹ nuôi của tôi hiểu được, nên đưa tôi từ xã Thiện Tân về thăm ba mẹ tôi ở thành phố Biên Hoà và nói nhỏ với tôi là sẽ trở về trong ngày. Khi về đến thành phố Biên Hòa tôi mừng quá, niềm quyến luyến với cha mẹ và anh em gần như chưa thoả...nên khi đến giờ trở về Thiện Tân, thì tôi xin được ở lại và không muốn trở về Thiện Tân nữa...ba mẹ nuôi tôi thấy vậy, tỏ vẻ u buồn và nói với ba mẹ ruột của tôi: *“thôi để nó ở lại Biên Hoà đi học, thỉnh thoảng chúng tôi xuống thăm”*, rồi hai ông bà buồn bã ra về....

Trong thời gian tôi làm con nuôi ông bà Năm Phạm Văn Đức ở Thiện Tân, ngoài việc phụ giúp cha mẹ nuôi làm mọi việc lặt vặt trong nhà, tôi thích vui chơi với bọn trẻ cùng trang lứa chăn trâu, chăn bò, chia phe đánh lộn, đi câu, tát mương bắt cá...và có những sự việc mãi đến bây giờ tôi vẫn không quên...

Ông bà Năm, cha mẹ nuôi của tôi căn dặn đừng bao giờ thả bò ăn cỏ sâu trong các trảng trong khu rừng rậm, vì trong đó có nhiều cạp và thú dữ... tôi chưa thấy con cạp ra sao, nhưng thường nghe dân làng kể những vụ cạp bắt nai, heo rừng và trâu bò để ăn thịt và cạp được mệnh danh là chúa tể sơn lâm, đã gây cho tôi một nỗi hoang mang lo sợ, mặc dù tôi chưa thấy con cạp bao giờ.... Mỗi lần nghe kể về chuyện cạp, tôi chăm chú nghe và cảm thấy sợ cạp vô cùng, nên những ngày tháng sau đó, tôi rất cẩn thận, mỗi khi thả bò đi ăn cỏ ở những cánh đồng cận bìa rừng xa.

Tôi còn nhớ một ngày, khi mặt trời sắp ngả hoàng hôn, tôi lên lưng bò cỡi về nhà, bỗng nghe tiếng cạp béo (kêu lớn) *“Cà Uôm, Cà Uôm”*, con bò tôi đang cỡi, dừng hẳn lại, ngẩng đầu cao, nghênh tai về phía trước như đang cố nghe ngóng điều gì, dường như nó đánh hơi cạp đang ở quanh quần đầu đây và trong tức khắc hai con bò cong đuôi chạy báng mạng, băng qua các lùm cây, cụm rừng, thay vì đi theo đường mòn như thường ngày, tôi ôm cứng con bò chạy được một khoảng xa, bất ngờ bị cành cây gạt tôi té xuống đất; tôi hoảng sợ và có cảm nghĩ chắc sẽ bị cạp vồ từ phía sau lưng, tôi mất hết thần vía, đôi chân như bị túm lại, tôi cố gắng đi nhanh, vừa run, vừa sợ, vừa khóc; đi một khoảng chừng vài chục thước, tôi lại trông chừng về phía sau... trong khi vòm trời vừa tắt nắng và màn đêm ở rừng xuống thật nhanh...



Hai bác Năm tôi thấy bò đã về nhà mà không thấy tôi, nên đổ xô đi tìm nơi tôi thường thả bò ăn, nơi cánh đồng cỏ phía trong rừng điều, từ phía sau nhà của ông Hai Ngang, chủ thầu đăng cá tại cầu Rạch Đông (thân phụ anh Hai Hoá, từng tham gia kháng chiến chống Pháp), đi thẳng về hướng Tây thì thấy tôi vừa ra khỏi bìa rừng...Hai bác Năm tôi mừng vô kể....mừng đến rơi nước mắt.

Một lần khác, từ sáng sớm, nghe tin Tây bố ráp vùng Thiện Tân, dân chúng nhất là đàn bà, con gái và thanh niên trốn vào rừng, chỉ có mấy bà lão và trẻ con ở nhà; đến khoảng 2 giờ trưa, tôi từ trong rừng về nhà để lấy thức ăn, khi đi ra giữa đồng trống, bỗng có hai chiếc máy bay từ hướng Tân Định, Đại An bay ngang, xà xuống bắn mấy loạt đạn cày trên mặt đất cách tôi không xa ... tôi sợ quá, chạy núp ở bờ ruộng...trong khi hai chiếc máy bay bay thẳng về hướng phi trường Biên Hoà. Tôi hú hồn, coi như thêm một lần suýt chết.

Sau này, tôi nghĩ, chắc các viên phi công chỉ bắn dọa tôi mà thôi vì thấy tôi là con nhỏ, lúc đó tôi mới chín tuổi... chứ làm sao mà họ bắn dờ như vậy...và hai chiếc máy bay đó sau này tôi nhận biết là loại khu trục cơ T 28 của Quân Đội Viễn Chinh Pháp.

Tôi biết về chuyện CỌP từ đó, và cũng từ đó tôi sợ đi rừng một mình, vì khu rừng từ Thiện Tân, Tân Định, Đại An đến rừng Nam Cát Tiên có rất nhiều cọp và thú dữ, nhưng tôi rất thích được nghe ai kể về chuyện CỌP. Cũng trong khoảng thời gian này, tôi nghe phía bên kia sông Đồng Nai thuộc làng Mỹ Lộc, Tân Hoà, Tân Tịch, Thường Lang, Đất Cuốc, sau này có tên là Thái Hưng, Lạc An... khu rừng ăn thông đến Phước Thành và Chiến Khu D, cũng có rất nhiều cọp thường xuyên về làng bắt trâu bò ăn thịt, khiến dân chúng các làng nói trên kinh hoàng và không dám gọi là con cọp nữa mà gọi là *Ông Ba Mười*.

Nhưng vì muốn bảo vệ trâu bò của mình, nên dân làng làm bẫy sắt đặt ngay trước cổng chuồng trâu hoặc chuồng bò... Quả nhiên một ngày kia, một con cọp chúa tể về làng Tân Hoà (?) bắt trâu bò và vương bẫy, con cọp gầm gừ, vùng vẫy cả đêm, dân làng đánh kèng, gõ mõ và đập thùng thiét, báo hiệu có cọp đã mắc bẫy, dân làng đã chuẩn bị sẵn sàng gậy gộc mã tấu, nhưng không ai dám mở cửa ra ngoài hoặc đến gần, vì sợ bất ngờ con cọp tháo được bẫy thì khôn khéo.... nên cứ để vậy chờ đến sáng, sẽ tìm cách hạ sát con cọp này...nhưng con cọp mắc bẫy quá tinh khôn, đã quyết định cắn bỏ phần bàn chân vương trong bẫy và thoát thân trước khi trời sáng và câu chuyện cọp ba móng bắt đầu từ đó.



Con cọp này trở nên dữ dằn, thường xuyên xuất qui nhập thân, chẳng những bắt trâu bò mà còn rình bắt cả con người để ăn thịt; nhiều đêm, đầu hôm bắt người của làng này đến gần sáng bắt người của làng khác, con cọp này rất tinh khôn, khó mà đánh bẫy nó lần thứ hai, dân làng hợp lực đào hố sâu đặt chông phía dưới rồi nguy trang cây cỏ lên trên, theo lối mòn con cọp ba móng thường xuyên đi chuyên, với lòng mong mỗi con cọp rơi xuống hố, nhưng tuyệt nhiên con cọp ba móng không bao giờ đi ngang, dân làng nghĩ con cọp đã thành tinh, biết trước được những gì người ta muốn hại nó và cũng có người nghĩ chắc có lẽ các oan hồn của những người bị con cọp này ăn thịt, xui khiến cho nó tránh bẫy, thoát nạn!

Khu rừng miền Đông Nam Bộ có rất nhiều cọp và chuyện cọp ba móng, gây kinh hoàng cho người dân các xã Tân Hoà, Thường Lang, Chánh Hưng, Lạc An đến Mã Đà, Sông Bé (Đồng Nai Thượng), là chuyện có thật, đã có nhiều người viết thành chuyện đăng báo từ những thập niên sáu mươi, nhưng mỗi người viết mỗi khác, vô tình làm cho câu chuyện thật bị "*tam sao thất bốn*", tạo thành nhiều giai thoại mang tính chất hư cấu, trong việc tìm cách hạ sát con thú hung dữ này.

Giai thoại thứ nhất: Dân làng dùng một cô gái trẻ làm mồi nhử con cọp ba móng. Những người chức sắc trong làng bàn thảo, chọn một cô gái để làm mồi nhử cọp. Do định mệnh bốc thăm, đưa con gái, mười ba tuổi, con của ông Cả Nhiều, được chọn một cách bí mật, một trong số mười gia đình có con gái. Theo kế hoạch và đúng hẹn, gia đình ông Cả Nhiều tiến hành thết đãi đưa con gái của mình một bữa ăn khá thịnh soạn gồm có canh chua cá lóc, cá rô kho tộ, cá trê vàng chiên giòn, nước mắm gừng... cô gái vừa ngồi ăn vừa lấy làm lạ, không hiểu tại sao hôm nay, cha mẹ mình lại cho mình mặc đẹp và ăn ngon đến như vậy... đến một lúc sau, cô gái thấy hoa mắt, rồi không biết gì nữa, tức thì gia đình báo cho dân làng đến cho cô gái vào nằm trong một cái củi sắt, rồi khiêng đặt vào một vị trí khá an toàn, gần một con suối, chung quanh có đào nhiều hố và đặt chông phía dưới đáy, để làm mồi nhử cọp, nhưng con cọp ba móng rất tinh khôn, không đến gần, mà chỉ ở xa béo "*Cà Uôm, Cà Uôm*" ...nghe rất khủng khiếp, khiến cô gái bị đánh thuốc mê vừa tỉnh lại, nghe tiếng cọp béo, quá sợ hãi mà ngất đi Sáng sớm hôm sau, dân làng ra thăm chùng, đến gần xem, thì phát hiện cô gái đã thật sự chết từ bao giờ. Sau khi đem cô gái về làng chôn cất, ông cả Nhiều buồn vô kể.... thỉnh thoảng, người ta thấy ông như người mất trí; vào những đêm có trăng, ông đến gần bìa rừng, nơi con ông vì sợ cọp quá mà chết, ông ngồi thối sáo một mình...

Một hôm, đang ngồi thổi khúc bi ai, bỗng ông thấy hai đốm đèn xanh tiến ra gần đến bìa rừng rồi dừng lại, ông Cả Nhiêu nghĩ ngay là con cọp ba móng đang rình ...ông bình tĩnh và lệ tay nâng bình nước lên uống. Ông vừa cạn bình thì con cọp ba móng cũng vừa phóng tới vỗ ông, ăn thịt, dân làng theo dõi thấy vậy, nhưng không ai dám phản ứng gì.... Sáng ra, dân làng đến nơi quan sát, thấy con cọp đã ăn một phần thân thể của ông cả Nhiêu và phần còn lại bị tím xanh.....và con cọp ba móng cũng nằm chết gần đó. Dân làng ngậm ngùi thương tiếc ông Cả Nhiêu và cho rằng ông ta là người có học, biết tính toán, quyết uống độc dược cực mạnh đúng lúc để giết con cọp ba móng này, để cho xóm làng có được cuộc sống bình yên.

Giai thoại thứ hai: Người bị cọp ba móng giết cuối cùng là một em bé gái độ mười bốn, mười lăm tuổi, con một bà ở Suối Cá xã Mỹ Lộc (Tân Uyên-Biên Hoà). Khoảng 4 giờ sáng nó nhảy qua rào (nhà nào ở vùng này cũng có hàng rào cao 3-4 thước) vì nhà sàn cao, cửa đóng then cài không phá được, nó phóng lên nóc nhà trở mái tranh xuống, bắt em bé tha đi. Cả vùng báo động khu vực đánh mõ âm ỉ đuổi theo. Trời sắp sáng nó bỏ xác lại bên bìa rừng. Anh em Binh Công Xưởng Bộ Tư Lệnh Khu 7 đóng quân gần đấy, đến gặp gia đình, xin mượn xác em bé để gài bẫy báo thù và trừ hại cho dân. Phải thuyết phục mãi mới được, vì có người mẹ nào lại muốn cho con mình phải chết hai lần. Bốn quả mìn gài dưới xác, một trung đội súng máy phục kích xung quanh. Ba giờ chiều cọp ba móng mò ra. Nó lượn quanh xa xa ba vòng rồi bỏ đi. Chốc sau lại trở lại tới gần hơn, đi quanh ba vòng nữa, rồi ngồi im nhìn cái xác. Mọi người nén thở chờ xem nó giờ trò gì. Đang ngồi im như tượng, bất thành linh nó nhảy vào vỗ cái xác. Mìn nổ. Nhưng nó chỉ bị thương, bỏ xác chạy. Trung đội súng máy đuổi theo. Nó lội ngược dòng suối. Mọi khi nó có thói quen lội ngược dòng suối để nước chảy xuống, người trên dòng không phát hiện được trước khi nó tới. Lần này chính thói quen đó đã dẫn nó vào chỗ chết. Anh em đuổi theo vết máu một lúc thì mất dấu. Nó trèo lên bờ, núp sau một gò mồi. Đại liên, trung liên, các thứ súng đủ cỡ xả vào. Xác nó chồm lên ôm gò mồi như còn sống. Lâu sau, biết chắc nó đã chết rồi anh em mới dám tới gần (vì sợ nó giả chết). Xác nó để lên xe bò không đủ chỗ -- loại xe bò miền Đông rất lớn -- một phần đuôi sau và cái đuôi thông ra ngoài. Mổ bụng thấy trong bao tử cọp ba móng còn nguyên một bàn chân người lớn tím ngắt. Người gài mìn giết con cọp khủng khiếp này là anh Nguyệt, một thương binh hỏng một mắt và cụt một tay, công tác tại Binh Công Xưởng Khu 7.

Giai thoại thứ ba: Trích trong bài viết của tác giả Nguyễn Lương: Hồi trước khi còn chiến tranh, tại một đồn điền cao su ở vùng Bù Đốp, chủ đồn điền là một người Pháp có nuôi một con cọp con, mua của thợ săn đem tới bán. Con cọp trông nó như một con mèo nuôi trong nhà rất dễ thương. Khẩu phần nó được cho ăn mỗi ngày vài gram thịt bò sống. Nó được nuôi mấy năm to lớn dần cỡ bằng chó “bẹc giê”, rồi mỗi ngày nó ăn tợn hơn, mặc dầu vậy nó vẫn được chủ cưng như đối với mấy con chó “bẹc giê”.

Tuy nhiên, khi lớn lên, nó háu ăn và trở nên xấu nét. Chị ở đi chợ mua thịt bò về cho nó, khẩu phần ăn xong rồi, nó còn tới ngồi kế bên chị, lúc chị chặt thịt để nấu súp, ngó lơ qua chút xíu, ngó trực lại thì đã thấy mất miếng thịt ngon. Nhiều lần như vậy, một hôm tức quá, sẵn cầm con dao yếm trong tay, khi thấy cọp ta lại dờ dờ nhanh tay ăn cắp thịt, chị mới quơ dao yếm lên chém xuống là để dọa nó. Nhưng phản ứng tự nhiên, nó giơ chân lên đỡ, bất ngờ nhát dao chém xuống khiến cho nó đứt mất một móng chân, máu chảy ra đau, nó hoảng hốt phóng chạy ra ngoài rừng cao su... rồi từ hôm đó nó không trở lại nữa, mà trở về rừng làm thú hoang dã từ đó. Cho tới khi có trận chiến Là Ngà, nhiều tử thi bị máy bay bắn xối xả dọc hai bên bìa rừng, cọp ta ăn tươi, nuốt sống nhiều bộ phận thân thể con người quá ngon miệng, cho nên thành thói quen! Tới lúc không còn tử thi để mà ăn nữa, nó mới đi rình bắt sống con người để mà có thức ăn...

Có điều dễ nhận định được thời điểm xuất hiện và lộ trình của Cọp Ba Móng là sau trận chiến thắng Là Ngà xác người bị máy bay địch bắn chết trong hai bìa rừng dọc theo quốc lộ và của cả đoàn “*Công Voa*”, đoàn xe chở lính Tây bị phục kích bởi quân, dân ta lúc đó đánh tan tác... sau đó trở thành mồi ngon cho Cọp Ba Móng, thì điều này nhiều người có thể nhất trí trong suy luận.

Có người ví von! Con cọp này biết áp dụng chiến thuật du kích chiến, lúc ẩn, lúc hiện bất ngờ khiến cho con người có cảnh giác mấy cũng khó chống trả được! Dân chúng sống trong tâm trạng kinh hoàng, đã có người lớn tiếng tuyên bố: *Một tiểu đoàn Tây, Ma-rốc tới đây tôi chẳng sợ bằng con Cọp Ba Móng!*

Thực tế là như vậy. Bởi khi Tây hành quân đi tới đâu, người dân có thể biết trước được để mà di tản, còn Cọp Ba Móng nó chuyên môn áp dụng kiểu “*du kích*”, ẩn nấp đâu có, chờ đúng lúc thuận tiện nó phóng ra vỗ môi, lôi đi vô rừng... ngồi ăn thong thả.

Giai thoại thứ tư: Ở miệt Hàn Dài (?), có ông nọ bắt được một cọp con, đem về nuôi như nuôi mèo trong nhà. Đi đâu ông cũng dẫn nó theo, đến khi nó to lớn như con gấu, nó cũng khăng khít theo ông. Một hôm, trời mưa dầm, ông đi kéo vó ngoài sông, cọp ngồi kế bên; ông đội nón lá, mặc áo toi ngồi co ro, trong gió lạnh, để mỗi khi giờ vó lên, lấy gàu xúc cá bỏ vô đục để đem đi bán, đổi gạo. Ông xúc cá chưa kịp đổ vô đục thì bị con cọp quá đói chộp lấy mấy con cá bự đút vô miệng xực một cách ngon lành. Mấy lần như vậy, ông có la quát cách giận dữ, cọp ta cũng tỉnh bơ, ngồi chờ khi thấy ông xúc cá lên, nó lại lanh tay vô lấy... ăn hõn! Giận quá, hôm nọ sẵn cái mào vót trong tay, ông phang cho nó một nhát, nó đưa chân lên đỡ bị rụng hết một móng đau quá, bỏ chạy vô rừng mất tích luôn từ đó... Nghe dân chúng kể vậy thì hay vậy chớ làm sao biết được chính xác “*lý lịch*” của ông ba mươi quá ghê gớm này!

Giai thoại thứ năm: Anh Phan Đình Công kể: Có lần đi về Chiến khu D để dự cuộc họp, sau đó cùng đi với một tiểu đội cận vệ trở về Bà Rịa. Sở dĩ anh đi có một tiểu đội vũ trang hộ tống là vì con đường Quốc Lộ 13 thường hay bị phục kích, bởi lính Tây biết Việt Minh luôn có những toán người đi từ Chiến khu D về Bà Rịa áp tải muối đưa về cho dân Quân Khu 7 tiêu thụ. Do đó, con đường huyết mạch này - đường mòn từ bìa rừng bên này băng ngang qua Quốc Lộ 13 để sang bìa rừng bên kia từ lâu đã trở thành “*con đường máu!*” Muốn đi ngang Quốc Lộ 13 để sang bìa rừng bên kia, phải đi vào ban đêm... Đi qua được một cách an toàn, không bị Tây phục kích là thoát chết, may mắn lắm rồi! Nhưng khi về tới địa điểm tạm nghỉ, kiểm điểm lại thì bị mất một mạng. Thì ra con Cọp Ba Móng nó ngồi phục kích bên đường, chờ cho cả tiểu đội đi qua, nó mới nhanh nhẹn phóng ra, vô người đi sau cùng. Một khi móng vuốt nó vô ngay cổ họng rồi thì nạn nhân không thể la lên được tiếng nào. Đó là trường hợp lúc đầu, Cọp Ba Móng bắt người để ăn thịt chưa táo bạo lắm! Nhưng về sau thì nó lộng hành hơn.

Ban Văn Nghệ của Khu 7 do anh Bích Lâm làm Trưởng Ban cũng chọn địa điểm gần đó để cất doanh trại, lợp tranh. Lúc bấy giờ đã có râm ran tiếng đồn về con cọp bắt người, nhưng chưa ai phát hiện nó là Cọp Ba Móng.

Hai Lung cũng có kỷ niệm nhớ đời là phục kích hạ con “*Cọp Ba Móng*” từng gieo kinh hoàng trong nhiều tháng ở Chiến Khu D. Con cọp này từ Là Ngà vượt sông vô chiến khu. Nó ăn thịt người bỏ lại chiến trường Là Ngà nên “*ăn quen bén mùi*”. Nó bị bắn hư mất một móng chân nên để lại trên cát chỉ có ba móng. Từ đó thiên hạ đặt cho nó cái tên “*Ông Ba Móng*”. Cùng một lúc, nó xuất hiện ở nhiều nơi: Cây Chanh, Hàng Dài, Ba Hố, Đất Cuốc, Suối Địa, đâu đâu dân chúng, cơ quan cũng đồn cây rào dậu kiên cố. Con Cọp Ba Móng có thể nhảy qua rào cỡ hai thước, công một con bò trên lưng chạy đi mấy cây số. Có lần Ba Trứ đi công tác cưỡi ngựa, qua một trũng rừng trông thấy một chiếc áo bông đầm máu – thêm một nạn nhân nữa của Cọp Ba Móng vừa bị vô. Danh sách nạn nhân của Cọp Ba Móng dài sọc, ông già, con nít, thanh niên, phụ nữ đều có; lính Việt Minh chống Pháp cũng góp phần xương máu, Đại Đội Phó Xê cũng bị vô trên đường đi công tác. Không thể để nó tác oai tác quái mãi được, anh Bùi Cát Vũ cùng một số anh em binh công xưởng nghĩ ra kế gài mìn trên thi hài nạn nhân, cuối cùng mới diệt được nó. Hạ được con Cọp Ba Móng rồi, dân chúng và cán bộ trong Chiến Khu D thở phào nhẹ nhõm.



Ở Việt Nam, hầu như khu rừng nào cũng có cọp, mà chỉ có chuyện Cọp Khánh Hoà, Nha Trang và cọp Ba Móng Biên Hoà là dữ dằn hơn cả, đã từng gây cho dân địa phương nhiều nỗi kinh hoàng. Chuyện Cọp Khánh Hoà tôi có nghe kể khi còn làm lính chiến ở Nha Trang năm 1959, nhưng không còn nhớ rõ chi tiết. Riêng chuyện Cọp Ba Móng ở Biên Hoà thì tôi chỉ biết được như trên. Tôi nghe nói, đã có người viết về Cọp Ba Móng thành sách dày đến trên 300 trang, nhưng tôi chưa có dịp đọc qua. Tôi rất tiếc về chuyện Cọp Ba Móng Biên Hoà có quá nhiều giai thoại, không biết giai thoại nào là đúng với sự thật, để người dân Biên Hoà dựa vào và thuật lại cho con cháu nghe sau này.

Nhân đây, tôi cũng xin kể thêm một chuyện liên quan đến Cọp Ba Móng vùng Tân Uyên, Biên Hoà. Đó là trò chơi đồ hột *Bầu-Cua-Cá-Cọp*, trong dịp xuân về tết đến, hoặc những ngày lễ hội đình làng. Trò chơi này đã có từ lâu nhưng không rõ xuất xứ, gồm một tấm giấy to bằng cái mặt bàn và ba hột lúc lắc có in sáu hình tượng “*Bầu, Cua, Cá, Cọp, Tôm, Gà*” thường được bày bán ở cửa hàng bà Xẩm Queo Tay (thân mẫu của chị Dậu, hiền thê của anh Hứa Văn Châu, nhơn viên Cảnh Sát Đặc Biệt, Ty Cảnh Sát Long Khánh) một cửa tiệm chuyên bán bánh kẹo và đủ thứ trò chơi, kế cận tiệm tạp hoá Hớn Thái Sanh, đường Võ Tánh, Biên Hoà... nhưng có một khoảng thời gian, dụng cụ trò chơi này bán không chạy nữa vì rất ít người đến hỏi mua Tìm hiểu và được biết người dân ở miền Đông nói chung và Biên Hoà nói riêng không dám mua loại dụng cụ trò chơi này, cho con cháu vui chơi nữa, chỉ vì trong dụng cụ trò chơi này có hình tượng con cọp...mà mọi người đang kiêng nể và kính trọng.... Người ta sợ đến nỗi không ai dám gọi cọp là con cọp mà gọi là *Ông Ba Mươi* và hiện tượng các đình chùa, ngoài việc thờ Phật, thờ Thần còn lập một cái miếu nhỏ thờ “*Thần Hổ*”... thế là các con buôn hiểu được và rất bén nhạy trong việc này, bèn cho thay đổi ngay bàn “*Bầu-Cua-Cá-Cọp-Tôm-Gà*” thành “*Bầu-Cua-Cá-Nai-Tôm-Gà*” và dùng cho đến ngày nay(?).

Ngoài những giai thoại về Cọp Ba Móng nói trên, người dân ở quanh vùng Tân Uyên Biên Hoà còn kể nhiều mẫu giai thoại nhỏ như sau: Chúa tể của một đàn cọp ở khu rừng miền Đông Nam Bộ, không biết sợ sủng, nghe sủng nổ ở đâu thì chạy đến ngay. Con cọp ba móng hữu ngạn sông Đồng Nai, đã từng ăn thịt một trăm hai mươi tám người, trong số có lính Việt Minh kháng chiến chống Tây và thường dân.

Có đoạn, tác giả Trương Tôn viết: “*Chuyện Cọp Ba Móng ở vùng Tân Hoà, Tân Uyên, Biên Hoà khá ly kỳ. Nhiều người đã viết thành truyện đăng báo, nhưng mỗi người viết mỗi khác*”.

Thật sự mà nói, vào khoảng thập niên 30 hoặc 40 về trước, ở các làng quê hẻo lánh vùng miền Đông Nam Bộ người ta rất sợ cọp, nhất là chuyện Cọp Ba Móng vùng Tân Uyên, Biên Hoà đã gây cho người dân địa phương một thuở kinh hoàng, chỉ vì người ta không có phương tiện trừ khử nó, nên nó càng ngày càng dữ thành tinh và lộng hành, gây nỗi lo sợ thường trực cho người dân, ngoại trừ vài người giỏi võ như trường hợp Bà Trà, một vị tướng của vua Quang Trung; sau khi triều đại Tây Sơn suy vong Bà Trà chọn vùng đất Tân Khánh (Tân Uyên, Biên Hoà) làm nơi luyện tập võ nghệ để mưu cầu khôi phục nhà Tây Sơn, nhưng việc lớn không thành, và vô hình chung tạo cho vùng Tân Khánh (có lúc là Khánh Vân, lúc là Tân Phước Khánh) thành một làng giỏi võ, trong dân gian vẫn quen gọi là võ Bà Trà Tân Khánh, với 12 thế đá rất bay bướm nhưng vô cùng độc hiểm, mà người dân quanh chợ Biên Hoà đã từng chứng kiến cảnh người phụ nữ Bà Trà, Tân Khánh cầm đòn gánh đi quyền... Những người giỏi võ nổi tiếng vùng Tân Khánh, nổi nghiệp Bà Trà là ông Át và ông Giá từng đánh cọp ở Ba Lòng, dân gian nói, cọp Ba Lòng dữ lắm chỉ có võ Tân Khánh trị mà thôi và cũng từ đó có câu “*Cọp Ba Lòng Võ Tông Tân Khánh*”, cũng như thầy võ Năm Minh quyết hạ cọp ở vùng chùa Hóc Ông Che (Hoá An- Biên Hoà) và vào thập niên 60 ở Tân Khánh có mở nhiều lò dạy võ của các võ sư Bảy Phiền, Tám Bi, Sáu Chọi, Năm Dục.....

Và trong khoảng thời gian này, tôi có người bạn gái tên Mai Thị Thanh, tự cô Sáu Đồng Nguyên, ở tại số 08 đường Lê Thánh Tôn, Biên Hoà, cô rất ham mê võ thuật, thường ngày, vào những buổi chiều, cô từ Biên Hoà đi đò qua sông, lên Tân Khánh học võ và thỉnh thoảng, cô dạy lại tôi vào những đêm trăng.

Ngày nay chuyện cọp không còn là mối quan tâm hoặc nỗi sợ hãi đối với người dân nông thôn, sống cận rừng núi xa xôi hẻo lánh của vùng miền Đông đất đỏ nữa, vì làng nào cũng có sủng và nhiều người bắn rất tài tình, hơn nữa còn có người có khả năng đánh được hơi cọp, biết khu rừng nào có cọp hoặc không có cọp trong lúc đi săn...Người ta săn cọp để nấu cao làm thuốc tăng cường sinh lực, và người thợ săn có kinh nghiệm cho biết con cọp 100 ký, chỉ có 17 ký xương và khi sấy khô chỉ còn 10 ký, gọi là *Cao Hổ Cốt*.

Năm Canh Dần, 2010, nhân dịp xuân về, tôi kể chuyện CỌP liên quan đến những ngày thơ ấu của tôi ở xã Thiện Tân (Công Thanh, Biên Hoà) và cả chuyện Cọp Ba Móng vùng Tân Hoà, Tân Tịch...(Tân Uyên- Biên Hoà) với lòng mong mỗi góp chút niềm vui lạ



NGÀI HỔ TRỊ VÌ NĂM CANH DẦN **Ngọc Tâm - Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm** (Houston, Texas. USA)

Năm ni 2010, rứa là Ngài làm Chúa Tể trọn năm rồi! Dân cầu mong Ngài dương oai diệu võ gầm to lên cho vài tiếng xua đuổi nghiệp xấu đi và mang những nghiệp tốt lành đến cho dân nhờ, Ngài hí?

Với tiếng tăm của Ngài lâu nay ai nghe tên cũng đã khiếp sợ rồi, nói chi vô phước gặp thấy Ngài, hồn phi phách tán ngay.

Ngài oai chưa? Sợ Ngài lắm, nhưng lúc Ngài an giấc ngàn thu thì các vị Đông Y Sĩ gốc Á Châu trân quý xương cốt Ngài vô cùng tận. Họ đặt tên từng phần trên thân Ngài những chữ theo văn tự, đẹp thoát tục không thanh nhưng mạnh mẽ và có một danh xưng mà khi các đấng mày râu nghe đến thì ngẩn ngơ to tưởng. Phải tính đơn vị cân bán theo lượng vàng: **Cao Hồ Cốt**

Thân thể Ngài quý như vậy nên được chia như sau để trị bệnh cho thiên hạ nhờ đây:

- **Hồ Bì** (Da Hồ): Nằm lên sẽ tránh mộng寐, ma quỷ, yên ổn tâm thần, chữa kể những nhà giàu sang trải bộ da giữa phòng khách, hách biết cỡ nào khi nhìn thấy bộ da có lông vằn vện
- **Hồ Tinh** (Mắt Cọp): Trị bệnh điên
- **Hồ Nha** (Răng Cọp): Đeo vào người tránh tà ma, xui xẻo
- **Hồ Ky** (Mũi Cọp): Tán nhỏ chữa bệnh kinh phong
- **Hồ Tu** (Râu Cọp): Cắm vào măng tre tạo thành chất độc
- **Hồ Đô** (Thịt Cọp): Chữa bệnh tiêu hoá
- **Hồ Huyết** (Máu Cọp): Tăng cường khí lực, bồi bổ toàn phần
- **Hồ Chi** (Mỡ Cọp): Ngâm rượu chữa thương tích lở loét
- Hồ Đảm (Mật Cọp): Chữa trị thương tích, tụ máu
- **Hồ Thĩ** (Phân Cọp): Đốt trị bệnh ghẻ, lở ngứa

Rồi nguyên bộ xương của Ngài lại còn được chia ra đặt tên cho kêu. Nào là:

- **Hồ Tích Cốt**: Xương sống
- **Hồ Lạc Cốt**: Xương sườn
- **Hồ Hình Cốt**: Xương chân
- **Hồ Thĩ Chung Cốt**: Xương đít
- **Tử Thối Hồ Cốt**: Xương bấp đùi

Nhưng có một cái lạ, tìm mãi các sách viết của các vị danh y, tôi không thấy nói đến “đuôi cọp”. Xin hện các vị kỳ sau, sưu tra tiếp cho đủ bộ; còn tìm không ra xin xem đoạn sau của bài viết, chắc cũng có trị bệnh chi đây, chắc chắn là vậy!

Nhắc đến **Cao Hồ Cốt**, tôi nhớ kỷ niệm của Ba tôi, là Mẹ Bửu Kinh. Lúc sinh thời, khoảng trước năm 1960, vào cuối tuần, thường là chiều thứ Bảy, Ba tôi hay đi săn cùng các người bạn. Trang bị đầy đủ, từ Nha Trang đi Khánh Dương hay những dãy núi rừng Trường Sơn chạy dài bao quanh tỉnh Khánh Hoà, địa danh đã có câu: “Cọp Khánh Hoà, Ma Bình Thuận”.

Ba tôi đi suốt đêm, đến khoảng gần sáng, hai giờ hay năm giờ mới về. Tuỳ theo bữa đi săn bắn được thú rừng, chất lên chiếc xe Jeep lúc nai, cheo, mềnh, có khi heo rừng, thỏ ...

Hàng xóm láng giềng đã thành cái lệ; khi Ba tôi về đến, nghe tiếng xe là gọi nhau đến đây nhà phụ nhau xẻ thịt. Ba tôi và các Ông bạn chỉ lấy chút ít, còn bao nhiêu chia cho mọi người, ai về cũng vui vẻ có thịt rừng để gia đình ăn đổi bữa lạ miệng.

Ba tôi thích thú đi săn, không thích ăn thịt rừng, lại không biết uống rượu, nhưng không hiểu sao Ba tôi sẵn được cạp để nấu Cao Hồ Cốt.

Tôi còn nhớ, lúc đó khoảng mười tuổi, đang ngủ nghe mọi người lớn tiếng “Cạp, Cạp”, tôi thấy mọi người xúm nhau đưa xuống một con cạp nằm trên chiếc xe bò được kéo sau chiếc xe của Ba tôi, hi hục mang vào sân trước nhà tôi.

Khi mọi người bắt đầu xẻ thịt, việc đầu tiên là Ba tôi kêu hai người chị thứ Tư và thứ Năm của tôi đứng bên cạnh đợi; lúc mổ bụng con cạp ra là bắt hai chị thọc hai bàn chân vào bụng con cạp còn nóng hổi. Hai chị gan lắm không sợ cạp; vì bị phong ngứa nhức ở chân nên ai đó chỉ cách như vậy. Riêng tôi, thì biến mất vào phòng đắp mền kín mít sợ khiếp luôn, vì chính mắt nhìn thấy con cạp bằng xương bằng thịt; hình ảnh ấy vẫn còn in sâu trong ký ức. Không hiểu hai chị tôi có hết bệnh do cách trị liệu dân gian đó không? Sau đó, được biết Ba tôi săn thêm hai con cạp nữa, nhưng tôi đã vào trường nội trú nên không chứng kiến được. Đó là kỷ niệm nhớ về Ba tôi một thời săn bắn và giết được cạp.

Như tôi đã trình bày, Cao Hồ Cốt mà các đấng mày râu rất chuộng vì công dụng của cao trị đau nhức tuổi già, bồi bổ sinh lực tăng cường sức khỏe, đỏ da thắm thịt. Dùng cho người già, trẻ không dùng được vì sẽ nứt da. Có dịp về nhà, tôi nhìn thấy Ba tôi đang nấu bộ xương cạp cưa nhỏ trên cái chảo gan lớn sau nhà. Các bạn Ba tôi thay phiên nhau quậy cao cả mấy ngày chế ra cốt dẻo vàng, chia loại cao thứ nhất hảo hạng, thứ nhì, thứ ba, cân đo bằng lượng, bao bọc trong giấy kiếng đỏ. Ba tôi thích thú tìm hiểu nấu cao chứ không bao giờ dùng tới. Tự tay làm ra, ngoài Cao Hồ Cốt còn có Cao Quy, Cao Hải Nam... không bán cho ai cả.

Sau này làm xuôi gia với Ba chồng tôi, Ông Tám Quế Biên Hoà, khi vào thăm tôi, biết Ba chồng tôi uống được rượu ấy, mang vào biếu cho Ba chồng tôi và truyền tất cả cách nấu, pha chế. Nấu cao có những bí quyết, không biết nấu sẽ không thành cao mà lại bị khét hoặc khô rang.

Trong toa thuốc Minh Mạng, Ba tôi có được do dòng họ truyền lại, Ông cho biết phải có Cao Hồ Cốt mới thành thuốc tiên cho Vua dùng. Bây giờ ai cũng phổ biến “toa thuốc Minh Mạng” tùm lum, mọi người đều khen hay, không biết có pha thêm Viagra không, chứ cạp bây giờ thuộc loại hiếm, sắp tuyệt chủng vì săn bắn bừa bãi của loài người, thì xương ở mô mà nấu Cao Hồ Cốt đây, hi?

Bây giờ trở lại chuyện cái đuôi cạp. Như các vị có vợ người Tàu, cung chồng họ ưa hàm đuôi heo với “xá bầu” (củ cải muối) hoặc đuôi bò với nấm đông cô. Đàn bà Tàu cho chồng ăn cái đuôi, không biết bỏ cái chi đây, hè!

Nên truyện kể:

“Một ông Tàu bán thịt heo, rao: “*Ăn gì bò Ináy, mua dzô, mua dzô*”. Một bà Việt Nam cà lăm cắc có hỏi: “*Dzậy...dzậy.. ăn cái đuôi, bồ...bồ cái ...cái ...gì?*” . Ông Tàu nói: “*Cái lầy ... Nị mua cho chồng ăn đi. Nó ăn cái luôi lằng sau thì nó bồ cái lằng trước, hi ...hi*”

Vậy các vị đã rõ công dụng của cái đuôi rồi đó. Nói chung cái gì cũng là vị thuốc tốt và quý giá của Ngài Hồ. Thiên hạ trân trọng Ngài như vậy, nên năm nay cầu xin:

Ngài Hồ trị vì năm Dần cho toàn cõi Năm Châu mưa thuận gió hoà, người dân được Xuân Thái Bình, Thịnh Vượng, Bình An.

Cầu mong lắm thay!





BA CON C ÁO

Nhà Văn Bình Nguyễn Lộc

(Tô Hoà Dương, Sacramento, California, USA)

Mặc dầu là tay "*bán trời không mời thiên lôi*", Sáu Sứ vẫn nghe rờn rợn khi nhìn ra ngoài.

Thánh giá trắng đứng mơ hồ trong ánh sáng lờ mờ của nghĩa địa, sắp thành hàng ngũ đông đúc, nhánh ngang của thánh giá trông mừng tượng như những cánh tay người giăng ra để đón bắt ai. Xa xa, một trụ vôi có dáng một người đàn bà đội khăn tang trắng, đứng nhìn đám mộ trước mặt bà ta. Gió đêm, cùng với đế, trùn, hạp nhau mà than vãn bên hàng nghìn mộ hoang mả lạnh, và thỉnh thoảng, anh Sáu vắng nghe như có tiếng người rên rỉ đầu đây.

Từ một ngôi mộ cũ đặng xa, một ánh lửa loé lên, nhỏ bằng ngón tay, từ từ bay lên cao rồi đi bơ vơ qua các hàng thánh giá. Lửa ma trôi hay là đèn của một người đi soi ếch nào đó? Mưa dầm thảng tảm rơi trên nước ao tù khiến anh Sáu có cảm giác rằng mình đang ngủ trên một chiếc thuyền, giữa dòng nước. Lạnh quá, lạnh ngoài da, mà lạnh cả đến trong lòng. Người sống, một khi xâm nhập vào địa hạt của người chết, mới nhận được rằng cuộc đời bên ngoài đầu đau khổ bao nhiêu cũng còn ấm chán.

Tại phố Phát Diệm, khúc phía trên này, họ Cầu Kho có một đất thánh mà từ vài năm nay nhà thờ không cho chôn trong đó nữa. Dân số nghĩa địa cứ mỗi ngày một tăng lên, mà không có một ai chết lần thứ nhì cả để cho số sanh và số tử bù trừ nhau hầu đất đai trống bớt chỗ. Ngoài thành phố, người ta để con, nhưng người ta lại chôn ông, nhà cửa thành thử không chật thêm được. Ở đây mộ mà sanh ra rồi già cõi dưới rêu xanh của sương gió, nhưng vẫn nằm lì đó đến muôn thu. Vì vậy nghĩa địa phải chịu nạn nhưn mãn. Nhà thờ không cho chôn xác thêm vào đó, rồi cũng chệnh mảng việc trông nom đất thánh nên người sống đang thiếu đất, bèn ủa đến mà lán người chết.

Nghĩa địa không có vách thành. Ban đầu vài người mạo hiểm cất nhà ngay trên ranh đất thánh. Thấy không ai nói gì, một số người khác lách qua khỏi mấy cái nhà vừa cất lên, để vô trong mà xây cất. Họ cất vây tứ phía ngôi đất thánh và vòng vây cứ càng ngày càng siết chặt lại, người chết không còn lối nào để thoát ra được nữa cả. Khi vòng vây siết đến lần mức chót, nghĩa là những ngôi mộ ở bìa, thì cuộc xô lấn bắt đầu diễn ra một cách đau thương.

Người sống cũng biết đau lòng khi phải dẫm lên những gò mà còn mới rành rành (nhiều mộ bia, thánh giá, đề năm chôn là 1951) nhưng họ, ác thay, lại cũng biết lạnh. Cho nên họ cứ cất nhà trên những nắm đất ấy, xin người chết thứ lỗi, miễn là có chỗ núp mưa thì thôi.

Không bao giờ kẻ sống và người chết lại sát cánh nhau đến thế. Ông đã chết rồi, ông choán đất làm chi cho nhiều, trong khi tôi không có lấy một vuông nhỏ để mà cắm cây cột gỗ; vậy ông thứ lỗi nhé! Rồi ngày sau tôi cũng hoàn lại đất như ông vậy mà; trần gian này chỉ là cõi tạm thôi, tranh nhau làm gì!

Cuộc xâm lăng lạng lẽ để tranh sống với người chết, gây ra một tai hại lạ kỳ. Vùng đất ấy ngày xưa tuy cũng thấp vẫn khô ráo, nhờ con rạch Bàn tháo nước ra sông Ông Lanh. Nhưng từ khi đô thành cho đắp đại lộ Trần Hưng Đạo, cách đây mấy mươi năm, thì ngọn rạch Bàn bị lấp, và nước mưa trên này bị bỏ tù lại đến chung thân khổ sai, vì khu ấy đất trũng mà! Đất thánh không phải ở giữa rún đất nên không đọng nước. Nhưng vòng vây tai hại kia lại biến thành con đê ngăn nước đất thánh đổ xuống chỗ trũng hơn. Thành thử phần nhiều ngôi mộ đã biến thành cù lao, có cù lao rời rạc, có mớ hạp thành quần đảo, không còn làm sao ra đó được nữa. Nước tù mang một màu khó tả và một mùi cũng khôn tả. Đáy ao biến thành bùn non, đi thì lún đến ống quyển. Lau, sậy, đề tha hồ mà mọc như ở bưng miền xa.

Giữa đất thánh còn sót lại một ngôi mộ cổ kiến trúc theo bên lương mà có lẽ nhà thờ không nỡ phá đi lúc lập ra đất thánh cho giáo dân này. Ngôi mộ ấy đồ sộ nhưt nghĩa địa, xây bằng vôi và ô dước, xanh đặc những rêu phủ. Lối kiến trúc rất rắc rối như một lâu đài, đầy rẫy ngăn nắp với nào là đường vào lối ra quanh co và hóc hiểm.

Hôm ấy những người của vòng vây đều ngạc nhiên mà thấy một mái nhà lá dựng ngay trên ngôi mộ cổ ấy. Nhà dựng đâu từ sớm mai đến trưa là xong cả. Họ cứ tự hỏi, và hỏi nhau làm thế nào mà chủ nếp nhà ấy lợi sinh để ra ngoài đó được. Đi tay không đã không được rồi, mà làm sao hấn ta lại mang cả gỗ, tre và lá ra đó để cất nhà? Hỏi nhau không ai đáp được, mà cũng chẳng mong phỏng vấn thẳng cha dì họm kia, họ đành thôi. Thét rồi mắt họ quen đi, nếp nhà ăn vào chân trời quen thuộc của họ, họ nhận cho nó ở đó mà không bàn tới bàn lui gì nữa cả.

Sáu Sứu ngày trước có ở xóm Phát Diệm. Năm ấy có người treo cổ trong nhà mồ ở bìa đất thánh. Anh đã vào đó với nhiều kẻ hiếu kỳ khác để xem kẻ chết treo, nên được dịp biết rõ nghĩa địa. Hôm tháng rồi anh bị truy nã ráo riết nên cố tìm một chỗ ẩn nấp thật kín. Nhớ lại xóm cũ với cái nghĩa địa kia, anh về qua đó và rất hài lòng mà gặp hòn đảo này. Không một viên cảnh sát nào đủ can đảm lợi sinh nhút là dầm chơn trong một thứ nước nhờn nhớt để ra ngoài đảo Lỗ Bình Sơn của anh. Nếu có cuộc bố ráp đại qui mô như hồi còn Tây thì bất quá họ cũng đứng ngoài mà nhìn vào, hú bậy vài tiếng như hú đò bên kia sông, rồi đò không qua thì thôi. Họ nghĩ sót một con cá cũng chưa chết ai, mà biết đâu cá đó lại không phải cá hiền, một tên ăn mày nào đó chớ gì.

Từ vòng vây ở ngoài, leo lét vài ngọn đèn dầu của những kẻ lẩn đất người chết. Xa thật xa ngoài kia, ánh sáng đỏ thành làm nổi bật lên, đen thui, những ngôi nhà lâu, những ngọn cây cao. Các thứ này giống hệt những hình bằng giấy đen, người ta cất rồi dán lên nền trời. Bỗng anh Sáu nghe rục rịch dưới sàn ván. Hôm cất nhà xong, anh lót ván lên mộ, vừa để làm nền nhà, vừa để làm giường ngủ. Dưới ván rằm ấy, lau sậy bị đè đầu xuống, và sẽ chết dần mòn vì thiếu ánh sáng. Anh Sáu quên, một thứ khác, cũng giống như lau sậy, mà biết cục cựa nữa kia. Vì thế đêm nay trời có trăng, anh ngồi ngó một ra đám rừng thánh giá trắng thì anh phải một phen hết hồn trước sự hiện ra của một chú chồn to bằng con chó ta.

Chồn khua lau sậy sột soạt, rồi chui ra khỏi mộ, ngoái cổ lại dòm cái nhà mà đêm hôm qua đây chưa có. Suốt ngày hôm ấy nó nằm trong hang, không dám ló ra nên không biết ngoài này loài người làm gì mà lục đục mãi. Đôi mắt nó lóng lánh dưới ánh trăng, ngạc nhiên giãy lát rồi bỏ đi. Nó đã quen với con người rồi nên không có vẻ gì sợ sệt cả. Nhưng anh Sáu lại sợ. Anh có đọc truyện Phong Thần nói chuyện mà Huỳnh Đế có một bày hồ ly mà một con đã nổi danh trong lịch sử, là cái con đã biến thành nàng Tô Đắc Kỷ; đến nay thấy chồn trong mộ chui ra, anh liên tưởng ngay đến tích cũ rồi rợn người lên. Nhưng anh trấn tĩnh lại được. Trong dân chúng người ta tin chắc như đinh đóng cột rằng tóc người chết hoá thành con lươn, rồi con lươn hoá thành con chồn. Con chồn mà anh thấy, có lẽ chỉ là thối thân của tóc người nằm dưới nhà mồ, chớ không phải yêu quái gì đâu.

Độ nửa tiếng đồng hồ sau, anh Sáu thấy chồn về, mồm ngậm một con vịt.

- *A ha, đồng đạo đây mà! Anh Sáu cười mà nói thầm như vậy rồi cảm tình ngay với con thú này.*

Cái đạo mà anh nói đó là đạo ... chích; trước kia, trước khi lường gạt và cướp giựt, anh cũng đã đi ăn cắp gà như chú chồn này vậy. Ngày nay anh thôi ăn cắp, nhưng lại biến thành con cáo già chuyên môn gạt gẫm thiên hạ.

- *Mầy cáo thì tao đây cũng cáo, vậy thì là bỏ rồi.*

Từ đó, hai con cáo chung đụng với nhau mà không xích mích bao giờ cả.

Nghe động dưới sàn, anh Sáu mỉm cười lắm bảm:

- *Đồng nghiệp xuất quân đó đa!*

Anh Sáu nhờ cậy con chồn này lắm. Có nó ở dưới ấy thì không còn lo rấn rít nữa. Anh mong có dịp trả ơn nó, nhưng nó có đói bao giờ đâu để anh ra tay hào phóng mua cho nó một con gà. Xóm lao động vây quanh nghĩa địa, người ta nuôi gà vịt cả bày, nó ăn đến già cũng chưa hết. Bỗng anh Sáu nghe có tiếng chó sủa vang dậy lên. Tiếng sủa to lắm và oai vệ lắm, có lẽ đó là tiếng chó bẹc-giê. Rồi lại nghe nước khua lùm chũm, với tiếng chó cang lúc cang đến gần anh. Anh Sáu bước ra dòm thì thấy bạn của anh đang chạy bán sống bán chết trước một con chó to thấy mà bắt ớn.

Anh Sáu thò tay vào trong rút cây chĩa ba ra, cây chĩa anh sấm để chĩa ếch dưới nước, rồi lẹ như chớp, anh chia mũi chĩa đón đầu chó cho chồn đủ ngày giờ chui vào mả. Chó bẹc-giê chạy quá đà, bị mũi chĩa đâm vào mõm đau điếng, rống lên vài tiếng rồi trở bước, vừa đi vừa day lại, sủa om như chửi thề.

Anh Sáu cười ha hả rồi cúi xuống sàn mà nói:

- *Đêm nay tổ trác rồi đó phải không em! Anh đây cũng bị rượt thường lắm, nhưng đều thoát khỏi cả. Bây giờ thì đó ai mà dám theo anh vào chôn này. Chỗ ở tụi mình kín số dách.*

Trong cảnh khổ giống nhau, tuy họ không tương đắc với nhau được và vẫn phải tương thân để bảo vệ nhau, khi cần. Mà nhưt là để an ủi lẫn nhau.

Anh Sáu không thích đòn bà lẩm. Hay nói cho đúng ra, anh đã chán chê đòn bà, nhưt là chán những hàng đòn bà như con hồ ly không bao giờ chịu xưng tên này. Nhưng mà những đêm mưa dầm buồn quá, nằm giữa cánh đồng ma mà được có người để trò chuyện với nó thì âm biết bao!

Những đêm mưa như vậy, con hồ ly không đi kiếm ăn được, mà cũng không đủ sức mạnh để nhảy qua nhà anh Sáu vì hòn đảo của anh ở xa mãi ngoài giữa dòng nước, nên hồ ly ta thấp lên một ngọn nén rồi ngồi bó gối mà ca trật lất bản nhạc "*Đêm đông*".

"Đêm đông, ca nhi đối gương ôm sầu riêng bóng"

Gió dầm sầm vào tiểu giáo đường đằng trước kia, tung hoành giữa gian phòng trống mênh mông rồi vừa hú vừa chui ra khỏi các cửa sổ nghe bắt lạnh mình. Mấy cây thủy liễu hiêm hiêm đã kháng cự được với lau sậy để sống sót, đứng cúi đầu khóc sụt nước dưới trận mưa dầm, trong ánh trăng mờ. Một hàng hàng như bầy cừu nằm nghỉ, gặm cỏ héo hon và vô vị, hút đấng cay trên miếng đất mồ côi (2).

Đây là chôn mà mộng đời bị cắt đứt nửa chừng, kẻ chết yên nghỉ thiên thu, mà người sống cũng khó mong trở về với xã hội loài người.

Anh Sáu nhảy bay qua nhà hồ ly, như một tay kiếm khách phi dạ hành, rồi hai kẻ ở ngoài vòng pháp luật ấy mới cùng nhau tâm sự. Không phải kể chuyện cho khách nghe, hồ ly khỏi phải thi vị hoá buổi thiếu thời của mình, không cần loè ai, con cáo già cũng khỏi anh hùng hoá bước giang hồ của hấn. Họ đánh bài, mà hạ bài cho nhau thấy. Bao nhiêu thú tha như nhớp trong đời họ, họ phơi cả ra như sau đêm mưa, họ phơi gối trên mồ cho nó bớt âm ẩm khó chịu.

Trời mưa cuối mùa cứ dai dẳng từ ngày này qua ngày khác. Con hồ ly ban đầu ăn xôi, ăn bánh mì chả lụa trừ cơm. Mãi rồi nó cũng không còn tiền để mua xôi nữa. Đất Sài Gòn, những ngày cuối tháng mà mưa dầm, thì tiền bạc nó cũng sợ lạnh, không hề dám ló ra ngoài. Nó có ló ra, con hồ ly mới ăn nem nướng được, còn nó mà trùm chần thì chồn cái cũng đành trùm mền mà nhịn đói. Anh Sáu cũng chẳng thấy đi uống cà-phê sáng cho ấm bụng. Cũng chẳng thấy khói thuốc bay ra khỏi mái lều của anh như mọi ngày, và lâu lâu cũng không còn nghe mẩu thuốc vút xuống ao, tắt kêu xèo một cái.

Cả hai, vì tự ái hão, đều giả đau để nằm nhà. Anh Sáu yên thân hơn, còn dám ngồi dậy lét ra lét vô. Còn con hồ ly thì sợ anh Sáu đi ngang qua đó biết mình giả đồ chẳng, nên cứ trùm chiêu mãi từ sáng đến chiều. Khó chịu quá, ngột quá, mà anh Sáu không đi ngang qua lần nào để thấy là nàng ta đang đau ốm thì có tức hay không chớ?

Hết mưa rồi nắng. Anh Sáu ra đi. Ngang qua nhà hồ ly, anh lấy chơn lật chiếu ra thì thấy hồ ly nằm xụi lơ. Nàng đau ốm thật đó, đau một chứng bệnh cổ điển của loài người, là bệnh ... đói. Anh Sáu mau bước nhảy như con khỉ từ ngôi mộ này đến ngôi mộ khác và rút cuộc ra tới đầu ngõ hẻm trở ra phố.

Thiên hạ cứ mỗi ngày một khôn ra, cho nên, mặc dầu là cáo già, anh Sáu không còn gạt gẫm ai được nữa. Anh buồn hiu trở lại đào viên mà ba người bạn đã mặc lạng kết nghĩa với nhau hôm mấy tháng trước.

- *Chị đỡ bớt hay chưa?* Anh hỏi bậy cho có chuyện.

- *Có uống mẹ gì đâu mà đỡ bớt.*

- *Chị nghe trong mình làm sao?*

- *Không biết. Nhưng nếu ăn được một chén cháo thì khoẻ.*

Anh Sáu hiểu ngay. Anh lại thở ra, ngồi bó gối bên cạnh một người mà anh sẽ chịu đồng cảnh vài ngày nữa đây. Sở dĩ anh còn đi đứng được là nhờ anh mạnh sức, lây lất nổi thêm vài ngày.

Chiều xuống sớm và mây kéo đen nghịt trời. Ngoài kia vịt vào chuồng kêu cạp cạp. Nghe tiếng vịt kêu, anh Sáu nhớ lại người bạn thứ ba.

- *Hừ, nó coi vậy mà no đó.*

Bỗng một ý nghĩ nảy ra. Anh vừa mừng thì lại nghe như ai xát ốt trong ruột anh. Nhưng biết làm sao: Đi ăn trộm vịt, không đáng gì cả, mà rủi ro thì khổ. Trong lúc mình đang trốn mà đại gì làm những chuyện xằng nho nhỏ. Anh Sáu đứng lên nhảy bay qua nhà anh, rồi ngồi nhìn mưa bắt đầu rơi lũm chũm trên mặt ao tù.

Một con nhái hay con gì không rõ, nhảy xuống nước lội róc rách đi về đâu không biết. Gió hú trong tiểu giáo đường, gió than vãn ở các nhà mồ. Xa xa tiếng động cơ xe nổ lên, nhắc nhở rằng cuộc sống ở bãi tha ma này thảm lạng quá! Anh Sáu rút cây chĩa ba, lét ra tới trước mà ngồi. Anh cúi mặt xuống miếng đất đọng nước, mắt lom lom rình.

Bỗng có tiếng sột soạt do con chồn khua lau sậy, nay đã chết khô rồi. Anh Sáu hồi hộp nghe tim anh đập thình thịch trong lồng ngực anh. Lại! Anh đã giết người, mà nhớ ra là anh đã không nghe máy may sợ hãi. Có sao đêm nay ...

Kìa một cục đen đen thò ra khỏi sàn ván. Anh Sáu cầm chìa ba mà nhắm rồi sức một cái, mũi chìa đâm chú xuống trúng ngay cổ con chồn. Chồn thét lên một tiếng kêu đau, kinh sợ, rồi thôi. Trong bãi tha ma hoang vắng, không một tiếng vang lặp lại tiếng kêu thương của con vật vừa bị bạn phản bội này.

Dân lưu manh vẫn thế. Họ cũng biết xúc cảm, nhưng chỉ xúc cảm vậ vậ thôi. Họ nhỏ trên máu con chồn vài giọt nước mắt rồi thịt nó liền mà không nghe nhòm răng. Thế là đêm đó hai con chồn đói xoi một con chồn no. Họ chỉ ân hận một vài giây thôi, vì đầu sao, người bạn xấu số ấy cũng chỉ là một con chồn. Ai dư nước mắt mà khóc thú vật cho lâu! Trời cứ mưa, mưa như cầm chỉnh mà đổ, mưa như một oanh tạc cơ định về căn cứ, đổ dốc hết bao nhiêu bom còn sót lại trên tàu, mưa cho hết ráo nước để rồi khô hạn được trong sáu tháng dài, mưa đêm chưa phải lại mưa ngày, mưa cho đến xương kẻ dưới mồ chắc cũng lạnh thấu tuỷ khô.

Ăn được bữa cháo chồn, hồ ly nghe khoẻ như chị đã đoán. Sáng hôm ấy chị ra đi, căn dặn anh Sáu ở nhà, chị sẽ có tiền, một món tiền khá to, đâu như năm trăm, do một anh tình nơn hứa biếu và hẹn hôm ấy trao cho vì hôm trước là ngày lương. Anh Sáu thích quá, muốn ôm lấy hồ ly mà hôn một cái. Nhưng con hồ ly dơ thấy mà bắt nôn, nên anh thôi. Độ ló chín giờ sáng, anh Sáu đang nằm ca sáu câu mùi mẫn:

Cảnh vị nhân sâu, xơ xác ngọn vi lau, nước triều mênh mông chảy ... thì bỗng nghe tiếng tu huýt thổi hoen hoét ở cùng tứ phía, quanh nghĩa địa rồi giây lát sau con hồ ly nhảy như khi qua các nấm mồ, theo sau chị là hai người đàn ông còn trẻ.

- *Trời ơi, anh Sáu kêu, mình đã dại, kể cho nó nghe duyên có trốn tránh của mình; nó bán mình mà ăn đây! Chồn ơi, hồn mi có thiêng chẳng, về mà xem kẻ phản bội mi sắp bị trừng phạt đây.*

Anh Sáu bó tay không chống cự. Anh nhìn hồ ly, không oán giận mà chỉ tội nghiệp thôi. Con hồ ly cái trốn cái nhìn của anh, ngời day mặt vô vách lá mà đêm tiền.

Đêm nay, gió sao mà hú ghê rợn hơn đêm nào cả. Hồ ly giật nảy mình, dáo dác nghe ngóng. Gì mà như anh Sáu ho bên ấy! Chị đánh diêm lên để thắp nến. Trời ơi, mới hôm qua đây, anh Sáu còn nằm bên đèn kể lại những bước phiêu lưu của anh! Hơi thở của anh, chị còn nghe như vắng vắng. Cái mặt xương của anh đậm nét lên dưới ánh đèn, như là còn ẩn hiện mơ hồ trên tấm mộ bia!

Trời ơi! Kéo cuộc đời như nhóp này biết đến bao giờ mới thôi? Đã như nhóp lại đề hèn, bước từ phản bội này qua phản bội khác cho đến một khi kia thì mình chỉ còn phản bội được chính mình.

Hồ ly rùng mình một cái, không phải vì lạnh, cũng không phải vì sợ ma, mà vì chị bỗng sợ hãi chính mình, sợ hãi con người đã voi cạn hết chất người. Chị ôm mặt khóc oà, rồi lằm bằm van vái lằm thắm:

- *Trời Phật ơi, Chúa ơi, tha tội tôi, ngày mai tôi sẽ ra khỏi chốn này và ra khỏi vực đen của đời tôi nữa!*

Chú Thích của BNL:

(1) Nơi đây yên nghỉ: Ông An-Phông Tô Ma Nguyễn Văn Nở, thất lộc năm 78 tuổi. Hãy cầu nguyện cho ông. (2) Ý này của P.S. và X.V.

Lời bàn:

Bắt đầu bằng cái rừng rợn của thế giới người chết. Vậy mà cuối cùng, chính cái thế giới ấy lại từ tế gập vụn lần thế giới của những kẻ đang sống. Truyện này mang xuống âm phủ mà đọc, chắc dưới đó người ta cũng xếp ngay vào loại "Liêu trai". Bởi đối với cõi âm, thì người sống chính là một loại... ma quỷ. Một giọng văn cách đây gần nửa thế kỉ mà đọc vẫn không hề cũ. Bình Nguyên Lộc được coi là Anphôngxơ Đôđê của Nam Bộ thật xứng lắm thay.

"Thế là đêm đó hai con chồn đói xoi một con chồn no." Bữa tiệc ẩn tượng đến rừng mình. Cái kết thúc của con "chồn no" ấy ta có thể đoán trước được. Nhưng cái kết thúc của con "cáo già" thì thực sự là một bất ngờ. Xin nghiêng mình bái phục cụ Bình Nguyên Lộc. Thế còn con hồ ly? Thì... cứ đợi đây!

VPL

Hội Ái Hữu Biên Hoà chân thành cảm tạ lời ngợi khen của VPL

NHỮNG NẸO ĐƯỜNG ĐẤT NƯỚC

LTS: Bài thơ “*Những Nẻo Đường Đất Nước*” của Huy Lục Bùi Tiên Khôi đã được Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam Cộng Hoà đưa vào chương trình Giảng Văn Trung Học. Bài thơ này và truyện ngắn “*Ba Con Cáo*” của Bình Nguyên Lộc cùng xuất hiện trên tạp chí Bách Khoa trong các số báo của những năm đầu tiên Đệ Nhất Cộng Hoà Việt Nam. Chúng tôi xin đăng lại bài này để kỷ niệm một thời đã qua.

Tôi đã đi
Từ Cà Mau ra Bến Hải
Tôi đã dừng lại
Khắp các nẻo đường
Nước xanh màu bát ngát đại dương
Hay trùng điệp núi rừng cao nguyên đất đỏ
Tôi đã qua
Khắp các đô thành nguy nga to, nhỏ
Bãi bể đồi thông
Lúa Hậu Giang bát ngát ngập đồng
Dừa Bình Định tô xanh miền cát trắng
Tôi đã gặp
Cô gái sông Hương tóc thè bay trong nắng
Vành nón nghiêng nghiêng che cả bầu trời
Tôi đã về
Miền quê nhỏ xa xôi
Trưa buồn tẻ nghe tiếng gà eo óc
Tôi đã theo xe
Qua những quãng đường gian nan khó nhọc
Đà Lạt, Pleiku
Đất đỏ lên hương gió bụi mịt mù
Cảnh sơ sác hay thần tiên quá đi
Tôi đã nghỉ lại
Đêm trăng Rằm Quảng Trị
Năm nghe sông Bến Hải khóc chia đôi
Một chiếc cầu mà hai nhịp xa xôi
Vàng trắng xẻ đôi phần ngăn cách
Tôi đã ghé
Đồng U Minh qua bao bụi bờ sông lạch
Nước phèn chua bụi rậm quán chân giày
Đêm không mùng mặc cho muỗi no say
Sao thôn thức trên đọt cây rừng cô quạnh
Tôi ở lại
Thủ Đô chiều mưa tạnh
Đời dăng lên những làn má căng tròn
Bàn tay gầy xoa mạnh chiếc ly con
Bao mộng tưởng ngát ngáy cùng hớp rượu

Tôi đã về Phan Rang với Tháp Chàm kỳ cựu
Canh trường say trong giấc ngủ ru con
Giọng hò...hò...hỏi...nào nuốt héo hon
Nghe nức nở tưởng chừng như đứt ruột
Tôi đã lang thang
Giữa đồn điền Ban Mê Thuật
Ly cà phê chôn tiếng gọi lên đường
Trống bập bùng đêm hội trên truông
Hoang sơ quá loã lồ cô gái Thượng
Tôi đã ngồi
Trên đập Đồng Cam khi nắng chiều đỏ xuống
Theo nước về cho đồng ruộng thêm tươi
Đôi vợ chồng tát nước hò ơi!
Gàu nước đổ theo tiếng lòng hỏi hà
Những nẻo đường đã qua
Làm sao tôi nhớ cả
Từ quanh co khúc khuỷu ở thôn quê
Hay đại lộ phẳng phiu tập nập kẻ đi về
Thơm biết mấy những nẻo đường đất nước
Những người tôi gặp được
Dầu lạ hay quen
Dầu giàu sang hay lam lũ nghèo hèn
Dầu cụ già bảy mươi, cô gái ngây thơ mười tám
Dầu chị sinh viên trắng xanh
Hay bác nông dân đen xạm
Dầu Bắc Trung Nam
Ôi đẹp làm sao duyên thắm vô cùng
Tôi yêu cả những con người đất Việt
Những chuyến đi qua rồi tôi rất tiếc
Làm sao sống lại những con đường
Làm sao về gặp lại kẻ yêu thương
Tôi ao ước chuyến đi dài bất tận...

Huy Lục Bùi Tiên Khôi
(Sugar Land, Texas. USA)



VĂN MIẾU Ở NAM KỲ

Phan Văn Hùm

(Phan Kiều Dương-Sceaux, France)

Cơ chi đầu tiên của Triều Nguyễn, xứ Nam Kỳ lại là xứ khai thác sau cùng. Cõi đất bằng này, theo lời người xưa là *vô dụng vô chi địa*. Song, lắm phen nó làm bãi chiến trường. Giống Việt Nam tàn sát giống Cao Miên; Chúa Nguyễn với Tây Sơn mấy lần kịch chiến; sau nữa binh Pháp kéo vào. Còn sự học ở đây, bao giờ cũng kém hai xứ Trung, Bắc.

Dưới Triều Nguyễn, ở Nam Kỳ, có đồ đặc chỉ lra thừa vài bốn ông Tiên Sĩ, mà *Phan Thanh Giản* là được sự nghiệp hiển hách hơn cả. Rồi sang qua học Tây, trước hơn ở Bắc Kỳ, mà trong Nam chỉ cầu tốc thành bậc sơ đẳng, để cung vào các công sở, thế mà thôi.

Trường Cao Đẳng, rồi trường Cao Học, rồi trường Đại Học lần hồi thiết lập đều ở cả Hà Thành. Người đồ đặc bậc cao ở bên Pháp về (như các ông Ngụy Như Kontoum, Hoàng Xuân Hãn, Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Văn Huyền, Ngô Đình Nhu v.v...) đều cũng là người ở Trung hoặc Bắc. Cho đến văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ, tài tử, tỵ tu sau buổi ra trường cao, đại, trung hoặc tiểu học, cũng không phải ở Nam Kỳ mà có.

Vô duyên thay xứ Nam Kỳ! Tôi muốn nói vô duyên với sự học thời kim cũng như thời cổ. Ông Phạm Quỳnh năm xưa vào chơi Lục Tinh có viết: *"Tĩnh Vĩnh Long lại có một cái Văn Miếu, quy mô cũng phỏng theo các nơi văn miếu ngoài ta mà cách sắp đặt sơ sài lắm: ở gian giữa không có bài vị Đức Thánh Sư, chỉ treo có một cái tranh hình ông Khổng râu sôm, tóc bới! Than ôi! Phu Tử lạc loài đến đây làm gì? Ai là người còn biết cúng tế ngài cho hợp lễ, hợp những lễ phép Ngài đã đặt ra, vì sách Ngài còn có mấy người đọc nữa? Trong miếu có đôi liễn khắc của Cụ nguyên Học Bộ Cao Xuân Dục làm mùa Thu năm Quý Mão, 1903, tôi sao được như sau này :*

春秋何等乾坤道在五經
雙日月
洙泗別成宇宙 過六省
一宮牆 (2)

Dịch nghĩa:

*Xuân Thu hà đẳng Kiền Khôn, đạo tại Ngũ Kinh song nhật nguyệt
Thù Tứ biệt thành Vũ Trụ, đồ qua Lục Tinh nhất cung tường*

Cả trong miếu còn có đôi liễn đó là chút văn chương thừa!"

(Một tháng ở Nam Kỳ (Novembre 1918- Janvier 1919) trong Nam Phong số 20)

Có như lời ông Phạm Quỳnh, ở Nam Kỳ, ngày nay còn hơn năm 1918-1919 ấy nữa, không mấy người đọc sách Khổng Mạnh được. Nhưng may mà còn Văn Miếu ở Vĩnh Long thì cũng còn hành nhân qua đó tự hỏi và hỏi người xung quanh, mà cái tên ông tổ đạo nho không đến nỗi mất hẳn trong trí nhớ dân Miền Nam. Nếu lại trong miếu, đọc đôi liễn, kia thời biết thêm: cách đây một trăm năm (Quý Mão nhằm 1843) từ bến Tứ sông Thù ở bên Tàu, bộ Ngũ Kinh có truyền sang Lục Tinh.

Phông khiến ông Phạm Quỳnh, được như tôi, trông thấy di tích của Văn Miếu Biên Hoà, thời không biết với văn tài trác tuyệt của ông sẽ làm cho độc giả cảm động là dường nào.

Trong tỉnh Biên Hoà, về quận Tân Uyên, nơi làng Hiệp Hưng xưa (làng này bây giờ làm một ấp của làng Uyên Hưng) trên con đường địa hạt P-8, tại cây số 61, cách chợ Tân Uyên ngoài ngàn thước, cách Sài Gòn 50 cây số, có một ngôi đình thờ Thần.

Trong đình có treo đôi liễn khắc:

江漢以溽秋陽以暴皓乎不
可尙; 尊廟之美百官之富
遊者難爲言.

(Giang Hán dĩ trạc, thu dương dĩ bộc, hạo hồ bất khả thượng,
Tôn miếu chi mỹ, bách quan chi phú, du giả nan ví ngôn
Một bên câu trước có hàng chữ nhỏ đề:

嗣德己酉夏

Tự Đức Kỷ Dậu hạ (tức là 1849)
Một bên câu dưới có hàng chữ nhỏ đề:

署部參知兼都察院右副
都御史巡撫邊和等處地方
兼佈政使印篆吳文迪恭書

(Thư Bộ Tham Tri kiêm Đô Sát Viện Hữu Phó Đô Ngự Sử Tuần Phủ Biên Hoà đăng xứ địa phương, kiêm Bộ Chính Sứ án triệu, Ngô Văn Địch cung thư). Câu liễn trên kia không phải là liễn thờ Thần, mà rõ là liễn thờ Khổng Tử. Hỏi ra thì lúc Biên Hoà có cuộc binh hoả, dinh lũy, đền đài và Văn Miếu ở đây đều bị triệt hạ. Một ông Lãnh Binh bèn mang đôi liễn đem giấu ở Đình Hiệp Hưng.

Ngày 16 Décembre 1861, chiếm thành Biên Hoà xong, Amiral Bonnard phúc bẩm về Binh Bộ có đoạn như vậy: “*Destruction complète et dispersion du camp de Mỹ Hoà, situé à trois heures de Saigon; prise de trios forts et explosion d’un quatrième; évacuation totale de la province de Bienhoa par l’armée de Tự Đức...*” (Hoàn toàn phá huỷ và giải tán đồn Mỹ Hoà cách Sài Gòn ba dặm; chiếm đoạt ba cái堡, và một cái bản nổ banh; toàn thể binh Tự Đức lia bỏ tỉnh Biên Hoà (xem Monographie de la Province de Biên Hoà, Saigon, 1902).

Thế là mười hai năm sau khi cụ Ngô Văn Địch dâng đôi liễn vào Văn Miếu Biên Hoà, Văn Miếu không còn mà đôi liễn phải lưu lạc về xứ Tân Uyên.

Nay một kẻ lưu lạc về đây, kẻ ấy không là người cửa Khổng, lại đứng trước đôi liễn này mà ngậm ngùi, không biết vì mình hay vì “*chút văn chương thừa*” theo lời Ông Phạm Quỳnh. Văn Miếu đâu đây, nhà nho tàn mất! Vàng son chưa lạt, câu liễn chín bơ thờ giữa chốn quê mùa. Này, là lời *Tăng Tử*:

江漢以溽之秋陽
以暴之曷 乎不可尙

Giang Hán dĩ trạc chi, thu dương dĩ bộc chi, kiêu kiêu hồ bất khả thượng (Sách *Mạnh Tử* chương *Đề Văn Công*); này là lời *Tử Công*:

夫子之牆數仞,不
得其門而入,不見宗廟之
美,百官之富.

Phu tử chi tường số nhần; bất đắc kỳ môn nhi nhập; bất kiến tôn miếu chi mỹ, bách quan chi phú (Sách Luận Ngữ, chương Tử Trương); đều là lời tán dương ông Khổng mà cụ Ngô Văn Địch khéo châm chọc, góp vào một câu đối, xứng đáng đề thờ vị Thánh Sư.

Nhưng cuộc thế đổi dời, một câu văn hay có còn, mà ai còn thiết đến nữa, lựa là hỏi đến Văn Miếu làm gì!

Phụ chú: Trong câu liễn trên kia tôi sao y nguyên văn. Chữ TÔN dung thay chữ TÔNG vì có lẽ vì huỷ Vua Minh Mạng. Chữ HAO thay chữ KIÊU, tôi chưa rõ vì sao. Lời: DU GIẢ NAN VI NGÔN là lấy chữ trong sách *Mạnh Tử* thiên *Tận Tâm Thượng*.



TỪ CẢNH ĐỒNG TEXAS NHỚ NGƯỜI NÔNG DÂN SÔNG CỬU

Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu

(Amarillo, Texas. USA)

Năm 1978, sau một thời gian dài vừa đi làm vừa đi học, tôi đã hoàn tất được các thủ tục cần thiết để có thể trở lại hành nghề trên đất Mỹ. Để mở phòng khám bệnh, tôi đã chọn được một thị trấn nhỏ trong vùng Tây Bắc Texas, vùng “*cán chảo*”, người dân Texas thường gọi vì hình dáng địa dư trên bản đồ Tiểu Bang.

Đây là nơi thuộc một vùng đồng bằng rộng lớn, một bình nguyên cao ráo có tên là vùng đồng cao (*High Plains*). Làng tôi chọn cư trú có tên *Hale Center*, với số dân độ hai ngàn người. Làng có một bệnh viện 40 giường với bốn y sĩ, đủ để đảm bảo y vụ cho làng và cho trên mười lăm ngàn dân của các vùng lân cận. Làng có vị trí nằm giữa hai thành phố lớn trên 200 ngàn dân là Lubbock ở phía Nam và Amarillo ở Bắc, cả hai đều xa khoảng một giờ lái xe.

Hành nghề trong một làng nhỏ có được cái lợi khỏi phải di chuyển xa để đến phòng mạch và bệnh viện. Đời sống vật chất ở các nơi đây rất rẻ, so sánh với các thành phố lớn. Bệnh viện tuy chỉ có 40 giường nhưng trang bị rất tối tân và đầy đủ cho các trường hợp giải phẫu và sanh sản thông thường. Khi có sản phụ chuyên bụng ngoài giờ làm việc, bác sĩ có thể nghỉ ở nhà, chờ y tá gọi khi sản phụ sắp sanh mới lái xe đến bệnh viện. Nơi đậu xe lại đúng ngay cửa vào phòng sanh nên rất tiện lợi.

Các khâu hoạch nông sản là lợi tức chánh hằng năm của dân chúng vùng đất cao này vì dưới lòng đất lại may mắn có các mạch nước ngầm rất dồi dào. Các loại cây thích hợp với đất đai, thời tiết ở đây gồm có cây bông vải, ngô khoai, đậu nành, hạt kê (millet), hạt hoa hướng dương... Gia súc được chăn nuôi chánh là những đàn bò để lấy thịt. Loại bò đặc biệt của Texas (*Texas Long Horns*) là một loại bò có sừng dài và bẹt ngang, ít cong, loại sừng trâu “*chàng*” của Việt Nam. Vùng này không chủ trương chăn nuôi trừu. Các nông trại ở đây đều cho là trừu thuộc loại ăn cỏ sát mặt đất nên sẽ khiến đồng cỏ không còn thích hợp để nuôi bò. Trong lịch sử chăn nuôi, vùng này đã có những vụ xung đột quan trọng trong quá khứ của các trại nuôi bò chống đối, ngăn cản những người định nuôi trừu ở đây. Cơ sở sản xuất thịt bò “*Iowa Beef*” của vùng này hoạt động ngày đêm với ba ca công nhân. Cứ mỗi phút là có một con bò bị bắn để xẻ thịt cung cấp cho toàn xứ Mỹ và để xuất cảng. Những người có nông trại ở đây khuyên tác giả bài này nên bỏ vốn mua một mảnh đất lối 30 hay 40 mẫu để nuôi một đàn bò độ 50 con. Đất chăn nuôi ở vùng này chỉ vào khoảng 300 đến 400 đô la một mẫu. Khi về hưu, mỗi tháng chỉ cần bán ra hai hay ba con bò là đủ sống tới mãn đời. Vốn là người theo đạo Phật nên tác giả đã không thể thực hành lời khuyên này vì không thể nuôi thú để bán cho các lò sát sanh! Vùng này là một vùng thuận tiện về sản xuất nông nghiệp, nhiều đồng cỏ thích hợp cho việc chăn nuôi. Dưới lòng đất lại còn những nơi có mỏ dầu thô! Thật là một vùng được nhiều ân sủng đất trời!



Bông vải được gặt hái bằng xe tại Hale Center và Lubbock, Texas. USA



Lúa được gặt hái và gánh về tại Việt Nam

Sản xuất nông nghiệp chánh yếu vùng này là *Cây Bông Vải*. So với loại cây bông vải danh tiếng trên thế giới của Ai Cập là loại cao, sợi dài thì trường Đại Học Kỹ Thuật Lubbock (*Texas Tech University*) đã gây được một loại cây thấp vì vùng này thường có gió mạnh trong năm. Bông vải loại cây cao sẽ bị cuốn mát mát khi bị gió thổi tạt. Diện tích trồng trọt của mỗi gia đình thường từ 800 đến 2000 mẫu. Vì sử dụng cơ giới tối đa nên thông thường mỗi mảnh đất như vậy chỉ cần độ bốn hay năm người để chăm sóc quanh năm. Trong làng có một gia đình người Việt di tản chọn đến giúp việc cho một điền chủ để chăm lo một nông trại trên 1800 mẫu. Chủ gia đình nguyên là một Thiếu Tá Chỉ Huy Toán Lôi Hồ của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Ông đã già từ một thời oanh liệt, nhảy toán trong vùng địch để bắt tay vào một cuộc sống đồng quê. Nhờ nghề nghiệp mới này, ông đã nuôi nấng một đại gia đình trên 12 người con, giúp các con được cơ hội tiếp tục học hành và thành công trong việc học vấn.

Vì diện tích rộng nên cơ giới sử dụng thuộc loại lớn. Cày hoặc bừa, mỗi bên ít lắm cũng có trên mười lưỡi hay đĩa nên máy kéo phải là loại cực mạnh. Phòng lái có máy điều hoà không khí để có thể thoải mái làm việc suốt buổi. Người làm việc ngoài đồng và gia đình cũng như chủ nhân lúc nào cũng có thể giao tiếp nhau qua điện đàm. Ngoài việc cày bừa để chuẩn bị đất trồng, công việc khác trong năm là chăm lo các máy tưới nước khi cây bắt đầu phát triển. Các máy bơm này hoạt động ngày đêm để bơm nước từ các mội nước ngầm trong lòng đất nên phải được châm dầu và bảo trì thường trực. Việc rải phân, bón gốc cũng như rắc thuốc trừ cỏ dại cũng phải dùng cơ giới mới lo được cho một diện tích rộng. Nhiều lúc phải cần mướn phi cơ để rải hoá chất.

Trong mỗi quận nông nghiệp, thường thấy các sân bay nhỏ, do những tổ hợp phi công chuyên bay rắc thuốc hoá chất cho nhà nông. Phi cơ được điều khiển khéo léo, bay thấp là trên thửa ruộng. Đứng dưới đất là người cầm cờ chỉ đường bay cho phi công. Một vài khi vì gió đổi chiều, hoá chất bay tạt vào người hướng dẫn nên phải khẩn cấp đưa họ vào bệnh viện. Làm thầy thuốc làng, lần đầu tiên phải săn sóc cho các trường hợp này, tôi đã phải thấy lúng túng vì chưa hề gặp những trường hợp như thế khi hành nghề ở Việt Nam. May mắn nhờ đã được huấn luyện chuyên nghiệp Quân Y về chiến tranh hoá học, vì trùng và nguyên tử nên khi biết rõ loại hoá chất sử dụng cho nông nghiệp, tôi đã được cơ hội áp dụng những điều đã học trước kia ở nhà trường. Nỗi lo lắng thuở ban đầu hành nghề ở làng đã không còn ám ảnh, vì thật ra, loại hoá chất dùng cho nông nghiệp chỉ có vài loại có thể đếm trên đầu ngón tay. Việc này mỗi năm thường xảy ra đến mùa gặt bông vải. Hoá chất được rải để làm lá rụng, chỉ còn bông vải trên cây để máy gặt tuốt bông sạch trắng. Gặp những năm tình cờ trời trở lạnh sớm, vào tháng Mười Một mà lại có đêm lạnh đông đá khiến lá bông vải phải rụng vì hư éo, các chủ điền sung sướng ra mặt vì khỏi phải xuất tiền mướn phi cơ rải thuốc. Các ông ra quán nước vui cười rộn rã trong khi ở một góc khác các anh phi công méo mặt ngồi bên ly bia, rầu cho một dịp mất lợi tức lớn của mỗi năm!

Vì diện tích trồng trọt phải rộng để thu được nhiều lợi tức nên hằng năm đến mùa các ruộng trồng hoa hướng dương nở rộ, có những nơi sực biến thành một vùng vàng ửng, rực rỡ đến tận chân trời. Đây là mùa tôi có phận sự báo tin cho các bạn thích chụp ảnh đến làng để ghi hình cảnh đẹp thiên nhiên mỗi năm chỉ xảy ra có một lần.

Gia đình tôi thích nhất là đến mùa gặt bắp, cùng nhau ra thăm đồng buổi chiều sau giờ làm việc. Bắp chín khô được máy tuốt hạt tung hoành đi từ luông này đến luông khác. Hạt bắp gặt được máy đưa vào một ống đặt ngang, đổ qua một xe chuyên chở chạy song song. Khi bắp đã đầy xe, một chiếc khác sẽ chạy vào thay thế. Xe đầy ấp bắp chở ngay đến các kho chứa "*silos*" để cất giữ. Trên đồng, máy gặt bắp không những chỉ tuốt hạt bắp mà còn cuộn thân cây bắp, bó thành bó để có xe gom chuyên chở đến các "*si lô*" nhỏ trữ cho lên men làm thức ăn cho gia súc. Đến mùa gặt, các máy gặt được sử dụng ngày đêm, các đèn pha rọi sáng trên thửa ruộng trông rất đẹp mắt. Vài ngày sau mùa gặt, những thửa ruộng cả ngàn mẫu đã trở thành trồng trọt, sẵn sàng cho các máy cày bừa xới đất chuẩn bị cho mùa sắp tới.

Vào mùa gặt, các xe chuyên chở nông phẩm rầm rập chạy suốt ngày đêm để chuyển các loại hạt về các kho dự trữ. Các loại hạt như hạt kê, đậu nành, mè tuy nhỏ nhưng những xe chở đầy các loại này lại là những xe cân rất nặng. Ban đêm, các xe chạy trên đường có thể làm rung chuyển giường ngủ trong nhà. Các đường trong làng vì vậy được sửa chữa hằng năm để duy trì tình trạng tốt. Các kho dự trữ là những loại "*si lô*" cao như những nhà bốn năm tầng. Nông phẩm dự trữ được sấy khô khi đưa vào silo. Ngày như đêm, hạt trong silo được các quạt thông hơi thổi giữ cho thoáng, tránh hư mục. Silo có thể giữ nông phẩm trong tình trạng tốt độ hai hay ba mùa. Nông phẩm vì vậy được bán ra thị trường, khi các nông gia trong các hợp tác xã



xét thấy là lúc giá bán được có lợi. Kho dự trữ giúp nông gia lựa được những lúc cần bán, không như nhà làm ruộng ở Việt Nam phải cố bán nông phẩm ngay sau mùa gặt vì không có nơi dự trữ và vì cần phải có ngay tiền để trả nợ hoặc chuẩn bị cho mùa sắp đến.

Hệ thống Silo trữ nông phẩm được một đội ngũ kỹ sư chuyên viên chăm sóc bảo trì. Đây là một ngành đặt biệt được các đại học vùng này như Đại Học Kỹ Thuật Texas Tech hoặc Đại Học Texas A & M (*Agricultural & Mechanical*) huấn luyện từ bao thập niên. Hằng năm, Đài Loan và Trung Quốc gửi sinh viên đến các đại học này rất đông. Theo dõi hoạt động các đại học này, tác giả bài này thú thật đã rất đau lòng khi thấy chưa có sinh viên nào của Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được gửi theo học ngành này!

Các nông gia vùng này phần lớn thuộc các gia đình có nguồn gốc nông nghiệp nhiều đời. Họ thường đã tốt nghiệp đại học và chọn nghề nông của gia đình nên kiến thức học vấn thường rất cao. Thông tin báo chí địa phương cũng như các đài phát thanh đều có những chương trình về hoạt động nông nghiệp. Mỗi sáng truyền hình địa phương có chương trình một tiếng, từ 6 giờ đến 7 giờ về để thông tin và cập nhật các cải tiến nông nghiệp. Trong khi đó còn có đài phát thanh quốc gia N.P.R (*National Public Radio*) mỗi ngày hai lần có 15 phút thông báo giá cả nông phẩm của thị trường Chicago. Giá cả của bắp, đậu nành, hạt kê, mè..., giá bò chăn nuôi...vì thế được nông gia theo dõi từng ngày để tự quyết định lúc nào cần đưa nông phẩm ra bán thị trường.

Trong khi đó, theo dõi các hoạt động sản xuất nông nghiệp bên Việt Nam, nhất là thị trường lúa gạo chúng ta phải đau lòng nhìn thấy các thiệt thòi mà người nông dân phải gánh chịu. Dân số Việt Nam nay hơn 80 triệu người. Gần bảy mươi phần trăm dân chúng đều sanh sống theo nghề nông nhưng không thấy Nhà Nước có chánh sách ưu tiên để giúp cho thành phần “*chân lấm tay bùn*” này an hưởng được lợi tức họ đã đầu tư hoạch với mồ hôi và nước mắt. Sau khoảng thời gian kinh tế kiệt quệ vì u mê rập theo chánh sách ngăn sông cấm chợ học theo mô hình Nga Xô sau chiến thắng 1975, Cộng Sản Việt Nam đã phải chọn phương cách “*Đổi Mới*”(Thật sự phải gọi là “*Trở Lại Cũ*” mới đúng!) bắt đầu từ 1986. Nền kinh tế “*Chết nếu không Đổi Mới*” này đã được nông dân miền Nam giúp vực dậy với nông sản lúa gạo xuất cảng đem lại hàng tỷ ngoại tệ mỗi năm. Từ tình trạng một xứ thiếu gạo ăn trong thời kỳ nội chiến, nông dân miền Nam đã đưa Việt Nam lên hàng thứ hai xuất cảng gạo trên thế giới. Năm 1998 khi các quốc gia ở Đông Nam Á phải khốn đốn vì suy thoái kinh tế, Việt Nam vẫn thoát hiểm và duy trì việc thu nhập ngoại tệ do xuất cảng được lúa gạo. Năm 2008 Việt Nam đã xuất khẩu gần 5 triệu tấn gạo, thu về được 2 tỷ 800 triệu đô la. Nhưng thật sự lợi nhuận trong việc sản xuất nông sản lại bị tóm thâu do một nhóm người trung gian tận hưởng!

Chánh quyền “*Xã Hội Chủ Nghĩa*” đã dung túng cho một tổ chức có tên “*Hiệp Hội Lương Thực*” đứng ra lo việc điều hành xuất khẩu lúa gạo! Hàng triệu nông dân sản xuất lúa gạo miền đồng bằng Sông Cửu đã bị Hiệp Hội “*đẩy ra rìa*”. Người nông dân Sông Cửu không có một được một tiếng nói trong Hiệp Hội này! Trong vụ đầu hoạch Hè 2008, cái “*Hiệp Hội*” quái gở nhưng đầy quyền lực này đã đánh mất cơ hội thâu hàng tỷ đô la vì quyết định “*ngừng xuất khẩu*” trong lúc giá gạo đang tăng trên thị trường thế giới. Tháng Hai, 2008, Hiệp Hội này đã không cho các doanh nghiệp đăng ký hợp đồng xuất khẩu trong lúc giá gạo đang cao và dễ bán. Đến tháng Năm, giá gạo trên thị trường thế giới giảm nặng, Hiệp Hội Lương Thực mới đồng ý giải toả cho đăng ký xuất khẩu. Không hiểu ai đã cho Hiệp Hội này có những quyền lực lớn lao như vậy: *Bộ Nông Nghiệp, Bộ Công Thương*? Một hiệp hội đứng ra chỉ để theo dõi khối lượng sản xuất (nông dân không có đại diện trong Hiệp Hội) lại có quyền không cho xuất cảng vào thời điểm giá gạo cao trên thế giới và lại cho bán khi giá gạo xuống: trách nhiệm thất thâu này ai phải gánh chịu?

Chỉ có Hiệp Hội Lương Thực mới có quyền tham gia đi đấu thầu các hợp đồng chính phủ. Sau khi trúng thầu Hiệp Hội lại có quyền chia *quota* xuất cảng gạo cho các doanh nghiệp thành viên. Tỉnh Kiên Giang hằng năm thu hoạch một sản lượng từ 3 đến 4 triệu tấn lúa tương đương với 1.2 triệu tấn gạo. Hiệp Hội lại chỉ cho phép xuất cảng 600000 tấn mà thôi! Ai sẽ lo việc giúp nông dân Kiên Giang tiêu thụ hết lúa gạo sản xuất?

Đáng lý ra, Hiệp Hội Lương Thực chỉ nên là một tổ chức có vai trò thông tin về thị trường nông phẩm trên thế giới, tìm hiểu tin tức các thị trường để thông báo cho nông dân và các doanh nghiệp. Bộ Công Thương, Bộ Nông Nghiệp là các nơi có khả năng nắm chắc sản lượng của các tỉnh mới phải là nơi điều hành, phối hợp và phân bổ chỉ tiêu xuất khẩu gạo tùy theo mức đề xuất của từng địa phương.

Chính phủ chỉ lo ưu tiên về phát triển Công, Thương Nghiệp để thu hút ngoại tệ và nhân đó có cơ hội dễ dàng chia chác hưởng được lợi nhuận. Chưa hề có những chính sách của nhà nước cố gắng giúp nhà nông miền Nam đạt được việc sản xuất nông phẩm có chất lượng cao, theo các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, không hề giúp cho sản phẩm gạo của Việt Nam có thương hiệu trên thị trường thế giới. So với gạo Thái lan được ưa chuộng trên thị trường Âu Mỹ vì chất lượng cao và thương hiệu đã được tin cậy, gạo Việt Nam cho tới giờ phút này chỉ được bán phần lớn ở Châu Phi và một vài xứ nghèo chỉ vì có giá rẻ!

Trong “*Bút Ký Mùa Hè 99*” Phần 4 (Diễn Đàn, ngày 5-4-2009), tác giả Hồng Lê Thọ kể chuyện về thăm Cần Thơ, Sóc Trăng với một bạn người Nhật tên Yamada. Nhìn cảnh các ghe tập nập chở lúa đem xay, Yamada đã hỏi: “*Người ta bảo quản lúa gạo ra sao? Độ ẩm sẽ tác hại ghê gớm vì vùng này toàn sông nước, không khéo sẽ nảy mầm hay làm suy thoái chất lượng gạo xay ra*”. Người bạn Nhật này thắc mắc vì không thấy trong vùng nông nghiệp này các si lô và hệ thống sấy như ở Nhật. Nếu độ ẩm không được điều chỉnh ổn định từ khi tuốt đến khi xay thì tỷ lệ tẩm cũng sẽ lên cao, có khi lên đến 25-40% tẩm. Yamada đã đưa ra một ước tính: Nếu giảm được 5% tẩm trên một tấn và với sản lượng 1 triệu tấn/năm thì có thể xây được 2 dàn si lô (5x2 cụm) để bảo quản. Nếu lại áp dụng kỹ thuật xay tốt thay vì các loại nhà máy nhỏ ở Việt Nam, cứ giảm được 3% trên một triệu tấn sẽ mua được 20 bộ máy xay loại 500 tấn/ngày!



Hoạ Đồ Nhà Máy Xay Lúa

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY XAY SÉT LÚA HI ĐỨC NHÌN
HÀNG HẠY HỒNG KINH TIẾN SƠN, HỒ LÊ SƠN, PHẠM VĂN ĐỨC
CÔNG TY TNHH TIẾN HỒNG

Tiến Sĩ Đặng Kim Sơn, Viện Trưởng Viện Chính Sách và Chiến Lược Phát Triển Nông Nghiệp nhìn nhận: “*Người nông dân Việt Nam với tỷ lệ đất đai rất thấp, qui mô nông trại của Việt Nam chỉ được độ 0,6 ha, thấp hơn rất nhiều so với các xứ trên thế giới. Các nước ở châu Á cũng phải từ 2 đến 3 ha, châu Âu vài ba chục ha, còn Bắc Mỹ là vài ba trăm ha, ở Canada và Úc thì vài ba ngàn*”. Vì đói nghèo, cả triệu thanh niên nông dân phải bỏ ra đô thị làm công nhân để tự túc. Đa số các gia đình nhà nông ở miền Nam canh tác chỉ trên những mảnh đất độ 1 ha nhưng họ đã phải cố bám lấy đất vì bỏ ruộng biết làm gì để sống!

Nông dân miền Nam chưa có cơ hội được giúp thành lập các hợp tác xã sản xuất hoặc các nghiệp đoàn để có tiếng nói chung và để bảo vệ quyền lợi của nghề và góp ý về các chính sách nông nghiệp. Theo ý niệm thông thường, trong quá khứ không bao giờ nghe nói đến việc nông dân bị thất nghiệp.

Nay trong nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam lại có tình trạng nông dân bị thất nghiệp vì không có đất trồng tía. Chủ trương quy hoạch các khu công nghiệp to rộng, các sân golf (trên 140 sân trên đất nước nghèo Việt Nam!) đã cướp mất những diện tích lớn đất trồng trọt của nhà nông khiến họ trở thành thất nghiệp.

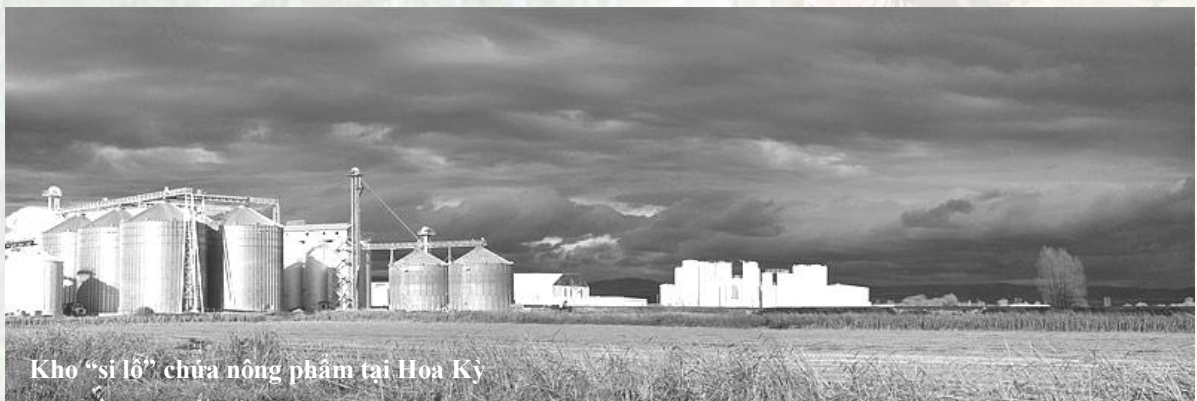
Quá khứ và trình độ đã khiến họ không có được tay nghề để các tổ chức công nghiệp thu dụng. Những thành phần được may mắn thu dụng nay lại có khi bị sa thải vì tình trạng kinh tế suy thoái nhưng khi họ muốn trở lại nghề nông thì không còn đất để canh tác.

Người nông dân đồng bằng Sông Cửu với mồ hôi và nước mắt đã đưa đất nước lên hàng thứ hai về xuất cảng gạo trên thế giới. Nhưng lợi nhuận ngoại tệ trên hơn nhiều tỷ do họ giúp đem về cho đất nước đã được nhà cầm quyền coi như một bổng lộc tự nhiên trên trời rơi xuống (cũng giống như trường hợp hơn 7 tỷ ngoại tệ của kiều bào gửi về Việt Nam).

Họ chưa được nhà nước có những chính sách giúp họ cải tiến nghề nghiệp và hưởng lợi nhuận xứng đáng với công lao. Trong thời buổi Thái Lan có khả năng dự trữ đến hơn hai mùa lúa để tùy lúc có thể ổn định giá cả thị trường thì người nông dân miền Nam vẫn còn đang ở tình trạng “*ăn xôi ở thị*”, lúa sản xuất phải có tiêu thụ ngay sau mùa gặt vì không có kho dự trữ an toàn. Vốn liếng làm ruộng thường là vốn vay mượn với lãi suất cao, nên mùa lúa thu hoạch là lúc để thanh toán các món nợ!

Ngày nào mà nông phẩm Việt Nam chưa đạt được chất lượng cao, theo đúng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, gạo Việt Nam chưa có các thương hiệu được tin cậy trên thị trường thế giới, nhà nông chưa được tự nguyện tổ chức các hợp tác xã sản xuất, thành lập các nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi và góp ý trong việc hình thành các chính sách nông nghiệp...thì tình trạng đời sống xã hội của họ sẽ không bao giờ có cơ hội vươn lên.

Nhà nước có trách nhiệm cấp bách phải nâng tầm sản xuất nông nghiệp lên ưu tiên cao, phải tạo cho nông thôn có lợi thế phát triển qua những chính sách tín dụng, tài chính riêng cho nông dân, hỗ trợ giống tốt (Đến nay, đầu vụ mỗi năm, lúa giống đạt tiêu chuẩn chỉ đủ cung cấp 30% nhu cầu của nông dân!), thủy lợi và hạ tầng cơ sở tốt, giúp vốn liếng xây cất các kho dự trữ quy mô, các cơ chế dễ dãi để nông dân vay vốn dài hạn làm mùa thì mới mong xoá được cái cảnh nông dân miền Nam với nhà tranh vách đất, không có nước sạch sử dụng, không có các tiện nghi vệ sinh tối thiểu. Nông thôn là nơi quy tụ 70% dân số cả nước và đã đóng góp 20% tổng sản lượng nội địa GDP nhưng thu nhập trung bình không bằng phân nửa thu nhập của cư dân thành thị. Ngân sách nhà nước Việt Nam hầu như chưa có khoản đầu tư cho nông nghiệp. Trong khi đó, hầu hết các nước có công nghiệp phát triển đều có mức độ trợ cấp khoản 30% cho nông nghiệp. Có nơi còn trợ cấp đến mức 60-70%!



Kho “*si lô*” chứa nông phẩm tại Hoa Kỳ

Sau tháng 4 năm 1975, tác giả đã được gặp nhiều bạn học cũ ở Pháp đang chuẩn bị về xứ nghiên cứu việc thành lập các kho “*si lô*” chứa nông phẩm ở Cần Thơ với sự trợ giúp của chính phủ Pháp. Một thời gian dài sau đó vẫn không thấy vấn đề được xúc tiến thành tựu. Có thể vì chương trình này không có gì hấp dẫn để đem về nhiều lợi lộc cho các nhân vật đang cầm quyền? Thay vào đó lại được thấy những khách sạn tối tân bốn năm sao được thành hình ồ ạt như nấm mọc trên khắp đất nước cũng như các công nghệ biến chế do các nhà đầu tư ngoại quốc đổ vào để tận dụng nhân công rất rẻ ở Việt Nam. Chỉ mới gần đây, lần đầu tiên mới được nghe Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng đề cập đến việc cần xây dựng các kho chứa nông phẩm! Từ việc xây cất các kho dự trữ đúng với các kỹ thuật bảo đảm an toàn lúa gạo trong một xứ nhiệt đới đến việc đào tạo đầy đủ chuyên viên kỹ thuật điều hành các kho còn phải tốn bao nhiêu thời gian?

Mong sao các giới trẻ của các trường Đại Học Cần Thơ, Đại Học An Giang, các Đại Học đã nắm vững các tiềm năng phát triển của kho lúa miền đồng bằng Sông Cửu, sẽ sớm giúp sự thăng tiến nghề nghiệp cho người dân của một vùng cơ sở kinh tế vững chắc của xứ sở. Tiên nhân chúng ta đã từng nói: “*đất đai không bao giờ phụ người có công vun trồng*”. Bôn phận giúp người nông dân Sông Cửu thật sự hưởng được lợi tức công lao xứng đáng của họ là một trách nhiệm lớn lao của đồng bào miền Nam. Phải giúp người nông dân miền Nam không còn bị một bọn người trung gian đang dựa vào quyền lực để hưởng lợi trên mồ hôi, nước mắt của những người chân lấm tay bùn, cày sâu cuốc bẫm dưới mưa, dưới nắng của những cánh đồng phì nhiêu Sông Cửu.

Trần Nguơn Phiêu

Texas, nhân ngày Lễ Tạ Ôn (Thanksgiving), mùa gặt 2008



QUA SÔNG HỌC TRƯỜNG MỸ LỘC

Trần Văn Linh

(Baton Rouge, Louisiana. USA)

Bình Long, làng của tôi, gồm 3 xóm nhỏ, nằm trên bờ sông Đồng Nai. Xóm giữa, xóm Long Lộc của tôi, do một sự tình cờ của địa dư, nằm đối diện với trường Mỹ Lộc ở bên kia sông.

Từ khi biết đi, trẻ con xóm tôi, thường ra đứng ở bờ sông, nhìn sang trường Mỹ Lộc, xem bọn học trò vào giờ ra chơi nô đùa náo nhiệt bên bờ sông, và trong lòng đứa nào cũng nao nức, ước mơ được nhập vào cuộc vui đó. Vì vậy, khi đến tuổi đi học, bọn trẻ xóm tôi, trong đó có tôi, đều được đi học trường Mỹ Lộc mặc dù việc đưa rước sớm chiều rất phiền toái, đôi khi nguy hiểm.

Nay nhìn lại ngày qua, tôi còn nhớ rõ ngày Ba tôi, một cựu Hương Xã của làng Bình Long, đã đưa tôi qua trường Mỹ Lộc để ghi tên đi học.

Sáng sớm hôm đó, tôi được mặc bộ đồ bà ba đen, may vào dịp Tết vừa qua, còn mới tinh, tay ôm một cái cặp, trong đó có một tập vở, một bảng đen, một cây viết chì, vài cục phấn.

Trong dịp long trọng này, Ba tôi ăn mặc chỉnh tề y như khi đi hầu quan Quận, quan Tỉnh Trưởng, lúc Ba tôi còn làm làng. Trên đầu Ba tôi đội một cái nón lá lớn, có gù đồng sáng chói, vành nón viền bằng vải đỏ, quai nón cũng bằng vải đỏ. Người làng gọi nón này là nón Ngựa, có lẽ là nón người ta đội khi cưỡi ngựa. Áo của Ba tôi là một cái áo ngắn hai túi, may bằng vải trắng, cổ đứng, nút và khuy thắt bằng vải trắng, kết thành 4 hàng ngang qua trước ngực như áo Lễ của Sĩ Quan ra Trường Võ Bị. Ba tôi mặc một cái quần đen, lưng vắn, vắn chặt quanh bụng bằng một sợi dây lưng to tướng bằng lụa đỏ, thắt lại thành một cái gút hình bướm bướm ở trước bụng, hai đầu dây lưng còn dư lại thả lỏng thòng xuống đến đầu gối.

Xong Ba tôi lặn vào dây lưng một cái hũ bao (một thứ bóp-wallet may bằng vải có nhiều ngăn), trong đó có thuốc lá xắt sẵn, giấy quỳên để vắn thuốc, một cái quạt máy để làm lửa, giấy tờ lý lịch, tiền bạc. Khi ra khỏi cửa sau, Ba tôi vói tay rút cây chèo treo trên vách và gác lên vai, xong dắt tôi ra mé sông, xuống bến và leo lên chiếc ghe của gia đình tôi, có hai chèo dùng để vớt củi vào mùa nước lụt. Trong khi Ba tôi lo gài cây chèo vào cột chèo ở đàng lái, thì tôi lo mở dây và xô ghe ra khỏi bến để nhập vào dòng sông. Ba tôi, tuy đã lớn tuổi, tóc đã bạc nhiều, nhưng còn khoẻ mạnh, khua mái chèo đẩy ghe chạy mau về phía bên kia sông.

Trường Mỹ Lộc không có bến, nên Ba tôi phải đậu nhờ vào bến của bà Út Vân ở phía dưới trường chừng vài trăm thước. Bà Út là người của xóm tôi, nhưng có chồng ở phía bên kia sông. Nay bà đã già, chồng chết không con. Hằng ngày, từ sáng sớm, Bà ngồi trong nhà trên đầu bến, ăn trà liên tục, chờ có người ở xóm cũ qua để Bà bắt đầu một câu chuyện....

Bữa nay vì bận việc, Ba tôi đứng ngoài sân nói với vào, chào hỏi vắn tắt, gởi gắm chiếc ghe, và dắt tôi đi luôn ra con đường lớn ở phía sau nhà Bà. Đây là con đường cái, trải đá đỏ, chạy từ quận lỵ Tân Uyên, dọc theo sông Đồng Nai, lên đến Vàm sông Bé. Ra đến đường thì nhìn thấy công trường về phía thượng lưu.

Con đường thường vắng vẻ, nay có nhiều người già trẻ dẫn nhau đi về phía trường. Bọn học trò cũ gặp nhau, cười nói ồn ào, bọn học trò mới như tôi, mặt mày lo âu, nắm chặt tay người dẫn. Khi đến trường, tôi thấy đã có nhiều người đang sắp hàng để ghi danh học trò mới trong lớp học của Thầy Huỳnh Văn Thọ. Thầy dạy lớp Ba.

Thầy Thọ có vẻ quen biết Ba tôi, khi chúng tôi vừa bước vào cửa thì Thầy cất tiếng chào hỏi, gọi đúng chức vị Hương Cả của Ba tôi. Việc ghi danh khá chậm chạp nên đến đứng bóng mới chấm dứt, và bọn học trò mới được dẫn đến lớp Năm giao cho Thầy Thượng. Thế là tôi đã chánh thức trở thành học trò lớp Năm của trường Mỹ Lộc. Chiều hôm đó, Ba tôi đến tận cửa trường đón tôi, nhưng về sau, khi tan học về thì tôi phải tự động trở về bến của Bà Út Vân và thường có Ba tôi đậu ghe ngồi chờ dưới bến.

Trường Mỹ Lộc

Trường Mỹ Lộc còn tương đối mới, trường xây bằng gạch, quét vôi màu vàng lợt, thềm cao, cửa nẻo có nước sơn xanh, còn mới, bàn ghế trang trí tốt nhưng đóng bụi, có vẻ thiếu sạch sẽ.

Khoảnh đất dùng cất trường tương đối hẹp và bị ép giữa bờ sông và con đường cái nên người ta cất trường sát đường, để sân sau rộng hơn, phòng ngừa việc bờ sông Đòng Nai lở hằng năm.

Trường được ngăn ra làm 3 căn. Căn ở phía hạ lưu (phía Tân Uyên) dùng làm Lớp Ba của Thầy Thọ, căn giữa dùng làm Lớp Tư của Thầy *Nguyễn Ngọc Hứa*, căn chót phía thượng lưu dùng làm Lớp Năm của Thầy Thượng. Sân trước của trường nhỏ hẹp, chỉ có đủ chỗ trồng một hàng 3 cây Bông Sứ Ma (*Plumeria Rubra* cũng gọi là Mexican Frangipani) có bông rất thơm.

Ba cây Sứ Ma này là nơi bọn học trò ở xa dùng để treo những gói cơm gói bằng lá chuối hay mo cau để trưa ăn.

Ba vị Thầy của Trường Mỹ Lộc

Thầy Huỳnh Văn Thọ (Năm Thọ). Dạy lớp Ba, người làng Tân Tịch, một nhân vật khác thường. Xuất thân từ một gia đình rất khiêm tốn, cha là người chèo đò Tân Tịch, Mẹ là một bà gánh cau khô đi bán dạo. Thế mà Thầy Thọ có chí, học đậu vào trường Sư Phạm trở thành Giáo Viên Sơ Học, có lẽ vì đậu cao nên được bổ về dạy tại trường Mỹ Lộc, cách nhà lối 1 cây số (làng Tân Tịch giáp ranh làng Mỹ Lộc).

Sau khi nghề nghiệp vững chắc, Thầy cất nhà tốt cho cha mẹ ở và diu dắt hai người em, Huỳnh Văn Nghệ (Tám Nghệ) và Huỳnh Thanh Nhạn (Út Nhạn) ăn học thành tài.

Huỳnh Văn Nghệ (Tám Nghệ) học ở Mỹ Lộc, Tân Uyên, đậu vào trường Petrus Trương Vĩnh Ký. Sau khi đậu bằng Thành Chung, thi vào ngạch Thư Ký Hoả Xa. Khi Đệ Nhị Thế Chiến bắt đầu, Huỳnh Văn Nghệ bỏ sở đi hoạt động chống Pháp. Năm 1941, khi binh đội Nhật Bôn đổ bộ vào Sài Gòn, Huỳnh Văn Nghệ nhảy theo quân đội Nhật qua Chiêu Nam (Singapore) hoạt động vài năm. Sau vì bất đồng ý kiến với quân đội Nhật, bỏ trốn về Sài Gòn và bị Công An Pháp lùng bắt, phải đến nhờ *Trần Bá Thành*, gốc làng Bình Long cùng học Mỹ Lộc với Huỳnh Văn Nghệ giúp đỡ. Trần Bá Thành lúc ấy làm cho Công An Pháp dưới quyền Cò Bazin. Trần Bá Thành đứng ra điều đình và bảo lãnh cho Huỳnh Văn Nghệ được ra mặt sống yên ổn tại Cổng Xe Lửa Số 8, đường Võ Duy Nghi, Phú Nhuận. Cuối năm 1945, Huỳnh Văn Nghệ vào khu Kháng Chiến của Cộng Sản làm đến chức Thiếu Tướng, Phó Khu Trưởng Khu 7 của Cộng Sản.

Trần Bá Thành sang phục vụ cho Chánh Phủ Quốc Gia, về sau được Tổng Thống Ngô Đình Diệm bổ nhậm vào chức Giám Đốc Cảnh Sát và Công An Nam Phần Việt Nam.

Huỳnh Thanh Nhạn (Út Nhạn) học trường Mỹ Lộc, Tân Uyên, đậu vào trường Nữ Trung Học Gia Long. Sau khi đỗ bằng Thành Chung, Huỳnh Thanh Nhạn, được trường Gia Long cho, mỗi ngày sang học ban Tú Tài của trường Petrus Trương Vĩnh Ký cùng với các nam học sinh.

Về sau, Huỳnh Thanh Nhạn trở thành Giáo Sư của trường Gia Long và đã giúp đào tạo ra nhiều thế hệ nữ sinh. Bà mất năm 1995 tại Orange County, Los Angeles, USA, được các học trò cũ có mặt tại vùng mặc đồng phục áo dài tím cử hành tang lễ rất long trọng.

Thầy Nguyễn Ngọc Hứa (Huỳnh Hứa). Dạy lớp Tư, tuổi cao, sắp hồi hưu, được chánh quyền Pháp cấp cho chức Huyện Hàm. Thầy có 1 cái nhà ngói lớn, kiểu xưa, hai mái, hai chái, nằm đối diện với trường Mỹ Lộc. Thầy có một cơ sở ép đậu phộng làm dầu ăn ở kế bên nhà, đứng bên trường nhìn qua thấy rõ. Thầy là người sùng Đạo Phật, có cất một cái “Cốc” (như là một căn phòng cao cẳng), ngay trong vườn bưởi trước nhà, để tụng kinh và thiền định. Thầy Hứa có một người con trai nổi danh là Nguyễn Ngọc Huy.

Nguyễn Ngọc Huy học trường Mỹ Lộc, Tân Uyên và Petrus Trương Vĩnh Ký. Khi thi bằng Thành Chung có số điểm cao nhất và được giải thưởng BREVIÉ của Thống Đốc Nam Kỳ. Khi sang Pháp, Nguyễn Ngọc Huy học và tốt nghiệp tại trường Science Po với hạng rất cao.

Nguyễn Ngọc Huy thông suốt Hán Văn, có viết một quyển sách về Hán Phi. Lý Thuyết Gia của trường phái Pháp Gia, có xuất bản một tập Thơ dưới tên Đằng Phương. Nguyễn Ngọc Huy đã cùng với hai người khác dịch Bộ Luật Hồng Đức ra Anh Văn, dưới tựa đề “*The Le Code*”. Nguyễn Ngọc Huy là Giáo Sư của trường Quốc Gia Hành Chánh ở Sài Gòn, và là một đảng viên cốt cán của Đảng Đại Việt Cấp Tiến, Nguyễn Ngọc Huy ty nạn tại Mỹ và qua đời tại Pháp.

Thầy Thượng (tôi quên Họ của Thầy). Dạy lớp Năm, Thầy là một người cao lớn, nói lớn tiếng, hay la học trò nhưng không ác. Nhà và cơ sở của Thầy ở phía dưới trường khoảng 200 thước. Trong một vòng rào bằng cây xanh, có lẽ là cây Xương Rồng, Thầy có 1 cái nhà tô ở gần đường, phía sau nhà là nhà cất dụng cụ, bò lúa, lò đường, chuồng trâu. Có người tự hỏi, với cơ sở đó, tại sao Thầy Thượng lại phải đi dạy học? Học trò có thể quên thầy một cách dễ dàng, nếu không có chuyện thầy bắt học trò lật đậu phộng cho Thầy ở sau lớp học và bị Thanh Tra *Trần Bá Chức* bắt được.

Sự sinh hoạt của học trò trường Mỹ Lộc

Học trò trường Mỹ Lộc đều là các đứa trẻ của các làng kế cận như: Tân Hoà, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang... họ may mắn có nhà ở gần trường nên có thể sớm mai đi học, chiều về nhà. Đám học trò này, phần lớn là con của nông dân nghèo làm nghề mía, ruộng, chỉ đủ ăn nên rất dễ dạy và chịu khó học, không gây xáo trộn, vì vậy nên trường Mỹ Lộc có cuộc sống điều hoà, yên tĩnh, êm đềm như dòng sông Đông Nai tươi mát đang chảy phía sau trường.

Một sự kiện xảy ra hàng năm làm gián đoạn sự yên tĩnh ấy. Đó là việc xét trường bất ngờ của Ông Thanh Tra *Georges Taboulet*. Mỗi khi có việc xét trường, khi xe của Ông Taboulet vừa lù lù ngừng trước cửa trường thì mọi người đều hay biết, mấy Thầy lật đật mặc cái áo lớn ra đón tiếp. Đám học trò sợ hãi ngồi yên trong lớp, trong khi ông Taboulet cùng các Thầy đi quan sát vòng ngoài của trường, xong thì Ông vào xét từng lớp, xem cách mấy thầy giảng dạy, đôi khi ông Taboulet hạch hỏi học trò qua sự thông ngôn của các Thầy có mặt. Đến xế trưa, khi ông Taboulet lên xe trở về Biên Hoà thì cả trường đều thở phào nhẹ nhõm.

Ban đầu chỉ có một thanh tra là ông Taboulet, sau đó chánh quyền Pháp cử thêm ông Trần Bá Chức làm Phó Thanh Tra. Dường như có luật nhà trường bắt buộc, nên khi đi thanh tra, ông Trần Bá Chức nói toàn tiếng Pháp, mỗi khi ông hạch hỏi học trò thì phải có thầy làm thông ngôn nghe rất buồn cười.

Ông Taboulet là một nhân vật có tài, mặc dù là một nhà Giáo Dục, ông đã viết một quyển sử rất có giá trị về việc nước Pháp chinh phục Đông Dương. Đó là quyển: *La geste française en Indochine; histoire par les textes de la France en Indochine des origines à 1914. Paris, Adrien, Maisonneuve, 1955-56*. Có thể tạm dịch: *Thiên Anh Hùng Ca của Pháp tại Đông Dương; lịch sử, qua các bản văn của nước Pháp tại Đông Dương từ khi khởi đầu cho đến năm 1914*. (chữ *geste* ở đây thuộc tiếng Pháp xưa, thời Trung Cổ, có nghĩa là *Anh Hùng Ca*). Ngoài việc Thanh Tra xét trường, còn có một số chuyện vui buồn khác trong đời sống học trò của chúng tôi tại trường Mỹ Lộc, tôi xin kể lại hai câu chuyện khá buồn cười: (1) chuyện Thầy Thượng bắt học trò lật đậu phộng tại trường và bị Thanh Tra Trần Bá Chức bắt quả tang; và (2) chuyện học trò què mùa khoái chí khi được đứng gần chiếc xe hơi của Thầy Cao Tấn Đình để quan sát.

Chuyện học trò lật đậu phộng cho Thầy Thượng

Đậu phộng là một thứ đậu đặc biệt, có bông tím ở trên cành, có trái ở dưới đất, hạt đậu phộng có nhiều công dụng: ép lấy dầu để làm dầu ăn hay chiên xào, đậu phộng được dùng làm nhiều thứ bánh, kẹo. Đậu phộng rang là món nhắm cần thiết cho dân nhậu bia. Trồng đậu phộng rất có lợi: một hạt đậu trồng xuống đất, nếu đất tốt, sẽ trở thành một bụi to gồm 9-10 cây. Khi đậu già, người ta nhổ cả bụi lên, giữ cho rớt bớt đất, thì sẽ thấy vô số trái treo lủng lẳng ở đầu rễ. Khi đem về nhà, người ta chặt nhánh, lá cho trâu bò ăn, còn lại cái gốc dính liền với trái, sau đó thì việc lật đậu phộng bắt đầu. Bên tay trái, người ta nắm gốc đậu, tay mặt thì lựa chọn những trái đậu tốt kéo mạnh cho đứt ra khỏi rễ và bỏ vào cái thúng hay rổ để kế bên cạnh. Đây là một việc tỉ mỉ tốn nhiều thì giờ, nếu dùng toàn nhân công người lớn thì quá tốn kém, vì vậy người ta phải dùng trẻ con để làm phụ. Thầy Thượng trồng rất nhiều đậu phộng, và không biết thầy đã bắt học trò lật đậu phộng cho Thầy từ lúc nào. Khi đến mùa đậu phộng, vào giờ nghỉ trưa, Thầy cho người nhà gánh gốc đậu phộng và thúng, rổ đem chắt ở hành lang phía sau lớp Năm của Thầy. Khi hết giờ nghỉ trưa, học trò vào lớp, Thầy Thượng bắt một số ra hành lang phía sau lớp lật đậu phộng, còn một số thì ở trong lớp. Thầy Thượng chỉ dám làm việc này vào buổi chiều, vì mọi người đều biết rằng, Thanh Tra chỉ đến xét Trường vào buổi sớm mai mà thôi. Chắc có người rơi thơ tổ cáo, cho nên vào giữa một buổi học chiều, xe của ông Trần Bá Chức đột nhiên lù lù đậu lại trước cửa Trường, có mấy đứa tò mò nhìn thấy la lớn báo động. Lúc đó thì Thầy Thượng đang ở sau trường chỉ huy việc lật đậu, Thầy quỳnh lên bưng một cái thúng đầy đậu phộng chạy quanh, nhưng ông Trần Bá Chức đã đến tận nơi và bắt được quả tang. Trong vùng ai cũng biết chuyện này và tưởng thế nào Thầy cũng bị cách chức, rốt cuộc, Thầy chỉ bị trừng phạt kỷ luật.

Cái xe hơi của Thầy Cao Tấn Đình

Một hôm, ở Trường Mỹ Lộc có thầy bị bệnh đi nằm nhà Thương và có thể vắng mặt lâu ngày, cần phải có người dạy thế. Vài ngày sau đó, có tin Thầy Cao Tấn Đình ở Trường Tân Uyên sẽ lên dạy thế. Ban đầu, bọn học trò Mỹ Lộc có vẻ thờ ơ, vì không biết thầy Đình là ai, nhưng sau đó, có thêm tin, Thầy Đình là người duy nhất ở Tân Uyên có xe hơi và tài xế riêng, và tức nhiên sẽ đến Mỹ Lộc bằng xe hơi. Từ đó, đứa nào cũng trông đợi Thầy, để có dịp đứng gần xem rõ một chiếc xe hơi.

Mấy đứa ở Bình Long, một làng xa đường cái, từ trước đến giờ chỉ được nhìn thấy hình chiếc xe hơi mà thôi. Còn mấy đứa ở Tân Hoà, Mỹ Lộc, Tân Tịch thì có đứa may mắn có dịp thấy xe hơi chạy ngang qua, nhưng cũng chưa có dịp đứng gần xem cho kỹ.

Mỗi khi có đoàn hát Phụng Hảo hay Năm Châu, đến hát ở rạp hát đầu Chợ Tân Uyên, thì chiều chiều có xe hơi đánh trống “*thùng thùng*” đi rải giấy quảng cáo, nhưng những xe này chạy mau quá nên không giúp ích chi được cho bọn học trò.

Ngày Thầy Đình đến Mỹ Lộc, bọn học trò đang chờ đợi phải thất vọng, vì sau khi xuống xe, Thầy ra đầu cho tài xế quay xe trở về Tân Uyên, có lẽ thầy cung xe, không muốn cho xe đậu cả ngày ngoài nắng.

Buổi chiều, sau khi tan học, bọn học trò bu lại xem chiếc xe đang đậu sẵn ở cửa Trường. Chờ Thầy Đình leo lên xe ngồi xong, anh tài xế nhận vài cái nút rồi chậm rãi bước xuống xe, đi vòng ra trước đầu xe, cúi xuống nắm lấy cây quay ma-ni-quênh nằm sẵn dưới thùng nước, quay mạnh vài vòng thì động cơ bắt đầu chạy, gây nên những tiếng nổ giòn, xong anh tài xế trở về chỗ ngồi, sang số cho xe chạy trở về phía Tân Uyên.



Từ đó, bữa nào cũng có nhiều đứa mê coi xe hơi nên ở nán lại xem cảnh tượng xe hơi mở máy. Có mấy lần động cơ trục trặc, anh Tài xế phải mở nắp máy, điều chỉnh vài bộ phận, làm mấy đứa đứng gần khoái chí, vì được xem bí mật bên trong của động cơ.

Sau khi xong công việc tại Trường Mỹ Lộc, Thầy Đình về ở luôn Tân Uyên. Chắc Thầy cũng không dè, cái xe hơi của Thầy đã vô tình đưa bọn học trò ngây thơ ở Trường Mỹ Lộc vào một thế giới đầy quyền rũ, đó là thế giới máy móc xe hơi, xe motor.

Vài năm sau, tôi lên học Trường Tân Uyên. Tại đây, năm đầu, tôi học “*Lớp Nhì một năm*” với Thầy Đình. Một hôm Thầy sai tôi và một đứa khác về nhà Thầy ở phía sau Trường Tiểu Học Cây Bò Đề để lấy một vật dụng, và nơi đó, tôi lại có dịp gặp lại chiếc xe hơi đã từng gây nhiều hứng thú cho bọn học trò Trường Mỹ Lộc.

Sau khi rời Trường Tân Uyên, tôi lên học Trường Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký và sau thì tôi vào Trường Luật Sài Gòn. Một hành trình quá dài mà trong đó có nhiều chuyện vui buồn.

Nhưng khi nhìn suốt lại ngày qua, tôi thấy những năm học tại Trường Mỹ Lộc là những năm sung sướng nhất trong đời học sinh của tôi, nơi đó, thầy trò thân mật, các Thầy hiểu rõ tình trạng gia đình của mỗi đứa, bọn học trò nhà nghèo dễ sống chung thân thiện. Và mỗi chiều tan học về bến thì thường thường có ghe Ba tôi ngồi chờ dưới bến để sang sông về nhà.



CHIỀU SANG SÔNG

Trần Văn Linh

(Baton Rouge, Louisiana. USA)

Một chiều xưa, khi mặt trời sắp tắt
Vài tia vàng lững thững trên đồi xa
Trống tan trường dứt nhịp, học trò ra
Tôi về bến đón thuyền sang sông vắng
Sắp đến bến, nghe dư âm vắng vắng
Giọng thân yêu lạnh lạnh dưới chiều mờ
Tiếng gõ thuyền hoà nhịp với Đường Thơ
Bờ sông xanh, tạo trời thơ huyền ảo
Khi ngợi ca cảnh thanh sơn, bắt lão
Khi lo âu cho quá ngắn kiếp người
Tuổi qua mau, như mây trắng trên trời...
Dòng sông lặng gió chiều như ngừng lại
Khói hoàng hôn lạnh phủ dòng tê tái
Chùa đồi xa, chuông trôi giọng ngân vang
Gợi u buồn, phù thế của nhân gian...
Tôi ngừng bước sợ giẫm tan dòng ngọc
Sợ trời thơ vỡ đi trong phút chốc...

Dứt bài thơ, cha ngành lại chờ trông
Con đã về! Mau xuống bến sang sông
Xuống mau con, kéo sòng gợn tràng giang
Chim về chiều đều bay hút mấy ngàn
Mẹ con đợi sẽ mồi mòn đôi mắt
Sẽ lo âu khi nắng vàng sắp tắt
Khi màn đêm rủ xuống nước trăm dòng

Rời bến vắng, thuyền từ từ rẽ nước
Kéo theo sau hai sòng dài lướt thướt
Ngôi mũi thuyền lòng tràn ngập thương yêu
Ngắm quê hương lặng lẽ dưới trời chiều
Bên hữu ngạn, rừng già xa vô tận
Tường cây cao bóng âm u sâu thẳm
Tay người vừa khai phá dọc ven sông
Rừng bước lui nhưng chiến đấu không ngừng
Đầy ác cảm với cánh đồng bé nhỏ
Căm hờn ấy còn nghe qua lời gió
Bên tả ngạn, tay người đã chiến thắng
Đất thuần rồi, bao kiếp người thâm lặng
Đem mồ hôi xương máu chống thiên nhiên
Biển rừng sâu thành ruộng lúa diệu hiền
Đứng yên lặng về suy tư dưới gió
Khói lam chiều cũng gợi niềm tưởng nhớ
Đấng tiền nhân, khai phá đất đai này
Mà hồn thiêng còn phảng phất đâu đây

Nhìn lại cha, đang chèo thuyền chống trả
Dòng nước lạnh trôi mau về biển cả
Tóc bạc phơ rung động đến chiều mờ
Hình ảnh này là cũng một bài thơ
Thơ chiến đấu của đoàn người đi trước
Trải gian lao để đưa qua bến nước
Đoàn người sau về với một ngày mai
Đường đầy hoa thay những néo chông gai



ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ

Nguyễn Kim Lộc
(Chicago, Illinois. USA)

Tướng Đỗ Cao Trí đã hy sinh vì Quốc Gia Dân Tộc, vì lý tưởng Tự Do, cách nay đã gần bốn mươi năm, một khoảng thời gian khá dài, đủ cho lớp bụi thời gian làm lu mờ bao hình ảnh...nhưng đối với Đỗ Cao Trí, người dân Việt vẫn còn thương tiếc, nhất là quân nhân các cấp trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, và người dân xứ Bưởi lúc nào cũng dành cho Ông một chỗ đứng trang trọng trong lòng họ, vì họ thấy rõ Đỗ Cao Trí là một vị tướng tài, giỏi về mưu lược chiến trường và điều đặc biệt là biết thương lính mền dân. Một vị Tướng không có tham vọng chính trị, chỉ tâm niệm làm tròn chức vị của một quân nhân, xông pha chiến trận mong đem lại sự an bình cho đất nước Việt Nam và nguyện phục vụ cho bất cứ một vị minh quân nào biết lo cho dân cho nước.

Nhưng mệnh số đã an bày...Ông ra đi vĩnh viễn trên vùng trời Tây Bắc Tỉnh Tây Ninh vào buổi sáng thứ Ba, ngày 23 tháng 02 năm 1971, nhằm ngày 28 tháng Giêng thiếu, năm Tân Hợi, trong khi quê hương Việt Nam còn tràn đầy lửa loạn.

Tin Trung Tướng Đỗ Cao Trí tử trận, lúc bấy giờ, đã gây xúc động dư luận trong và ngoài nước: -Báo chí ngoại quốc ca ngợi tài năng và lòng dũng cảm của Ông, - Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu truy thăng Ông lên cấp Đại Tướng, - Đại Tướng Creighton Abrams nghiêng mình trước linh cửu của Ông, - Toàn quân đội Việt Nam Cộng Hoà ngậm ngùi thương tiếc, và toàn dân cảm động xót thương.....

Báo chí thời đó loan tin Trung Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn nan phi cơ, trong khi ông đang thị sát chiến trường trong khuôn khổ cuộc hành quân Toàn Thắng 42, vào trung tuần tháng 4/70 và tường thuật ...vào ngày kể trên, sau khi họp duyệt xét tình hình chiến sự, nghe các đơn vị trưởng thuyết trình diễn tiến cuộc hành quân, và ban những chỉ thị cần thiết tại Bộ Tư Lệnh Tiền Phương đặt tại vùng *Trảng Súp* (?) tỉnh Tây Ninh, Tướng Trí lên phi cơ trực thăng để bay thị sát chiến trường và hẹn gặp Đại Tá Nguyễn Khuyến, Chánh Sở 3 An Ninh Quân Đội tại Biên Hoà, và Đại Tá Lê Văn Nghĩa, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 30 Công Binh chờ đón Ông ở Đambe; nhưng bất hạnh thay, chiếc phi cơ CNC của Trung Tướng Đỗ Cao Trí và đoàn tùy tùng, vừa cất cánh được vài phút thì xảy ra tai nạn, phi cơ nổ trên không phận và rơi xuống cuối phi đạo Trảng Nhỏ thuộc xã Ninh Thạnh, cách thị xã Tây Ninh 3 dặm về hướng Tây Bắc và toàn bộ những người trên phi cơ không ai sống sót, gồm có:

- Trung Tướng Đỗ Cao Trí Tư Lệnh Quân Đoàn III và Vùng 3 Chiến Thuật
- Trung Tá Châu Trường Phòng Truyền Tin Quân Đoàn III
- Trung Tá Đặng Quốc Sỹ, Trung Tâm Trưởng, THHQ/ Quân Đoàn III
- Trung Tá Trần Minh Châu, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Truyền Tin Quân Đoàn III
- Francois Sully, Ký Giả kiêm Phóng Viên Chiến Trường Tuần Báo Newsweek, người Mỹ gốc Pháp, rất rành tiếng Việt.

- Đại Úy Nguyễn Tuấn, Sĩ Quan Tuỳ Viên Trung Tướng Đỗ Cao Trí, -Đại Úy Thành, Phi Công (?).- Trung Úy Phan Ngọc Cẩm, -Thượng Sĩ Nguyễn Văn Minh, -Trung Sĩ I Phạm Quốc Hồng.
- Trung Sĩ Bùi Quang Trung, -Trung Sĩ Bùi Giáo.

Trong chuyến đi này, theo chỉ thị của Trung Tướng Đỗ Cao Trí, có Thiếu Tá Trần Văn A..., Trưởng Phòng Quản Trị/Quân Đoàn III, với nhiệm vụ mang huy chương và bằng tưởng lục theo, để Trung Tướng Đỗ Cao Trí tưởng thưởng tại chiến trường những quân nhân có nhiều công trận, và Đại Úy Trần Bửu K..., Sĩ Quan Báo Chí Quân Đoàn III cũng được lệnh tháp tùng, nhưng vào giờ chót, vì phi cơ quá đông nên hai vị sĩ quan vừa kể được Trung Tướng cho ở lại ...



Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đến Nghĩa Trang Quân Đội

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đọc điều văn.

Thi thể của Tướng Đỗ Cao Trí được đưa về quản tại tư dinh của Tướng Lệnh Quân Đoàn III (tức là Dinh Tỉnh Trưởng trước đây) gần sông Đồng Nai, đường Trần Thượng Xuyên, thành phố Biên Hoà. Lễ An Táng được tiến hành theo lễ nghi quân cách, rất đông quan khách thăm viếng và tiễn đưa, từ Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, các vị Đại Diện Tôn Giáo, các Nghị Sĩ, Dân Biểu, Sĩ Quan cấp Tướng, Tá, đại diện các Bộ, cũng như dân chúng nhiều địa phương đến đốt hương tưởng niệm, và rất đông Thân Hào Nhân Sĩ cùng Quân Dân Cán Chính các cấp trong và ngoài tỉnh, trong số đó có cụ Lâm Tuyên Võ Trung Nghĩa đọc điều văn vô cùng xúc động, ca ngợi thành tích chiến đấu trong ngày Lễ An Táng Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí tại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hoà, trong bài điều văn có bài thơ cảm niệm:

*Ngộ nạn phi cơ thật hiểm nghèo
Non bông khí phách vội mang theo
Giáp binh ải Bắc tranh cao hạ
Dàn trận miền Nam thắng vĩ vè
Ơn nước nợ nhà lòng sắt đá
Tình quân nghĩa chúa dạ sơn keo
Sao rơi núi Điện, hoa sầu héo
Đỗ Phủ từ đây nghẹn ngán rêu*

Và cũng trong ngày buồn bã ấy, Thi Sĩ Thế Nhân (Biên Hoà) có viết một bài thơ tưởng nhớ, kính dâng hương linh Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí như sau:

ANH HÙNG HỌ ĐỖ

*Đây nén hương lòng xin kính gởi
Anh hùng họ Đỗ đất Đồng Nai,
Ra đi... để lại trời thương tiếc
Nhang khói còn vương khắp chốn này.*

*Danh tướng không mơ ngày tóc bạc,
Quyết đem tài trí giữ non sông,
Diệt phường gian ác, quân vô đạo
Đem lại an cư, tạo thái bình.*

*Một thưở Địa Đầu (1) vang chiến tích,
Cao Nguyên (2) tỏ rõ bước uy danh,
Miền Đông (3) nổi tiếng truy quân địch,
Khí thế, hùng ca, khúc diên hành.*

*Chao ôi! Vận nước còn đen tối
Người đã về đâu? Hỡi nước mây!
Trong chuyến phi hành quan sát trận (4)
Trời cao lửa đỏ phủ thân người.*

*Xe tăng thay ngựa đưa thân xác
Về chôn nghìn năm vĩnh biệt đời
Quân Đội Nghĩa Trang còn ghi dấu
Trời buồn nhỏ lệ ánh sao rơi.*

Thế Nhân
(Biên Hoà, ngày 23-02-1971)

Cước Chú: (1) Vùng I, (2) Vùng II, (3) Vùng III, (4) Trong chuyến quan sát trận địa cuộc Hành Quân Toàn Thắng 42, phi cơ của Trung Tướng Đỗ Cao Trí lâm nạn, bị nổ tung trên bầu trời Tây Bắc tỉnh Tây Ninh.

Sau khi tai nạn nói trên xảy ra, thân hào nhân sĩ và dân chúng tỉnh Tây Ninh mến mộ tài đức của Trung Tướng Đỗ Cao Trí và thương tiếc đoàn tùy tùng ...nên lập đền thờ tại nơi xảy ra tai nạn thuộc xã Ninh Thạnh (Tây Ninh) và làm lễ điều tế... có biên hai câu liễn như sau:

*Biên địa xuất anh tài, vị quốc vong thân, kỷ độ thăng trầm tâm bất biến
Tây thiên hồ cổ vị, ưu dân xả kỷ, thiên thu tiết nghĩa quyết vô khuy*

Cụ Lâm Tuyên Võ Trung Nghĩa dịch:

*Biên (Biên-Hoà) trở tài cao, giúp nước quên mình, mấy độ thăng trầm lòng chẳng đổi
Tây (Tây-Ninh) thiên về vị cũ, lo dân trí mạng, ngàn năm tiết nghĩa sử không phai*

(Theo bài viết của ông Nguyễn Văn Khậy)

Tai nạn phi cơ dẫn đến cái chết của Trung Tướng Đỗ Cao Trí và đoàn tùy tùng đã gần bốn mươi năm đến nay vẫn còn nhiều người nhắc nhở và nêu lên nhiều thắc mắc về cái chết của Tướng Đỗ Cao Trí, nhất là trong những lần họp mặt cựu quân nhân cùng khoá, hoặc cùng đơn vị hoặc những dịp hội ngộ đồng hương Biên Hoà nơi phương trời viễn xứ.

Người ta nhắc lời ông Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu thốt ra, khi nghe tin Trung Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn phi cơ “*Người Mỹ giết Đỗ Cao Trí rồi!*”, một số người khác thì nghi ngờ có bàn tay của *John Paul Vann*, Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn III, dự phần trong vụ án và cho mãi đến hôm nay, người ta vẫn còn đặt nhiều câu hỏi:

-Có thể đây là một vụ thanh toán nội bộ nhằm triệt hạ Tướng Đỗ Cao Trí vì nạn bè phái trong hàng ngũ Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà?

-Có thể đây là một vụ án do Tình Báo Mỹ CIA chỉ đạo nhằm dứt điểm Đỗ Cao Trí, một vị Tướng tài ba, (chủ trương và hoạch định các cuộc hành quân qui mô vượt qua lãnh thổ Campuchia, nhằm phá vỡ các cơ sở hậu cần và căn cứ quân sự của nhiều đơn vị Cộng Sản Bắc Việt, các Công Trường 5, 7, 9 thuộc Cục R và các sư đoàn chính qui Bắc Việt, do sự thoả hiệp ngầm giữa Bắc Việt và ông Hoàng Sihanouk) vì việc làm của Đỗ Cao Trí đi ngược lại đường lối chủ trương của Hoa Thịnh Đốn (?) trong giai đoạn này..

-Cũng có thể bị nội tuyến Cộng Sản lồng vào để giết một vị tướng tài ba...

-Cũng có thể đây là một tai nạn thật sự....

Thiếu tá Trần Văn A..., Trưởng Phòng Tổng Quản Trị /Quân Đoàn III có bày tỏ, trong những ngày đầu tháng 6-1975 tại trường Trung Học Ngô Quyền, Biên Hoà (địa điểm tập trung chờ đi tù cải tạo) với một người trong dòng họ Đỗ Cao..., và một người nữa là Đại Úy Trần Bửu K... cũng nói với một người trong dòng họ Đỗ Cao... khoảng tháng 6-1976, tại trại T-9 thuộc Liên Trại 4 Yên Bái - Hoàng Liên Sơn, rằng:

“...trong ngày chiếc phi cơ trực thăng của Tướng Đỗ Cao Trí lâm nạn, có một sự kiện kỳ lạ xảy ra ...Trong khi tất cả mọi người đã lên phi cơ, chờ cất cánh, thì có một Hạ Sĩ Quan Truyền Tin đem một cái hộp (không ai biết đựng thứ gì trong đó) mang đến cận phi cơ, nói gì đó với Trung Tá Châu, Trưởng Phòng Truyền Tin Quân Đoàn III, dường như xin gửi cái hộp (chỉ đoán là hộp đựng pin) đến một đơn vị truyền tin nào đó ngoài mặt trận; liền khi ấy, Trung Tá Châu trình qua Trung Tướng Trí và được Trung Tướng chấp thuận cho đưa lên chiếc phi cơ trực thăngChiếc phi cơ cất cánh, bay lên được khoảng chừng vừa hơn 30 thước độ cao thì phi cơ trực tặc, bay là xuống, lúi vào hàng rào cây và phát nổ.....”

Trong khi phi cơ lâm nạn, hai vị sĩ quan vừa kể vẫn còn có mặt tại chỗ, Thiếu Tá A... ngồi trên xe jeep đang nổ máy và Đại Úy K... cũng đang ngồi trên chiếc xe jeep nhưng chưa nổ máy. Cả hai vị sĩ quan này chứng kiến tai nạn xảy ra, nhưng lý do sâu xa dẫn đến tai nạn thì cả hai đều không biết.

Mãi đến hôm nay nhiều người còn thắc mắc về người Hạ Sĩ Quan Truyền Tin Quân Đoàn III gửi cái hộp gì trên phi cơ của Tướng Trí? Hạ Sĩ đó tên gì? Là người của ai? Nội tuyến chăng? Phi cơ của Tướng Trí bị nạn thực sự vì lý do gì hỏng máy rồi gây ra vụ nổ? Hay do chất nổ trong chiếc hộp? Hay ai đó đã phá hỏng máy trước khi máy bay cất cánh? Ngoài ra, người ta cũng đặt vấn đề ai lái chiếc phi cơ trực thăng chở Trung Tướng Đỗ Cao Trí ngày xảy ra tai nạn, Đại Úy Thành hay Đại Úy Phan Văn Đát?

Những người chứng kiến tai nạn xảy ra, hiện nay vẫn còn sống ở một nơi nào đó trên trái đất, nhưng chưa có dịp hay ngại ngần nói lên sự chứng kiến của mình hoặc đưa ra những lời giải đoán; người viết bài này vẫn mong được tiếp xúc với các bạn hiểu biết nhiều về tai nạn phi cơ nói trên qua địa chỉ email: loc60_2000@yahoo.com, để giúp cho người viết có dịp trình bày rõ vấn đề.

Có một lần tôi có dịp gặp một người trong họ Đỗ Cao...hỏi thăm và nhắc lại vụ tai nạn phi cơ gây nên cái chết của Tướng Đỗ Cao Trí và đoàn tùy tùng, thì vị này (xin miễn nêu tên) nói: *“thôi mọi việc đã qua rồi, bây giờ nhắc lại hoặc tìm hiểu thêm có ích chi! Hãy để cho sự việc đó qua luôn”*. Nhưng người viết bài này cho rằng lịch sử lúc nào cũng cần sự thật và chắc chắn không có một bí mật nào có thể giấu kín mãi dưới ánh mặt trời.

Sau này tôi có dịp đọc phần trích Hồi Ký của Võ Long Triều -Tập II-8, (Việt Nam online, ngày 21-10-2007) với tựa bài *“Ai Giết Tướng Đỗ Cao Trí?”*, tôi mới hiểu thêm một chút. *“...Có lần Trung Tướng Đỗ Cao Trí bàn với ông Võ Long Triều, Cựu Tổng Trưởng Thanh Niên, về việc đảo chánh ông Nguyễn Văn Thiệu, vì cho rằng ông Thiệu đã bị Mỹ mua chuộc, làm việc gì cũng theo lệnh Mỹ và với ý đưa Võ Long Triều lên lãnh đạo quốc gia..., nhưng ý định này của Đỗ Cao Trí đã âm thầm tắt lịm trong khoảng thời gian ngắn ...và theo sự linh cảm của ông Võ Long Triều thì Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã biết được âm mưu này..... Sau đó không lâu, Trung Tướng Đỗ Cao Trí cảm thấy có hiện tượng hơi lạ, khoảng đầu năm 1970 (?), Có Vấn Mỹ Quân Đoàn III, đề nghị đưa máy bay của Tướng Trí vào bãi đậu của Mỹ để phía Mỹ giữ an ninh giùm, nhưng Trung Tướng Đỗ Cao Trí không đồng ý, đồng thời Trung Tướng Trí cũng bắt đầu lo ngại một điều gì.... Ông cho đổi tất cả các nhân viên trong phi đoàn trực thăng của Ông bằng những người bà con xa gần, trong số có Thiếu Tá Đỗ Cao Đăng là vai Chủ họ của Đỗ Cao Trí..... Có Vấn Mỹ lại đề nghị Đỗ Cao Trí “trước khi bay nên đưa phi cơ qua phía Mỹ kiểm máy giùm”, đề nghị này được Đỗ Cao Trí chấp thuận.... Việc kiểm chiếc phi cơ của Tướng Đỗ Cao Trí lần sau chót được thực hiện hai ngày trước khi xảy ra tai nạn phi cơ nói trên....”*

Và cũng trong Hồi Ký của ông Võ Long Triều có đề cập một đoạn đáng lưu ý về Trung Tướng Đỗ Cao Trí bị tai nạn phi cơ như sau:

“Thông báo chính thức của chính phủ trên đài phát thanh và truyền hình là trực thăng của vị Tư Lệnh Quân Đoàn III bị hỏa tiễn Việt Cộng bắn rơi”. Mãi về sau này, Anh ruột của Đỗ Cao Trí là Nha Sĩ Đỗ Cao Minh, hiện định cư tại Pháp, cho tôi biết về một lời tâm sự của Đại Tá Chiêm, đàn em của Tướng Trí, phụ trách Ban An Ninh Phủ Tổng Thống, tường thuật với Đỗ Cao Minh như sau:

“Sáng hôm đó Ký Giả Tuần Báo Newsweek, ông Francois Sully, điện kiến Tổng Thống Thiệu đúng 8 giờ sáng, sau đó Ký Giả này có hẹn với Trung Tướng Đỗ Cao Trí lúc 9 giờ, để tháp tùng đi thi sát mặt trận Campuchia. Theo thông lệ mọi người vào điện kiến các cấp lãnh đạo cũng phải để xách tay lại Văn Phòng Bí Thư hay Tùy Viên. Francois Sully giả từ Tổng Thống xách cặp của ông ra đi. Không hiểu giữa thời gian đó, có ai bỏ bom nổ chậm trong cặp không?”

Sau khi tai nạn nói trên xảy ra, xác chiếc phi cơ được đưa về Sư Đoàn 3 Không Quân Biên Hoà để kiểm nghiệm, đồng thời lập Ủy Ban Điều Tra...nhưng từ đó không ai biết thêm gì nữa, ngoài tờ trình của cơ quan MACV kết luận chiếc phi cơ chở Tướng Đỗ Cao Trí lâm nạn vì lý do thiếu kỹ thuật bảo trì của phía Việt Nam.

Sau đây là những mẫu chuyện liên quan đến Đại Tướng Đỗ Cao Trí, còn truyền tụng trong dân gian, mà tôi ghi nhận được:

-Tham gia Chiến Dịch Hoàng Diệu tiêu trừ Lực Lượng Bình Xuyên tại Khu Rừng Sác vào tháng 11-1955, lần này Đỗ Cao Trí suýt chết, khi ông vào trụ sở Bộ Tổng Tham Mưu KBC 4002, ở đường Trần Hưng Đạo Sài Gòn, để báo cáo cho Trung Tướng Trần Văn Đôn diễn tiến cuộc hành quân.... Ông vừa bước xuống xe đi thẳng vào toà nhà trong khoảnh khắc thì nghe một tiếng nổ chát chúa phía sau lưng Ông...đó là trái bích kích pháo 60 ly, do Lực Lượng Bình Xuyên bắn vào chiếc xe jeep của Ông, khiến cho Trung Sĩ tài xế và Thượng Sĩ hầu cận ông, bị tử thương.

-Năm 1963, Đỗ Cao Trí giữ chức Tư Lệnh Quân Đoàn I, Ông chủ trương xoá sổ *Mật Khu Đỗ Xá* (Quảng Ngãi), nơi ẩn trú kiên cố của Việt Cộng Liên Khu 5, và trong cuộc hành quân bao vây, tấn công mật khu này đạt được nhiều kết quả, nhưng trong lần này, Biên Hoà mất đi một chiến sĩ Nhảy Dù vô cùng can đảm, đó là *Thiếu Úy Trần Đại Tân Ấu* (Bào Đệ của ông Trần Đại Tân Ấu đang định cư tại Chicago, Illinois, trong đợt tấn công đầu tiên.



- Tất cả quân nhân thuộc Quân Đoàn III đều thán phục và hết lời ngợi khen Trung Tướng Đỗ Cao Trí là một anh vị hùng, trí dũng song toàn và lúc nào cũng muốn sát cánh chiến đấu với anh em binh sĩ, khi thì nhảy trực thăng vận với binh sĩ, lúc ngồi trên thiết vận xa M.113 thúc giục đoàn quân tiến tới, khi thì ghé Bộ Chỉ Huy/Hành Quân Chiến Đoàn 318, rồi sang Bộ Chỉ Huy /Chiến Đoàn 333 để góp ý điều quân...

Đặc biệt trong ngày đầu tiên của cuộc hành quân (29-4-70), Trung Tướng đích thân thủ đại liên trên một chiếc trực thăng võ trang, nhằm yểm trợ cho Đại Đội Trinh Sát của Trung Úy Nguyễn Trọng Hoàn thuộc Sư Đoàn 25 Bộ Binh do Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Thịnh làm Tư Lệnh, tiến chiếm mục tiêu uỷ nhiệm một cách an toàn, và lần này như có một điềm chằng lành báo trước, chiếc nón lưỡi trai màu đỏ với ba sao bạc của Trung Tướng bất ngờ rơi xuống đất, khi chiếc trực thăng chiến đấu vụt bay lên cao để tránh những loạt đại liên của lực lượng Campuchia từ phía dưới bắn lên. Sự dũng cảm và sát cánh chiến đấu với binh sĩ của Trung Tướng Đỗ Cao Trí là một liều thuốc kích thích cực mạnh, khiến binh sĩ hăng say chiến đấu trong niềm tin tất thắng.

- Trung Tướng Đỗ Cao Trí rất được lòng binh sĩ. Ông từng tuyên bố “*sẽ sống và chết với ba quân trên chiến trường*” và Ông luôn giữ lời hứa đến giờ phút cuối cùng, khỏi lửa bộc thầy trên vùng trời Tây Bắc tỉnh Tây Ninh vào ngày 23-2-1971.

- Căn cứ vào tin tức tình báo tổng hợp, do Đại Tá Lê Đạt Công, Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn cung cấp, cùng với các nguồn tin tình báo kỹ thuật, không ảnh, điện thám và Biệt Kích Nhảy Toán và tin tình báo xâm nhập của Ngành Cảnh Sát, tin tình báo của Đơn Vị 101 Chiến Lược... Trung Tướng Đỗ Cao Trí lượng định một cách chính xác rằng Bắc Việt đã thiết lập trên lãnh thổ Cam Bốt, phần giáp ranh biên giới Miền Việt, các khu an toàn cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (Cục R) tại Kratié và các kho dự trữ quân lương, vũ khí, cùng căn cứ cho các Sư Đoàn Chính Quy Bắc Việt và các Công Trường (tương đương cấp Sư Đoàn) 5, 7, 9 tại vùng Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt... Các đơn vị này thường xuyên xâm nhập, tấn công các đơn vị Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, ngoài ra Trung Tướng Trí còn nhận định rằng nếu quân ta chiếm được và làm chủ Kratié (căn cứ chiến lược của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, chúng ta sẽ chặn được đường tiếp vận huyết mạch của Bắc Việt vào Vùng 3 và Vùng 4 Chiến Thuật, nên Trung Tướng Đỗ Cao Trí mạnh dạn đề nghị Bộ Tổng Tham Mưu cho mở cuộc hành quân vượt biên sang Cam Bốt, nhằm càn quét, phá huỷ các khu an toàn kể trên của Cộng Sản Bắc Việt... Và khi cơ hội đến, Tướng Lonol làm cuộc đảo chánh, lật đổ Sihanook, ông Hoàng Campuchia ngấm ngầm trợ giúp quân Cộng Sản Bắc Việt ... Cuộc Hành Quân Toàn Thắng 42 được bí mật hình thành và thực sự khai diễn vào ngày N+1 (lúc 7 giờ sáng ngày 29-4-70).

- Trung Tướng Đỗ Cao Trí có sự nhận xét rất chính xác về sở trường cùng sở đoản của các vị Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn dưới quyền, và có tài “*dụng nhân như dụng mộc*”, Ông đã huyền biến thay đổi, bố trí một cách hợp tình hợp lý về nhân lực và khả năng tác chiến của từng đơn vị, nâng cao được khả năng chiến đấu của các sư đoàn... cũng như thăng tay thay thế những đơn vị trưởng kém tài và điểm nổi bật của Trung Tướng Đỗ Cao Trí là việc thưởng phạt rất phân minh.

- Trung Tướng Đỗ Cao Trí đã cho thành lập các Chiến đoàn ***huyền biến hành quân di động*** để chống lại chiến thuật cơ động tác chiến của các đơn vị Việt Cộng, đồng thời yêu cầu Lực Lượng Dã Chiến 2 Hoa Kỳ sử dụng phi pháo tối đa tập trung vào các nơi dưỡng quân của các Công Trường 5, 7, 9 của Cộng Sản cũng như các *Chiến Khu D, Chiến Khu Dương Minh Châu* và các *Mật Khu Hồ Bò*...

- Đại Tá Nguyễn Khuyển, Chánh Sở 3 An Ninh Quân Đội tại Biên Hoà, rất khâm phục Trung Tướng Đỗ Cao Trí và đã từng viết: “*Thời gian Tướng Trí nắm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III là thời gian làm cho*

*Với sự yểm trợ của Cố Vấn Mỹ tại Phòng 2, vị Cố Vấn này ngoại giao với một đơn vị Hải quân Mỹ ở Vũng Tàu, nhờ yểm trợ một số trực thăng OV-10 Bronco chuyển các chiến sĩ gan dạ của Phòng 2 Tiểu Khu Phước Tuy, được trang bị đại liên 60 và lựu đạn, mở **cuộc hành quân cấp tốc** nhảy xuống vùng chứa một số lớn vũ khí như vừa kể.”*

Tin tức rất chính xác, cuộc hành quân mang nhiều tính chất mạo hiểm nhưng đã mang lại kết quả mỹ mãn. Cuộc giao tranh không đáng kể, địch trong thế chiến đầu rút chạy hơn là bám trụ kháng cự. Phòng 2 Tiểu Khu Phước Tuy tịch thu một số lớn vũ khí.

Trong khi trực thăng chở số vũ khí tịch thu được, từ sáng đến chiều về khu an toàn, thì trực thăng của Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III và Thiếu Tướng Phan Trọng Chinh, Tư Lệnh Phó bay đến, đáp xuống quan sát trận địa. Trung Tướng tỏ lời khen đồng thời ra lệnh Đại Úy Nguyễn Tấn Thanh, sau cuộc hành quân, phải về Quân Đoàn trình diện Trung Tướng ngay.

Nguyễn Tấn Thanh xin quá giang trực thăng của Thiếu Tướng Phan Trọng Chinh về Quân Đoàn. Ý của Trung Tướng thăm khen vị sĩ quan gan dạ và tháo dạt này đã làm được việc, nhưng có vẻ phiền trách vị sĩ quan này đã không chờ lệnh Quân Đoàn trước khi mở một cuộc hành quân quan trọng nơi vùng Rừng Sác giáp ranh 3 tỉnh. Trung Tướng ra lệnh tướng thưởng cho các sĩ quan và binh sĩ tham dự cuộc hành quân nói trên mỗi người thăng một cấp, kèm huy chương Anh Dũng Bội Tinh, riêng Đại Úy Trưởng Phòng 2, người điều động và chịu trách nhiệm cuộc hành quân, chỉ được một Anh Dũng Bội Tinh với ngôi sao đồng, mà Thiếu Tướng Phan Trọng Chinh khi gấn huy chương cho Nguyễn Tấn Thanh có nói nhỏ: “*ý Trung Tướng phạt anh đó*” (vì anh tự ý làm một việc vô cùng nguy hiểm cho cá nhân anh, cho đồng đội anh và...). Tôi thiết nghĩ vì kỷ cương quân đội mà Trung Tướng hành động như trên, nhưng trong lòng Trung Tướng rất thương những sĩ quan dũng cảm như Nguyễn Tấn Thanh, chấp nhận sự hiểm nguy vì quốc gia dân tộc; nên thời gian sau đó, khi Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà có tổ chức những chuyến xuất ngoại tham quan nước này nước nọ, Trung Tướng chỉ thị dành cho Đại Úy Nguyễn Tấn Thanh, Trưởng Phòng 2 Tiểu Khu Phước Tuy một chỗ, gọi là âm thâm tướng thưởng sĩ quan gan dạ và có công.... Quyết định của Trung Tướng làm cho tôi vô cùng tán phục. Thưởng phạt phân minh, có tình có lý.

Tôi có dịp đọc bài “**Tướng Đỗ Cao Trí và Tôi**” của Trung Úy Nguyễn Trọng Hoàn, Đại Đội Trưởng Trinh Sát Sư Đoàn 25, mới thấy thêm được sự dũng cảm, mưu lược chiến trường của Trung Tướng Đỗ Cao Trí, cùng cách giải quyết nhiều vấn đề theo lương tâm, đạo đức và trách nhiệm của một vị Tướng nhìn xa hiểu rộng. Những then chốt mà tôi kính phục như sau:

- Cho thành lập nhiều Chiến Đoàn, áp dụng chiến thuật nhị thức Bộ Binh và Thiết giáp, đưa Chiến Đoàn 333 (gồm Trung Đoàn 46 của Sư Đoàn 25 và Thiết Đoàn 15, tiến chiếm quận Chipu làm bàn đạp, bao vây, chiếm Svay Rieng, xong bọc trở lại Chipu tiến xuống phía Nam, xâm nhập vùng Lưỡi Câu và Chiến Đoàn đưng nặng tại đây (đúng theo ước tính)...

- Trong suốt cuộc hành quân, Tướng Trí thường xuyên ngồi trên trực thăng CNC từ trên không phận quan sát, nhận định và hướng dẫn các trận đánh cũng như sẵn sàng ra lệnh phi pháo yểm trợ hữu hiệu.

- Trung Úy Nguyễn Trọng Hoàn, trong bài viết, kể:

“Mục tiêu là một cái làng rộng lớn có lũy tre dày đặc bao quanh, nằm sát cánh rừng, từ sáng tới 3 giờ chiều, ta tấn công 2 lần đều bị dội ra, cháy 2 chiếc M41 và chết + bị thương một số của cả Thiết giáp và Bộ Binh. Tướng Trí đáng tâm thước với chiếc mũ lưỡi trai màu đen thoăn thoắt bước lên một chiếc M41 ở tuyến đầu, trong khi Việt Cộng vẫn thỉnh thoảng bắn ra, dĩ nhiên ông ta ra tới đó thì Trung Đoàn Trưởng, Thiết Đoàn Trưởng phải theo ngay sau, may mắn tôi đứng gần đó vì đang dàn quân chuẩn bị cho đợt xung phong cuối cùng trước khi trời tối. Tôi chứng kiến ông cầm cái can, gõ gõ vào nón sắt của Trung Tá Đồng, Thiết Đoàn Trưởng: Đ. M., lên ngay nghe Đồng, cháy bao nhiêu xe tao cho bấy nhiêu, phải chiếm cho được mục tiêu trước tối nay nghe chưa!”

- Một giai thoại khác vẫn do Trung Úy Nguyễn Trọng Hoàn kể:

“Lần đầu tiên từ khi tôi ra trường, tôi được “đổi đáp” với một vị Tướng, mà lại là vị tướng nổi danh mới hách chừ. Trung Tướng Đỗ Cao Trí ngoài cổ lại hàng ghế phía sau hỏi to:

- Ông nào là Đại Đội Trưởng Trinh Sát đâu ?

Tôi đứng bật dậy như lò xo bung: - Có mặt.

- Nãy giờ ông có nghe kỹ diễn tiến của ngày N và N+1 không?

- Nghe rõ!

Ông Tướng đứng dậy, đưa tay ra hiệu cho Đại Tá Lều Thọ Cường, Chiến Đoàn Trưởng Chiến Đoàn 333, đưa que chỉ bảng cho ông. Bây giờ tôi mới nhìn thấy rất rõ ngoại mạo một ông Tướng khét tiếng này: Vàng trán cao xám ngoét, đôi mắt sáng, đỏ au như mắt cá chày (Người ta bảo con mắt ông có cô hồn đấy! Nhất tướng công thành vạn cốt khô mà!). Phần từ đầu tới thắt lưng, tướng pháp không chê vào đâu được, nhưng từ thắt lưng xuống tới đôi giày “Máp”, giống như củ khoai lang cắt đôi, dựng ngược, từ từ teo tóp... Tôi bỗng rùng mình, chưa chát nghĩ đến chiếc bóng chên vênh của Kinh Kha bên dòng Dịch Thủy:

Gió hiu hiu sóng Dịch lạnh lùng ghé
Tráng sĩ một đi không trở về!

Tướng Trí xoè nguyên bàn tay mũp trên tấm bản đồ không ánh, kéo một đường dài từ Gò Dầu Hạ, dọc theo Quốc Lộ 1 lên tận Svayrieng: (Ôi! Những ai từng “đi” nhận lệnh hành quân, còn nhớ chăng cái cảm giác xương sống lạnh lạnh, mỗi khi thấy ông đơn vị trưởng của mình xoè tay trên một tấm bản đồ 1.25.000 trong đó một ô vuông nhỏ xíu nhưng ngoài thực tế là một cánh đồng bạt ngàn, đi mù con mắt mà vẫn không tới?).

- Ông Chuyên, cho các mục tiêu vừa thuyết trình, giạt ra xa Quốc Lộ 1 chừng một cây số...

Bỗng ông ngừng lại:

- Ông Cường, thằng Tiểu Đoàn 1 của ông đến đâu rồi?

Đại Tá Cường, rập hai chân lại trong một cử chỉ vừa nghiêm trang, vừa như lấp ló có tin vui:

- Thưa Trung Tướng, thằng Tiểu Đoàn 1 của tôi vừa làm chủ Chi-Phụ.

- Tốt, như thế này nhé: Ông Cường cho Bộ Chỉ Huy Chiến Đoàn của ông, dời từ đây lên Chi-Phụ.

Tôi nhắc các ông từ bây giờ bọn cô vấn Mỹ không theo mình vào Miên nữa đâu đấy!

Ông nhìn mấy cô vấn Mỹ, rồi bảo người thông dịch viên:

- Dịch nguyên văn cho “chúng nó” nghe câu này: “Phải tập đánh độc lập đi, dựa mãi vào mãi thằng Mỹ mai kia một nọ, chúng qua cổng rút cầu thì sao?”

Ông lại xoè bàn tay ra, dùng ngón trỏ và ngón giữa căng theo Quốc Lộ 1, rồi Ông dùng que chỉ bảng chỉ ngay vào mặt Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Thịnh, Tư Lệnh Sư Đoàn 25, gốc pháo binh:

- Ông Thịnh, từ đây lên Svayrieng còn trong tầm bắn tác xạ của Tiểu Đoàn 252 Pháo Binh không?

Tôi thích thú nhìn Tướng Thịnh, ông Tướng có mấy sợi lông tài trên nốt ruồi đen, trên khuôn mặt to đen lạnh lùng như ông thần đất, mà mọi khi chúng tôi rất hãi, cũng phải đứng bật lên:

- Thưa, tới!

Bất ngờ Tướng Trí chỉ ngay vào tôi:

- Trung Úy Hoàn, mở số tay ra.

Tôi rưng rờ... Trong cái nóng hầm hập của phòng hành quân tạm, mọi người đổ dồn về phía tôi, một sĩ quan có cấp bậc nhỏ nhất, lại được Tướng Trí nhớ tên. Tôi đỏ mặt, tính háo danh, và sự sung sướng lẫn át hết cảm giác sợ hãi, tự tin hơn là tôi đã chuẩn bị một quyển sổ tay, mà những sĩ quan nào, hơn một lần bị “ông Tướng sổ tay” hạch hỏi vì: “Là cấp chỉ huy mà không có quyển các-nê đờ-nốt là một sĩ quan tồi...”. Tôi cầm quyển sổ tay. A! Có một điểm đầu tiên rồi đấy!

Tôi thấy Tướng Trí cười: - Quân số hành quân của ông bao nhiêu?

- Trình Trung Tướng: 102 - Sĩ Quan 9 - Hạ Sĩ Quan 15 - Binh Sĩ...

Tướng Trí hét lên: - Sao nhiều thế, sao Sĩ Quan nhiều thế, Hạ Sĩ Quan ít thế? Bịa hả?

Đại Tá Cường đỡ cho tôi:

- Thi hành khẩu lệnh của Trung Tướng trước đây, các Đơn Vị Trinh Sát phải luôn luôn bổ sung đầy đủ. Sĩ Quan nhiều vì trong Trung Đội Viễn Thám, mỗi Toán Viễn Thám phải có một Sĩ Quan Trưởng Toán.

Tướng Trí ngắt lời:

- Tôi biết rồi.

Rồi ông lại dùng que thuyết trình chỉ xuống phía dưới, giọng ông chắc nịch:

- Tất cả mở sổ tay ra.

Như cái máy, Tướng, Tá phía dưới đồng loạt để tay lên túi áo trận. Tướng Trí đọc chính tả:

- Viết đi: Sức mạnh của một đơn vị bộ binh chiến đấu (phẩy) không phải ở lớp Sĩ Quan chuyên chỉ tay năm ngón (phẩy) mà nằm trong lớp Hạ Sĩ Quan cốt cán (chấm) Tóm lại, Bộ Binh là Hoàng Hậu của chiến trường (phẩy) mà chiến trường thắng hay bại tùy thuộc vào cấp bậc từ Hạ Sĩ Nhất đến Thượng Sĩ Nhất, viết rõ chưa? (Chấm hết).



Tướng Trí và Bộ Chỉ Huy



Rồi ông lại chỉ vào mặt tôi:
 - Trung Úy lên đây.
 Con người nhỏ con kia sao toát ra cái uy quyền lạ kỳ. Tôi đã vào sinh ra tử nhiều lần nhưng chưa bao giờ tôi lúng túng đến như thế. Tôi ríu rít đỡ cây que chỉ bảng:
 - Trung Úy chỉ cho tôi xem đâu là Quốc Lộ 1. Tốt. Đâu là cây cầu chính vào thành phố. Tốt... Trung Úy có thể chiếm thành phố này chỉ với một mình Đại Đội của Trung Úy được không?
 Cả sống lưng của tôi như bị điện giật... Một Đại Đội Trinh Sát với một nhóm người như thế này, làm sao đây?
 Tỉnh háo danh của tôi lại bật dậy:
 - Được, thưa Trung Tướng.
 - Tốt, thế mới là Trinh Sát chứ! Như thế này nhà. Ông Cường cho...
 ... Máu háo thắng cùng niềm kiêu hãnh cứ dâng lên từng đợt trong con người phàm của tôi cho đến khi tôi tập họp Đại Đội dưới một thửa ruộng khô vừa xong mùa gặt. Tôi huênh hoang khoe:
 - Địch thân Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn vừa chỉ thị, một mình Đại Đội ta sẽ chiếm Tòa Thị Sảnh Svâyriêng!
 Từ sĩ quan cho tới lính mặt mày nhớn nhác. Có nhiều người nhảy lên vì thích thú. Có người giơ cao khẩu M16 hét lên:
 - Chơi luôn!
 Có vài nét mặt đăm chiêu của sĩ quan, tôi lơ đã, nói lớn, ngất ngất hào khí:
 - Mọi người có nửa tiếng để sắp xếp lại quân trang quân dụng, bỏ lại hết thực phẩm, quân trang nặng nề. Tóm lại chỉ mang súng đạn cá nhân. Hai Trung Đội Trưởng Trinh Sát và Trung Đội Trưởng Viễn Thám ra đây nhận lệnh. Lệnh có gì đâu, nhưng nghe xong, mặt ai cũng như chàm đỏ...
 Sau đấy khoảng hơn một tiếng. Hơn 10 chiếc xe vận tải dân sự từ Gò Dầu Hạ trở về Miên, bị chúng tôi trưng dụng. Trung Đội Trưởng kè súng vào hông người tài xế Miên, còn lính nằm ở phía sau. Đạn lên nòng, xe cứ thế mà chạy trên quốc lộ phía bên Miên. Ngày ấy, cứ vài cây số lại có một cái bàn đặt ngay quốc lộ để đơn vị Miên nào đóng gán quốc lộ thấu tiền mãi lộ!
 Đoàn xe của Đại Đội cứ thế mà chạy, qua trạm, chạy luôn, khiến những người lính Miên trên các trạm ấy xả súng vào đoàn xe, cũng may không có ai bị thương.
 Tôi ngồi ngay xe thứ 2, xe trước tôi là Toán Viễn Thám 1 của Chuẩn Úy Cừ. Bỗng tôi thấy đoàn xe chạy chậm lại, cái dốc cầu vào thị xã cong cong làm tôi không quan sát được chiếc xe phía trước.
 Có tiếng thằng Một:
 - Hải Điều, đây Một.
 Tôi chụp máy:
 - Tôi nghe đây!
 Tiếng của Cừ gập gáp:
 - Trình Thám Quyền trên đường tụi Miên giăng concertina nhiều quá, có cả mấy con ngựa gỗ nữa... Một tràng súng xé không gian, tiếp theo là những tràng súng khác thi nhau vãi vào đoàn xe.
 Tôi hét to trong máy:
 - Cho xuống xe ngay, xung phong! Cả Đại Đội sẽ yểm trợ cho ông, chiếm ngay cái bốt cạnh kia kìa!

Một chiếc trực thăng xà ngay xuống, tôi thấy rõ Tướng Trí đội nón đỏ đang quần quần ngay trên cái đôn tôi vừa ra lệnh cho Cừ chiếm. Chiếc trực thăng đảo một vòng rồi bay lơ lửng ngay trên đôn Miên. Tôi vừa hô xung phong vừa kinh ngạc nhìn lên thấy Tướng Trí đã ngồi vào vị trí của người xạ thủ đại liên. Ông xoay họng súng vào phía lô cốt, một tay khoát khoát như cổ động cho đám quân dưới đất.

Có tiếng hét của Cừ:

- Tụi nó bắn lên máy bay của ông Tướng kia.

Một khẩu đại liên phòng không từ một cái đôn nhỏ bên phải cầu đang khạc hung hãn lên hông bên kia của chiếc máy bay. Chiếc trực thăng chao nghiêng.

Tôi kéo Trung Sĩ Thuận trong toán Viễn Thám, chỉ tay về hướng ổ đại bác phòng không:

- Cậu dẫn toán men theo bên này cầu, diệt phứt cái lô cốt kia đi cho tôi.

Thuận nhận lệnh, anh dẫn toán chạy lên, vừa dùng súng M79 hướng mũi trực xạ, một tiếng nổ làm bật tung khẩu súng phòng không, đồng thời biến mất những tên lính Miên, xạ thủ của khẩu phòng không ấy.

Chiếc trực thăng chở Tướng Trí lại vòng tới, lần này ông lại bay thấp hơn, ông biến thành xạ thủ của chiếc "gunship", chĩa những làn đạn về phía đôn chính.

Bỗng mọi người dưới đất xanh mặt khi chiếc máy bay rung lên, như con rồng chuyển mình, bốc lên cao. Một cái nón đỏ, đúng là nón của ông Tướng bay vụt ra, xoay vòng vòng như chiếc lá rồi bay vút về phía cây cầu. . .

Những người lính trinh sát vừa hò hét vừa tiến lên, đen kịt thành cầu, những tiếng la phát ra từ những trái tim nóng hổi:

- Việt Nam, Việt Nam!

Tôi kéo chú hiệu thính viên lao tới, hai mắt tôi rưng rưng... Thuận hớn hờ chạy về phía tôi giờ cao chiếc mũ đỏ có ba ngôi sao gắn chéo. Người ta bảo nóng giận thì mắt khôn, nhưng vui mừng quá cũng mất khôn luôn, vớ lại tính háo danh nằm sẵn trong tôi, nó sai bàn tay tôi, ném cái mũ sắt đang đội, lấy cái nón đỏ đội vào đầu. Lại nghĩ: "Có ngày "mày" cũng được "nằm" vào đầu tao thôi!".

Tôi vừa đắc chí vừa chạy tới, chạy một quãng thì hiệu thính viên đưa cho tôi chiếc combiné:

- Mặt Trời gặp Trung Úy.

Tôi nghe tiếng Tướng Trí.

- Đừng bắn, đừng bắn nữa, chúng nó từ chân cầu đang phát cò trắng kia kia.

Một hàng dài lính Miên, có cả đàn bà, con nít đang cầm những mảnh khăn trắng giờ cao trên đầu. Tôi vừa ra lệnh ngừng bắn thì hiệu thính viên lại đưa ống nghe cho tôi. Tiếng Tướng Trí:

- Tốt lắm, để một toán nhỏ lại giữ đầu cầu thôi, còn cậu tiếp tục đi.

Như những con gà chọi đang say đấu, chúng tôi lao cả đoàn xe về phía trung tâm thành phố. Dưới đường người ta vẫn thông thả đi lại, những người lính Miên vẫn đeo súng lơ ngơ ngắm phố. Chắc không có một ai hiểu việc gì đang sắp xảy ra với họ. Tiếng Cừ báo qua máy:

- Trình Thám Quyền mục tiêu kia rồi.

"Băng ga lo" hoành tráng, nơi tôi phải chiếm, đang ẩn mình dưới những tàn cây cổ thụ, mục tiêu điểm lẹ của tôi kia rồi!

Xe của Cừ húc đổ ngay con ngựa gỗ, tiếp theo xe của tôi và các xe sau trờ tới. . .

Cừ đưa khẩu Colt vào ngay ngực tên lính gác, qua một người lính gốc Miên thông dịch.

- Văn Phòng Tỉnh Trưởng đâu?

Tên lính đưa tay chỉ về phía cổng lớn nơi có hai con ngựa đá rất to. Cả Đại Đội lại lao về phía đó. Chẳng có đội hình gì cả. Khi Ban Chỉ Huy của tôi chạy vào trong đại sảnh thì một cảnh tượng vừa tức cười, vừa thống khoái hiện ra trước mặt:

Trung Úy Đại Đội Phó Trần Như Xuyên đang ghìem khẩu súng M16 về hướng những người mặc toàn lễ phục đang chấp tay lậy như té sao!

Té ra tại đây đang diễn ra buổi đại tiệc!

Tiếng người thông dịch:

- Trong các ông, ai là Tỉnh Trưởng?

Một người chấp tay xá xá. Bỗng có tiếng lao xao phía sau tôi. Có người lính hét to:

- Sao sệt! Sao sệt kia!

- Vào hàng, Phắc!

Tướng Trí xông thẳng đến tôi, ông đến trước tôi khoảng ba bước, Ông rập hai chân vào nhau rồi đứng nghiêm chào tôi. Tất cả quan quân mặt ai cũng xanh như tàu lá! Chết mẹ tôi rồi! Cái nón đỏ có hàng lon Trung Tướng tôi đang đội trên đầu, chỉ đem cho tôi cái thích thú phù du, nhưng sẽ là một thảm họa khôn lường cho tôi.

Tôi vừa sợ hãi vừa xấu hổ, đưa tay lên đầu, giật ngay cái mũ xuống rồi bằng hai tay, trịnh trọng đưa trả nón, y như kẻ bại trận dâng cây kiếm quy hàng.

Tướng Trí, chìa cả hai tay lấy chiếc nón đỏ... Mọi người chờ cơn thịnh nộ của ông Tướng Sám Sét...

Ông cúi xuống gỡ ba ngôi sao ra cười hiền từ:

- Giữ gìn câu ba ngôi sao này, còn tặng cậu cái mũ làm kỷ niệm, làm kỷ niệm thôi nhé! Coi chừng quân cảnh bắt về tội tiếm phục quân hiệu đấy.

Mặt tôi nóng ran lên như người lên cơn sốt.

Tướng Trí đến ngay trước viên Tỉnh Trưởng Miên, tính võ biền cố hữu của Ông biến mất và y như một chánh khách chuyên nghiệp, Ông giơ tay, bắt tay viên Tỉnh Trưởng. Ông nói một tràng tiếng Pháp, tôi nghe lờ mờ, hình như Ông ra lệnh cho viên Tỉnh Trưởng phải kêu gọi các lực lượng dưới quyền quy hàng, bằng cách ra lệnh cho các đơn vị ấy, tháo hết các cơ bâm của các loại súng rồi cho chở lên các bộ chỉ huy liên hệ... Rồi y như ông chủ, chính tay Ông khui whisky:

- Vào đây, Đại Đội Trinh Sát vào đây, các chú khá lắm, “moi” phải khao các “toi” một châu mới được. Tôi bước ra trước, nhưng ông làm tôi què hết sức khi ông hỏi lớn:

- Chú lính nào ít thâm niên nhất, cấp bậc nhỏ nhất vào đây.

Rồi cũng y như khi lúc xung phong, chẳng kể quan lính, mạnh ai nấy ủa tới vây quanh Ông y như một người thân. Chính tay ông rót cho mỗi người một ly rượu nhỏ.

Bỗng tướng Trí lấy tay đập vào trán:

- Chú nào bắn trái M79 trúng ổ đại liên cứu “moi” thế?

Tôi chỉ vào viên Trung Sĩ Viên Thám:

- Trình Trung tướng, Toán Phó Viên Thám, Trung Sĩ Thuận!

- Thấy “moi” nói có đúng không? Nhớ đấy! Hạ Sĩ Quan mới là lực lượng nòng cốt của quân đội!

Ông rút trong túi ra quyển sổ tay, nhìn chăm chăm vào bảng tên của Thuận, ghi xong ông hỏi:

- Trung Sĩ Nhất bao lâu rồi?

Thuận hớn hờ trả lời:

- Thừa Trung Tướng, gần hai năm.

Tướng Trí nghiêm nghị:

- Cho cậu lên Thượng Sĩ.

Rồi ông quay lại phía tôi, nhắc lại điệp khúc:

- Phải nắm lòng, Hạ Sĩ Quan mới là nòng cốt...

Lần này không thấy ông bắt ai ghi vào sổ tay cả.

Cô gái Miên.

Sau khi chiếm xong Dinh Tỉnh trưởng, Đại Đội Trinh Sát của tôi, được lệnh kéo trở ngược lại Bravét, một thị trấn nằm giữa Chi-Phu và Svrâyriêng, vừa đóng chốt, vừa giữ an ninh cho một toán công binh chiến đấu làm cầu. Đây là một cây cầu nhỏ nhưng rất quan trọng về mặt chiến lược đã bị quân lính của Si-Ha-Núc phá sập khi họ rút lui về Nam Vang. . .

Buổi chiều, tôi dẫn các Trung Đội Trưởng đi tìm chỗ đóng quân. Đến cây cầu đang xây, tôi nói với Đại Đội Phó Xuyên:

- Cái thằng Trưởng Toán Công Binh này, giờ này không đến nhận lệnh đóng quân là làm sao? Chúng nó làm gì mà túm quanh căn nhà sàn kia thế? Thôi ta vào đây xem sao ?

Vừa thấy chúng tôi đến. Toán người đứng xung quanh nhà sàn bỗng bỏ chạy. Biết có việc gì không ổn, toán sĩ quan đi theo tôi chạy đến. Tôi vừa bước lên chân cầu thang đã nghe thấy tiếng quát của Xuyên:

- Sĩ Quan mà khôn nạn vậy à?

Trước mặt tôi là một người con gái Miên thân thể lỏa lồ, nằm tênh hênh, bất động giữa sàn nhà, một toán 5, 6 người lính đang lui cui mặc đồ. Tôi hoa mắt lên vì giận, khẩu súng Colt 45 run run chĩa vào một người, có lẽ là sĩ quan đang nghênh ngang đứng trước Xuyên:

- Ông cấp bậc gì?
- Chuẩn Úy!
- Mấy người hiệp dân người phụ nữ này?
- Bảy người.
- Tại sao ông làm cái việc vô lại này?
- Xa vợ lâu ngày, kẹt quá ông ơi!

Bỗng tôi nghe thấy người phụ nữ rên: “Miên tê! Miên tê” (Trời ơi! Trời ơi!).

Cô cong người lên, thở hắt ra, hai bàn chân rung rung, rồi xụi lơ. Hành động cuối cùng của một sinh vật trước khi lìa đời. Con giận như một nồi áp suất quá tải, bật tung, tôi nã luôn hai phát vào đôi chân đang giạng ra như thách thức của viên sĩ quan, mà ngay chiều hôm ấy, tôi biết anh ta là em của một ông Chuẩn Tướng Chỉ Huy Trưởng của một Cục (Nguyễn Văn Chức, Cục Công Binh ??).

Phúc hữu trùng lai!

Sáu tháng sau, tôi rời Đại Đội Trinh Sát để sang Tiểu Đoàn 2, người ta bảo, đi kèm với một sự may mắn thường là một tai nạn. Hai viên đạn súng Colt hôm ấy, có một viên trúng bắp vế của viên sĩ quan nọ, và viên đạn này đã đưa tôi đến cái ngưỡng cửa của Quân Lao Gò Vấp. Tôi sẽ phải về trình diện Phòng Dự Thảm 1 ở bến Bạch Đằng, nơi có một ông Đại Tá tên X. chẳng tha một ai khi phải trình diện ông ta...

Đại Tá Lều Thọ Cường bắt tay tôi như bắt tay một thuộc cấp lần chót. Tôi leo lên trục thẳng, rồi nhìn xuống bến phà Neak-Luông, nơi đóng quân của đơn vị tôi, nước sông cuộn cuộn đục ngầu, phần nộ... . Bỗng lòng tôi chùn hẳn xuống. Tại sao cuộc đời lại có thể bất công thế nhỉ??... Tôi vừa xuống máy bay tại sân bay Trảng Lớn, thì gặp máy bay của Trung Tướng Đỗ Cao Trí cùng Sĩ Quan Tham Mưu của ông cũng vừa đáp xuống. Tôi đang tính né qua cái “hangar” để tránh mặt ông thì có một Đại Tá cầm tấm bản đồ vẫy tôi:

- Đại Úy, đến trình diện Trung Tướng.

Tướng Trí hỏi tôi: - Cậu đi phép hả ?

Tôi chưa kịp trả lời thì ông đã móc quyển sổ tay ra. Nhưng tôi vội nói:

- Trình Trung Tướng, tôi không về phép.

Tướng Trí tròn mắt: - Dù hả, oai nhỉ, dù bằng máy bay à?

Giọng tôi bi ai: - Trình Trung Tướng lần này tôi về Sài Gòn để ra Toà Án Quân Đội!

- A! Cái vụ cậu nện cái thằng sĩ quan hiệp dân chứ gì. Sao không bắn què cả hai chân nó luôn cho rồi? Quân Đoàn đã có văn thư gửi Nha Quân Pháp về vụ này rồi! Khỏi, khỏi, cho cậu về thăm cha mẹ, thăm bồ bịch 48 tiếng rồi trở lại mặt trận giết giặc cho tốt.

Không để tôi cảm ơn, ông bỏ đi ngay. Tôi đứng như trời trồng, giữa trùng vây của bụi, khói và nóng, thế mà người tôi mát lạnh, nhẹ tênh, tôi có cảm giác như đang đi vào công nhà Hương:

“Có giàn hoa thiên lý ngan ngát. Có nếp nhẵn áo lụa vàng dậy muộn. Có hương bồ kết thoang thoang quện theo bước chân chim...”

Người đi, đi mãi...

Một tháng sau, Tiểu đoàn tôi đang hành quân tại Kăm Pông Trapeck, vùng biên giới phía Đông Nam căn cứ Thiện Ngôn, trên một ngọn đồi trọc, một người lính hiệu lệnh viên chỉ về phía Trảng Lớn la to: - Một em gãy cánh rồi! Tôi ngoảnh lại, một khối đồ như một quả cầu, đang ôm một chiếc trục thẳng xoay vòng vòng rồi đâm nhào xuống đất. Ngay tối hôm ấy, tôi được biết chiếc máy bay ấy đã chở có Trung Tướng Đỗ Cao Trí về miền đất không bao giờ có tiếng súng trận nữa.

Tôi bước ra ngoài lều vải, chòm sao Hiệp Sĩ đêm nay có cái đầu bị mây đen che khuất, có thanh gươm mờ nhạt, nhấp nháy như muốn khóc.”

(Hội Ái Hữu Biên Hoà chân thành cảm tạ Nhà Văn Nguyễn Trọng Hoàn)

Tôi có dịp gặp gỡ Cựu Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi, Tư Lệnh Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III vào tháng 8-2009 vừa qua, tại Tiểu Bang Virginia, và khi nhắc đến Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, ông Khôi luôn tỏ lòng kính phục và thương tiếc; cũng trong dịp này tôi cũng có dịp gặp ông Châu Kim Nhân, Cựu Tổng Trưởng Tài Chánh thời Việt Nam Cộng Hoà là bạn học với Đỗ Cao Trí ở trường Perrus Ký, Sài Gòn, ông Nhân cũng tỏ ra có mối cảm hoài sâu xa và ngưỡng mộ đặc biệt...

Và một việc rất bất ngờ, tôi gặp anh *Nguyễn Thế Cường*, tôi không hỏi cho rõ, nhưng đoán trước đây anh làm việc cho Văn Phòng Cố Vấn ở Quân Đoàn III, anh đang định cư tại North Carolina, có đem trao lại cho Hội Ái Hữu Biên Hoà một cây “*canne*” bằng danh mộc mà một thời đã được Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn Nhảy Dù Đỗ Cao Trí dùng. Theo lời Anh Cường thì sau khi qua Mỹ anh đã tìm gặp Cựu Trung Tướng Nhảy Dù Hoa Kỳ là ông *Jim Vaught*, và được Ông biếu tặng một kỷ vật, cây “*canne*” mà Ông giữ bao lâu nay. (Ngày xưa khi ông Jim Vaught, cấp bậc Trung Tá Cố Vấn làm việc chung với Đại Tá Trí, ông đặt làm 2 cây *canne*. Một cây có 3 gạch (Đại Tá) và một cây hai gạch (Trung Tá). Ông tặng Đại Tá Trí. Khi Đại Tá Trí lên Tướng nắm giữ Quân Đoàn I thì để lại cây “*canne*” ý biếu tặng Jim Vaught vì đã thăng cấp Đại Tá Cố Vấn). Ngoài ra, Anh Cường còn trao tặng một số hình chụp ngày Lễ An Táng Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí tại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hoà, có vài tấm hình chụp Tổng Thống Thiệu, Tướng Lãnh.....

Tôi lại còn biết thêm, qua ông Hội Trưởng Hội Ái Hữu Biên Hoà tại Texas khi đến thăm Bác Sĩ *Trần Nguơn Phiêu* ở Armarrillo, Texas. USA, được nghe Bác Sĩ kể vài chuyện xưa ở Biên Hoà. Hồi đó Đỗ Cao Trí thường đi theo chơi với bậc đàn anh và thường ôm áo nón và cặp sách vở giùm cho ông Đỗ Cao Minh (anh thứ Hai của Đỗ Cao Trí) và Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu, mỗi khi hai ông này xuống tắm sông Đồng Nai. Khi vào đời, Trần Nguơn Phiêu và Đỗ Cao Trí lại có dịp qua Pháp tiếp tục việc học, nhưng mỗi người học một ngành riêng, một người học về Y Khoa, một người theo Binh Nghiệp. Đỗ Cao Trí trở về nước trước, lăn lộn chiến trường lần lượt lên Tướng, làm Tư Lệnh Vùng I. Bác Sĩ Phiêu sau khi tốt nghiệp Bác Sĩ thì tình nguyện trở về Việt Nam, phục vụ Ngành Quân Y và thuyên chuyển ra Vùng I, trình diện Thiếu Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Vùng I. Tại Bộ Chỉ Huy, Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu, với quân phục thẳng nếp, đã tạo cơ hội cho Tướng Trí nhân dịp này ra lệnh thuộc cấp Tá, Úy quân phục phải tề chỉnh giống ông Phiêu. Sau đó, hai vị hàn huyên riêng tư, trang trải tình đồng hương Biên Hoà với nhau thật đậm đà và nhắc chuyện xa xưa... Một chuyện khác nữa là khi ông *Trần Văn Linh*, Cựu Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện, gốc người Tân Uyên, Biên Hoà, học trước Tướng Trí vài lớp tại trường Petrus Ký, có lần gặp gỡ Tướng Trí tại Dinh Độc Lập, trong khi cùng chờ đợi vào gặp Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, ông Linh thương mến Tướng Trí đã có lời khuyên nên thận trọng trong việc ra vào trận mạc, đừng coi thường mạng sống.... Tướng Trí ghi nhận lời khuyên của ông Linh và nói rằng ông muốn luôn được sát cánh với binh sĩ nơi trận tiền....., bản chất dũng cảm của Tướng Trí, coi cái chết nhẹ tợ lông hồng vẫn không thay đổi.

Viết về cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí thì còn rất nhiều mẫu chuyện đầy dũng cảm đáng kể, nhưng khuôn khổ bài viết không cho phép. Tôi xin kết thúc nơi đây, với trọn tấm lòng kính trọng tiếc thương một vị Anh Hùng dân tộc nói chung, và tinh Biên Hoà, Xứ Bưởi nói riêng.

Thời gian thấm thoát trôi qua, kể từ ngày khói lửa tròn ôm chiếc phi cơ trực thăng của Trung Tướng Đỗ Cao Trí nổ trên vùng trời Tây Bắc tỉnh Tây Ninh đến nay đã gần bốn mươi năm trôi qua. Giờ đây, trí óc tôi cũng đã mòn theo năm tháng, nếu có chỗ nào sai sót hoặc lầm lẫn, kính xin quý bậc đàn anh lượng tình tha thứ cho. Bài viết này, tôi có phần nào tham khảo và trích từ các bài viết của Cựu Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi, Cựu Đại Tá Nguyễn Khuyến, Chánh Sở 3 An Ninh Quân Đội tại Biên Hoà, Ông Võ Long Triều, Cựu Tổng Trưởng Thanh Niên, Cựu Trung Úy Nguyễn Trọng Hoàn, Đại Đội Trưởng Trinh Sát Chiến Đoàn 333 thuộc Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III,..... Tôi kính mong được sự vui vẻ chấp thuận của quý vị. Riêng tôi, một cựu sĩ quan cấp úy, phục vụ trong Ngành Cảnh Sát, nhưng cảm nhận được sự tài ba lỗi lạc một vị Tướng Tư Lệnh Vùng, nơi tôi từng phục vụ, nên đem lòng kính trọng và tiếc thương. Mãi đến giờ này. tôi vẫn một lòng kính phục Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí về những điểm sau đây:

* Biết thương dân, thương lính, quyết phục vụ cho lý tưởng tự do dân chủ và bảo vệ quê hương Việt nam. * Không tham vọng chánh trị, chỉ quyết làm tròn bổn phận của một vị tướng đối với đất nước và nguyện sống chết với ba quân trên mọi chiến trường. * Có phong cách dũng cảm, uy nghiêm, có thực tài chiến trận, được hầu hết các Tướng Lãnh, Sĩ Quan và Binh Sĩ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà nể trọng * Luôn giữ thể diện của một vị Tướng Lãnh Việt Nam trước các Cố Vấn Mỹ và luôn xác định vị trí của họ trong vai trò yểm trợ phương tiện chiến đấu chống Cộng Sản tại Miền Nam Việt Nam.

Tôi viết bài này không có ý nhắc lại một niềm đau hoặc khơi gợi lòng căm thù của bất cứ một ai, tôi viết bài này chỉ với mục đích bày tỏ lòng kính phục và tiếc thương của tôi, một người em xứ Bưởi đối với một bậc đàn anh tài ba của vùng đất Biên Hoà. Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí đã trở thành một vị anh hùng bất tử trong lòng người dân Việt. Ông đã đem niềm hãnh diện về cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà, cho dòng họ Đỗ Cao và làm vẻ vang cho dãy đất Sông Đồng Núi Bửu, Biên Hoà.



ĐẠI TƯỚNG ĐỖ CAO TRÍ **(THÂN THỂ & BINH NGHIỆP)**

Nguyễn Kim Lộc
(Chicago, Illinois. USA)

Nhắc đến Cố Đại Tướng **Đỗ Cao Trí**, hầu hết người Việt Nam đều biết đến và tỏ lòng ngưỡng mộ, tiếc thương, bởi tài năng thao lược chiến trường, phong cách chỉ huy và tình thương lính mền dân của Ông. Và đặc biệt hơn nữa, mọi người nhận thức được tinh thần dũng cảm của Ông trong việc quyết liệt cản ngăn làn sóng đỏ tràn từ phương Bắc... để bảo vệ từng tấc quê hương Miền Nam dưới trời tự do dân chủ.

Rất nhiều người vì mến thương, tưởng nhớ mà cố tìm hiểu về thân thể và binh nghiệp của vị tướng tài ba lỗi lạc này, trong số người đó có tôi. **Đỗ Cao Trí** sinh ngày 20-11-1929, tại làng Bình Trước, Biên Hoà, trong một gia đình khoa bảng, con của Ông **Đỗ Cao Lựa** và Bà **Tô Thị Dinh** (bà là con một của thương gia cung cấp củi cho xe lửa ở Gia Rai, Long Khánh), có mười hai anh em, mười nam, hai nữ. Tất cả đều là sĩ quan hoặc bác sĩ, kỹ sư, dược sĩ... phục vụ cho chế độ Việt Nam Cộng Hoà, mà **Đỗ Cao Trí** là người nổi bật nhất, từng là Tư Lệnh Quân Đoàn I, Quân Đoàn II và Quân Đoàn III, hy sinh vào ngày 23-02-1971 trên vòm trời Tây Bắc tỉnh Tây Ninh, trên đường bay quan sát chiến trường, cuộc hành quân Toàn Thắng 42, vượt biên, sang Campuchia, nhằm tiêu diệt các căn cứ hậu cần của Cộng Sản Bắc Việt nằm trên phần đất này. Ông được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu truy thăng Cố Đại Tướng Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, trong một ngày buồn bã nhất của đất trời Việt Nam.

VÀI NÉT VỀ GIA TỘC

- **Đỗ Cao Trí** là người con thứ Tư trong một gia đình khoa bảng, từ ông nội là ông **Đỗ Cao Sô**, một Đốc Phủ Sứ, đến thân phụ là ông **Đỗ Cao Lựa**, một Thân Hào nhân Sĩ của tỉnh Biên Hoà, và cũng từng là Chủ tịch Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia Việt Nam thời Đệ Nhất Cộng Hoà, với mười hai anh em (mười nam và hai nữ):

* Ông **Đỗ Cao Minh**, Nha Sĩ, Cựu Dân Biểu thời Đệ Nhất Cộng Hoà, hiện định cư tại Pháp; * **Đỗ Cao Khải**, Sĩ Quan Ngành Công Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, bị Việt Cộng phục kích, gây trọng thương tại Kontum, và đã qua đời sau năm 1975; * **Đỗ Cao Trí**, Cố Đại Tướng Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà; * **Đỗ Cao Huệ**, Bác Sĩ Thú Y (giã biệt cuộc đời năm 2005, tại Biên Hoà); * **Đỗ Cao Thanh**, Cựu Thiếu Tá, Phó Tỉnh Trưởng Nội An Biên Hoà, hiện định cư tại California; * **Đỗ Cao Phước**, Cựu Đại Úy Trưởng Phòng Tu/Tiểu Khu Biên Hoà, Cựu Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh Biên Hoà, hiện định cư tại California; * **Đỗ Cao Thọ**, Kỹ Sư Mực Súc, Cựu Đại Úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà định cư tại Hoa Kỳ, đã qua đời ngày 09-10-2002, trong lúc về thăm quê Biên Hoà; * **Đỗ Thị Ánh Tuyết** (phu nhân của Tướng Dương Ngọc Lâm) đã qua đời lúc tuổi còn xuân sắc; * **Đỗ Cao Nghĩa**, Bác Sĩ, hiện định cư tại Pháp; * **Đỗ Cao Luận**, từng là Chỉ Huy Trưởng Biệt Kích Người Nhái Thủ Đô Sài Gòn, từng là Thiếu Tá Trưởng Phòng 3 Tiểu Khu Đà Lạt, đã hy sinh tại mặt trận Đơn Dương và được truy thăng Cố Trung Tá; * **Đỗ Lan Chi**, Dược Sĩ, đang định cư tại California và **Đỗ Cao Thông**, Cựu Trung Úy Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà, biệt phái làm Trưởng Cuộc Cảnh Sát Xã Hiệp Hoà (Biên Hoà), đang định cư tại Pháp. Vinh diệu thay cho Ông Bà **Đỗ Cao Lựa** đã cống hiến cho Việt Nam Cộng Hoà những đứa con tài đức, ngoan cường, gồm nhiều bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ, một sĩ quan cấp đại tướng, hai sĩ quan cấp tá, ba sĩ quan cấp úy...

Tôi cũng xin trình bày thêm về dòng họ *Đỗ Cao* ở Biên Hoà. Ngoài gia đình của ông *Đỗ Cao Lua* còn vài gia đình họ *Đỗ Cao*...

Gia đình ông *Đỗ Cao Khoé*, một Giáo Chức kỳ cựu ở Biên Hoà (thầy dạy học của tôi thời lớp Nhi trường Tiểu Học Tỉnh Lý Biên Hoà) có những người con: * Bà *Đỗ Thị Đăng*; * Ông *Đỗ Cao Hoàng*; * *Đỗ Cao Đăng*, Cựu Thiếu Tá Phi Công Việt Nam Cộng Hoà; * Ông *Đỗ Cao Quý*; * Ông *Đỗ Cao Chót*; * *Đỗ Cao Thượng*, Cựu Đại Úy Chi Đoàn Trưởng Thiết Kỵ, hiện định cư tại tiểu bang Virginia; * Bà *Đỗ Thị Kim Xuyên*...

Gia đình ông *Đỗ Cao Quang* có những người con: * Bà *Đỗ Thị Nhung*, * Ông *Đỗ Cao Thông* (trùng tên với *Đỗ Cao Thông*, con trai út của ông *Đỗ Cao Lua*).

Về vai vế trong họ, Cố Đại Tướng *Đỗ Cao Trí* gọi ông *Đỗ Cao Quang* bằng Chú ruột và gọi *Đỗ Cao Đăng* bằng Chú họ. Bên ngoại của *Đỗ Cao Trí* gốc làng Bền Gổ (tức xã An Hoà Hưng, Đức Tu, Biên Hoà) và bên nội gốc ở Bình Hưng (Tân Uyên, Biên Hoà), có nghĩa là ông *Đỗ Cao Lua* và *Đỗ Cao Quang* là anh em ruột và ông *Đỗ Cao Lua* với ông *Đỗ Cao Đăng* là anh em chú bác đầu ông **nội**. Ngoài ra tôi còn được biết *Đỗ Cao Tuy* và *Đỗ Cao Tâm* là em chú bác đầu ông **cố** với Cố Đại Tướng *Đỗ Cao Trí*, cả hai đều là Sĩ Quan Việt Nam Cộng Hoà. Anh *Đỗ Cao Tâm* cũng vừa từ giã cuộc đời vào tháng 10-2009 tại Oklahoma, Hoa Kỳ.

VÀI NÉT VỀ BINH NGHIỆP

* Cố Đại Tướng *Đỗ Cao Trí*, được đánh giá là một người tài ba lỗi lạc và giỏi về binh pháp. Năm 1948, sau khi tốt nghiệp Khoá 2 Sĩ Quan Căn Bản ở Nước Ngọt (Bà Rịa), Ông được đưa qua Pháp, học trường Sĩ Quan Saint-Cyre và tiếp đó, học trường Nhảy Dù PAU.

* Ông trở về Việt Nam, phục vụ qua nhiều đơn vị chiến đấu, năm 23 tuổi, thăng cấp Đại Úy, nắm chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 19BVN, năm 24 tuổi, tốt nghiệp Khoá Chi Huy & Tham Mưu tại Hà Nội và thăng cấp Thiếu Tá, giữ chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù,

* Ông được thăng cấp Trung Tá, năm 25 tuổi, giữ chức vụ Chi Huy Trưởng Liên Đoàn Nhảy Dù; * Năm 26 tuổi, thăng cấp Đại Tá; * Năm 27 tuổi, giữ chức Tư Lệnh Đệ Tam Quân Khu (gồm các tỉnh Kontum, Pleiku, Phú Yên, Bình Định); * Năm 29 tuổi, tốt nghiệp Trường Chi Huy & Tham Mưu Cao Cấp tại Forth Leavenworth/Hoa Kỳ và Trường Hành Quân Chiến Thuật Không Địa Chiến tại Kisler/Hoa Kỳ.

* Sau đó, Ông từ Mỹ trở về Việt Nam, giữ chức vụ Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn I; * Năm 32 tuổi, Chi Huy Trưởng Trường Hạ Sĩ Quan Nha Trang; * Năm 34 tuổi, thăng Thiếu Tướng, giữ chức Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh; * Năm 35 tuổi, thăng Trung Tướng giữ chức Tư Lệnh Quân Đoàn I, rồi Quân Đoàn II, * Năm 38 tuổi, là năm đen tối nhất trong đời binh nghiệp của Trung Tướng *Đỗ Cao Trí*, ông bị Trung Tướng Nguyễn Khánh đương kiêm Thủ Tướng và kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, bãi nhiệm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn II, đồng thời cho giải ngũ, đưa đi làm Đại Sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Hàn Quốc, vì bị nghi ngờ liên quan đến chính biến ngày 13-9-64 do Trung Tướng Dương Văn Đức chủ xướng,

* Năm 39 tuổi, Ông được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu triệu hồi về nước, cho tái ngũ và cử giữ chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III (ngày 05-8-1968), Ông tử nạn phi cơ ngày 23-02-1971 tại vùng trời Tây Bắc, tỉnh Tây Ninh

* Ông được truy thăng Cố Đại Tướng Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà lúc tuổi đời chỉ mới 42.

Vẫn theo nguyện vọng sống chết với ba quân của Đại Tướng *Đỗ Cao Trí*, gia đình họp lại bàn thảo và sau cùng quyết định an táng Ông tại Nghĩa Trang Quân Đội, thành lập tại xã Bình An thuộc quận Dĩ An, Biên Hoà. Ông là một sĩ quan cao cấp đầu tiên chôn tại nghĩa trang này. Sau ngày 30-4-75, ngôi mộ của Ông bị một đơn vị bộ đội Việt Cộng, chiếm đóng nơi đây, san bằng.

Vài năm sau đó, tôi có hỏi thăm thì được biết người nhà của Đại Tướng *Đỗ Cao Trí* đã bí mật cho bốc cốt cải táng Ông ở một nơi nào đó phạm xã Tân Thành, Biên Hoà, nhưng sự thật không phải như vậy.

Nay nghe kỹ lại và biết chắc là do hai anh *Đỗ Cao Phước* và *Đỗ Cao Thông* đã dền Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hoà, bốc mộ và đưa hài cốt của Đại Tướng *Đỗ Cao Trí* ra khỏi ngôi kim tinh do Công Binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà xây trước kia, đem đi hoá thiêu và rải tro xuống sông Đồng Nai, vào một buổi đẹp trời, theo dòng nước lặng lẽ trôi...



Thiếu Sinh Quân Đỗ Cao Trí



Trung Tướng Đỗ Cao Trí

Vài Chuyện Trong Gia Đình

Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí là một người con chí hiếu đối với cha mẹ, Ông luôn nghe theo lời dạy bảo của cha mẹ và thương mẹ vô cùng, có thức ăn gì ngon cũng đem về dâng cho mẹ, đi đâu xa cũng nhớ viết thư về thăm mẹ, điều này do các anh em trong gia đình xác nhận, ngoài ra còn có một người thường vào tư dinh của Tướng Đỗ Cao Trí, phụ trách nấu ăn cho gia đình hoặc đãi tiệc, cho tôi biết như thế; đó là anh *Dì Khinh*, người nấu ăn nổi tiếng cũng là chủ tiệm phở Tú Hải đường Phan Đình Phùng Biên Hoà. thỉnh thoảng vào những ngày thứ Bảy hoặc Chúa Nhật, anh *Dì Khinh* hỏi tôi có muốn vào dinh Tư Lệnh Quân Đoàn III không, Anh ấy sẽ dẫn tôi vào, với tư cách phụ nấu bếp với anh, để biết sự hiếu đễ đối với cha mẹ và thường thức tính bình dân của Tướng Đỗ Cao Trí trong gia đình. Tôi nghe anh *Dì Khinh* nói như vậy, tôi càng kính phục hơn, nhưng tôi không dám nhận lời đi làm bếp phụ với anh *Dì Khinh*, vì tôi sợ cái uy danh của Tướng Đỗ Cao Trí. Vào những dịp này, anh *Dì Khinh* cho tôi biết Tướng Đỗ Cao Trí rất thích ăn món con hào to sứt ra thành nhiều miếng lẫn bột chiên do tự tay anh làm, và uống với rượu Cognac...

Tướng Đỗ Cao Trí luôn giữ gìn quân phong và tôn trọng quân kỷ. Có lần tôi được anh Đỗ Cao Thông (em út của Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí), anh cho tôi biết như sau:

“Anh Tư Trí rất nghiêm khắc với lính tráng, cả với tôi khi ra trường sĩ quan. Có lần, sau Tết Mậu Thân, tôi học trường Sĩ Quan Thủ Đức, được ông Liên Đoàn Trưởng Sinh Viên Sĩ Quan cho về phép một buổi, trong ngày Chúa Nhật (8 giờ), hôm đó còn ngày cắm trại. Không may, tôi về nhà cùng là lúc anh tôi lại thăm má tôi. Anh hỏi tôi: “Sao ra lệnh cắm trại, ai cho mày về”. Tôi nói là có phép, thế là anh Trí bảo Sĩ Quan Tùy Viên lấy xe trả tôi vào trường và sau đó, làm giấy khiển trách Ông Liên Đoàn Trưởng. Thế là về sau, chẳng có ông nào dám cấp giấy phép cho tôi về nữa... Toàn thể binh lính ở Quân Đoàn III đều phải hót tóc 3 phân, tôi cũng không ngoại lệ. Lúc làm việc ở Quân Đoàn, tôi theo Đại Tá Công lên văn phòng Tư Lệnh để nhật tu bản đồ, tôi cũng phải chào nghiêm như những sĩ quan khác. Khi về nhà, tôi gọi anh Trí bằng anh Tư, hai anh em nói chuyện cười giỡn với nhau (anh Tư Trí rất tếu ở nhà)”

Trước đây, khi làm nhơn viên Cảnh Sát tại tỉnh Biên Hoà, tôi có dịp đi theo ông Trưởng Ty của tôi là ông Võ Văn Hương, đi thăm các Thân Hào Nhân Sĩ trong tỉnh và thỉnh thoảng có đến thăm ông Đỗ Cao Lụa tại ngôi nhà xưa số 11 đường Trịnh Hoài Đức, Biên Hoà. Tôi rất ngưỡng mộ gia đình họ Đỗ Cao: ông Đỗ Cao Lụa rất hiền lành và đạo đức... Đại Tướng Đỗ Cao Trí thì giỏi về tài điều binh khiển tướng và hầu hết các thành viên trong gia đình này đều là những người hiển đạt công danh, đều là Nha Sĩ, Bác Sĩ, Kỹ Sư, Dược Sĩ và Sĩ Quan của Việt Nam Cộng Hoà.

Trong gia đình của ông Đỗ Cao Lụa, người mà tôi kính phục nhất là Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí, và người tôi thân thiện nhất, mến thương nhất là anh Đỗ Cao Thanh, tôi vẫn thường gọi là Anh Sáu với lòng kính trọng, tôi có dịp qua thăm anh Đỗ Cao Thanh một lần khi có dịp qua California năm 2007 và hồi tháng 5-2009 vừa qua, nhân chuyến đi du lịch nước Pháp, tôi cũng có dịp hôi ngộ, tay bắt mặt mừng với anh chị Đỗ Cao Minh và Đỗ Cao Thông.

Tôi viết bài này với lòng ngưỡng mộ đặc biệt đối với đại gia đình họ Đỗ Cao ở Biên Hoà và cũng để thoả mãn một số bạn bè của tôi, đồng hương Biên Hoà, muốn tìm hiểu về thân thế và binh nghiệp của Cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí.

Nếu có chỗ nào sơ sót, xin quý vị mách bảo cho, để tôi có dịp bổ túc trong những lần viết tới.

Trân trọng.



TRUNG SĨ NHẤT VŨ TIẾN QUANG CÁI BÓNG CỦA HOÀI VĂN VƯƠNG TRẦN QUỐC TOẢN “NGƯỜI LÍNH NHỎ MÀ CHÍNH KHÍ LỚN”

Yên Tử Cựu Sĩ Trần Đại Sỹ

(Paris, France)

Vũ Tiến Quang sinh ngày thứ Hai, 10 tháng 9 năm 1956, tại Kiên Hưng, tỉnh Chương Thiện. Thân phụ là Hạ Sĩ Địa Phương Quân Vũ Tiến Đức. Ngày thứ hai, 20 tháng 3 năm 1961, trong một cuộc hành quân an ninh của quận, Hạ Sĩ Đức bị trúng đạn tử thương khi tuổi mới 25. Ông để lại bà vợ trẻ với hai con. Con trai lớn, Vũ Tiến Quang, 5 tuổi. Con gái tên Vũ Thị Quỳnh Chi mới tròn một năm. Vì có học, lại là quả phụ tử sĩ, bà Đức được làm việc tại Chương Thiện với nhiệm vụ kiêm tốn là Thư Ký Toà Hành Chánh. Nhờ đồng lương thư ký, thêm tiền tử tuất cô nhi quả phụ, nên đời sống bà với hai con không đến nỗi thiếu thốn.

Quang học tại trường tiểu học trong tỉnh. Tuy rất thông minh, nhưng Quang chỉ thích đá banh, thể thao hơn là học. Thành ra Quang là một học sinh trung bình trong lớp. Cuối năm 1967, Quang đỗ tiểu học. Nhân đọc báo Chiến Sĩ Cộng Hoà có đăng bài: “Ngôi sao sa trường: Thượng-Sĩ-sử Trần Minh, Thiên Thần U Minh Hạ”, bài báo thuật lại: “*Minh xuất thân từ trường Thiệu Sinh Quân Việt Nam. Sau khi ra trường, Minh về phục vụ tại Tiểu đoàn Ngọc Thần (tức Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 31, Sư đoàn 21 Bộ Binh) mà tiểu đoàn đang đồn trú tại Chương Thiện.*” Quang nảy ra ý đi tìm người hùng bằng xương bằng thịt. Chú bé lóc cóc 12 tuổi, được Trần Minh ôm hôn, dẫn đi ăn phở, bánh cuốn, rồi thuật cho nghe về cuộc sống vui vẻ tại trường Thiệu Sinh Quân. Quang suýt xoa, ước mơ được vào học trường này. Qua cuộc giao tiếp ban đầu, Minh là một mẫu người anh hùng, trong ước mơ của Quang. Quang nghĩ: “*Minh phải như anh Minh*”.

Về nhà, Quang thuật cho mẹ nghe cuộc gặp gỡ Trần Minh, rồi xin mẹ nộp đơn cho mình nhập học trường Thiệu Sinh Quân. Bà mẹ Quang không mấy vui vẻ, vì Quang là con một, mà nhập học Thiệu Sinh Quân, rồi sau này trở thành anh hùng như Trần Minh thì...nguy lắm. Bà không đồng ý. Hôm sau bà gặp riêng Trần Minh, khóc thảm thiết xin Minh nói dối Quang rằng: muốn nhập học trường Thiệu Sinh Quân thì cha phải thuộc chủ lực quân, còn cha Quang là địa phương quân thì không được. Minh từ chối:

- *Em không muốn nói dối cháu. Cháu là Quốc Gia Nghĩa Tử thì ưu tiên nhập học. Em nghĩ chị nên cho cháu vào trường Thiệu Sinh Quân, thì tương lai của cháu sẽ tốt đẹp hơn ở với gia đình, trong khuôn khổ nhỏ hẹp.*

Chiều hôm ấy, Quang tìm đến Minh để nghe nói về đời sống trong trường Thiệu Sinh Quân. Đã không giúp bà Đức thì chớ, Minh còn đi cùng Quang tới nhà bà, hướng dẫn bà thủ tục xin cho Quang nhập trường. Thế rồi bà Đức đành phải chiều con. Bà đến Phòng 3, Tiểu Khu Chương Thiện làm thủ tục cho con. Bà gặp may. Trong Phòng 3 Tiểu Khu, có Trung Sĩ Nhất Cao Năng Hải, cũng là cựu Thiệu Sinh Quân. Hải lo làm tất cả mọi thủ tục giúp bà. Sợ bà đổi ý thì mình sẽ mất thằng em dễ thương, Hải lên gặp Thiếu Tá Lê Minh Đảo, Tiểu Khu Trưởng trình bày trường hợp của Quang. Thiếu Tá Đảo soạn một văn thư, đính kèm đơn của bà Đức, xin Bộ Tổng Tham Mưu dành ưu tiên cho Quang.

Tháng 8 năm 1968, Quang được giấy gọi nhập học trường Thiệu Sinh Quân, mà không phải thi. Bà Đức đích thân dẫn con đi Vũng Tàu trình diện. Ngày 02 tháng 9 năm 1969, Quang trở thành một Thiệu Sinh Quân Việt Nam.

Quả thực trường Thiệu Sinh Quân là thiên đường của Quang. Quang có nhiều bạn cùng lứa tuổi, thừa thãi chân khí, chạy nhảy vui đùa suốt ngày. Quang thích nhất những giờ huấn luyện tinh thần, những giờ học quân sự. Còn học văn hoá thì Quang lười, học sao đủ trả nợ thầy, không bị phạt là tốt rồi. Quang thích đá banh, và học Anh văn. Trong lớp, Quang luôn đứng đầu môn Anh văn. Chỉ mới học hết lớp đệ Lục, mà Quang đã có thể đọc sách báo bằng tiếng Anh, nói truyện lưu loát với cô vấn Mỹ.

Giáo sư Quốc Văn của Quang là thầy Phạm Văn Việt, người mà Quang mượn bóng dáng để thay thế người cha. Có lần thầy Việt giảng đến câu:

“*Nhân sinh tự cổ thụ vô tử,
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh*”
(Người ta sinh ra, ai mà không chết.
Cần phải lưu chút lòng son vào thanh sử).

Quang thích hai câu này lắm, luôn miệng ngâm nga, rồi lại viết vào cuốn sổ tay. Trong giờ học sử, cũng như giờ huấn luyện tinh thần, Quang được giảng chi tiết về các anh hùng: *Hoài Văn Vương Trần Quốc Toản*, Thánh Tổ của Thiếu Sinh Quân, giết tươi Toa Đô trong trận Hàm Tử (tháng Tư năm Ất Dậu, 1285). Quang cực kỳ sùng kính *Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng*, từ chối công danh, chịu chết cho toàn chính khí. Quang cũng khâm phục *Nguyễn Biểu*, khi đối diện với quân thù, không sợ hãi, lại còn tỏ ra khinh thường chúng. Ba nhân vật này ảnh hưởng vào Quang rất sâu, rất đậm.

Suốt các niên học từ 1969-1974, mỗi kỳ hè, được phép 2 tháng rưỡi về thăm nhà, cậu bé Thiếu Sinh Quân Vũ Tiến Quang tìm đến các đàn anh trấn đóng tại Chương Thiện để trình diện. Quang được các cựu Thiếu Sinh Quân dẫn đi chơi, cho ăn quà, kể chuyện chiến trường cho nghe.

Một số ông uống thuốc liều, cho Quang theo ra trận. Quang chiến đấu như một con sư tử. Không ngờ mấy ông anh cứng cậu em út quá, mà gây ra một truyện động trời, đến nỗi bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam, bộ Tư Lệnh MACV cũng phải rón da gà! Sau trở thành huyền thoại.

Câu chuyện như thế này:

Hè 1972, mà quân sử Việt Nam gọi là *Mùa Hè Đỏ Lửa*, giữa lúc chiến trường toàn quốc sôi động. Bảy giờ Quang đã đỗ Chứng Chỉ 1 Bộ Binh. Được phép về thăm nhà, được các đàn anh cho ăn và giảng những kinh nghiệm chiến trường, kinh nghiệm đời. Quang xin các anh cho theo ra trận. Mấy ông cựu Thiếu Sinh Quân, trăm ông như một, ông nào gan cũng to, mật cũng lớn, lại coi trời bằng vung. Yêu cậu em ngoan ngoãn, các ông chiều... cho Quang ra trận. Cuộc hành quân nào mấy ông cũng dẫn Quang theo.

Trong một cuộc hành quân cấp sư đoàn, đánh vào vùng Hộ Phòng, thuộc Cà Mau. Đơn vị mà Quang theo là Trung Đội Trinh Sát của Trung Đoàn 31. Trung Đội Trưởng là một Thiếu Úy cựu Thiếu Sinh Quân. Hôm ấy, thông dịch viên cho cô vấn bị bệnh, Quang lại giỏi tiếng Anh, nên Thiếu Úy Trung Đội Trưởng biệt phái Quang làm thông dịch viên cho cô vấn là Thiếu Úy Hummer. Trực thăng vừa đổ quân xuống thì hiệu thính viên của Hummer trúng đạn chết ngay. Lập tức Quang thay thế anh ta. Nghĩa là mọi liên lạc vô tuyến, Hummer ra lệnh cho Quang, rồi Quang nói lại trong máy.

Trung đội tiến vào trong làng thì lọt trận địa phục kích của trung đoàn chủ lực miền, tên Trung Đoàn U Minh. Trung đội bị một tiểu đoàn địch bao vây. Vừa giao tranh được mười phút thì Hummer bị thương. Là người can đảm, Hummer bảo Quang đừng báo cáo về Trung Tâm Hành Quân.

Trận chiến kéo dài sang giờ thứ hai thì Hummer lại bị trúng đạn nữa, anh tử trận, thành ra không có ai liên lạc chỉ huy trực thăng võ trang yểm trợ. Kê, Quang thay Hummer chỉ huy trực thăng võ trang.

Vì được học địa hình, đọc bản đồ rất giỏi, Quang cứ tiếp tục ra lệnh cho trực thăng võ trang nã vào phòng tuyến địch, coi như Hummer còn sống. Bảy giờ quân hai bên gần như lẫn vào nhau, chỉ còn khoảng cách 20-30 mét.

Thông thường, tại các Quân Trường Hoa Kỳ cũng như Việt Nam dạy rằng, khi gọi pháo binh, không quân yểm trợ, thì chỉ xin bắn vào trận địa địch với khoảng cách quân mình 70 đến 100 mét. Nhưng thời điểm 1965-1975, các cựu Thiếu Sinh Quân trong Khu 42 Chiến Thuật khi họp nhau để ăn uống, siết chặt tinh thần hữu, đã đưa ra phương pháp táo bạo là xin bắn vào phòng tuyến địch, dù cách mình 20 mét. Quang đã được học phương pháp đó. Quang chỉ huy trực thăng võ trang nã vào trận địch, nhiều rocket (hoả tiễn nhỏ), đạn 155 ly nã sát quân mình, làm những binh sĩ non gan kinh hoàng. Nhờ vậy, mà địch bị tê liệt.

Sau khi được giải vây, mọi người khám phá ra Quang lĩnh tới bảy viên đạn mà không chết: trên mũ sắt có bốn vết đạn bắn hõm vào; hai viên khác trúng ngực, may nhờ có áo giáp, bằng không thì Quang đã ô hô ai tai rồi. Viên thứ bảy trúng...chim. Viên đạn chỉ xót qua, bằng không thì Quang thành thái giám.

Trung Tá J.F. Corter, Cố Vấn Trưởng Trung Đoàn được Trung Đội Trưởng Trinh Sát báo cáo Hummer tử trận lúc 11 giờ 15. Ông ngạc nhiên hỏi: Hummer chết lúc 11 giờ 15, mà tại sao tôi vẫn thấy y chỉ huy trực thăng, báo cáo cho đến lúc 17 giờ?

Vì được học kỹ về tinh thần trách nhiệm, Quang nói rằng mình là người lạm quyền, giả lệnh Hummer, thay Hummer chỉ huy. Quang xin lỗi Corter. Trung Tá J.F. Corter tưởng Quang là lính người lớn, đề nghị gắn huy chương Hoa Kỳ cho Quang. Bấy giờ mới lòi đuôi chuột ra rằng các ông cựu Thiếu Sinh Quân đã uống thuốc liều, cho thằng em sữa ra trận. Đứng ra theo quân luật, mấy ông anh bị phạt nặng, Quang bị đưa ra toà vì “*Không có tư cách mà lại chỉ huy*”. Nhưng các vị sĩ quan trong Sư Đoàn 21, Trung Đoàn 31 cũng như cố vấn đều là những người của chiến trường, tính tình phóng khoáng, nên câu chuyện bỏ qua. Quang không được gắn huy chương, mà mấy ông anh cũng không bị phạt.

Hết nghỉ hè, Quang trở về trường mang theo kỷ niệm chiến đấu cực đẹp trong đời cậu bé, mà cũng là kỷ niệm đẹp vô cùng của Thiếu Sinh Quân Việt Nam. Câu chuyện này trở thành huyền thoại. Huyền thoại này lan truyền mau lẹ khắp năm tỉnh của Khu 42 Chiến Thuật: Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Chương Thiện. Quang trở thành người hùng lý tưởng của những thiếu nữ tuổi 15-17!

Năm 1974, sau khi đổ Chúng Chi 2 Bộ Binh, Quang ra trường, mang cấp bậc Trung Sĩ. Quang nộp đơn xin về Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Quang được toại nguyện. Sư đoàn phân phối Quang về *Tiểu Đoàn Ngọc Thần* tức Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 31, tiểu đoàn của Trần Minh sáu năm trước. Thế là giấc mơ 6 năm trước của Quang đã thành sự thực.

Trung Đoàn 31 Bộ Binh đóng tại Chương Thiện. Bấy giờ Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Chương Thiện là Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu là Thiếu Tá Nguyễn Văn Thời. Cả hai đều là cựu Thiếu Sinh Quân. Đại Tá Cẩn là cựu Thiếu Sinh Quân cao niên nhất vùng Chương Thiện bấy giờ (36 tuổi). Các cựu Thiếu Sinh Quân trong Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn 31 dẫn Quang đến trình diện anh Hai Cẩn. Sau khi anh em gặp nhau, Cẩn đuổi tất các tùy tùng ra ngoài, để anh em tự do xả xú báp.

Cẩn bẹo tai Quang một cái, Quang đau quá nhăn mặt. Cẩn hỏi:

- *Ê! Quang, nghe nói mày lĩnh bảy viên đạn mà không chết, thì mày thuộc loại mình đồng da sắt. Thế sao tao bẹo tai mày, mà mày cũng đau à?*

- *Dạ, đạn Việt Cộng thì không đau. Nhưng vuốt anh râu thì đau.*

- *Móng tay tao, râu phải vuốt?*

- *Dạ, người ta nói anh là **Cop U Minh Thượng**... Thì vuốt của anh phải sắc lắm.*

- *Hồi đó suýt chết, thế bây giờ ra trận mày có sợ không?*

- *Nếu khi ra trận anh sợ thì em mới sợ. Cái lò Thiếu Sinh Quân có bao giờ nặn ra một thằng nhát gan đâu?*

- *Thằng này được. Thế mày đã trình diện anh Thời chưa?*

- *Dạ anh Thời “thọ” không có nhà.*

Thiếu Tá Nguyễn Văn Thời, Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu, uy quyền biết mấy, thế mà một Trung Sĩ 18 tuổi dám gọi cái tên huý thời thơ ấu ra, thì quả là một sự phạm thượng ghê gớm. Nhưng cả Thời lẫn Quang cùng là cựu Thiếu Sinh Quân thì lại là một sự thân mật. Sau đó anh em kéo nhau đi ăn trưa. Lớn, bé cười nói ồn ào, như không biết tới những người xung quanh.

Bấy giờ tin Trần Minh đã đền nợ nước tại giới tuyến miền Trung. Sự ra đi của người đàn anh, của người hùng lý tưởng làm Quang buồn không ít. Nhưng huyền thoại về Trần Minh lưu truyền, càng làm chính khí trong người Quang bùng bùng bốc lên.

Tại Sư Đoàn 21 Bộ Binh, tất cả các hạ sĩ quan cũng như các Thiếu Sinh Quân mới ra trường, thường chỉ được theo hành quân như một *khinh binh*. Đợi một vài tháng đã quen với chiến trường, rồi mới được chỉ định làm tiểu đội trưởng. Nhưng vừa trình diện, Quang được cử làm Trung Đội Phó ngay, dù hầu hết các tiểu đội trưởng đều ở cấp trung sĩ, trung sĩ nhất, mà những người này đều vui lòng. Họ tuân lệnh Quang răm rắp!



Sư Đoàn 21



Sáu tháng sau, đầu năm 1975, nhờ chiến công, Quang được thăng Trung Sĩ Nhất, nhưng chưa đủ một năm thâm niên, nên chưa được gửi đi học sĩ quan. Quang trở thành nổi tiếng trong trận đánh ngày thứ Bảy 01-02-1975, tại Thới Lai, Cờ Đỏ. Trong ngày hôm ấy, đơn vị của Quang chạm phải Tiểu Đoàn Tây Đô. Đây là một tiểu đoàn được thành lập từ năm 1945, do các sĩ quan Nhật Bản không muốn về nước, trốn lại Việt Nam... huấn luyện. Quang đã được Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn giảng về kinh nghiệm chiến trường:

“Tây Đô là tiểu đoàn cơ động của tỉnh Cần Thơ. Tiểu đoàn có truyền thống lâu đời, rất thiện chiến. Khi tác chiến cấp đại đội, tiểu đoàn chúng không hơn các đơn vị khác làm bao. Nhưng tác chiến cấp trung đội, chúng rất giỏi. Chiến thuật thông thường, chúng dàn ba tiểu đội ra, chỉ tiểu đội ở giữa là nổ súng. Nếu thắng thế, thì chúng bắn xối xả để uy hiếp tinh thần ta, rồi hai tiểu đội hai bên xung phong. Nếu yếu thế, thì chúng lui. Ta không biết, đuổi theo, thì sẽ dẫm phải mìn, rồi bị hai tiểu đội hai bên đánh ép. Vì vậy khi đối trận với chúng, phải im lặng không bắn trả, để chúng tưởng ta tê liệt. Khi chúng bắt đầu xung phong, thì dùng vũ khí cộng đồng nã vào giữa, cũng như hai bên. Thấy chúng chạy, thì tấn công hai bên, chứ đừng đuổi theo. Còn như chúng tiếp tục xung phong ta phải đợi chúng tới gần rồi mới phản công”.

Bây giờ Quang có dịp áp dụng. Sau khi trực thăng vận đồ quân xuống. Cả đại đội của Quang bị địch pháo chụp lên đầu, đại liên bắn xối xả. Không một ai ngóc đầu dậy được. Nhờ pháo binh, trực thăng can thiệp, sau 15 phút đại đội đã tấn công vào trong làng. Vừa tới bìa làng, Thiếu Úy Trung Đội Trưởng của Quang bị trúng đạn lật ngược. Quang thay thế chỉ huy trung đội. Trung đội dàn ra thành một tuyến dài đến gần trăm mét. Đến đây, thì phi pháo không can thiệp được nữa, vì quân hai bên chỉ cách nhau có 100 mét, gần như lẫn vào nhau.

Nhớ lại lời giảng của Cẩn, Quang ra lệnh im lặng, chỉ nổ súng khi thấy địch. Ngược lại, ngay trước mặt Quang, khoảng 200 mét là một cái hầm lớn, ngay trước hầm hai khẩu đại liên không ngừng nã đạn. Quang ghi nhận vị trí hai khẩu đại liên với hai khẩu B40 ra lệnh: Lát nữa khi chúng xung phong thì dùng M79 diệt hai khẩu đại liên, B40, rồi hãy bắn trả.

Sau gần 20 phút, thành linh địch xả súng bắn xối xả như mưa, như gió, rồi tiếng hô xung phong phát ra. Chỉ chờ có thế, M79 của Quang khai pháo. Đại liên, B40 bị bắn tung lên, trong khi địch đang xung phong. Bây giờ trung đội của Quang mới bắn trả. Chỉ một loạt đạn, toàn bộ phòng tuyến địch bị cắt. Quang ra lệnh xung phong. Tới căn hầm, binh sĩ không dám lại gần, vì bị lựu đạn từ trong ném ra. Quang ra lệnh cho hai khẩu đại liên bắn yểm trợ, rồi cho một khinh binh bò lại gần, tung vào trong một quả lựu đạn cay.

Trong khi đó Quang hô:

- Ra khỏi hầm, dơ tay lên đầu! Bằng không sẽ ném lựu đạn xuống hầm.

Cánh cửa hầm mở ra, mười tám người, nam có, nữ có, tay dơ lên đầu, ra khỏi hầm, lựu đạn cay làm nước mắt dàn dụa.

Đến đây trận chiến chấm dứt.

Thì ra 18 người đó là đảng bộ và ủy ban nhân dân của huyện châu thành Cần Thơ. Trong đó có viên Huyện Ủy và viên Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Huyện.

Sau trận này Quang được tuyên dương công trạng trước quân đội, được gắn huy chương Anh Dũng Bội Tinh với ngành dương liễu. Trong lễ chiến thắng giản dị, Quang được một nữ sinh trường Đoàn Thị Điểm quàng vòng hoa. Nữ sinh đó tên Nguyễn Hoàng Châu, 15 tuổi, học lớp đệ Ngũ.

Cho hay, anh hùng với giai nhân xưa nay thường dễ cảm nhau. Quang và Châu yêu nhau từ đây. Họ viết thư cho nhau hằng ngày. Khi có dịp theo quân qua Cần Thơ, thế nào Quang cũng gặp Châu. Đôi khi Châu táo bạo, xuống Chương Thiện thăm Quang. Mẹ Quang biết chuyện, bà lên Cần Thơ gặp cha mẹ Châu. Hai gia đình đính ước với nhau. Họ cùng đồng ý đợi năm tới khi Quang xin học khoá Sĩ Quan Đặc Biệt, Châu được 17 tuổi, thì cho cưới nhau.

Nhưng mỗi tình đó đã đi vào lịch sử...

Tình hình toàn quốc, trong tháng 3, tháng 4 năm 1975, biến chuyển mau lẹ. Ban Mê Thuột bị mất, Quân Đoàn 2 rút lui khỏi Cao Nguyên, rồi Quân Đoàn 1 bỏ mất lãnh thổ. Rồi các sĩ quan Bộ Tổng Tham Mưu được Hoa Kỳ bốc đi. Ngày thứ Ba, 29 tháng 4, trung đội của Quang chỉ còn mười người. Tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng bỏ ngũ về lo di tán gia đình. Quang vào Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Chương Thiện trình diện Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn.

Cẩn an ủi:

- Em đem mấy người thuộc quyền vào đây ở với anh.

Ngày thứ Tư, 30 tháng 4 năm 1975, viên tướng mặt bánh đúc, đàn độn Dương Văn Minh phát thanh bản văn ra lệnh cho quân đội Việt Nam Cộng Hoà buông súng đầu hàng. Tất cả các đơn vị quân đội miền Nam tuân lệnh, cởi bỏ chiến bào, về sống với gia đình. Một vài đơn vị lẻ lẻ còn cầm cự. Tiếng súng kháng cự của các đơn vị Dù tại Sài Gòn ngừng lúc 09 giờ 07 phút.

Đúng lúc đó tại Chương Thiện, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng là Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn đang chỉ huy các đơn vị thuộc quyền chống lại cuộc tấn công của Cộng quân. Phân thắng đã nằm trong tay ông. Lệnh của Dương Văn Minh truyền đến. Các quận trưởng chán nản ra lệnh buông súng. Chỉ còn tinh lý là vẫn chiến đấu. Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn ra lệnh: *“Dương Văn Minh lên làm Tổng Thống trái với hiến pháp. Ông ta không có tư cách của vị Tổng Tư Lệnh. Hãy tiếp tục chiến đấu.”*

Nhưng đến 12 giờ trưa, các đơn vị dần dần bị tràn ngập, vì quân ít, vì hết đạn vì mất tinh thần. Chỉ còn lại bộ chỉ huy tiểu khu. Trong bộ chỉ huy tiểu khu, có một đại đội địa phương quân cùng nhân viên bộ tham mưu. Đến 13 giờ, lựu đạn, đạn M79 hết. Tới 14 giờ 45, thì đạn hết, làn sóng Cộng quân tràn vào trong bộ chỉ huy. Cuối cùng chỉ còn một ổ kháng cự từ trong một hầm chiến đấu, nơi đó có khẩu đại liên. Một quả lựu đạn cay ném vào trong hầm, tiếng súng im bật. Quân Cộng Sản vào hầm tìm thấy hai người. Một là Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn, Tỉnh Trưởng, kiêm Tiểu Khu Trưởng và một Trung Sĩ Nhất mới 19 tuổi. Trung Sĩ Nhất đó tên là **Vũ Tiến Quang**.

Bây giờ đúng 15 giờ.

Kẻ chiến thắng trói người chiến bại lại. Viên Đại Tá Chính Ủy của đơn vị có nhiệm vụ đánh tỉnh Chương Thiện hỏi:

- Đ.M. Tại sao có lệnh đầu hàng, mà chúng mày không chịu tuân lệnh?

Đại Tá Cẩn trả lời bằng nụ cười nhạt.

Trung Sĩ Nhất Quang hướng về phía Đại Tá Cẩn, rồi quay sang viên Đại Tá Chính Ủy đáp lời:

- Thưa đại tá, tôi không biết có lệnh đầu hàng. Vì dù tôi biết, tôi cũng vẫn chiến đấu. Vì anh ấy là cấp chỉ huy trực tiếp của tôi. Anh ra lệnh chiến đấu, thì tôi không thể cãi lệnh.

Trong lúc đó Cộng quân đang thu nhặt xác chết đồng bọn trong và ngoài bộ chỉ huy tiểu khu, viên Đại Tá Chính Ủy chỉ những xác chết nói với Đại Tá Cẩn:

- Chúng mày là hai tên ngụy ác ôn nhất. Đ.M. Chúng mày sẽ phải đền tội.

Đại Tá Cẩn vẫn không trả lời, vẫn cười nhạt. Trung Sĩ Nhất Quang ngang tàng:

- Đại tá có lý tưởng của đại tá, tôi có lý tưởng của tôi. Đại tá theo Karl Marx, theo Lénine; còn tôi, tôi theo vua Hùng, vua Trưng. Tôi tuy bại trận, nhưng tôi vẫn giữ lý tưởng của tôi. Tôi không gọi đại tá là tên Việt Cộng. Tại sao đại tá lại mắng tao, văng tục với chúng tôi như bọn ăn cắp gà, phường trộm trâu vậy? Phải chăng đó ngôn ngữ của đảng Cộng Sản?

Viên đại tá rút súng kề vào đầu Quang:

- Đ.M. Tao hỏi mày, bây giờ thì mày có chính nghĩa hay tao có chính nghĩa?

- Xưa nay súng đạn trong tay ai thì người đó có lý. Nhưng đối với tôi, tôi học trường Thiếu Sinh Quân, súng đạn là đồ chơi của tôi từ bé. Tôi không sợ súng đâu. Đại tá đừng dọa tôi vô ích. Tôi vẫn thấy tôi có chính nghĩa, còn đại tá không có chính nghĩa. Tôi là con cháu Hoài Văn Vương Trần Quốc Toản mà.

- Đ.M. Mày có chịu nhận mày là tên ngụy không?

- Tôi có chính nghĩa thì tôi không thể là ngụy. Còn Cộng quân dùng súng giết dân mới là ngụy, là giặc cướp. Tôi nhất quyết giữ chính khí của tôi như Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng, như Nguyễn Biểu.

Quang cười ngạo nghễ:

- Nếu đại tá có chính nghĩa tại sao đại tá lại dùng lời nói thô tục với tôi? Ừ! Muốn mày tao thì mày tao. Đ.M. tên Cộng Sản ác ôn! Nếu tao thắng, tao dí súng vào thái dương mày rồi hỏi: Đ.M. Mày có nhận mày là tên Việt Cộng không? Thì mày trả lời sao?

Một tiếng nổ nhỏ, Quang ngã bật ngửa, óc phọt ra khỏi đầu, nhưng trên môi người thiếu niên còn nở một nụ cười.

Tôi không có mặt tại chỗ, thành ra không mừng tượng ý nghĩa nụ cười đó là nụ cười gì? Độc giả của tôi vốn thông minh, thử đoán xem nụ cười đó mang ý nghĩa nào?

Nụ cười hời hợt? Nụ cười ngạo nghễ? Nụ cười khinh bỉ? Hay nụ cười thoả mãn?

Ghi chú:

Nhân chứng quan trọng nhất, chứng kiến tận mắt cái chết của Vũ Tiến Quang thuật cho tác giả nghe, là cô Vũ Thị Quỳnh Chi. Cô là em ruột của Quang, nhỏ hơn Quang 04 tuổi. Lúc anh cô bị giết, cô mới 15 tuổi (cô sinh năm Canh Tý, 1960). Cô là phu nhân của Bác Sĩ Jean Marc Bodoret, học trò của tôi, cư trú tại Marseille.

Cái lúc mà Quang ngã xuống, thì trong đám đông dân chúng tò mò đứng xem có tiếng một thiếu nữ hét lên như xé không gian, rồi cô rẽ những người xung quanh tiến ra ôm lấy xác Quang. Thiếu nữ đó là Nguyễn Hoàng Châu.

Em gái Quang là Vũ Thị Quỳnh Chi thuê được chiếc xe ba bánh. Cô cùng Nguyễn Hoàng Châu ôm xác Quang bỏ lên xe, rồi bọc xác Quang bằng cái poncho, đem chôn.

Chôn Quang xong, Châu từ biệt Quỳnh Chi, trở về Cần Thơ. Nhưng ba ngày sau, vào một buổi sáng sớm Quỳnh Chi đem vàng hương, thực phẩm ra cúng mộ anh, thì thấy Châu trong bộ y phục trắng của nữ sinh, chết gục bên cạnh. Mặt Châu vẫn tươi, vẫn đẹp như lúc sống. Đích thân Quỳnh Chi dùng cuốc đào hố chôn Châu cạnh mộ Quang.

Năm Mậu Dần, 1998, tôi có dịp đi công tác y khoa trong đoàn Liên Hiệp Các Viện Bào Chế Châu Âu (CEP= Coopérative Européenne Pharmaceutique), tôi đem J.M Bodoret cùng đi, Quỳnh Chi xin được tháp tùng chồng. Lợi dụng thời gian nghỉ công tác 04 ngày, từ Sài Gòn, chúng tôi thuê xe đi Chương Thiện, tìm lại ngôi mộ Quang-Châu.

Ngôi mộ thuộc loại vùi nông một nắm dãi dầu nắng mưa, cỏ hoa trải 22 năm, rất khó mà biết đó là ngôi mộ. Nhưng Quỳnh Chi có trí nhớ tốt. Cô đã tìm ra. Cô khóc như mưa, như gió, khóc đến sưng mắt. Quỳnh Chi xin phép cải táng, nhưng bị từ chối. Tuy nhiên, cuối cùng có tiền thì mua tiên cũng được. Giấy phép có. Quỳnh Chi cải táng mộ Quang-Châu đem về Kiên Hưng, chôn cạnh mộ của ông Vũ Tiến Đức.

Quỳnh Chi muốn bỏ hài cốt Quang, Châu vào hai cái tiểu khác nhau. Tôi là người lãng mạn. Tôi đề nghị xếp hai bộ xương chung với nhau vào trong một cái hòm. Bodoret hoan hô ý kiến của sự phụ.

Ngôi mộ của ông Đức, của Quang-Châu xây xong. Tôi cho khắc trên miếng đồng hàng chữ:

*“Nơi đây AET Vũ Tiến Quang, 19 tuổi,
an giấc ngàn thu cùng Vợ là Nguyễn Hoàng Châu.
Nở nụ cười thoả mãn vì thực hiện được giấc mộng”*

Giấc mộng của Quang mà tôi muốn nói, là: được nhập học trường Thiếu Sinh Quân, rồi trở thành anh hùng. Giấc mộng của Châu là được chết, được chôn chung với người yêu. Nhưng người ta có thể hiểu rằng: Quang thoả mãn nở nụ cười vì mối tình trọn vẹn.

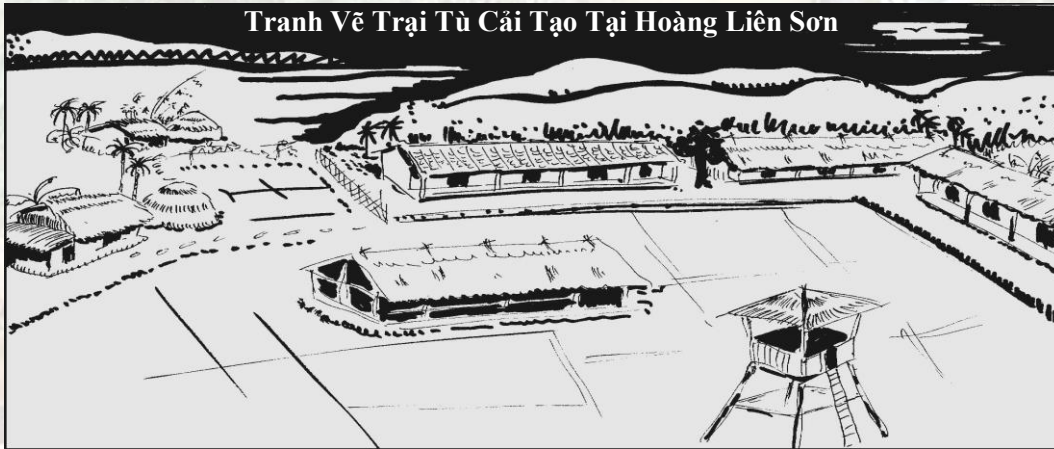


CHIẾN SĨ VÔ DANH

*Họ là chiến sĩ vô danh
Bốn nghìn năm trước lập thành nước Nam
Bao thời đánh đuổi ngoại bang
Thiên tai chống giữ giang san vững bền
Họ là chiến sĩ không tên
Mồ hoang xiêu lạc đầu gành cuối sông
Máu xương trộn lẫn ruộng đồng
Họ là đất nước linh hồn Việt Nam*

Lâm Sông Đồng

Tranh Vẽ Trại Tù Cải Tạo Tại Hoàng Liên Sơn



CON CHÓ VỆ VÀ NGƯỜI TÙ CẢI TẠO

Nguyễn Vĩnh Long Hồ

Trên bước đường lưu đày của những người tù chính trị Miền Nam đầy máu và mồ hôi trên chính quê hương của mình, đã có bao nhiêu người “sinh Nam, tử Bắc” và trong số này có anh Lê Xuân Đèo là cánh chim lia đàn rất sớm.

Giữa tháng 10 năm 1976, một nhóm tù chính trị Miền Nam khoảng 100 người (từ nhà tù Sơn La lâu đời, nằm trên vùng núi cao đèo heo hút gió của tỉnh Sơn La, phía Bắc giáp Yên Bái-Lào Cai, phía Tây giáp Lai Châu, phía Đông giáp Phú Thọ-Hoà Bình, phía Nam giáp Lào), chúng tôi được di chuyển về Hoàng Liên Sơn (Nghĩa Lộ), và tôi gặp anh bạn tù Lê Xuân Đèo tại Trại 6, Liên trại 2, một vùng núi non hiểm trở có cái tên thật mộng mơ: “Khe Thắm” thuộc huyện Văn Chấn.

Khe Thắm là một thung lũng nhỏ hẹp, nằm giữa hai dãy núi trùng điệp. Trại 6 gồm có bốn lán, dựa lưng vào dãy núi bên này, bên kia thung lũng là một bản Thái Trắng gồm mười căn nhà sàn, dưới gầm nhà sàn là chuồng nhốt trâu bò. Chỉ có một con đường độc đạo vào Trại 6. Về sau, khi chúng tôi chuyển sang trại khác, trại này được sát nhập vào nông trường Bản Hèo. Đạo chúng tôi vừa chuyển đến, dân làng đã cấy xong vụ lúa Đông-Xuân. Trong thung lũng Khe Thắm, mạ non lên xanh phơi phới. Ngay khi vừa mới đến trại, chúng tôi được phát ngay mỗi người hai bộ đồ rằn ri của binh chủng Biệt Động Quân, thế này là hết hy vọng trốn trại! Riêng tôi vớ phải cái quần rộng thùng thình. Công tác đầu tiên là đào thủy lợi để dẫn nước từ một con suối gần đó vào ruộng lúa. Tôi và Lê Xuân Đèo ở chung lán 3, còn Trương Đăng Sỹ ở lán 4.

Mùa Đông năm 1976 là một mùa Đông với cái lạnh khắc nghiệt, lạnh thê thảm chưa từng xảy ra ở miền Bắc, Việt Nam. Có nhiều đêm, hàn thử biểu rơi xuống chỉ còn một độ bách phân, mặt nước ao hồ đóng băng, cá chết hàng loạt vì lạnh. Tuy củi rừng nhiều vô số kể, nhưng bọn cán bộ cầm tù cải tạo đốt lò sưởi vì sợ cháy lán trại? Nửa đêm về sáng, chúng tôi phải thức dậy ngồi đầu lưng hoặc nằm sát vào nhau cho ấm. Bản Thái bên kia thung lũng, dân làng phải đốt rơm hoặc củi để sưởi ấm gia súc. Làm thân trâu bò còn sướng hơn tù cải tạo là cái chắc! Có bao nhiêu quần áo, chúng tôi cũng lôi hết ra mặc, nhưng không sao đủ ấm vì cái lạnh cắt ruột từ trong xương lạnh ra.

Đi tắm vào mùa Đông đối với tù cải tạo là một hình thức tra tấn. Mỗi tuần, tôi chỉ ra bờ suối tắm giặt một lần vào xế trưa Chúa Nhật, sau khi ngồi trước sân phơi nắng hàng giờ cho ấm. Ngồi bên cạnh tôi là Nguyễn Minh Thanh vừa phơi nắng vừa ngâm thơ “Tao Đàn”, đôi thấy mẹ mà hấn còn làm thơ được thế mới tài. Nếu như chiều Chúa Nhật nào rơi vào ngày mưa là xin hẹn lại tuần sau...mới đi tắm. Như vậy là đạt tiêu chuẩn nếp sống “văn minh, văn hoá mới” lắm rồi!

Hầu như lề lối sinh hoạt của tất cả trại tù cải tạo thuộc Đoàn 776 do bộ đội Cộng Sản Bắc Việt quản lý đều giống như nhau. Sau một ngày ăn đói, thực phẩm chính là khoai, sắn, bo bo, bắp hột mà mỗi khẩu phần của người tù đếm được khoảng 700 hột (lao động khổ sai 10 tiếng một ngày kể cả lúc trời mưa bão và mỗi tuần chỉ được nghỉ nửa ngày Chúa Nhật để tắm giặt), tối đến là giờ sinh hoạt chính trị, “ngồi đồng” hàng giờ ngay trên chỗ ngủ để nghe đọc báo “Nhân Dân” hoặc “Quân Đội Nhân Dân”, những loại tin tức dùng để tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản và chế độ ưu việt xã hội chủ nghĩa.

Sau khi nghe đọc báo là phần bắt thăm nhận công tác lên rừng đốn đủ loại gỗ: gỗ làm cột nhà, gỗ làm đòn tay, gỗ làm kèo nhà...và một toán chặt nửa đùng để lợp mái nhà. Gỗ và nửa từ trên rừng kéo về tập trung trên một bãi đất trống bên cạnh con suối dưới chân núi, cán bộ quản giáo của đội đến kiểm nhận vào mỗi buổi chiều. Sáng hôm sau, toán thợ mộc vác về xưởng mộc cưa, đục, đục, đục... để dựng nhà. Lê Xuân Đèo thường đi công tác với những anh em khác để cùng đi rừng với tôi, vì cải thiện linh tinh để mưu sinh là nghề của chàng. Hắn rất chịu những phi vụ táo bạo của tôi. Hắn là dân Nha Trang, lúc bình thường thì giọng nói dễ nghe, nhưng lúc khẩn trương, nghe lời hắn là một tai hoạ khó lường...

Bên kia thung lũng, đối diện với trại 6 là dãy nhà sàn của dân tộc thiểu số Thái Trắng. Tụi cán bộ quản giáo hoặc quản chế thường hù dọa là đồng chí “*Bí thư xã*” có vũ trang súng trường AK47. Phía sau dãy nhà là ruộng mía và hằng ngày nó trở thành mục tiêu đầy sức hấp dẫn và cám dỗ nhưng cũng rất nguy hiểm. Những lần chúng tôi qua dãy núi bên kia đốn nửa, chỉ tiêu một ngày là 100 cây với tiêu chuẩn: phải là nửa già, thẳng đót, chiều dài từ 3 thước trở lên, sau khi vạt bỏ ngọn. Thường thì buổi sáng đốn xong, bó lại từng bó 20 cây, giấu đầu đó ở trên rừng. Giờ lao động buổi chiều, chỉ lo việc chuyển về trại. Những cây nửa được mấy anh bạn tù cao niên, chặt khúc và đập giập ra để lợp mái nhà.

Một ngày trên đường vác mấy bó nửa chuyển về trại, chúng tôi ngồi nghỉ mệt bên dòng suối vắng. Đèo nhìn qua đám ruộng mía, sau dãy nhà sàn bên kia dòng suối, hắn thềm đến nhỏ dãi, trông thật tội nghiệp. Hắn nói:

- *Ê, mày! Không biết lúc này, bỗng dưng tao thềm ngọt quá trời! Từ ngày di chuyển ra miền Bắc đến giờ, gần cả năm trời tao chưa hề thấy cục đường tán nó tròn, nó méo ra làm sao! Tao chịu hết nổi rồi nghe mày*, Đèo tiếp: - *Thôi, mày ngồi ở đây chờ tao!*

Tôi hỏi:

- *Vậy chớ, mày định đi đâu?*

Hắn vừa trả lời, vừa nuốt nước bọt ừng ực:

- *Qua bên kia ruộng mía, chặt vài cây, chia nhau ăn đỡ thềm! Mày còn phải hỏi lời thối!*

Nghe hắn nói, tôi cười ngất, nói:

- *Thôi đi cha nội ơi! Coi bộ tướng của mày kìa! Ốm nhom, ốm nhách như con còng gió, rui ro bị họ bắt gắp, mày làm sao chạy cho thoát? Nếu họ có súng hoặc nỏ là mày chết chắc!*

Đèo quả quyết nói:

- *Tao đã nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình rồi! Trong nhà không có đàn ông mà chỉ có một người đàn bà. Tao còn biết chắc, giờ này bà ta trên đường đến trường, đón con đi học về nhà.*

Tôi nghi ngờ, hỏi:

- *Sao mày biết chắc chắn như vậy chớ?*

- *Mày nhớ không? Xế trưa hôm qua, lúc tụi mình trở qua đây, vác mấy bó nửa về trại. Tao thấy bà ta dẫn con đi học vừa về tới nhà!*

- *Phi vụ này mày lo hay để tao? tôi hỏi.*

Đèo nói, giọng quả quyết:

- *Mày nhát bỏ mẹ! Phi vụ này mày để tao lo! Mày ngồi đó chờ tao!*

Tôi cười, nói:

- *Thôi được rồi, cha nội! Vụ chôm chia này mày để tao lo! Cứ ngồi đó canh chừng. Hễ nghe động tĩnh gì thì la báo động cho tao biết để tao chuẩn!*

Nói xong, tôi đứng lên, đi một mạch ra bờ suối, xắn ống quần lên khỏi gối, tay cầm con dao dùng để chặt nửa, lội băng qua dòng suối. Tôi hành quân theo đúng bài bản, lính bộ binh mà. Trước hết, tôi bám lấy bờ suối, ngẩng đầu lên quan sát trận địa, thấy bên trong ruộng mía hoàn toàn yên tĩnh, tôi trườn sâu vào trong, giữa hai vòng mía. Tôi chọn một thật thẳng, tròn mập, vỏ màu vàng hực thật hấp dẫn, lia một nhát, cây mía đổ xuống. Tôi đứng lom khom, vừa vạt ngọn mía xong. Bỗng tôi nghe hắn la bài hải bên kia dòng suối:

- *Chờ tớ!... Chờ tớ!... Chờ tớ!....*

Tưởng hắn đòi lợi qua suối, tôi bèn đứng thẳng người lên, lấy cây mía vạt lá rồi nhìn qua bên kia bờ suối. Tôi thấy hắn nhảy dựng lên như khi mắc phong, tay chỉ chỗ về phía tôi thật khẩn trương. Hắn tiếp tục gào lên:

- *Chờ tớ!... Chờ tớ!....*



Thôi bỏ mẹ rồi! Bây giờ tôi mới hiểu ra là “Chó tới!” chó không phải “Chờ tới!” thì đã muộn. Một con chó vện to lớn dùng để đi săn, xông xộc lao tới và chỉ còn cách tôi vài mươi thước. Tôi thật sự hồn vía lên mây, quăng dao, quăng luôn cây mía, bỏ của chạy lấy thân, phóng như bay về phía bờ suối...Nhưng, con chó vện nhanh hơn tôi một bước, nó nhảy chồm lên, phập trúng cái đáy quần, ghì lại làm tôi té nằm xấp xuống đất. Hai cái răng nanh bén nhọn của nó đã xuyên thủng đáy quần. Con vện găm gù, mõm của nó ghì chặt lại, giằng xé như muốn lôi tuột cái quần của tôi ra thế mới khiếp! Cũng may, nhờ trời thương mấy thằng tù cải tạo ốm đói. Chúng tôi phải chôm chìa để mưu sinh. Nếu hai cái răng nanh của con vện nhích lên vài phân định mệnh nữa thì bây giờ tôi đã trở thành quan “thái giám” là cái chắc!

Tôi hét lên, cầu cứu:

- *Tao bị con chó vện tấp trúng rồi Đèo ơi! Cứu tao với...*

Đến giờ phút này mà hắn còn hỏi đùa được:

- *Trúng chỗ nào vậy cha?*

Tôi bực quá hét:

- *Nó tấp lủng đáy quần rồi, tao bị nó ghì lại, không chạy được!*

- *Chỉ tấp trúng đáy quần thôi hả? Hắn mách nước: -Tụt quần ra, vọt cho lẹ, thằng mắc dịch!*

Thôi thì cùng tât biến, biến tât thông! Tôi lòn tay xuống hàng nút quần, cởi thật nhanh hàng nút. Nhờ cái quần rộng thùng thình, con vện tụt cái quần thật dễ dàng, một chân nó chận cái ống quần, đầu giằng mấy cái thật mạnh để cái quần vọt ra khỏi cái răng nanh. Tôi chỉ chờ có thế, vừa rút chân ra khỏi cái quần rần rì là tôi phóng như bay về phía hàng cây bên bờ suối, chỉ cách đó mươi thước. Tôi trèo lên cây nhanh như con sóc, chưa bao giờ tôi leo trèo nhanh như vậy. Thế là thoát nạn!

Con vện phóng mình lên cây mấy lần, nhưng lần nào nó cũng bị té đau. Vì thế nó tức tối, ngồi bệt xuống đất, ngễnh mõm nhìn lên một cách hậm hực; thỉnh thoảng, nó le cái lưỡi dài thượt liếm mép. Tôi phải lấy vạt áo che phần dưới lại, sợ nó nhìn thấy “thịt tươi” thêm nhỏ dãi tội nghiệp!

Đứng trên cây nhìn xuống mới thấy rõ hình thù con vện, màu lông hơi vàng và có vằn như da cạp, trên lưng có xoáy như giống chó hoang dã ở Phú Quốc. Hèn chi nó dữ dằn quá là phải! Thú thật, trong suốt 13 năm quân ngũ, vui buồn đời lính bộ binh, đôi giày saut của tôi đã từng chà xát lên các mặt khu rừng danh của Việt Cộng ở Miền Tây từ Thất Sơn, Mỹ An, Sầm Giang, Năm Căn, Cái Nước...nhưng chưa có lần nào tôi phải bỏ chạy “té khói” như lần này. Kể ra thì cũng nhục thật đó!

Tôi đứng trên cây, trợn mắt nhìn nó, rửa thẳm trong bụng: “*May cho mày, nghe đồ chó vện! Nếu mày gặp tao ba năm về trước là tao vắn họng mày, làm thịt chó bầy món nhậu chơi!*” Thế mới biết, chỉ sau một thời gian ngắn, cái gọi là “*lao động cải tạo*”, con chó vện đối với tôi bây giờ nó đã trở thành “*con cạp*”. Nhưng mà thôi, tránh cạp chằng xấu mặt nào!

Nhìn thấy con chó vện đang nhe nanh vuốt, hàm hừ dưới gốc cây, Đèo đứng bên kia bờ suối, nói lớn

- *Mày cứ đứng ở trên cây chờ tao qua! Đừng có tuột xuống!*

Vừa nói, hắn vừa xắn quần lên khỏi gối. Thấy hai ống quyển khăng khiu của hắn, tôi nản lòng hết sức. Hắn có vẻ muốn lợi qua suối cứu bò thật, tôi lật đặt can:

- *Thôi đi cha nội! Cứ ở yên bên đó đi! Tao nhảy xuống suối, lợi qua bên được rồi mà!*

Hắn đáp có vẻ rất tự tin:

- *Mày yên chí đi! Tao có cách trị con vện này cho mày coi!*

Tôi miễn cưỡng nói:

- *Thôi được, mày có tài gì thì thử cho tao coi!*

Con vện thấy hắn đang lợi bì bõm, băng ngang qua dòng suối. Nó rời gốc cây, đứng chực trên bờ suối, sẵn sàng vồ hắn. Đèo đứng dưới suối, hai tay chống nạnh, vẻ mặt tinh bơ. Còn con vện nhìn hắn lườm lườm, chân sau quào dưới đất cát rào rào trong tư thế chuẩn bị vồ mồi.

Tôi thấy còn phát ón xương sống, nhưng Đèo chẳng nao núng chút nào cả thế mới là lạ. Bất ngờ, hắn huýt sáo miệng bản nhạc “*Bác cùng chúng cháu hành quân*” một cách ung dung.

Con chó vện vừa nghe âm điệu phần mở đầu của bài hát: *Đêm nay trên đường hành quân ra mặt trận...* nó lầm tưởng hẳn là phe ta nên bỏ hẳn thái độ thù nghịch, ngoe nguẩy cái đuôi, chờ welcome “*đồng chí Đèo*”. Mẹ kiếp! Sống ở Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa này, đến con chó còn bị tuyên truyền mê hoặc đừng nói chi là con người.

Đèo leo lên bờ, hẳn vỗ đầu con vện, vuột đầu nó mấy cái. Đồng chí vện chồm lên, vật ngã hẳn xuống rồi liếm cùng mặt. Thế rồi, người tù cải tạo và “*đồng chí vện*” ù kết thành đôi bạn sống chết có nhau từ dạo đó! Hẳn ôm chặt con vện cho tôi leo xuống. Tôi vội vã lùi vô ruộng mía, lấy quần mặc vào rồi đi kiếm con dao và cây mía. Hai đứa tôi lội trở qua bên kia bờ suối, con chó vện cũng lội suối qua theo. Ngồi dưới bóng cây chia nhau từng lóng mía. Tôi chỉ ăn 2 lóng, phần còn lại của hẳn vì Đèo thềm ngọt. Còn tôi, tôi thềm thứ khác hấp dẫn hơn nhiều: “*Thịt! Thịt! Thịt!*”... Tôi nhìn con vện, tưởng tượng đến đĩa “*rửa mặn*” đang bốc khói, làm tôi thềm đến nhều nước miếng. Bất chợt, con vện ngược lên nhìn tôi. Bốn mắt âu yếm nhìn nhau...toé khói; hình như, cái giác quan thứ sáu của nó, nhìn thấy ý đồ bất chánh của tôi và báo cho nó biết rằng: “*Coi chừng thằng cha tù ốm đói này, hẳn sẽ thịt mình đây!*” Vì vậy, con chó vện chỉ quán quít bên cạnh anh Đèo và lúc nào cũng đề cao cảnh giác với tôi. Cứ mỗi lần tôi xấp lại gần, định làm quen là nó đứng dậy đi chỗ khác chơi và nhìn tôi với tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Cách đây ba hoặc bốn tháng gì đó. Tên Thiệu Tá Khoát – Trại Trường – có tuyên bố một câu làm cả trại hò hời, phấn khởi: “*Trại ta có kế hoạch nuôi lợn, cung cấp thịt tươi, cải tổ bữa ăn để các anh có đủ sức thâm canh, tăng năng suất, chuẩn bị trồng sản đại trà.*” Thế là cả trại thi đua vào rừng đốn gỗ dựng trại chăn nuôi. Và chỉ trong vòng hai tuần lễ, ba cái chuồng nuôi lợn được cất xong bên cạnh bờ suối, đối diện với nhà bếp của ban chỉ huy trại. Nhưng, tên *Quang* chỉ mang về một cặp heo mọi, bụng ổng, đít teo, mỗi con cân nặng khoảng 5 kí là cùng. Thế là, một anh bạn tù cao niên ở lán 2 được giao cho nhiệm vụ “*chăn lợn*”. Mỗi ngày, anh có nhiệm vụ mang một cái xô vào nhà bếp cán bộ trại, gắp tên Trung Sĩ *Kây* để nhận cơm thừa, canh cặn mang về chuồng nuôi lợn. Không biết nuôi heo bằng cách nào mà cặp heo mọi càng ngày càng gầy nhom. Ngược lại, trông anh càng ngày tròn trịa ra.

Đêm hôm kia, chuồng nuôi lợn xảy ra chuyện rùng rợn, khó tin nhưng có thật là hai con heo mọi bị bầy chuột rừng moi ruột cho đến chết. Nhờ vậy, trưa hôm sau, cả trại được ăn cơm trắng với thịt heo kho với nước muối. Gần 2 tháng nay, chúng tôi mới được ăn một chén cơm trắng và một miếng thịt heo to bằng hai lóng tay út, cho đến bây giờ miệng tôi vẫn còn tóm tèm thịt tươi. Và tôi đang nghĩ kế hoạch thịt con vện...

Chúng tôi lần lượt chuyển hết mớ nứa về trại, con vện đưa hai đứa tôi đến tận công trại. Và từ đó, nó trở nên người bạn trung thành với anh Đèo. Sáng nào nó cũng nằm chờ trong bụi cây gần công, rồi lẻo đẻo theo chúng tôi vào tận rừng sâu đốn gỗ. Có mấy lần tôi định thịt nó, nhưng Đèo cương quyết ngăn cản.

Hắn nói:

- *Mày muốn thịt con vện này thì phải bước qua xác chết của tao!*

Nửa năm sau đó, những dãy nhà khang trang bằng gỗ được dựng lên chung quanh ban chỉ huy trại 6 đều do công sức của những người tù cải tạo. Nhưng, gỗ và nứa càng ngày càng khan hiếm, chúng tôi càng phải đi xa hơn, có khi phải đi bằng qua thung lũng phía sau trại, lội vào khu rừng già dưới chân núi bên kia, gần nông trường Bản Hẻo để kiếm gỗ.

Thế rồi một hôm - lần đầu tiên chúng tôi đi theo con đường mòn băng qua thung lũng vào lúc hùng đông sáng để kiếm gỗ làm đòn tay, khi những tia nắng ban mai mỏng manh, màu vàng nhạt, như cố xuyên thủng làn sương mai trắng đục bao phủ cả khu rừng, nắng tạo thành những chùm ánh sáng lung linh, huyền ảo - hai đứa tôi lặng lẽ tiến khá sâu trong khu rừng rậm rạp, cây cối hoang vu, còn con vện biến đi đàng nào không biết. Tiếng suối chảy róc rách khi len lỏi qua những ghènh đá rong rêu, hoà cùng muôn ngàn tiếng hót líu lo của bầy chim rừng, trôi lên bản hợp tấu đầy sức quyến rũ của núi rừng Tây Bắc, thoang thoang đâu đây mùi hương nhẹ nhàng toả ra từ những đoá phong lan, nép kín sau những thân cây cổ thụ, pha lẫn mùi hăng hắc của lá rừng ẩm mốc.

Tiếng gió lướt trên những tàn cây rừng xào xạc, mang theo cái lạnh tái tê từ dãy núi đá chập chùng của rặng Hoàng Liên Sơn thổi về. Gió lay những giọt sương mai đọng trên lá cây rừng, sương rơi nhẹ nhàng trên mái tóc, trên vai áo làm tôi thấm lạnh.

Đang mơ màng trong cái không gian liêu trai và cái tĩnh lặng mông lung ấy...bỗng một tiếng thét chói tai của Đèo đang đi phía trước, làm bầy chim rừng cũng phải giật mình, bay tán loạn:

- *Con mẹ nó! Coi chừng vắt nái! Chạy khỏi khu rừng này ngay!*



Vắt nái là một loại vắt màu xanh lá cây, nhỏ hơn đầu đũa một chút và chiều dài chỉ hơn một phân rưỡi, khiếp nhất là khi nó có chữa nên đặt cho nó cái tên là “vắt nái”. Khi đánh được hơi người là nó giương lên như cây “anten”, rồi bún mình lên như cái lò xo, bám vào đầu vào cổ người, thú vật hút máu một cách êm thấm, chén no rồi tự động rớt ra, máu từ vết cắn đó chảy ra không ngừng, chỉ có nhai cỏ mục đập vào vết cắn là tạm cầm máu được. Có nhiều anh bạn bị nhiễm trùng, vết cắn bị ngứa ngái, lở loét tròn bằng đồng tiền, nhức nhối tàn bạo. Hai đứa tôi vội vàng lội băng qua con suối cạn, tìm khoảng đất trống trải để kiểm soát lại đầu cổ, lôi ra cũng được bốn, năm con vắt xanh.

Bồng có tiếng khèn réo rất, trầm bổng, vắng vắng từ đâu đưa tới, âm thanh ai oán, náo nùng như khóc như than. Tiếng khèn trôi bồng bênh trong làn sương mai trắng đục. Tôi tò mò rũ Đèo đi ngược lên thượng nguồn con suối để tìm người thổi khèn.

Đó là cụ già thuộc bộ tộc Thái đen với mái tóc trắng phau, chòm râu bạc thả lỏng phất phơ trong gió. Ông vận bộ quần áo cộc màu chàm đang ngồi dưới một gốc đại thụ, chùng đã mọc rễ cả trăm năm, cành lá sum sê, vỏ cây sần sùi phủ rêu xanh, những rễ phụ và dây leo bện nhau bám chằng chịt vào thân cây. Cách đó mười thước là hai thanh niên để lưng trần đang cuốc một hố đất. Thấy có người đến, ông lão ngưng thổi khèn, ngược mắt nhìn chúng tôi, hỏi:

- *Mấy ông đi đốn gỗ cho trại cải tạo đây à? ông cảnh báo: - Khu rừng này có rất nhiều rắn độc, mấy ông phải cẩn thận! Cách đây mấy hôm, một người trong bản bị một con cạp nia mổ chết rồi đấy!*

Tôi nói:

- *Cám ơn cụ đã chỉ bảo! Chúng tôi sẽ hết sức đề phòng!*

Đèo phì cười khi nghe cụ gọi mình bằng ông, hẳn nói:

- *Tôi là Lê Xuân Đèo, gọi tôi là Đèo được rồi! Thế còn cụ?*

- *Tôi tên Phạm Công Trùng, ông lão buồn rầu, than thở: - Nhà tôi bị ốm nặng sắp chết đến nơi rồi, các anh ạ! ông chỉ hai thanh niên, tiếp: - Chúng nó đang đào huyết, chuẩn bị chôn mẹ chúng đấy!*

- *Thưa cụ, bà cụ bị mắc chứng bệnh gì vậy? Đèo hỏi.*

Ông cụ thở dài, nói:

- *Nhà tôi bị bệnh kiết lỵ đã hơn hai tuần nay! Uống đủ loại cây cỏ, nhưng không thuyên giảm, đang nằm thoi thóp trên giường chờ chết đấy, các anh ạ!*

Đèo nghe ông cụ nói xong. Hắn suy nghĩ trong giây lát rồi nắm tay tôi, kéo ra bờ suối, hỏi:

- *Tao muốn cứu bà cụ! Mày nghĩ sao?*

Tôi trợn mắt nhìn hắn, hỏi:

- *Mấy lấy cái gì cứu bà cụ chứ?*

- *Nói cho mày biết, tao còn cất giấu được 10 viên “Reostop”, chôn dưới sạp nửa chỗ tao ngủ,” Đèo lấy ý kiến tôi lần chót: - Mày thấy tao có nên giúp họ không?*

- *Việc này có liên quan đến sinh mạng của mày! Tự quyết định đi, đừng hỏi tao lời thôi! Tôi nói.*

- *Tao quyết định cứu họ! Đèo trả lời một cách dứt khoát: - Thấy người sắp chết mà không cứu là đắc tội với Trời Phật rồi! Hơn nữa, tao muốn làm sáng tỏ cái bản chất và truyền thống tốt đẹp của người lính Việt Nam Cộng Hoà cho đồng bào miền Bắc thấy rõ điều này!*

Nghĩ sao làm vậy, Đèo trở lại chỗ ông cụ, nói:

- *Ngày mai cũng vào giờ này, cụ ra đón chúng tôi tại đây để nhận 10 viên thuốc “con nhộng” chuyên trị kiết lỵ, đem về cho bà cụ uống!*

Ông cụ nghe đến thuốc “con nhộng”, mắt cụ ngời sáng tia hy vọng và cảm động đến rớt nước mắt. Cụ bảo hai người con trai vào rừng đốn gỗ đốn tay cho chúng tôi, rồi mời chúng tôi về bản làng gần đó xơi nước trà xanh. Căn nhà sàn của gia đình cụ gồm ba gian, nằm trong bản Thái, cách bờ suối đó khoảng 200 thước. Căn nhà sàn khá cao để tránh thú dữ nhất là đàn chó sói thường hay kéo vào bản, bắt gia súc. Đặc điểm những căn nhà sàn của dân tộc thiểu số như Thái, Mường, Mông...cùng có một lối kiến trúc như nhau là không dùng đinh, tất cả đều được liên kết với nhau bằng những con sò gỗ và lạt buộc, sàn nhà được nối kết với nhau bằng những cây nửa già được đập giập ra để lót sàn.

Leo lên mấy bậc thang gỗ ọp ẹp, thấy ngay bà cụ đang nằm trên cái chõng tre đặt ở một góc nhà, trùm chăn đến cổ. Bà cụ gầy lắm, tôi chỉ thấy cái mềm bông màu đỏ phấp phồng theo nhịp thở thoi thóp, mỏng manh như sợi chỉ mảnh treo chuông. Sau khi uống xong chung trà xanh, thì hai người con cũng về tới nơi.

Thấy mặt trời lên thấp thoáng ngọn cây, chúng tôi xin từ giả ra về. Cụ đi trước dẫn đường, dùng dao vạt vào thân cây rừng để đánh dấu, cho chúng tôi biết đường trở lại.

Tới bìa rừng, họ chuyển 6 cây gỗ làm kèo lên vai hai đứa tôi và chúng tôi từ giả nhau ở đấy. Con vện đi sục sạo ở đâu đó trong khu rừng cũng vừa chạy trờ tới, mồm ngoạm một con chuột lông màu xám xám khá to, làm quà tặng anh bạn Đèo. Trước khi trở về trại, Đèo ra bờ suối làm thịt chuột một cách thành thạo, rồi dùng lá chuối rừng gói lại cẩn thận, bỏ vào trong túi quần mang về trại. Buổi trưa, Đèo lên ra khu nhà bếp nướng một cách vội vã, khi nào có chiến lợi phẩm, hẳn cũng chia phần cho tôi một nửa.

Đêm hôm đó, đợi mọi người ngủ say sau một ngày lao động cật lực. Đèo đào một lớp đất mỏng dưới ngay chỗ nằm lấy, ra một chai thuốc “*Reostop*” còn đủ 10 viên rồi giấu dưới gối.

Sáng hôm sau, chúng tôi trở lại vùng này, tiếp tục đốn gỗ làm kèo nhà. Lần theo vết dao đánh dấu trên thân cây, hai đứa tôi trở lại chỗ cũ rất dễ dàng. Đến chỗ hẹn, chúng tôi thấy cụ đang ngồi dưới bóng cây đại thụ, chờ chúng tôi tự bao giờ. Đèo thân mật đặt cái lọ thuốc “*Reostop*” vào tay ông cụ, rồi chỉ cách dùng.

Ông cụ vừa mừng, vừa cảm động đến độ nói không nên lời. Trước khi chia tay nhau, ông cụ dặn dò:

- *Tụi bộ đội của đoàn 776, thằng nào cũng ác ôn hết! Các anh phải cảnh giác chúng nó đấy!*

Khoảng một tuần sau đó. Chúng tôi trở lại vùng này kiếm gỗ, nhìn thấy cái huyết đã được lấp đất lại bằng phẳng, cỏ dại đã bắt đầu bén rễ và chúng tôi biết chắc là bà cụ đã được cứu thoát khỏi bệnh kiết lỵ.

Người tù cải tạo Lê Xuân Đèo đã hoàn thành công tác “*dân vận*” một cách xuất sắc bằng chính mạng sống của chính mình, vì ba tháng sau đó, anh từ giả cuộc đời vì bệnh kiết lỵ vì không thuốc chữa cho chính bản thân mình.

Bệnh kiết lỵ, tiêu chảy và sốt rét rừng là ba căn bệnh rất phổ biến trong các trại tù cải tạo ở Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa. Một người bạn cùng đơn vị là Cựu Thiếu Tá *Trần Sĩ* cũng gởi năm xương tăn tại một trại tù khác vào năm 1978 vì bệnh kiết lỵ và rồi còn biết bao nhiêu người khác nữa? Trước khi chuyển trại tù trong Nam ra ngoài Bắc, chúng tôi dự trữ khá nhiều thuốc chuyên trị về các chứng bệnh nguy hiểm này và nhất là trụ sinh để phòng thân. Nhưng, sau khi chuyển đến trại 6 Khe Thắm, một người tù cải tạo tên *Phạm Thành K.* đã đâm sau lưng chiến sĩ, anh bàn kế hoạch “*chuyển trại giả*” với tên Thiếu Tá Khoát để lấy điểm.

Vào một buổi sáng tinh sương, trong lúc mọi người chuẩn bị xuất trại lên rừng đốn gỗ, bỗng có tiếng keng dồn dập khác thường, đích thân cán bộ quản giáo đến từng lán, đôn đốc mọi người khẩn trương đến tập trung trước sân cờ ban chỉ huy trại để nghe Thiếu Tá Khoát - Trưởng Trại - ban hành lệnh hành quân (chuyên trại) và mọi người được thông báo, chỉ còn có một tiếng đồng hồ để chuẩn bị hành lý cần thiết mang theo người. Vì quá vội, nên Đèo không kịp đào lấy 10 viên “*Reostop*” chôn dưới sạp nữa, ngay chỗ anh nằm.

Tại sân đá bóng của xã, trong khi ngồi chờ đợi xe vận tải đến chở đi một trại tù cải tạo khác, bọn cán bộ quản giáo và quản chế yêu cầu tất cả tù cải tạo “*bày hành lý bán chợ trời*” - tiếng lóng - một hình thức kiểm soát hành trang của tù cải tạo để hôi của. Sau đó, chúng phân tán chúng tôi đứng riêng rẽ từng nhóm nhỏ vài ba người, tù cải tạo còn phải trải qua một màn “*thoát y vũ*” bắt đắ dĩ để chúng lục soát quần áo tù.

Thế là, sau khi tịch thu toàn bộ số dược phẩm của anh em mang từ trong Nam ra, chỉ còn sót lại 10 viên “*Reostop*” của Lê Xuân Đèo. Sau đó, bọn tù cải tạo chúng tôi mặt mày tiu nghỉu trở về lán trại, tiếp tục lên rừng đốn gỗ. Tên Thiếu Tá Khoát và tên tù phản bội P. T. K. mặt mày hớn hờ vì chuyện này thắng lớn...

Bọn cán bộ trại đem số thuốc tây này ra Hà Nội và tỉnh Hoàng Liên Sơn bán lại cho các con buôn, rồi thay vào đây một loại thuốc dõm trị bá chứng tên “*Xuyên Tâm Liên*” để trị bệnh cho bọn tù. Đến năm 1982, nhà nước cộng sản khám phá loại thuốc này có độc tố phá vỡ các tế bào não, tim và thận và ngưng sản xuất thì đã muộn. Không biết có bao nhiêu tù cải tạo sống dở, chết dở vì uống phải loại thuốc này?

Vào mùa Thu năm 1977, bạn Lê Xuân Đèo không may vướng phải căn bệnh kiết lỵ hiểm nghèo. Sang đến tuần lễ thứ Hai, người anh cứ khô héo dần như cây khô thiếu nước, gầy đến nỗi chỉ còn da bọc xương, rồi nằm liệt giường, tiêu và đại tiện một chỗ. Mỗi ngày tên Y công tên Lương phát cho vài viên “*Xuyên Tâm Liên*” và một bát cháo loãng như nước cơm chắt, tiêu chuẩn trừng phạt những người tù cải tạo bị ghép vào tội “*chây lười lao động*”. Qua đến đầu tuần lễ thứ Ba, người anh tóp xẹp như bộ xương cách trí, được bọc lại bằng lớp da nhão màu xám xịt, đôi chân gầy guộc như hai thanh nứa, sờ vào lạnh ngắt.

Anh chỉ còn thở thoi thóp, máu hình như bắt đầu đông lại trong các động mạch, đôi mắt thất thần, mở trao trao trong hai cái hốc mắt lõm sâu. Đến buổi chiều, anh lên cơn mê sảng gọi tên vợ, tên con, rồi khóc rưng rức bằng những hạt lệ khô. Tối hôm đó, tôi ngồi bên cạnh anh cho tới giờ keng đổ, tôi bỏ mũ xuống cho anh, trước khi trở lại chỗ nằm.

Kỳ lạ quá! Nửa đêm về sáng, tiếng cú rúc liên hồi trong một lùm cây nào đó, ngay phía sau lán 3 như tiếng gọi của thần chết lớn vờn đầu đây, làm tôi rùng mình. Gió từ dãy Hoàng Liên Sơn thổi về ào ào làm rung chuyển cây rừng, làm tóc mái tranh nứa, gió thổi bật cánh mấy cái phen cửa...

Trong cái không gian lạnh lẽo ấy, vang lên những tiếng ngáy khò khò khi trằm, khi bồng, có tiếng ngáy cao vút như giọng nam “*tenor*”, những tiếng ngiên răng trèo trẹo, tiếng trở mình của bạn nào đó trên cái sạp tre ọp ẹp vang lên kẽo kẹt, tiếng mở ngủ lần tiếng thở dài nã nuột; đôi khi, có anh đang nằm mơ thấy mình đang đánh nhau với Việt Cộng, tiếng hét của anh đánh thức cả lán đây: “*Điều hâu! Điều hâu! Đại Bàng nghe rõ không trả lời! Việt Cộng tràn ngập căn cứ hoá lực rồi! Rót pháo xả láng! Nổ chup trên đầu chúng tôi! Lẹ lên đi mấy cha...*” và tất cả âm thanh đó quyện vào nhau hợp thành một “*bi trường khúc*” đầy ấn tượng sâu sắc trong lòng người tù cải tạo.

Bỗng tôi nghe tiếng con vện tru từng chập bên bờ suối, tiếng tru buồn thê thảm, kéo dài lê thê trong đêm trường tĩnh mịch. Tôi mệt mỏi, ngủ thiếp đi từ lúc nào cũng không hay, cho tới khi tiếng keng báo thức vang lên, đánh thức mọi người dậy để chuẩn bị một ngày lao động khổ sai. Tôi nghe cả lán hoảng hốt, hét lên: “*Đèo chết rồi! Đèo chết rồi!...*”.

Tôi ngồi bật dậy như cái lò xo, nhìn sang chỗ Đèo nằm, hai cái chân như hai thanh nứa già cỗi, khô khốc, buông thõng xuống đất, bị gió thổi luồn dưới sạp nứa đánh đong đưa, còn thân người của anh nằm vát vường trong mũng. Tôi vội vàng chạy đến, vén cái mũng lên. Tôi thấy đôi mắt đôi mắt của anh mở trợn trừng, hai giọt lệ khô đau chắt chiu từ một kiếp người bị dày đoạ trong tận cùng đáy địa ngục, ứa ra từ trong hai hốc mắt sâu hoắm, còn đọng lại chưa khô; hình như, anh mới từ giữa cuộc đời cách đây không lâu. Tôi lấy tay vuốt mắt người bạn tù...

Một cái chòi lá đơn sơ được vội vã dựng lên, chỉ có mỗi mái nứa gần khu rừng sán, bên cạnh con suối cạn, phía sau ban chỉ huy trại. Bốn cái cọc gỗ đóng xuống đất chính giữa căn chòi, hai khúc gỗ gác song song với nhau bên trên, vừa đủ kê một tấm ván mỏng. Thi hài của Đèo trong bộ quân phục Biệt Động Quân đã bạc màu, rách toét tả, loang lổ những vết máu khô vì tai nạn lao động. Tôi phủ kín hình hài của anh bằng cái mềm màu đỏ. Toán mộc lo đóng quan tài, tôi trong bộ phận đào huyệt còn có *Trương Đăng Sỹ* và *Nguyễn Minh Thanh*..... Chỗ anh nằm an nghỉ dưới bóng cây cổ thụ dưới chân đồi bên cạnh dòng suối, cách trại khoảng 2 cây số. Đến xế chiều, mọi việc đã hoàn tất. Sau khi tản liệm cho bạn Đèo xong, chúng tôi trở về trại, không ai được ở lại qua đêm để canh giữ xác của anh

Đêm đó, có lẽ là đêm dài nhất trong 8 năm tù cải tạo của tôi. Vừa chợp mắt là tôi thấy đôi mắt của anh còn mở trợn trừng...Quá nửa đêm về sáng. Bỗng nghe có tiếng chó sủa, tiếng gầm gừ cầu xé lẫn nhau thật dữ dội, tiếng tru tréo từ phía bìa rừng văng vẳng đưa về; hình như, chúng đang tranh ăn thì phải. Điều này đã khiến tôi phập phồng lo sợ, không biết chuyện gì bất hạnh sẽ xảy ra cho anh Đèo. Tôi thầm cầu nguyện với ơn trên, đừng để bày chó rừng tha xác của anh đi!

Trời vừa tờ mờ sáng. Sau tiếng keng báo thức vào lúc 6:45, tôi đã thức dậy, cuốn mũng mền, rồi vội vã đi về phía công trại. Tên lính canh cho phép tôi xuất trại, ra bìa rừng thăm xác bạn. Tôi lật đật bước vào cái chòi lá, cái quan tài của Đèo được ghép vội vã bằng sáu tấm ván mỏng manh bị đẩy xô lệch trên hai cái thanh ngang, suýt chút nữa thì đổ xuống đất, cái nắp áo quan sẽ bung ra ngay. Sau khi đẩy cái áo quan lại cho ngay ngắn, tôi bước ra bên ngoài quan sát hiện trường. Cả một vùng cỏ dại chung quanh cái chòi bị ngã rạp xuống, loang lổ vết máu và lông thú. Tôi đoán không sai, tại ngay chỗ này, đêm qua đã xảy ra trận ác đấu thật quyết liệt giữa bày chó rừng, tranh xác anh Đèo để tha vào rừng.

Có lẽ đánh được hơi người quen thuộc, con chó vện đang nằm bất động gần đó, nó ngược đầu lên nhìn tôi, cố gắng chống hai cái chân trước xuống đất, gượng lết về phía tôi, nhưng được vài bước rồi ngã quy xuống, mồm rên ư...ừ vì đau đớn. Tôi vội vàng chạy đến ôm chầm lấy nó vào lòng. Con vện liếm vào mặt tôi một cách triu mến, rồi một lát, ngoác đầu lên vai tôi. Đặt nó nằm xuống đất để quan sát: con mắt bên phải bị lột một mảnh da, còn bên trái máu, cái chân trước bị tấp gãy xương và cái đuôi sau bị ngoạm mất một mảng thịt to, vết thương còn rỉ máu âm ỉ. Tôi vô cùng xúc động nhìn nó một cách cảm phục và thương mến.

Thật vậy, không một ai có thể ngờ rằng, con chó vện đã liều mạng sống của nó, tả xung...hữu đột.....

quyết đấu một mắt một còn với cả một bầy chó rừng hoang dại để bảo vệ cái xác thân của Lê Xuân Đèo, người bạn của nó, đang nằm trơ trọi giữa bầy dã thú. Đối với tôi, con chó vện là hiện thân của một dũng sĩ, tuy mang hình hài của loài thú bốn chân, nhưng có một trái tim rất “*người*” dám vì nghĩa quên mình, chiến đấu đơn độc, không lùi bước trước kẻ thù. Tinh thần quyết đấu của con chó vện, như một lời nhắn nhủ đầy khí phách với đồng loại của nó: “*Tụi bây muốn làm thịt Lê Xuân Đèo, phải bước qua xác chết của tao!*”.



Những năm mồ Tú Cải Tao

Tôi bế con vện ra bờ suối, khuất sau đám sắn non, rửa vết thương còn đầm máu của nó mà ứa nước mắt. Con vện liếm bàn tay tôi một cách thân ái. Tôi thì thầm bên tai nó: “*Nằm đây chờ tao; lát nữa, tao trở lại tìm cách đưa mày về nhà chủ của mày!*” Tôi đứng dậy lui gót, nhìn trong ánh mắt lưu luyến của nó và khi nó đưa cái chân trước quào quào một cách yếu ớt trong không khí như những cái vẫy tay chào vĩnh biệt, khiến tôi có cảm tưởng; hình như, nó muốn trối trăng điều gì đó với tôi chăng?

Tôi từ giã nó, trở vào trại để cùng với anh em lo việc mai táng Lê Xuân Đèo. Toán chung sự có bốn người: Minh Thanh, tôi và hai bạn tù nữa. Đúng 8 giờ sáng, chúng tôi đẩy cái xe cải tiến cũ kỹ đi ngang qua ban chỉ huy trại, gặp tên Trung úy Quang lùn tịt, ngoắc chúng tôi dừng lại, nói: “*Này, nhớ đây nhé! Giữ cái áo quan lại, dành cho những người kế tiếp! Các anh phải biết bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa đấy! Sẽ không có cái áo quan thứ hai đâu!*”

Sau khi đặt quan tài của Lê Xuân Đèo lên xe cải tiến. Hai anh cầm càng, tôi và Minh Thanh phụ đẩy. Chiếc xe từ từ lăn bánh trên con đường đất gồ ghề còn đầm hơi sương. Hai cái bánh xe khô nhớt, một cái nghiêng bên này, một cái ngã bên kia, phát ra những tiếng kót két rên rỉ một cách mệt nhọc, đau khổ. Hai anh bạn phía trước gồng mình, ấn cái càng xe xuống, còn tôi và Minh Thanh vừa đẩy, vừa nâng phần sau xe lên, vì sợ hai cái bánh xe bung vành, văng ra khỏi ra cái xe cải tiến bất cứ lúc nào. Chúng tôi phải đẩy cái xe tang lăn qua ba cái dốc cao mới đến bờ suối.

Sau vài phút nghỉ giải lao, chúng tôi cùng nhau kê vai, khiêng quan tài lên lưng chừng đồi, chỗ an giấc ngàn thu của anh, rồi chia nhau vô rừng kiếm dây rừng bện lại như hai sợi dây thừng. Đặt quan tài lên trên hai sợi dây đó, rồi mỗi người nắm một đầu dây, thả từ từ xuống đáy huyệt. Xong rồi, chúng tôi lấp đất lại, vun thành một nấm mồ đơn sơ. Bốn anh em đứng trước mộ, cúi đầu mặc niệm mà trong thôn thức, bồi hồi. Tôi hái một ít hoa rừng đặt lên nấm mồ của bạn. Bạn Nguyễn Minh Thanh cảm khái làm một bài thơ với tựa đề “*NĂM MỒ HOANG*” để tưởng nhớ bạn Lê Xuân Đèo, người bỏ cuộc giữa đường.

*Một nấm mồ hoang cảnh lạnh lùng
Lơ thơ cỏ úa lá chiều rung
Quanh hiu vắng vệt vây quanh mộ
Rên rỉ bầy ve tiếng nồm nùng*

*Gởi xác ốm nhom tận chốn này
Bao la rừng núi, suối trời mây
Người đi vĩnh viễn đà yên phận
Ngàn dặm người thương đâu có hay!*

*Sương khói hoàng hôn dọc mỗi đời
Công danh phú quý lá vàng rơi
Than ôi! Thành bại đều chung cuộc
Tuần tự rồi ai cũng thể thôi!*

Trên đường trở về trại, khi đi đến gần ban chỉ huy, tôi tách rời anh em, lên vào khu rừng sán, ra bờ suối kiếm con vện. Tôi vô cùng sửng sờ nhìn thấy con vện bị ai đó treo ngược đầu xuống đất, bốn chân bị căng ra, buộc chặt vào hai cái cọc gỗ, cổ bị cắt tiết, máu đỏ nhỏ từng giọt xuống cái chậu bằng thau đặt dưới đất. Tôi quỳ xuống nâng đầu của nó lên, cả thân mình con vện khè run lên lần cuối cùng, rồi duỗi thẳng ra bất động. Cái chết đau đớn của nó làm tôi rớt nước mắt. Tên Trung sĩ Kây đứng sau lưng tôi từ lúc nào cũng không hay. Hắn lên tiếng làm tôi giật mình: - *Trong giờ lao động, anh ra đứng đây làm gì thế?*

- *Vừa mới mai táng anh Lê Xuân Đèo xong, ra suối rửa tay chân.* Tôi nhanh trí, đáp.

- *Tôi nhờ anh giúp hộ một tay.* Hắn nói.

- *Được, việc gì thế?* Tôi hỏi.

- *Anh tháo dây, mang con cày vào nhà bếp cho tôi!* Hắn nói như ra lệnh.

Nói xong, hắn mang cái thau tiết đi trước. Tôi tháo sợi dây rừng, ôm con vện vào lòng như ôm thi thể một chiến hữu vừa nằm xuống...tôi thất thểu ôm xác con vện vào khu nhà bếp mà lòng quặn đau.

Hôm sau, được phân công làm vệ sinh khu nhà bếp, tôi nhặt những mảnh xương vụn của con vện, đặt lên vào những tấm lá chuối, gói lại cẩn thận. Nhân lúc đi rừng đốn gỗ, tôi ghé thăm mộ bạn Đèo, rồi dùng dao đào một cái hố nhỏ, chôn bộ hài cốt của con chó vện, nằm bên cạnh bạn Lê Xuân Đèo cho có bạn.

Bắt đầu từ cuối tháng Chạp kéo dài đến tháng Giêng năm sau, núi rừng Hoàng Liên Sơn, bầu trời âm ảm và rét mướt, mưa bụi giăng giăng khắp nơi gần như bất tận. Mỗi buổi chiều, người tù trùm chăn kín mít, ngồi co ro trong lán, nhìn những cơn mưa bụi bay bay trong hoàng hôn, ai nấy đều chạnh lòng nhớ quê hương, nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ con, nhớ vợ da diết..... Gọi là mưa bụi vì lượng nước mưa quá yếu không thể rơi thẳng xuống mặt đất, bị gió thổi bay đi, toả ra thành những cơn mưa bụi.

Bước sang tháng Giêng, hạt nước mưa kết tinh lớn hơn một chút có thể rơi thẳng xuống mặt đất, nhưng bị gió tạt nghiêng nghiêng, tạo thành những cơn mưa phùn báo hiệu đất trời sắp giao mùa. Sợi mưa phùn mong manh như sợi tóc rối, đan nhau thành những màn nước trắng đục, giăng kín núi rừng, đồng ruộng, thung lũng, sông hồ ... Trời đất nhạt nhoà trong những cơn mưa phùn dai dẳng, kéo dài lê thê trên vùng đất khó. Trong bầu khí hậu âm thấp ấy, cây cỏ đang âm thầm nảy lộc, đâm chồi, chờ trời dậy tung bồng khi mùa Xuân đến. Chỉ tội cho bọn tù cải tạo phải lao động khổ sai trong rừng sâu, tay chân tê cóng vì đói và lạnh đến rét run. Thượng tuần tháng 02 năm 1978, trại chuẩn bị ăn mừng Tết Nguyên Đán Mậu Ngọ vài ngày sau đó, tôi được phân công vào đội cắt lá dong dùng để gói bánh chưng. Lá dong thường mọc hoang ở những vùng đất ẩm ướt. Tôi đi vào rừng, lang thang trong thung lũng một mình để tìm lá dong. Tôi nhớ quá anh bạn Đèo và con chó vện thân thương.

Mới hừng đông sáng mà tôi đã nghe tiếng chiêng, tiếng trống vang lên rộn rã từ bản làng của dân tộc Thái Đen. Động tính hiếu kỳ, tôi lần theo con đường mòn dọc theo con suối chảy róc rách để đi vào bản Thái. Ô hay! Trước mắt tôi là cả một rừng hoa màu trắng tinh khiết như hoa bưởi mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Từ những thân cây khẳng khiu, uốn khúc dù bám vào vách núi đá cheo leo vẫn trổ những chùm hoa trắng muốt, hoa nở rộ khắp núi rừng, dọc theo suối, hoa có năm cánh, nhụy màu hồng, gân màu tím tím. Mỗi cơn gió nhẹ nhàng lướt thoảng qua khu rừng là những cánh hoa rung lên như hàng vạn cánh bướm đang vỗ cánh chấp chới trong không khí. Tôi đi lần theo con đường mòn tìm gia đình cụ Trùng không mấy khó khăn. Tôi đoán, hôm nay là ngày hội làng thì phải. Trước sân nhà của cụ các bếp đồ lửa, rục than hồng, họ có mười người, chia ra làm hai phái: phái nữ đang lo nấu thức ăn, còn phái nam đang chơi nhạc cụ dân tộc như thổi khèn, khua chiêng, trống...rất vui nhộn. Thấy tôi đường đột bước vào sân, tất cả đều dừng tay, nhìn tôi trân trối. Chỉ cần nhìn thấy bộ đồ rằn ri của tôi, họ đã biết tôi là ai rồi. Một thiếu phụ vội vã chạy đến cầu thang, lên tiếng gọi:

- *Bố ơi! Có thằng lính nguy nó xông vào nhà mình này! Con tống cổ nó đi nhá!*

- *Khách quý nhà mình đây! Đùng hỗn láo, con ạ! Có tiếng quát vọng xuống.*

Đứng trên cầu thang, nhìn thấy tôi, cụ Trùng mừng lắm, quay vào trong căn nhà sàn, gọi bà cụ ời ời:

- *Bà này, theo tôi xuống đây nhanh lên!*

Cụ vội vã chạy xuống cầu thang trước, cụ bà nôi gót theo sau. Cụ ôm chầm lấy tôi, trước con mắt ngạc nhiên của mọi người. Cụ Trùng nói với vợ:- *Bà còn sống đến ngày hôm nay là nhờ người tù cải tạo này đây!*

- *Không phải tôi cứu bà cụ đâu! Anh Lê Xuân Đèo đây cụ à!* Tôi vội vàng đính chính ngay.

Cụ Trùng vỗ trán một cái thật mạnh, nói: - *À, tôi nhớ ra rồi! Anh Lê Xuân Đèo đâu?*

Tôi buông thõng một câu: - *Đèo chết rồi!*

Cụ Trưng bàng hoàng trong giây lát, rồi hỏi gằn:

- *Bạn quân giáo đánh chết anh Đèo, phải thế không?*

- *Không phải vậy, anh Đèo chết vì bệnh kiết lỵ!*

Bà cụ nói: - *Tôi thoát khỏi bệnh kiết lỵ là nhờ 10 viên thuốc “con nhộng” của anh ấy biếu! Sao anh Đèo không dùng thuốc ấy để chữa bệnh cho mình nhỉ?*

Tôi buộc lòng phải thú thật, nói: - *Đó là 10 viên thuốc cuối cùng mà anh Đèo đã biếu cho cụ!*

Bà cụ nghe tôi nói, vô cùng xúc động, giọng run run:

- *Anh Đèo đã hy sinh cái mạng của mình để cho tôi được sống! Thế mới rõ trắng đen, đồng bào dân tộc chúng tôi ở ngoài này đều bị lũ chúng nó bưng bít, tuyên truyền lừa bịp cả! Chúng nó còn bảo “lính nguy” các anh tàn ác lắm! Mổ bụng, moi gan người ăn sống, uống cả máu tươi! Bọn chúng nó ngậm máu phun người, giỏi thật đấy!*

Đám thanh niên nghe bà cụ nói, xem chừng đã hiểu biết mọi chuyện, họ bỏ hẳn thái độ thù nghịch khi vừa mới gặp tôi. Một anh bạn trẻ đến nắm tay tôi mời mọc rất chân tình:

- *Anh ở lại dùng cỗ với chúng em nhé! Hôm nay, mới bắt đầu mùa lễ hội “Kin Chiêng Bók May” của dân tộc Thái chúng em!*

Tôi hỏi: - *Mùa lễ hội “Kin Chiêng Bók May” là lễ hội gì vậy?*

Cụ Trưng giải thích: - *Đó là ngày “Hội Hoa Ban” trên vùng Hoàng Liên Sơn để đón mùa xuân đến. Hoa Ban chỉ nở rộ vào tiết Lập Xuân, phủ trắng cả núi rừng trên các bản Thái. Đặc điểm của loài hoa này là màu trắng, tượng trưng cho sự trong trắng, tinh khiết của tình yêu và hạnh phúc lứa đôi! Một chút nữa đây, sau khi ăn uống no say, bọn họ sẽ chạy vào hái những hoa ban thật đẹp tặng cho nhau làm quà. Mấy cô gái sẽ thay đổi xiêm y, đầu chít khăn “piêu”, có đôi hàng cúc hình bướm trên chiếc áo côm, thêu tua ở vai, cái quần “sin” (giống như xà-rông) vải xanh thắt ngang lưng để múa xoè, cụ Trưng cổ mời. - Anh ở nán lại đây chơi với chúng tôi.*

Mặt trời đã lên khá cao. Rất tiếc là tôi phải từ giã họ để còn kịp đi cắt lá dong. Bỗng có ai khều nhẹ vào vai, tôi quay đầu lại nhìn, đó là một cô bé Thái còn rất trẻ, độ chừng đôi tám, mắt có mí lót, mũi hơi cao, nước da bánh mật, trong giống người Ấn hơn là người Kinh. Cô ta trao cho bó *hoa Ban* mới nở, vừa mới hái vội ở trong rừng về tặng tôi, làm món quà trong ngày “*Hội Hoa Ban*”. Bây giờ tôi mới biết loại hoa màu trắng nõn nà đó chính là *hoa Ban*. Cô bé thỏ thẻ, nói đùa: - *Bao giờ anh về Sài Gòn, cho em đi theo với nhé!*

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi một cô bé Thái miền sơn cước, còn biết chôi bỏ cái tên Thành phố Hồ Chí Minh do tập đoàn Lãnh đạo Cộng Sản áp đặt sau khi cưỡng chiếm Miền Nam, mà vẫn gọi cái tên cũ “*Sài Gòn*”, thủ đô thân yêu của người Miền Nam.

Sau khi cắt xong một mớ lá dong, trên đường đi về trại, tôi ghé viếng thăm mộ bạn Lê Xuân Đèo. Tôi đặt bó *hoa Ban* trên nấm mồ, rồi thì thầm báo cáo với hân: “*Vinh quang này thuộc về mày! Chớ không phải của tao!*” Nghĩ cho cùng, cái chết tức tưởi của bạn Lê Xuân Đèo không đến nỗi vô ích. Tôi phải gọi đó là một sự hy sinh. Những người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà thuộc mọi Quân, Binh chủng đã anh dũng hy sinh ngoài mặt trận trong thời chiến. Và những người lính âm thầm nằm xuống trong lao tù cộng sản, đều có giá trị cao quý như nhau! Thật vậy, anh nằm xuống để thắp lên một ánh đuốc lẻ loi, soi thủng màn đêm tăm tối đầy hận thù bên kia “*bức màn sắt*”, do bọn Cộng Sản Bắc Việt dựng lên tại Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa, bằng những thủ đoạn tuyên truyền cực kỳ dối trá và bẩn thiu. Cái chết của Lê Xuân Đèo đã làm sáng tỏ chân giá trị đích thực của người lính thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà. Họ cảm sùng để nói nghiệp tiền nhân, tận tụy ngày đêm đi gìn giữ quê hương, đem xương trắng máu đào để bảo vệ chính nghĩa tự do, nhân quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ Quốc.

Sau Tết Mậu Ngọ 1978, tất cả anh em chúng tôi khăn gói lên đường, di chuyển đến một trại tù cải tạo khác, lần này thì di chuyển thật. Và chúng tôi tiếp tục làm nhiệm vụ khai quang, dựng nhà, trồng hoa màu ở những vùng rừng núi hiểm trở khác để đồng bào miền xuôi về đó, xây dựng nông trường. Lúc vượt qua đỉnh đèo Lũng Lô, anh Trương Đăng Sỹ, Nguyễn Minh Thanh và tôi dừng lại giây phút ngắn ngủi, chúng tôi cùng hướng về rặng núi Phu Luông còn phảng phất sương mù, vẫy tay chào vĩnh biệt người bạn tù thân mến, **Lê Xuân Đèo: NGƯỜI Ở LẠI HOÀNG LIÊN SƠN!**

(Hội Ái Hữu Biên Hoà Chân thành cảm tạ Văn Sĩ Nguyễn Vĩnh Long Hồ)



XƯƠNG CA

Hàng Anh Tàì
(Paris, France)

Từ thuở mới tạo thiên lập địa cho đến khi có loài người xuất hiện trên mặt quả Địa Cầu này, tổ tiên chúng ta, những người tiền sử phải sống đời ăn lông ở lỗ!

Hầu hết đều sống tập trung tại các buôn hay các sóc, ngôn ngữ khác biệt, thường hay dùng gậy gộc, dao mác để đánh nhau với các bộ lạc kế cận. Mỗi khi chiến thắng trở về, họ ca hát và nhảy múa quanh ánh lửa hồng. Có dư luận bảo rằng: “*Từ khi có loài người là đã có chiến tranh*”

Nhờ có năng khiếu và thiên tư, họ đã biết sáng chế ra được nhiều nhạc cụ bằng tre và bằng gỗ v.v... Với cây trúc, họ làm ra ống tiêu hay ống sáo, sừng trâu thì làm kèn, làm tù và, lần lần họ lấy sọ dừa khô làm đàn gáo và dây đàn thì làm bằng dây tơ, rồi đến thời kỳ quá độ mới chế biến ra đàn làm bằng kim loại...

Qua tham khảo tài liệu của Giáo Sư Âm Nhạc Nguyễn Hữu Ba tả về sự hình thành của chiếc *Đàn Kim*, còn có tên gọi *Đàn Nguyệt*, vì thùng đàn hình tròn, như mặt trăng có 360 độ, gần như một năm có 365 ngày, hai dây đàn: *dây tôn* và *dây liêu* được hiểu hai mùa: *mưa, nắng*; phía trên cần đàn có 04 trục dây, tượng trưng cho 04 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Chiếc đàn kim có 08 phím, đó là 08 tiết. Âm thanh không ngoài 05 bậc ngũ cung: *Hò, Xư, Xang, Xê, Cống (hay Liêu)*.

Hiện nay chiếc đàn nguyệt tại Việt Nam được giản dị hoá, chỉ còn lại có hai trục lên dây mà thôi.

Kể chuyện về ca hát, chúng ta ai cũng thừa hiểu trong ba miền đất nước Việt Nam, mỗi nơi có đều có những âm thanh và điệu nhạc khác nhau, nhưng nếu biết thưởng thức, thể nhạc nào cũng có cái đặc điểm cái hay của nó:

* Miền Bắc nổi tiếng về: ca trù, chèo cổ, trống quân, cò lã và hát xẩm v.v...

* Miền Trung thì có: nhạc lễ, nhạc cung đình, hát bội Bình-Trị-Thiên, hò và những bản ca Nam Bình và Nam Ai rất náo nùng ai oán!

* Miền Nam khởi đầu thì có hát bội (hát bộ) tuồng tích thì dựa theo truyện Tàu như Tam Quốc, Thủy Hử, San Hậu v.v... Thoạt đầu hát bội được xem là môn giải trí bình dân được mọi người yêu thích.

Tại Miền Nam, Việt Nam nơi nào cũng có Đình, Miếu cả, và mỗi năm đều có tổ chức cúng thần để cầu yên cho bá tánh, gặp phải năm nào mà người nông dân làm ăn trúng mùa, họ hùn hạp chi ra một số tiền cùng với Ban Hội Tê của Xã, Ấp để mời một ban hát bội về biểu diễn ba ngày liên tiếp, để dân chúng đến xem và khán giả quen gọi “*trong chay ngoài bội*”



Xã hội ngày càng văn minh, vào những năm 1932, cải lương rất thịnh hành và ăn khách, để cạnh tranh qua nhiều tuồng tích của hát bội, có đậm thêm những bản ca cải lương, đại để như đoàn Quốc Bửu Ban đã trình bày một vở tuồng mà các vai toàn do phụ nữ đóng, tựa tuồng là “*Phụng Nghi Đình*” lớp Lữ Bố hí Điêu Thuyền và giới thiệu trong tờ quảng cáo như sau:

*“Nữ toàn ban chúng tôi
Lựa kếp hay đào giỏi đem ra
Đồng Thái Sư quyết đoạt san hà
Quyết áp chế hoành hành thiên hạ
Ông Vương Doãn biến sanh kế lạ
Dụng liên hườn một gái Điêu Thuyền
Trước gả Thuyền cho Bố kết duyên
Sau bắt lại đưa cho Đồng Trác
Điêu Thuyền quyết liều thân tan nát
Trả nợ Vua, trợn thảo cùng Cha
Gái Điêu Thuyền trả nợ nước nhà
Liều một mạng quyết tru tam kiệt
Thuyền thấy Bố lòng càng thắm thiết
Bố đem Thuyền tới Phụng Nghi Đình
Có chế ca vì cuộc chữ tình
Bố cả giận Thuyền bèn tự vận
Bố thấy vậy lòng đà hết giận
Can Điêu Thuyền chớ thác làm chi
Trác quyết lòng giết Bố thác đi
Bố chạy khỏi, hạ hồi phân giải”*

Vì muốn bảo tồn nền văn hoá nghệ thuật hát bội khỏi thất truyền, chính quyền miền Nam trước đây đã nhờ hai ông: Đốc Phủ Sứ *Đỗ Văn Rỡ* và Tỉnh Trưởng *Thân Văn Nguyễn Văn Quý* sáng lập ban *Khuyến Lệ Cổ Ca*, vì hai bậc cao niên này rất rành về hát bội.

Nhân đây cũng xin tiết lộ với độc giả đồng hương, Ông Nguyễn Văn Quý sinh quán tại Tân Uyên (Biên Hoà) người đã từng viết nhiều sách báo liên quan đến nghệ thuật bát bội.



NHỮNG ĐOÀN HÁT BỘI XƯA:

Tại Cầu Muối, Sài Gòn có ban hát bội của bà *Cao Long Ngà*. Rạp Thành Xương có đoàn *Bầu Thắng*. Hai nữ diễn viên xuất sắc thời ấy là Quý bà BA NHỎ và NĂM ĐỒ, mà khán giả khó quên bà Ba Nhỏ trong vai “*NGŨ BIẾN BẢO PHU CỪU*”

Ngoài ra còn có những đoàn hát Bội khác mang nhãn hiệu: *BÀU BÒN*, *BÀU TẢO*, và *QUỐC BỬU BAN* .v.v....

CHÂM BIÊM HÁT BỘI:

Xưa kia nghề hát bị khinh rẻ, thế gian thường bịa ra những chuyện tếu để thoá mạ những nghệ nhân mà họ gán cho là phường hát, con hát, cùng với những chuyện chọc cười sau đây:

ĐI HOANG MÀ ĐƯỢC LÀM QUAN:

Gia đình Ông Bà nhà quê kia có cậu con trai đã bỏ nhà ra đi biệt tích, bỗng nhiên ngày kia lại gửi thư về thăm. Bà mẹ mừng quýnh thúc giục chồng bốc thử ra xem coi con nói gì?

“Thưa Ba Má, kể từ ngày con thất thổ vong hương, lên Gia Định lệnh ban áo mào.”

Cả nhà reo vui mừng rỡ, không ngờ con mình nó đi hoang mà được làm quan. Bà hỏi hỏi bảo Ông đọc tiếp:

“Hai tay con cầm giáo đi trước, theo sau có 08 thằng cầm cờ”.

Ông bà thất vọng la lên: *“Trời ơi! Con chúng mình nó đã theo hát bội rồi!”*

HÁT CƯƠNG MÀ KHÔNG AI NHẮC TUỒNG:

Một anh kép hát cương đóng vai Vua, giữa trào nghi với đông đủ văn võ bá quan, Vua nói: *“Nói ngôi Thiên Tử”* đợi mãi không nghe ai nhắc tuồng, anh lập lại *“Thiên Tử nói ngôi”* rồi cũng vắng lặng, bực tức anh ta nói: *“Không nhắc Trâm thì Trâm cũng nói ngôi Thiên Tử”* ...

VUA NÓI LÁI:

Nhân dịp đình làng có tổ chức cúng thần và có ban hát Bội được mời đến hát. Một anh hương chức cấp nhỏ vào hậu trường, đứng tựa cánh gà để nhìn tận mắt đào kép, trên vai có giắt một khăn nhiễu, anh kép đóng vai Vua đi trước, nhanh tay cho chiếc khăn bỏ vào tay áo long bào, sợ các quan đi sau trông thấy, khi ra giữa trào nghi Vua nói: *“ Các quan an vị, rồi Trâm sẽ chia hia...(chia hai...)”*

Một quan đại thần quỳ khải tâu: *“Muôn tâu bệ hạ, khu có đồng”* có nghĩa *“không có đủ”!*

NHÂN VẬT TRƯỞNG PHI:

Trong chúng ta có nhiều bạn đã đọc qua chuyện Tam Quốc, chưa bao giờ nghe nói Trương Phi còn có người em tên Trương Phi, ấy thế mà trên sân khấu hát bội đã xảy ra chuyện này:

Hôm ấy Đoàn Hát diễn tuồng Tam Quốc, anh kép đóng vai Trương Phi vì chưa đến phiên ra tuồng, cời râu ra để phi phà hút thuốc lá, đèn chường trống đánh inh ỏi, anh vệ vãi ra sân khấu mà quên mang râu, nên gặp kép đóng vai Tào Tháo muốn chơi xỏ bảo hẳn phải xưng tên họ mới bằng lòng giao đầu.

Theo bản chất, Trương Phi tánh hung hăng, la hét và vuốt râu, nhưng sờ lên mặt chẳng thấy râu đâu, lỡ bộ bèn nói: *“Nhu ta đây là... Trương Phi em ruột của Trương Phi”*

Tào Tháo nói: *“Ta chỉ nghe danh có Trương Phi, còn mi là ai ta chẳng cần biết, đường đường là một thượng tướng, ta không chấp nhận giao đầu với một tên vô danh tiểu tốt”*

“Té ra mi khi để ta hả? Thôi để ta về gọi anh ta ra giao đầu với nhà ngươi”.

Nói rồi vụt chạy nhanh vào buồng để gắn râu vào và trở ra sân khấu với Trương Phi oai phong lẫm liệt...

CA DAO CHÂM BIÊM HÁT BÔI:

Trông trâu trông lợn dây tiêu

Con theo hát bội mẹ liều con hư!

hoặc vả như:

Nào có ra chi lũ hát tuồng

Cũng hò, cũng hét cũng í uông

Tuy rằng dối được đàn con trẻ

Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn!

VINH HÁT BÔI CỦA TÚ QUỲ:

Nhỏ mà không học lớn làm quan

Trống đánh ba hồi đã thấy quan

Ra rạp ngồi trên ba đũa hiệu

Vào buồng đứng dưới mấy ông làng

Mượn màu sơn phấn ông kia họ

Cởi lớp cân, đai chú điểm dàng

Trông chẳng ra chi nhưng cũng sường

Đã từng trợn mắt với phùng mang



Kể chuyện về hát bội tưởng cũng cần trình bày một câu chuyện về lịch sử có liên quan đến quê nhà của chúng ta. Thời nhà Nguyễn, tại xã Bình An (Biên Hoà) có bà Võ Thị Hoa sinh năm 1791 được tấn cung và được Vua Minh Mạng phong cho làm Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu. Bà Hoa qua đời năm 1807, hưởng dương 17 tuổi. Bà mất đi vì bệnh sản hậu và không con để nối dòng, truyền thuyết tả lại những mẫu chuyện sau đây :

* Chiếc cầu từ Gia Định đến Đa Kao, trước kia có tên là “*Cầu Hoa*”, nhưng vì sợ phạm huý nên được đổi tên lại là “*Cầu Bông*”

* Ngôi chợ tại thành phố Huế xưa có tên là chợ *Đông Hoa*, nhưng sau đó cũng đổi tên lại là chợ *Đông Ba*.

* Nữ tướng soái trong truyện *Tiết Đinh San*, tên là *Phàn Lê Hoa*, được cải danh lại là *Phàn Lê Huê*.

CẢI LƯƠNG TRUẤT PHÊ HÁT BỘI:

Thời kỳ hưng thịnh của ngành hát bội bắt đầu suy tàn, kể từ năm 1932 nhiều đại ban cải lương ra đời, hát bội ngày càng thưa thớt khán giả. Cải lương xuất xứ từ miền Nam, nhưng đồng bào ở Bắc cũng am tường cải lương nhờ đoàn hát *Kim Thoa* của Ông *Huỳnh Thủ Trung* tự Tư Chơi diễn thường trực tại rạp Quảng Lạc. Vừa là kép hát kiêm soạn giả và là một người thâm nho, nhưng lại là đệ tử của ma men mà cũng là môn đệ của phù dung tiên nữ. Ông được người đời nhắc nhở qua lời nói đầy ý nghĩa. Số là, khi được tin nghệ sĩ Tư Út qua đời tại xứ Chùa Tháp (Cao Miên) trong khi đi lưu diễn, Ông Tư Chơi than: “*Những thằng đáng chết, trời không cho chết, lại chết chi thằng đáng sống lâu!*”. Từ thời đoàn hát Kim Thoa đổ về sau, nhiều đoàn cải lương lần lượt ra đời.

Bảng hiệu *Huỳnh Kỳ* một đoàn hát lớn sáng lập bởi Bạch Công Tử là *Phước Georges* với cô đào danh tiếng là *Trương Phụng Hảo* tức cô *Bảy Phùng Há*. Lớn thuyền thì lớn sóng và bạo phát thì bạo tàn, Huỳnh Kỳ rã, Phùng Há ra đi...

Đạp gai phải lấy gai mà gỡ, thua keo này ta bày keo khác, Ông Phước Georges lại cho ra đời một đoàn hát mới, chọn bảng hiệu “*Huỳnh Kỳ Tái Sanh*” và đào chánh lúc bấy giờ là cô Sáu Ngọc Sương, nhưng rồi đoàn hát cũng mai một và chủ nhân của nó cũng thân tàn ma dại, tài sản tiêu tan với nghiệp “*Làm Bầu*”!

Lúc bấy giờ bà Phùng Há mới thành lập đoàn cải lương mang bảng hiệu *Phụng Hảo* mà giám đốc bảo trợ tài chánh là Kỹ Sư *Nguyễn Bửu*, nhưng rồi cũng đi vào quỹ đạo sụp đổ! Vì yêu nghề bà Phùng Há nhứt định giữ vững bảng hiệu, người có đủ điều kiện về tài chánh để yểm trợ đoàn hát là một nhà doanh nghiệp có cơ sở chăn nuôi gần sân bay Tân Sơn Nhứt, nhưng chuyện đời không khi nào có hai mà không có ba? Cuộc chia ly lại diễn ra!

Đại ban *Phước Cường* chào đời với Cô *Năm Phi*, một nữ nghệ sĩ ưu tú của làng cải lương Nam Bộ, kế tiếp đoàn *Quốc Gia Kịch Đoàn* được thành lập với sự bảo trợ của Chánh Phủ, nhưng rồi cũng èo uột.

Nữ nghệ sĩ tài danh Năm Phi sinh trưởng trong một gia đình mà hầu hết đều là nghệ sĩ sân khấu, riêng Bà được coi như bậc Thầy của nghề ca hát. Thời tiền bán Thế Kỷ XX trong khi đi lưu diễn tại Pháp, Năm Phi đóng vai Bàng Quý Phi một cách xuất thần, làm cho một nữ khán giả người Pháp phải sụt sùi rơi lệ và đa số đều phải lấy khăn tay ra lau nước mắt! Thật chẳng hổ danh là mang chuông đi đánh xứ người! Bà Năm Phi cũng đã được ân thưởng nhiều huy chương. (Cụ Công có đàn con là quý ông bà: Thành, Danh, Toại, Phi (Cô Năm Phi), Chí, Nam (Cô Bảy Nam), Nhi, Bia, Truyền, Đạt và Đê)

Tưởng cũng cần phải vinh danh nữ nghệ sĩ lão thành Phùng Há, một thiên tài của cải lương, trong đời đi hát của Bà, bà được ân thưởng thật nhiều huy chương kể cả của Nam Triều. Có thể nói Bà Phùng Há là người trường thọ hơn hết trong giới nghệ sĩ trong làng hia mả Việt nam.

Việt Kịch Năm Châu với Giám Đốc *Nguyễn Thành Châu*, kép hát kiêm soạn giả hữu danh, với nhiều võ hát đáng ghi nhớ như: * *Vó Ngựa Truy Phong*, * *Chàng Đi Theo Nước* đã chứng tỏ tài diễn xuất của danh hài Ba Vân trong vai *Thầy Ba Chà* và *Anh Quân Nhân mù chữ* mà đa tình, * *Một Tồi Tân Hôn* với đào *Ngọc Hải* xuất sắc vai cô dâu mới về nhà chồng, * *Sân Khấu Về Khuya* càng nâng cao tài nghệ của đào *Kim Cúc*, * *Khi Người Điên Biết Yêu*, chứng minh tài nghệ của kép *Tư Anh* trong vai *Phê*. Có nghệ sĩ Tư Anh được coi là rể Biên Hoà vì bà vợ cả của ông có nhà cửa gần rạp Vạn Khánh Hưng và có nghề buôn bán tại chợ Biên Hoà.

Đoàn hát *Nghề Mới Của Ngày Mai*, một bảng hiệu có tính cách lập dị mà Giám Đốc là nghệ sĩ Sáu Hải và vợ là đào chánh Bích Vân.

Là một kép hát điều luyện có trình độ văn hoá đã sáng tác ra nhiều bài ca cổ nhạc thật hay. Ông lia bỏ nghề hát theo kháng chiến, gia nhập Đệ Tam Sư Đoàn của Nguyễn Hoà Hiệp, để rồi sau đó tên tuổi của Sáu Hải không còn được nhắc đến!

Giám Đốc đoàn hát Tiên Hoá là Ông Trương Gia Kỳ Sanh tức Cựu Dân Biểu Trúc Viên, chính nhờ xuất thân từ đoàn hát này mà tên tuổi của Út Trà Ôn trở nên Đệ Nhứt Danh Ca...

Đoàn hát Thuý Nga chào đời tại rạp Nguyễn Văn Hảo để trình diễn vở tuồng loại hương xa “*Khi hoa anh đào nở*”, nghệ sĩ Thành Được nổi bậc trong vai tráng sĩ Phù tang Tô Điền Sơn và bắt đầu từ đó trở về sau, tên tuổi của Ông được nhiều người mến mộ.

Đoàn Thủ Đô của Ông Bầu Ba Bàng kiêm Giám đốc hãng đĩa nhựa Tri Âm nổi tiếng với vở tuồng “*Chiếc Áo Ân Tình*” mà kép độc Hoàng Giang có cơ hội thi thố tài nghệ tuyệt vời.

Chẳng lẽ suốt đời cứ mãi là nghệ sĩ công nhân, ÚT TRÀ ÔN cũng tranh thủ lập gánh hát mang bằng hiệu Kim Thanh mà khán giả giàu trí nhớ không bao giờ quên câu ca dao trên các tờ chương trình quảng cáo: “*Bà ơi! Tôi nói nhỏ mấy lời, Kim Thanh nó hát hay quá Trời, bà ơi*”

Tưởng chừng như hát xướng có mời dễ hốt bạc, Ông Nguyễn Văn Lợi kế toán viên hàng thuốc lá MITAC cũng đệ đơn xin nghỉ việc để thành lập đoàn hát *Trâm Vàng*, Ông có hôn danh là bầu Ba Số Năm, vì chiếc xe ô tô mà Ông thường sử dụng mang bằng số 555. Chính nhờ ở đoàn này mà tên tuổi của đào *Lệ Thuý* được nhiều người biết đến.

Đoàn *Mộng Vân* của bầu Ba Tẹt, một giám đốc hào hoa phong nhã, một mình quản lý hai đoàn hát, điều khiển hai phòng: Phòng nhất thì do đào *Kim Anh* quảng xuyên; còn phòng nhì thì do đào *Nguyệt Yến*, từng nổi danh trong vai “*Nữ thần trong động lửa*” phụ trách. Đạo ấy, nếu ai có dịp vào hậu trường của các nhà hát tại Sài Gòn đều thấy trên vách tường ghi câu ca dao châm biếm sau đây:

“*Trên đời chắc hết đàn ông, Cho nên Nguyệt Yến giựt chồng Kim Anh*”

Đoàn *Dạ Lý Hương* của Bầu Xuân với kép *Hùng Cường* sáng chói qua các thể điệu tân cổ giao duyên, đào *Hồng Nga* với làn hơi ngọt ngào và nữ nghệ sĩ *Bạch Tuyết* rất xuất sắc trong bất cứ một vai tuồng nào, nên được đa số khán giả ái mộ, ngoài ra còn được các ký giả kịch trường tặng cho danh hiệu “*Cái Lương Chi Bảo*”.

Đoàn *Hương Mùa Thu* của Soạn giả Thu An, Giám Đốc và vợ là đào Thu Hương cũng gây được nhiều tiếng vang trong giới cải lương.

Đoàn *Việt Hùng-Minh Chí* ra đời chẳng được bao lâu rồi cũng rã, cả hai hiện nay đều hoá ra người thiên cổ, nhưng tên tuổi của *Minh Chí* còn sống mãi với thời gian, vì lúc sinh thời Ông ca bản xàng xê rất hay, nên có biệt danh “*Vua xàng xê*”.

Giám Đốc đoàn *Hoài Dung-Hoài Mỹ* là Ông Huỳnh Văn Phước, một thể tháo gia, từng là Thủ môn của đội bóng đá A.J.S và cũng là tác giả nổi tiếng của vở hát xã hội tựa *Tướng Cướp Bạch Hải Đường* được đa số khán giả mến chuộng.

Đoàn Thanh Minh-Thanh Nga của bà Bầu Thơ với một ê kíp soạn giả tên tuổi như: Hà Triều- Hoa Phượng, Nguyễn Phương và Ngọc Diệp (Biên Hoà) v.v... và đào kép gạo cội như: Năm Nghĩa, Hữu Phước, Thành Được, Việt Hùng, Hoàng Giang, Ngọc Giàu, Ngọc Nuôi, Út Bạch lan, đặc biệt đào *Thanh Nga* ngây thơ và duyên dáng trong vai *Sơn Nữ Phà Ca* đã thốt ra câu than thân tủi phận: “*Ngày mai đám cưới người ta, có sao Sơn Nữ Phà ca lại buồn*”?



Thời con gái, độc thân, Thanh Nga đã được nhiều cặp mắt xanh để ý, có lần cô đã tuyên bố trên mặt báo chí rằng: *“Ai đó có thương em thì rán đợi, một vài năm nữa mới nên duyên”*, nhưng rồi định mệnh ác nghiệt như lời người xưa đã nói: *“Mỹ nhân tự cổ, như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu”* (Từ xưa đến nay, người con gái đẹp chẳng khác nào một tướng tài giỏi, ít có ai sống đến bạc đầu cả)!

Sau biến cố lịch sử năm 1975, cô đào khả ái đã bị muru sát và lia trần, để lại cho đời biết bao nhiêu là lưu luyến mến tiếc!

Theo dõi cuộc hành trình nghệ thuật cải lương, ngày nay với cái tuổi lão niên, ôn lại những tuồng tích mà tôi đã được xem qua, có nhiều vở hát thật hay, nhưng phải thành thật thú nhận, tâm đắc nhất theo ý tôi là vở *“Một Đêm Trăng Trong Vườn Thượng Uyển”* do đoàn Kim Chương trình diễn, nội dung sơ lược như sau: Vua Cha băng hà, không có Hoàng Thái Tử để kế vị, triều đình đành phải chọn Công Chúa làm vua. Một hôm Nữ Vương cải dạng nam trang để đi săn bắn, bán lộ gặp phải hai nữ cường san cướp đảng chặn đánh, đoàn quân hộ tống thua chạy, may thay trong lúc ấy có một tráng sĩ đến kịp, đánh bắt bọn cướp và giải thoát cho người bị nạn. Khi được hỏi tên họ thì được biết ông ta tên Mạc Kinh Đường, sứ giả một nước lân cận, vâng lệnh Vua sang cầu hôn Nữ Hoàng. Riêng người bị nạn thì giấu biệt tông tích không cho biết mình là Vua, rồi vì thời gian có hạn, tráng sĩ kiêu từ để lên đường đến kinh thành. Bọn quan quân quay lại xin nhà Vua tha tội cho hai tên cướp. Vỡ lẽ hai tên cướp biết mình đã xúc phạm đến long nhan, quỳ lạy xin tha tội chết. Nữ Vương cho bình thân và phán: *“Hai người không có tội, ta đây mới là kẻ có tội vì ta làm Vua mà ta bắt công, không chu toàn nhiệm vụ để cho dân nghèo, dân đói, lỗi ấy tại Ta”*. Rồi chẳng những Bà tha tội cho hai can nhân mà còn thu dụng làm tầy tướng.

Quý hoá thay lòng nhân hậu và độ lượng của một bà Vua trẻ, biết lấy đức để mà chặn dân, trị nước, khác hẳn với luật pháp ngày nay còn nhiều kẽ hở, thường thì *“ngược đãi bỏ câu mà bênh vực lũ quạ!”*

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, nhìn lại chặng đường nghệ thuật ca hát, thử đếm trên đầu ngón tay đến giờ này sinh hoạt văn nghệ còn được bao nhiêu đoàn hát? Cải lương ngày nay cũng đồng chung số phận với hát bội ngày nào. Không một mạnh thường quân nào dám xuất vốn ra để lập gánh hát? Nhà hát thì khan hiếm, soạn giả thì lưa thưa, sáng tác phẩm thì chỉ viết theo lối *“đo ni đóng giày”*; diễn viên xưa lớp thì già yếu, lớp thì giải nghệ tìm một công việc thích đáng để sinh sống, thỉnh thoảng trên màn ảnh nhỏ chỉ thấy trình bày những nhạc cảnh, những trích đoạn.

Bi quan mà dự đoán, nếu cứ cái đà này sớm muộn gì những bài bản tổ của cải lương cũng sẽ bị thất truyền? Thực tế cho thấy theo luật đào thải, sân khấu hiện nay dành cho *kịch nói, tân nhạc và phim ảnh*.

Tiếc thay cho nghệ thuật cầm ca, không phải một ngày một bữa mà hoàn thiện, hoàn mỹ, phải khổ công tập luyện giọng ca đến khản hơi, rát cổ, nắn nốt từng cung đàn đến rướm máu năm đầu ngón tay, cốt chỉ để phụng sự cho nghệ thuật, để làm vui cho đời mà còn bị đời khinh rẻ!

Cách đây vài năm, để trả lời về một cuộc phỏng vấn hỏi lý do nào mà nhạc sĩ Châu Kỳ đã sáng tác ra bản nhạc *“Giọt lệ đài trang”* thì được Ông trả lời rằng: *“Ngày xưa tại kinh thành Huế, Ông đã bị một tiểu thư đài các mắng toạt vào mặt cho Ông là phường “xướng ca vô loại”*; nhưng rồi cuộc đời dâu bể, vài năm sau Ông gặp lại người đàn bà ấy đang sống lang thang, lếch thếch, không tiền, không bạc, không gia cư nhất định, Ông dốc cạn túi để giúp bà ấy một món tiền nhỏ, biểu lộ tính cao thượng của nghệ sĩ với lòng từ bi, bác ái mà không có tính cách vụ lợi...

Công tâm mà nhận xét, trong bất cứ mọi sinh hoạt nào cũng cần đến văn nghệ ca hát, đại để như ngày xưa trước giờ xổ số Kiến Thiết, quý bạn đã từng nghe ca sĩ Trần Văn Trạch, cũng là soạn giả bài ca bắt hủ này, hát những câu như: *“Mua sò quốc gia giúp đồng bào ta, ấy là thiên chức của người Việt Nam...”*



Ca hát còn là phương tiện quảng cáo đại để như xưa kia chúng ta đã từng nghe đài phát thanh giới thiệu một loại rượu bổ hiệu con mèo nguyên văn như: “*Mời quý Ngài hãy uống luôn luôn rượu con mèo hiệu DUBONNET, DU DUBON, DUBONNET*”.

Từ anh đi cày, chị đi cấy cũng hò cũng hát, cũng ca ngâm để quên những nỗi nhọc nhằn, vất vả trong lao động cho đến những anh tân binh, lính mới tò te trên đường đi tập huấn luyện trở về trại cũng ca vang tiếng nhạc quân hành.

Phái đoàn đi thăm viếng để uỷ lạo chiến sĩ tại các tiền đồn hẻo lánh, thường có văn nghệ sĩ cùng tháp tùng để ca hát giúp vui, yểm trợ tinh thần hăng say chiến đấu của binh sĩ.

Trước những cuộc duyệt binh, những trận cầu thi đấu quốc tế, nhạc quốc thiều xen lẫn quốc ca trọng thể. Tại Pháp cơ quan SIDACTION một tổ chức quyên tiền cứu giúp bệnh nhân AIDS (SIDA) mỗi khi tổ chức đều cần sự hỗ trợ của ca vũ nhạc để cuộc lạc quyên được kết quả mỹ mãn.

Rồi đến những đêm dạ hội trình diễn thời trang, những cuộc thi hoa hậu áo dài Việt Nam, thi hoa hậu về sắc đẹp phụ nữ cũng tới cần đến văn nghệ ca hát mới thu hút được đa số khán giả.

Một M.C (Master of Ceremony) tên tuổi ở Mỹ đã nói: “*Một thành phố mà thiếu vắng ca nhạc là một thành phố chết!*”

Được biết nữ tài tử điện ảnh của Ý là Lolobrigida và nam tài tử Gérald Dépardieu và Johnny Haliday cũng đã được chính phủ Pháp ban tặng ân Tứ Huân Chương “*Bắc Đẩu Bội Tinh*” là loại huy chương cao quý nhất của nước Pháp (*Chevalier de la Légion d'honneur*).

Xưa kia, có một hôm thiên hạ đổ xô nhau ra bến tàu để chực chờ đón rước một yếu nhân nào đó. Ai cũng đinh ninh người được danh dự có thể là hai vợ chồng nhà bác học Marie Curie, nhưng sau cùng vỡ lẽ ra mới biết chỉ vì ái mộ nghệ sĩ, dân chúng đến đây để chực chờ nghênh đón danh tài Charlie Chaplin tức vua hề Charlot!

Cựu Tổng Thống Pháp qua đời ngày 08-01-1996, đêm 10-01-1996 có hơn 30 000 người tụ họp tại công trường Bastille để làm lễ truy điệu, dịp này nữ ca sĩ lừng danh Barbara được vinh dự hát một bản nhạc trầm buồn để tưởng nhớ đến người quá cố trước sự bùi ngùi xúc động của nhiều người.

Nhân lễ tuyên thệ nhậm chức của Tổng Thống Barack Obama, một người da màu lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ đã đắc cử Tổng Thống, tối hôm 24-12-2008 hàng triệu người họp mặt tại Hoa Thịnh Đốn để tham dự lễ đăng quang, nhân dịp này nữ hoàng nhạc Rock là Artha Franklin vinh dự được trình bày quốc ca của Mỹ.

Ngân áy bằng cơ chứng tỏ cụ thể ca nhạc rất cần thiết trong đời sống văn minh hiện đại.

Liên hệ đến quê hương xứ bời, chúng ta vô cùng hớn hởi và rất tự hào mà được biết trong kho tàng văn hoá Việt Nam, sử sách vẫn còn vinh danh bốn bậc danh tài của Biên Hoà - Đồng Nai:

*Đồng Nai có bốn rồng vàng,
Lộc hoạ, Sĩ phú, Sang đàn, Nghĩ thi”*

Qua những sự kiện trình bày trên cho thấy lời thoả mạ vu vơ vô căn cứ cho rằng “*Xương Ca Vô Loại*” là một câu nói vô ý thức và đã lỗi thời, đi ngược lại với trào lưu tiến bộ của nhân loại, cần phải được loại trừ. Người nghệ nhân chân chính chỉ biết đem tài nghệ cá nhân của mình ra phụng sự quần chúng, để có một giọng ca điêu luyện họ phải dày công tập luyện khàn hơi rất cố và để có một tiếng đàn hay, nhiều khi phải chảy máu năm đầu ngón tay. Họ xứng đáng được đề cao và được biểu dương hơn là bị khinh rẻ.



Hương Tình Xứ Bưởi

Thơ Vĩnh Liêm

Nhạc Nguyễn Nhật Tân

Nhẹ nhàng - tha thiết

The musical score is written on ten staves of a grand staff (treble clef). The lyrics are written below the notes. The music is in 4/4 time and features a melody that is soft and expressive. The lyrics describe a scene of a woman in a garden, with a focus on the scent of flowers and the beauty of the landscape.

Em xứ Bưởi Biên Hoà thời thơ mộng Ngát hương
thơm hoa bưởi lúc Xuân về Anh nhủ thăm người tình nhỏ anh
mê Bờ mồi mộng hương thơm mùi hoa bưởi Người tình
nhỏ đáng thanh tân ngày cười Mái tóc huyền vừa phủ kín bờ
vai Nụ cười tươi làm thao thức đêm ngày Như sóc
nhỏ đùa vui ngày nắng ấm la la la la la la la la lá là
la... Ôi ngây ngát hương tình yêu sâu đậm
Em Biên Hoà người xứ bưởi anh thương Vì yêu em anh phải vượt trùng
đương Về Bình Trước cùng dong thuyền hóng gió
Tình yêu lớn nên con thuyền chở nặng Hai trái tim đang bốc lửa tình

HƯƠNG TÌNH XỨ BƯỜI (page 2)

Thơ Vĩnh Liêm / Nhạc Nguyễn Nhật Tân

The image shows a musical score for the song 'Hương Tình Xứ Bưởi' (page 2). It consists of ten staves of music in a single system, each with a treble clef and a key signature of one flat (B-flat). The lyrics are written in Vietnamese and are placed below the corresponding musical notes. The score includes various musical notations such as notes, rests, and bar lines. The lyrics are: yêu Vi yêu em anh gắng sức nuông chiều Thề trọn kiếp làm người tình lý tưởng la la la lá la là la Em xứ Bưởi tình yêu em sáng tỏ Như trăng rằm tháng bảy Lễ Vu lan Vi tình yêu anh chẳng ngại gian nan Nguyễn bù đắp những tháng ngày trống vắng Tình xứ Bưởi hai tâm hồn một hương Chuyển lửa về làm sưởi ấm quê hương Tay trong tay cùng thắt chặt tình thương Ngày hội lớn mình mỉm cười mãi nguyện Em Biên Hoà người xứ Bưởi anh thương Em Biên Hoà người xứ Bưởi anh thương. The score ends with a double bar line and the word 'fine' above it. In the bottom right corner, there is a date: 'Sydney-Australia Oct 24th 2009'.

yêu Vi yêu em anh gắng sức nuông chiều

Thề trọn kiếp làm người tình lý tưởng la la la lá la là la

Em xứ Bưởi tình yêu em sáng tỏ Như trăng

rằm tháng bảy Lễ Vu lan Vi tình yêu anh chẳng ngại gian

nan Nguyễn bù đắp những tháng ngày trống vắng Tình xứ

Bưởi hai tâm hồn một hương Chuyển lửa về làm sưởi ấm quê

hương Tay trong tay cùng thắt chặt tình thương Ngày hội

lớn mình mỉm cười mãi nguyện Em Biên Hoà người xứ Bưởi anh

thương Em Biên Hoà người xứ Bưởi anh thương

fine

Sydney-Australia Oct 24th 2009

Trữ Lòng Thương Ai

Thơ Thế Nhân
Nhạc Bằng Giang

Chậm vừa



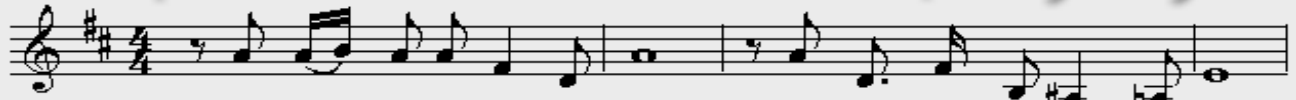
Năm mười năm xa cách bỗng nhớ trời thu xưa



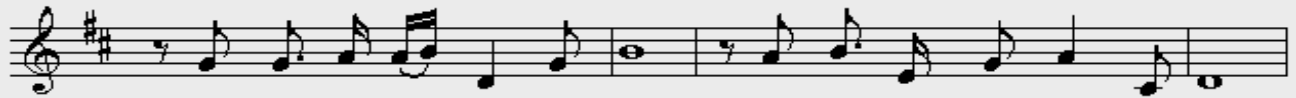
Hương Kỷ Niệm

Thơ Hoàng Anh Nguyệt
Nhạc Bằng Giang

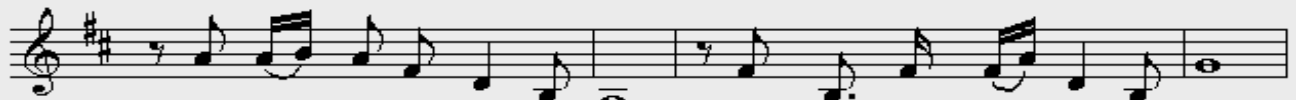
Chậm



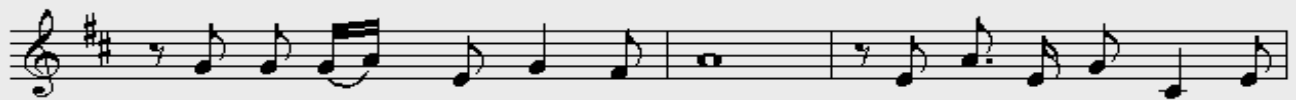
Em nhớ anh nên em làm thơ sắc màu kỷ niệm tuổi mộng mơ



trong thơ em gói niềm thương nhớ em nghĩ rằng anh mãi đợi chờ



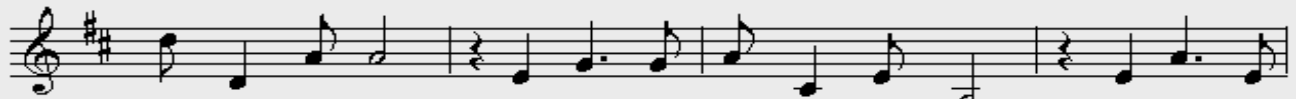
xa cách bao năm mơ hội ngộ mong cùng sánh bước dệt vần thơ



đơn hoa kết mộng duyên tình thắm chờ mãi vẫn thơ rụng lá



thu chẳng biết rồi đây đến bao giờ duyên tình tươi



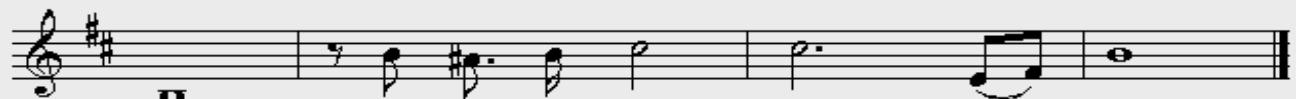
thắm tựa trong mơ trời xanh hoa bướm tình xuân mộng hai kẻ tâm



đầu dệt ý thơ yêu nhau tha thiết giữ gìn nhau



tình ngát hương trinh tự thưở nào cố giữ trong lòng hương kỷ



niệm cho tình đẹp mãi đến ngàn sau

Người Có Kịp Về Mùa Lá Đỏ

Thơ Vương Hồng Ngọc

Nhạc Lmst2009

The musical score is written in 4/4 time and consists of ten staves of music. The lyrics are written below the notes. The score includes various musical notations such as treble clefs, time signatures, and triplets. The lyrics are as follows:

Thu lại trở về rồi đó anh! Ngoài
hiên nắng đã rất mong manh Chiều buông sương vội rồi tan mất Ngày thả nắng tàn
bươm gót nhanh Dăm chiếc lá xanh còn lưu luyến Không
màng thay áo tiến mùa đi Ôm lòng giữ mãi màu xanh biếc Chần chừ cho
cũng biệt lý Mấy vẫn ngàn năm phiêu du mãi Lá cứ từng mùa lại bỏ
đi Hàng cây đứng đợi sầu khô khốc Hồn Thu làm mãi những phân
ly Người có kịp về mùa lá đỏ Cùng em đi nhặt lá vàng
rơi Gói tròn kỷ niệm tròn mộng ước Giữ lại Thu vàng kéo phai
phôi Thu ước Giữ lại Thu vàng kéo phai phôi

Copyright by Lmst2009/Vương Hồng Ngọc

Lưu Bút Ngày Xanh

Thơ Võ Thị Túy
Nhạc L.M.P. 2009

Flow C G7 Em F F#dim Em A7
Lưu bút ngày xưa kỷ niệm đây Tình thân bạn cũ hãy còn đây

Dm Em D7 G7
Ngày ngó ghi vội đôi dòng chữ đây ấp yêu thương mỗi phút giây

C G7 C Em F A7 Dm
Tuổi ngọc chúng mình tuổi mộng mơ Vô tư chưa biết hẹn đợi chờ

F F#dim G7 C F C C7
Tim non chỉ viết vần thơ nhỏ ép cánh hoa tình nhớ vẫn vương Rồi

F C Am Dm G7
Mùa Phượng đến ta từ biệt Hẹn sẽ về sau mấy tháng hè Cánh

F F#dim D7 G7 C B7
hoa còn ép trong trang sách Áo trắng ngỡ đâu biệt lối về Chinh

Em B7 Em
chiến rền vang trên khắp nẻo Ngô Quyền còn đó bóng ai đâu? Kẻ

Am D D7 G7 C F
đi sương gió người lưu biệt Để nước Đồng Nai bỗng gợn sầu

C7 F Em Dm G7 C Em
Ngô Quyền còn đó người đâu nữa? Ta đứng chiều nay giữa bến sông

Dm Fm G7 C Em
Ơn gió thổi lay cánh phượng vĩ Bụi bay vào mắt bỗng cay nồng

Am F Am G F G7 C Em
Biển Hoá ơi chiều nay nhớ quá! Lưu bút ngày xanh gởi chút tình

Am G7 Fm G7 C
Mưa gió của đời chưa qua hết Riêng mình giữ lại tấm lòng son

TRÚC TIÊN NỮ SĨ

Lâm Sông Đông
(Houston, Texas. USA)

Trúc Tiên là bút hiệu của Bà *Đào Trúc Tiên*, (người con gái lớn của Danh Nhân *Đào Tấn* (*Ông Cụ* nổi tiếng sáng tác và chỉ dạy trình diễn hơn 40 pho tuồng hát bội xuất sắc và hàng ngàn bài thơ, từ, tản văn, liễn, đối, đầy ý nghĩa, làm quan Thượng Thư ba lần dưới triều Vua Tự Đức (1847-1883) và Thành Thái (1888-1905)). Dưới thời phong kiến Bà không được ra thi cử, nhưng được sự chỉ dạy và giáo huấn của Cụ *Đào Tấn*, Bà có một nền học vấn uyên thâm, đặc biệt giỏi về tuồng và thi ca.

Thi sĩ *Đình Hùng*, đầu Xuân Ất Tỵ 1965, kính tặng *Trúc Tiên Nữ Sĩ* bài thơ thay lời chúc mừng Tân Niên, như sau:

*Trúc mấy lần xuân, dáng vẫn thanh,
Vườn Tiên ý gió cũng tâm thành.
Chập chờn diễm sử, hoa lòng bóng,
Phảng phất tiên thân, bướm lẫn hình.
Mái tóc Song Mây, trời điểm bạc,
Làn mi Bến Ngự núi pha xanh.
Nguồn Đào ước cũ hương còn ngát?
Nét chữ băng khuâng, giấy chuyển mình.*

Thi sĩ *Đình Hùng* đối với Bà là một người bạn thơ rất tri âm chân thành. Những áng thơ văn hay của hai vị tài nhân đã giúp cho các thế hệ về sau được thưởng lãm và học hỏi. Xin mời Quý Vị đọc đôi dòng thơ của *Trúc Tiên*, trích từ “*Sông Vân Thi Thảo*”.

CẢM KHÁI

1

*Trời thu mát dịu nước thu xanh,
Hương ngát vườn trăng gió động cành.
Quân tử giai nhân câu cảm tú,
Vàng son còn hẹn chuyển tha sinh.*

2

*Bóng câu khe cửa thoáng bay qua
Mời đó bình minh đã ác tà,
Lạc cánh chim Quyên vàng nguyệt xế,
Vỡ vàng tơ liễu giọt sương sa.*

3

*Vườn Ngự, Oanh bay tự thưở nào?
Mặt hồ cảm khái ánh trăng sao,
Giấc xuân chưa tỉnh nghiêng bình ngọc,
Gió lộng rèm châu lạnh gối đào.*

4

*Trông lớp mây vẫn chiếc nhận xa,
Sườn non vừa lặn bóng dương tà,
Hoa trôi lơ lững trên dòng suối,
Mấy độ xuân về, mấy độ qua.*

5

*Cánh mộng hương quan hẹn núi sông,
Thuyền dương ngã ngọn ngọn hồ trong,
Giấc mơ Trang Tử nương hồn bướm,
Tiếc đoá hoa xưa nhạt vẽ hồng!*

6

*Dĩ vãng mơ hồ chạnh nhớ ai,
Dòng sông xào xạc sóng ly hoài,
Non xanh ấp ủ duyên chờ đợi,
Sương tuyết nghìn thu không lạt phai!*

7

*Bến vắng thuyền ai đã gác chèo,
Bơ vơ lữ khách bóng chiều hiu,
Không gian nín thở hồn hoa nghẹn,
Khói sóng vô tình cũng tịch liêu.*

8

*Tuyết phủ ngàn non vắng bóng chim,
Bến chiều ông Lái ngọn chèo im.
Băng khuâng lối cũ hương thiên lý,
Sông nước nằm say ánh nắng chìm.*

9

Mặt nước trong veo chói bóng trời,
Đầu non mưa bụi sắc chiều tươi.
Hồ xanh như sóng nàng Tây Tử,
Trang điểm hồn nhiên hé nụ cười.

10

Suối tóc buông dài sóng dợn mây,
Vẻ non xa thăm nét cong mây,
Mắt trong thu thủy ngưng dòng lệ,
Nếp áo tương tư dáng liễu gầy.

11

Hoa rơi nước chảy thây vô tình,
Dòng suối xuân reo giọt thủy tinh.
Núi biếc mây ngàn mơ viễn xứ,
Đường về ngô trúc bóng trắng chênh.

12

Chiều thu chưa nhạt chuyện ban sơ,
Gió thoảng mây qua mộng đợi chờ,
Thỏ bạc ác vàng, người mỗi nẻo,
Vườn tiên chim hót dưới trăng mơ.

13

Trời khuya bát ngát bến Ngân Giang,
Cách biệt mà kinh khúc đoạn trường,
Ai đứng Quảng-Hàn đêm lạnh suốt!
Ai người nhân thế có tâm thương?

14

Bến nước hoàng hôn sóng ngậm ngùi,
Con thuyền vô định giữa ngàn khơi,
Sương thu vàng nhuộm màu cây cỏ,
Một mảnh trăng thề ai rẽ đôi?

15

Thuyền lan mừng tượng giác đêm thanh,
Trăng nước chia ly cuộc tiến hành,
Cát chén quan hà say ước cũ,
Sóng Tùng réo rắc bước tùng chinh.

16

Trong mơ tiễn bạn lại gia hương,
Sắc nguyệt lồng mây cỏ dẫm sương,
Trên đá ba sinh ngủi chuyện cũ,
Ly đình mượn chén dưới thủy dương.

17

Sông gôi bờ lau mái đoản đình,
Trường Giang lai láng xiết bao tình,
Trăng in bến lạ người muôn dặm,
Tĩnh giác còn kinh khúc Thượng trình.

18

Gang tác muôn trùng bóng cỏ nhân,
Suối mơ hồn liễu lạnh ngày xuân,
Ngàn mai tổng biệt sương đầy áo,
Người tới sông Tương kẻ lại Tần!

19

Trăng tròn trăng khuyết mây thu dư,
Chuồn chén trà lan nhắc chuyện xưa,
Những tấm khăn hồng hương nhẹ thoảng,
Những lời châu ngọc dệt bài thơ.

20

Lốp lốp nhưng rêu phủ dấu giày,
Chiều thu man mác gió trôi mây,
Xác xơ cành liễu sâu ai héo?
Hay khách chương đài đã đổi thay?

21

Thi nhân ai thả lá bên dòng?
Nét bút Lan đình ý tuyết trong.
Ảo ảnh nguồn Đào ngăn cửa động,
Nghìn sau hò hẹn hội tao phùng.

22

Phảng phất hồn hoa gợi ý thơ,
Trang đài cửa mốc nhện giăng tơ.
Thiên Thai tuyết lạnh sâu cô tịch,
Lưu Nguyễn vô tình lạc lối xưa.

23

Hương thề còn ngát chiếc trâm xưa,
Gợi lại chiều thu gió trong mưa,
Thêm lạnh hồn ai khi tựa áng,
Vội khi bàng bạc dưới trăng đưa.

24

Lối cũ đường xưa vạn dặm dài,
Mây dầy che phủ ánh sao mai,
Nguyệt cầm réo rắc cung thương nhớ,
Cánh bướm thề lương mộng ngọc đài.

Trúc Tiên Nữ Sĩ đã để lại cho con cháu rất nhiều bài văn thơ Hán Việt. Thơ văn của Bà cũng đã được Thi sĩ Đinh Hùng trân trọng đề thơ qua bài:

Kính Tặng Trúc Tiên Nữ Sĩ

*Vườn Trúc, tay Tiên mở cánh Đào
Trời nghiêng mình xuống, đất dâng cao
Tin Xuân chợt thức lòng trang giấy
Gót bướm, Hồn Thơ động chốn nào?*

Ngày Thi sĩ Đinh Hùng mệnh chung, Bà rất đau buồn. Mất đi một thi hữu, “*Dục tương cố huyền cảm, hận vô tri âm hương*” làm thơ mà không có người bình thường, thì câu thơ của mình không biết ưu khuyết điểm như chỗ nào; bài thơ cũng hoá ra vô vị, Bà đã viết một bài văn thơ kính điệu: *Cảm Niệm Cố Thi Sĩ Đinh Hùng*, chúng tôi xin được trích vài đoạn, sau đây:

“.....*Đọc lại những tác phẩm của Thi sĩ Đinh Hùng, một nhà thơ đặc sắc phong phú, mới cũ điều hoà, nhẹ nhàng và đẹp, mà cũng có nhiều chỗ cầu kỳ. Chẳng những thi phẩm tình cảm mà thôi, còn có những bài Hùng Ca tặng chiến sĩ chiến thắng rất dũng mãnh kiêu hùng là khác.*

Nhắc lại cố Thi sĩ Đinh Hùng là nhắc lại một người nhã nhặn, trầm tĩnh, khiêm tốn, chân thành và khí khái, không khoe khoan, không tự đắc. Gia đình nhà thơ đạm bạc lắm, mà không che giấu sự nghèo, tuy nhiên quen biết với tôi đã lâu, không than phiền một điều gì hoặc sách vấn yêu cầu một điều gì về mức sống sinh hoạt cả. Những lúc gặp, tôi chỉ đàm luận không ngoài câu thơ, câu phú, thực cũng đáng là quân tử.

Đối với tôi là một người bạn thơ tri âm chân thành, những bài thơ hoặc bài dịch của tôi là thi sĩ điểm chuyết phân tách từng chữ từng ý thật đúng với tác giả, lời bình thường thì nhẹ nhàng và trân trọng. Mặc dầu kính mến tôi vào bực tiên sinh, nhưng vẫn bình dị và thực tình. Đến ngày nay, Thi sĩ từ trần thật bất ngờ, vì Thi sĩ còn ít tuổi.”...“Nhân đây xin có mấy vần thơ kính điệu (làm ngày 19 tháng 7 Đinh Mùi, Thu, thứ Năm 24/8/1967)”:

*Mây nước bơ thờ cảnh sắc thu
Hương hồn siêu thoát bước tiên du.
Vần thơ cảm tú còn tươi chữ
Nét hoạ đơn thanh chưa nhạt màu.
Tâm Bút ngậm ngùi niềm hạnh ngộ
Tao Đàn man mác khúc Lương Châu
Gió thu tiễn gót người thiên cổ
Thi hữu Đinh Hùng; nhận mấy câu.*

*Gió thu vĩnh biệt khách thi nhân
Mái tóc chưa pha sớm lạnh trần
Phong độ ung dung gìn nét cũ
Văn chương uyển chuyển hợp thời tân
Tha hương tâm sự pho tình sử
Cổ lý đề hồi giác mộng xuân
Âm hưởng Tao Đàn còn phảng phất
Hồn thơ sông núi vọng xa gần*

*Đốt nén tâm hương ngỏ nỗi niềm
Bài thơ thi hữu dấu còn nguyên
Thu sang vận điệu chưa hoà nhịp
Bạn đã ngàn thu giấc mộng im.*

Thi sĩ Đinh Hùng và Nữ Sĩ Trúc Tiên nay không còn nữa. “*Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha cũng bẻ cây đàn*”...còn chăng hôm nay và ngày sau nguồn thơ và hồn thơ của hai vị mãi mãi luôn được đời ghi nhớ.

Chiều Bầu Lâm

Thương tặng Phong Trần,
đầu bếp quán Thanh Sơn 2-Bà Rịa

Phong Lan, hoa rừng nở
Bầu Lâm chiều lặng im
Suối nổi niềm thổn thức
U hoài anh nhớ em!

Thương em, người vợ trẻ
Cùng năm đứa con khờ
Trước ngưỡng đời đời mới
Sống cảnh tình bơ vơ

Miền Tự Do sụp đổ
Đất trời đầy tai ương
Thân chim lồng cá chậu
Anh chỉ còn tình thương

Chiều về trong nhung nhớ
Trước cảnh vật vô thường
Ôm một trời tâm sự
Trữ nặng lòng cô đơn

Mây có tình lành đạm
Chẳng cho nhả nổi niềm
Hoàng hôn dần rơi rụng
Anh chìm trong bóng đêm!

Thế Nhân (Trại Bầu Lâm ngày 25-8-76)

Hay Còn Chút Đỉnh?

Thương gửi Thế Nhân

Hôm nay mình đã già rồi
Đừng bay bướm nữa, mình ngồi lại đây
Nhìn con khôn lớn mỗi ngày

Mình vui nhân nghĩa, mình say tình đời
Anh còn bận rộn nữa thôi?
Tinh giang hồ... vẫn thuộc thời xa xưa
Hôm nay dứt hết là vừa
Đừng yêu vớ vẩn mà thừa thớt buồn
Mái đầu tóc đã điểm sương
Qua gương trên trán mấy đường già nua
Anh còn mấy mối tình thừa ?
Cắt đi anh, kịp tiền đưa về ngàn

Sao anh cứ mãi buông khuâng
Hay còn chút đỉnh... nợ nần chi đây!?!

Phong Trần

Xin Làm Sao Sáng

Thương tặng Phong Trần,

Nếu!

Anh chìm trong bóng đêm
Em cầu xin Thượng Đế
Cho em làm sao sáng
Cho em làm trắng thanh
Để mãi mãi cùng anh
Không bao giờ ngăn cách

Trong thân giao cách cảm
Ta vẫn quấn quýt nhau
Hương yêu vẫn ngọt ngào
Tình ta nay tạm biệt
Để thắm thiết ngày mai

Đêm đen dẫu có dài
Bình minh vẫn phải đến
Trong nắng hồng yêu mến
Em, anh bước hoan ca
Hẹn ngày ấy không xa

Anh về, vui anh nhé!

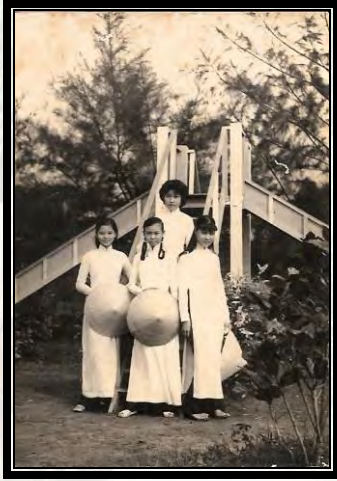
Phong Trần (Biên Hoà, ngày 25-10-76)

Yêu Mãi Còn Yêu

Thương gửi Phong Trần
Lòng ta rục rủa tình nồng - Càng yêu càng thấy bập bùng lửa yêu

Bao nhiêu tuổi ... bảo già rồi!?
Chỉ riêng em nghĩ...thôi... người tình chung
Phân ta cảm thấy trẻ trung
Đời hoa bướm mộng - cõi lòng tơ vương
Thấy Thu đẹp... cúc vàng sân
Ngắm Xuân tươi mát... láng láng ý đời
Nhìn sen... biết Hạ đang chờ
Cùng Đông... nhẹ bước bên bờ tuyết sương
Nhớ khi... quán gió bên đường
Ta yêu cô ả đường hương lữ làng
Ta yêu trong giấc mơ màng
Và yêu say đắm mấy hàng liễu xanh
Ta yêu bóng nắng qua màn
Yêu Lan, yêu Lưu, yêu Chanh, yêu Đào
Lời yêu trao chuốt ngọt ngào
Gửi người tri kỷ trăng sao hẹn hò...
Ta xin em... hãy hiểu cho
Kiếp tầmnên phải nhả lời tơ vương

Thế Nhân



THỜI HOA MỘNG

*Trời xanh đầy mơ ước
Sách vở màu trinh nguyên
Thướt tha tà áo lụa
Tuổi hoa mộng thần tiên*

*Tóc bồng trong gió
Phủ bờ vai thon gầy
Thoảng mùi hương hoa bưởi
Má hồng nụ thơ ngây*

*Áo trắng niêm vô tư
Nét bút dệt mộng dài
Trời xuân lòng phơi phới
Chưa nghĩ chuyện tương lai*

*Ôi! Đời vui biết mấy
Thầy bạn tình mến thương
Chắt chiu từng kỷ niệm
Lưu bút quãng đời hương*

*Áo trắng giờ đã xa
Trường Ngô Quyền Biên Hoà
Nhớ mãi màu phượng đỏ
Kỷ ức tháng ngày qua*

*Thử ăy em mười lăm
Anh trao cánh thư hồng
Thẹn thùng... không dám nhận
Má ửng... lòng băng khuâng*

Hoàng Ánh Nguyệt
(San Jose, California. USA)





PHỐ CŨ CHIỀU XUÂN

Em qua phố cũ chiều xuân ấy
Lòng chợt băng khuâng thấy nhớ người
Quanh đây hoa lá bình hương sắc
Không hẹn mà như ...ngóng đợi ai?

Chỉ nói yêu thương trọn tâm lòng
Trời ơi! Nghe âm cả mùa đông
Ôm ấp trong tim từng kỷ niệm
Hạnh phúc dâng tràn, anh biết không?

Hôm nay thiên hạ đón xuân sang
Rộn rã hồn em oanh hát vang
Sông nước hữu tình mai nở rộ
Phương trời em đợi bóng tình quân

Nếu anh đếm được các vì sao
Thì hiểu tình em đến thế nào
Em cố viết nên trang sử đẹp
Tình ái duyên thơ thắm sắc màu

Em hằng mơ ước mãi bên anh
Như hình với bóng suốt năm canh
Tình em chan chứa niềm chung thủy
Hoa mộng ân tình dưới ánh trăng

Đã nguyện yêu nhau đến trọn đời
Tình ta đẹp quá – Hỡi anh ơi!
Mơ đêm huyền diệu ru nhau ngủ
Những giấc thân tiên giữa cuộc đời.

Thơ Hoàng Ánh Nguyệt
(San Jose, California. USA)



QUỲNH HƯƠNG MÙA CŨ

Những mùa thu cũ đẹp vô cùng
Cái thuở vào yêu rộn sắc hương
Tuổi mộng thêu mơ hoài phong nhụy
Ngắm Quỳnh Hoa nở lúc về đêm

Người ngồi, tôi đứng tựa sau lưng
Cái thuở trinh nguyên lắm thẹn thùng
Suối tóc vờn bay chiều gió lộng
Vương sợi tơ lòng quện nhớ thương

Là lúc Quỳnh Hoa đã bắt đầu
Đài hoa xoè táng nhụy giương cung
Buồm trương lăm tằm vì sao nở
Là lúc mơ màng chuyện thủy chung

Tôi chàng đối ẩm tách trà sen
Tình tứ làm sao anh với em
Ném bỏ buồn vui thiên hạ sự
Chỉ còn cô đọng chuyện Quỳnh Hương

Rồi bỗng một ngày lúc chớm thu
Khói lửa trời quê toả mịt mù
Giữa lúc Quỳnh Hoa đang rộ nở
Chàng buồn vội vã khoác chinh y

Từ đó hai phương trời xa cách
Nhạn buồn trời vắng biếng đưa tin
Quỳnh Hoa năm tháng phai hương nhụy
Tình lỡ tôi đành già biệt anh

Tôi tưởng chuyện lòng đã chôn chặt
Nào ngờ khi gió sớm thu sang
Quỳnh Hoa lại nở trong tâm tưởng
Tan nát cõi lòng chốn viễn phương



HÀ NỘI HOÀI HƯƠNG

*Từ giả người về thăm chốn xưa
Hà Nội ơi! nỗi nhớ khôn vơi
Nửa mảnh hồn đau đời ly biệt
Tìm thuở nào sớm nắng chiều mưa*

*Sơn Tây dừng bước-kiếp phiêu bồng
Xứ Đoài sương khói buồn mênh mông
Hỏi người góc phố, giờ xa lạ
Hỏi người năm cũ có nhớ không?*

*Hồ Gươm soi bóng hồn ta đó
Dáng ngọc lên hương ngát mộng đầu
Trần Quốc chuông ngân trời cổ lũy
Hà Nội ơi! Nỗi nhớ niềm đau*

*Người về ta gửi hồn viễn xứ
Trăm mảnh đời tan mộng nhạt màu
Hồng Hà nước bạc chiều mưa bụi
Dòng lệ Tây Hồ mãi nhớ nhau*

Lâm Sông Đồng

HÀ NỘI HOÀI MONG

*Giã biệt Tây Thành, xa cố hương
Còn đâu Ba Mươi Sáu Phố Phường
Ngàn năm văn vật mờ sương khói
Hà Nội từ đây, cách dặm trường*

*Thăng Long hoài cổ, hồn lưu lạc
Hoàn Kiếm buồn vương, bóng Qui thần
Một cuộc phé hưng trời mộng ảo
Chuông chùa Trấn Quốc mãi sâu ngân*

*Ly tán đời trôi giạt bốn phương
Trầm luân chốn cũ những đoạn trường
Về đâu vó ngựa trời Vạn Kiếp
Bạch Đằng vang tiếng Hưng Đạo Vương*

*Người về mang cả trời mộng ước
Lựa mống mây trôi nhớ một thời
Em gái sông Hồng làn tóc mượt
Hồ Gươm liễu rủ ánh trăng rơi*

Lâm Sông Đồng



COMING HOME, GEORGIA

*Georgia
Windy night
Snow flaking
Dimmed street lights*

*Walking back home
Like a stranger
Fresh air cold
Memories flow....*

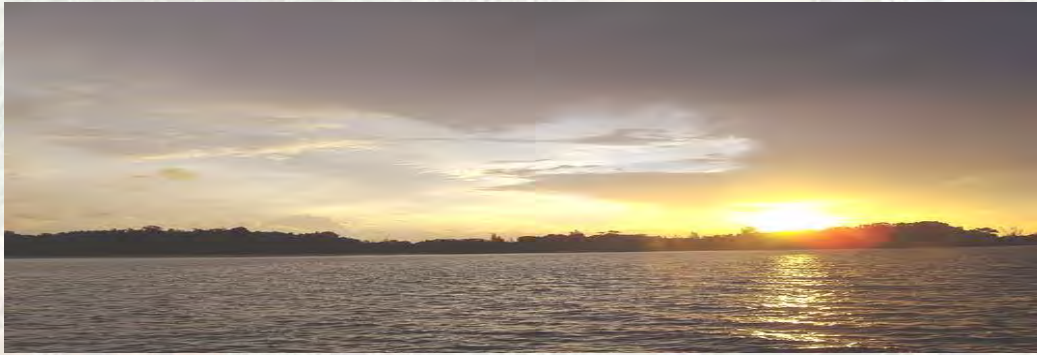
*Georgia! Georgia!
The memories fill with love
Native farmers
Blood and sweat soil rich
Sweet peaches from Southerners*

*Georgia! Georgia!
So blooming flowers
Atlanta sun shines
Her blue eyes and fresh lavender
Oh! My sweet heart
Forget not
Tender kisses forever*

*Georgia! Georgia!
Coming back home
Gone so long and tired
Oh! My tearful eyes
I see the touchable welcome light*

*Welcome home
I love Georgia
Home sweet home!*

Lâm Sông Đồng



*Kính tặng:
Bùi Ngọc Tuyết - Tân Ba, Biên Hoà
(Một nữ Giáo Sư đã tự quyết sinh trước sự đàn áp của Cộng Sản)*

TA VẪN CHỜ EM
(Trường thơ mới: Tam Bát)

*Gió mùa sang
Sông Đông gợn sóng, chiều vàng mênh mông
Ta đứng bên sông
Thầm gọi tình nhân*

*Xua người đi
Thuyền đời sóng vỗ xuân thì tàn phai
Ta vẫn mong ai
Gió mùa còn đây*

*Ôm vòng tay
Hương hoa buổi thoáng, nắng say tóc huyền
Chiều bước công viên
Niềm vui triền miên*

*Sao tình duyên
Chỉ hồng ai cắt, xô nghiêng đôi đời
Xa cách ngàn khơi
Một trời thương đau*

*Gió mùa sau
Xin đem lối cũ đường vào tình xưa
Hai đứa bên nhau
Đời nào ấm êm*

*Ta chờ thêm
Dù bao mưa nắng qua thềm thời gian
Ta vẫn thương em
Ta vẫn chờ em*

Lâm Sông Đông

Thơ

Xuân Buồn

*Xuân về bóng nhạt vọng âm thừa
Tết đến còn đâu nữa cảnh xưa
Đất khách mơ màng hoa tuyết lượn
Quê người thơ thẩn gió mưa đùa
Hương xưa muốn có không ai bán
Trầm cũ đâu còn lại muốn mua
Thân ở nơi này hồn có xứ
Xuân buồn giăng kín giọt mưa thưa*

Vương Hồng Ngọc

Quà Gửi Mùa Xuân

*Thắt chiếc nơ bằng sợi tơ trăm tuổi
Đặt tim lên phiến mây biếc tháng Giêng
Xanh hy vọng mượt mà vuông lụa mới
Gói kèm theo một chút nụ cười em*

*Gửi trái tim với tấm lòng ngọc thạch
Xin mùa Xuân mở bằng nắng vàng trong
Tim yêu thở hương đời qua trang sách
Vẫn thiết tha từ những ước mơ hồng*

*Viết câu thơ bằng mực tình cô tích
Để vào tim gửi mừng tuổi mùa Xuân
Trái tim yêu đã ướp hương huyền thoại
Xuân nhận về nhớ giữ ấm trăm năm*

Vương Hồng Ngọc



Tết Chặng Giao Thừa

*Bao xuân qua Tết chặng giao thừa
Ngoài trời sương gió rào rào mưa
Cõi lòng tro lạnh tàn hương lửa
Rưng rức u hoài nhớ chốn xưa!*

*Bao năm vắng bóng trời xuân mộng
Ra đi từ độ đò sơn hà
Nặng không còn vui xuân đất khách
Pháo hồng vắng tiếng chốn quê xa!!*

*Ta nghe đau xót đời phiêu lãng
Thương mãi trời Nam, nhớ núi sông
Một thuở nào xuân vang khúc hát
Vạn tiếng cười vui giữa phố đông!*

*Xuân lạc phương nào ai biết không
Mà sao xuân biệt cõi lưu vong?
Trong ta Tết nhạt tình Nguyên Đán
Lệ dâng tràn mi, chẳng rượu nồng!*

*Mẹ ơi xin đốt thêm nhiều lửa
Để Tết trời xa bớt lạnh lòng
Thấy rõ đường đi không lạc lối:
Giữ lòng thắm mãi nghĩa kiên trung!*

Hàn Thiên Lương





HƯƠNG TÌNH XỨ BƯỞI

Thơ Vĩnh Liêm

(Virginia, USA)

(Thương tặng Nghĩa Hoà)

*Em xứ Bưởi Biên Hoà thơ mộng
Ngát hương thơm hoa Bưởi lúc Xuân về
Anh nhủ thầm: Người tình nhỏ anh mê
Bờ môi mộng, hương thơm mùi hoa Bưởi*

*Người tình nhỏ, dáng thanh tân ngày cười
Mái tóc huyền vừa phủ kín bờ vai
Nụ cười tươi làm thao thức đêm dài
Như sóc nhỏ đùa vui ngày nắng ấm*

*Ôi! Ngây ngất hương tình yêu sâu đậm
Em Biên Hoà - người xứ Bưởi anh thương
Vì yêu em, anh phải vượt trùng dương
Về Bình Trước cùng dong thuyền hóng gió*

*Em xứ Bưởi tình yêu sáng tỏ
Như trăng Rằm tháng Bảy - Lễ Vu Lan
Vì tình yêu anh chẳng ngại gian nan
Nguyện bù đắp những tháng ngày trống vắng*

*Tình yêu lớn nên con thuyền chở nặng
Hai trái tim đang bốc lửa tình yêu
Vì yêu em, anh gắng sức nuông chiều
Thề trọn kiếp làm người tình lý tưởng*

*Tình xứ Bưởi, hai tâm hồn một hướng
Chuyến lửa về làm sưởi ấm quê hương
Tay trong tay cùng thắt chặt tình thương
Ngày hội lớn mình mỉm cười mãn nguyện*

MÙA HOA BƯỞI

Thơ Đào Văn Bình

(trích tập thơ *Tổ Ấm Cuối Cùng*
xuất bản năm 1987.USA)

*Anh đi qua làng em
Mùa bông Bưởi tươi thêm
Em xin anh hãy đợi
Em rửa đôi chân mềm*

*Anh tàn ngần đứng đó
Ngất vội cánh hoa ngâu
Trên mặt hồ gương phủ
Em ngây thơ cúi đầu*

*Nước xanh cho mắt biếc
Bài hát tự nơi đâu
Như lời ai tình tự
Tha thiết mãi bên nhau*

*Em bước bên bờ ngõ
Anh chẳng dám quay sang
Con đê dài sóng vỗ
Chạy theo dải lúa vàng*

*Làng em xinh thế đó
Bác mẹ anh có qua
Đừng đi đông người nhé
Em sợ không dám ra*

*Tình ta trời cho đẹp
Như ruộng lúa nướng dâu
Em vun cho tươi thắm
Anh thương em nhiệm màu*



Thơ

Thy Lệ Trang Nguyễn Thị Cúc
(Agawam, Massachusetts. USA)

M A XUÂN NH B N

Chưa m t l n gặp l i
Đ v nh bi t muôn đ i
L i t t chưa n i
Đ v i v ng chia phôi

THƯỜNG HO I...NG Y XUA...

Tôi mu n v thăm l i vư n xưa
Thăm d ng sông b nh hi n hoà
C b ng lãng nghiêng m nh trong n ng
L p l nh ch m hoa t m đơn sơ

Tôi mu n đư c ng i th t l ng yên
Bên th m nh c gi a m n đêm
Đ nghe thoang tho ng m i hoa bư i
M ng m i hương m i t c m m

Tôi mu n t m v nh ng đêm mưa
Ng i nghe Ba k chuy n ng y xưa
T đ ...n ng ti u thư quý ph i...
Yêu ch ng trai ngh o kh h c tr ...

Tôi mu n đư c nh n l i nh trắng
C a th i m i l n- mư i lã
Ngư i đ n r i đi như gi nh
Đ n a v ng trắng kh c l ng th m

Mư i b y năm sau tôi tr l i
Nh c ,vư n xưa đ i kh c r i
D ng sông thơ u không c n a
Trăng bu n lơ l ng...b ng đơn côi...

Hương bư i ch c n trong n i nh
L i Ba nhò nh t gi a đêm mơ
Đ th y gi t bu n rưng kho m t
Đ THƯỜNG HO I...hai ti ng ...NG Y XUA...

Thương v Ba tôi - v d ng sông tu i thơ
v ngôi nh thân yêu

Ng y hay tin b n m t
Mây t m bu n rưng rưng
Hai phương tr i c ch bi t
Ôi ti c nh vô c ng

Ng y xưa m nh chung bư c
M n n ng c ng chia đôi
T ly c phê nh
Đ n bu n riêng tư

B n th n th ng, nh t nh t
S ng m t đ i hi n ngoan
Nuôi m gi b nh ho n
Chưa m t l n than van

B n mơ th t nh nhoi
Đư c tr th nh cô gi o
Nhưng m ng u c không th nh
Su t môt đ i l n đ n

V n bi t đ i ph du
Ngh a g đầu c n-m t
V n bi t đ i vô thư ng
M sao tôi v n kh c

Mùa Xuân trên đ t M
Nh b n hi n thi t tha
Nh nh ngl n l Ph t
NAM MÔ A DI Đ

Nh v ngư i b n đ m t
TRƯƠNG TH DUNG
(Hãng D u – Biên Hoà)



Thơ

Tưởng Dung

(Lawndale, California. USA)

NGÀY ĐẦU NĂM

*Ngày đầu một năm
giờ tờ lịch mới
lòng như lá rơi
chờ cơn bão nổi!*

*Ngày qua nắng vội
đời qua mấy mùa
tình xanh mấy thuở
dạ còn ngẩn ngơ!*

*Rót đây tim cạn
sốt tràn lòng vui
đếm thời gian tới
nghe dòng đời trôi...*

*Chia nhau hơi thở
chung nhau men nồng
quên trần gian khó
nhớ thiên đường hồng*

*Cho em buổi sáng
có anh bên mình
Cho em buổi tối
mãi là bình minh*

*Ngày đầu một năm
xin qua thật chậm
như khi anh nắm
tay em vào Xuân!*

BÀI HOAN CA VÔ TẬN

*Tình như nắng xôn xao ngoài khung cửa,
Len lỏi vào từng khe hở đời nhau
Và cứ thế người dịu dàng, êm ái
Toả trong ta nghìn sợi nắng ngọt ngào!*

*Tình như gió miên man đùa trên tóc
Tóc gió vờn đâu biết lúc nào ngoi?
Người đã đến nồng nàn như hơi thở
Thổi vào tim ta nỗi nhớ không rời!*

*Tình như tiếng suối reo bên gành vắng
Buổi trưa hè man mác ru tình ta
Người đã đến cùng nhau chung cõi mộng
Giấc thần tiên, tìm lại tuổi ngọc nga*

*Tình như những cơn mưa dầm tưới mát
Khoảng đời rong rêu héo, úa, khô, tàn...
Người đã tắm cùng ta, ngày mưa cũ
Có nghe miền cỏ nhớ dậy hân hoan?*

*Tình như sóng cuộn dâng ngoài biển lớn
Sóng bạc đầu, sóng có biết vì đâu?
Ta dạt dào, trôi nổi với tình sâu
Vì sớm biết yêu suốt đời...không đủ.*

*Tình cứ đến, cứ như chồng vỡ cũ,
Mở từng trang là từng chữ... yêu người.
Cho ta viết bài hoan ca vô tận,
Cho người về nhớ mãi phút thanh xuân!*



HẸN EM MỘT THUỞ TÀN CHINH CHIẾN

*Lần cuối gặp em lúc Lập Đông
Đòn anh đóng mãi tận Bình Long
Thân trai chinh chiến đâu ai biết
Em ở Biên Hoà mãi ngóng trông*

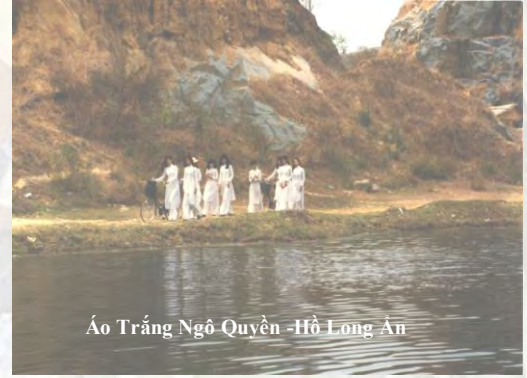
*Dứt áo thư sinh vào đời lính
Tạm gác tình yêu chuyện chúng mình
“Em ơi, mai một tàn chinh chiến
Hứa sẽ về em trọn cuộc tình”*

*Đã lâu rồi không được thư anh,
Đọc lá tình thư “tổng biệt hành”
Anh đi sương gió nơi chiến tuyến
Để mắt môi chờ nhạt tuổi xanh*

*Sông vẫn nước ròng rồi nước lớn
Bến xưa vẫn kẻ đợi mong người
Sương sa nắng gội phương trời đó
Chàng hãy bình yên với nụ cười*

*Nhìn nét chữ anh em nhớ quá
Là những yêu thương lúc tạ từ
Chỉ biết nguyện cầu người chinh chiến
“Mọi chuyện anh lành, nhớ viết thư”*

*Tháng Ba rồi hết tháng Tư sang
Mà lời mòn xưa chẳng thấy chàng
Chinh nhân tự cổ ai nào hứa
Ngày về khi đất nước vinh quang*



Áo Trắng Ngô Quyền - Hồ Long An

LƯU BÚT NGÀY XANH

*Lưu bút ngày xưa kỷ niệm đây,
Tình thân bạn cũ hãy còn đây!
Ngây ngô ghi vội đôi dòng chữ
Đây ấp yêu thương mỗi phút giây*

*Tuổi ngọc chúng mình thuở mộng mơ
Vô tư chưa biết hẹn đợi chờ
Tim non chỉ viết vắn thơ nhỏ
Ép cánh hoa tình nhớ vẫn vơ!*

*Rồi mùa phượng đến ta từ biệt
Hẹn sẽ về sau mấy tháng hè!
Cánh hoa còn ép trong trang sách
Áo trắng ngỡ đâu biệt lối về!*

*Chinh chiến rền vang trên khắp nẻo
Ngô Quyền còn đó, bóng ai đâu?
Kẻ đi sương gió, người lưu biệt
Để nước Đồng Nai bỗng gợn sầu*

*Ngô Quyền còn đó, người đâu nữa?
Ta đứng chiều nay giữa bến sông
Con gió thổi lay cành phượng vĩ
Bụi bay vào mắt bỗng cay nồng!*

*Biên Hoà ơi, chiều nay nhớ quá!
Lưu bút ngày xanh gọi chút tình
Mưa gió của đời chưa qua hết
Riêng mình giữ lại tấm lòng trinh*

Võ Thị Tuyết
(La Verne, California. USA)



BIÊN HOÀ NGÀY XƯA

*Tôi trở về đây vào cuối Thu
Phi trường còn đó, gió vi vu
Rừng cao su nắng xuyên cành lá
Đất đỏ hôm nào thấm giọt mưa*

*Lốp lốp áo bay chàng chiến binh
Cánh bằng lướt gió vượt màn đêm
Xa xa cánh én tung tăng lượn
Vội vã về xem buổi chiếu phim*

*Rạp hát lộ thiên giữa bóng đêm
Ra vào tấp nập kẻ đi xem
Giờ đây rạp hát còn đâu nữa?
Chỉ thấy hoang tàn cảnh ngả nghiêng*

*Căn cứ Không Quân thuở hôm nào?
Tình trần vương vấn ngút ngàn sao
Vườn Mít ngày xưa gần Cổng Một
Rẽ Ngã Ba Thành đến Cổng Hai*

*Ngô Quyền sân nắng gió đong đưa
Vành nón ai nghiêng rợp bóng dừa
Phượng vĩ bên thềm đang nở rộ
Ve sầu dạo lại khúc Hè xưa*

*Đồng Nai buồn vương sóng lao xao
Gợi lại cho tôi buổi hôm nào
Tung tăng sánh bước trên hè phố
Rộn rã tiếng cười tuổi trắng sao*

*Hôm nay cũng vào buổi cuối Thu
Chợt buồn xao xuyên nhớ bến mơ
Nhớ mùa Thu tím vào năm đó
Gom lá Thu vàng nhạt lá khô*

*Cảnh cũ người xưa theo áng mây
Tha hương mang kiếp sống lưu đầy
Quê nhà tắc dạ, lòng nhung nhớ
Chỉ biết thì thầm chuyện đó đây....*

Biên Hoà ơi!

*Nói sao cho vơi lòng luyến tiếc
Đành lìa xa, căn cứ với phi trường
Mơ ngày mai nắng ấm có hương
Về cố quốc, mừng vui tái ngộ!!!*

*Nhớ lại những ngày thơ sống trong trại
Mạc Kinh Dung Phi Trường Biên Hoà (1954-1964)*

Lê Kim Oanh
(Alexandria, Virginia. USA)



VỀ MÁI TRƯỜNG XƯA

*Xa xôi hơn nửa quả Địa Cầu
Vùng trời kỷ niệm dấu theo nhau
Mái trường rêu độ phong sương ấy
Áo trắng Ngô Quyền phát phối bay*

*Bao nhiêu kỷ niệm, lúc chia tay
Ngậm ngùi thương nhớ dáng hao gầy
Ngày xưa chân sáo tung tăng nhảy
Bây giờ bạc trắng tóc heo may*

*Hắt hiu trở lại mái trường xưa
Nhìn sao xa lạ, thật không ngờ
Hàng cây phượng đỏ còn đâu nữa?
Chỉ thấy mơ màng dấu chân xưa*

*Tôi bước lần theo quán bên trường
Thần thờ ghi lại chút tư vương
Nhớ thầy, nhớ bạn thời thơ ấu
Nhớ buổi tan trường dưới bóng mưa*

*Thôi thế đành xa, cách biệt xa
Phượng trời, thương nhớ khó phai pha
Khó cầm giọt lệ vương mi mắt
Nhìn lại dư âm, bỗng nhạt nhoà*

**Một chút nhớ về thời Áo Trắng
NQ 5**

Thơ

Lê Kim Oanh
(Alexandria, Virginia, USA)

BƯỚM HOA VÀ MÙA XUÂN

*Bướm hoa thân mật tỏ tình
Mừng Xuân pháo nổ lung linh mai vàng
Trên cao én lượn từng đàn
Áo vàng em mặc anh càng ngẩn ngơ*

*Bướm hoa thân mật trao thơ
Mừng Xuân, hoa lá đợi chờ nắng hanh
Trao nhau những nụ Xuân tình
Long lanh ánh mắt, tim anh bồi hồi*

*Bướm hoa thân mật đùa vui
Xuân nay em bước theo người miền xa
Bỏ anh những buổi chiều tà
Nhìn mây lơ lửng, nhạt nhoà màu hoa*

*Bướm hoa, tan tác tình ta
Ai người hẹn ngọc cho ta ngậm ngùi
Ngày xưa mình ước có đôi
Ngày nay hai ngã chia phôi túi sầu*

*Tha hương nào có vui đâu?
Xuân miền viễn xứ, nỗi sầu khó quên
Tặng nhau một bản tình buồn
Đường tơ chưa dứt, lệ tuôn thành dòng*

*Nhạc lòng theo gió bèo bồng
Bướm hoa giờ đã nghìn trùng cách xa...*





Biên Hoà Nhớ Thương

Minh Lương Trương Minh Sung

Nhớ nơi sanh trưởng Biên Hoà
Quê hương yêu mến thiết tha đời đời!
Nhớ Cù Lao Phố xanh tươi
Bưởi ngon - cô gái mỉm cười đẹp xinh

Nhớ ngày hội họp cúng đình
Dân làng đóng góp quê mình mến yêu
Nhớ vui họp bạn thả diều
Đồng Nai tắm mát, mỗi chiều lội bơi

Nhớ hồ Long Ẩn thanh thoi
Bửu Phong chùa cổ - khắp nơi nhớ về
Nhớ vườn cây trái sum sê
Tân Triều bưởi ổi... tình quê ngọt ngào

Nhớ chùa Đại Giác thuở nào
Lưu danh sử sách - biết bao lòng thành!
Nhớ sao kỷ niệm cầu Gành
Chợ Đồn đầu cá hấp hành thật ngon!

Nhớ cầu Rạch Cát héo hon
Thướt tha tà áo, gót son nhịp đều
Nhớ ngôi trường cũ mến yêu
Nguyễn Du tiểu học - có nhiều bạn thân.

Nhớ lăm ngôi đình Tân Lâm ...
Ngô Quyền trung học góp phần hiển vinh!
Nhớ thương những bậc anh linh
Xả thân giúp nước - quên mình vì dân.
Nhớ hoài các bậc tiền nhân...!

Nếu có thể

Lê Kim Oanh

Nếu có thể, tôi trở về nơi ấy
Tìm lại ngày thơ ấu thuở mộng mơ
Vườn rau thưa, khóm trúc đứng thân thờ
Nhà ngói đỏ, ngày xưa tôi đã lớn

Nếu có thể, tôi tung tăng khắp chốn
Gót chân chim trở lại mái trường xưa
Bao dấu yêu, ôm ấp mấy cho vừa
Màu kỷ niệm, dạt dào hoen mắt lệ

Nếu có thể, bên dòng sông gió nhẹ
Gió thì thảo, quỳn quỳn sóng Đồng Nai
Nước trong veo, lơ lửng mái tranh nghèo
Cù Lao Phố, nơi có nhiều vườn bưởi

Nếu có thể, tôi làm thơ thêu dệt
Viết thật nhiều, những kỷ niệm xa xưa
Thuở học trò, và lứa tuổi ngây thơ
Tà áo trắng tung bay lùa trong gió

Bao dấu yêu, chắt cho đầy nhưng nhớ
Nhớ Ngô Quyền, và nhóm bạn thân thương
Nhớ thầy, cô ra sức dạy tận tường
Nhớ lớp học, từng cầu thang chân sáo

Nếu có thể, mang tôi về kỷ niệm
Sáng thứ Hai mặc áo lụa thiên thanh
Nón nghiêng nghiêng, làn tóc gió xôn xao
Trên vành áo, nhớ gắn hình phù hiệu

Bà giám thị đứng ngay đường chỉ bảo
Trò nào quên thì phải phạt ghi tên.
Không được mang giày cao quá năm phân
Và phải bước, những bước son nhè nhẹ

Rồi Hè tan, Thu tới, tiết Đông sang
Và Tết đến, xôn xao ngày Đại Hội
Nào bích báo, họp đoàn ca và nhạc
Thiệp chúc Xuân, chợ Tết bán tung bùng

Mang hài thêu, quần áo đẹp du Xuân
Hạt dưa đỏ, làm vành môi nhuộm thắm
Ôi! biết bao kỷ niệm xưa đậm ám
Đã qua rồi thời yêu dấu xa xưa

Biết bao giờ trở lại tuổi ngây thơ
Thời gian tựa con thoi, xoay vần mãi



BÀI CHO NGƯỜI EM NHỎ

Nguyễn Văn Tý Nạn

*Rồi một mai khi em vào lớp học
Nhìn bản đồ thế giới rộng thênh thang
Em có thấy cuối miền Đông Châu Á
Dây đất lạnh hình chữ S uốn cong?*

*Anh muốn kể em nghe dòng lịch sử
Bốn ngàn năm văn hiến đã vang danh
Để mai này nhớ người nào có hỏi
Em trả lời cũng có một quê hương*

*Em đến trường với thầy cô chúng bạn
Họ tự hào về xứ sở văn minh
Em có thấy một niềm đau tủi nhục
Nhỏ xuống hồn từng giọt lệ long lanh*

*Em không thể là người vô tổ quốc
Vì em còn tiếng nói lẫn màu da
Dừng sống nhờ trên tháp ngà hưởng thụ
Hãy quay đầu tưởng nhớ đến quê cha*

*Cuộc đời anh đã hơn lần đau khổ
Giữa điêu tàn đổ nát cuộc phân tranh
Anh lớn lên như một loài cây cỏ
Sống âm thầm trong thế hệ vô danh*

*Chung quanh anh là những người bạn Mỹ
Họ đến trường được giáo dục tận tâm
Anh tự hỏi vì ai mình thất học
Đeo đuổi hoài cơn ác mộng đêm đen*

*Mới hôm nào trên vô tuyến truyền hình
Họ trình bày về xứ sở quê hương
Em có thấy đồng bào đang đau khổ
Trên con đường tìm kiếm miếng cơm ăn*

*Anh bây giờ mang một niềm hy vọng
Là đồng bào đang sống ở quê hương
Không lâm than chậm tiến đời nghèo
Mau bước về thêm lục địa văn minh*

Hương Mai

Thơ Lam Điền Nguyễn Thử

*Anh kết cành mai già
Cho em người nhớ nhà
Màu hoa buồn rất lạ
Nhớ về mùa Xuân xa...*

*Anh nằm mơ...thấy cô gái hái hoa
Nên trồng trước nhà cây mai chín cánh
Tươi nước, bón phân, tưới cành uốn nhánh
Đêm lại nằm mơ...lấp lánh cánh mai vàng*

*Mai nở tung bùng mỗi độ xuân sang
Anh khai bút dưới hoa, hoa tỏa hương trong gió
Bè bạn vui đùa đầy vườn chật ngõ
Đâu ngờ ngày mai sóng gió ly tan...*

*Mười lăm năm anh biệt xứ gian nan
Cây mai buồn mười lăm năm không trở
Qua cuộc chiến núi sông còn hoăng sợ
Cuộc tang thương khốn khổ nhất trên đời*

*Anh tả toi khi trở lại vườn xưa
Bạn bè cũ còn mấy thằng trở mặt
Chỉ có nhánh mai mừng anh phơ phất
Gió như ru lá cũng hoá môi cười*

*Cầm cuốc, cầm cày đâu thiết ngày vui
Không khai bút, nhưng hoa mai cứ nở
Anh cắt nhánh mai ra ngồi giữa chợ
Chiều ba mươi, mây đỏ kín chân trời*

*Mai vàng ơi! Mai vàng ơi!
Ta lạc giữa chợ đời thời mạc kiếp
Thiếu áo, thiếu cơm ai cần hoa đẹp
Chắc thần linh cũng chẳng thiết, anh buồn*

*Đêm mù cay, tàn thuốc ném chân giường
Nghĩ nát óc thấy toi công sách vỡ
Đến quản trí thì quê hương cũng bỏ
Huống là cây mai, nhà cửa mà chi...*

*Mười năm sau anh mới quay về
Tìm đến gốc mai, giữa vườn lá mục
Người ta đã đốt mai làm củi đốt
Chỉ vì mai không nở những mùa Xuân*

*Anh lặng nhìn ngôi gạch, cỏ trên sân
Nỗi trống vắng mênh mông giao cảm
Bồng trong gió, mùi hoa mai rất đậm
Thoảng trong mờ, lấm tấm ánh vàng rơi
Mai vàng ơi!...Mai vàng ơi!..*



“MINH TÂN” TÊN MỘT NGÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hữu Hạnh
(Anaheim, California. USA)

“Trường Minh Tân mến ...bên bờ Đồng Nai..... Xa mờ Châu Thớingang lưng trời”

Bài hát được chuyển từ bản nhạc “*Chiều Mưa Biên Giới*” của cô nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông vào thập niên 60, qua theo dòng thời gian, chỉ những người thành lập hoặc từng theo học trường **Trung Học Tư Thục Minh Tân**, tỉnh Biên Hoà mới còn nhớ một vài lời ca ấy, với những kỷ niệm của trường lớp gắn liền với quê hương Biên Hoà, sông Đồng Nai, non Châu Thới và còn nhiều nữa...

Cùng với vận nước nổi trôi, Minh Tân được người chủ mới đón nhận hững hờ và tên trường đã bị xoá tên qua bao tháng ngày nắng vội. Từ tình cảm của người Biên Hoà tha hương cùng ngậm ngùi nhớ về Minh Tân chỉ còn trong trí tưởng tượng.

Trường Minh Tân, được thành lập vào đầu thập niên 60, lúc bấy giờ trường chỉ có 4 đến 5 phòng học. Trường nằm trong khu phố nhỏ của gia đình họ Trương, sát bờ sông Đồng Nai và cạnh quán Tuyết Hồng, chuyên dạy chương trình Đệ Nhất Cấp và luyện thi. Trường Minh Tân được điều hành bởi 3 vị giáo sư: **Nguyễn Tường Lưu, Nguyễn Tường Triệu và Huỳnh Bá Hạnh**. Thầy Triệu, thầy Lưu là con và cháu của nhà văn Nhất Linh.

Nói về Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, ông là nhà văn, nhà báo, một nhà chính trị. Là một trong những người tiên phong thành lập nhóm Tự Lực Văn Đoàn, ông đã tạo luồng gió mới cho nền văn học Việt Nam, với những tác phẩm nổi tiếng như *Bướm Trắng*, *Đoạn Tuyệt* và nhiều sáng tác chung với Hoàng Đạo, Thạch Lam và Khái Hưng. Là một nhà chính trị, Nhất Linh là một người có lòng với đất nước, tuy rằng con lốc chính trị đã bức tử những tác phẩm và con người của ông, nhưng định mệnh đã phải đầu hàng trước những thành quả công trình văn học của cố văn sĩ Nhất Linh.

Từ tấm lòng nhiệt huyết của nhà văn Nhất Linh, những người con, người cháu của ông đã xây dựng cho quê hương Biên Hoà một ngôi trường, trang bị kiến thức cho những người con của xứ Bùri trở thành những người có giáo dục và nên người. Đa số học sinh Minh Tân từ chợ Biên Hoà, Cù Lao Phố, Chợ Đồn, Tân Vạn và Hoà An.

Bây giờ tản lạc khắp nơi, một số “*đã bỏ trường xưa, bỏ áo thư sinh theo tiếng gọi lên đường*” đã nằm xuống cho cuộc chiến. Số còn lại ở quê hương hay tha phương, chắc chắn người muôn năm cũ luôn nhớ nụ cười tươi của thầy Hiệu trưởng Nguyễn Tường Lưu, nếu không đậu vào Ngô Quyền đã đến Minh Tân gặp thầy Lưu là không thể bỏ đi chọn trường khác. Thầy Huỳnh Bá Hạnh với cặp kính trắng, dáng người đạo mạo và nghiêm khắc, là người giữ kỷ cương cho trường lớp, ngay cả lúc thầy đứng lớp dạy Pháp văn. Thầy Nguyễn Tường Triệu phụ trách môn Quốc Văn nhiều lời cuốn qua những bài giảng minh hoạ thêm với những tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn như “*Anh phải sống*”, “*Bóng người trong sương mù*”, “*Hồn bướm mơ tiên*” v.v...Thầy Xuân vẫn ồn ào trong giờ dạy Anh Văn, Thầy Quang dạy Vạn Vật, Thầy Hưng tiếng nói không ngừng nghỉ trong lớp Toán và luôn phần luyện thi ban đêm cho Tú Tài 1 và 2. Nhất là không bao giờ quên chú Ký, người luôn kiểm soát học sinh vào giữa tháng. Giờ đây người xa và trường cũng xa, biết làm sao giữ được trường cũ tình xưa.

“Phổ Hàm Nghi đường chiều hanh hanh nắng, Ai có thương thâm áo trắng Minh Tân”

Không hạnh phúc nào hơn cho một đời người, đi học ra trường đi lính, đối diện cái chết từng ngày nơi chiến trường Chương Thiện, chiến đấu với bệnh tật và đói khát qua năm tháng tù đầy Phước Long, Cà Tum, ra xứ người còn diễm phúc gặp lại thầy cô và những người bạn học dưới mái trường ngày nào.

Trường Ngô Quyền đã cho tôi hạnh phúc ngập tràn đó, bằng những buổi họp mặt những sinh hoạt cuối tuần, hình ảnh của Thầy Cô và từng người bạn đang mang tôi về với những kỷ niệm áo trắng sân trường ngày nào. Cũng hình ảnh áo trắng sân trường với hạnh phúc lại tràn đầy hơn là còn nhắc đến “*Minh Tân*” tên một ngôi trường. “*Tha phương ngộ cố tri*” gặp lại Thầy Nguyễn Tường Lưu, Thầy Nguyễn Tường Triệu và Thầy Huỳnh Bá Hạnh vào mùa Hè 2009, tại Nam California. Mùa Hè với niềm hạnh phúc bất tận.

Tôi đã có dịp ăn cơm tối với Thầy Huỳnh Bá Hạnh cùng Thầy cô Nguyễn Tường Lưu, và những người bạn: chị Trương Lê Minh Phương, anh Ma Thành Tâm và anh Lữ Công Tâm. Chúng tôi đã dành cho Thầy Lưu một bữa cơm Bắc Kỳ: *cũng tôm cổ ngư, canh cá thì là, gà đi bộ luộc...* tại một nhà hàng ẩm cúng trên đường Bolsa.

Thầy cô Nguyễn Tường Lưu đến từ Úc, còn Thầy Huỳnh Bá Hạnh ở Nam California, nhưng đây là lần đầu tiên tôi được gặp sau hơn 40 năm. Cũng cặp mắt kiếng ấy nhưng ai đã lấy đi đáng nghiêm khắc của Thầy Hạnh ngày xưa rồi, nhà hàng không bán rượu nhưng Thầy rất vui vẻ lấy từ xách tay những chai rượu và rót cho từng đĩa học trò của Thầy. Những giây phút thân tình cảm động, giữa Thầy và trò cũng như người mến mộ lại là người đồng hương Biên Hoà, hỏi thăm Thầy Lưu về Úc châu, về Loan cô bạn học cùng lớp với tôi ở phố chợ ngày nào và cũng được biết Thầy Lưu cũng là rể của Biên Hoà. Riêng Thầy Hạnh vẫn thường xuyên dự họp mặt hằng năm với đồng hương Biên Hoà tại Nam California.

Được hỏi ý kiến về buổi hội ngộ ngày 14 tháng 6 năm 2009 của đồng hương Biên Hoà tại Nam California, Thầy Hạnh cho biết là rất vui, mong muốn luôn có những cuộc hội ngộ như thế nhưng rất tiếc không biết ông MC là ai sao nói tiếng Anh dở thế, nhưng khi biết ra chính là học trò học Pháp văn đang ngồi cạnh Thầy, Thầy Hạnh đành trách khéo rằng Thầy nói tiếng Anh cũng không hơn gì em.



Buổi họp mặt truyền thống kỳ 8 của cựu học sinh Ngô Quyền hải ngoại vào dịp lễ Độc Lập Hoa Kỳ tại nhà hàng Seafood Kingdom, tại Nam California, ngày 05 tháng 7 năm 2009, được hân hạnh tiếp đón Thầy Nguyễn Tường Lưu, Huỳnh Bá Hạnh, Nguyễn Tường Triệu và phu nhân đến từ Canada.

Điều lý thú hơn nữa, người nâng khăn sửa túi trong đời của Thầy Nguyễn Tường Triệu cũng là một cựu học sinh Ngô Quyền. Quý Thầy rất vui mừng gặp lại đồng nghiệp cũ, những học trò xưa và cùng chia sẻ tình thân “*Tôn sư trọng đạo*” sẵn có của trường Ngô Quyền. Quý Thầy tuổi tác giờ đã cao, con cái đều thành đạt nơi xứ người, điều mong ước còn lại là được gặp lại những học trò không giàu tiền bạc nhưng giàu tình nghĩa, để được đến với nhau bằng một tấm lòng. Có được nhìn ngắm lệ rung rung của Thầy Triệu, Cô Bùi Ngọc Lan mới cảm nhận được.

“*Minh Tân*” tên một ngôi trường không còn nữa theo dòng thời gian, nhưng với cựu học sinh, phụ huynh nhất là đồng hương Biên Hoà, luôn nhớ những sự đóng góp trong thời hưng thịnh của tỉnh nhà.

Cây lúa được tốt, được tươi là do công lao người chăm bón, muốn ăn trái ngọt phải có cây lành, chắc hẳn chúng ta sẽ không thể quên cây lành cũng như công lao người chăm bón.

Nếu còn được nói, xin được nói thay cho đồng hương Biên Hoà thâm lặng, lời cảm ơn đến quý Thầy của trường Minh Tân và nhắc nhở cho chính mình:

“*Ba Má cho ta thân xác, Thầy Cô cho ta tri thức*”



Giáo Sư Vũ Quốc Thúc

NHỚ ƠN THẦY XƯA

Trần Văn Trung
(Paris, France)

Là người gốc Việt Nam, được hấp thụ giáo huấn gia đình, luân lý, phong tục, dù sống nơi quê nhà hay tha phương nơi đất người, xứ lạ, vẫn nhớ mãi ơn cha nghĩa mẹ sanh thành, và công thầy dạy dỗ nơi học đường lúc thiếu thời đến tuổi trung niên. Những vị Thầy, Cô cũ từ lớp Tiểu Học đến Trung Học đã lần lượt thành người thiên cổ, hoặc bật tấm nơi xứ khác, quê người. Hiện thời, hân hạnh được biết hai vị Thầy xưa cấp Đại Học tại Sài Gòn, định cư tại Pháp, vùng Paris và Phụ Cận, thuộc tuổi cao niên thượng thọ: **Giáo Sư Vũ Quốc Thúc** và **Giáo Sư Tăng Kim Đông**. Sau khi hai Thầy đồng ý cho phép, tôi xin lược thuật thân thế, sự nghiệp, nhằm mục đích vinh danh Thầy xưa đã theo học. Ngoài ra, những bạn sinh viên cũ tại Đại Học Luật Khoa, Sài Gòn và Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, hiện lưu lạc bốn phương, cùng quý đồng hương có dịp am tường, tỏ rõ tình trạng cá nhân của hai vị, và bối cảnh lịch sử Việt Nam, sau một trăm năm qua.

I. - GIÁO SƯ VŨ QUỐC THỨC

A- Tiểu Sử:

Sinh năm 1920, tại thành phố Nam Định, Bắc Việt. Tiến Sĩ Luật, Thạc Sĩ Đại Học Kinh Tế tại Pháp. Ông hồi hương và giữ chức vụ Giám Đốc Trường Luật Hà Nội (1951–1954). Rời Bắc Việt vào Nam từ năm 1954, sau khi Hội Nghị Genève bế mạc. (Lúc đó, chính quyền quốc gia miền Nam Việt Nam với Cựu Hoàng Bảo Đại làm Quốc Trưởng và Ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng. Về sau, Ông Diệm lật đổ Chính Phủ Bảo Đại, Báng Hiến Pháp của Đệ Nhất Cộng Hoà được ban hành ngày 26 -10 -1956).

Từ 1957 đến 1963, Giáo Sư Thúc được cử giữ chức Khoa Trưởng Đại Học Luật Khoa Sài Gòn.

Khoảng thời gian từ 1954 đến 1975, Ông đảm nhiệm luôn chức Giáo Sư các Viện Đại Học Sài Gòn, Đà Lạt, và Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Nam Việt Nam.

Trước và sau biến cố tại Nam Việt Nam, năm 1975, Ông đã mưu toan vượt biên và gặp nhiều trở ngại. Cuối cùng, Ông đã di cư công khai sang Pháp và định cư tại xứ này đến ngày nay.

Từ năm 1978 đến 1988, Ông được chỉ định giữ chức Giáo Sư Đại Học Paris XII, trường sở toạ lạc tại vùng phụ cận Créteil gần Paris.

Hơn 30 nămqua, Ông Bà Giáo Sư Thúc vẫn cư ngụ tại Nanterre, ngoại ô Paris, cạnh khu thương mại ngân hàng, dịch vụ trù phú nhứt Đô Thành Paris, nước Pháp, và các con đều vinh hiển đỗ đạt .

B- Tham Chính và Biên Khảo

Ngoài công việc giảng huấn, Ông từng giữ một số chức vụ chánh trị và kinh tế trong thời kỳ 1946 đến 1975 như sau:

- Ủy Viên Hành Chính Kháng Chiến cấp Tỉnh
- Công Cán Ủy Viên Phủ Thủ Tướng Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời
- Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục
- Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia
- Cố Vấn Phủ Tổng Thống
- Phó Chủ Tịch Hội Đồng Kinh Tế Quốc Gia
- Quốc Vụ Khanh Tái Thiết và Phát Triển

Giáo Sư Thúc đã từng là tác giả một số sách và nhiều bài khảo luận về các vấn đề chánh trị, kinh tế bằng tiếng Việt và tiếng Pháp. Ông còn là đồng tác giả Phúc Trình Staley-Vũ Quốc Thúc (1961), và Phúc Trình Lilienthal-Vũ Quốc Thúc (1968).

Hai Phúc Trình Staley và Lilienthal thuật tả hai giai đoạn chính của:

- Chiến cuộc 1960-1965 do sự phản ứng của Hoa Kỳ đã áp dụng ở Việt Nam để đối phó với phe Cộng Sản, mà Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là chiêu bài nổi dậy (1960).

- Chiến lược của Hoa Kỳ, sau khi tổng công kích Tết Mậu Thân 30-31/1/1968) miền Nam vì tuyên 17 thất bại bởi Cộng Sản, một phái đoàn của Mỹ được gọi tới Sài Gòn để soạn thảo kế hoạch hậu chiến Lilienthal, trước khi tiến tới hoà đàm.

Sau biến cố 1975 và định cư tại Pháp, Ông đã thường tham dự những buổi họp do Cộng Đồng Quốc Gia Việt Nam tổ chức tại Paris, hoặc hướng dẫn phái đoàn Việt Nam Tự Do dự các buổi hội thảo tại Âu Châu. Đài truyền hình Pháp vì muốn rõ thực trạng Nam Việt Nam lúc bấy giờ đã phỏng vấn ông trên Đài và ông đã đối đáp thông thạo bằng Pháp ngữ.

C. - Xuất Bản Sách

Giáo Sư Vũ Quốc Thúc, sau thời gian 13 năm biên khảo, thâm hoạch trong cố gắng tìm hiểu thời đại của mình, vừa nhờ nhà in Bạn Văn xuất bản năm 2009 và phát hành tại Pháp, sách “*Thời Đại Của Tôi*” *Cuốn I*, “*Nhìn Lại 100 Năm Lịch Sử*”.

Với tính khiêm nhường nơi Lời Tựa, Ông đã minh xác là quyển sách này không phải là một thiên khảo luận về lịch sử Việt Nam cận đại; đồng thời, nó cũng không phải là một luận đề chánh trị học hay xã hội học .

Cuốn I gồm 400 trang, được phân tích trong 05 thời kỳ của nước Việt Nam trải qua thời gian 100 năm.

- Dưới chế độ Pháp thuộc (đầu Thế Kỷ XX đến 1939)
- Trong cuộc Thế Giới Chiến Tranh (1939-1945)
- Tranh đấu dành lại độc lập (1945-1954)
- Trong cảnh qua phân lãnh thổ (1954-1975)
- Dưới Chế Độ Cộng Sản

Sau mỗi thời kỳ gồm nhiều hay một Chương duy nhất, tác giả đã từng chứng kiến, tham gia, theo dõi, ghi chép biến chuyển của thời cuộc của mỗi thời kỳ, và đã thuật kể lịch sử mỗi giai đoạn, của thời đại Ông đã trải qua với những sự kiện, thời gian, chứng tích đích xác. Cuối mỗi phần đoạn lịch sử, tác giả đã trình bày ý kiến cá nhân hay tiểu luận.

Để kết luận, tác giả cho biết là khác hơn các sử gia khác, thường xuyên viết bài cục bộ về triều đại, thời kỳ, cá nhân, vua chúa, lãnh tụ, Ông đã cố gắng tìm hiểu và phác hoạ những nỗi thăng trầm của dân tộc Việt trong suốt Thế Kỷ XX, tức 100 năm lịch sử cận đại.

Phần cuối của Cuốn I, tác giả viết vài bài Phụ Lục, với sự tóm lược sự kiện quan trọng thuộc đầu Thế Kỷ XXI hiện tại có ảnh hưởng lớn đến tương lai nước Việt Nam, trên phương diện quốc tế như:

- Chuyến thăm chính thức Việt Nam của Chủ Tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào trong 3 ngày (31-10-05 đến 02-11-05).

- Tin nước Việt Nam được bầu làm Thành Viên Không Thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, tháng 10-2007.

- Tác giả đã góp ý, suy luận những mưu đồ của cường quốc đối với nước Việt Nam hiện nay để ngừa nguy cơ cho dân Việt.

Cuối Cuốn I “**THỜI ĐẠI CỦA TÔI**”, tác giả giới thiệu trước Cuốn II với tựa đề “**ĐỜI TÔI TRẢI QUA CÁC CUỘC THĂNG TRẦM CỦA ĐẤT NƯỚC**”. Theo Mục Lục, cuốn này gồm có 5 Hồi, mà 4 Hồi đầu tả cuộc đời tác giả qua các biến chuyển quan trọng của thời cuộc. Hồi thứ 5, từ lúc định cư ở Pháp (6-1978) đến nay, tác giả đã làm gì và nhận định thời cuộc ra sao, trước khi khỏi Cộng Sản Âu Châu tan rã và sau khi khỏi này giải thể.

D. - NHÂN XÉT DƯ LUẬN

Cộng Đồng “*Nhịp Cầu Tri Âm*”, do Đài RFI giới thiệu Cuốn I “**THỜI ĐẠI CỦA TÔI**” của Giáo Sư Vũ Quốc Thúc do Bạn Văn vừa xuất bản phát hành, nội dung như đã nói trên. Đăng tải trên Web Site ngày 21-10-2009, cộng đồng có nhận xét Cuốn I là một tác phẩm biên khảo lịch sử như tiểu tựa có ghi “*Nhìn Lại 100 Năm Lịch Sử*”, điều này không sai, nhưng cũng không hoàn toàn đúng hẳn. Rất tiếc là điều nào đúng, phần nào sai? (sự kiện lịch sử không giải thích rõ hay suy luận tác giả?). Cần nên minh xác phê bình này. Kết luận, Cộng Đồng Nhịp Cầu Tri Âm đã có nhận định là Cuốn I này là một cách nhìn mới mẻ về

lịch sử Việt Nam 100 năm qua, vì cách sưu tầm tài liệu và vì tư cách không phải là sử gia của tác giả, tạo thú vị cho người đọc.

Ngược lại, trong cuộc phỏng vấn, do Bà Ánh Nguyệt phụ trách, được đặt những câu hỏi đầy ý nghĩa được tóm lược như sau:

Hỏi: Tại sao xuất bản sách có tính cách lịch sử ?

Đáp: Với tư cách chuyên viên kinh tế, đáng lẽ chỉ nên chú trọng và nói vấn đề quản trị xí nghiệp, kinh doanh, đầu tư. Trước kia, sách chỉ nói về học thuyết kinh tế đơn thuần. Từ Thế Kỷ XVII, tại Âu Châu đã khai sinh môn học *Economie Politique* (Kinh Tế Chính Trị Học) phối hợp hai điều kiện:

- Lịch sử các học thuyết tư tưởng kinh tế.

- Lịch sử các sự kiện sinh hoạt kinh tế, chính trị quốc gia.

Do đó có sự liên hệ giữa kinh tế và chính trị. Khi bàn vấn đề kinh tế cần nói đến chính trị, chính sách quốc gia và lịch sử, đều liên quan với nhau.

Hỏi: Lịch sử cận đại trình bày hai cách khác nhau, luôn cho của mình là chính thống, trung thực, quan niệm tác giả như thế nào về lý luận 2 bên?

Đáp: Bối cảnh kinh tế khác nhau, từ bên này đến bên kia vĩ tuyến 17, trong nước và ngoài nước cũng thế. Sách Pháp, Việt, Anh cũng không nói rõ thực vấn đề này. Từ Thế Kỷ XX đến nay, lịch sử Việt Nam được trình bày rải rác trên báo chí, nếu muốn tìm hiểu rõ ràng, người V Việt Nam nào cũng hoang mang. Vì lẽ có người chống Cộng, có người bình vực Cộng Sản. Mỗi người nhìn với cặp mắt khác nhau, lại có kẻ “bóp méo, chặt bớt” sự thật lịch sử.

Cần nên đặt lịch sử trong khuôn khổ 3 chiều:

a. - Chiều dài: Không đơn lẻ, đứt đĩnh, không quá dài 1000 năm, mà chỉ chọn 100 năm: Thế Kỷ XX, Thế Chiến, hậu bán Thế Kỷ XX đưa đến hậu quả lịch sử.

b.- Chiều rộng: Nhiều vị bàn về lịch sử đặt trong khuôn khổ Việt Nam, chỉ là phiến diện. Chuyện Việt Nam mật thiết liên hệ đến địa lý, chánh trị hoàn cầu, nếu muốn hiểu rõ.

c.- Chiều sâu: Tức là chiều kích tinh thần, văn hóa, tâm linh.

Đặt trong 3 chiều trên, có thể lại gán lịch sử, thay vì nhìn trong lăng kính bóp méo. Vì có kẻ ngoại nhân dùng âm mưu nhân đạo đặt quyền thống trị, chia cách lãnh thổ, tạo biệt lập, chống đối với nhau.

Hỏi: Sự thăng trầm lịch sử trong guồng máy chánh quyền có tác động đến guồng máy hiện đại không?

Đáp: Cá nhân không tạo thời thế, mà thời thế tác động trực tiếp từng người chúng ta. Không phải là ai cũng giữ mãi một ý kiến, chỉ có người điên mới không thay đổi ý kiến. Tình trạng nhẹ là cố chấp, tình trạng nặng là cuồng tín. Người bình thường tự thích nghi với hoàn cảnh thay đổi.

Hỏi: Đọc Cuốn I rất thú vị, Cuốn II chừng nào ra mắt?

Đáp: Tôi bắt đầu thảo hồi ký từ 13 năm trước. Không muốn nói chuyện riêng tư, quên lỗi làm mình khi tự quan trọng hoá, mất tư cách khách quan. Được đích thân chứng kiến, tham gia sự kiện lịch sử, và vì gần đây lịch sử chánh trị đã biến chuyển, nên sách “THỜI ĐẠI CỦA TÔI” (Cuốn I) và “ĐỜI TÔI ĐÃ TRÁI QUA THĂNG TRẦM CỦA ĐẤT NƯỚC” (Cuốn II) sắp phát hành, nhằm thuật sự kiện đã qua cuộc đời mình và tặng con cháu chắt, bản khoản tìm hiểu nguồn gốc tổ tiên tại sao lưu vong đến ngoại quốc. Tuy nhập Pháp tịch, tôi vẫn còn giữ gốc gác người Việt Nam.

Được dịp đọc sơ lược Cuốn I của Giáo Sư **VŨ QUỐC THỨC**, sau ngày tái ngộ 22-10-2009, tại Paris với Thầy cũ, Thầy đã tặng sách và đồng ý cho tham khảo lược thuật về thân thế sự nghiệp công trình của Ông, nên viết bài lược khảo này, để nhớ ơn Thầy xưa.

Ngoài ra, được dịp nghe mục phỏng vấn tác giả sách do đài RFI cập nhật phổ biến, giới thiệu tác phẩm của Ông đã nghiên cứu rất công phu về lịch sử nước Việt Nam.

Nhằm mục đích học hỏi thêm và vinh danh Thầy cũ dạy Kinh Tế Học và đồng thời xin tóm kể thân thế, tình trạng một Thầy xưa khác, dạy môn Quốc Tế Công Pháp tại Đại Học Luật Khoa Sài Gòn: Giáo Sư **TẶNG KIM ĐÔNG**.



I I. GIÁO SƯ TĂNG KIM ĐÔNG

A. - THÂN THỂ LÝ LỊCH

Giáo Sư Tăng Kim Đông sinh năm 1930 tại Tỉnh Long Xuyên, Nam Việt Nam. Gia đình gồm có ba anh em: Tăng Kim Tây, Tăng Kim Đông và Tăng Kim Tấn. Hai ông anh và em hiện còn ở tại Việt Nam. Phu nhân của Giáo Sư là Bà Nguyễn Thị Kính, sinh cùng năm và cùng tỉnh với ông, xuất ngoại du học bên Pháp (Paris), kết hôn với nhau, và sanh được một con trai, hiện ở Gia Nã Đại (Canada).

1/. - Tốt nghiệp các bằng Cao Học tại Đại Học Paris:

- Tư Pháp (1958); - Công Pháp (1959); - Kinh Tế Chánh Trị Học (1959)
- Phát Triển Kinh Tế Xã Hội Học tại Đại Học Paris I (Khóa Đầu Tiên 1960)
- Tốt nghiệp bằng Tiến Sĩ Luật Khoa, Viện Đại Học Paris (1960)

2/. - Chuyên Nghiệp

- Ngân Hàng; - Hội Viên Hội Đồng Quản Trị Ngân Hàng Quốc Gia Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hoà 1965-1969.

- Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Thương Mãi Đồng Nai, (1970-1974)

3/. - Văn Hóa Giáo Dục

- Giám Đốc Trung Học Pháp Hoa PHƯỚC ĐỨC, Chợ Lớn (1961-1967)
- Khoa Trưởng Đại Học Luật Khoa, Xã Hội Học Đại Học Cần Thơ (1967)
- Bộ Trưởng Văn Hóa Giáo Dục Chánh phủ Việt Nam Cộng Hoà (1967-1968)
- Hội Viên Hội Đồng Quốc Gia Văn Hoá Giáo Dục Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hoà (74-75)
- Hội Viên Danh Dự Hội Định Cư Hoa-Việt Kiều tại Paris từ 1983

4/. - Ngoại Giao:

- Tùy Viên Pháp Luật Phái Đoàn Hoà Đàm Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hoà tại Paris (1973)

5/. - Kinh Tế Xã Hội:

- Hội Viên Hội Đồng Quốc Gia Kinh Tế Xã Hội Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hoà (1970-1974)

6/. - Luật Pháp-Chánh Trị:

- Giáo Sư Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, môn Công Pháp Quốc Tế (1961-1976)
- Giảng Sư Luật Thương Mãi Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn (1961-1964)
- Giảng Sư Luật Tư Pháp Trường Cao Đẳng Điện Lực Việt Nam Cộng Hoà (1964-1966)
- Giảng Sư môn “Định Chế Quốc Tế” tại Trường Cao Đẳng Quốc Phòng Việt Nam Cộng Hoà (1970-1973)

- Luật Sư Toà Thượng Thẩm Sài Gòn (1974)

7/. - Thể Thao:

- Đệ Nhị Đẳng Huyền Đại Judo (Nidan) 1965. Môn đệ của Võ Sư KAWAISHI-SHIHAN ở Việt Nam từ 1954-1960. Sáng Lập Viên Võ Phái JUDO tại Pháp, cho người Việt Nam

B. - ĐỜI SỐNG LY HƯƠNG HIỆN TẠI

1. -Gia Đình

Sau biến cố 1975, rời quê hương năm 1977, Ông sang Pháp định cư tại Paris, Quận 13, là nơi Ông du học, đỗ đạt thành tài thời trẻ. Như biết bao nhân sĩ khác, có tài nhưng mai một cuộc đời, Ông đã sống ẩn dật trong gia đình với bà hiền nội. Ông vẫn tiếp xúc niềm nở các bạn thân du học cùng thời gian tại Pháp, hay quen biết tại Việt Nam khi xưa, kể cả các học trò cũ hay Việt Kiều gốc Hoa tại Paris. Để mưu sinh, Ông đã cộng sự năm 1995 với Ông Jacques Chirac, Cựu Thị Trưởng Đô Thành Paris và là Cựu Tổng Thống Cộng Hoà Pháp vừa mãn nhiệm kỳ, cho đến khi về hưu.

Hiện nay, Ông rất suy yếu, bệnh hoạn vì tuổi vừa đúng Thượng Thọ và được người thân khác họ đến giúp đỡ hằng ngày.

2. - Tham Luân Chính Sự

Với bản tánh ẩn dật, dè dặt, Ông ít khi tham dự ngày Cộng Đồng Việt Nam tổ chức hội họp, các Hội Đoàn Thân Hữu mời mọc. Nhưng Ông vẫn góp ý khi có người vấn kế, tham luận.

Bằng chứng là ngày 08-3-09, khi Cộng Đồng Việt Nam Tự Do tại Paris tổ chức Lễ Tưởng Niệm Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã hy sinh trong trận chiến bảo vệ Đảo Hoàng Sa ngày 19-01-1974 chống quân Trung Cộng xâm lăng chiếm đảo, Giáo Sư Nguyễn Văn Canh từ Hoa Kỳ đến, đã trình bày đúc kết về các Đảo Trường Sa, Hoàng Sa về mặt lịch sử và pháp lý. Giáo Sư Canh, Cựu Sinh Viên Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, tốt nghiệp Niên Khoá 1966-67 đã từng dạy học tại quốc nội, về các môn Luật Quốc Tế Công Pháp, Hiến Pháp, Tư Pháp, Chánh Trị Học, tại các Đại Học và Trường Cao Đẳng Việt Nam. Tại Hoa Kỳ, Ông là Học Giả Viện Nghiên Cứu Hoover về chiến tranh, cách mạng, hòa bình, tại Đại Học Stanford, và Viện Nghiên Cứu Đông Á, Đại Học U. C. Berkeley, California.

Được dịp trò chuyện với Giáo Sư Canh, Ông đã cho biết đã đến thăm các Giáo Sư cũ Đại Học Luật Khoa Sài Gòn hiện sống tại Pháp, trước khi thuyết trình. Được hỏi ý kiến Giáo Sư Canh về vụ trình hồ sơ lên Hội Đồng Âu Châu trung tuần tháng 3, 2009, tranh đấu dành lại chủ quyền dân tộc và hai Đảo Trường Sa và Hoàng Sa, sau khi Ông gặp Giáo Sư Tăng Kim Đông hỏi ý kiến, thì cả hai Giáo Sư Đông và Canh đều trả lời: Đành chịu! Lý do là Thủ Tướng Cộng Sản Phạm Văn Đồng đã xác nhận qua Văn Thư 14-09-1958 gửi ông Chu Ân Lai, cam kết triệt để tôn trọng quyết định 04-09-58 của Trung Cộng quy định hải phận 12 hải lý của Trung Quốc bất chấp luật Quốc Tế Công Pháp và đã tuyên bố trước dư luận quốc tế sự ưng thuận của Việt Nam Cộng Hoà Dân Chủ. Ngoài ra, chánh quyền Cộng Sản hiện tại đã thụ động không can thiệp với Liên Hiệp Quốc trước khi thời hạn phản đối triệt tiêu về chủ quyền dân tộc, theo luật Quốc Tế Công Pháp về biển cả, trên hai phương diện quân sự và ngoại giao.

Để kết luận bài tham khảo này, tôi xin thuật kể những sự kiện được trông thấy, hiểu biết về hai vị thầy xưa. Với Thầy Vũ Quốc Thúc, dạy Kinh Tế Học, mà định nghĩa là “Kinh Bang Tế Thế” là sửa nước cứu đời hoặc kinh tế tế dân, tức trị đời giúp dân. Sau đó người Nhật dùng nghĩa mới để dịch chữ économie của Pháp, tức những điều gì quan hệ đến việc lợi dụng hậu sinh, nảy sinh môn Kinh Tế Học. Thông thường, môn Kinh Tế Học chia ra 4 phương diện: sinh sản, lưu thông, phân phối và tiêu phí. Từ đó, danh từ Kinh Tế Chánh Trị Học ra đời. Giáo Sư Thúc rất có lý khi đáp lời phỏng vấn “*Nhịp Cầu Tri Âm*” đài RFI, là tại Âu Châu, từ Thế Kỷ XVII khi lập môn học “Kinh Tế Chánh Trị”, sinh hoạt sự kiện kinh tế và chánh trị quốc gia có liên quan với nhau và không thể luận bàn hai chuyện này mà không đề cập đến lịch sử của quốc gia và quốc tế gây ảnh hưởng nước nhà.

Cuốn I “Thời Đại Của Tôi” do Giáo Sư Thúc biên khảo phát hành, rất có ích lợi cho người Việt Nam muốn hiểu rõ thêm thực trạng lịch sử nước nhà và quốc tế, qua sự thuật kể, chứng minh của Ông. Những ai được đọc xem qua mới hiểu biết thêm nhiều điều dòi dào mới lạ và thích thú. Nhưng, với sự kiện vừa xảy ra mới đây, là khủng hoảng trầm trọng nền kinh tế toàn cầu và từng quốc gia, mà mỗi nước tự tìm phương cứu chữa hữu hiệu. Cường quốc Mỹ Âu đã tung ra hằng tỷ bạc để cứu vãn nước mình tránh nguy cơ trầm trọng kéo dài, trong khi vài nước Á Châu đã áp dụng chương trình chính sách kinh tế thích nghi như Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản... , để tránh nguy cơ cho nước nhà. Theo thiên ý, bất cứ quốc gia nào mạnh hay yếu, cần tìm những biện pháp khẩn cấp nhứt thời và trù liệu những biện pháp bổ túc để đề phòng các vấn đề thiết yếu giữ vững nền kinh tế quốc gia như: tiền tệ ngân hàng, kỹ nghệ, thương mại, chỉnh trang lãnh thổ v. v.... đến các vấn đề nghiêm trọng khác: chánh trị, xã hội, thất nghiệp ... mà các quốc gia đều âu lo.

Sau khi xem Cuốn I xin tóm tắt ý kiến như sau: Lịch sử trăm năm cần am hiểu, nhứt thời lo liệu chuyện đời nay. Rất mong Giáo Sư Vũ Quốc Thúc cho biết thêm trong Cuốn II, để học hỏi.

Với dụng ý thuật tả thân thế, sự nghiệp hai Thầy xưa, tránh sự phê bình tặc trách, tôi xin bày tỏ cảm tưởng cá nhân qua các vần thơ mộc mạc sau đây:

NHỚ ON THẦY XƯA

Suốt đời biết học mấy cho vừa
Nhớ ơn dạy dỗ của Thầy xưa,
Công Cha, nghĩa Mẹ, cần báo đáp,
Nhờ Thầy, an phận, đã đủ chưa?

Lịch sử cần thông chuyện nay, xưa
Thành công nên giữ, thất bại chừa,
Cá nhon tu tập, đời vẹn khéo,
Nghĩa vụ lo tròn, kiếp “đủ vừa”!



Phỏng Vấn Đặc Biệt:

Nghị Viên Vũ Khánh Thành Huân Chương Nữ Hoàng Anh

Phóng Viên Võ Triều Sơn

Lời giới thiệu của VNN: Đầu năm mới, Cộng Đồng Việt Nam tại Anh Quốc nhận được một tin vui lớn: Ông Vũ Khánh Thành, Nghị Viên Việt Nam duy nhất trong Hội Đồng Thành Phố Hackney London, cũng là người đã sáng lập Cộng Đồng Việt Nam tại Vương Quốc này, đã được Nữ Hoàng Anh quyết định trao tặng Huân Chương của Nữ Hoàng vào mùa Hè năm nay, do đề nghị của Thủ Tướng Anh Tony Blair về những thành tích xuất sắc cùng những cống hiến lớn lao của Ông cho Cộng Đồng Việt Nam tại đây suốt 25 năm qua. Nhân sự kiện thật đáng ghi nhớ này, thông tấn VNN đã rất hân hạnh được Nghị Viên Vũ Khánh Thành dành cho một cuộc phỏng vấn đặc biệt sau đây do Phóng Viên Võ Triều Sơn thực hiện.

Xin kính mời Quý Vị theo dõi.

VNN: Kính thưa Ông, chúng tôi vừa hân hạnh được biết, qua sự đề cử của Thủ Tướng Anh Tony Blair, Ông đã được Nữ Hoàng Anh quyết định trao tặng Huân Chương, xin Ông cho biết rõ thêm về Huân Chương này và cảm tưởng của Ông như thế nào khi được Hoàng Gia Anh thông báo tin này?

Nghị Viên Vũ Khánh Thành: Huân Chương tôi sẽ được nhận là MBE viết tắt cụm từ “A Member of the Order of the British Empire”. Hệ thống Huân Chương ở Anh rất phức tạp. Tôi không biết nhiều về hệ thống này. Chỉ biết rằng nếu phái nữ được trao Huân Chương này sẽ được gọi là **Dame** để trước tên của mình. Phái Nam được thì để 3 chữ **MBE** sau tên của mình. Trên nữa cho phái Nam được phong Knight (Hiệp Sĩ), để chữ Sir trước tên của mình. Vợ đương nhiên được mang theo Dame. Hệ thống Huân Chương ở Anh được thành lập từ năm 1917 để khen thưởng cho Quân Đội (Commander, Officer, Member) nay được trao cho Dân Sự có công với nước Anh. Hằng năm, vào giao thừa của năm mới, Điện Burkingham sẽ công bố danh sách những người được tưởng thưởng và vào mùa Hè sau đó sẽ được Nữ Hoàng trao Huân Chương tại Điện Burkingham Palace.

Là thế hệ thứ Nhất sống ở nước ngoài, tôi thấy có nhiều việc phải làm cho bản thân, cho gia đình và cho cộng đồng của mình (cả cộng đồng người Việt lẫn cộng đồng người Anh bản xứ) cho nên tôi cứ lao vào công việc, thấy cần phải làm thì làm. Chẳng bận tâm về thành công hay thất bại, được biết đến hay không biết đến. Khi nhận được thư của Ông Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng Anh nói rằng “The Priminister asked me to inform you, in strict confidence, that he has it in mind, on the occasion of the forthcoming list of New Year Honours, to submit your name to The Queen with a recommendation that, Her Majesty may be graciously pleased to approve that you be appointed a Member of the Order of the British Empire (MBE)... I am, Sir, Your obedient Servant - William Chapman Signed”. Tôi rất ngạc nhiên và xúc động.

VNN: Rất cảm ơn Ông. Xin Ông có thể cho biết do những cơ duyên nào Ông đã có mặt trên đất Anh và trở thành Nghị viên người Việt Nam duy nhất của Hội đồng Thành phố Hackney London?

Nghị Viên Vũ Khánh Thành: Tôi vượt biên vào tháng 6 năm 1979, sau 4 lần thất bại. Lần chót ra đi một mình trên chiếc ghe dài 9 thước với 41 người, để vợ con lại Việt Nam. Ghe có 2 máy đuôi tôm (lúc đó có người gọi thì đi chứ đâu được biết cái thuyền vượt biển dài rộng bao nhiêu, máy móc thế nào...). Đi được ít ngày thì được tàu Anh vớt, đưa vào Singapore ở 3 tháng, ngày 07 tháng 10 sang Anh. Sau một tuần lễ, nhờ biết chút ít tiếng Anh, được nhận làm việc cho Bộ Nội Vụ Anh trong chương trình tị nạn vì nước Anh nhận định cư 25 ngàn người Việt đang ở tại các trại tị nạn Hồng Kông (đa số là người Việt gốc Hoa ra đi từ miền Bắc). Sau 03 năm chương trình chấm dứt, tôi thành lập ngay Cộng Đồng Việt Nam (CĐVN) để tiếp tục giúp đỡ đồng bào hội nhập vào xã hội mới. Tôi vừa học lại Cao Học (Master) tại trường School of Oriental and Affrican Studies, vừa đi làm vệ sinh để lấy tiền sống (mặc dù tôi được quyền lãnh trợ cấp để đi học, nhưng tôi không lãnh) vừa mở văn phòng giúp đỡ tình nguyện cho bà con. Chúng tôi làm được rất nhiều việc cho CĐVN hải ngoại tại Anh Quốc trong suốt hơn 25 năm qua.

Tới năm 2002, tôi nhận thấy cần phải tham gia vào dòng chính (main stream) mới có tiếng nói mạnh với chính quyền, mới có cơ hội phục vụ dân bản xứ, mới có động cơ để thúc đẩy giới trẻ sau này sau khi lo cho mình có mảnh bằng Đại Học, có nghề nghiệp vững chắc thì phải gánh thêm công việc xã hội nữa, vì ai cũng có hai vai: một vai cho mình, một vai cho xã hội. Một vai cho Tôn Giáo, một vai cho Tổ Quốc.

VNN: *Anh Quốc không phải là một nước đa văn hoá như Mỹ, Gia Nã Đại hay Úc, xin Ông cho biết quá trình hình thành và sự hội nhập của Cộng Đồng Việt Nam tại đây có những những điểm thuận lợi và khó khăn như thế nào?*

Nghị Viên Vũ Khánh Thành: Nước Anh là một nước bảo thủ, có văn minh nề nếp lâu đời, có một đế quốc rộng lớn. Họ rất kiêu hãnh về văn hoá, văn minh của họ. Họ khôn ngoan hơn Pháp, khi thấy trào lưu phải trả độc lập cho các thuộc địa thì họ trả ngay và lập “*Khối Thịnh Vượng Chung*” (Commonwealth). Họ cũng đã chấp nhận một xã hội đa văn hoá. Lấy thí dụ Olympic vừa rồi, họ nói rằng nếu Ủy Ban Thế Vận Hội chọn một nước huy hoàng hào nhoáng bên ngoài thì quý vị hãy chọn nước Pháp. Nhưng nếu quý vị muốn thăng tiến xã hội cho dân nghèo, đa sắc tộc tại miền Đông London là miền Hackney, Tower Hamlets, Stratford... thì quý vị hãy cho nước Anh một cơ hội. Họ đã thắng việc tổ chức Thế Vận Hội 2012 và chắc chắn sẽ làm thay đổi hẳn bộ mặt của thành phố London nói chung.

VNN: *Kính thưa Ông, hiện nay, Cộng Đồng Việt Nam tại Anh có những mặt nào được xem là tích cực nhất và tiêu cực nhất?*

Nghị Viên Vũ Khánh Thành: Tôi xin trả lời mặt tiêu cực trước. Cộng Đồng Việt Nam tại Anh đa số là những người Việt gốc Hoa từ miền Bắc Việt Nam sang Anh Quốc. Phần lớn họ sống ở vùng biên giới Việt - Hoa nên họ không có những cơ sở văn hoá ngay từ ban đầu, do đó, sự hội nhập vào nước Anh của họ tương đối chậm, vì thế họ học tiếng Anh rất là khó. Họ muốn làm những công việc bằng tay bằng chân hơn là ngồi ở lớp học, nên cũng rất bị hạn chế trong việc tìm công ăn việc làm.

Mặt tiêu cực khác nữa là đối với thể chế xã hội Anh vốn tương đối bảo đảm và nước Anh cho những người thất nghiệp được nhận tiền thất nghiệp, tiền nhà, đi bệnh viện, đi bác sĩ hoàn toàn miễn phí, thành thử họ lệ thuộc vào tiền trợ cấp hơn là tự túc để phát triển khả năng mình. Do vậy, có nhiều người lãnh trợ cấp xã hội từ khi sang nước Anh đến nay đã trên 25 năm!..

Gần đây, vì cuộc sống xã hội ở Việt Nam rất thay đổi giữa giàu - nghèo và bề ngoài nhìn xã hội Việt Nam có những thay đổi rất mạnh, cuộc sống vươn rất cao nhưng nó lại như xã hội Trung Quốc, đang tạo ra hố ngăn cách giữa giàu và nghèo, có những người ăn không hết, lại có người mò chằng ra! Có những nông dân ngày nay chỉ kiếm được mỗi ngày khoảng hai, ba chục ngàn đồng Việt Nam tức vào khoảng 1 bảng Anh, cuộc sống như vậy là quá khó khăn. Lợi dụng những khó khăn về kinh tế này, những tay buôn người mới xuất cảng người ra nước ngoài bằng mọi giá. Mới đây, như quý vị có nghe đài BBC phỏng vấn những người Việt lao động bên Mã Lai, họ rất cực khổ, không có công ăn việc làm mặc dầu đã ký hợp đồng, nhưng thực tế sang đó rồi cũng bơ vơ, ngày được làm, ngày không được làm và không đủ tiền để trở về Việt Nam nữa. Rồi chuyện phụ nữ phải bán thân đi làm vợ bé cho người ta ở Đài Loan chẳng hạn... những chuyện như thế đã làm cho bộ mặt xã hội Việt Nam về luân lý đã xuống dốc rất thảm hại.

Mặt khác, các giới chức chính quyền tham nhũng đã bắt tay với bọn buôn người để xuất cảng người sang các nước Tây phương bằng những đường di dân lậu như sang Anh hoặc sang nhiều nước khác. Riêng tại Anh, trong một hai năm vừa qua, theo tôi được biết, con số trung bình là vào khoảng hai ngàn người nhập lậu mỗi năm, trong đó có cả trẻ em nữa. Họ được tuyên truyền là sang đây có lương rất cao, ở một thời gian sẽ được cấp nhà, sẽ được lãnh trợ cấp xã hội v.v.. Nhưng thực tế, cuộc sống bên này không như thế.

Một khó khăn khác nữa là sau 30 năm sống dưới chế độ cộng sản, những đức tính như cần cù, chịu khó, sự thành tín và làm việc đâu ra đó... đã mất đi rất nhiều. Do vậy, khi họ sang đây thì chỉ biết đòi hỏi thôi, chỉ muốn nhận mà không muốn cho, không muốn làm việc một cách tốt nên xin việc cũng rất khó. Bởi vậy, có những người đã đi trồng cần sa, ma tuý để có một số tiền nhanh hầu trả tiền vé qua đây từ mười đến mười lăm ngàn bảng Anh, hoặc kiếm tiền gửi về cho thân nhân, vợ con của mình.

Tình trạng này đã khiến cho bộ mặt của Cộng Đồng Việt Nam ở Anh Quốc trong mấy tháng gần đây đã bị báo chí Anh, những tờ báo toàn quốc, nêu lên. Những băng đảng cướp giết trong đường dây buôn bán ma tuý nhất là mấy tháng gần đây, đã xảy ra ba vụ án mạng mà cho tới nay, cảnh sát Anh vẫn chưa tìm ra được thủ phạm...

Đó là những mặt tiêu cực nhất của Cộng đồng Việt Nam ở Anh trong 25 năm qua và gần đây.

Về mặt tích cực, với bản tính cần cù, bà con chúng ta đã hết sức cố gắng đi làm trong những ngày đầu sang nước Anh, mặc dầu đã phải rất vất vả làm việc trong các nhà hàng Tàu hay trong các hãng may. Sau một thời gian, họ đã học được nghề, họ đã mở được những hãng may riêng của mình, những nhà hàng riêng của mình, từ đó, cuộc sống được vươn lên... Cho tới nay, các tiệm ăn, các tiệm móng tay, các tiệm tạp hoá nhỏ, buôn bán nhỏ có tính cách gia đình v.v... tổng số đã lên tới 1 ngàn 500 cửa tiệm của toàn thể Cộng Đồng Việt Nam tại Anh. Ngoài ra, về chất xám, những cố gắng học hành của anh chị em sinh viên, học sinh Việt Nam đã được nêu danh rất nhiều ở tất cả các trường Đại Học và Trung Học. Với bảng thống kê của Cơ Quan Giáo Dục Luân Đôn, họ đã nghiên cứu và phỏng vấn 60 ngàn giới chức liên hệ đến giáo dục và các gia đình Việt Nam, đã đi đến kết luận tổng kết là trẻ em Việt Nam cũng như trẻ em người Hồng Kông, người Ấn Độ... đã đạt được ít nhất là 5 bằng Phổ Thông và đứng hạng A cho tới hạng C hoặc cao hơn nữa. Một điều lạ là tất cả các em của những gia đình người Việt gốc Hoa mà không có căn bản văn hoá ở Việt Nam như tôi đã nói ở trên, con em của họ vẫn đạt những thành tích cao trong giáo dục mặc dù cha mẹ không biết chữ, không biết cách để hướng dẫn con cái, nhưng nhờ sự cần cù, chịu khó, trí thông minh và nhất là nền tảng của gia đình, cha mẹ dù không biết chữ cũng luôn thúc giục con cái gắng sức học hành nên đã cho các em những cơ hội thành đạt ở trường học và khi ra ngoài làm việc, đa số các em đều thành công và giữ được công việc của mình lâu dài vì thái độ làm việc đã được các người chủ yêu quý và giữa hai bên, người chủ và người làm, không muốn rời nhau.

Đó là hai nét nổi bật nhất về thành công của người Việt trên đất Anh là phát triển thương mại và học vấn cùng việc làm của lớp con em.

VNN: *Chúng tôi được biết Ông đã thành lập tại Anh Quốc hai tổ chức phúc lợi có tên là **Hội Gia Cư An Việt** và **Hội Thiện Nguyện An Việt**. Tên An Việt ở đây có liên quan gì đến triết lý An Vi và Việt Nho của Giáo sư Kim Định không, kính thưa Ông?*

Ngị Viên Vũ Khánh Thành: Tên của Tổ Chức An Việt đã được Triết Gia Kim Định cổ vũ tại Hoa Kỳ và nhiều nước khác có những học trò của Giáo sư, trong đó có chúng tôi. Khởi thủy, Tổ Chức An Việt có một mục đích là gom tụ những người còn quan tâm đến văn hoá Việt Nam, những người muốn cứu nước bằng văn hoá theo câu mà triết gia Kim Định thường hay nói: “*Đạo mất trước, nước mất sau*”. Bây giờ, muốn cứu nước thì phải trở lại với cái đạo của mình, đó là đạo Chí Trung và Chí Hoà trái lại với chủ thuyết có hay không của Tây Phương hiện tại, tức hữu thân và vô thân, tư bản và vô sản, vốn đã tạo nên những xung đột trong xã hội. Lý do của An Việt là như thế, tuy nhiên, cũng tùy theo mỗi một nước có những hoàn cảnh khác nhau. Thí dụ như ở Anh của chúng tôi, số người hiểu biết về văn hoá để tìm đến những vấn đề của đất nước thì ít hơn so với các nước khác, nên chúng tôi phải lồng tổ chức xã hội vào để một đảng là có lợi ích thiết thực cho bà con là phục vụ những công việc xã hội, đảng khác là qua cuộc sống hằng ngày, qua những cuộc hội họp, chúng tôi đưa văn hoá vào. Do đó, An Việt, nói chung, có nhiều sắc thái khác nhau nhưng cùng một mục đích là thăng tiến về các phương diện tư tưởng, xã hội và có liên hệ chặt chẽ với triết lý An Vi và Việt Nho của Giáo sư Kim Định.

VNN: *Rất cảm ơn Ông. Xin phép Ông có một câu hỏi riêng về Giáo Sư Kim Định. Giáo Sư là một Linh Mục Công Giáo, sự kiện Giáo Sư rất tin tưởng vào sự thuần khiết của Nho Giáo nguyên thủy là Việt Nho, điều này có gì mâu thuẫn không? Tại sao?*

Ngị Viên Vũ Khánh Thành: Câu hỏi này đã có rất nhiều người đặt ra với Giáo Sư Kim Định. Có những người Thiên Chúa Giáo nói ngược lại là ông Cụ này đã đi xa những tín điều của đạo, ông Cụ này không giảng giải về những giáo lý của Công Giáo... Có những người không Công Giáo thì đố cho ông Cụ cái mũ là ông này là ông Cha thì sẽ đưa Thiên Chúa Giáo vào trong lý thuyết của ông... Sự thật, những suy nghĩ trên hoàn toàn sai, bởi vì Cụ Kim Định luôn luôn chủ trương là con người phải có hai vai: một vai là Thiên Chúa và một vai là Tổ Quốc. Vai của Thiên Chúa thì đã có nhiều Linh Mục khác lo, còn vai của Tổ Quốc thì rất là ít. Mới đây, tôi có đọc một bài về Đức Giám Mục Nguyễn Kim Điền ở Huế, tôi rất xúc động khi Đức Cha Điền nói rằng: “*Trong quá khứ đã có nhiều Giám Mục đã chết cho đạo, nhưng chưa thấy có ai chết cho đất nước*”, Cụ Kim Định cũng đã sống và nói lên điều đó. Cụ chủ trương rằng: “*Phải làm người trước khi làm bất cứ điều gì khác*”. Tức cái Tâm của mình có thành, cái Tâm của mình có sáng thì mình sẽ tìm gặp được Thiên Chúa, vì trong Thiên Chúa giáo có nói: “*Các con phải trở nên hoàn thiện như Cha ở trên trời*”. Mục đích của Triết Lý An Vi và Đạo Tổ Tiên của mình là dạy con người phải nên người có Thành, có Tín, có Trung, có Nghĩa.

Sống được đúng như vậy và với mỗi ngày mình cần phải tự hoàn thiện lấy chính mình và không có ai giúp mình cả. Chúa không cứu được mình nếu mình không tự giúp mình. Cho nên, không có gì mâu thuẫn giữa đạo làm người của tổ tiên chúng ta và Thiên Chúa Giáo và cũng không có gì cách biệt giữa sự giảng dạy đạo làm người - Triết Lý An Vi - của Kim Định với cuộc sống của người Ky Tô Hữu. Nó sẽ làm hoàn thiện hơn cuộc sống của người Ky Tô hữu nếu họ biết tự hoàn thiện chính mình trước khi bước vào nhà Thờ vì Chúa cũng đã nói rằng: *“Anh phải bỏ của lễ, trở về làm hoà với anh em đã rồi hãy đến dâng của lễ”*. Đó là những minh chứng không có gì đối nghịch giữa Triết Lý An Vi - Việt Nho và Thiên Chúa Giáo.

VNN: *Kính thưa Ông, Anh Quốc là một cường quốc Tây Phương và chịu ảnh hưởng sâu đậm của Thiên Chúa Giáo, theo Ông nhận định, người dân Anh có thái độ như thế nào đối với văn hoá Đông Phương cũng như Triết Lý An Vi và Việt Nho của Giáo Sư Kim Định? Có gì mâu thuẫn nhau không?*

Ngị Viên Vũ Khánh Thành: Sự thực ra, không có mâu thuẫn mà là bổ túc cho nhau. Nền tảng của văn minh Tây phương dựa trên hữu thần hay vô thần. Thiên Chúa Giáo đặt nền tảng trên một Thiên Chúa qua Do Thái Giáo mà Tây Phương gọi là các tôn giáo ở sa mạc, tức là họ có một niềm tin rất vững chắc vào một Thượng Đế và Thượng Đế đó có toàn quyền trên con người và con người chỉ có việc cầu xin để Người ban phước cho. Họ cũng đặt niềm tin vào sự kiện con người có tội tổ tông, phải có Đấng Cứu Thế ra đời để cứu con người khỏi tội đó để con người làm hoà với Thiên Chúa vì tội tổ tông của mình. Còn bên Đông Phương của chúng ta, chủ trương trong âm có dương, trong dương có âm, tức là trong con người vừa có thiện vừa có ác. Nếu chúng ta, trong quá trình làm người, mỗi một ngày chúng ta phải tự hoàn thiện chính mình, chúng ta phải cố gắng bỏ những điều ác đi để tới một ngày nào đó chúng ta đắc đạo ngay ở trần gian này thì chúng ta sẽ gặp Thượng Đế. Do vậy, sự khác biệt về nhân định tôn giáo giữa Đông Phương và Tây Phương hay là giữa đạo học của Đông Phương chúng ta và Thiên Chúa Giáo có sự khác nhau về lối nhìn. Tây Phương nhận có Chúa hoặc Vô Thần còn bên Đông Phương thì nhận có Chúa hay Thần, Thần đó ở trong Tâm của mình. Mình phải sống hoàn thiện để cái Tâm của mình sẽ tìm gặp Thượng Đế ngay trong con người của mình và ngay ở trần gian này. Đông Phương mình nhấn mạnh trên việc tự mình hoàn thiện, không dựa vào đâu cả, không cầu xin Thượng Đế nếu mình không tự cố gắng, Thượng Đế sẽ không cho mình nếu mình không làm gì cả. Thánh Augustino của Thiên Chúa Giáo cũng đã nói rất rõ là: *“Thượng đế có thể sinh ra tôi không cần có tôi, nhưng Thượng đế không cứu được tôi nếu không có tôi”*.

Tóm lại, nền tảng tư tưởng của Tây Phương và Đông Phương tuy có khác nhau về cách nhìn nhưng cả hai đều nhắm tới mục đích duy nhất là hoàn thiện con người.

VNN: *Rất cảm ơn Ông. Trở lại với Hội An Việt, chúng tôi được biết, quý Hội đang có dự án quan trọng nhất hiện nay là thành lập Viện Nghiên Cứu Việt Nho và Đông Nam Á. Xin Ông cho biết Viện nhắm tới những mục đích gì và việc thực hiện dự án này hiện như thế nào?*

Ngị Viên Vũ Khánh Thành: Đây là dự án quan trọng nhất của Hội An Việt sau 25 năm đã giải quyết xong vấn đề *“miếng cơm manh áo”*. Bây giờ phải tiến tới việc giữ gìn văn hoá một cách tích cực và đặc biệt nhấn mạnh đến sự truyền lại cho thế hệ thứ Hai. Thế hệ thứ Nhất chúng ta, những người lớn nay cũng đã suýt soát năm, sáu chục cả rồi, chúng tôi nghĩ rằng con cái của mình bây giờ tiếng Việt thì không thông thạo lắm hướng chi là trao cho nó cái gia sản của cha ông. Chúng tôi nhận định là cần phải có một Thư Viện với đầy đủ những sách vở liên hệ đến nguồn gốc của dân tộc Việt Nam. Nguồn gốc của dân tộc chúng ta từ xưa tới nay đã bị tráo lộn và bẻ queo do những thế lực thực dân, phong kiến. Pháp cũng thế mà Tàu cũng vậy, họ luôn luôn bôi bác, dèm pha, họ sửa đổi, họ nói rằng tất cả mọi cái chúng ta đều vay mượn của Tàu!... Người Tây phương sang Việt Nam cũng nói rằng dân Việt là man di, mọi rợ cho nên cần họ sang đây để giáo hoá cho!...

Ngày nay, chúng ta thấy những điều đó đã hoàn toàn sai. Qua những công trình nghiên cứu ngày nay, người ta đều thấy rõ là vào thời Trung Cổ, người dân Tây Phương còn rất nghèo nàn, khô sở, còn bị bóc lột, bị mất nhân phẩm gặp nhiều lần xã hội Trung Quốc và Việt Nam cùng thời kỳ đó. Cho nên, không thể nói rằng văn minh Tây Phương cao hơn văn hóa Đông Phương và họ sang đây để dạy dỗ mình. Vì thế, chúng tôi thành lập Viện Nghiên Cứu Việt Nho và Đông Nam Á là để giúp các thế hệ sau có sách vở tra cứu để tìm về Việt Tộc chúng ta, hay Bách Việt, vốn đã làm chủ văn hoá nước Tàu trước khi người Tàu thành lập nước của họ, tức là đời nhà Hán, nhà Thương trở đi. Sau đó, vì họ là gốc dân du mục nên có sức mạnh quân sự, có lãnh đạo giỏi, nên họ đã đẩy dần Việt Tộc chúng ta từ miền Nam Trung Quốc đi dần về phía Nam và cuối cùng, chúng ta không còn đất chạy nữa nên lập ra nước Việt Nam...

Chúng ta còn thấy rất rõ là Tân Thủy Hoàng đã đốt sách, chôn Nho Sĩ, mục đích là để xoá sạch nền văn hoá nông nghiệp của cha ông chúng ta, thay thế bằng cái Nho Giáo dùng để cai trị, để thay đổi đi những câu nói của Khổng Tử cho phù hợp với nhu cầu phục vụ các đế quốc, các vua chúa thời bấy giờ. Từ đó, các ông Vua bên Việt Nam chúng ta cũng không biết đâu là nguồn gốc dậy dỗ đích thực của tổ tiên người Việt nữa, cứ như vậy mà sao chép làm cho mất đi cái nguyên thủy của Việt tộc chúng ta.

Chúng tôi nghĩ phải trở về cái nguồn gốc Nho Giáo nguyên thủy đó để thấy rằng Nho Giáo thực sự bắt nguồn từ Việt Tộc. Cho nên, việc thành lập Viện Nghiên Cứu Việt Nho và Đông Nam Á sẽ giúp các thế hệ sau tìm lại được cội nguồn của mình. Đặc biệt, chúng tôi mua cho Thư Viện này tất cả những sách liên hệ tới Việt Nam và Đông Nam Á bằng tiếng Anh, tiếng Pháp. Sau đó, chúng tôi sẽ viết ra những chủ đề chính để giúp các sinh viên sau khi xong đại học muốn trình Luận Án Cao Học hay Tiến Sĩ về Đông Nam Á có những chiều hướng để nghiên cứu. Sách vở thì nhiều nhưng nếu không có những hướng dẫn, không có những chủ đề chính trong văn hoá Việt Nam thì rất khó để cho họ tìm được con đường.

Sau khi đã đủ một tủ sách với năm, bảy nghìn cuốn rồi, chúng tôi tiến tới bước thứ hai là liên hệ với một Đại Học để trở nên một Chi Nhánh của Đại Học đó và họ có nhiệm vụ tuyển sinh, trả tiền cho các Giáo Sư thỉnh giảng một năm một đôi tuần để giúp các em sinh viên viết luận án. Chúng tôi không cần nhiều, chỉ cần một năm, có năm, mười em viết Luận Án Cao Học hay Tiến Sĩ là đủ rồi.

Hiện nay, tuy chỉ mới bắt đầu, chúng tôi đã có 5 người: 2 ở Úc và 3 ở Pháp, họ là những sinh viên Việt Nam hay các Thầy, các Cha sang du học bên Úc hay Pháp, đang muốn tìm hiểu những đặc trưng văn hoá của Tổ Tiên, về Lễ Gia Tiên, về thờ cúng Tổ Tiên, về sự hội nhập của Thiên Chúa Giáo vào Việt Nam v.v... Chúng tôi đã giới thiệu sách cho các Cha, các Thầy đó để họ có thể dễ dàng trong việc viết các luận án của họ.

VNN: *Trong nỗ lực của Hội An Việt nhằm gìn giữ văn hoá và truyền thống dân tộc trong Cộng Đồng Việt Nam tại Anh, xin Ông cho biết, quý Hội đã gặp những thuận lợi cùng những khó khăn như thế nào?*

Ngị Viên Vũ Khánh Thành: Trong hơn một thập niên, từ 1980 đến 1995, chúng tôi đã tổ chức các lớp học tiếng Việt và tiếng Hoa cho các trẻ em Việt Nam, muốn học tiếng nào tùy ý. Lúc ấy, Thành Phố Hackney, nơi chúng tôi cư ngụ, họ cho mượn các trường học của người Anh. Có các lớp rất rõ rệt, 5 lớp, 10 lớp hay 15 lớp gì đó và áp dụng hệ thống trường ốc có tính chất chính quy, tuổi nào, vào lớp mấy... Những năm đầu rất thành công trong việc giáo dục tiếng Việt cho các em. Các em được học văn hoá Việt Nam, lối sống Việt Nam, chào hỏi Việt Nam, giữ lễ độ trong gia đình v.v..

Điều rất thuận lợi là chúng tôi được chính quyền giúp đỡ, được phụ huynh hưởng ứng đông đảo nhưng khó khăn lại là việc tìm kiếm thầy, cô để giảng dạy, vì phần lớn những người có khả năng dạy học đều có công ăn việc làm chính thức suốt 5 ngày, nay phải bỏ ra ba, bốn tiếng đồng hồ mỗi chiều thứ Bảy để dạy học rồi Chúa Nhật phải đi Lễ, đi Chùa... là những khó khăn cho cuộc sống và gia đình họ.

Ngoài việc tổ chức các lớp học tiếng Việt ra, chúng tôi còn có hai dịp quan trọng nhất trong năm nữa là Tết Trung Thu và Tết Nguyên Đán. Riêng về Tết Nguyên Đán, trong mười mấy năm đầu, chúng tôi thường tổ chức rất long trọng tại Tòa Thị Sảnh, có rất đông người Việt và người Anh đến dự. Trung bình mỗi năm như thế có từ bảy, tám trăm cho tới một ngàn người tham dự. Nhưng về sau, càng ngày càng khó khăn trong việc kiếm tiền để tổ chức và các em thì đã lớn lên nên không chịu đi vũ, đi múa nữa khiến cho buổi lễ mất đi nhiều sinh động.

Thông thường, những buổi lễ Tết như thế, đồ ăn, thức uống được phát miễn phí cho bà con, đây cũng là một gánh tương đối nặng khiến cho việc tổ chức Tết những năm gần đây phải giảm bớt đi... Còn Tết Trung Thu thì vẫn giữ được niềm vui cho các em.

Riêng Hội An Việt chúng tôi, khi Thành Phố Hackney thiếu tiền không thể mở cửa ngày thứ Bảy cho việc dạy tiếng Việt và những sinh hoạt văn hoá nữa thì chúng tôi cũng không còn nơi nào khác để tổ chức cho các em. May mắn là chúng tôi có được Trung Tâm Việt-Miền-Lào, cũng nằm trong Thành Phố này, để tiếp tục giúp các em sinh hoạt và học tiếng Việt. Bây giờ có thêm một thuận lợi nữa là các em thường theo cha mẹ về Việt Nam, nên nhu cầu học tiếng Việt càng khởi sắc hơn những năm trước.

Trong những dịp Hè hay Tết nhất, cha mẹ đưa các em về Việt Nam đôi tuần, một tháng cũng đã giúp các em giỏi tiếng Việt thêm lên.

VNN: *Rất cảm ơn Ông. Chúng tôi cũng được biết thêm là Hội An Việt đã có dự án xây dựng một Làng Việt Nam nhân dịp Thế Vận Hội 2012 tại Luân Đôn. Xin Ông cho biết thêm về dự án này như thế nào?*

Nghị Viên Vũ Khánh Thành: Về dự án Làng Việt Nam, chúng tôi đã nhờ kiến trúc sư tại Việt Nam vẽ sơ đồ. Trong đó có Chùa Một Cột lớn làm cái đỉnh của Làng để chúng ta tổ chức những lễ lạc hay các buổi hoà nhạc, trình diễn văn nghệ lớn. Trong hí viện lớn này có từ 250 đến 300 ghế. Ngoài những dịp lễ lạc ra, nơi đây còn dùng cho các sinh hoạt thiếu nhi, học tiếng Việt, thể thao v.v..

Một điều quan trọng nữa chúng tôi cần nhấn mạnh đến đó là có một ngôi Chùa theo kiến trúc Việt Nam. Hiện nay, ở Anh chưa có một ngôi Chùa nào với kiến trúc Việt Nam cụ thể, trong khi đã có Chùa Thái Lan, Chùa Nhật Bản, có những đền của người Hồi giáo... Còn nhà Thờ thì có nhiều quá, tới mức mà bây giờ có những nhà Thờ không có người đi lễ nữa, một số phải biến đổi thành nhà ở bên trong tuy bên ngoài vẫn còn giữ hình thức nhà Thờ.

Hiện nay, tại Anh có 3 Chùa Việt Nam, thực tế là những ngôi nhà riêng do các Thầy mua rồi tụ họp Phật Tử đến lễ niệm Phật. Điều này rất trở ngại vì những sinh hoạt đông như vậy thường làm phiền người hàng xóm nên đã xảy ra nhiều vụ kiện tụng. Do đó, trong Làng Việt Nam phải có một ngôi Chùa Việt Nam cho người Phật Tử đồng thời cũng đề nêu lên một sắc thái văn hoá của người Việt mình, làm đậm đà thêm ý nghĩa một xã hội đa văn hoá, một điều mà Thành Phố Luân Đôn rất tự hào.

Ngoài ra, trong Làng Việt Nam còn có những khách sạn rẻ tiền và những khách sạn cao cấp hơn một chút để cho những người Việt ở khắp nơi trên thế giới tới thăm nước Anh có nơi để nghỉ ngơi, gặp gỡ bà con chúng ta, đi sắm hàng ở phố Việt Nam gặp lại người Việt... Một phần quan trọng khác nữa là khu phát triển thương mại, tổ chức những cuộc triển lãm, giới thiệu những sản phẩm từ Việt Nam đem qua hay là những cơ sở làm ăn, nhà hàng v.v.. Tất cả những nơi này đòi hỏi một diện tích tối thiểu chừng 3 mẫu.

Hiện chúng tôi đã nộp dự án cho Thành Phố và đã được Ban Kế hoạch của Thành Phố đồng ý trên nguyên tắc có một Làng như vậy và cũng đã được ông Thị Trưởng Thành Phố tích cực ủng hộ. Nhưng vấn đề khó khăn hiện nay là miền Đông Luân Đôn đang chuẩn bị cho Thế Vận Hội 2012 nên tất cả đất đai ở khu vực miền Đông này đều được dồn cho TVH, do đó, kiếm ra 3 mẫu đất để làm Làng Việt Nam như thế quả rất khó khăn.

Quý vị chắc thắc mắc là chi phí xây Làng lên đến hai, ba chục triệu bảng Anh thì lấy ở đâu ra? Chúng tôi nghĩ rằng khi đưa tin này ra thì ở Việt Nam cũng như bên Hoa Kỳ và bên Pháp và đặc biệt là Cộng Đồng Việt Nam ở các nước Đông Âu như Ba Lan, Tiệp Khắc... bà con chúng ta rất đông, có vốn liếng lớn, hưởng ứng. Tôi xin lấy một thí dụ như ở Ba Lan, chính phủ đã dành nguyên một sân vận động cho người Việt Nam ở Ba Lan buôn bán ở đó. Chúng ta có thể tưởng tượng là mỗi một ngày thu nhập của người Việt ở sân vận động này lên đến một triệu Mỹ kim! Với một sức mạnh thương mại như vậy, Cộng Đồng Việt Nam mà chúng tôi đã sang bên đó tiếp xúc, họ rất mong muốn được đầu tư ở nước Anh để họ có thể dùng những số tiền đã có lập được những cơ sở làm ăn vững chắc cho cả Âu Châu và cũng là cơ hội tốt nhất để họ di chuyển gia đình, con cái sang Anh để học hành và có tương lai hơn là ở Ba Lan. Như vậy, nếu dự án Làng Việt Nam thành hình, chúng tôi nghĩ rằng tìm nguồn đầu tư từ Việt Nam, từ Đông Âu và những nước khác bên Tây phương này không khó lắm.

VNN: *Xin Ông một câu hỏi cuối: Hưởng về Việt Nam yêu dấu, ông có những ước nguyện như thế nào về tương lai của quê hương trong năm Bình Tuất sắp tới?*

Nghị Viên Vũ Khánh Thành: Ước nguyện của bất cứ người Việt Nam nào ở hải ngoại đều muốn cho đất nước Việt Nam sớm có được tự do, dân chủ. Có tự do và dân chủ thì chúng ta mới diệt trừ được tham nhũng, mới đưa lại một xã hội công bằng. Có tự do, khả năng người Việt mới được phát triển tốt đẹp và cùng cực. Cánh cửa tự do chỉ mới hé mở một chút trong mấy năm qua mà tình hình Việt Nam đã thay đổi nhiều, cuộc sống người dân đã cao hơn trước. Nếu có tự do thực sự, với sự thông minh, cần cù của người Việt Nam, chúng tôi tin rằng đất nước chúng ta sẽ phát triển hơn nhiều. Chúng ta thấy là 3 triệu người Việt Nam ở hải ngoại mà đã được quốc tế đánh giá là một cộng đồng hội nhập nhanh nhất và thành công nhất. Chỉ với 3 triệu người Việt ở hải ngoại mà đã đưa về nước hàng năm với con số chính thức là 4 tỷ Mỹ kim, chưa kể những thứ không khai báo còn nhiều hơn nữa. Chỉ mới gần 30 năm mà 3 triệu người Việt hải ngoại đã tiếp sức cho nền kinh tế Việt Nam mạnh đến như vậy. Thời kỳ Việt Nam còn dựa vào Hoa Kỳ trong việc giữ miền Nam, đến phút chót, chúng ta chỉ xin 300 triệu đô la mà Quốc Hội Mỹ cũng bác, thử hỏi bây giờ, với 4 tỷ hàng năm đưa về Việt Nam, chúng ta sẽ phát triển được đất nước đến như thế nào nếu như chúng ta có được một chính phủ do dân bầu lên một cách trong sạch, dân chủ với những người có tâm huyết với đất nước thì Việt Nam sẽ tiến bộ hơn tất cả các nước trong vùng Đông Nam Á.

Trong ước nguyện như vậy, chúng tôi không có một lời nào hơn là nhân dịp năm mới sắp đến, xin kính chúc tất cả đồng bào Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại, quý thánh giá của VNN, được sức khoẻ dồi dào và cùng nhau gắng sức làm được cái gì cho Cộng Đồng ở hải ngoại thì chúng ta hãy hết sức làm và đồng thời thúc đẩy mạnh tiến trình tự do, dân chủ cho đất nước, là xu thế của thời đại sẽ phải đến, Việt Nam sẽ phải thay đổi và sẽ có tự do, dân chủ, phú cường cho đất nước. Xin cảm ơn Quý vị.

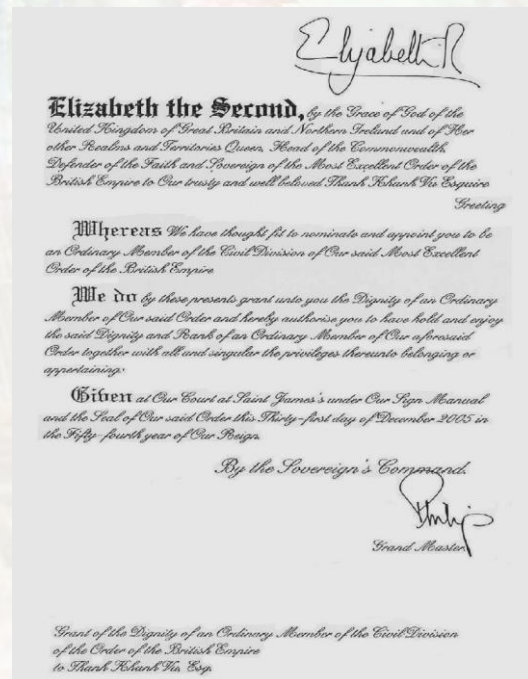
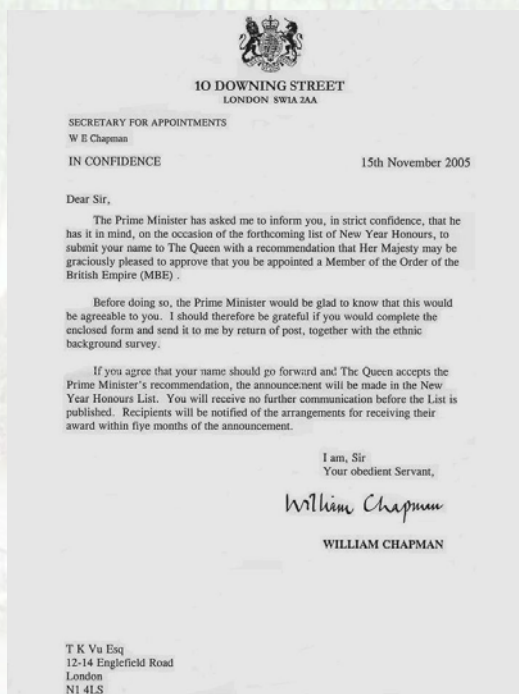
Võ Triều Sơn: Đại diện cho thông tấn VNN, tôi xin cảm tạ Nghị viên Vũ Khánh Thành đã có nhiều chia sẻ rất chân thành cùng quý thánh giá của VNN trong bài phỏng vấn này. Nhân dịp đầu năm, Hăng Thông Tấn VNN chúng tôi xin kính chúc Ông cùng quý quyền và toàn thể Cộng Đồng Việt Nam tại Vương Quốc Anh cũng như Tổ Chức An Việt một Năm Mới An Bình và Thành Công Viên Mãn.

Hội Ái Hữu Biên Hoà chân thành cảm tạ Phóng Viên Võ Triều Sơn

Sơ Lược Tiểu Sử Nghị Viên Vũ Khánh Thành:

- Sinh năm 1944, tại Nam Định, Việt Nam.
- 1963 - 1976: Giáo Sư Trung Học tại Sài Gòn và Biên Hoà.
- 1970 - 1974: Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh Biên Hoà.
- 1972 - 1975: Phụ Khảo cho Giáo Sư Kim Định về Triết Lý An Vi và Việt Nho.
- 1977 - 1979: Bị chính quyền Cộng Sản Việt Nam bắt ngưng dạy học. Phải tự mưu sinh.
- 1979 - 1982: Vượt biển, được tàu Anh vớt. Tại Anh, làm việc cho Chương Trình Ty Nạn của Bộ Nội Vụ Anh trong Tổ Chức British Council to Aid for Refugee (BCAR).
- 1983: Đoàn tụ với vợ con.
- 1982 - 1986: Thành lập Cộng Đồng Việt Nam tại Hackney. Thành lập Trung Tâm Việt-Miên-Lào. Sau đó, thành lập tiếp Cộng Đồng Việt Nam tại Vương Quốc Anh. Chủ Tịch Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại Anh. Làm nghề Vệ Sinh để sống và học Cao Học tại Đại học London (School of Oriental & African Studies - SOAS).
- 1986 - 1995: Thành lập Hội Gia Cư An Việt và Hội Thiện Nguyện An Việt.
- 1995 đến nay: Giám Đốc Hội Thiện Nguyện An Việt.
- 2002 - 2006: Nghị Viên Hội Đồng Thành Phố Hackney London.

Huân Chương Nữ Hoàng Anh Quốc Phong Tặng





TRUYỀN THÔNG HIẾU HỌC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM: SỰ THÀNH CÔNG CỦA THANH THiếu NIÊN VIỆT NAM TẠI ĐẠI HỌC HOA KỲ

Huy Lực Bùi Tiên Khôi (Ph.D)
(Sugar Land, Texas. USA)

Từ năm 1975 cho đến nay, hơn hai triệu người Việt Nam đã rời bỏ quê hương và định cư tại nhiều quốc gia trên thế giới, đông nhất là tại Hoa Kỳ.

Trong hai mươi chín năm qua, những thành công tốt đẹp của học sinh, sinh viên Việt Nam tại học đường Hoa Kỳ đã làm cho nhiều nhà Xã Hội Học và Giáo Dục ngạc nhiên, vì thế nhiều công trình nghiên cứu đã được bảo trợ thực hiện để tìm hiểu những nguyên nhân, tác động sâu xa đã giúp thanh thiếu niên Việt Nam tiến nhanh trong việc học hành.

Trong xã hội Việt Nam ta, truyền thống từ ngàn xưa truyền lại, tổ tiên ta đã từng có câu nhắn nhủ dặn dò: “*Dạy con từ thuở còn thơ*”. Thời gian nuôi dưỡng và giáo dục một trẻ em từ lúc còn thai nhi, khi ra đời cho đến khi trưởng thành, cha mẹ người chủ cột trụ trong gia đình luôn luôn giữ vai trò vô cùng quan trọng.

Trong lúc còn mang thai, người mẹ phải ăn uống kiêng cử, chỉ ăn những chất bổ để sau này con khỏe mạnh đẹp đẽ, chỉ nghĩ đến những điều tốt đẹp hướng thiện để con sau này sẽ là người cao thượng hữu ích.

Có một bà mẹ Đông Phương mỗi ngày đã bỏ hàng giờ đọc sách cho bào thai nghe, từ khi năm tháng trong bụng mẹ, đều đặn như vậy cho đến khi đứa bé lên tám, và kết quả đứa bé thần đồng, được nghe sách từ thời còn nằm trong bụng mẹ, đã vào đại học năm lên chín tuổi.

Trong giai đoạn thơ ấu, trẻ em học ăn, học nói, tập đi, tập chạy và bắt đầu quan sát tìm hiểu thế giới quanh mình nhờ vào sự tiếp xúc thường xuyên, sự vỗ về chăm sóc, thương yêu của cha mẹ và chính qua khung cảnh sinh hoạt gia đình này, đứa trẻ sẽ có những điều căn bản để thành hình những cá tính, nhân cách sau này. Một lời nói thương yêu khích lệ đúng lúc khi đứa trẻ vấp ngã, một nụ cười độ lượng khi đứa trẻ biết lỗi, những câu nói lịch sự dịu dàng dù trong lúc nóng giận nhất, những sinh hoạt buồn vui của cha mẹ đều gây những ấn tượng sâu xa trong tâm hồn đứa trẻ suốt cả cuộc đời.

Khi đứa trẻ bắt đầu được đưa đến các trung tâm giữ trẻ hoặc vào lớp mẫu giáo, các em giao thiệp với bạn bè, thầy giáo, cô giáo, các em có những quan hệ mới ngoài gia đình. Sự tiếp xúc với những người xa lạ khác này, làm đứa trẻ bỡ ngỡ, sẽ có những câu hỏi đặt ra, cha mẹ với tình thương bao la và luôn luôn chú trọng săn sóc con cái, làm cho đứa trẻ an tâm mạnh dạn vui chơi với những người không quen đầu đời.

Đứa trẻ bắt đầu đi học, giờ đây các em không những chỉ vui chơi mà còn phải học tập. Học bài, làm bài đã trở thành bổn phận của các em. Nhà trường với thầy giáo và những bài giảng, sách vở bạn bè đã mở ra cho các em một cuộc đời mới về kiến thức, sinh hoạt, tình cảm. Các em có những bạn mới để vui chơi cũng như để giúp đỡ nhau trong việc học hành. Sự tiếp xúc với thầy giáo, với bạn bè sẽ có những trở ngại, mâu thuẫn, băn khoăn, thắc mắc, những bậc làm cha mẹ Việt Nam đã bỏ thì giờ, càng nhiều càng tốt, để gần gũi con em, theo dõi, chia sẻ, góp ý, hướng dẫn, săn sóc để các em tự tin, vững mạnh học hành giỏi, vui chơi, hoà hợp tốt với bạn bè.

Đến giai đoạn tế nhị phức tạp nhất của các em là thời kỳ các em từ 12 đến 18 tuổi. Ở giai đoạn này, cơ thể của các em biến đổi nhanh chóng, tâm lý thay đổi, không những các em chỉ nghe lời khuyên bảo mà bắt đầu nhận xét về những điều khuyên bảo của cha mẹ. Vì vậy cha mẹ phải hết sức tế nhị khôn khéo, phải lắng nghe những ý kiến nguyện vọng của đứa trẻ mỗi ngày càng độc lập hơn lên, cha mẹ phải hoà hợp khéo léo hướng dẫn, tập cho các em phân tích điều lợi, điều hại của từng sự việc để các em điều chỉnh tìm ra hướng đi đúng đắn của mình.

Trong giai đoạn này, cha mẹ phải hết sức quan tâm đến việc chọn bạn của con cái mình, vì “*gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”, trong quan hệ giữa các em và bạn bè sẽ có ảnh hưởng lớn, chỉ sau yếu tố gia đình, để hình thành những nhân sinh quan, những tiêu chuẩn đánh giá cuộc sống sau này.

Từ 18, 19 đến 22, 23 tuổi, đây là thời kỳ trưởng thành, tuổi các em bước vào đại học, con đường tương lai rực rỡ đầy hoa hồng dần trải trước mặt. Các em tiến lên với tất cả năng lực trí tuệ thông minh của tuổi trẻ, với tất cả hăng say mơ mộng nhiệt thành. Các em đã bắt đầu lập kế hoạch học tập, lựa chọn nghiêm túc ngành học, một nghề nghiệp theo đuổi trong tương lai. Những kinh nghiệm, kiến thức, tư tưởng, tình cảm đã thu thập từ trước đến nay của các em, cùng với sự chia sẻ, thảo luận, võ vè, săn sóc trong tinh thần hướng dẫn nhưng đầy khoan dung hiểu biết của các bậc làm cha mẹ, sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về mình, về ngoại cảnh xã hội bao quanh, nhận thức sâu sắc hơn về quan hệ giữa con người, quan hệ giữa nam nữ, giữa cá nhân và cộng đồng, tình yêu gia đình, quê hương, tổ quốc. Đây là giai đoạn quan trọng nhất để cá tính, nhân cách, đạo đức, lý tưởng của các em được xác định phát triển, kiến thức nghề nghiệp chuyên môn của các em được đào tạo, nhân sinh quan, trình độ thẩm mỹ, cách thưởng ngoạn cuộc sống sẽ dần dần đậm nét thành hình. Các bậc cha mẹ khôn ngoan Việt Nam trong giai đoạn này trở thành một người bạn thân nhất của con, người cố vấn đời sống đầy hiểu biết thân yêu nhất của con. Cha mẹ lúc nào cũng sẵn sàng dành ưu tiên thời giờ, tiền bạc cho việc học, sức khỏe và phát triển của con, nhưng để con được tự do lựa chọn ngành học, trường học, chỉ góp ý khi cần. Cha mẹ lúc nào cũng săn sóc, giúp đỡ con, cả hai phương diện vật chất và tinh thần, để người sinh viên trong giai đoạn trưởng thành này có đầy đủ phương tiện và cơ hội đi đúng con đường học vấn, nghề nghiệp và lý tưởng đã chọn lựa.

Theo truyền thống tốt đẹp của Việt Nam, dù sau này đã lập gia đình, đã có đời sống độc lập riêng tư, cha mẹ vẫn quan tâm săn sóc, đùm bọc thương yêu, chia sẻ kinh nghiệm trường đời, góp ý với con cháu trong những quyết định trọng đại của đời người. Giáo dục con cái thành những người có học, có hạnh, hữu ích cho xã hội, tổ quốc là trách nhiệm, là nguồn vui tinh thương và hạnh phúc của bậc cha mẹ Việt Nam.

Khi nuôi dưỡng con, cố gắng cho con hưởng một nền giáo dục tốt, con thành đạt nên người, những đứa con trưởng thành tốt đẹp này chẳng những đã đào tạo cho mình một tương lai rực rỡ, mà còn mang đến cho cha mẹ những phần khởi hứng thú trong cuộc sống, tình cảm cha mẹ, con cháu sẽ hoà hợp phát triển, mối dây liên kết giữa gia đình cha mẹ con cháu sẽ gắn bó bền vững hơn lên, cuộc sống của những gia đình này thành công, phong phú hơn, dễ dàng đối phó với những nghịch cảnh thường xảy ra trên xứ lạ quê người.

Đó là những yếu tố chính đã tìm thấy trong lịch sử văn hoá Việt Nam, được chứng minh xác nhận trong những cuộc thăm dò nghiên cứu của đại học Rice và nhiều đại học khác tôi có tham dự từ năm 1982, để giải thích vì sao trẻ em và sinh viên Việt Nam đã có nhiều thành tích tốt đẹp hơn bất cứ nhóm di dân nào đến Hoa Kỳ từ năm 1950 đến nay.

Nhưng đáng kể nhất là chương trình thăm dò nghiên cứu của đại học Michigan, đã phỏng vấn khoảng 1 400 gia đình thuyền nhân tị nạn Việt Nam đã định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1980, những gia đình này có con cháu đang theo học các lớp mẫu giáo, tiểu học, trung học trong những khu nhà nghèo tại thành phố lớn Hoa Kỳ. Hầu hết trong số 1 400 gia đình thuyền nhân được phỏng vấn, trước năm 1975 họ không ở vào địa vị xã hội cao của Miền Nam Việt Nam, học vấn kiến thức không nhiều, họ hoàn toàn xa lạ với ngôn ngữ, phong tục, tập quán của Hoa Kỳ. Dầu con em của họ còn bỡ ngỡ về ngôn ngữ trong thời gian đầu định cư, điểm trung bình về môn Anh ngữ chỉ có 2.84/4.0 hạng C, nhưng về môn toán và khoa học, có hơn 50% các em được hạng A, và điểm trung bình toàn thể các môn của tất cả con em thuyền nhân tị nạn Việt Nam trong cuộc thăm dò, nghiên cứu này là 3.05/4.0 hạng B.

Những con số này minh chứng rằng gia đình và con em Việt Nam đã vượt qua những thiếu thốn, trở ngại, khó khăn để hội nhập vào xã hội mới, gia đình vẫn là nền tảng vững chắc để hỗ trợ cho con em tiến lên học hành thành đạt. “*Vạn sự khởi đầu nan*”, bước đầu gặp bao nỗi khó khăn, nhất là trong việc học hành, con em Việt Nam được gia đình khuyến khích giúp đỡ, nên đã chuyên cần hơn, cố gắng hơn, trung bình mỗi ngày bỏ ra 02 giờ 30 phút (cho học sinh từ lớp 6 đến lớp 9) và 03 giờ 10 phút (cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12) để học bài, làm bài ở nhà, trong khi học sinh Hoa Kỳ chỉ bỏ ra trung bình 01 giờ 30 phút.

Trong các cuộc thăm dò, nghiên cứu tương tự trước đây, các nhà giáo dục và xã hội nhận thấy trong những gia đình Tây Phương như Pháp, Hoà Lan, Hoa Kỳ: *gia đình nào đông con thì thành quả học tập của các em càng giảm sút*. Nhưng cũng cuộc thăm dò nghiên cứu 1 400 thuyền nhân Việt Nam thì trái ngược lại: *gia đình càng đông con thì thành quả học tập của các em càng tăng tiến*.

Một gia đình Việt Nam đông con hơn, sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, vì vấn đề sinh tồn họ phải cố gắng, đoàn kết hy sinh nhiều hơn để vượt qua những khó khăn trở ngại. Các em trong gia đình đông con này thường đùm bọc, chia sẻ, giúp đỡ nhau hơn, chỉ bảo cho nhau trong việc học hành, từ những sinh hoạt đó các em sớm trưởng thành, sống cuộc đời học sinh sâu sắc, rèn luyện tính tự học nhiều hơn và đạt thành tích học tập tốt đẹp hơn.

Một điều lý thú nhất trong cuộc thăm dò nghiên cứu của đại học Michigan về việc duy trì truyền thống dân tộc trong 1 400 gia đình thuyền nhân được phỏng vấn. Những gia đình nào còn duy trì truyền thống tinh thần quá khứ tốt đẹp của dân tộc thì con em học hành giỏi hơn với điểm trung bình 3.14/4.0, so với con em những gia đình chấp nhận tập quán sinh hoạt ưa chuộng vật chất của xã hội Hoa Kỳ, với điểm trung bình thấp kém, chỉ có 2.16/4.0

Từ những nghiên cứu đầy tính cách khoa học này đã rạch ròi chứng minh truyền thống văn hoá tốt đẹp của Việt Nam, và việc giáo dục con em, cha mẹ là người chủ cột trụ trong gia đình luôn luôn giữ vai trò quan trọng. Chính cha mẹ trong gia đình đã tạo ra con em Việt Nam trở thành những con người say mê học hỏi. Khi con người say mê trong việc học hỏi, trí tuệ càng thêm minh mẫn, sáng suốt, óc tưởng tượng sáng tạo càng thêm bén nhạy, sinh động, tinh thần lạc quan yêu đời càng thêm bền vững sâu sắc và cuộc sống càng trở nên ý nghĩa phong phú hơn.

Từ năm 1976 đến nay, trong 29 năm qua tôi đã có cái may mắn hướng dẫn hơn 50 ngàn sinh viên Việt Nam trên bước đường học vấn. Tôi vô cùng sung sướng được chứng kiến một thế hệ sinh viên Việt Nam đầy ý chí nghị lực gặp môi trường đại học tân tiến hoàn hảo nhất trên thế giới của quốc gia Hoa Kỳ, cả một thế hệ sinh viên Việt Nam đã thành công rực rỡ, thăng hoa trí tuệ kiến thức, đóng góp không ít vào cộng đồng địa phương đã khiến người Hoa Kỳ khâm phục.

Trong nguồn cảm hứng vô biên này, bốn câu thơ sau đây tôi xin được viết ra để tặng hàng chục ngàn câu chuyện thành công của sinh viên Việt Nam, vừa để đánh dấu 29 năm, tay trong tay dìu dắt bên nhau trên đường học tập:

*Vào trong biển học cõi mênh mông
Chuyên cần cố gắng đến thành công
Vang danh hiệu học con dân Việt
Truyền thống văn minh giống Lạc Hồng*



Đây là hình ảnh một trong 50 ngàn sinh viên tôi hướng dẫn, sinh viên Lâm Sĩ Kim Linh, tốt nghiệp bằng Cử Nhân Khoa Học (Bachelor of Science) với hạng Tối Ưu Danh Dự (Summa Cum Laude), 2009, tại Đại Học Houston (Houston University), Texas, USA.



ALEXANDER SOLZHENITSYN: VĂN TÀI VÀ ĐẠO ĐỨC CỦA SỰ THẬT

Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.

(Sugarland, Texas)

Trong ba mươi bốn năm định cư tại Hoa Kỳ, quê hương thứ hai, tôi tìm mọi cơ hội cố gắng đi thăm hầu hết 50 tiểu bang của quốc gia hùng mạnh phát triển nhất trên hành tinh này. Như một tình cờ định mệnh, tôi đến Vermont hai lần, một trong những tiểu bang xa xôi nhất cách thành phố Houston, nơi tôi định cư hàng ngàn dặm. Vermont College of Medicine, nơi người cháu, con cô em ruột của tôi tốt nghiệp bác sĩ y khoa và cũng chính tại tiểu bang này tôi gặp Solzhenitsyn, một nhà văn vĩ đại, một đạo đức nhân cách phi thường đã lột trần sự tàn nhẫn lừng gạt của chủ nghĩa cộng sản bạo lực.

Vermont do một người Pháp tên là Samuel de Champlain đặt chân đến đây năm 1609, ông ta đặt tên cho vùng này bằng Pháp ngữ Vert Mont, vùng núi xanh và đến năm 1791 gia nhập vào liên bang Hoa Kỳ là tiểu bang thứ 14 với tên Vermont. Tiểu bang này đặt một Motto, một đề ngữ biểu tượng là tự do và đoàn kết, Freedom and Unity, trong khi Motto của tiểu bang Texas (Houston) là bằng hữu tình bạn, friendship. Tình bạn bằng hữu thật sự chỉ nảy nở trong tự do và kết đoàn.

Tiểu bang Vermont có một nhà hát đặc biệt độc đáo không có một nhà hát thứ hai bất cứ nơi nào trên thế giới đó là Haskell Opera House. Vì một sự lầm lẫn địa điểm khi khởi sự công trình kiến trúc năm 1904, Haskell Opera House được xây dựng ngay trên ranh giới giữa tiểu bang Vermont, Hoa Kỳ và Quebec, Gia Nã Đại. Khi cuộc tranh chấp địa điểm của nhà hát này được hai quốc gia minh định rõ ràng thì phần sân khấu dành cho nghệ sĩ trình diễn thuộc Gia Nã Đại và phần đất khán giả ngồi thưởng ngoạn thuộc Hoa Kỳ.

Chính tại Haskell Opera House này tôi gặp Solzhenitsyn năm 1990; sau đó ông đưa tôi đến thăm trang trại của ông tại Cavendish, một nơi thật đìu hiu vắng vẻ của tiểu bang Vermont. Hỏi ông tại sao chọn định cư ở nơi này, ông trả lời ở đây rất giống quê hương, nơi ông chào đời.

Người Việt Nam, người Đông Phương chúng ta, nền giáo dục truyền thống đặt trên căn bản: *tiên học lễ, hậu học văn*; thời thơ ấu trước hết phải rèn luyện đạo đức, sau đó mới học kiến thức để sống hữu dụng với đời. Đạo đức nằm ngay ở trong tâm hồn mỗi người, đạo đức thể hiện ngay trong từng hành động của mỗi người. Xã hội đánh giá đạo đức của từng người và cho điểm nhân cách của họ, hay đơn giản hơn: đạo đức ở ngay trong lòng mình và nhân cách ở trong miệng của kẻ khác.

Khi còn thiếu thời tôi được học hỏi một đạo đức nhân cách siêu việt của nhà nho, nhà giáo dục gương mẫu cuối đời Trần: Chu Văn An.

Ông sinh năm 1292, tại làng Văn thôn, huyện Thanh Đàm, nay là huyện Thành Trì thuộc thành phố Hà Nội. Thuở thiếu thời ông đã nổi tiếng là một thư sinh chỉ chăm lo đọc sách thánh hiền để tự rèn luyện đạo đức sửa mình và trau dồi học vấn kiến thức uyên thâm. Lớn lên Chu Văn An thi đỗ Thái học sinh, nhưng ông từ chối quan chức không ham lợi danh, về quê mở trường dạy học. Với kiến thức học vấn tài năng hơn người uyên bác, đạo đức nhân cách thanh cao sáng ngời, ông là nhà giáo lừng lẫy thời bấy giờ và môn sinh khắp nơi đổ về theo học rất đông.

Đến đời vua Trần Minh Tông, vua mời ông vào cung để dạy học cho Thái tử và con của các vị đại thần trong triều. Đến đời vua Trần Dụ Tông, chính sự đổ nát hầu hết những đại thần kề cận nhà vua là những kẻ tham ô những lạm chi biết nịnh hót đục khoét phá hoại quốc gia, nhà giáo Chu Văn An với tiết tháo kiên định đã dẹp bỏ nguy hiểm cho mạng sống cá nhân mình, với dũng cảm của đạo đức nói lên sự thật, ông dâng sớ hạch tội và xin chém bảy kẻ tội thần, bảy kẻ gian nịnh được nhà vua sủng ái. Vua Trần Dụ Tông không chấp nhận, ông bèn treo mũ áo quan ở cửa Huyền Vũ cung vua, rồi ra đi ngao du vui chơi cùng sông núi, sau về ở ẩn tại Chí Linh và qua đời năm 1370. *Thất trảm sớ*, cái đạo đức dũng cảm chính trực nói lên sự thật, đã đưa nhân cách của Chu Văn An rực rỡ sáng ngời trong lịch sử văn học giáo dục nước nhà.

Năm 1974, tôi lại được chứng kiến một đạo đức nhân cách ngoại hạng tuyệt vời của tây phương:
Alexander Solzhenitsyn.

Khi Hoa Kỳ và các quốc gia đồng minh quyết định phải chặn đứng hành động xâm lược của cộng sản Hà Nội bằng việc oanh tạc phá huỷ hệ thống chuyên vận tiếp tế của Bắc Việt, ông Daniel Ellsberg đã tiết lộ tài liệu tối mật của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ về chiến tranh Việt Nam mục đích thổi bùng lên phong trào phản chiến. Hoà điệu cùng với những nước cộng sản, những văn nhân nghệ sĩ báo chí thiên tả khắp nơi ầm ĩ nổi lên chỉ trích Hoa Kỳ thả bom trừng trị kẻ xâm lược. Chỉ có Alexander Solzhenitsyn ông đồng dục lên tiếng yêu cầu Hoa Kỳ tiếp tục dội bom, tiếp tục chặn đứng cuộc xâm lăng vào miền Nam Việt Nam để cứu 25 triệu người Miền Nam tự do khỏi rơi vào những quần đảo ngục tù Gulag. Ông Solzhenitsyn đã cực lực lên án Daniel Ellsberg là kẻ phản bội quốc gia Hoa Kỳ và nói với những người phản chiến thiên tả, ông vạch rõ rằng hành động của họ sẽ ảnh hưởng sâu xa đến mạng sống của 25 triệu người Việt Nam tự do.

Solzhenitsyn sinh ngày 11 tháng 12 năm 1918, cha ông là một sinh viên khoa triết học, nhưng phải bỏ học nửa chừng để tham gia đệ nhất thế chiến và qua đời vì một tai nạn, sáu tháng trước khi ông ra đời. Mẹ ông phải làm nghề tóc ký để nuôi ông ăn học tại thành phố Rostow bên dòng sông Don êm đềm. Ngay từ thời thơ ấu, sống trong một xã hội dối trá lừa đảo ông đã mong muốn trở thành nhà văn, một chứng nhân để viết và nói lên sự thật. Ông học vật lý và toán tại đại học Rostow, đồng thời ghi danh học hàm thụ văn chương tại đại học Moscow. Thế chiến thứ hai bùng nổ, ông gia nhập quân đội cấp bậc cao nhất là đại úy pháo binh và được tuyên dương công trạng hai lần. Trong quân ngũ Solzhenitsyn đã nghe và nhìn thấy rõ nhiều sai lầm của lãnh tụ Liên Xô Joseph Stalin, như Stalin tin tưởng và bảo đảm không bao giờ Đức quốc sẽ tấn công Liên Xô; như Stalin sát hại những sĩ quan đạo đức có tài và dám đưa ra những ý kiến khác với Trung Ương Đảng Cộng Sản, đến nỗi tướng Vlasov đã đưa cả quân ngũ, đến quân Đức đầu hàng...

Ông thường viết thư trang trải tâm sự những điều mắt thấy tai nghe với một người bạn trẻ, bậc bachelier nỗi lòng của một sĩ quan yêu nước, trong giờ phút quốc gia lâm nguy lại dưới quyền một Tổng tư lệnh, “*lão ria mép*” (*the man with the mustache*) độc tài ngu xuẩn, chỉ ưa những lời nịnh hót.

Thư từ bị mật vụ kiểm duyệt và dầu không nói đích danh Stalin, dầu chiến tranh đang vô cùng ác liệt, người sĩ quan yêu nước Solzhenitsyn vẫn bị bắt ngay về tội phản động phi báng “*lãnh tụ*” và bắt đầu cuộc sống đầy đọa ở trại tù lao động khổ sai hơn 7 năm và lưu đày trong vùng băng tuyết chết người ở Tây Bá Lợi Á gần 4 năm.

Ngày đầu tại trại tù lao động khổ sai Ekibastuz, ông nói: “*Không một ai có thể ngăn chặn con đường đi của tôi, con đường tiến về sự thật; tôi sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng sự thật.*”

Năm 1960, vào tuổi 42 Solzhenitsyn đã viết được khá nhiều, nhưng không có một hy vọng được xuất bản chào đời. Truyện “*The First Circle*” mô tả tầng địa ngục đầu tiên, những sự thật hằng ngày, nhưng cho những ai chưa từng trải qua, thật khó lòng hiểu nổi. Với kinh nghiệm sống trong lao tù khổ sai, Solzhenitsyn hoàn thành tác phẩm “*One day in the life of Ivan Denisovich*” với lối hành văn kể chuyện về một ngày sinh hoạt của một tù nhân thợ mộc tên Ivan Denisovich. Chỉ một ngày thôi trong thời gian 10 năm tù như vô tận; từ 5 giờ sáng khi tiếng keng giục già đánh thức, người tù nhân hồi hả khởi sự một ngày, dùng tất cả những mảnh mung thủ đoạn gian lận để qua mặt cai tù để sống còn, cho đến 10 giờ đêm gieo mình lăn ra ngủ. Solzhenitsyn có một nghệ thuật viết văn trong sáng nhưng cực kỳ sâu sắc sống động, “*Một ngày trong đời của Ivan Denisovich*” quyển sách tuy mỏng nhưng trở thành một bản cáo trạng lột trần hệ thống tù đầy khắc nghiệt dưới chế độ cộng sản Stalin.

Năm 1962, bản thảo truyện “*Một ngày trong đời của Ivan Denisovich*” được đưa ra thảo luận tại một phiên họp Trung Ương Đảng Cộng Sản Liên Xô. Theo tài liệu được giải mật tiết lộ: Lãnh tụ Nikita Khrushchev, kẻ thâm thù với Stalin, người quyết tâm hạ bệ Stalin, ông đã bênh vực Solzhenitsyn và cho phép quyển “*Một ngày trong đời của Ivan Denisovich*” được đăng trên báo, được in thành sách, được đem ra giảng dạy tại các trường học ở Liên Bang Xô Viết. Trong phiên họp này, Khrushchev đã nói với các đồng chí trong Ban Lãnh Đạo Tối Cao Liên Xô, dịch ra Anh ngữ, nguyên văn như sau: “*There is a Stalinist in each of you, there’s even a Stalinist in me. We must root out this evil.*” (chuyên ra Việt ngữ: *Có một tinh thần độc ác Stalin trong mỗi các đồng chí, có một tinh thần độc ác Stalin ngay trong bản thân tôi. Chúng ta phải bứng tận gốc rễ quặng cái xấu xa quỷ ám này ra ngoài.*)

Sự việc này đã cải chính nhận định của một số người nghiên cứu văn học cho rằng: Trung Ương Đảng Cộng Sản Liên Xô trong năm 1962 đã cho tác phẩm “*Một ngày trong đời của Ivan Denisovich*” ra mắt công chúng chỉ là một việc câu thả làm lần do sơ ý. Tác phẩm này được dịch ra nhiều thứ tiếng và được hoan nghênh khắp cả hoàn cầu. Sau đó hai tác phẩm: “*The First Circle*” (*Tầng đầu địa ngục*) và “*Cancer Ward*”

(*Trại ung thư*) được dịch ra Anh ngữ và phổ biến cùng khắp thế giới. Hai tác phẩm “*Tàng đầu địa ngục*” và “*Trại ung thư*”, ông viết sự thật về cuộc sống đời mình, cảnh khốn cùng trong tù ngục và căn bệnh ung thư bao tử, những nỗ lực phi thường trong hoàn cảnh nghiệt ngã ông đã trải qua. Rồi căn bệnh ung thư của ông dần dần dịu xuống, tiến triển tốt đẹp hơn, nhưng ông ngậm ngùi nhận thấy chủ nghĩa ung thư cộng sản vẫn đang khốc liệt tàn phá loài người.

Năm 1970, với tác phẩm “*Một ngày trong đời của Ivan Denisovich*” Solzhenitsyn được Hàn Lâm Viện Thụy Điển trao tặng giải thưởng Nobel văn chương với lời tuyên dương, nguyên văn như sau: “*For the ethical force with which he has pursued the indispensable traditions of Russian literature*” (Xin dịch ra Việt ngữ: *Vì sức mạnh đạo đức mà ông đã theo đuổi trong truyền thống sâu sắc cao quý của văn chương Nga*). Ông đã không đi nhận giải thưởng vì biết chắc khi đã ra đi là ông sẽ không được trở về. Ông chỉ nhận giải thưởng Nobel văn chương vào năm 1974, sau khi ông bị trục xuất ra khỏi Liên Xô.

Năm 1973, Solzhenitsyn cho phổ biến một phần của tác phẩm “*Gulag Archipelago*”, “*Quần đảo ngục tù*”. Toàn bộ tác phẩm vĩ đại “*Quần đảo ngục tù*” với hơn 300 ngàn chữ, cũng một nghệ thuật văn chương dài hơi điêu luyện, cực kỳ sâu sắc sống động, ông trình bày cho loài người thấy rõ những sự thật tàn bạo khủng khiếp của hệ thống tù đầy chằng chịt khắp Liên Bang Xô Viết đã giam giữ 60 triệu người, những người có suy tư khác với kẻ cai trị ở Liên Xô.

Những tác phẩm văn chương của ông, những hành động chống đối chế độ Cộng sản độc tài bạo ngược của ông đã làm điên đầu những lãnh tụ điện Cẩm Linh, nên năm 1974, Leonid Brezhnev cho mật vụ KGB còng tay ông, xô ông lên máy bay, bắt ông rời khỏi Liên Xô lưu đày qua Tây Đức. Ông đi diễn thuyết cùng khắp Âu châu, Mỹ châu và cuối cùng định cư tại Cavendish, tiểu bang Vermont, Hoa Kỳ năm 1976.

Năm 1983, Solzhenitsyn lại được giải thưởng Templeton Prize, giải thưởng có giá trị Mỹ kim luôn luôn cao hơn giải Nobel, trao tặng tại điện Buckingham Palace Anh Quốc; giải thưởng cho người có đạo đức nhân cách siêu việt đóng góp những công trình nhân đạo lớn lao cho nhân loại. Mẹ Teresa cũng được giải thưởng này năm 1973.

Khi chế độ cộng sản ngục tù Liên Xô sụp đổ, Solzhenitsyn rời Hoa Kỳ trở về nước Nga năm 1994, nhân dân Nga đón tiếp ông như một vị anh hùng. Ngày 05 tháng 6 năm 2007, Tổng thống Nga Vladimir Putin thân hành đến nhà ông ở gần thủ đô Mạc Tư Khoa để trao tặng ông Giải thưởng Quốc Gia của Liên Bang Nga (State Prize of Russian Federation) về những công trình văn chương đầy tính chất nhân đạo của ông. Ông qua đời ngày 03 tháng 8 năm 2008 vì bệnh tim, thọ 89 tuổi.



Năm 1990 tôi gặp ông, đầu ở Hoa Kỳ đã gần 15 năm, nhưng ông nói Anh ngữ không được lưu loát lắm, trái lại khả năng viết đọc Anh văn của ông khá thông thạo nhờ mẹ ông đã luôn luôn khuyến khích ông học Anh ngữ lúc thiếu thời. Khi tôi xuất bản quyển sách “20 poems and 1000 thoughts” (20 bài thơ và 1000 danh ngôn tư tưởng) sách in mỹ thuật bìa cứng do nhà xuất bản danh tiếng Hoa Kỳ Professional Press ấn hành, tôi gửi tặng Solzhenitsyn một bản quý. Ông viết thư ngay, trả lời cảm ơn và cho biết ông rất thích câu tôi viết tại trang 39 của quyển sách này: “*Everyone who remembers his own communist experience, remembers torture not only methods and techniques but the policy of systematic brutality*”.

(Dịch ra Việt ngữ: *Mọi người ai đã nhớ qua những kinh nghiệm bản thân với cộng sản, họ chẳng những nhớ những phương pháp và kỹ thuật hành hạ tra tấn mà còn cả một chính sách tàn bạo độc ác được tổ chức thành hệ thống.*)

Tôi vô cùng bàng hoàng xúc động khi nghe tin ông đã vĩnh viễn ra đi. Nhớ ngày chia tay tại nhà ông năm 1990, chúng tôi đã ôm hôn má nhau. Tôi đã nhìn thật rõ khuôn mặt đầy râu với vầng trán cao, hình ảnh một con người uy nghi dũng cảm, một tài năng siêu việt, một đạo đức nhân cách vĩ đại đã góp phần lớn lao trong việc vạch trần sự dối trá của bạo lực và khi bạo lực cộng sản hiện ra trần trụi xấu xa ghê tởm, cả nhân loại đều nôn mửa, chủ nghĩa cộng sản tất nhiên rã mục sụp đổ tan tành....



Sống Lâu Trăm Tuổi

Huy Lực Bùi Tiên Khôi

(Sugar Land, Texas USA)

Gần đây một chuyện xảy ra làm tôi vô cùng kinh ngạc, để lại một ấn tượng mãnh liệt sâu xa suy ngẫm mãi về hiện tượng tuổi thọ của một đời người.

Lần đầu tiên trong lịch sử 91 năm của đại học Rice, đội bóng dã cầu (baseball) của đại học này đoạt chức vô địch môn dã cầu giữa các đại học; tất cả mọi người liên hệ hân hoan nồng nhiệt đến chung vui ăn mừng trong một lễ hội tổ chức vào ngày 24-6-2003. Tôi được mời tham dự và ngồi giữa một người trẻ và một người già. Ông bạn già ngồi bên tay mặt tôi, trong những lúc hào hứng quá cỡ, cứ thúc cùi chỏ vào mạng sườn bên phải của tôi, chỗ nhạy cảm của thân thể, tôi nhột quá cười lên hăng hắc, lão già lại tưởng tôi biểu đồng tình nồng nhiệt chia vui, bèn quay lại ôm hôn tôi lia lịa. Trời ạ! giá con nhỏ xinh như mộng ngồi bên phải của lão mà thân ái ôm hôn tôi như vậy tôi sung sướng biết ngần nào. Tôi ngẩn ngơ suy nghĩ và để điều nghiên tấn công mục tiêu, tôi quay hỏi người giáo sư trẻ ngồi bên tay trái:

- Lão giáo sư già ngồi bên tay phải tôi, hẳn dạy môn gì vậy?

Người giáo sư trẻ bèn đứng dậy xin lỗi, rồi giới thiệu cả đôi bên quen biết nhau. Té ra hẳn ta chỉ là cựu sinh viên của đại học, tốt nghiệp đại học vào năm 1927, mười năm trước khi tôi ra đời, hiện nay hẳn đã 100 tuổi thọ; và cô gái mắt xanh tóc vàng đẹp như ứng viên hoa hậu thế giới ngồi kế bên hẳn, chính là his great-granddaughter (cô cháu gái của ông).

Tôi há hốc mồm kinh ngạc, ôm siết ông bách niên này, kính phục ông sát đất, phục cái hiện tượng tuổi thọ bách niên mà vẫn còn khoẻ mạnh thật hiếm có trong đời, và phục luôn cả cái khả năng di truyền tuyệt hảo tạo được một cô cháu gái tuyệt thế giai nhân. Rồi bằng một giọng văn chương trịnh trọng xen lẫn hài hước, tôi lên tiếng:

-Thưa ngài, là nhà thơ công huân danh dự của thành phố Houston, tôi đã từng ôm hôn công nương Anh quốc Diana và nhiều ngôi sao điện ảnh xinh đẹp khác. Nhưng ngày hôm nay thật là tam sinh hữu hạnh, lần đầu tiên trong đời tôi mới ôm hôn được ngài, ôm được cả một thế kỷ sống động, ôm được niềm mơ ước tuổi thọ của tôi. I love you, my great-grandpa!

Tôi được tiếng là nhanh nhẹn trong tư thế tấn công để chinh phục đối phương hầu tiến tới mục tiêu mong muốn, nhưng không ngờ lão bách niên này còn sáng suốt bén nhạy hơn tôi; lão nhìn thẳng vào mắt tôi, môi lão hơi nhếch lên như thâm bảo qua đã rõ ý đồ của cậu, rồi cười nhạo báng đấp lể:

-Thưa ngài thi sĩ! Ngài còn quá trẻ đối với tôi, nhưng ngài đã quá già đối với con cháu gái của tôi. Xin già biệt ...

Rồi lão có trăm tuổi ưỡn ngực lưng thẳng đứng dậy đây kiêu hãnh dẫn cô cháu gái xinh đẹp ra về. Tôi sững sờ trên ghế ngồi trông theo, kinh ngạc một lần nữa trước sự bén nhạy thông minh lanh lợi của ông già tuổi vừa mới 100 ...Và vì vậy, có bài khảo luận "**Sống Lâu Trăm Tuổi**" này.

Thế giới ngày nay nhờ khoa học tiến bộ, đời sống trong những quốc gia kỹ nghệ được nâng cao, tuổi thọ con người gia tăng nhanh chóng. Trong năm 1900, tại Hoa Kỳ, cứ 100 ngàn người chỉ có 1 người thọ 100 tuổi; ngày nay có một cụ bách niên trong số 6000 người. Rải rác khắp nơi trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ có khoảng 50 ngàn cụ già từ 100 tuổi trở lên đang hầu như chế riều nhìn đám hậu sinh ...Và theo sự ước lượng thận trọng của những Viện Nghiên Cứu Tuổi Già của các đại học danh tiếng, đến năm 2050, còn 47 năm nữa, chỉ riêng tại Hoa Kỳ đã có gần một triệu cụ già từ 100 tuổi trở lên. Nhà xuất bản Hallmark Cards, chuyên in thiệp chúc sinh nhật cho các cụ 100 tuổi, đang hoan hỉ moi óc tìm ý lạ để gia tăng hót bạc trong dịch vụ này.

Năm 1953, nước Pháp có dưới 200 cụ bách niên, ngày nay con số này gia tăng lên đến 3000. Năm 1955, Nữ Hoàng Elizabeth II theo thông lệ ký gửi 300 thiệp chúc sinh nhật đến 300 cụ già 100 tuổi trở lên, nhưng đến năm 1987, Nữ Hoàng Elizabeth phải ký đến 3300 thiệp sinh nhật và đến năm 2003 con số này còn

còn gia tăng hơn nhiều. Hoàng Tử Charles vô cùng thương cảm muốn giúp mẹ, nhưng biết làm sao bây giờ, nữ hoàng còn quá khoẻ mạnh và Ngài còn có thể ngồi luôn trên ngai vàng để đón sinh nhật tuổi thứ 100...

Cơ quan Liên Hiệp Quốc thấy rõ vấn đề người già mỗi ngày trở nên quan trọng và tuyên bố năm 1999 là năm quốc tế của người già, để kêu gọi mọi quốc gia hãy dành phương tiện tài khoản để giúp đỡ người già sống lành mạnh, an toàn và hạnh phúc hơn. Và hiện nay có hơn 100 ngàn cụ bách niên trên hành tinh lúc nhúc 6 tỷ con người, các cụ bách niên đã dạy bảo gì cho con cháu để vào hội thượng thọ 100 năm.

Bác Sĩ Thomas T. Perls và Tiến Sĩ Margery Hutter Silver, hai vị giáo sư đại học y khoa Harvard đã bỏ ra nhiều năm để phỏng vấn nghiên cứu hàng ngàn người từ 100 tuổi trở lên trong quyển sách “*Living to 100*”, xuất bản năm 1999.

Sống thọ được bách niên là cả một sự cố gắng của 100 năm. Những người sống thọ được 100 tuổi hầu hết có những yếu tố sau:

1. Thừa hưởng sự di truyền tốt từ cha mẹ, ông bà tổ tiên. Đại đa số con người đều thừa hưởng sự di truyền để cho phép họ có thể sống tối thiểu là 84 tuổi. Những người biết lợi dụng yếu tố này để thực hiện tất cả những điều tốt đẹp cho sức khoẻ có thể tối đa hoá tuổi thọ và sống cuộc đời không có hoặc có rất ít bệnh tật. Có 35% những người bách niên họ sống rất khoẻ mạnh và họ tin rằng có thể sống lâu thêm nữa.

2. Những người bách niên có một thái độ lạc quan yêu đời, họ ít khi nghĩ đến tuổi của họ như là một giới hạn cho cuộc sống; mà họ cảm nhận kinh nghiệm những năm tháng trải qua là điều chính yếu để họ tận dụng khả năng sống hạnh phúc xứng đáng đời người. Những người bách niên họ muốn lợi dụng cơ hội và những điều tốt đẹp trong tuổi họ, mà những điều này chưa bao giờ có sẵn trong thời gian họ sống trước đây.

3 Những người bách niên chú ý luyện tập thân thể thường xuyên đều đặn để dẻo dai chịu đựng phòng chống được mọi bệnh tật nhất là bệnh tim, tiểu đường và ung thư. Hệ thống miễn nhiễm của họ vào hạng tuyệt hảo.

4. Những người bách niên ăn nhiều hoa quả, rau đậu và hạn chế ăn thịt, mỡ, ngọt và nhất thiết tránh mập phì. Mỗi ngày họ thường uống thêm vitamin E (400-800 IU) và selenium (100-200 mcg).

5. Những người bách niên luôn luôn sử dụng trí óc của họ như là môn thể dục của não bộ rất cần thiết cho tuổi già. Họ có thể học hỏi thêm những điều mới lạ khác, làm việc thiện nguyện, vui chơi trong âm nhạc nghệ thuật, viết văn sáng tạo và du lịch.

6. Những người bách niên phải thường xuyên đối phó với vấn đề trầm cảm buồn chán, và họ phải cố gắng vượt qua trở ngại này bằng nhiều cách như hội họp vui chơi, hài hước, thiền, tĩnh tâm, tập thái cực quyền, đi bộ thể dục, đùa vui với con cháu.

Dựa vào 6 điểm tổng quát kể trên, bạn có nghĩ rằng bạn có thể sống đến 100 tuổi được không? Bác Sĩ Perls và Tiến Sĩ Silver, hai chuyên viên nhiều kinh nghiệm trong vấn đề tuổi đại thọ, đã đưa ra một công thức để tính toán tuổi của đời người, theo 23 điểm ghi sau:

1. Bạn có hút thuốc, nhai thuốc hoặc thường trực ở những nơi đầy khói thuốc lá?
- Có (-10 điểm), - Không (0 điểm)
2. Bạn có ăn mỗi tuần hơn hai cái hot dogs, bacon hoặc bánh mì kẹp thịt không?
- Có (- 3 điểm), - Không (0 điểm)
3. Bạn có thường ăn cá, thịt gà hoặc thịt, những thứ này nướng đến cháy đen không?
- Có (- 2), - Không (0)
4. Bạn có tránh không ăn bơ, kem, đồ ngọt, đồ béo và ăn đồ chiên như khoai chiên?
- Có (+3), - Không (-7)
5. Bạn có hạn chế tối đa không ăn thịt và thích ăn trái cây rau đậu và cám? - Có (+5), - Không (-7)
6. Bạn có uống nhiều bia, rượu chát hoặc rượu mạnh không? - Có (-6), - Không (0)
7. Bạn có uống mỗi ngày 1 hộp bia hoặc một ly nhỏ rượu chát không? - Có (+3), - Không (0)
8. Tại vùng bạn ở, có luôn luôn bị cảnh cáo là không khí hiện rất ô nhiễm không?
- Có (-4), - Không (+1)
9. A. Bạn có uống cà phê nhiều hơn 12 ounces (355 ml) mỗi ngày không? - Có (-3), - Không (0)
B. Bạn có uống trà xanh mỗi ngày không? - Có (+3), - Không (0)
10. Bạn có uống một viên aspirin mỗi ngày không? - Có (+4), - Không (0)
11. Bạn có dùng sợi chỉ làm sạch răng (floss) mỗi ngày không? - Có (+2), - Không (-4)
12. Cứ hai ngày bạn có đại tiện ít hơn một lần không? - Có (-4), - Không (0)

13. Bạn có làm tình bừa bãi, liên hệ đến ma túy, có thể bị HIV hoặc vi khuẩn gây ra ung thư không?

- Có (-8), - Không (0)

14. Bạn có cố gắng dùng ánh sáng mặt trời để làm nước da ngăm đen không? - Có (-4), - Không (0)

15. Trong nhà bạn có mức độ nguy hiểm về ô nhiễm phóng xạ (radon)? - Có (-7), - Không (0)

16. Chỉ số cân đo thân thể (Body Mass Index):

Lấy trọng lượng cân bằng ký lô chia cho bình phương của chiều cao đo bằng mét của bạn, đó là chỉ số cân đo thân thể. (Ví dụ: tôi nặng 68 ký, cao 1.72 m, chỉ số cân đo thân thể của tôi là: $68 : (1.72 \times 1.72) = 68 : 2.9584 = 22.98$ để vo tròn số học, tôi nói chỉ số cân đo của tôi là 23)

- Nếu chỉ số cân đo thân thể của bạn: - dưới 18 (-7), - từ 18-26 (+2), - từ 27-29 (-7), - từ 30-34 (-10), - từ 35-39 (-15), - từ 40 trở lên (-25)

17. Ngoại trừ người phối ngẫu và con ruột, bạn có sống gần gũi với bà con thân thích và thường gặp nhau một cách tự nhiên không? - Có (+5), - Không (-4)

18. Bạn ở trong tình trạng nào sau đây:

A. Bạn có dễ cho bệnh suy thoái trầm cảm ăn mòn thân thể của bạn; bạn không thể nào vượt qua được. - Có (-7),

B. Bạn có thể vượt qua sự buồn chán trầm cảm bằng cách cầu nguyện, thể dục, thiền, có tinh thần hài hước cao độ, hoặc bằng các phương tiện khác. - Có (+7)

19. Có hơn một người trong gia đình cha mẹ, anh em ruột của bạn bị bệnh tiểu đường?

- Có (-4), - Không (0)

20. A. Có phải cả hai cha mẹ của bạn đều qua đời trước tuổi 75, không kể trường hợp bị tai nạn?

- Có (-10), - Không (0)

B. Hoặc có phải cả hai cha mẹ của bạn (hoặc một, nếu người kia chết trước năm 75 tuổi) cần sự giúp đỡ chăm sóc trong nhu cầu sinh sống hàng ngày khi họ vào năm 75 tuổi? - Có (-10), - Không (0)

21. Có phải hơn một người trong gia đình của bạn như cha mẹ, chú bác ruột, cô dì ruột, ông bà nội ngoại đã sống đến 90 tuổi trong tình trạng sức khỏe tốt? - Có (+24), - Không (0)

22. Có phải bạn là người ít hoạt động, chỉ thích ngồi xem tivi và ăn vặt? - Có (-7), - Không (0)

23. Bạn uống vitamin E (800IU), selenium (100-200 mcg) mỗi ngày không? - Có (+5), - Không (-3)

Sau khi trả lời 23 câu hỏi trên, bạn cộng tất cả số điểm lại; ví dụ bạn có: -30 và +45 = +15. Bạn đem số điểm này chia cho 5. ($15:5 = 3$)

Như vậy tuổi thọ của bạn sẽ là: A. Nếu là nam giới lấy 84 tuổi thọ căn bản: $84 + 3 = 87$ tuổi

B. Nếu là nữ giới lấy 87 tuổi thọ căn bản: $87 + 3 = 90$ tuổi

Giả thiết có vị độc giả nào trong lúc đọc bài này thực sự đã 90 tuổi, nhưng theo cách tính tuổi thọ này chỉ sống có 87 năm thôi, thì phải hiểu cho rằng vị độc giả đó đã có gene (giống) di truyền đặc biệt mang tuổi thọ nhiều hơn một số năm nữa, thật đáng mừng thay!

Nhưng Tiến Sĩ Linus Carl Pauling, nhà hoá học mà may mắn tôi đã gặp ông ta, ông cho rằng di truyền không phải là yếu tố quyết định tuổi thọ. Thân phụ của ông Pauling chết yểu ở tuổi 34, mẹ ông chết quá sớm ở tuổi 45, năm 39 tuổi ông Pauling được bác sĩ chẩn đoán cho biết ông bị bệnh thận vô cùng nguy hiểm, ấy vậy mà ông sống thọ đến 93 tuổi, qua đời vào năm 1994, những năm tháng cuối cùng ông vẫn làm việc hăng say. Tôi được ông tặng cho quyển sách "*How to live longer and feel better*", do ông viết và xuất bản năm 1986. Để đẩy lui bệnh tật, ông đã dùng sinh tố C. Trong các tác phẩm "*Sinh tố C và bệnh cảm thông thường*" và "*Bệnh ung thư và sinh tố C*" ông tuyên bố thẳng thừng làm nhản mặt giới bác sĩ y khoa truyền thông, rằng: "*Con người có thể sử dụng sinh tố C với liều lượng rất cao, gấp 200 lần liều lượng bình thường*". Những bệnh nhân ung thư trong giai đoạn cuối mà không thể giải phẫu, thường họ chỉ sống thêm trung bình 6 tháng; trong khi những bệnh nhân này sử dụng sinh tố C và một số sinh tố khác với một lượng cực mạnh đã kéo dài cuộc sống trung bình đến 6 năm. Tôi rất yêu thích những nghiên cứu về sinh tố của ông, hàng triệu người đã biết ơn ông, nhờ phương pháp sử dụng vitamin độc đáo, chính phương pháp này đã đưa ông vượt qua bệnh tật hiểm nghèo và thọ đến 93 tuổi. Nhà Bác Học Albert Einstein, con người thông minh nhất thế kỷ, đã từng thốt lên: "*Linus Carl Pauling đó là một thiên tài thực sự của đời sống*" và ông Pauling là một người hiếm hoi được cả giải thưởng Nobel Hoá Học (1954) và giải Nobel Hoà Bình (1962).

Và tất cả những người không có yếu tố di truyền tốt mà muốn sống thọ đều phải nghiên cứu những phương pháp dưỡng sinh của ông.



DIỄN ĐÀN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Quảng Thị Y
(Garden Grove, California, USA)

Thị trường chứng khoán là một cái cầu, một gạch nối, một thứ trung gian để hướng dẫn đưa các vốn liếng từ dân gian đầu tư vào các doanh nghiệp, hay các đơn vị kinh tế có nhu cầu cần vốn để kinh doanh, cũng như những dự án của chính phủ.

Vai trò của thị trường chứng khoán là giúp các xí nghiệp, dự án của chính phủ đi vào đại chúng để tìm nguồn gây vốn tài trợ cho các sáng kiến làm ăn, hay bất cứ trong lãnh vực nào.

Nhà kinh doanh là nhân lực - nhân lực tối quan trọng - sẵn sàng chấp nhận các yếu tố rủi ro và bất ổn về mặt tài chánh để phát khởi một xí nghiệp.

Nếu tài lực do chính phủ cho mượn hay các ngân hàng cung cấp đến mức nào rồi cũng không đủ, hay không đáp ứng được nhu cầu thì thị trường chứng khoán là nơi các nhà kinh doanh tìm vay mượn số tiền khiêm nhượng “góp gió làm bão”, nhờ vậy họ sẽ có thêm những nguồn tài lực lâu dài cho công việc đầu tư rộng lớn.

Từ nhiều năm qua, các Quốc Gia Đông Nam Á vẫn dùng hình thức thị trường chứng khoán; hơn thế nữa, gần đây họ đã cố gắng không ngừng để hiện đại và kiện toàn hệ thống mua bán qua hệ thống thị trường chứng khoán. Như trường hợp mới đây của hai thị trường chứng khoán Bangkok (Thái Lan) và Makati (Phi Luật Tân) đã ký khế ước nhờ công ty Midwest Stock Exchange của Hoa Kỳ thiết kế và thực hiện một hệ thống điện toán tân tiến hơn.

Hai hình thức của các chứng khoán được trao đổi là **Cổ Phiếu** (Stocks) và **Trái Phiếu** (Bonds).

Chúng tôi xin phát hoạ sơ xài sự khác biệt giữa hai loại chứng khoán này, mặc dù hai loại chứng khoán này đều là công cụ giúp gây vốn.

Về mặt pháp lý, hai phương thức này có bản chất khác hẳn. Khi một công ty phát hành cổ phiếu, công ty chịu mang một món nợ phải trả, vì vậy công ty đứng ở thể một con nợ và người đầu tư thực sự là một chủ nhân có phần hùn vào vốn của công ty phát hành cổ phiếu, lợi nhuận hay thua lỗ sẽ lên xuống theo sự thăng trầm bởi công cuộc làm ăn của xí nghiệp.

Người mua trái phiếu trông chờ ở tiền lời (interest “*ăn chắc mặc bền*”); người mua cổ phiếu nhắm vào hoa hồng (dividends) và sự tăng giá của cổ phiếu (appreciation).

Lợi nhuận của cổ phiếu có phần cao hơn nhưng yếu tố bấp bênh (risk “*hên xui may rủi*”) cũng cao hơn; lợi nhuận của trái phiếu thường thấp hơn, nhưng giá trị của trái phiếu có phần trời sụt ít hơn.

Khi một chính phủ phát hành trái phiếu (dĩ nhiên chính phủ không thể phát hành cổ phiếu vì chỉ có các công ty nặc danh mới có thể phát hành cổ phiếu). Các trái phiếu được chính phủ bảo đảm ấy gọi là quốc phiếu, quốc trái, hay công khố phiếu (Government Securities, Treasury Bonds, v.v.).

Hiển nhiên động lực thúc đẩy người mang tiền đầu tư là gây lợi, tức là nếu có lời, người đầu tư phải có cơ hội dễ dàng để bán mua trái phiếu hay cổ phiếu để nắm lấy cái lời.

Chứng khoán đòi hỏi phải có một thị trường trao đổi. Vì vậy, chúng tôi xin nhấn mạnh là “*cổ phần hoá*” một doanh nghiệp hay bán công khố phiếu - thí dụ là một công ty quốc doanh chẳng hạn, không trả lời được vấn nạn làm sao để có sự tham gia của dân chúng - đáp án duy nhất là phải có một thị trường, một trung gian mãi mại, để các chỗ phiếu hay trái phiếu mua vào, bán ra lúc nào cũng được (tiếng Anh gọi là “*liquidity*”).

Như chúng tôi đã nêu giả thuyết khi nhập đề, muốn tạo dựng một kinh tế thị trường, thì mẫu chốt phải là một **thị trường chứng khoán** để có sự trao đổi tự do cho người đầu tư.

Đồng tiền của người đầu tư được xem như đồng tiền thông minh và sáng suốt, cũng giống như con con chuồn chuồn, vui đâu, buồn thì bay đi - nếu không có lợi nhuận và những điều kiện bảo đảm, thì không bao giờ chính phủ có thể thuyết phục nó chường mặt ra!

Để kết luận, chúng ta phải đặt câu hỏi: *làm sao để có những điều kiện để đảm bảo để có một thị trường chứng khoán quy mô, hữu hiệu và trong sạch?* Chúng tôi thiên nghĩ, có 3 điều kiện tiên quyết không thể không có:

1. **Quyền tư hữu**

Quyền tư hữu cần phải được xác nhận bằng luật lệ và được tôn trọng nghiêm chỉnh.

Quyền tư hữu là điều kiện đầu tư để vốn trong nước cũng như nước ngoài, sẵn sàng tham gia vào đời sống kinh tế.

Quyền tư hữu cũng là căn bản pháp lý cho phép các doanh nghiệp thành lập dưới hình thức công ty nặc danh (Sociétés Annymes/Public Corporation) lưu hành các cổ phiếu trên thị trường.

Quyền tư hữu là một đường hướng triết lý, một nhân sinh quan giao cho người tư nhân trách nhiệm quyết định cho đồng tiền của mình, và phủ nhận triết lý cho rằng chính phủ hay những nhà cạo giấy phục vụ cho chính phủ có quyền định đoạt số phận tài sản của mình.

2. **Thị trường chứng khoán**

Thị trường chứng khoán cần có một hệ thống điện toán tinh vi để trả lời nhu cầu của thị trường thiên hình vạn trạng (hiện tại ở Hoa Kỳ, trên dưới có hơn 5000 công ty có cổ phiếu mua bán trên các thị trường chứng khoán).

Thị trường chứng khoán cũng đòi hỏi có một hệ thống tổ chức kết toán tinh vi, vừa để theo dõi hoạt động của các công ty, vừa để phát hiện và trừng trị các hoạt động ma giáo, gạt gẫm, đầu cơ lợi dụng, làm ăn phi pháp. Điều kiện có tính cách kỹ thuật này là một đòi hỏi cấp bách, và còn lôi cuốn hệ quả là chúng ta phải đào tạo những kỹ thuật gia chuyên môn về ngành này.

Vì vậy khái niệm thị trường tự do thấy giản dị, nhưng không dễ dàng áp dụng. Chúng ta đừng nhầm 2 tính từ giản dị và dễ dàng khi nói đến một mạng lưới để thu góp vốn của bá tánh.

3. **Điều kiện pháp lý**

Nhưng tựu chung, không có điều kiện nào tối hệ trọng bằng điều kiện pháp lý. Một Quốc Gia cần phải có trước tiên hết là một hạ tầng cơ sở pháp lý vững chãi, sau đó mới có thể bàn bạc đến thành lập một thị trường chứng khoán hẳn hoi.

Hạ tầng cơ sở pháp lý ấy dĩ nhiên phải có các đạo luật, quy chế, thủ tục vừa đầy đủ vừa rõ ràng để làm cái khung trong đó các hoạt động tài chính tiến hành - hành động nào ra khỏi cái khung pháp định sẽ bị truy tố như vi phạm luật lệ.

Song song với các quy chế thành văn, hạ tầng cơ sở còn có nghĩa là ta cần phải có một tổ chức tư pháp chặt chẽ, để các hành vi phi pháp bị trừng trị một cách nghiêm minh, theo đúng luật lệ.

Nếu yếu tố pháp lý tối quan trọng này không có, thị trường chứng khoán tất nhiên sẽ biến thành một miếng đất dụng võ cho guồng máy thối nát. Và các con mọt tham nhũng nó sẽ lũng đoạn thị trường trong nhãn tiền, và độc ác hơn nữa, nó sẽ làm ung nhọt trường hạn uy tín của một trong những phương pháp hữu hiệu nhất để xây dựng kinh tế quốc gia.





TẾT VỀ NÓI CHUYỆN THỜI GIAN

Hàn Thiên Lương
(Portland, Oregon. USA)

Ngày tháng cứ qua mau, năm hết Tết đến, thời thơ ấu thì vui biết mấy, lòng phấn khởi đón xuân về. Thời gian cứ trôi, tuổi đời chồng chất, bao nhiêu chuyện phải lo toan, nên xuân về bốt náo nức trong lòng. Tuổi già sòng sọc đến khiến lòng người cảm nghĩ sâu sắc về dòng thời gian của đất trời lẫn thời gian của con người. Sự khác biệt là dòng thời gian của đất trời thì vĩnh cửu còn thời gian của con người là hữu hạn.

Mùa Xuân của đất trời đi rồi đến: Xuân khứ Xuân lai Xuân bất tận. Tuổi Xuân của con người qua đi thì không trở lại: Chử rằng Xuân bất tái lai, hôm nay hoa nở ngày mai hoa tàn.

A/ Trong thời gian của con người biết bao nhiêu là tang thương, biết bao nhiêu là chia ly, có những nụ cười cũng có nhiều dòng nước mắt, cho nên con người mang trong tâm tư nỗi hoài nghi, nỗi buồn:

-nhìn một đóa hoa rực rỡ ta không chỉ mừng cho hoa nở mà ta lại lo lắng cho hoa tàn.

-nhìn cuộc đời không chỉ thấy tuổi thanh xuân mà ta còn thấy phút quạnh hiu của mùa thu xế bóng!

B/ Thời gian là một ám ảnh, con người phải sống trong thời gian và trôi theo thời gian. Sự ám ảnh đó đậm nét trong thi ca:

a/ Nhạc Sĩ Nguyễn Tất Vịnh cho rằng:

*Thời gian là chuỗi ngày đeo cổ
Có hạt trắng ngần, hạt tuổi thơ
Những hạt muện phiền sâu tiếp đó
Hạt vào cát bụi, hạt thành tro.
Thời gian là vết mờ trên mắt
Là những tia nhìn qua kính sâu
Là nửa tuổi đời ôi chợt mất
Mãi còn lạc lõng nửa đời sau.
Thời gian là nếp nhăn trên má
Là phần tô hoài giấu được đâu
Mấy lớp sơn hồng ai mới xóa
Soi gương rồi khóc tưởng chiêm bao
Thời gian là tóc hai màu tóc
Nửa thấy lòng mình như trẻ thơ
Nửa đã mệt nhoài trong gió lốc
Rồi đem ngắm nghĩa thuở vàng son*

*Qua những danh từ: -vết mờ trên mắt, - nếp nhăn trên má, -hai màu tóc, cho thấy rõ dấu vết của thời gian.

b/ Một nhà thơ tiền chiến định nghĩa thời gian một cách mơ hồ:

*Người ơi năm tháng là gì
Phải chăng một khóm tường vi héo mòn.*

c/ Nhà thơ cổ coi thời gian như trò hư huyền.

*Trăm năm còn có gì đâu
Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì.*

d/ Có nhà thơ nói rằng:

*Thời gian là một bến sầu
Ai qua năm tháng bạc màu tóc xanh*

C /Thời gian tác động vào cõi đời.

Thực sự thời gian tác động vào cõi đời trên cả con người và tạo vật, gây nên cuộc mất mát tàn phai:

a/ Khiến cho con người mất mát cả tình yêu (*xa mặt cách lòng*)

Lối cũ rêu phong mờ kỷ niệm

Ngõ về sương khói nhạt thời gian

Người đi biển biệt phai năm tháng

Vắng người sông nước cũng mênh mang!

b/ Thời gian tàn phá cả nhan sắc (ta hãy nhìn đứa bé xinh tươi trong các trường tiểu học và các cụ già trong nhà dưỡng lão, thì thấy thời gian tàn phá biết chừng nào). Người phụ nữ hay nhìn nhan sắc của mình, qua thời gian đậm nỗi buồn trong lòng đến ngẩn ngơ!

Người đàn bà hỏi hoa vì sao hoa rục rở

Có phải đánh cắp nhan sắc của nàng

Hoa im lặng đáng chừng như e lệ

Vẫn thắm tươi rồi lặng lẽ úa tàn.

Đêm Trung Thu nàng cau có hỏi viên trăng

Có phải lấy của nàng gương mặt đẹp

Trăng không nói, vẫn rực sáng cung Hằng

Đêm Ba Mươi âm thầm chìm bóng tối.

...Nàng biết đâu thời gian trôi lặng lẽ

Đã âm thầm làm nhan sắc tàn phai

Dù dân đen hay nàng là công chúa

Bước thời gian tàn phá chẳng chừa ai!

(HTL)

c/ Thời gian cũng làm cảnh vật phai tàn; tôi đi qua khu vườn trong tiết xuân hè, hoa hồng rục rở, khi thu về lá trở vàng, hoa rơi rụng, cả một cảnh tàn phai khiến lòng thi nhân nức nở:

.....Chợt nhớ mùa xuân hồng rục rở

Chớm thu về tàn tạ chẳng còn chi

Ôi thương lắm đời hoa sao hệ lụy

Sớm rã rời trong chiều nắng thu phai

Những đoá hoa rục hồng đời trân quý

Lúc thu về cũng theo lá vàng bay

Ta đứng lặng ngắm cảnh vườn sau trước

Lòng chợt buồn trong giây phút cô đơn

Mới đó mùa xuân bướm hoa hội ngộ

Sao giờ này hieu quạnh lúc chiều buông

(BS)

d/ Bao cuộc thăng trầm bể dâu, biết bao cuộc tang thương trải dài trong thời gian của đời người khiến cho con người trở nên yếm thế tiêu cực, cái nhân sinh quan đó còn đậm nét trong văn học;

Người tìm chi giữa cuộc đời

Bao nhiêu năm tháng trả rồi lại mua

Đành như được, đành như thua

Được vui mấy bận, buồn thua mấy lần

Đành như thắng, đành như trảm

Nam kha nhất mộng vừa không chẳng vừa

Đành như có, đành như chưa

Áo phai màu áo đã vừa niềm đau

Ta ghe gió thoảng qua cầu

Con sâu ôm nước qua màu thời gian

Màu thời gian nẻo nhân gian

Trăm năm cũng một cung đàn mà thôi!

Rồi ra phiến đá giữa đời

Người tìm chi nữa cuộc đời ảo hư!

(Khuyết Danh)

D/ Muốn có hạnh phúc thì thời gian và tình yêu phải đi đôi với nhau. Sống trong cuộc đời này, phải biết yêu thương và tha thứ. Ta yêu thương người chắc chắn sẽ được yêu thương lại, ta mau quên lỗi lầm người khác, chắc chắn trước tiên lòng ta được thanh thản, có giấc ngủ bình yên! Thời gian không có tình yêu là nỗi buồn bơ vơ.... Ta cứ nhìn một đứa trẻ mồ côi, mắt tình yêu của cha mẹ nhận biết bao nhiêu là đau khổ:

**Tôi là đứa trẻ mồ côi từ thuở bé
Sống vật vờ trong cõi vắng cô đơn
Không tình yêu trọn niềm sâu cô lẽ
Nhưng đòn roi còn đau khổ nào hơn!**

Thời gian không có tình yêu hay tình yêu mất đi là lạnh lùng nghĩa trang, là củi mục buồn nẫu..Chính tình yêu ý nghĩa hoá, thấp sáng hồn cho thời gian.

a/ Ai cũng biết sống trong cõi đời không có tình yêu như trái đất không có mặt trời. Kẻ đang yêu và được yêu là đang sống trong thời gian có niềm vui êm ả.

b/ Đứa bé được tình yêu của mẹ cũng khác đứa trẻ mồ côi bất hạnh:

**Tôi hạnh phúc thời gian vui bên mẹ
Những đêm nằm nghe mẹ hát mẹ ru
Trọn yêu thương thấp sáng hồn tuổi trẻ
Mặt trời soi tan biển cõi sương mù (BS)**

c/ Vợ chồng giữ được tình yêu qua năm tháng dài thì hạnh phúc sẽ thêm lên:

**Anh như thiên sứ trời sai xuống
Dẫn dắt em qua lối địa đàng
Hạnh phúc của người lối độ lượng
Bình an ta vượt kiếp hoang mang(HTL)**

d/ Tình yêu quê hương làm cho thời gian ta sông ly hương có ý nghĩa: - Ở đây dù cuộc sống vật chất phồn hoa ta vẫn nhớ về xóm nhỏ quê nhà:

**Ừ nhi tháng năm dài xa xứ
Làm sao quên được ngõ đường xưa
Bờ ao đậu trúc con đò nhỏ
Tiếng hát thôn trang buổi được mùa. (Khuyết Danh)**

-Có những hoạt động phát huy được truyền thống dân tộc: *Mở những lớp học Việt ngữ, mở các lễ hội mùa Xuân...

-Chính tình yêu quê hương thấp sáng linh hồn ta để ta giữ vững lòng tin không bán cả thời gian của cuộc đời cho bã lợi vinh hoa, ai cũng cố gắng học hành làm việc để sáng danh nòi giống.

E/ Thái độ đúng đắn nhất là phải yêu thời gian

a/ Con người không thể giết thời gian trái lại thời gian có thể giết chết con người: -Uống rượu giải sầu, -Giết thời gian bằng cờ bạc.

b/ Thời gian là vàng ngọc, nên ta không thể coi thường thời gian cứ để thời gian trôi đi mất, ta cứ sống vô tình vô ý, dong dài, phung phí thời gian:

**Giữa đời ta cứ dong dài
Giữ lòng trân quý tháng ngày chớ quên**

F/ Đặc tánh của Thời gian là không bao giờ chết

-Thời gian là vĩnh cửu và tình yêu là nguồn sáng trong thời gian, nên tình yêu đẹp được tôn vinh là tình yêu chung thuỷ: không chung thuỷ, làm tắt mạch thời gian, gây đau khổ cho tha nhân. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, biết bao cuộc tình tan vỡ, người ở nhà phai lòng chung thuỷ khiến cho người tù trở về nhận biết bao nhiêu cay đắng:

**Khi người tù được trở về
Năm xưa người cũ lời thề đã phai
Nhịp cầu gãy mộng tương lai
Ân tình một gánh đổ ngoài bến thương
Người không đón đợi bên đường
Để tôi đứng rũ tà dương cổng làng
Ngoài kia sông nước miền man
Cánh chim tìm tổ lang thang cuối trời
Bên tôi xác phượng tả tơi
Gió lầy trút lá phủ đời điu hiu (Khuyết Danh)**

G/ Bản tính thời gian đối với con người là sự sống: đó là tặng phẩm cao quý mà Thượng Đế tặng cho con người.

a/ Trong chế độ độc tài thời gian sống của con người không còn nữa, người ta chỉ còn thời gian sợ hãi, thời gian khô sai.

b/ Các trại tập trung là bộ máy tội ác làm ngưng trệ sự sống của con người, làm tắt mạch thời gian, ở đây con người không còn nhớ năm tháng nữa. Một nhà thơ bị lưu đày nơi đất Bắc đã ngâm ngợi:

*Ở đây nghe nhạc sầu qua tiếng suối
Ngắm núi rừng không đếm được thời gian (BS)*

Đúng trại tập trung là tường thành ngăn cách yêu thương, làm cuộc sống tàn tạ vì thời gian đã tắt mạch sống!

c/ Những kẻ hứa hẹn rồi cố quên lời hứa để tha nhân mất thời gian mỗi mòn chờ đợi đó là một kẻ tội lỗi.

d/ Thời gian là sự sống phải sống có ích:

-người bình thường lúc trẻ phải cố gắng học hành, làm việc góp phần cho xã hội để cuộc sống phong phú tiến bộ.

-người lớn tuổi chớ có mặc cảm sống bất động thành kẻ sống thừa. Hãy nhớ rằng tuổi tác là chuyện của cái tâm, nếu ta không thêm quan tâm, chả có vấn đề tuổi tác. Đông Phương có triết lý “**Hưởng Lạc Dư Niên**” tức là nghệ thuật già, đó là nghệ thuật duy trì niềm hi vọng trong tâm hồn.

-Những người có sự sống tuyệt vời như các nhà khoa học, các nghệ sĩ tài hoa họ để lại cho đời những công trình, những tác phẩm, coi như họ sống mãi với thời gian! Suốt đời họ sống, họ không phí phạm thời gian, họ sáng tạo ra những công trình, những tác phẩm bất hủ để lại hậu thế, giúp đời thêm phong phú. Tuy chưa bao giờ ta gặp mặt họ, nhưng qua công trình sáng tác, họ để lại, chừng như ta còn thấy họ trong đời này, vì họ bất tử với thời gian!

Như vậy, thế giới chúng ta không hẳn là thế giới có mặt những người thân quen từng gặp ngoài đời mà còn là một thế giới có mặt những người chưa gặp gỡ, nhưng chắc chắn trong thế giới của chúng ta, vẫn lảng vảng hình bóng của: *Khuất Nguyên lang thang trên sông Mịch La, *Một Lý Bạch tiêu xái trong quán rượu Hàng Châu * Một Nguyễn Du nả nề trở lại Thăng Long thành * Một Nguyễn Trãi đặt ngộ trên đất Côn Sơn * Một Bà Huyện Thanh Quan qua đèo Ngang tức cảnh * Và biết bao kẻ sĩ tài danh khác đã một lần đi qua trần gian nhưng chưa khuất bóng trong lòng chúng ta!

Con người thực sự không làm chủ được thời gian, người ta không biết ngày mai sẽ ra sao, nên người ta hay lo lắng cho tương lai của mình. Sự lo lắng này cũng vô nghĩa. Có người cứ đau buồn cái quá khứ của mình! Phải nhớ rằng thời gian cũng là liều thuốc nhiệm màu làm tan bao niềm đau khổ và xoá mờ vết hằn trong quá khứ! Cho nên cái gì qua phải cho qua, vì:

*Chuyện buồn rồi cũng thành quên
Nghĩ thêm u uẩn buồn thêm hận sâu
Trăm năm ai thoát bạc đầu
Nghìn năm thì cũng một màu mây bay!
(Khuyết Danh)*

Quá khứ đã qua, tương lai không biết chỉ hiện diện với ta là **hôm nay!** Hôm nay phải rất cẩn trọng, không phải bắt đầu công việc hôm nay bằng **cái ta** (ý vào tài năng của mình, ý vào sắc đẹp, ý vào quyền lực của mình) *Có tài mà cậy chi tài *Chữ tài liền với chữ tai một vần *Có ai quyền lực bằng Liên Xô, Tần Thủy Hoàng...rồi cũng tàn lụi!

Cho nên ngày hôm nay hạnh phúc là ngày hôm nay thanh thoi và cũng cần biết rõ rằng:

*Ngày đến thời gian giữa nắng tàn
Đêm nhìn bóng tối dạ mang mang
Trăm năm đời hẹn vô thường nhĩ
Một kiếp người mới họp lại tan.*

*Ta đếm thời gian lúc gác rơi
Mà nghe tuổi rụng rớt bên đời
Sáng ra ngơ nản hồn chưa tỉnh
Đã thấy đêm về tối quá thôi!
(Khuyết Danh)*

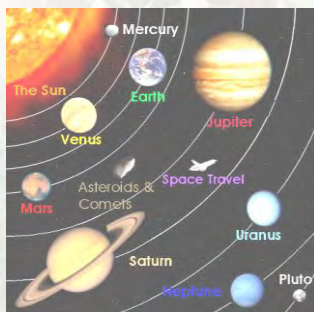
NHỊP ĐIỆU THỜI GIAN TRONG KHÔNG GIAN VÔ TẬN

Nguyễn Kim Lộc
(Chicago, Illinois. USA)

Từ xưa đến nay, hầu hết mọi người trong chúng ta đều thắc mắc, đặt vấn đề và cố tìm hiểu Vũ Trụ từ đâu có? Con Người từ đâu đến và Thời Gian khởi sự lúc nào? Tất cả các vấn đề này vẫn còn nằm trong sự đoán định, chưa có câu trả lời chính xác.

Ngành Khoa Học Thế Giới chỉ mới từng bước tìm ra một số hành tinh trong không gian bao la, chứa vạn ngàn Thiên Thể, hàng tỷ Ngân Hà, Thiên Hà...

Trước đây, dựa theo sự phát hiện Thái Dương Hệ của chúng ta đang ở thì chỉ có bảy hành tinh, nên gọi là *Thất Tinh*, gồm có: Quả Địa Cầu, Mặt Trăng và năm hành tinh sau đây (tính từ trong ra ngoài):



Thủy Tinh (Mercury), Kim Tinh (Venus, còn gọi là sao Hôm, sao Mai), Quả Đất (Earth), Hỏa Tinh (Mars), Mộc Tinh (Jupiter) và Thổ Tinh (Saturn)

Tưởng chừng đó thôi, nhưng không ngờ sau đó, người ta lại phát hiện thêm một số hành tinh khác sau đây:

Thiên Vương Tinh (Uranus - phát hiện năm 1781)

Hải Vương Tinh (Neptune - phát hiện năm 1846)

Diêm Vương Tinh (Pluton - phát hiện năm 1930)

Trong chương trình chinh phục không gian, ngày thứ Tư 16-7-1969, nước Mỹ đã cho phóng phi thuyền Apollo 11 lên mặt trăng. Hai phi hành gia Mỹ, Neil Alden Armstrong và Edwin Aldrin được coi là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng.

Cũng trong mục đích tìm hiểu không gian, trước đây người ta dùng những viễn vọng kính đặt trên mặt đất như viễn vọng kính Galileo (1610), viễn vọng kính Huyghens (1655), viễn vọng kính William Herschel (1781), nhưng đến thế kỷ XX, vào ngày thứ Ba 24-4-1990, Trung Tâm Không Gian Hoa Kỳ (NASA) đưa viễn vọng kính Hubble (nặng 11 tấn, dài 13m2, đường kính 4m2) lên không trung, đặt trên một quỹ đạo bên ngoài bầu khí quyển, cách mực nước biển 593 cây số, bay với tốc độ 28.000 cây số/giờ, và cũng từ đó, khám phá thêm nhiều tiểu hành tinh (trong số có Diêm Vương Tinh (Pluton), Ceres, Charon (1978) và Eris, sao chổi, bụi và plasma.

Nhờ hệ thống viễn vọng kính, các nhà khoa học đã quan sát và nghiệm thấy từng hành tinh có hấp lực riêng và hấp lực tương tác của từng nhóm hành tinh, như Trái Đất, hành tinh chúng ta đang sống, tự xoay chung quanh một cái trục cố định Bắc Nam; mặt trăng xoay quanh quả đất và nguyên cụm hành tinh này lại xoay quanh mặt trời theo một quỹ đạo gần như cố định, rồi lại đến lượt thiên hà có hệ mặt trời chúng ta đang ở, lại quay chung quanh tâm của dải ngân hà...., nhưng mỗi hành tinh chuyển động với vận tốc khác nhau, theo quỹ đạo hình tròn hoặc hình bầu dục, và càng xa mặt trời (tức ở ngoài rìa) thì sự chuyển động càng chậm. Tính vận tốc theo km/giây, chúng ta có thể thấy: Thủy Tinh 47/88; Kim Tinh 35/02; Trái Đất 29/79; Hỏa Tinh 24/12; Mộc Tinh 13/06; Thổ Tinh 9/46; Thiên Vương Tinh 6/81; Hải Vương Tinh 5/44; Diêm Vương Tinh 4/75; Mặt Trăng cách trái đất khoảng 384 000 km (2160 miles), đường kính 3476 km, quay chung quanh Trái Đất 29 ngày rưỡi. Đường kính trái đất 12732 km (7957 miles).

Qua sự quan sát nói trên, các nhà khoa học biết được trong Vũ Trụ có hằng trăm, hằng ngàn tỷ Thiên Hà; có hàng tỷ dải Ngân Hà, mà Trái Đất chỉ bằng một phần triệu của Mặt Trời, trệt xoắn ốc mờ mờ trên một màn đen trên một tấm hình khổ bằng tờ giấy học trò, do viễn vọng kính Hubble chụp được, cho thấy không gian quả là bao la vô tận....

Và các nhà khoa học tưởng tượng ở các hành tinh xa xôi kia, chắc có nhiều giống người có hình dạng khác với con người của thế gian này và có thể họ văn minh hơnvà từ đó, các nhà làm phim tại Mỹ cho sản xuất những cuốn phim khoa học viễn tưởng như *Cuộc Hành Trình Xuyên Vũ Trụ (Star Trek Voyager)* hoặc *Chiến Tranh Các Vì Sao (Star Wars)*...

Các nhà khoa học không gian cũng đang quan sát một Thiên Hà lân cận dải Ngân Hà có hệ mặt trời của chúng ta, có tên là *Andromede* cách quả đất đến 2, 3 triệu năm ánh sáng.

Vũ Trụ chúng ta đang ở có sự giãn nở hàng triệu km/giây và mỗi năm có thêm 10 Thiên Hà xuất hiện...và điều đặc biệt do tàu vũ trụ Voyager 2 của Mỹ khám phá sao Hải Vương có 5 mặt trăng và sao Thiên Vương có đến 10 mặt trăng.

Qua sự phát hiện về các vận hành của các hành tinh và thiên thể nói trên, con người có ý niệm về thời gian... và qua nghiên cứu bằng nhiều cách, người ta phân định được ngày đêm và tính được ngày giờ, năm tháng, phút, giây. Thật là tuyệt vời cho khối óc con người. Một khối óc nhỏ nhoi nhưng đã suy nghĩ ra những điều kỳ diệu.

- Con người không bay được như chim nhưng đã phát minh được Phi Cơ, Phi Thuyền, đưa con người lên không trung và bay xa ngàn dặm, lên đến Mặt Trăng, rồi sau đó, đến Hoả Tinh và càng ngày càng xa hơn nữa trong Vũ Trụ bao la...

- Con người không lặn như cá nhưng đã chế được Tiềm Thủy Đình và các dụng cụ tối tân, đưa con người xuống khảo sát được lòng đại dương sâu thẳm...

Con người đã phát minh hàng loạt những điều hữu ích, tính được tốc độ của ánh sáng, tốc độ âm thanh và các loại sóng điện từ, tia cực tím, tia hồng ngoại vân vân....; tính được khoảng cách của các hành tinh... và trong quá trình tìm cách đo thời gian, người ta chế ra đồng hồ bằng cát, bằng nước, đến đồng hồ ba kim, chỉ giờ, phút, giây và có cả lịch, ghi ngày, thứ trong tuần và tháng, gọn nhẹ, con người có thể đeo nơi tay, đặt trên bàn hoặc treo trên tường, để nghe tiếng thời gian đi và biết giờ giấc đi làm hoặc nghỉ ngơi theo ý muốn.

Mỗi tích tắc là mỗi giây qua, nhịp điệu thời gian nảy sanh từ đó. Chiếc đồng hồ treo trên tường cứ chạy đều, từng giây qua, phút qua, giờ qua, tháng qua, năm qua. Người ta dựa vào chiếc đồng hồ này mà phân ra giờ lao động và giấc nghỉ ngơi và bằng vào quyền lịch mà chúc nhau khi Xuân về, Tết đến.



*Chúc 1 năm mới An Khương,
12 tháng Thịnh Vượng,
365 ngày Hạnh Phúc,
8 760 giờ Sung Túc,
525 600 phút Thành Công,
3 153 6000 giây Vạn Điều Như Ý.*

Và cũng bắt đầu từ đó, người ta tính ngược lại, đoán định được Vũ Trụ đã có 12 tỷ tuổi, kể từ sau vụ nổ “*Big Bang*”, Trái Đất được ước định khoảng bốn ngàn sáu triệu (4.006.000.000) năm trước và con người được ghi nhận xuất hiện khoảng 250 ngàn năm trở lại đây.

Và cũng qua nghiên cứu, người ta biết được loài cá, loài bò sát và loài vật có vú, xuất hiện trước con người... và ghi nhận loài Khủng Long đã có mặt trên Trái Đất trước các loài vượn kể và đã tuyệt chủng từ hơn 65 triệu năm qua.

Nhịp điệu thời gian tích tắc trôi qua, kéo theo một dòng sống vô cùng sinh động của Vạn Vật: Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàn, con người dựa vào sự tuần hoàn của Vũ Trụ mà đưa ra ý niệm:

*Xuân du phương thảo địa, Hạ thưởng lục hạ tri
Thu ẩm hoàng hoa tửu, Đông ngâm bạch tuyết thi*

Rồi người ta lại nghĩ, thời gian như bóng câu qua cửa sổ và đời người cũng sẽ qua nhanh, “*Tuổi trẻ bao lâu mà đầu bạc - Trăm năm thân thể bóng Tà Dương*”; cuộc sống của mỗi người, sau thời niên thiếu chăm lo học hành đỗ đạt, lại phải trải qua những mốc thời gian quan trọng như sau:

*Tam thập nhi lập
Tứ thập nhi bất hoặc
Ngũ thập tri thiên mệnh
Lục thập nhi nhĩ thuận
Thất thập cổ lai hy ...*

Đời sống của con người chỉ kéo dài đến 70 năm, vào thời điểm cách nay hơn 100 năm; lúc bấy giờ, sống đến tuổi 70 là hiếm lắm, cho là thọ rồi, *thất thập cổ lai hy* là chuyện không dễ dàng như mọi người mong muốn. Người ta cho rằng đời sống của con người chỉ có 70 năm thì quá ngắn, nên có người chủ trương hãy ăn chơi, tận hưởng lạc thú trên đời này, chơi ngày không đủ tranh thủ chơi đêm, từ ý “*cổ nhân bình chúc*”, “*chơi xuân kéo hết xuân đi - cái già sống sộc nó thì theo sau*”, nên họ chủ trương sống theo thuyết “*hiện sinh*”, hãy cứ yêu cuồng, sống vội...nhưng cũng có một số người khác, ảnh hưởng thuyết nhà Phật, thông suốt chu kỳ “*sinh, lão, bệnh, tử*” và cái nghiệp của kiếp nhân sinh; khi nhìn vào quỹ thời gian, thấy không còn bao nhiêu nữa, nên vội vã dấn thân vào đường tu hành, mong được giải thoát

Đến nay, nhờ khoa học tiến bộ, đời sống con người được cải thiện nhiều mặt, nhất là cách vệ sinh phòng bệnh và chữa bệnh, đồng thời tạo được niềm vui trong cuộc sống, qua nhiều chương trình giải trí, thể thao, ca nhạc vân vân... nên tuổi thọ của con người được kéo dài hơn... hiện tại đã có nhiều người sống trên 100 tuổi, lên hàng thượng thọ mà tâm trí vẫn còn minh mẫn.

Nhiều người than, thời gian sao mà qua nhanh quá, mới thuở nào là thiếu niên với mái tóc xanh mà nay tóc đã bạc màu, còn người đẹp thì không còn đẹp nữa ...nên mua kem dưỡng da, kem thoa mặt hoặc có người muốn bắt thời gian dừng lại, như nhà thơ Xuân Diệu từng viết “*muốn buộc gió lại và tắt nắng đi*”

*Tôi muốn tắt nắng đi cho màu dềng nhặt mắt
Tôi muốn buộc gió lại cho hương dềng bay đi*

Nắng gió ở đây là nắng gió thời gian và không gian, giúp cho tuổi trẻ vươn lên, học hành tiến bộ, thành công đạt nghiệp và cũng nắng gió này làm cho người già co cụm lại, nhìn đĩa dầu hao, nhìn ngọn đèn sắp tắt...

Người trẻ thì muốn thì giờ qua mau, người già thì muốn thời gian đi chậm lại, nhưng chẳng ai toại ý, vì thời gian mãi vô tư nhịp đều, từng giây qua, phút qua, giờ ngày qua, tuần qua, tháng năm qua, thế kỷ qua, thiên niên kỷ qua...

Hàng ngày ta sống với thời gian, nhưng ít ai chịu khó tìm hiểu về Thời Gian. *Thời gian là gì và khởi sự từ lúc nào?*

Do sự theo dõi các hiện tượng xảy ra trong không gian và tính toán, người ta biết được quả đất chúng ta đang ở là hình cầu, tự quay quanh một cái trục Bắc Nam cố định và xoay quanh Mặt Trời cũng như Mặt Trăng xoay quanh Trái Đất và cùng Trái Đất xoay quanh Mặt Trời....

Về giây, phút, giờ, ngày, người ta áp dụng hai hệ Dương Lịch và Âm Lịch. Hai hệ này có cách tính giống nhau về tháng, nhưng khác nhau về Năm Nhuận. Dương Lịch căn cứ theo sự vận chuyển của Trái Đất chung quanh Mặt Trời, một chu kỳ là 365 với 1/4 ngày (tức 06 giờ). Người làm lịch chỉ sử dụng 365 ngày và phân chia thành 7 tháng 31 ngày, 4 tháng 30 ngày, và một tháng 28 ngày.

Coi như mỗi năm dư ra 06 giờ và cứ 04 năm thì tròn được một ngày, ngày này cho vào tháng 02, gọi là Năm Nhuận (có 366 ngày), tháng 02 có 29 ngày, rơi vào những năm mà con số của năm chia chẵn cho 4 (thí dụ: 2012:4= 503).

Âm Dương Lịch tính theo tuần trăng, một năm cũng có 12 tháng, có tháng thiếu là 29 ngày và tháng đủ là 30 ngày, chu kỳ một năm chỉ có 354 ngày hoặc 356 ngày; 19 năm có 07 năm nhuận (13 tháng). Năm Nhuận dài đến 384 hoặc 385 ngày, và Tháng Nhuận thường được xếp vào những ngày Tiết Khí sau ngày Đông Chí.

Bản về Hệ Thống Âm Lịch mà không nói đến *Kinh Dịch* là một điều thiếu sót. Kinh Dịch là tên một quyển sách giải thích về những lẽ biến hoá trong trời đất và đề cập về khoa bói toán và tướng số. Nguyên đời xưa vua Phục Hy bên Tàu đặt ra tám quẻ biến đổi gọi là “*Bát Quái*”, về sau Đức Khổng Tử giải thích những quẻ ấy gọi là “*Kinh Dịch*”, các nhà tướng số dùng Kinh Dịch mà chiêm tử vi.

Người ta dựa vào kinh nghiệm về Thời Tiết mà phân định mùa màng, chia theo Thiên Văn, chia theo Khí Tượng, chia theo Truyền Thống Á Đông.

Phân định theo Khí Tượng:

Mùa Xuân gồm 3 tháng: Ba, Tư và Năm

Mùa Hạ gồm 3 tháng: Sáu, Bảy và Tám

Mùa Thu gồm 3: tháng Chín, Mười và Mười Một

Mùa Đông gồm 3 tháng: Tháng Chạp, Giêng và tháng Hai.

Còn tính theo Truyền Thống Á Đông thì thường trước một tháng, thay vì theo Khí Tượng, mùa Xuân khởi từ tháng Ba, thì theo Truyền Thống Á Châu mùa Xuân khởi từ tháng Hai, còn theo Hệ Thống Thiên Văn chậm một tháng, thay vì khởi vào tháng Ba, thì lại khởi vào tháng Tư.

Và cũng có sự khác biệt về *Tám Tiết*, những ngày Lập Xuân... của Truyền Thống Á Đông và Xuân Phân theo mốc Thiên Văn. Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông... theo Truyền Thống Á Đông thường khởi vào những ngày giữa thượng tuần Âm Lịch của tháng bắt đầu, còn theo mốc Thiên Văn thì khởi đầu vào những ngày đầu của hạ tuần của tháng bắt đầu, ngày 20, hoặc 21 tháng 3 Dương Lịch cho Xuân Phân; 21 hoặc 22 tháng 6 Dương Lịch dành cho Hạ Chí; ngày 23 hoặc 24 tháng 9 Dương Lịch cho Thu Phân và 22 hoặc 23 tháng 6 Dương Lịch dành cho Đông Chí.

Theo Kinh Thánh dạy, Thượng Đế tạo ra Trời Đất và mọi sinh vật trên cõi đời này, kể cả loài người; nhưng theo Vũ Trụ Học thì Quả Đất được hình thành sau một vụ “*Bùng Nổ Lớn*” (Big Bang) của một lỗ đen (black hole) nguyên thủy, có một năng lượng khủng khiếp, theo định luật tự nhiên....

Còn thời gian thì lúc nào cũng như lúc nào, vẫn tích tắc nhịp đều, nhưng mỗi người, tùy hoàn cảnh mà nhận định thời gian qua mau hay chậm; nơi hý trường, người ta thấy thời gian qua mau, còn những kẻ trong kiếp tội tù thì thời gian đi quá chậm, vì yếu tố tâm lý, người vui chơi không để ý đến thời gian, nên khi sự nhớ, xem lại đồng hồ thì cuộc vui sắp tàn, nên cho rằng “*thời gian qua mau quá*”. Còn ở trong hoàn cảnh khổ sở, tội tù... cứ ngồi đếm thời gian từng ngày, từng năm, nên thấy thời gian qua chậm quá...

Tôi tìm hiểu về Không Gian và Thời Gian được một phần trên đây, thì đâm ra bẽ tắt vì thiếu nguồn tài liệu....., nhưng lại cũng rất may, trong chuyến tôi đi Houston -Texas thăm bạn bè vào tháng 3 -2008, khi tiết trời sắp sửa vào Xuân.....tôi hân hạnh gặp người bạn vong niên, ông Trần-thượng Thủ, sinh quán tại Long Điền (Bà Rịa - Phước Tuy), cựu giáo sư trường Petrus Ký và các trường Trung Học ở Sài Gòn, trước và sau ngày 30-4-1975.

Ông tặng tôi quyển sách thuộc loại biên khảo “*NHỊP ĐIỀU THỜI GIAN* hay là *LỊCH PHÁP GIẢN YẾU*”. Tôi cầm quyển sách trên tay mà lòng mừng khắp khởi, với tâm trạng “*hạn hán phùng cam vũ*”. Một quyển sách dày trên 600 trang, ông đã bỏ ra trên 50 năm nghiên cứu, với đầy đủ các đề tài liên quan đến thời gian, đề cập trên 20 loại lịch từ cổ chí kim: lịch cổ Do Thái, Ai Cập, Hy Lạp, Ấn Độ.....Nhật Bản, Trung Hoa...và ba hệ lịch lớn đang lưu hành là Lịch Hồi Giáo, Lịch Gregorius và Lịch Việt Nam.

Ông giải thích rõ ràng thế nào là Dương Lịch, thế nào là Âm Lịch và thế nào là Âm-Dương Lịch, cùng mọi sự tương tác về Ngũ Hành Tương Sinh và Ngũ Hành Tương Khắc, ông cũng sưu tầm về cách đo định, tính toán, phân chia thời gian từ cách dùng cát, dùng nước, cách sắp xếp vòng cột đá ở STONEHENGE cho đến cái đồng hồ hiện tạicàng đọc càng say mê.

Giáo sư Trần-thượng Thủ mà tôi vừa trình bày là cháu đời thứ mười hai của Đức Ông Trần Thượng Xuyên, có đền thờ ở Đình Tân Lâm, thành phố Biên Hoà.

Thế là tôi có dịp đọc và so sánh nhịp điệu thời gian trong quyển sách nói trên của ông, coi có giống các nhịp điệu Tango (2/4), Valse (3/4), hay Mambo hoặc Chachacha (4/4) trong âm nhạc hay khôngTôi thấy không giống chút nào mà còn trái ngược, các điệu trong âm nhạc có ngắn có dài, lúc nhanh lúc chậm....còn nhịp điệu thời gian chỉ có hai tiếng tích tắc nhằm chán nhịp đều...thế mà ai cũng quan tâm và mọi con người đều bị chi phối từ lúc mới sanh cho đến lúc cõi hạc qui tiên.

Mỗi cá nhân đều có một thời khoá biểu riêng, hoặc viết trên giấy hoặc ghi nhớ trong đầu để làm việc và nghỉ ngơi cho đúng giờ hoặc theo quán tính giờ nào việc đó....

Khi nghe giới thiệu một cô gái ở tuổi mười tám hoặc đôi mươi, ta chưa có dịp gặp lần nào, không biết cô ấy đẹp xấu ra sao... nhưng điều chắc chắn, ta có thể đoán là một phụ nữ trẻ trung, đầy sung mãn về thể lực.... còn khi nghe nói đến một ông lão bảy hoặc tám mươi tuổi, ta nhắm mắt lại cũng có thể hình dung người ấy như thế nào, chẳng những sức khoẻ yếu kém, mà nhiều khi còn bệnh hoạn nữa, cái tuổi mà bà con thường gán cho “*cái tuổi gân đất xa trời*”.

Khi còn trẻ, lòng tràn đầy mơ ước, ta muốn thời gian qua mau để nhanh chóng đạt thành ý nguyện, như câu chuyện thần thoại “*Cậu Bé Và Ông Chi Thần*”, kéo ông chỉ tùy thích cho thời gian qua mau để sớm được công thành danh toại, có vợ đẹp con ngoan..... nhưng đến một lúc nào đó ta muốn thời gian đi chậm lại.... vì yếu tố tâm lý ... khi thấy “*cánh ngày xế bóng, cánh người tàn niên*” đã cận kề, tức thì muốn thời gian dừng lại, nhưng thời gian cứ vô tình, nhịp đều không thiên vị, tích tắc dần qua.... không mau mà cũng không chậm, rồi việc gì đến tất phải đến.

Nói đến nhịp điệu thời gian mà không nhắc đến chiếc máy thời gian hoặc gọi thông thường là cái đồng hồ, là một điều thiếu sót.

Cái đồng hồ, mọi người đang sử dụng, đó là máy thời gian, do người Ý phát minh vào thế kỷ thứ XVI, rồi kỹ thuật này không mấy chốc, được truyền sang Pháp, những thợ đồng hồ di dân phần đông là Tín Đồ Tân Giáo.

Đến năm 1685, Chánh quyền Pháp cấm đạo Tân Giáo, nên các tín đồ Tân Giáo chạy sang vùng núi Jura (Genève) sinh sống và chính nơi này, họ phát triển kỹ nghệ sản xuất đồng hồ tốt nhất và đẹp nhất thế giới, sớm đưa nước Thụy Sĩ lên hàng vương quốc về đồng hồ.

Đến năm 1845, Thụy Sĩ hiện đại hoá kỹ nghệ đồng hồ từ mẫu mã đến kỹ thuật, nên được khắp thế giới yêu chuộng. Người Thụy Sĩ đã chế ra các loại đồng hồ: đồng hồ lên dây thieu, đồng hồ tự động, đồng hồ dạ quang, đồng hồ thạch anh, đồng hồ điện tử (chạy bằng pin, bằng điện, hoặc năng lượng mặt trời), đồng hồ thân nhiệt, đồng hồ gỗ kiếng, đồng hồ nhạc, vân vân...

Đồng hồ Thụy Sĩ mỏng, đẹp. Những hiệu nổi tiếng nhất trước kia cũng như hiện nay vẫn là các hiệu Movado, Rado, Longines, Omega, Rolex... một loại trang sức lý tưởng nhất của nam giới thập niên 40, 50, với giá trung bình một ngàn đô la Mỹ trở lên,

Hiện nay Thụy Sĩ vẫn là quốc gia dẫn đầu sản xuất các loại đồng hồ hiệu Vacheron, Constantin, Piaget Audemas Piquet rất đắt tiền, riêng hiệu Patek Philippe giá từ trên một triệu đô la Mỹ.

Một chiếc đồng hồ duy nhất ra đời vào năm 1932 thuộc quyền sở hữu của Bá Tước Ý Đại Lợi tên Carlo Felice Trossi và đã bán đấu giá Sotheby (Genève) về tay người khác với giá 200 000 bảng Anh..... đang đứng đầu bảng về tốt, đẹp, bền và đắt tiền nhất.

Phần đông người Việt Nam, trước 1975, hạng trung lưu vẫn thích các hiệu Longines, Omega và Rolex... khoảng một ngàn đô hiệu Longines, Omega... và ba ngàn đô hiệu Rolex...

Thị trường đồng hồ Thụy Sĩ có một thời gian bị khủng hoảng, vào khoảng thập niên 70 đến 90, kỹ nghệ đồng hồ Thụy Sĩ bị kỹ nghệ đồng hồ các nước như Mỹ, Đức, Ý, Hồng Kông, nhất là nước Nhật với các loại đồng hồ điện và thạch anh như hiệu Seiko, Citizen, Casio... lấn chiếm, vì các loại đồng hồ vừa kể có mẫu mã tương đối, nhưng giá tiền rẻ hơn đồng hồ Thụy Sĩ rất nhiều.

Nhật Bản khai thác yếu tố tâm lý, sản xuất loại đồng hồ vừa túi tiền của đông đảo dân chúng, thuộc lớp bình dân và giai cấp trung lưu, quả là một sáng kiến tuyệt vời.

Đĩ nhiên, các nhà sản xuất đồng hồ ở Thụy Sĩ phải nghiên cứu để giựt lại thị trường, bằng cách, vào khoảng năm 1985, các hãng đồng hồ Thụy Sĩ cho sản xuất hàng loạt đồng hồ hiệu Rolex, Breitling, Cartier... dưới dạng “*copy*” giống y chang đồng hồ chánh hiệu, nhưng chất lượng kém hơn, bán ra thị trường với giá chừng 100 đô la Mỹ, thấp hơn giá các đồng hồ Seiko, Citizen... của Nhật Bản đang giá khoảng 130 đô la Mỹ.

Thụy Sĩ đánh giá các loại đồng hồ dạng “*copy*” này không bằng đồng hồ chánh hiệu, loại đắt tiền, nhưng bảo đảm chất lượng cao (highest quality replicas guaranteed) hơn các loại đồng hồ của các nước khác, với giá rẻ (new low cost Swiss Range) và bán chạy nhất ở Âu châu (the best in Europe).

Đồng hồ hiệu Rolex vẫn là một thương hiệu nổi tiếng nhất hiện nay, chiếc đồng hồ chánh hiệu rẻ nhất được bán với giá ba ngàn đô la Mỹ và loại “*copy*” cũng sản xuất tại Thụy Sĩ chỉ với giá trung bình 100 đô la Mỹ; nhưng, hiện nay, có một điều đáng lưu ý là loại đồng hồ Rolex và nhiều hiệu khác của Thụy Sĩ bán trên

thị trường, dưới dạng đồng hồ “copy”, nhưng không phải do Thụy Sĩ sản xuất, mà do nhiều nước Á Châu sản xuất.

Ngày thứ Năm 21-5-2009, tôi cùng ông Trần-thượng Thủ và cùng một số bạn trong đoàn “*Hoa Bưởi Vượt Đại Dương*” được cô Trương Thị Ngọc Hương biệt danh “*Cô Ba Biên Hoà*”, đưa chúng tôi đi viếng thăm nhiều nơi trên đất nước Thụy Sĩ.

Điều đáng ghi nhớ trên xứ này là đi đâu cũng thấy treo đồng hồ, nhất là những nơi công cộng và ở trên nóc những toà lầu cao đều có trang trí những cái đồng hồ thật to, nhằm quảng cáo cho hiệu đồng hồ nổi tiếng như: OMEGA, ROLEX, LONGINES....

Đặc biệt hơn nữa là có một cái đồng hồ cỏ, với những cây kim thật to, dài cả thước, đang chạy trên thảm cỏ, được trang trí bông hoa theo hình dáng một cái đồng hồ.

Cái đồng hồ này được tái trang trí tùy theo mùa cho phù hợp với cảnh sắc thiên nhiên tại công viên “*Jardin Anglais*” nằm gần cầu Mont Blanc bắc ngang hồ Léman ...



Hầu hết dân chúng sinh sống ở các thành phố ngoại ô Genève như Le Locle, Neuchatel, La Chaux de Fond....đều sống bằng nghề làm đồng hồ....

Hàng năm đều có triển lãm đồng hồ tại BALE Thụy Sĩ; hãng Patek Philippe có một viện bảo tàng, chỉ trưng bày đồng hồ riêng của hãng từ ngày thành lập hãng đến nay.

Tại Lausanne, một thành phố cách xa Genève khoảng chừng 60 cây số, có Viện Bảo Tàng Quốc Tế về đồng hồ và chiếc đồng hồ OMEGA là chiếc đồng hồ duy nhất được cố Tổng Thống Mỹ Kennedy chọn mang lên Mặt Trăng vào ngày Chúa Nhật 20-7-1969. Hiện nay ở Việt Nam người ta có khuynh hướng thích sử dụng đồng hồ hiệu TISSOT.

Chiếc máy thời gian cứ vô tình lặng lẽ từng giây, từng phút, giúp cho mọi người sắp xếp phân định giờ giấc trong ngày, theo chu kỳ hai mươi bốn giờ ...rồi hết chu kỳ này tiếp nối chu kỳ khác, cứ thế ngày qua, tháng qua, năm qua, bốn mùa tám tiết, xuân hạ thu đông.....mang tính song hành biến dịch của không gian, thời gian và dòng đời...

Thời gian và không gian rất quan trọng và ý nghĩa đối với mỗi con người từ lúc mới sanh ra đời. Mỗi người trong chúng ta đều có một tờ khai sanh, trong khai sanh viên chức hộ tịch có ghi rõ sanh ra tại đâu, tại Biên Hoà hay Bà Rịa chẳng hạn, đó là không gian; có ghi ngày tháng năm sanh, đó là thời gian; và có ghi cả tên cha mẹ để nhắc nhở về cội nguồn gia tộc.

Tờ khai sanh được chúng ta mang theo suốt đời để xuất trình chứng minh, khi đúng tuổi nhập học vỡ lòng hoặc khi đúng tuổi tòng quân để bảo vệ quê hương yêu quý của chúng ta. Có nhiều bà mẹ rất kỹ, còn ghi cả giờ sanh của đứa con, để sau này chấm số tử vi.

Khi Xuân về, tìm hiểu một chút về không gian, thời gian và một chút lịch sử về cái đồng hồ cũng là lý thú phải không các bạn?

ĐƯỜNG XƯA LỐI CŨ

Nguyễn Văn Lợi

(Garden Grove, California. USA)

“Xa quê hương, ai cũng mong ngóng có một ngày trở lại cố quận mặc dù mỗi người có sự khác biệt nhau về điều kiện sinh sống hoặc điều kiện cho sự trở về. Một số người chỉ cần được thoả mãn ước vọng được trở về sống nơi chôn nhau cắt rốn là đủ, người khác chỉ muốn trở về khi đất nước yên bình theo đúng như sự mong ước của họ. Tuy nhiên, tất cả những người ly hương nói chung đều có cùng một mẫu số, vì tuổi càng cao, sức càng yếu thì người ta càng để cho ký ức trôi ngược về quá khứ xa xưa với những kỷ niệm thời thơ ấu; nhất là những hình ảnh về quê Cha đất Mẹ...”



Cuối năm ấy, sau khoảng mười năm tản cư lìa bỏ làng quê xuống định cư tại Tỉnh lỵ Biên Hoà; nhân Hiệp Định Đình Chiến đã được ký kết và thi hành, Má tôi sắp xếp công việc cho một chuyến về thăm quê, xã Võ Xa, Lợi Hoà. cách khoảng 20 cây số (km) về hướng Tây Bắc tỉnh Biên Hoà. Nơi đó, Má đã sống và lớn lên cùng với 05 anh em khác; trong đó người lớn nhất là Cậu Hai (thầy giáo Nguyễn Thành Bỏ - còn được gọi là thầy giáo Tứ).

Hôm đó, trời vừa hừng sáng, Má đã gọi tôi dậy bảo đánh răng, rửa mặt để cùng đi ra bến xe ở cuối chợ Biên Hoà, gần bờ sông cho kịp giờ xe đò khởi hành đi Cây Đào (Tân Phú). Chủ xe đò này là ông Tư Chàng, sinh sống tại Chợ Cây Đào, có người con trai lớn tên Hắc Quây. Về sau có thêm một vài người nữa có xe chạy trên lộ trình này. Thời đó, phương tiện giao thông cũng như đường sá chưa được phát triển. đồng thời người dân cũng chưa có nhiều nhu cầu đi lại, nên mỗi ngày không có nhiều chuyến đi Biên Hoà - Tân Phú như thời gian sau này.

Xe rời bến, leo dốc lên đường lộ lớn (Nguyễn Hữu Cảnh), quẹo trái về hướng Cây Chàm, Sở Cải qua cầu đúc ở xóm Cây Khế, coi như xe đã ra khỏi ngoại ô Biên Hoà... Sau đó, xe đi vào khu vực núi Bửu Long, một thắng cảnh nổi tiếng với kiếng chùa trên đỉnh núi đã thu hút rất nhiều khách thập phương khắp nước. Nhất là vào các dịp Lễ, Tết người Hoa Kiều ở Sài Gòn, Chợ Lớn đến hành hương rất đông. Xe chạy ngang những ruộng lúa dọc theo hai bên đường trải dài đến Bến Cá, ở đây có một ngã rẽ trái qua một chiếc cầu nhỏ để vào xã Tân Triều rậm rạp những vườn bưởi ổi, bưởi đường thơm ngon nổi tiếng Biên Hoà (và nổi tiếng cả những bông hoa biết nói?) - chỗ này, cho phép tôi thăm trách người bạn tên LVH (Carolina), là người quê xứ này mà lại đành đoạn sống độc thân suốt một cuộc đời trai trẻ! Trong khi đó có một huynh trưởng (NQ) lại đến làm rể xứ này, anh Dương Minh Chấn. Tân Triều còn một nét đặc biệt là có một nhà thờ Thiên Chúa nho nhỏ, sớm sớm chiều chiều tiếng chuông giáo đường vang vọng thổi thúc, nhắc nhở giáo dân đi xin lễ, có lẽ đó là giáo đường độc nhất quận Công Thanh thời đó. Con rạch phân cách Tân Triều và Bến Cá càng về sau càng bị thu hẹp, một phần bị cỏ cây lau lách mọc lán chiếm, một phần có lẽ đã lâu ít có ghe thuyền xuôi ngược giao thương mà một thời Bến Cá đã là nơi mua bán tấp nập. Nếu tiếp tục đi thẳng sẽ về hướng Cù lao Mỹ Quới, quê của bạn Nguyễn Văn Trung (VN) và Lê Văn Còn nổi danh “*Tám Còn*” (Hawaii) ca vọng cổ rất mùi (bạn Còn khi đọc tới chỗ này muốn nghĩ đến mùi gì cũng được nha). Xe chúng tôi quẹo phải, chạy khoảng một cây số đến ngã ba Nhà Dòm (tên Nhà Dòm có lẽ vì ở đây có cái chòi cao để nhìn quan sát), chỗ này ngày xưa có đường xe ngựa chở khách, đi trở ra ấp Tân Phong, Biên Hoà, về sau vì phi trường Biên Hoà mở rộng nên con đường không còn nữa. Ở đây có nhà thầy giáo Sung (không nhớ họ của Thầy) dạy trường tiểu học Nguyễn Du Biên Hoà. Ngang qua ruộng mía, lúa, bắp, đậu tùy theo mùa, xe đổ dốc băng qua một cái cống, mà ở đó tôi thường theo anh tôi đi câu cá mỗi khi về chơi cuối tuần (anh tôi là “*Tư Sanh Y Tá*” được nhiều người dân quanh vùng biết tiếng và thương mến).

Trước khi đến Chợ Cây Đào, xe chạy ngang hẻm vào nhà bạn Trần Ngọc Thạch (Texas), bạn Hải và nhà Thầy giáo Sáu có người con gái học cùng lượt với chúng tôi ở trường trung học Ngô Quyền Biên Hoà.

Thầy giáo Sáu nổi tiếng giỏi võ nghệ với những cú đá rất độc đáo, có lẽ vì vậy mà mấy người bạn học của tôi ở đó đều “né” nhà Thầy. Riêng với bạn Thạch, tôi còn nhớ đã từng cùng bạn ra ruộng tìm ỏ cò để bắt cò con về làm bia tập bắn “ná thun”.

Tại Chợ Cây Đào, xã Bình Thạnh, quận Công Thanh, ngay trụ sở hành chánh quận có một ngã ba hình chữ Y, ngã trái là về Bình Ninh, ngã bên phải hướng lên một cái dốc (hình như là dốc 47) rất cao đi Thiện Tân, Đại An, Lạc An, Trị An (hồi đó có một đường lộ đi từ Hồ Nai, Biên Hoà qua vùng này; tôi nhớ đã một lần theo gia đình bạn Nguyễn Minh Mẫn (Kansas) về quê Ngoại của bạn ở Thiện Tân, lúc trở về trời đã tối nhà nhà đều lên đèn, xe ghé vào một địa điểm thuộc Hồ Nai và bọn nhỏ chúng tôi được ăn bánh dày kẹp chả rất ngon). Vùng này lúc đó còn hoang vu, có khi người ta thấy những con cá sấu nằm im lìm thả mình trôi theo dòng nước. Trước 1975, người Hoa Kiều ở chợ Biên Hoà độc quyền thả “dăng” bắt cá ở khúc sông này (cầu Rạch Đông), trong số này tôi nhớ có ông Bang Cọt có tiệm bán thịt bò ở chợ Biên Hoà.

Má và tôi phải xuống xe đò ở ngã ba Cây Đào để chuyển qua xe ngựa. Đi về phía trái độ chừng hơn một cây số lại phải xuống xe, tại ngã ba đường đi Long Chiến, để lội bộ vào xóm nhà Nội tôi ở Vò Xa. Xe ngựa vẫn tiếp tục đi về xã Bình Long (Bình Ninh) đến bến đò đi qua Tân Uyên và tiếp lên phía mạn Bắc ở thượng nguồn sông Đồng Nai là Thường Lang, Tân Tịch... Ở bến đò này trước 1975 có một nhà máy cưa xẻ gỗ của cậu Hai Quảng Văn Răng và cậu cũng còn có xe đò lớn hiệu “Phước Thành” chạy đường Biên Hoà - Thiện Tân, Lạc An và Biên Hoà - Tân Uyên.

Ngày ấy, Vò Xa của Má tôi xơ xác, tiêu điều... thấp thoáng mấy căn nhà tranh lẩn trong những đám cây cỏ dại um tùm. Nhà Nội tôi chỉ còn trơ một cái nền đất thấp loang lổ vì bị đào xới, đây đó lẩn khuất mấy miếng sành sành nhứt nhứt nhờ sự hiện diện trước đây của những cái lu, cái ảng to dùng để chứa nước mưa. Nghe nói nhà Nội tôi có một cái bàn thờ gỗ cẩn xà cừ, đặc biệt trên đó là một cái trang có một bức màn che phủ, bên trong là một chiếc áo phụ nữ màu vàng thêu gấm hoa (hoàng bào?). Ngoài ra có một cái rương hòm bằng gỗ to, dáng vẻ trông rất nặng có khoá bằng sắt Tây và có bánh xe để di chuyển. Tôi đứng nhìn khắp một vùng rộng, giữa xóm nhà tranh chỉ thấy có độc nhất một ngôi nhà mái ngói ba gian hai chái, dáng trông quá cũ kỹ, đó là nhà Ngoại tôi. Nghe những người cố cựu kể lại, khi bọn lính Pháp tổ chức bố ráp đi ruộng lục lội, phá phách khắp nơi; lúc vào nhà này bọn chúng nhìn thấy di ảnh ông Ngoại tôi trên bàn thờ với đầy đủ quân phục của Pháp và cấp bậc một vạch trên vai áo, tên chỉ huy đã đứng nghiêm chào và ngăn cấm bọn lính dưới quyền không được khuấy phá. Người cậu bà con tên Đức, trước kia làm công cho gia đình Ngoại tôi vẫn ở nhà này từ ngày ấy cho đến nay: lúc đó cậu ở lại giữ nhà mà không sợ cả hai “phía” làm khó dễ, vì cậu bị thương tật một chân, và lại nghe nói cậu âm thầm hoạt động cho phía Việt Minh.

Cậu Đức đưa Má con tôi ra gò mả để thăm viếng mồ mả Ông Bà và giúp đỡ mả cho Ba tôi. Hôm đó ở nhà Ngoại, bà Hồ, người coi sóc nhà cửa cho Ngoại tôi khi xưa, cho chúng tôi ăn một bữa cơm ngon miệng nhất trong đời (không kể đến hàng ngàn bữa ăn ngon trong tù, vì lúc nào mình cũng bị đói) chỉ có măng tươi luộc chấm mắm nêm.

Sau khi nghỉ ngơi, Má tôi đi một vòng chào bà con xóm giềng để ra về. Chúng tôi phải đi bộ khoảng 5, 6 cây số trên một con đường khác với đường đi từ Tân Phú lúc sáng nay, để về Bến Cá... Trên đường, Má tôi đã dừng lại chỗ có một khoảnh đất khá rộng mà cỏ mọc um tùm cao tới gần đầu gối. Má nói khi xưa ở đây có cái quán của bà Ngoại bán hàng tạp hóa, thức ăn và giải khát, Má đã phụ giúp Ngoại mọi thứ để kiếm tiền nuôi gia đình, cho 5 người anh em của Má được đi học; còn Má thì không có lấy nửa chữ! Và cũng tại cái quán này Má đã gặp và kết hôn với Ba, Ba lúc đó là con trai “một” của Nội, thanh thoi như một công tử. Ba rất được nhiều người ưa chuộng vì thường xuyên đến quán Ngoại ngồi chơi, khi thì nói thơ Văn Tiên khi thì kể chuyện Tàu... Có lẽ nhờ vậy mà Ba được nổi tiếng là người “hay chữ” trong xóm.

Mỗi nơi là một kỷ niệm, nơi nào Má tôi cũng đều dừng lại năm ba phút để bù ngùi nhìn cảnh cũ nhớ chuyện xưa: Chỗ này là vườn bưởi, xoài và cây trái mênh mông của gia đình người họ Trần, gia đình của anh Trương Sung (Sacramento), Phan Trần Tuấn (Việt Nam), Trần Minh Tâm (Texas), chỗ kia là bến đò Chợ mà Má và người trong xóm vẫn thường hay giặt quần áo hoặc trao đổi hàng hoá khi có thương thuyền đến bến. Bến đò này có độ dốc đứng, cứ nghĩ tới lúc Má tôi phải gánh những gánh hàng nặng nhọc leo lên tận bến đò mà lòng tôi xót xa vô hạn. Riêng tôi, vì lúc rời xa quê, hãy còn năm ngựa nên không có một chút kỷ niệm nào ở đây và không biết một ai, mãi sau này khi đi học ở Biên Hoà tôi mới gặp và biết được nhiều bạn bè cùng xứ sở như Ngô Văn Sen (Colorado), Hương (không nhớ họ) tục danh “Hương mặt quý” cả hai đều thích ca vọng cổ, anh em Huệ và Thành, Cao Văn Lợi (họ Cao mà biệt danh là “Lợi lùn”!)...

Qua khỏi địa giới xã Lợi Hoà đi một đôi thì tới cầu Kinh, cầu trơ vơ chỉ còn mấy tấm ván gỗ bắt trên những thanh sắt, cạnh đó lúc xưa có một nhà máy xay lúa của ông Hương Hào Sáu. Đi tiếp tới vườn Sao (nơi có một chòm cây Sao), nếu rẽ vào con đường đất sẽ dẫn đến bên đò Tân Lương, chúng tôi đi thẳng đến vùng trù phú Xuân Hoà, ở đây có một con đường đi Tân Trạch, Mỹ Quới, Cù Lao Rùa... Má và tôi vẫn tiếp tục đi qua ngã ba Bình Lục, cuối cùng đến Bến Cá. Đến đây, Má không còn phải lo âu vì sợ không kịp giờ đi chuyến xe ngựa cuối, Má ghé vào một lò bánh tráng xin nước rửa mặt, chân tay, và hỏi mua một ít bánh tươi vừa tráng xong, cuốn rau thơm chấm nước mắm mặn đậm ớt tươi để vừa nghỉ ngơi, vừa đợi xe.

Xe ngựa, thì đương nhiên không thể chạy nhanh như xe hơi được, nó chỉ cà rịch cà tang đều đều cùng với tiếng vang do móng ngựa gõ trên đường đá đậm lóc cóc, lóc cóc, Má tôi đã ngoẻo đầu sang bên ngủ, còn tôi loay hoay nhìn ngắm một vài địa điểm chưa được xem lúc sáng vì xe đi nhanh và phần bị che khuất tầm nhìn. Bây giờ tôi mới được ngắm nhìn hai ngã ba tên gọi Cây Dương và Bình Hoà, có đường đất đỏ dẫn vào xóm làng với ruộng vườn cây cối xanh tươi mát mẻ, chỗ có gia đình người bạn thời trung học Lê Thanh Liêm (England) sinh sống. Xa phía trong kia là dòng sông Đồng Nai uốn khúc lượn quanh chảy êm ả; nếu đứng trên núi Bửu Long nhìn xuống sẽ thấy một quang cảnh đẹp như tranh thuỷ mặc. Có một Trung tâm Huấn Luyện Dân Vệ (Nghĩa Quân) được thiết lập trong vùng này gần núi Bửu Long, mà bố vợ tôi, ông Thân Văn Bình đã từng là Trung Tâm Trưởng trong khoảng đầu thập niên 60.



Núi Bửu Long

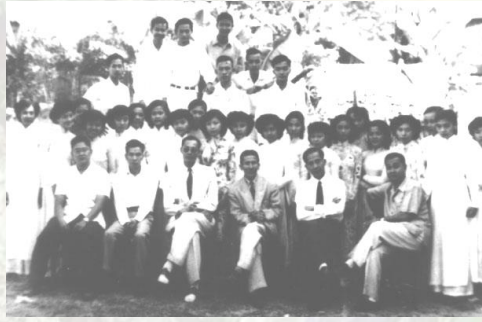
Xe ngựa lóc cóc chạy ngang qua những tấm vỉa chích cỡ đang chờ được lấy đi để đôi lấy miếng com. Con ngựa nặng nề uể oải từng bước gắng vượt lên dốc nhỏ rồi xuôi xuống phía bên kia là sắp đến Tân Thành và Tân Lại (quê Ngoại của gia đình tiệm may Nam Long là hàng xóm ở Biên Hoà), thả nước kiệu dưới hàng me xanh râm mát hai bên đường. Dưới các tàng cây, la liệt những tác phẩm được khắc, đẽo bởi những tay thợ đục đá lão luyện như bia mộ, vật dụng và những hoa văn trang trí ở các chùa, miếu. Xe đi một khoảng nữa đến Nhị tỷ Quảng Đông bên tay phải (đối diện là nhà bà Mươi, Má của bạn đồng nghiệp Nguyễn Hoàng Thanh (Kansas), rồi qua cầu đúc nhỏ coi như đã vào tỉnh lỵ Biên Hoà ...

Trải qua một đời sống đã hơn sáu mươi bốn năm, tôi chỉ sống thực sự với quê hương khoảng 30 năm thời trai trẻ trước năm 1975, còn lại là hơn 9 năm tù đầy cùng với 7 năm lạc loài trên chính quê hương mình. Giờ đây lại mang kiếp sống ly hương có lẽ cho đến cuối đời, nhưng Biên Hoà vẫn mãi mãi trong tôi...

Nguyễn Văn Lợi
viết cho Biên Hoà

Đề tưởng nhớ má vừa mất ngày 24 tháng 11 năm 2009.

** Trong bài viết này, nhiều địa danh tôi nhớ được do người lớn tuổi kể lại, có thể có sự sai sót. Quý bậc trưởng thượng hoặc quý đồng hương nào biết xin điều chỉnh và bổ túc cho.*



BẠN CŨ TRƯỜNG XƯA

Trường Phan Hồ Thị Đậm

(Louisville, Kentucky, USA)

Ông Hội Trường Hội Ái Hữu Biên Hoà ở Texas mời tôi đi Paris với phái đoàn, viếng thăm đồng hương Biên Hoà ở Pháp, Anh và Thụy Sĩ, tôi còn phân vân, không biết có nên đi hay không? Ông Hội Trường cho tôi biết danh sách những người bạn ở Âu Châu, trong những người bạn đó, có chị Tăng Thị Tiết. Thấy tên chị tôi mừng quá. Sau khi gọi điện thoại liên lạc, biết rõ chị là bạn học của tôi khi xưa, cùng ở chung Ký Túc Xá Phan Thanh Giản, tôi quyết định mua vé máy bay tháp tùng theo phái đoàn.

Ngồi trên máy bay, tôi nhớ những kỷ niệm xa xưa, thuở chúng tôi cùng ở chung. Nhớ gương mặt xinh xinh và tánh tình hiền lành của bạn. Nhớ ngôi trường cũ cùng sinh hoạt hằng ngày trong ký túc xá với các bạn khác. Ít người biết trường này, vì trường tọa lạc ở cuối con hẻm của đường Lê Văn Duyệt, Sài Gòn, cách Chợ Hoà Hưng độ một cây số ngàn và gần đường rầy xe lửa.

Từ cổng vào là cái sân trường rộng, có trồng nhiều cây trướng cá. Bên phải gồm các phòng học dành cho học sinh ngoại trú và nội trú. Bên trái có một dãy nhà dài, kê nhiều giường cho nữ sinh ở trọ. Bên hông trường là sân vận động để học sinh chơi thể thao. Cách sân vận động một khoảng đất trống là khu mộ gia đình của ông Đốc Phủ Sứ. Nghe đâu chủ trường là con cháu của vị này, nên khu mộ nằm trong vòng rào trường. Xung quanh mộ có nhiều cây cao, bóng mát.

Trong ký túc xá có độ bốn mươi nữ sinh, đủ cấp lớp. Chúng tôi sống chung với nhau, có biết bao kỷ niệm êm đềm của thuở học trò, cùng đùa giỡn, cùng chơi thể thao, trò chuyện, ca hát vui vẻ. Bây giờ, tôi còn nhớ rõ nét mặt dễ thương của các chị ngủ gần giường. Có chị siêng học, lúc nào trong tay cũng có sách vở. Chị thì ca hát nghêu ngao. Chị thì hay pha trò, chọc phá bạn. Có chị thích chung điện, lúc nào cũng ăn mặc bảnh bao.

Cứ đến 6:00 sáng là có tiếng chuông reo, tất cả chúng tôi đều thức dậy, dọn dẹp mùng mền cho gọn, làm vệ sinh cá nhân và chuẩn bị ăn điểm tâm. Bữa ăn lót dạ thường gồm cháo trắng, cháo đậu ăn với thịt kho mặn, hoặc cơm chiên hay một ổ bánh mì thịt nhỏ. Khi điểm tâm xong, chúng tôi sửa soạn tập vở và đến lớp học. Sau giờ học, tất cả học sinh ngoại trú về nhà, rồi học sinh Tiểu Học vào học buổi chiều.

Về phòng trọ độ nửa giờ thì có tiếng chuông reo, báo giờ cơm trưa, cứ bốn đứa ngồi ăn chung một mâm (gọi là một *carre*). Sau bữa ăn trưa, chúng tôi lên giường nghỉ khoảng một tiếng đồng hồ. Những giờ kế tiếp chúng tôi được tự do, nhiều người làm bài, các bạn khác đi tắm gội hay ra khu mộ, ngồi dưới bóng mát học bài, đan áo, móc khăn, đùa giỡn hay hàn huyên tâm sự.

Đến 5:00 giờ chiều chúng tôi dùng cơm tối. Đầu đạn, cứ đến 7:00 tối lại có tiếng chuông reo, tất cả học sinh phải vào lớp học (gọi là giờ *étude*) để làm bài, học bài dưới sự kiểm soát của Bà Giám Thị. Đến 9:00 tối thì chúng tôi về phòng ngủ.

Vì ở chung quá đông, chúng tôi chia làm nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm có sự thân thích nhau hơn. Nhóm của tôi, gồm 4 đứa cùng học chung một lớp. Hai người ở miền Tây là chị Trâm và tôi, chị Phước ở Bến Tre và chị Hà ở Bình Dương. Trong 4 đứa, chỉ có chị Hà là về thăm nhà thường xuyên vì Bình Dương gần Sài Gòn. Vào dịp Tết hay bãi trường, ba đứa chúng tôi mới về thăm gia đình. Hết dịp Lễ, lúc trở lại trường, chúng tôi đem quà địa phương của mình để 4 đứa cùng ăn. Nhưng người cung cấp quà nhiều nhất là chị Hà. Quà của chị gồm chôm chôm, măng cụt, bòn bon. Đặc biệt nhất là *Khô Cá Sơn*. Mỗi khi chị Hà trở về trường, thì tối đến chúng tôi sẽ có bữa ăn vụng cơm nguội thật hấp dẫn.

Lần ăn lén nào cũng vậy, buổi tối, học bài xong, sau tiếng chuông báo hiệu 9:00 giờ, chúng tôi giả bộ lên giường nằm, đắp mền như ngủ thật. Độ nửa giờ sau, chị Hà bắt đầu sờ chân chúng tôi ra hiệu, chúng tôi biết ngay là chị Hà mời đi ăn vụng cơm. Nhà bếp ở sau khu nhà trọ, cách cái sân và cái hàng rào thật cao, có cánh cửa to để người bên nhà bếp tiện việc đem cơm cho chúng tôi ăn hằng ngày. Ổ khoá nằm bên nhà bếp, nên chỉ có người bên nhà bếp mới mở cửa được.

Chị Phụ Bếp và vài người khác phụ dọn cơm cho chúng tôi ăn, nên chúng tôi quen thân với chị. Thỉnh thoảng chị cho chúng tôi ăn cơm cháy nóng giòn, thơm phức, nấu bằng chảo lá sen. Chị không quên cho thêm mỡ hành, nên rất ngon. Ban đêm nhà bếp vắng lặng, chỉ có chị Phụ Bếp ngủ ở đó. Mỗi khi có tiếng gõ cửa rào, chị nhìn qua khe hở hàng rào, thấy chúng tôi là chị mở cửa cho qua. Chúng tôi nướng khô và xin chị cơm nguội, rồi leo lên sân thượng cùng ăn vụng, có sự tham gia của chị phụ bếp nữa. Bữa cơm của chúng tôi thật đậm bạc, một thau nhỏ cơm nguội và vài con khô cá Sơn, được nướng vàng thơm mỡ. Thế mà chúng tôi ăn thật ngon, và đặc biệt là sau bữa ăn vụng, chúng tôi còn được tráng miệng bằng trái cây tươi, ngon tuyệt vời.

Vừa ăn, chúng tôi vừa trò chuyện thật vui, nhất là những đêm trăng sáng, chúng tôi kéo dài những bữa ăn lâu hơn để được nhìn Trời, nhìn Trăng hay cùng hưởng những luồng gió mát ban đêm trên sân thượng, hít thở không khí trong lành. Thỉnh thoảng, gió đưa mùi thơm của bông dạ lý hương từ nhà bên cạnh bay sang, chúng tôi ngửi hoài không chán. Ăn xong, lần nào, phần rửa chén thì chị Phụ Bếp cũng bảo để sáng chị rửa giùm. Thế là chúng tôi rón rén về phòng ngủ. Bốn đứa không dám đi một lượt. Từng đứa khom lưng thật thấp, bước nhẹ nhàng hầu không đánh thức các bạn khác.

Nhưng “*Đi đêm, có ngày gặp Ma*”. Chúng tôi không gặp Ma mà gặp ngay Bà Giám Thị. Một hôm, chúng tôi lên sân thượng ăn vụng cơm như mấy lần trước, Đêm đó, trăng sáng vắng vặc, bầu trời trong xanh, làn gió vi vu thổi thật mát. Ăn xong, chị Hà đề nghị mỗi đứa ca một bài. Chị Phước ca bài “*Bạch Đằng Giang*”. Đến phiên chị Trâm, muốn đùa giỡn cho vui, chị ca bài “*Thầy Tôi*”, một bài ca dạy thiếu nhi đêm xuôi, rồi đêm ngược. Bắt đầu đêm từ một đến mười, rồi từ mười trở về một.

*“Thầy tôi, có một cái râu, thầy tôi có một cái râu - một râu,
Không ai thấy được râu tài, không ai thấy được.
Thầy tôi, có hai cái râu, thầy tôi có hai cái râu - hai râu - một râu.
Không ai thấy được râu tài, không ai thấy được.
Thầy tôi, có ba cái râu, thầy tôi có ba cái râu - ba râu - hai râu - một râu.
Không ai thấy được râu tài, không ai thấy được.....”*

Bài ca phải đến mười râu mới chấm dứt, chị Trâm vừa ca đến đây, thành linh có tiếng nói lớn: “*Sao không thấy, thấy được rồi!*”. Đang thả hồn theo bài ca, bỗng Bà Giám Thị xuất hiện làm chúng tôi hoảng hốt. Thì ra, sau khi chúng tôi qua nhà bếp, chị Phụ Bếp quên khoá cửa. Chị Hà đứng mũi chịu sào, chị nhận là đã rù chúng tôi ăn vụng cơm nguội. Bà Giám Thị rầy hét bốn đứa và cả chị Phụ Bếp nữa. Sau này, chị Hà không còn mang khô vào, chỉ đem trái cây, và chúng tôi cùng chia nhau ăn dưới bóng mát gần khu mộ.

Tuy bốn đứa chúng tôi thân nhau, nhưng hằng ngày, chúng tôi cũng đùa giỡn, trò chuyện hay chơi thể thao với mấy chị khác trong Ký Túc Xá, không phân biệt cấp lớp. Ở chung với nhau suốt thời gian dài, nên chúng tôi xem nhau như ruột thịt. Một hôm, chúng tôi đang chơi bóng rổ ở sân trường. Chơi một lúc lâu, đang say mê với môn thể thao này, không biết chị nào đạp trúng chân chị Tiết, chị đau điếng la ré lên, vội vã chạy về phòng.

Vốn bản chất hiền lành, chị không than phiền gì cả. Chúng tôi bỏ cuộc chơi, cùng về phòng xem chân chị Tiết có bị thương nặng lắm không? Ngón chân cái của chị bị bầm tím và sưng lên, một chị lấy dầu xoa bóp cho chị Tiết. Tôi hù chị:

- *Nếu không trị, để lâu, ngón chân làm mủ và tróc móng, tróc móng là xấu người đẹp đấy.*

Nghe nói, vẻ mặt chị Tiết lộ vẻ lo sợ. Chị Chi lên tiếng phản đối:

- *Người ta đau, không biết an ủi, chỉ biết nói gở.*

Bà Giám Thị bảo chúng tôi không được tranh cãi nữa, bà sẽ nhờ chị Phụ Bếp mua cái mật heo tròng vào ngón chân, mật heo diệt trùng rất tốt. Sáng hôm sau, chị phụ bếp đem tặng chị Tiết cái mật heo tươi, chị làm theo lời chỉ dạy của bà Giám Thị, vài tuần sau là ngón chân của chị Tiết lành hẳn.

Chị Lệ là người đọc nhiều loại sách, lại có tài kể chuyện. Lúc rảnh, chúng tôi thường hay quây quần bên chị, say mê nghe chị kể, nào là Tây Du Ký, Tiết Nhơn Quý Chinh Đông, Thủy Hử, Tam Quốc, v.v. Có khi chị kể chuyện Ma hay Khoa Học Giả Tưởng.

Sau buổi học ngày thứ Bảy, mấy chị ở những vùng gần Sài Gòn, được cha mẹ rước về nhà, đến sáng thứ Hai mới trở về Ký Túc Xá. Chúng tôi, khoảng bảy tám đứa ở tỉnh xa, phải ở lại trường. Bà Giám Thị hay rủ chúng tôi đi xem phim vào ngày Chúa Nhật.

Một lần nọ Bà cùng sáu chị đi xem phim, đi trên hai chiếc xe Taxi. Tôi còn nhiều bài cần học, nên xin phép ở lại một mình trong Ký Túc Xá. Trước khi đi, bà cẩn thận dặn dò:

- Ở nhà một mình, con phải khoá cửa rào và cửa phòng thật kỹ, chỉ ở trong phòng, không được ra sân chơi, độ 5:00 giờ chiều thì Má Năm về (Bà Giám Thị hay xưng Má Năm với chúng tôi và chúng tôi cũng gọi Bà bằng Má Năm).

Nhưng lạ quá, mấy lần trước, Bà về nhà thật đúng giờ, mà bây giờ, tôi đợi mãi, đến 7:00 giờ chiều rồi mà Bà và mấy chị vẫn chưa về. Trời càng lúc càng tối đen, một mình tôi ở trong Ký Túc Xá rộng lớn và vắng ngắt. Nghe tiếng động nhẹ, hay tiếng xào xạc của mấy cành cây cọ vào nhau tôi cũng sợ hãi.

Tôi sợ Ma, vì Ký Túc Xá cách khu mộ chỉ độ chừng 30 mét. Rồi tôi nhớ đến những chuyện Ma kinh dị mà chị Lệ đã kể cho chúng tôi nghe, nào là: Ma Cà Rồng, Ma Lai rút ruột, Ma không đầu, Ma trùm áo trắng, Ma xoắn tóc đến chân, v.v. Nỗi sợ hãi của tôi càng lúc càng tăng, tưởng chừng như những bóng ma đang sắp tấn công tôi. Tôi không còn nghe lời Bà Giám Thị nữa, tôi mở cửa phòng, chạy ù ra sân, tiến nhanh đến các phòng học, vặn hết đèn lên. Lúc bấy giờ có ánh sáng từ các phòng học chiếu ra sân trường sáng choang, nhờ vậy mới làm giảm bớt nỗi lo sợ của tôi. Trong khoảnh khắc, tôi lại nhận ra là: ánh sáng sẽ làm cho kẻ bất lương thấy tôi ở một mình trong sân trường, họ có thể treo rào vào thì thật tai hại. Tôi vội trèo lên cây trướng cá to nhất, vì cây này có cái cháng ba, tôi ngồi trên đó. Ngồi trên cây tôi an tâm phần nào, mắt luôn hướng về cổng trường trông chờ Bà Giám Thị và các chị về.

Ngồi hồi lâu thấm mệt, tôi lại lo lắng: *Nếu đêm nay họ không về thì tôi phải làm gì? và nếu trời mưa thì tôi phải làm sao?* Gần 8:00 giờ tối, họ vẫn chưa về. Tôi càng sợ, càng giận họ, trách thầm: *Xem hát xong còn đi đâu bỏ tôi một mình trong Ký Túc Xá?* Thành linh có hai chiếc taxi ngừng trước cổng trường, thì ra họ đã về. Tôi mừng quá vội tuột xuống cây, ra mở cổng. Vừa bước vào sân trường Bà Giám Thị đã hỏi dồn dập:

- Tại sao con mở đèn các phòng học? Tại sao, giờ này còn leo cây?

Tôi âm ức trả lời:

- Tại má Năm và mấy chị về trễ quá, con sợ Ma nên con phải mở hết đèn lên, và con không dám ở dưới đất, con phải ở trên cây

Bà Giám Thị và mấy chị cười ngất, Bà cho biết:

- Hôm nay Má Năm định đưa mấy chị đi xem phim *Án Độ ở Rạp Khải Hoàn*, nhưng ông Taxi giới thiệu phim *Les Misérables* của Pháp hay lắm, có phụ đề Việt ngữ, hiện đang chiếu thường trực ở Rạp Đại Nam, vì vậy Má Năm đưa mấy chị đi xem phim đó. Rủi quá, khi đến nơi thì hết vé, đành phải mua vé xuất sau, nên về trễ, Má Năm không ngờ con sợ Ma đến như vậy, con thông cảm, đừng buồn Má Năm nhé.

Nghe Bà Giám Thị cho biết lý do sự về trễ, tôi hết giận và nghe nói phim hay, tôi quyết tuần sau xin đi xem. Muốn tôi vui lòng, Bà nói tiếp:

- Phim này phỏng theo cuốn *Les Misérables* của Nhà Đại Văn Hào Pháp Victor Hugo. Cốt chuyện đã hay, mà các diễn viên diễn xuất rất tự nhiên, có tính cách giáo dục, có lẽ họ còn chiếu vài tuần nữa ở Rạp Đại Nam. Má Năm cũng muốn xem lại, Má sẽ đưa con đi xem.



Bạn Cựu Trường Xưa

Đang ngồi nhớ lại những kỷ niệm thân yêu ở Ký Túc Xá, tôi chợt nghe tiếng thông báo của cô tiếp viên hàng không, báo hiệu máy bay sắp sửa đáp xuống phi trường De Gaulle. Có lẽ vì niềm tin về tình bằng hữu thâm sâu đang ngự trị trong thâm tâm tôi, khiến tôi không có chút sợ sệt hay lo lắng gì cả. Trái lại, lòng tôi rộn rã niềm vui, vì chỉ vài phút nữa thôi, tôi sẽ gặp lại người bạn cũ quý mến của tôi ngày xưa, mấy năm ròng rã đã cùng chung sống với tôi trong Ký Túc Xá.

Có chung với nhau biết bao nhiêu kỷ niệm thời thơ ấu của tuổi học trò, chúng tôi coi nhau như ruột thịt. Tôi chắc chị Tiết cũng đang có chung một tâm trạng như tôi.

Lấy hành lý xong, tôi vừa đi ra cổng, thì chị Tiết đã tiến lại hỏi tên tôi. Chúng tôi mừng quá, hỏi nhau tíu tít. Thật là thất lễ, vì lo mừng nhau mà tôi đã quên chào anh Trung, phu quân của chị Tiết, nhưng anh đã tươi cười chào hỏi tôi trước. Tôi thật ái ngại, vì chuyến bay của tôi bị trễ mất 2 tiếng đồng hồ, làm anh chị phải mất công đợi tôi rất lâu ở phi trường.

Suốt thời gian ở Pháp, hai vợ chồng anh Trung và chị Tiết thật tất bật lo cho chúng tôi. Trước khi chúng tôi qua, anh chị đã mua vé xe lửa tốc hành đi Anh và Thụy Sĩ, cũng như đặt phòng ở khách sạn trước để chúng tôi được giá rẻ. Anh chị hướng dẫn chúng tôi đi tham quan nhiều nơi có thắng cảnh đẹp, lo chu toàn mọi mặt. Ngoài thì giờ sinh hoạt chung với Hội, chị Tiết còn chở tôi đi mua sắm, dùng cơm riêng để chúng tôi có cơ hội tâm sự nhiều hơn. Chị vui mừng như vừa tìm được đứa em đã thất lạc từ lâu.

Cũng trong dịp đi Pháp lần này, tôi may mắn gặp lại người thầy kính mến của tôi là Thầy Trần-thượng Thủ. Tôi nhận ra thầy ngay, vì thỉnh thoảng tôi có gặp Thầy. Khi xưa thầy dạy giỏi có tiếng ở trường Petrus Ký, Việt Nam Học Đường, Hưng Đạo, Phan Thanh Giản, v.v. Tôi phục thầy nhất là môn Sinh Vật. Thầy vẽ hình trên bảng thật khéo và nhanh mà không cần nhìn vào sách. Thầy lại pha trò rất vui, lớp học vào giờ của thầy lúc nào cũng sinh động. Thời gian thầy dạy chúng tôi đã thật xa xưa, nhưng tình thầy trò vẫn như tự thuở nào. Khi đi tham quan thắng cảnh ở Thụy Sĩ, chân tôi yếu, mà phải đi bộ nhiều, nên mỗi mệt, tôi phải đi chậm. Thầy sợ tôi lạc, thỉnh thoảng thầy nhìn lại xem tôi (cô học trò cũ của thầy) có theo kịp phái đoàn không? Nhờ lần tham quan này, tôi lại có dịp học hỏi thêm được của Thầy tôi nhiều điều hay, lẽ phải để xử thế với đời. Thầy thật rất xứng đáng với danh hiệu "*Thầy Giáo gương Mẫu*".



Gặp lại Thầy, khiến tôi nhớ tất cả quý Thầy, Cô dạy ở Phan Thanh Giản ngày xưa. Thầy nào cũng có lương tâm chức nghiệp, tận tụy dạy dỗ chúng tôi nên người.

Tôi còn nhớ rõ từng hình ảnh của mỗi thầy cùng những lời giảng dạy, giáo huấn của quý tôn sư như lúc nào cũng còn văng vẳng bên tai tôi. Ròng rã 4 năm trong Ký Túc Xá Phan Thanh Giản, Bà Giám Thị luôn xem chúng tôi như con, và chúng tôi cũng vô cùng quý mến Bà.

Và một điểm phúc nữa của tôi là quen được với quý vị đồng hương Biên Hoà ở Texas, California, Illinois, cũng như ở Pháp, Anh và Thụy Sĩ. Người nào cũng nhiệt tình, thân thiện. Quý vị ở Âu Châu: Pháp, Anh và Thụy Sĩ đã đón tiếp chúng tôi thật ân cần, nồng hậu, thật vui.

Ở Châu Âu một thời gian ngắn ngủi, rồi chúng tôi phải chia tay. Ngày tôi đi về Mỹ, mới 5:00 giờ sáng, anh Trung và chị Tiết đến đưa tôi ra phi trường. Chu đáo biết bao! Mỗi đứa con của tôi đều có một món quà của chị. Còn nhiều điều làm tôi cảm động, tôi không thể kể hết được. Từ ánh mắt nhìn triu mến, nụ cười rạng rỡ khi gặp lại tôi, cử chỉ dịu dàng, thân thiện như tự thuở nào. Mắt tôi như chiếc máy ảnh, đã thu tất cả những hình ảnh đó vào tim, óc mình. Chia tay anh chị ở phi trường, tôi xúc động mạnh, không nói được gì hơn, chỉ có lời chào tạm biệt, nhưng lòng tôi tê tái. Lên máy bay, nước mắt tôi tuôn dài trên má.

Khi về đến nhà, vài tuần sau, tôi ghi lại mấy câu thơ mộc mạc, chân thành, viết theo dòng cảm xúc của tôi, gửi đến chị.

ĐÔI BẠN XƯA

*Hơn năm mươi năm, chúng mình gặp lại,
Tình đồng môn, nồng ấm vẫn chưa phai.
Kỷ niệm cũ, tuổi ngọc thuở học trò,
Phan Thanh Giản trường xưa, thời gian dài chung sống.*

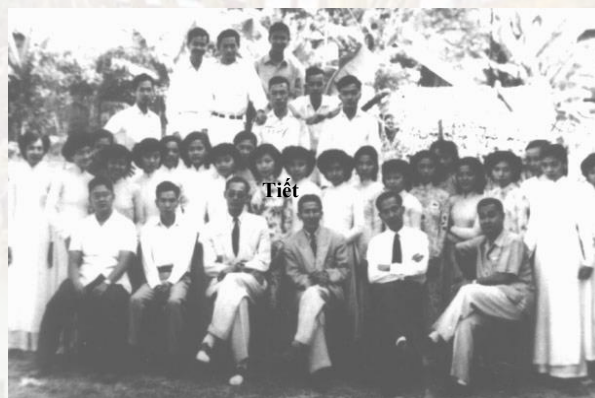
*Đã từ lâu tôi hằng mãi chờ mong
Gặp bạn cũ, cô gái Biên Hoà xinh xắn ấy
Mình biết bao, ngày tái ngộ tương phùng!
Kể nhau nghe, quá khứ buồn vui, trong thời gian ngắn ngủi.*

*Ngày vui tan, rời Paris ôi sao quá bùi ngùi,
Còn luyến tiếc những ngày vui bên chị.
Lo chu toàn, từng li, từng tí,
Như săn sóc em, đưa trẻ lạc loài.*

*Lên máy bay, tôi thân thờ ngậy dại,
Hồn chơi vơi, nước mắt tuôn dài.
Xa cách lần này, mái tóc pha sương bao giờ ta gặp lại?
Cố nhân ơi! Bạn hiền ơi!*



Chị Đạm Và Tiết theo phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương thăm viếng Château de Versailles, France (5/2009)



Bạn Cũ Trường Xưa - Ký Túc Xá Phan Thanh Giản (1956)



HƯƠNG BƯỞI

Nguyễn Quỳnh Mai
(Bruxelles, Belgium)

Trời sắp sang xuân. Chỉ sau vài con nắng, những mầm lá xanh non đã đua nhau đâm chồi, nảy lộc, bụi hoa vàng trong góc vườn nhà tôi suốt mùa đông khẳng khiu, trụi lá, đang bừng dậy sau một giấc ngủ dài, đã bắt đầu nở hoa lác đác khiến tôi lại nhớ đến những cành mai ngày Tết năm nào.

Cây bưởi nhỏ trong phòng khách nhà tôi hôm nay cũng bắt đầu nở vài cái hoa đầu tiên thơm ngát.

Ôi hương bưởi, mùi hương của nó đã quen thuộc với tôi ngay từ lúc tôi còn thơ ấu. Nó gợi lại trong tôi hình ảnh của những ngày thơ dại, có bãi cỏ xanh lấm tấm hoa vàng và khung trời hoa bướm. Mùi hương nồng nàn quyến luyến lấy hồn tôi, đưa tôi ngược dòng thời gian trở về thời quá khứ. Nhẹ nâng một cành đầy hoa, nhìn những cánh hoa xinh xinh, trắng ngọc ngà, lòng tôi rung rung như thấp thoáng thấy lại hình ảnh một bé thơ tóc mây loà xoà trước trán, đang lom khom nhặt hoa bưởi rụng trong vườn...

*Nơi ấy bao ngày xanh qua
Hồn thơ mơ màng quá
Yêu những khung trời hoa bướm
Vội nắng tơ vàng êm...*

Ngày ấy tôi vẫn thường nghe ngao hát “*Hoa Bướm Ngày Xưa*”, nhưng chỉ vui miệng mà hát chứ chẳng nghĩ ngợi gì, mà giờ đây mỗi khi tình cờ hát lại, sao thấy lòng nao nao buồn chi lạ.

*Năm tháng theo làn mây trôi
Ngày thơ xa dần mãi
Quê cũ dâng sâu tê tái
Sắc bướm hoa tàn phai...*

Có ai trong chúng ta mà không từng cảm thấy dạ nao nao mỗi khi chợt nhớ lại chuỗi ngày xanh thơ dại của mình. Hai người bạn xưa gặp lại nhau sau bao ngày xa cách, mừng mừng, tủi tủi, khi chợt nhận ra bạn mình tóc đã hoa râm, mới bùi ngùi hỏi rằng:

- *Dám thưa tiên sinh, tiên sinh có thể cho đệ biết năm nay niên kỷ đã được bao nhiêu?*

Người bạn kia, bàn tay nhăn nheo vỗ nhẹ lên tay bạn, trầm ngâm, đôi mắt ngược lên như hướng về một phương trời xa xăm nào đó, chậm rãi trả lời:

- *Ngũ thập niên tiền, nhị thập niên.* (Năm mươi năm trước thì ta mới có hai mươi tuổi đầu)

Hai người bạn già nhìn nhau cảm động, cùng bồi hồi tưởng nhớ lại thời niên thiếu xa xưa, lúc cả hai còn ở lứa tuổi đôi mươi.

Có bà Hoàng hậu Trung Hoa, năm mười sáu tuổi được tiến cung, vì dung nhan hoa nhường nguyệt thẹn, được nhà vua sủng ái phong làm hoàng hậu, nay hương sắc phai tàn, nên nhà vua thờ ơ, quên lãng. Đêm đêm bà thường thơ thẩn rất khuya trong vườn thượng uyển, ngâm ngùi nhớ lại chuỗi ngày tươi đẹp đã qua. Người tỳ nữ trung thành thấy đêm khuya giá lạnh mới quỳ xuống nhẹ nhàng tâu:

- *Tâu Hoàng hậu, đêm đã khuya, sương lạnh rơi nhiều, cúi xin người trở lui gót ngọc.*

Hoàng hậu, tay đang mân mê một đoá hoa tàn, im lặng hồi lâu, rồi từ từ ngược lên nhìn vàng trăng khuyết khê thờ dài:

- *Hoa sen nở, hoa lý tàn, cho dù ta có là mẫu nghi thiên hạ, thì cũng như hoa lý kia, có nở, có tàn, con cứ để mặc ta...*

Khi nhắc lại chuyện dĩ vãng, ta thường bắt đầu bằng hai chữ “*ngày xưa*”, cho dù ngày xưa ấy cũng không xưa gì cho lắm. Như Hữu Loan, trong một chiều hành quân ngang qua rừng sim tím, nhớ đến người vợ trẻ vừa mới mất cũng đã buồn buồn thốt ra hai chữ ngày xưa:

*Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím
Áo nàng màu tím hoa sim
Ngày xưa đèn khuya bóng nhỏ
Nàng vá cho chồng tấm áo ngày xưa...*

Ngày xưa, ai mà không từng có những “mối tình” nho nhỏ, những mối tình học trò, vu vơ và lãng đãng như tơ trời. Đôi khi ta tưởng rằng đã quên đi, nhưng một hôm nào bất chợt nhớ lại, ta không khỏi băng khuâng tự mỉm cười.

Ngày xưa, biết tôi thường hay chép thơ và yêu hoa bưởi, anh đã đặt ngay cho tôi cái tên là *Hoa Bưởi* và thường tìm cách này cách nọ để chọc tôi.

- *Hoa Bưởi nè, vậy chứ bữa nay người ấy đã vuốt tóc em chưa?*

Tôi ngạc nhiên hỏi anh: *Mà người ấy là người nào vậy anh?*

Anh nhìn đi nơi khác mỉm cười:

- *Thì... Người ấy thường hay vuốt tóc tôi...thở dài trong lúc thấy tôi vui...đó mà.*

Tôi chợt hiểu là anh đã đọc bài thơ hai *Sắc Hoa Tigôn* mà tôi vừa chép trong tập thơ của mình. Tôi lờm anh nói:

- *Lại lên đọc tập thơ của em đó à, vậy mà em cứ tưởng là anh ghét thơ lắm chứ, vì anh vẫn thường nói thơ với thần chỉ mắt thì giờ thôi mà.*

Anh nheo mắt nhìn tôi gật gù: *Chứ còn gì nữa, anh là nhất định sẽ không bao giờ làm thơ. Nhưng không thích là một chuyện, mà Hoa Bưởi cứ suốt ngày “Hôm nay xác pháo đầy đường, ngày mai xác pháo còn vương khắp làng” làm anh...sốt cả ruột !!!*

Tôi bật cười: *Thơ Nguyễn Bính hay như vậy sao anh lại sốt ruột?*

Anh trả lời mà không nhìn tôi:

- *Vì anh không muốn Hoa Bưởi ...Sang Ngang!!!*

Biết anh lại bóng gió trên tôi, trong lòng thấy vui vui, nên tôi dựa vào bài thơ *Cô lái Đò* trả lời anh:

- *Anh mà còn chọc em như vậy thì em sẽ bỏ thuyền bỏ lái bỏ dòng sông, chèo đò đi mất tiêu cho coi.*

Anh giả bộ nhìn tôi nghiêm trang, gật gù:

- *Ở đúng rồi, Hoa Bưởi mà chèo đò đi mất thì chắc chắn sẽ “Để buồn cho những khách sang sông”, nhưng anh thì nhất định sẽ không bao giờ buồn, vì anh cũng chèo thuyền đi theo...cô lái đò !!!*

Những chuyện vui nho nhỏ và lấm cặm của ngày xưa ấy, giờ đây nhớ lại sao thấy lòng âm cúng lạ lùng. Có lần anh hỏi tôi:

- *Hoa Bưởi nè, trên đời này có rất nhiều loại hoa như thủy tiên, dạ lý, ngọc lan... sao em cứ nhất định phải yêu hoa bưởi, coi có vẻ...mộc mạc quá.*

Biết anh lại kiếm chuyện chọc tôi, tôi thần nhiên trả lời:

- *Anh muốn nói hoa bưởi là loại hoa quê mùa phải không? Thì đúng rồi, em yêu hoa bưởi vì em là “Chân Quê”, hoa chanh nở giữa vườn chanh...*

Anh xoa hai tay vào nhau cười ha hả:

- *Trời ơi, Hoa Chanh lại đem thơ Nguyễn Bính ra dọa anh nữa rồi !!!*

Từ đó tôi lại có thêm một cái tên là *Hoa Chanh*.

Và tôi đã kể cho anh nghe vì sao tôi yêu hoa bưởi.

Ngày xưa khi còn là một con bé mới năm, sáu tuổi đầu, tôi còn nhớ trong góc vườn nhà tôi có một cây bưởi khá to. Tới mùa bưởi trổ hoa, vào những buổi trưa oi ả, và nhất là sau mỗi cơn mưa, tôi thường thơ thẩn dưới gốc cây để nhặt hoa bưởi rụng. Khi hoa bưởi đã rụng đầy một bàn tay tí hon, tôi lại chạy vào nhà tìm ngoại tôi để cho bà những cái hoa tôi vừa nhặt được. Những lúc ấy bà thường ôm tôi vào lòng, xoa nhẹ vào lưng tôi và nói: “*ôi chó con của bà ngoan quá*”. Bà đã kể cho tôi nghe rằng ngày xưa, ngày xưa, bà tôi cũng thường hay nhặt hoa bưởi rụng cho mẹ của bà, người mà tôi chưa bao giờ biết mặt, vì cụ tôi đã nằm xuống rất lâu trước khi tôi ra đời.

Những hoa bưởi tôi nhặt cho bà, bà tôi đựng trong một cái đĩa nhỏ đan bằng mây, để cạnh bên ấm trà, mỗi khi pha trà, bà tôi lại bỏ vào ấm vài cánh hoa xinh xinh, trắng nuốt nà, và thỉnh thoảng tôi cũng được uống trà hoa bưởi với bà. Tôi đã nhặt hoa bưởi cho bà như thế suốt một mùa hoa rụng...

Chỉ còn vài hôm nữa là Tết, cây bưởi của tôi sẽ tiếp tục nở hoa trong suốt ba ngày Tết. Tôi sẽ pha một tách trà hoa bưởi ngồi uống một mình để hồi tưởng lại những tách trà ngày xưa đã được uống với bà. Hương bưởi thân yêu sẽ lại đưa tôi ngược dòng thời gian trở về thời quá khứ, có em thơ tóc mây loà xoà trước trán đang lom khom nhặt hoa bưởi rụng, có khung trời hoa bướm với bãi cỏ xanh lấm tấm hoa vàng, và có bà tôi âu yếm dắt tay tôi dạo chơi trong ráng chiều êm ả...



ĐƯỜNG VÀO RỪNG Y

**Cháu Nguyễn Thị Khôi Nguyên
& Nguyễn Nhật Nguyên**
(Houston, Texas. USA)

Con chào đời tại Bệnh Viện Bác Sĩ Phạm Hữu Chí, Biên Hòa. Có lẽ đây là định mệnh đã gắn chặt cuộc đời con với một vị bác sĩ nổi danh mà kẻ hậu sinh hết lòng ngưỡng mộ. (Theo lời Ba thuật lại thì Bác Sĩ Phạm Hữu Chí sinh quán tại xã Phước Lễ thuộc tỉnh lỵ Bà Rịa/Phước Tuy. Ông sang Phi Châu nghiên cứu bệnh Sốt Vàng Da (Fièvre Jeune).....rồi do đó mắc bệnh quái ác này mà từ trần tại Paris năm 1938, Mậu Dần. Tên của Ông còn được đặt tại một con đường trong tỉnh lỵ Bà Rịa).

Không thể nào quên ngày đánh nhau với thằng bạn bèm cả con mắt của con, lúc đó Mẹ đưa vào bệnh viện, y tá khám qua loa. Hai hôm sau Ba phát hiện, Ba đưa xuống Bệnh Viện Nhi Đồng, nhưng đã trễ và kết quả, con mắt của con không thể nhìn thấy ánh sáng.

Ba đã tìm đường vượt biên nhiều lần và đến Nhà Thờ Đức Mẹ ở Bình Triệu...cầu xin. Vào mùa Thu 1989, Kỷ Ty, cha dẫn con rời Việt Nam, lênh đênh trên biển Đông giữa lòng đại dương đầy hiểm nguy. Con theo Ba trên đường vượt biển, ôm chặt lấy Ba theo từng nổi kinh hoàng khi tàu nghiêng, sóng vỗ....quên đi mắt của mình hầu như mù hẳn. Nhờ ơn trên che chở, tàu ghé đảo Budong, Malaysia, và được Cao Ủy Ty Nạn đặt tên MC 536.

Ở trại tỵ nạn, con may mắn được đưa qua Bệnh Viện Trenganu. Nơi đây, con thấy Bác Sĩ và Y Tá đối với người vượt biên rất nhiệt tình, khác hẳn ở nước mình dưới chế độ Công Sản!! Sau đó, vì bệnh lý khá trầm trọng tôi được chuyển đến Bệnh Viện Nhân Khoa ở Thủ Đô Kuala Lumpur, con thiêm thiếp trong giấc ngủ.

Tạ Ôn Trên, nếu còn ở Việt Nam, con không hình dung được tương lai mình, nhưng chắc chắn là thể thảm lắm, chính vì thế, khi đến Hoa Kỳ, con quyết tâm học ngành Y, để đền ơn Thế Giới Tự Do đã cứu mang, cứu chữa con thoát cảnh mù loà và cũng mong góp một bàn tay cứu giúp bệnh nhân. (Trên Đắc San Xuân Đinh Hợi, 2007 của Hội Ái Hữu Biên Hoà, Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu, Cựu Tổng Trưởng Xã Hội, Việt Nam Cộng Hoà, có viết bài nói về Đồng Tháp Mười, diễn tả rất ngoạn mục về vùng đất cả triệu mẫu đất *Đầm Lầy Nước Ngập*, cha con rất chân quý nó, vì là quê nội Ba xuất thân từ vùng đất quá nghèo nàn này, nên muốn các con chọn đường học để tiến thân, mong rằng chúng tôi theo gương cụ Nguyễn Khuyến).

Vào Mùa Đông năm đó, Mẹ và em cùng vượt biên luôn. Trong thời gian ở trại chuyển tiếp Sungai Bé, để chữa bệnh, con học Việt Văn, Anh Văn và Pháp Văn, lúc đó Ba làm Trưởng Khu Handicap, Ba phỏng vấn những người đã được qua phần thanh lọc từ Đảo Bidong chuyển sang và dùng sự hiểu biết này làm nền tảng trong việc hướng dẫn đồng bào vượt biên sau ngày thứ Ba 14/3/1989.

Tháng 10/1990, Ba tình nguyện ở lại đảo Bidong để có cơ hội giúp đồng bào vượt biên đến sau. Ba xin vào Ban Hướng Dẫn Thanh Lọc, là người cấp bậc thấp nhất so với đàn anh, Ba được Ông Giáo Nguyễn Văn Rép (Đại Úy/BBT) và Bác Trần Duy Thân (Đại Úy/ PB), cùng đơn vị Biệt Động Quân với Ba, nhiệt tình khuyến khích. Thế rồi từ đó, sau khi con được chữa trị, mỗi buổi sáng sớm, Ba xay bột và chiên chuối, còn con bung chuối đi bán khắp trại rao: *Ai mua chuối chiên không?*

Trên mười mấy ngàn người ở đảo, quý vị nào đã có một lần ăn chuối chiên, có lẽ còn nhớ đến con lúc đó: ốm tong, ốm teo,...khi qua Mỹ, con rất mạnh về ăn uống, nên phát tướng. (Khi nào, nếu quý vị, đã từng ở Bidong, có dịp vào Bệnh Viện Memorial Family Medicine Center Southwest ở Houston, thấy Khôi Nguyên thì xin nhắc, để con có dịp chào hỏi và bày tỏ lòng biết ơn ngày nào đã mua chuối chiên ủng hộ, cũng như các Thầy Cô giáo đã dạy con học Việt Ngữ của 20 năm về trước).

Sau khi bán xong, con đến trường, buổi chiều thì học võ và tắm bể, đây là khoảng thời gian êm đềm và thơ mộng nhất trong quãng đời thơ ấu của con.

Thông thường sinh hoạt ở nơi này về chiều có những buổi thuyết trình hướng dẫn về các vấn đề liên quan đến thủ tục nộp đơn xin nơi định cư, hay điều chỉnh hồ sơ.....đơn đồng bào không mấy tha thiết, thường bỏ về. Nhưng từ khi Ba được chỉ định lo phần thuyết trình hướng dẫn này, thuyền nhân tỵ nạn kéo đến ngày một đông hơn, không phải “*Mẹ hát, con vỗ tay*” mà thực sự Ba rất có khiếu về nói chuyện trước đám đông. Ba nói, một phần học ở Quân Đội, một phần là do Giáo Sư Nguyễn Thành Nhơn (Nguyên Giám Đốc Nha Thanh Niên Thời Đệ Nhất Cộng Hoà) truyền đạt khi Ba đi học Đông Y ở Sài Gòn. Ngoài ra, các nhóm Cựu Quân Nhân kể cả đơn vị Hành Chánh đều có mời Ba thuyết trình riêng. Về sau, các Thuyền Trưởng các tàu vượt biển tỵ nạn mời Ba, tánh của Ba rất cẩn thận, Ba làm hồ sơ cho ai thì đánh máy đàng hoàng, hỏi rất chi tiết, hướng dẫn câu trả lời ngắn gọn, phỏng vấn một vài lần, gặp trường hợp rắc rối thì mời đàn anh vấn kế... Ba còn nhẫn nhủ, khi đi thanh lọc, phải ăn mặc chỉnh tề, “*Nhìn Quân Phục biết tư cách*”.

Sau một thời gian ở đảo, con còn nhớ, lúc danh sách thuyền nhân tỵ nạn đi định cư được đọc vang vào ngày thứ Tư 29/9/1992, có một Thông Báo, mà Ba còn cất cho đến bây giờ như là một dấu tích kỷ niệm đáng nhớ nhất trong quãng đời tỵ nạn: “*Xin đồng bào dành ít thì giờ quý báu để đưa gia đình Anh Nguyễn Kim Quan nguyên là Tổng Thư Ký Hội Đồng Quân Dân Cán Chính và là Nhân Viên Ban Hướng Dẫn Thanh Lọc sẽ rời trại và định cư tại Hoa Kỳ chiều nay*”.

Định cư xong, con xin vào học lớp 8, Anh Văn là cái trở ngại nhất, còn Mẹ và em cũng đến Mỹ vào Lễ Giáng Sinh, em học lớp 4. Chúng con mỗi thứ Bảy đi học Việt Ngữ.

Rất đáng nhớ là các Bác, Cựu Quân Nhân đến thăm, người giúp cái này, người cho cái kia, trong đó có Bác *Trương Kiến Xương*, cùng hai Bác *Phạm Hùng Sang* và *Phạm Hùng Lam* học với Ba ở trường Trung Học Ngô Quyền. Trước 1975, Phạm Tiên Sinh làm ở Giám Sát Viện tại Sài Gòn, còn Bác Lam (Trung Úy/Kỹ Sư), cả hai đều là người quê ở Tân Uyên, Biên Hoà, rất nhiệt tình gởi quà giúp đỡ Ba Mẹ khi còn ở 2 trại tỵ nạn Mã Lai và Nam Dương. Con được dịp thấy Phạm phu nhân là Cô Hồ Ngọc Ánh đang dạy “*Nail and Hair*” ở Thành Phố Milpitas, California. Cô thao thao bất tuyệt trước học viên khoảng bảy tám mươi người với nhiều sắc dân, đây cũng là một động cơ thúc giục con cố gắng học Anh Ngữ để được như Bác.

Ở miền Bắc California, học sinh Việt Nam rất đông, gặp nhau tha hồ nói tiếng Việt. Mặt khác, các bạn sinh trưởng tại đây, hoặc vào nước Mỹ trước chúng con, nên họ học rất xuất sắc, trong lúc đó chúng con rượt theo bạn bè muốn hụt hơi...Nơi đây, phố thị đông đảo nên sự học hành bị chi phối bởi thời trang đua đòi kiêu cách...Ba hiểu được, nên đưa chúng con rời chốn ăn chơi hơn là ăn học, đến Tiểu Bang Missouri.

Ngày tốt nghiệp Trung Học, bạn bè và con, 6 đứa được ngồi trên Khán Đài Danh Dự. Ông Hiệu Trưởng chọn con lên đọc bài diễn văn chào mừng quan khách bằng tiếng Anh và Việt, khi đọc tiếng Việt, cả giảng đường ngơ ngác. Đây là một vinh dự quá lớn lao cho Học Sinh và Phụ Huynh Việt Nam, giây phút đó, con mới hiểu vì sao Ba đưa chúng con đến đây. Ba luôn nhớ đến lời khuyên của Bác Sĩ Hoàng Văn Hiệu và Bác Sĩ Thái Quang Minh ở San José “*Nên qua các Tiểu Bang nhỏ, ít người Việt có cơ hội nhiều hơn*”.

Ra trường, con xin vào Đại Học. Con vào UMKC, ở đây, mỗi lớp hàng trăm học sinh, thấy vậy Ba chọn Rockhurst University Đây là Trường Công Giáo, kỷ luật rất nghiêm, mỗi lớp chỉ có mười mấy người. Tôi gặp toàn thứ dữ, con nhà giàu tứ xứ vào trường này, chúng học thật xuất sắc, con định bỏ cuộc, nhưng nghĩ đến Ba đã liều chết đem chúng con qua đây mà con không làm nên trò trống gì thì ưỡn sự hy sinh cao cả đó, mặt khác, thấy Ba quá vất vả bên xứ này, còn Mẹ thì làm 2 jobs, chạy không kịp thở, cho nên chị em chúng con quyết tâm. Sự quyết tâm này được đền bù rất xứng đáng. Cuối năm học thứ Nhất, con được một học bổng khác, nghe lời khuyên của Ba du học ở trường UTA, Texas. Nhà Trường sắp cho con ở nhà một người Việt Nam cho có bạn: 1 Ph.D, 1 M.D., 1 M.S., con thấy bằng cấp của họ làm con lên tinh thần. Chị Bác Sĩ đang học chuyên khoa, động viên và khuyến khích làm cho con thêm phần khởi và quyết chí lớn.

Rồi mùa hoa phượng lại nở, Ba bảo du học Châu Âu. Chuyến đi này gồm 28 học sinh, với nhiều sắc dân, con sử dụng Pháp Văn cũng gỡ gạc được vì có học ở trại tỵ nạn, nên được chọn làm Trưởng Toán. Ngoài giờ học ở Pháp, chúng con viếng được 10 nước khác.

Nhắc đến nước Pháp, chúng con không quên Ông Bà Phan Thành, nhà ở Ngã Ba Thành, Ông Bà đã từng nuôi dưỡng và giúp đỡ Ba khi còn đi học ở Ngô Quyền và chú Phan Thanh Long đã gởi tiền cho gia đình chúng con khi còn ở Trại Tỵ Nạn. Bút tích vẫn còn đây, mà Vị Ân Nhân này đâu còn nữa!! Ông đã mệnh chung tại Kinh Đô Ánh Sáng, và theo nguyện vọng, được an nghỉ trên đất Biên Hoà, cả gia đình, đặc biệt Bác Phan Thành Nam, học chung với Ba, đã thực hiện ước vọng đó, Gia đình chúng tôi không còn có dịp bày tỏ lòng biết ơn. Ba con xin mượn nén hương lòng thấp cho Ông.

Trên Cõi Vĩnh Hằng đó, mong Ông hiểu cho lòng dạ của gia đình chúng con. Cũng ở Pháp Quốc, không quên hai cô: *Phạm Thanh Phi* và *Phạm Thanh Phương*, người quê Cái Bè. Tại Paris, con chẳng có một người thân, vậy mà mỗi chiều thứ Bảy (hai Cô còn ướt át, mỹ miều lắm) đến tận trường đón con, và té ra hai cô là bạn học của Ba ở trường Lê Quý Đôn, hèn gì khi còn ở đảo, hai Cô gói tặng mấy ngàn. Hai cô cũng vượt biên nên rất cảm thông với người tỵ nạn. Khi Ba đi thăm, năm 2000 tại Paris, hai Cô còn nhắc lại ngày xưa cảnh Ba say quên cả lối về, trên bốn mươi năm về trước, hình ảnh này tưởng như mới hôm nào.

Khi con tốt nghiệp Trung Học, tạp chí Viking số ra ngày thứ Năm 12/6/1997 có viết: "*She hopes to become a pediatricians. Kholi would like to go to Africa and help those who are sick on that continent.*" Và trước khi con ra trường, tôi đã thực hiện lời hứa ngày nào, con đã sang nước Camerún (Cameroon) làm việc thiện nguyện ở Bệnh Viện Mbingo Baptist General Hospital gần 03 tháng.

Ở đất nước này, người dân hiền hoà thân thiện, hình ảnh của các em Châu Phi còn mãi trong tim con, lâu lâu, con giở lại quyển Album xem. Năm 2008, con đến Châu Phi lần thứ Hai.

Còn *Nhất Nguyên*, em con, cũng xong bằng Cử Nhân năm 2005 và Hè năm sau đó, *Hậu* (tên cúng cơm) đã đậu luôn M.S., hiện tại em đang học ở Kansas City University of Medicine and Biosciences of Missouri, Surgical Associates of Florida... và sẽ ra trường vào mùa Hè 2010.

Chúng con xin được ngỏ đôi dòng này để cảm ơn Ông Bà Giáo, Bác Bảy Nguyễn Văn Rệp đã nhiệt tình giúp đỡ em con nơi ăn, chốn ở mỗi khi chuyển nơi thực tập. Mai đây, nếu Quý Thầy Cô đã từng dạy học ở đảo Galang 2, có gặp *Nhất Nguyên*, xin nhắc cho một lần, trước là để chào hỏi, sau là để biết ơn ngày nào đã dạy cho chúng con học tiếng Việt.

Lúc đầu, chúng con không thoải mái chọn ngành này, nhưng thời gian, nó giúp chúng con thấy mình đã chọn đúng con đường như lời của Đức Phật: "*Sản nghiệp lớn nhất của đời người là sức khoẻ và trí tuệ*"

Con hoàn tất kỳ thi vào chiều thứ Sáu của mùa Hè năm đó, định ngày mai, sẽ báo tin vui cho Bà Ngoại ở Biên Hoà, nhưng đêm đó, Bà Ngoại đã ra đi... Giây phút mong đợi của Ba Mẹ và con đã đến, ngày 15/12/2006, con "*Đã Tìm Được Một Mùa Xuân*".

Trong kỳ Hội Nghị Học Sinh Gốc Á Châu, tổ chức tại Chicago, Illinois, USA, vào tháng 10, 2005 dành cho các sinh viên sắp ra trường, thuyết trình đoàn toàn giáo sư gốc Châu Á, trong đó có Việt Nam, Nhật, Đại Hàn... cho biết tỷ lệ học sinh Á Châu học Cao Học và Tiến Sĩ về ngành Y Khoa tại Mỹ là 20% so với dân Bản Xứ là 1%. Điều đó cho chúng ta hiểu là người Á Châu chiếm đa số và rất xuất sắc không thua gì học sinh gốc người Mỹ. Con đã từng khuyên mình không sợ mặc cảm mình là sắc dân thiểu số vì nước Hoa Kỳ, cách đây trên 200 năm, người Mỹ lúc bấy giờ cũng như chúng ta. Sau hơn ba mươi năm lưu lạc nơi chân trời hải ngoại, người Việt Nam trên thế giới có mấy trăm ngàn người có bằng cấp tâm cỡ, trong đó có người dân gốc Biên Hoà nói riêng, trên nhiều lãnh vực.

Nếu thế kỷ trước, người gốc Phi Châu đã đến miền Đất Hứa này và ngày hôm nay đã có người là Tổng Thống của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, con tin chắc trong tương lai, người Việt Nam chúng ta cũng sẽ có người làm nên lịch sử, hãy tin tưởng ngày mai. Một điều mà Ba Mẹ thường dặn dò: "*Nếu chúng con còn nhớ đến Ông Bà, Cha Mẹ thì đừng quên tiếng Việt*". Thỉnh thoảng con nhìn lên TV, thấy một số anh chị em không nói được tiếng Việt hoặc chỉ nói được vài câu, trong lúc đó khán thính giả lại toàn là người Việt Nam, con thật buồn vì họ không có dịp trau dồi tiếng Việt.

Hiện nay, người Việt Nam hầu như có mặt gần 100 quốc gia. Người Việt đã góp công tạo những cộng đồng to lớn với cảnh nhà cửa sung túc, cơ quan thương mại phồn thịnh, sinh hoạt tôn giáo tự do tín ngưỡng..., ngay cả những con đường hoặc đại lộ, nơi họ đang định cư, đã được đặt tên như Tự Do, Sài Gòn.... Đặc biệt là Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ tượng trưng cho Việt Nam Cộng Hoà tung bay nhiều nơi trên thế giới. Đây là những điểm son của người Việt nơi hải ngoại.

Chúng con rất ngưỡng mộ quý Thầy, Cô ở các Trung Tâm Việt Ngữ trong Cộng Đồng. Việc làm của Quý Thầy, Cô sẽ ở mãi trong lòng chúng tôi khi nghĩ đến sự hy sinh dạy dỗ của quý Thầy Cô, vì như câu nói của một Danh Nhân Việt Nam: "*Tiếng Việt còn, Nước Việt còn*".

Tục ngữ Pháp có câu: "*Cái tôi là cái đáng ghét*", qua bài này, chúng con chỉ xin được đóng góp kinh nghiệm bản thân và lòng biết ơn đến Thầy Cô, Cha Mẹ và Ân Nhân đã giúp đỡ những tháng ngày qua.

Trước thềm năm mới, chúng con kính chúc tất cả Quý Bậc Trưởng Thượng, Quý Đồng Hương và Thân Hữu Biên Hoà một năm: Dồi Dào Sức Khỏe và Vạn Sự Như Ý.

Quyển Đặc San HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ & NHỮNG TẤM HÌNH 43 NĂM TRƯỚC

(Kính tặng Quý Thầy Cô, tất cả anh chị em cựu Học Sinh Ngô Quyền
và Đồng Hương Xứ Bưởi Hải Ngoại)

N. A.

Mùa Xuân năm ngoái, tôi đi công tác về Ngân Hàng ở miền Trung, nhân cơ hội này, tôi đã đến thăm khu Phố Cổ Hội An, lên Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng, để tìm vết tích Tề Thiên Đại Thánh bị Phật Tổ Như Lai phạt về tội Đại Náo Thiên Đình của ngàn... ngàn năm trước, rồi ra các gian hàng bán kỷ vật, ở dưới chân núi, mua một vài thứ về làm quà, đủ hết, như hình Đức Phật, tượng Chúa, râu chuối...vv... Tất cả được mài giữa tinh vi bằng đá trắng, đá xanh, hồng ngọc...

Một ngày như mọi ngày, chiều về, tôi nhận được phone của Phu Quân gọi ra thăm hỏi, đặc biệt hôm nay anh báo tin: “*Có một phong thư, chắc là cuốn sách*”, tôi nói anh mở ra xem, nhưng nhà tôi đáp lời: “*Cái này của em, anh không mở đâu.*” Xong một tháng, trở về lại với mái ấm gia đình, sau bao ngày xa cách, với bao nỗi nhớ thương.

Từ Tiểu Bang Tennessee gọi về cho tôi một quyển *Đặc San Xuân Kỷ Sửu, 2009, Hội Ái Hữu Biên Hoà*, đẹp quá, màu sắc in ấn rực rỡ, nơi hình bìa có bưởi, chôm chôm thấy mà phát thèm. Hồi còn đi học, mấy món này luôn là bạn đồng hành và lúc nào cũng *permanent* trong cặp. Cái khoái nhất là khi vào lớp, Thầy, Cô giảng bài thấy buồn ngủ, thò tay lấy ra, dòm ngó tứ phương xem có ai “*địa mình*” không, an toàn rồi bỏ vào miệng nhai, nó ngon lắm sao! Khi nào bị bắt gặp sẽ tính, bây giờ sướng cái miệng trước đã....

Cũng nơi hình bìa, nhìn các chiếc tàu đóng dở dang, được chú thích là hình ảnh biểu tượng cho Quận Nhơn Trạch, một trong sáu quận thuộc tỉnh Biên Hoà, tôi nhớ là sau 75, nơi đây cung cấp biết bao chuyến tàu vượt biên bán chánh thức, hay đi chui. Nhớ lại, tui cũng nhiều lần vượt biên, nhưng có lẽ cái số!!

Trong Đặc San 2009, *Lá Thư Xuân* của anh Hội Trưởng Lâm Sĩ Đất, dung nhan rất phong độ, với cả tấm lòng trải dài trên trang giấy, khâm phục! khâm phục! Anh đã gầy dựng Hội Ái Hữu Biên Hoà để cựu học sinh Ngô Quyền và Đồng Hương cùng Thân Hữu Biên Hoà có dịp liên lạc nhau, trao đổi, thăm nhau, kể cho nhau nghe về quê hương Biên Hoà, về miền xứ Bưởi một thời áo trắng học trò.

Bên trong, nội dung thật sung túc, có bài Sớ Táo Quân, đủ thứ để đọc, để tìm hiểu. Đặc biệt cái mục mà các nữ nhi thường tình đều thích tới 100% là “*Đầu Xuân Hỏi Tuổi*” của Giáo Sư Trần Thượng Thủ. Tôi đọc đi, đọc lại nhiều lần, bầm tay đoán tuổi rồi bà con rồi xem những lần chỉ trên bàn tay của mình coi đường xuất ngoại qua Mỹ sáng tỏ chưa, để thăm thầy cô, bạn bè bên đó một chuyến.

Quên nữa, bìa trong, có những dòng chữ rất thân thương của một người bạn học chung lớp ba năm, anh Nguyễn Kim Quan “*Thương tặng: Đệ Nhất phá phách năm xưa*”.

Lật bên trong, tôi thấy có bài viết của anh có nhắc tên tôi: “*Chị... quậy nhất trong bọn con gái, hưởng ứng, bung beer mời Đại Dương và cả lớp nâng ly, buổi ăn nhậu náo loạn..*”. Đọc đến đây, tôi cùng phu quân và con tôi cười rần, té ra chuyện này mà anh còn nhắc và viết lại trên báo để lại bạn bè tứ xứ đọc, nhất là cháu ngoại tôi, sau này nó thấy, thật hổ thẹn và không hiểu nổi, lúc đi học chơi xả láng: “*Anh một ly, tôi một chai làm cho nở hay mất mặt Nữ Sinh Ngô Quyền đây?*”

Trước đây anh ĐHV có tặng tôi Đặc San Ngô Quyền, 2003, có hai tấm hình mà chưa có vị nào biết rõ về lý lịch hai bức hình đó với bài viết ở trang 20 của Thầy Phan Thanh Hoài và Thư Ngô của Cô Trần T. Nguyệt Thu (trang 31).

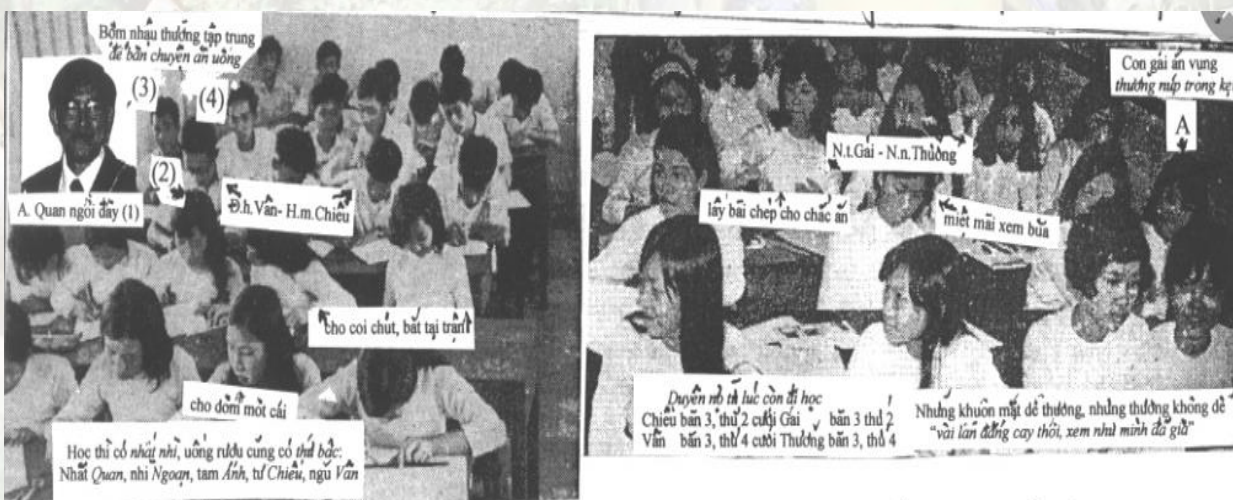
Xin phép anh Hội Trưởng và Ban Biên Tập cho tôi được ghi lại và chú thích như là một kỷ niệm đáng nhớ nhất trong quãng đời học trò mà tất cả các bạn lớp tôi đều có mặt.

Năm Đinh Mùi, 1967, một số bạn có dự Lễ Hôn Phối tại Nhà Thờ Biên Hoà, Chú Rể là anh *Nguyễn Văn Ngoạn*, học chung lớp. Mới 17 tuổi đã hừng sáng... Tôi nghe bên con trai nói lại: Vì muốn được ăn nhậu, nên thúc vô, hơn nữa anh là con trai trưởng, Ông Cụ muốn có cháu nội để nối dõi Tông Đường.

Tôi biết trong bụng anh Ngoạn nói “*YES*”, nhưng bề ngoài thì nói “*KHÔNG*”, với áp lực quá nặng nề từ đám con trai mất nét (có nét đầu mà mất): “*Nếu mày không nghe lời Bá Phụ cưới vợ, tụi tao không cho chơi chung*”. Thế là anh “*Oui, d'arcord*”.

Ngày thi môn Văn Vật của Thầy Lâm Tấn Văn, tôi thấy anh Trưởng Lớp Trần Văn Sửu, sau khi nghe các “*Quân Sư ăn nhậu*” nói điều gì, anh lên gặp Giáo Sư. Với nụ cười rất thông cảm Thầy dành cho bọn con trai, mà cả lớp được “*ăn theo*” “*copy*” trong giờ thi. Thầy nói:

“*Lo làm bài đàng hoàng, nếu có chép thì để tập trên bàn mà viết, đừng thụt ló, coi không giống ai, coi chừng thầy Hiệu Trưởng xuống bắt tử. Thầy có việc....*”



Sau khi rời Trường Mẹ, lớp chúng tôi cùng cấp cho đất nước đủ thành phần: Hai, Lục, Không Quan, Bạc-sì, Kỳ-Sử, Đốc-sì, Ngạn-Hãng, Giáo-sư, Công-chức có người đã Vi Nước Hy-Sinh (Lê-Anh-Tuân) và hiện định cư khắp 4 Châu, có châu nội, ngoại và châu Cỏ

Sau khi thi xong, cả lớp kéo nhau xuống Hồ Nai, vùng đất của “*Cờ Tây*”, chúng tôi móc hồ bao góp lại, giao cho Trưởng Lớp, sau khi Chúc Mừng: “*Đầu năm con gái, cuối năm con trai, giữa năm đừng có ra lại cái*”, tôi không nhớ bữa đó gia chủ Hoàng Minh Chiêu đãi món gì? Trưa bụng đói, tha hồ ăn và uống “*ba xi để*” (nếu có được “*beer lên cơn*” sau 75 cũng đỡ khổ).

Hồi còn trong bụng, chắc Mụ Bà nản lộn, tôi uống rượu, nếu chơi tay đôi, chỉ thua anh Quân, Anh Ngoạn, còn các anh khác, như: Anh Vân, Phước Tiêu, Chánh, Chiêu... xin lỗi, các anh ấy chỉ gác công thôi.

Khi ra về, Hoàng Minh Chiêu (sau này là Giáo Sư Văn Vật, phá nhất bên con trai, từng bị thầy Nguyễn Thất Hiệp đụt tại chỗ) nói: “*Hồi nãy mấy bà ăn thịt cây có ngon không?*”

Tôi nghe mà rợn tóc gáy, bây giờ mỗi đã qua khỏi bao tử, lang thang qua trục tràng ngang và đi thẳng xuống.... làm gì còn ở có để...

Lúc còn nhỏ, mong đến ngày Tết để được Mẹ mua áo quần mới, được Ba lì xì, giờ nhìn lại đã 60 năm cuộc đời, Thân Phụ Mẫu đã ra đi, còn lại gì, ngoài hạnh phúc gia đình, các con và chưa có cháu, còn gì nữa?

Còn biết bao kỷ niệm thuở học trò, mà các anh chị, các bạn cũng như tôi, dù có tiền muôn, bạc vạn cũng không mua hay tìm lại được. Tất cả là những dấu yêu thật đáng quý, xin gởi đến những Cựu Học Sinh Ngô Quyền xa xứ.

Trước thêm năm mới, qua Đặc San Xuân Canh Dần, 2010, kính chúc các bậc Tiên Bồi, Quý Thầy Cô Trường Ngô Quyền, anh chị, bạn bè, đàn em khắp Năm Châu: ***Năm mới dồi dào sức khoẻ.***

Nêu quý anh chị, bạn bè năm xưa, có về Việt Nam mà còn nhớ đến tôi, gọi anh Nguyễn Kim Quan mà xin địa chỉ “*nhà em có hoa vàng trước ngõ*”, sẵn sàng chiêu đãi Cờ Tây 7 món ăn chơi và “*Anh một chén, tôi một tô, không say không về...*”

Ghi chú:

(A) Tên cúng cơm của tôi do Cố T/U Lê Anh Tuấn(4) bạn chí thân, học chung lớp đặt.

(1) Hai tấm hình này do anh N.K. Quan chụp, anh ngồi cạnh anh Đ.H. Văn

(2) Xem Tuyển Tập NQ/2006/122 và Đặc San Hội Ai Hữu Biên Hoà 2009/54, để hiểu về Anh và cũng là tay quậy tầm cỡ.

(3) Anh Ngoạn, một thời làm Quan, hiện ở An Lộc cây số 92, giờ đã có cháu nội, ngoại, lẫn cháu cố.

Tất cả: 40 nhân, chuẩn bị có cháu Sơ và *Anh rất sợ chết...*



Lời Tự Tình Ở Hai Đầu Nỗi Nhớ

Châu-Oanh

(Long Thành, Biên Hoà. Việt Nam
& Alexandria, Virginia. USA)



Phần 1. Tâm tình Bạn gửi cho Tôi

Đã hơn 30 năm rồi tôi chưa gặp lại bạn tôi. Lâu quá là lâu, và cũng xa thật là xa. Thế nhưng, dù thời gian có thể nào đi nữa, thì hình ảnh bạn cùng những kỷ niệm ngọt ngào của những ngày xa xưa không bao giờ phai nhạt, mà nó còn tồn tại trong tôi, rất xanh và rất đậm, dù rằng nay tóc đã phai màu và mặt thì đang hằn những nếp nhăn rõ rệt.

Bạn tôi, ngày xưa đó, cùng chung lớp thời Trung Học, dưới mái trường Ngô Quyền thân yêu. Bạn tôi hiền lành, điềm đạm, nhưng rất vui tươi, cởi mở, đáng người nhỏ nhắn, mảnh dẻ mà đầy sức sống của tuổi đang lớn thời con gái. Đó là đặc điểm nổi bật của bạn tôi. Ngày ngày hai đứa, 2 chiếc xe đạp cùng đạp xe đến trường, trên các đường phố thân quen, dưới bóng hàng cây rợp mát mà cảnh lá giao nhau như biết yêu thương, tự tình.

Những buổi trưa về, có hôm tôi ở lại nhà bạn ăn cơm. Đường vào nhà bạn tôi là con đường đi vào Phi Trường nắng chói chan, nhưng với vành nón lá nghiêng nghiêng che mát, hai đứa cùng nhau mãi miết thủ thi, chuyện trò, nên nào có để ý gì đến nắng gió đâu? Món ăn hấp dẫn và quyến rũ tôi nhất của nhà bạn là món cà pháo muối dòn dòn châm mắm tôm, đậu hũ rán cắt miếng vuông rất dòn, tầm nước mắm pha chung với hành hoa thái chỉ, và canh rau đay nấu với cua đồng giã nhỏ, ăn cả quên thôi.

Có khi, bạn sang nhà tôi, đạp xe đường dài hun hút. Chúng tôi đi ngang Ngã Ba Thành, qua Tân Lại, đến Ngã Ba, xuống dốc Lò Nồi rồi đến bên đò qua sông.

Chúng tôi ngồi trên đò, nghe mái chèo khua nhẹ nhàng, nhìn dòng nước sông Đồng Nai trong xanh, hiền hoà, êm chảy với những bụi lục bình, lá xanh, hoa tím tím, dập dình trôi mãi về đâu?

*Đám lục bình nở hoa tím tím
Theo gió về xa đến thuở nào
Xuân đã vui rồi, xuân khép kín
Anh cũng như bèo, dạt phươg nao?*

Hai bên bờ sông là hàng bằng lăng, hoa tím, thỉnh thoảng một cơn gió nhẹ thổi qua thì cả một vùng bên nước như được trải lên một tấm thảm hoa màu tím, dịu dàng và mát rượi.

*Bằng Lăng soi bóng ven hồ
Xuân đi Thu đến bao giờ nở hoa
Hoa ơi có phải vì ta
Mà hoa tím cả trời xa trời gần*

Ôi, đẹp làm sao! Hai đứa tôi nhìn nhau đồng cảm xúc trước cảnh đẹp hữu tình, cùng nhắm mắt tận hưởng vẻ đẹp thơ mộng và vẻ thiên nhiên của trời, đất.

Đến nhà tôi, bạn lại tha hồ thoải thích với những món hợp khẩu ở vườn, ổi dòn, mận trắng, xoài xanh châm muối ớt đỏ au, có hôm, Mẹ tôi lại bồi dưỡng thêm món ngọt miền Nam, chè thưng, xôi nước.

Bạn người Bắc, tôi người Nam, bạn thích những món ăn miền Nam, tôi lại ưa chuộng thức món ăn Miền Bắc, hai sở thích khác biệt ấy đã kết hợp chan hoà và khá kỳ diệu, nó đã đan kết, se chặt tình bạn chúng tôi. Những ngày Lễ, hai đứa chúng tôi, lại rủ nhau đi chơi núi Bửu Long, trên núi có ngôi Chùa Cổ. Từ chân núi lên đến Chùa phải bước qua nhiều bậc tam cấp. Cảnh Chùa tĩnh mịch, chung quanh Chùa có nhiều

cây cổ thụ to, sừng sững bên cạnh những tảng đá lộ thiên, càng làm tăng thêm vẻ uy nghiêm nơi thiên tự. Chúng tôi bước thleo các bậc tam cấp lên Chùa. Sau khi lễ Phật, hai đứa chúng tôi ra phía sau Chùa, chọn tảng đá bằng phẳng, cùng nhau ngồi phóng tầm mắt ra xa, nhìn chung quanh, chiêm ngưỡng cảnh đẹp thiên nhiên của sơn thủy hữu tình, lòng chúng tôi thật thanh thản, nhẹ nhàng, thanh tịnh.

Lại có hôm, bạn và tôi rủ nhau ra Cầu Mát ở bờ sông gần chợ Biên Hoà, cùng nhau ngồi trên ghế đá, nghe làn gió nhẹ thổi vi vu, nhìn dòng nước êm đềm xuôi chảy xuống phía Cầu Gành, nước trôi, trôi mãi như cuộc đời, không biết sẽ trôi về đâu? Hai đứa cùng nhau bàn chuyện học hành, tương lai, v.v.

Tôi nhớ, tối hôm đi dự Lễ Hai Bà Trưng ở Công Trường Sông Phố, có anh chàng Sĩ Quan Không Quân, tình nguyện theo làm đuôi hộ tống bạn tôi, lúc về anh chàng mời hai đứa giải khát món sâm bô lượng ở đầu chợ Biên Hòa. Mặc dù ngại ngùng, và không thích mấy, nhưng bạn tôi vẫn mạnh dạn kéo tôi đi theo, vì được thưởng thức món hợp gu, khoái khẩu mà khỏi phải trả tiền (học trò nghèo mà lúc đó lại thích ăn hàng). Ăn xong, tui nhắc bạn: - *Nhỏ ham ăn, chỉ một chầu chè mà đã muốn xiêu lòng rồi hả?*"

Bạn tôi đỏ mặt, rồi hai đứa cùng cười khúc khích, nhưng lúc ấy, thật ra tôi cũng không hiểu bạn tôi đang nghĩ gì? và trong trái tim của bạn không biết có chút tình quyến luyến gì không? Nhưng tôi biết chắc là người ấy không phải là phu quân của bạn tôi sau này.

Hết bậc Phổ Thông, bạn ở lại Biên Hoà, rồi đi làm, tôi lên Sài Gòn tiếp tục học theo nghề giáo. Khi tôi tốt nghiệp, ra trường đi dạy học và lập gia đình và ở luôn trên đó. Bạn tôi cũng tìm được một nửa thương yêu của mình và lập gia đình với người yêu bạn. Sau những năm dấn thân vào cuộc sống, vì cơm áo, gạo tiền, gia đình và trách nhiệm, hai đứa chúng tôi thưa dần và mất liên lạc từ đó.

Sau đó bạn tôi và gia đình, di tản, định cư tại Mỹ Quốc xa xăm, tôi vẫn ở quê nhà theo nghiệp "gỗ đầu tre" là nghề tôi yêu thích nhất, thế là chúng tôi mất hẳn tin nhau, tôi về quê chồng ở Long Thành và làm việc tại đó. Mỗi lần có dịp về Biên Hoà, tôi hay ghé lại nhà các bạn cùng lớp để hỏi thăm người bạn thiết của tôi ngày xưa, nhưng chẳng ai giúp tôi được tin tức gì của bạn cả. Tôi vẫn tiếp tục theo nghiệp giáo, hạnh phúc và sống êm đềm bên mái ấm gia đình, bên chồng con, thương yêu, chiều chuộng, tràn đầy niềm vui sướng, nhưng trong lòng tôi vẫn còn một chỗ trống để dành cho cô bạn Bắc Kỳ thân yêu của tôi cùng những ngày xưa thân ái, đong đầy kỷ niệm... Tình tôi thế đấy, bạn có biết không?

Thời gian trôi nhanh, những buồn vui, thăng trầm của cuộc sống, đời người vẫn miên man luân chuyển. Tôi đang sống nơi quê nhà và vẫn luôn nhớ bạn.

Rồi bất chợt, một hôm, cô em họ của tôi ở Biên Hoà, gọi điện thoại cho tôi biết tin bạn tôi qua người chị của Cô hiện đang ở Mỹ cùng Tiểu Bang với bạn tôi, bạn tôi đã xin chị của Cô ấy địa chỉ để bạn liên lạc với tôi. Tôi không thể diễn tả được hết những nỗi vui mừng, sung sướng và hạnh phúc vô bờ trong lòng tôi lúc đó, thật bất ngờ. Nó như ngọn sóng trào dâng, vừa êm đềm, vừa mãnh liệt.

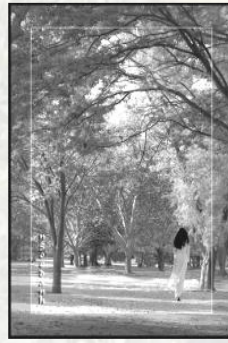
Thế là tôi đã gặp, đã có lại những ngày ấy của chúng tôi rồi. Hai chúng tôi email qua lại, điện thoại tới lui, nói hoải, nói mãi cũng không hết chuyện, sau mấy chục năm xa cách, "*gặp nhau*" của chúng tôi là thế thôi. Với tôi, như thế là đầy đủ lắm rồi, dù chưa trọn vẹn, vì chưa được gặp nhau, mặt tận mặt, tay trong tay như ngày xưa, nhưng tôi tự nhủ "*biết đủ là đủ, biết hạnh phúc là hạnh phúc rồi*". Bạn cho biết, bạn và gia đình sẽ ở luôn bên ấy, vì gia đình bạn không còn họ hàng hay người thân thuộc ở Việt Nam nữa, nhưng bạn hẹn sẽ trở về đây, thăm lại bạn bè, quê hương vào một ngày nào đó không xa. Nhưng bạn ơi! Ngày đó, dù xa hay gần không là điều quan trọng nữa, bởi vì với tôi, được "*gặp*" bạn như thế này là đã thoả mãn được niềm khát khao, mong đợi tin bạn từ lâu, lâu lắm. Gia đình bạn ổn định, phát triển, vững chắc cùng các con thăng tiến thành đạt, bạn cùng người thương của bạn xây đắp mái gia đình ấm cúng, tôi mừng điều đó.

Bạn cũng nói với tôi rằng: "*Dù cuộc sống ổn định, gia đình hạnh phúc nhưng bạn vẫn không quên được hình ảnh quê hương cùng bạn bè yêu dấu*". Tôi rất hiểu nỗi lòng "*hoải hương*" của người xa xứ, trong nỗi nhớ mong đó, nhiều đêm bạn đã lang thang trên mạng, tìm những hình ảnh thân quen, nghe những lời tự tình trong các bản tình ca muôn thuở, và rồi bạn cũng gởi cho tôi những gì bạn đã tìm thấy đã ru lòng bạn, và cũng nhẹ mát được lòng tôi.

Bạn yêu ơi! Tôi muốn gởi tất cả một Trời nắng ấm nơi đây sang cho bạn, nó sẽ mang tất cả những hương vị ngọt ngào, đậm đà, tươi mát của quê hương sang cho bạn đó. Được không?

Lê Kim Oanh & Châu

Tâm thư hai người bạn gửi cho nhau



Phần 2. Xin Hồi Âm Bạn

Bạn yêu quý,

Đọc mấy dòng tâm thư bạn gửi cho mình, ngậm ngùi và cảm động vô cùng. Cách nhau hơn nửa quả địa cầu, ngàn trùng hải lý, qua mấy đại dương, nhưng tình bạn của hai chúng tôi, hai người bạn thời thơ ấu, những năm Trung Học Ngô Quyền là cả một trời luyến nhớ.

Cùng mang tâm trạng ngậm ngùi và luyến tiếc. Hạnh phúc nhất đến với tôi khi tình cờ bắt được nhíp cầu với cô bạn thời áo trắng của tôi, nhờ hội Hội Ái Hữu Biên Hòa và nhất là nhờ ông Hội Trưởng Lâm Sĩ Đất đã giới thiệu cho tôi gặp chị Hạnh, và chị Hạnh lại là chị ruột của Cô em họ của bạn tôi. Ôi, trái đất thật tròn, niềm vui vô tận là chúng tôi đã tìm thấy nhau, dù không gặp mặt, nhưng nghe tiếng nói và biết được sinh hoạt của nhau là một điều may mắn, quý giá vô cùng.

Chúng tôi liên lạc với nhau qua những trang thư hàng tuần trên net, tôi rất thích lang thang trên computer, cho nên chúng tôi tự sắp xếp mỗi tuần 1 lá thư từ đây qua đó và từ đó qua đây, tuy không phải là những bức thư tình màu xanh của thời hẹn hò, nhưng lá thư Tình Bạn của chúng tôi cũng mùi mẫn không thua gì những lá thư xanh, vì đầy ắp những kỷ niệm dẫu yêu.

Thư tôi gửi đi, bạn chê ít, vì không đủ hết những điều bạn cần biết, còn thư bạn gửi sang thì tôi chỉ đọc một thoáng là xong, phải đọc đi đọc lại hoài, nuốt từng lời của bạn để viết thư hồi âm cho đầy đủ, lỡ thư nào mà tôi thiếu sót thì bạn viết sang hỏi lại, tại sao tôi quên trả lời, cứ thế mà hai đứa có chuyện nói hoài, phải nói thật là bên đó bạn có nhiều đề tài gửi qua cho tôi hơn là tôi gửi về cho bạn. Bạn kể chuyện thời đi học, gia đình, con cái và nhất là về phu quân của bạn là người tôi thích nghe nhất, vì ngày còn đi học, bạn đã từng có biết bao nhiêu chàng trai theo đuổi, nhưng phu quân của bạn bây giờ lại không có trong danh sách đó, tôi rất vui khi thấy bạn cũng đang chung hưởng một mái ấm gia đình, hạnh phúc.

Bạn kể chuyện, tôi đọc mãi, đọc hoài không chán "*tôi biết chia sẻ nỗi niềm này với ai đây?*" Bạn kể những đổi mới của đất nước, về những đô thị, nhà cửa cao ốc, xây cất hiện đại với nhiều máy móc tối tân. Tôi mừng vì đất nước đang bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, nhưng cũng không khỏi bùi ngùi khi nghe bạn kể lại những xây cất mới mẻ, những con đường và các tòa nhà cổ xưa không còn nữa, đô thị cũng thay đổi bộ mặt và nhất là ngôi trường Ngô Quyền yêu dấu của chúng tôi ngày xưa cũng xa lạ, tôi chợt thấy buồn và tự thấy mất mát đi hình ảnh thân thương của Biên Hoà ngày xưa, nơi tôi lớn lên và sống ở đó lâu hơn Hà Thành với Hồ Gươm thơ mộng của tôi thuở nào? Tự trong tâm thâm tôi, tôi thấy là mình hơi ích kỷ, đáng lẽ tôi phải nên mừng vì sự tân trang của thành phố, vì nơi đó sẽ là nơi đào tạo những mầm non sau này thì cần phải có đầy đủ tiện nghi và văn minh hòa hợp cho cuộc sống lớp trẻ tiến lên mới đúng phải không? Tôi quá là cổ hủ, đúng là "*bà già trâu*".

Bạn cũng không quên kể cho tôi nghe nhưng nỗi xót xa, mất mát của người dân trong nước đang gặp những *con bão, nước lũ ngập lụt* kéo về tàn phá những tỉnh miền Trung và các vùng cao nguyên, bão đã quét sạch cả cơ nghiệp của cả đời người dân lam lũ, họ đã suốt đời tận tụy, dành dụm tự tạo nên, để rồi bây giờ hoàn toàn tay trắng. Tôi cũng xin chia sẻ nỗi xót xa này với cô bạn thân yêu của tôi và người dân trong xứ.

Tôi nhớ Biên Hoà nhiều lắm. Gia đình tôi người Bắc, di cư 1954, nhưng nơi tôi lớn và đã nuôi dưỡng tôi đến trưởng thành là Biên Hoà yêu dấu, cũng là quê hương của chồng tôi, hình như số tôi gắn liền, thân thiết với người Nam hơn là những người đồng quê hương, xứ sở ở miền Bắc xa xôi của tôi vậy đó, Biên Hoà đem cho tôi thật nhiều nhớ nhung, tôi và bạn tôi ngày đó chia sẻ biết bao nhiêu kỷ niệm, những kỷ niệm ấy luôn luôn hòa quyện vào trong từng tế bào, huyết mạch của tôi.

Tôi quên làm sao được những con đường hai đứa đã đi qua, những con đường chứa chan tình cảm, đầy nắng, gió, mưa tuôn và cũng đầy tình yêu thương thấm thiết.

Làm sao tôi quên được những buổi sáng đi học trong túi hai đứa có tí tiền còm mẹ cho ăn quà, hai đứa “xanh xè” ghé vào quán cháo lòng *Huỳnh Cửa* trước cửa nhà tôi, bạn gọi tô cháo lòng nóng hổi với dôi, huyết thơm ngon, và một đĩa bánh dầu cháo quẩy cắt mỏng, tôi thì thêm 1 tô bún bì, chả giò cắt nhỏ với rau thơm sất nhuyễn, không bỏ giá sống, trên mặt rắc đậu phộng dầm, củ kiệu chua tía mỏng và tí mỡ hành lên trên, chan nước mắm giấm, chanh, ớt chua chua, ngọt ngọt, sao mà ngon thế! Quán Huỳnh Cửa là của gia đình chị Hồ Thị Nguyệt cũng học Ngô Quyền, chị Nguyệt thời con gái cũng vang bóng một thời hoa khôi, vì nhà tôi ở gần nhà chị, tôi học dưới chị 2 lớp, ngày nào đi học tôi cũng hay để ý nhìn chị Nguyệt với mái tóc dài chải bông đẹp lắm...

Lâu lâu cúng tôi đổi hàng quà, vào chợ Kỷ Niệm ăn tô bún riêu, hay chiếc bánh xèo dầm bụng trước khi vào lớp. Hồi đó chúng tôi rất vô tư, chỉ thích ăn quà vặt, chẳng thế mà có lần tôi vì ham ăn rủ bạn nhận lời mời của anh chàng Sĩ Quan Không Quân theo đuôi đi ăn sấm bô lượng ở chợ Biên Hoà vào một buổi tối, rồi tôi bị bạn mắng là “*tham ăn*” nữa.

Có một lần, không biết ai giới thiệu cho bạn một chàng làm công chức ở một Hãng gì ở gần Cầu Kho Sài Gòn mà lâu ngày tôi quên tên rồi, bạn rủ tôi đi với bạn, thế là cuối tuần 2 đứa cùng nhau đến xem mặt anh ta, gặp chàng bạn lắc đầu, nản chí, tôi cũng thấy vậy. Thế là bạn nghỉ chơi, nhưng chàng ta lại cứ lẻo đẻo theo bạn hoài, bạn chạy trốn, làm tôi phải đến nói cho anh ta biết là bạn chưa thích có bạn trai, v.v. Tôi cũng thấy tội, vì bạn tôi mà anh chàng đó cũng mất mấy lần trả tiền ăn hàng cho 2 đứa tụi tôi, không biết lương công chức lúc đó là bao nhiêu mà phải bao 2 nhỏ học trò ăn quà như “mỏ khoét” này. Lúc đó là tuổi mới lớn, nên ăn gì cũng thấy ngon, ngọt. Tôi nhớ nhất là mái trường yêu dấu, Ngô Quyền của tôi ơi! Nơi đây đã đào tạo bao nhiêu học sinh, tình thầy trò ở đây cũng vô cùng quyến luyến thân thiết. Tôi thêm nghe tiếng ve kêu rả rích, nhớ màu đỏ thắm tươi của phượng hồng, nhớ bài hát “*Hè Về*”:

*Ve kêu vang khi nắng sang đầy sân
Tiếng riu rít bầy chim non trở về...*

Những dư âm ấy dễ gì mà tìm lại được, và rồi đến mùa Xuân, tôi nhớ mùi Tết quê hương với bánh chưng xanh, dưa hành, thịt mỡ, nhớ đòn bánh tét có dừa, đậu đen cắt khoanh, nhai nghe bùi bùi, thêm hương vị ngọt ngào, cay cay của mít gừng, mít bí, thêm cắn hạt dưa cho đỏ thắm vành môi, và cũng không quên vị đắng của món khổ qua nhồi thịt, thêm vị chua chua, ngọt ngọt của củ kiệu ngâm giấm, Tuy ở đây, năm nào tôi cũng cố sắm sửa cho đủ như thế, nhưng sao vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì, có lẽ đang thiếu *Hương Vị Quê Hương* chăng?

Bạn cũng như tôi, đang vui sống trong êm ái của mái ấm gia đình. Chúng tôi may mắn đã tìm gặp được tình yêu của người phối ngẫu biết yêu thương mình, lại hiền lành, tế nhị, chu đáo và nhất là các chàng đã không có những phút giây “*tâm tư xao lãng, mơ tưởng một bóng hình nào khác ngoài vợ*”. Đó là niềm Hạnh Phúc vô biên không hạnh phúc nào bằng, bạn nhỉ? Xin cảm ơn hai nửa thương yêu của chúng mình bạn nhé, và cũng xin cảm ơn những sợi dây tình cảm gia đình đã thắt chặt tình thương yêu của chúng ta.

Bạn yêu ơi!

Nếu như vợ chồng bạn biết được là chúng tôi bên này rất thích mùa Xuân quê nhà, thích ngắm hoa mai nở rộ, thích tiết Xuân ấm áp, chim hót trên cành, thì bạn hãy gửi sang cho chúng tôi một trời nắng ấm của Mùa Xuân Quê Hương đi.

Nơi đây, bây giờ đang vào Thu, nắng Thu úa màu, mây Trời bàng bạc, lá vàng lác đác rơi, những buổi sáng bách bộ, chúng tôi đều phải khoác áo ấm, bước chậm lên đồi, ngắm lá Thu phai, nhìn bước chân nai xào xạc dẫm lên những chiếc lá khô, khi thấy chúng tôi đến gần, chú nai giương đôi mắt tròn to thân thiện nhìn chúng tôi mà không sợ hãi. Ôi! Mắt nai ngơ ngác đẹp làm sao!

Chúng tôi sẽ đi gom hết lá vàng, đốt cho tro tàn bay bay, và gửi theo gió đến gia đình ấm cúng của người bạn thân mến thuở xưa, người bạn rất yêu Mùa Thu của tôi ngày nào, bây giờ tuy “*Nghìn Trùng Xa Cách*” nhưng rất gần trong tâm tưởng, càng gần hơn nữa khi hai chúng ta cùng mơ về một vùng Trời kỷ niệm của thời “*Yêu Dấu Học Trò*”.

*Lê Kim Oanh & Châu
Tâm thư hai người bạn gửi cho nhau*



THẬT HAY PHIA TẬN THỂ Vào Ngày Thứ Sáu 21, XII 2012 *Trần-thượng Thủ* (Houston, Texas. USA)

Trong 3 năm nữa một thảm hoạ khủng khiếp vô tiền khoáng hậu sẽ giáng xuống trần thế, và giết sạch chúng ta, kể cả mọi sinh vật trên quả Địa Cầu này. Đó là lời cảnh báo mà con người phát hiện trong **lịch Maya** và các đấng tiên tri của họ chuyên về **Tai hoạ**. Có nên tin hay không?

Có lẽ độc giả nào yêu bóng vía, sẽ nổi da gà khi nghe tin động trời này, với nhiều ấn tượng do lắm tác giả Hoa Kỳ giàu tưởng tượng về loại đề tài làm ón xương sống. Ít ra cũng đã có 04 quyển sách trở thành BEST SELLERS được tung ra thị trường từ tháng 10 năm 2006, còn bồi thêm nhiều bài trên internet, khai triển đề tài làm đứng tim này.

Tất cả đều có chung điểm xuất phát là điểm nghiên cứu loại **lịch Maya** mà tác giả bài viết này có đề cập trong sách “*Lịch Pháp Giản Yếu*” (phát hành từ tháng 11 năm 2007). Nền văn minh **Maya**, hiện nay đã mai một, đã thống trị tại Quốc Gia Mexico và một phần Trung Mỹ Châu cho đến thế kỷ IX.

Cũng như ở các tôn giáo: Cơ Đốc, Hồi Giáo hoặc Phật Giáo, người **Maya** đã xác định lịch sử riêng mình về thế giới, tùy theo sự tín ngưỡng của họ. Một nền lịch sử chia làm 05 giai đoạn kế tiếp nhau, với tên gọi “*Chu Kỳ dài*”.

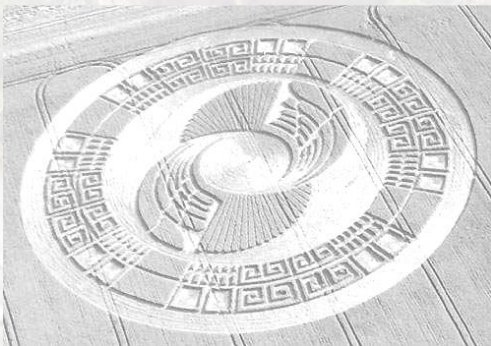
Chúng ta, hiện nay theo họ, đang sống vào kỳ thứ tư trong niên đại của họ. Khởi đầu rất chính xác vào ngày 13 tháng VIII, năm 3113 trước Tây Lịch, giai đoạn này sẽ bị chấm dứt, theo cách họ tính toán, vào 1 872 000 ngày sau đó. Và tiên đoán điều gì đây? Biến cố này xảy ra vào ngày thứ Sáu 21, XII 2012.

Thiết tưởng cũng cần thừa ngay với quý vị rằng, danh sách các tai hoạ nổ ra vào cái ngày kinh dị này nào có gì hoan hi đâu? Theo các tay môn đồ về niên đại Maya, Địa Cầu phải trải qua trận mưa cát, thiên tai đổ ập xuống: động đất, sóng thần, núi lửa phun trào dữ dội, v.v. vẫn tất là *toàn vẹn*.

Tuy nhiên, chẳng có một dấu vết thành văn nào của các vị Giáo Sĩ Maya đã tiên đoán. Nhưng căn cứ vào thần thoại học của họ, việc chuyển đổi giữa kỳ đời Thứ Ba và Thứ Tư trong lịch sử đấng đấng của thế giới xảy ra trong nỗi thống khổ, kinh hoàng tột cùng.

Cả loài người đều bị tiêu diệt do cơn thịnh nộ cao độ của các đấng Thần Linh và được thay thế bởi một giống người mới, chính chúng ta đây, rõ ràng được thành kính, hoà hợp với sở thích của chính các đấng Thần Linh này.

Nguyên nhân nào đã khiến họ bị tận diệt? Một chuỗi dài các thảm hoạ thiên nhiên, kinh hồn quét sạch mọi dạng sinh sống trên Địa Cầu. Đây là tại sao các nhà háng hái binh vực ý tưởng vụ tận thế ngày thứ Sáu 21, XII 2012 có nguy cơ xảy ra vào thời điểm tai hại.



Lịch Maya



Vô lý quá! Quý vị hãy tưởng tượng chuyện gì có khả năng quét sạch quả Địa Cầu, cả cái khối 6 tỷ rưỡi đồng loại chúng ta? Các núi lửa mọc lên nhiều như các tay nấm mọc lên vào mùa thích hợp, cả trăm vụ địa chấn xảy ra cùng một lúc trên khắp thế giới...

Ngàn hiện tượng Thiên Tai lại xảy ra *cùng một ngày* thôi ư? Một hoang tưởng đơn thuần đối với các nhà vật lý ngày đêm canh chừng mọi động tĩnh của hành tinh màu dương của chúng ta. Nào phải thế đâu?

Phản bác *Daniel Pinchbeck*, người ủng hộ hết mình cái lý thuyết Tận Thế. Trong tác phẩm “*2012, Sự Đáo Lại Quetzacoalt*”, nhà văn Hoa Kỳ giải thích rằng, trận đại thiên tai này đang chờ đón loài người vào cái thời điểm hi hữu, gây ra bởi một sự kiện thiên văn ngoại lệ: việc **Mặt Trời, Địa Cầu và tâm của Thiên Hà chúng ta nằm thẳng hàng**. Việc nằm thẳng hàng quái ác này, nhất định dẫn đến không hơn, không kém việc địa từ trường suy sụp. Hậu quả là việc thay đổi vị trí của địa cực.

Nói cách khác, Bắc Cực và Nam Cực của quả Địa Cầu sẽ hoán chuyển cho nhau. Do đó khí hậu Địa Cầu xáo trộn và tạo ra các thảm họa thiên nhiên dồn dập.

MẮT ĐỊNH HƯỚNG, MẮT PHÁN ĐOÁN

Quả thật tấm thảm kịch đã xảy ra trong lịch sử địa chất của quả Địa Cầu. Cách nay nhiều năm, một sự thay đổi địa cực, khiến cho hành tinh dương bị lạnh băng đột ngột và dữ dội. Nhưng luận cứ này khiến các nhà từ học Địa Cầu xem nhẹ. Đối với họ, đây chỉ là một sự trùng hợp đơn thuần, hiện tượng này chỉ xảy ra có một lần duy nhất trong số 300 giai đoạn địa cực hoán chuyển vị trí trong 200 triệu năm.

Nói ngắn gọn, lý thuyết của Pinchbeck chỉ là trò đùa! Càng rõ ràng là việc nằm thẳng hàng các thiên thể đều được đề cập, nào mang tính cách ngoại lệ đâu? Thật vậy, sự việc này xảy ra mỗi năm, vào khoảng ngày 21, tháng XII. Nói cách khác, theo *Sergio Ilovaisky*, Giám đốc nghiên cứu ở đài Thiên Văn Hautes Alpes, sự việc soạn lịch của người Maya không có cơ sở gì cả.

Để cho lập luận này đứng vững, các vị tán thành ý tưởng về việc tận thế năm 2012 đã tưởng tượng ra một kịch bản khác. Theo họ việc từ trường suy giảm có lẽ sẽ huỷ diệt sự sống trên mặt Địa Cầu.

Thật vậy, hành tinh của chúng ta sẽ không được bảo vệ bởi cái khiên thiên nhiên này. Trong trường hợp này, các hạt sát tử phát ra từ Mặt Trời luôn luôn phóng xuống Địa Cầu, sẽ không chuyển hướng nữa và bây giờ sẽ làm cho các sinh vật bị tiêu diệt hàng loạt mà ở hàng đầu là loài người. Gây xúc động mạnh! Ngoại trừ thêm một lần nữa, ngàn ấy chuyện không thể đứng vững.

Bằng cứ là cách nay khoảng 780 000 năm, Địa Cầu đã trải qua một cơn giảm cường độ của địa từ trường, khiến cho 2 địa cực phải hoán chuyển vị trí. Một cách rõ rệt, Tổ Tiên chúng ta vốn là giống *Homo erectus*, bây giờ sống trên Địa Cầu nào có gánh chịu quá nặng nề ảnh hưởng tai hại đâu? Bởi lẽ, loài người đã có mặt để bàn cãi và ghi lại vấn đề quan trọng liên hệ.

Cái lý thuyết, bản về Tận Thế thứ **n** lần, đã được đề cập vào năm 2000, rõ là chuyện tầm phào!

Tuy nhiên, người ta vẫn nhìn nhận điều lý thú ở kết quả của các cuộc nghiên cứu cần cù nhưng thường không có ý nghĩa của Pinchbeck. Vì không khuấy động được cộng đồng khoa học, chúng lại đạt được công lao gọi hứng cho giới Hollywood.

Một chuyện phim về đề tài này, mang tựa **2012**, sẽ được trình chiếu ở rạp ngày thứ Tư, tháng XI, năm 2009. Một chuyên viên lỗi lạc về các phim khai thác đề tài thảm họa là Roland Emmerich, đã sản xuất các phim như **Godzilla**, **Ngày Hôm Sau**, và mới đây, phim **10 000**, thuộc loại gây tác dụng đặc biệt và đại màn ảnh được bảo đảm!



MỘT SỐ NGÔI TRƯỜNG KỶ CỰU Ở NAM KỲ TRƯỚC THẾ CHIẾN THỨ II

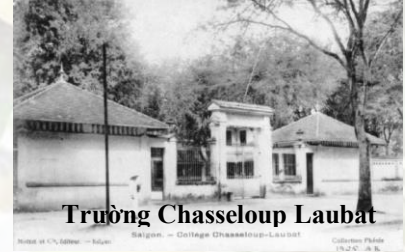
Trần-thượng Thủ
(Houston, Texas. USA)



Trường Gia Long



Trường Petrus Ký



Trường Chasseloup Laubat

Trước hết, tác giả xin được phép trình với quý vị rằng: Bài viết dưới đây được hình thành chỉ bằng trí nhớ của người niên kỷ 8 bó có dư, bị thúc đẩy bởi “*Ôn Cố, Tri Tân*”. Nhớ đến đâu, viết đến đó về một số ngôi trường thuộc nền giáo dục phổ thông tại một thuộc địa Pháp trong khoảng thời gian giữa hai trận thế chiến của thế kỷ XX, còn mang danh xưng Nam Kỳ (chưa có tên gọi là Nam Bộ, Nam Phần Việt Nam).

Chasseloup Laubat - Bắt đầu là trường Chasseloup Laubat (danh xưng lần lượt thay đổi là **Jean-Jacques Rousseau** từ năm học 1951-52, và sau cùng là **Trung Tâm Giáo Dục Lê Quý Đôn** (1965).

Toạ lạc trên khu đất được giới hạn bởi 4 con lộ mang tên thời đó là *Chasseloup Laubat* (Nam), *Barbé* (Tây), *Testard* (Bắc) và *Mac Mahon* (Đông).

Có nội trú; cửa sau trở ra đường Testard, còn cửa hông thông ra Barbé. Từ năm 1928, một số học sinh được đưa sang học trường Petrus Trương Vĩnh Ký. Dạy đến cấp Tú Tài Pháp để thi bằng Brevet de capacité correspondant au Baccalauréat métropolitain, quen gọi tắt là Bachot.

Collège de My Tho (còn gọi là **Collège Lemyr de Viller**) - Khánh thành vào trước Thế Chiến thứ II, toạ lạc tại tỉnh lỵ Mỹ Tho (Tiền Giang). Dạy hết cấp Cao Tiểu Học, học sinh thi tốt nghiệp với mảnh bằng Diplôm rồi vào đời hoặc học tiếp ở trường Petrus Ký (đầu thập niên 30). Đón nhận học sinh ở các tỉnh giữa hai sông là Tiền Giang và sông Basac.

Collège de Cần Thơ - Dạy hết cấp Cao Tiểu Học như Collège de My Tho. Đón nhận học sinh các tỉnh thuộc hữu ngạn sông Bassac.

Nữ Học Đường có danh xưng **Collège des Jeunes filles de la Cochinchine** - Quen gọi là **Trường Áo Tím** (từ 1944 gọi là **Trường Gia Long**, để đối xứng với **Trường Trưng Vương** ở Hà Nội). Khánh thành vào đầu năm 1914-1915. Trong mấy năm đầu, trường có các lớp học cấp Tiểu Học (3 lớp: lớp Nhì năm thứ Nhất, lớp Nhì năm thứ Hai và lớp Nhứt, cours Supérieur - nói trại trào lộng là lớp “Xúp Sọ Dừa”). **Cô Năm Cửa** là bà giáo kỳ cựu của Trường từ lúc khánh thành. Hông trường, phía Tây đối diện chùa Xá Lợi.

Trường Sư Phạm Nam Kỳ (**École normale d'instituteurs de la Cochichine**) - Công trường mang số 7 đường Docteur Angier (sau đổi thành Nguyễn Bình Khiêm) chạy dọc theo cạnh Bắc của Sở Thú mà công chánh trở ra đại lộ Norodom. Trường mở khoá đầu tiên vào năm học 1922-1923 để đào tạo thầy, cô giáo lớp Sơ Học (nếu không đậu bằng diplôm) và Tiểu Học. Trường gồm 3 dãy lầu, gồm 2 tầng tạo hình chữ U. Có amphithéâtre (giảng đường có bậc thang, có phòng chiếu phim với tấm bảng đen có hệ thống giây xích kéo lên cao, hoặc hạ xuống thấp). Sau cuộc di cư 1954, cơ sở trường bị chia thành 3: Dãy trung ương (đáy chữ U) dành cho Nha Trung Học, cánh hữu (phía Tây) làm Trường Trưng Vương (từ Hà Nội đưa vào) mà Hiệu Trưởng là Bà Tăng Xuân An, và cánh tả phía Tây làm Trường Võ Trường Toản. Có 2 sân nền bê tông: 1 sân dùng làm sân bóng chuyền hay túc cầu (phía Võ Trường Toản); sân kia (phía Trưng Vương) dùng làm sân bóng rổ, vào thời gian Trường Petrus Ký “ở đậu Trường Nọt-manh” (IX, 1941- III, 1945).

Trường Petrus Trương Vĩnh Ký (Lycée Petrus Trương Vĩnh Ký) - Khánh thành cho năm học 1928-1929, tọa lạc trên khu đất rộng, giới hạn bởi 4 con đường: đường Nancy (sau này là Cộng Hòa (Đông), đường Nguyễn Hoàng (Bắc) cạnh đường sắt Sài Gòn-Mỹ Tho, đường Thành Thái (Nam) và đường Trần Bình Trọng (Tây), ngoài 3 dãy nhà hình chữ U dành cho Trường Pétrus Ký, còn có 1 dãy làm nơi ăn ở cho nam sinh (đến tháng VIII, 1941, quân Nhật đến chiếm đóng, nên trường phải dời đến “*ở đậu với trường Nọt-Manh*” (Sư Phạm Nam Kỳ ở đường Docteur Angier), rồi từ năm 1954 làm trụ sở cho Trường Đại Học Khoa Học Sài Gòn.

Bốn ngôi nhà 2 tầng, dùng làm tư thất cho Ban Giám Hiệu trường thời Pháp thuộc, gồm có: ngôi nhà góc Nancy-Nguyễn Hoàng dành cho Hiệu Trưởng (Proviseur); ngôi nhà ở cạnh cổng nhỏ vào Đại Học Khoa Học dành cho Giám Học (Censeur); ngôi nhà ở góc Nancy-Thành Thái dành cho Tổng Giám Thị (Surveillant général); và ngôi nhà ở phía đường Nguyễn Hoàng (cạnh hồ nước) dành cho Hội Kế Viên. Phía đường Thành Thái, sau 1954, mọc lên cơ sở của Trường Sư Phạm Nam Việt, Trường Trung Thu..., còn có dãy lầu 2 tầng làm Trung Tâm Học Liệu, vì cảnh xô bồ xô bộn các căn nhà, thoát tiên dựng lên do nhu cầu của nhân viên và vài giáo sư dạy tại trường.

Ở phía dọc theo đường Nguyễn Hoàng... Sau 1975, loại nhà này được luân phiên thay đổi, chữa lại còn kèm thêm các nhà phụ (dépendances). Nay so sánh ngôi trường Gia Long với khu đất thoát tiên dành cho trường Petrus Ký, người viết không khỏi ngậm ngùi trước cảnh “*Học đường hoài cổ*”, mở đầu bằng câu:

*Thế sự xui chi thế đoạn trường
Non sông oằn oại cảnh thế lương*

Trường Huỳnh Khương Ninh (Institution Huỳnh Khương Ninh) - Thường được xem như là một Tư Thục vào hàng lâu đời nhất, ở vùng Đất Hộ (Đakao), nằm cách nghĩa trang Mac Đỉnh Chi bằng con đường ngắn Phan Liêm. Kiến trúc chánh là khu nhà lầu 2 tầng với 2 cầu thang gạch ở 2 đầu, lót bằng gạch tàu. Song song với khu lầu là dãy trệt cũng làm lớp học phụ và văn phòng... Có mái lợp tôle, dãy dĩa để xe đạp. Tư thục này thọ hơn các tư thục mở ra tại Sài Gòn-Chợ Lớn (sẽ được giới thiệu ở đoạn tiếp). Hiện nay trường vẫn được hoạt động như thường. Trên bảng danh sách giáo sư có đứng lớp tại trường, thấy có tên Tạ Thu Thâu, Minh Hương, Lê Võ Đài, Bùi Thị Nga... Nghe đâu tên trường là tên người sáng lập vừa là Hiệu Trưởng của trường. Khai giảng ngay từ đầu thập niên 30 của thế kỷ trước. Trường có mở lớp Đệ Nhị từ năm học 1969-1970.

Trường Chấn Thanh (Institution Chấn Thanh) - Tư Thục tọa lạc ở vùng Cầu Ông Lãnh, hoạt động từ niên khoá 1933-1934. Cơ sở là vài căn liên tiếp của dãy lầu hai tầng nằm ở khu Chợ Cầu Muối, nên thiếu yên tĩnh, thế nên trường vĩnh viễn ngưng hoạt động vào năm Thế Chiến thứ II bùng nổ. Tôi được biết một nam sinh trường này, về sau có làm Trưởng Ty Thanh Niên ở tỉnh Bà Rịa, hiện nay tuổi cử tuần và đang sống tại Houston, Texas.

Trường Lycéum Paul Doumer - Vẫn là Tư Thục, nghe đâu vẫn tọa lạc tại vùng Cầu Ông Lãnh. Chủ trường là một người Pháp có vợ Việt chọn làm tên trường là tên một chánh khách lẫy lừng *Paul Doumer* đã làm Toàn Quyền Đông Pháp, rồi Tổng Thống Pháp. Khi thấy tên trường có từ *lycéum* quá lạ tai nên vào trường, bậm gan, tôi đến khoan tay hỏi thầy giáo thì thầy bảo: “*Đây là từ chỉ loại Tư Thục dạy từ lớp chót (lớp Năm=cours Infantin) lên đến cấp Tú Tài (cycle secondaire)*”.

Yên chí “*nhờn*” tôi học thêm một chữ thông dụng. Nào ngờ liền năm sau, Trường Lycéum **Nguyễn Văn Khuê** trương bãng tại cơ sở của Trường Chấn Thanh mới vừa ngưng hoạt động. Lại nghe đâu ông “*đit xàng éch lét*”, dân quê Bà Rịa-Long Điền nói trại theo từ Pháp “*licencié es lettres*”, có nghĩa là “*Cử Nhân Văn Chương*”, này về nước giữa tình hình thế giới đang sôi bỏng do Hitler xua quân chiếm liên tiếp miền Rhéanie, Pháp, Áo (Autriche) và miền Sudètes (1938), rồi miền Bohême-Moravie (1939). Trường gởi thí sinh dự các cuộc thi bằng diplôm, bro-rê (brevet) và Tú Tài I với kết quả cũng khả quan, cho đến ngày Nhật đảo chánh Pháp. Sau này, trường mang nhãn hiệu *Trường Bồ Đề Sài Gòn* mà Hiệu Trưởng là Thượng Toạ Thích Quảng Liên (1964). Thế là sự giải thích từ “*lycéum*” của thầy giáo Hồ Văn Nhãn, dạy tôi lớp nhì nhỏ, trúng ngay chóc.

Trường Lê Bá Cang (Institution Lê Bá Cang) - Toạ lạc tại dãy phố lâu bên số chẵn đầu mặt bên số lẻ là dãy phố có cửa hàng, toà soạn báo La LUTTE của nhóm Đệ Tứ Quốc Tế (Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch...) và bên kia đường Phillippini là *Khám Lớn Sài Gòn* với bảng số 169 Lagrandière. Chủ trường sáng lập là Lê Bá Cang (một trong nhóm 18 sinh viên Việt Nam bị trục xuất khỏi Paris và về Sài Gòn vì cuộc biểu tình chống thực dân Pháp xử án chém 13 Nhà Cách Mạng của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Yên Bái, và cho máy bay dội bom bình địa Cổ Am).

Về Sài Gòn, ông cùng các bạn là: Hồ Văn Ngà, Trương Văn Huân, Lê Chí Thiệp, v.v... lập ra Tư Thục Lê Bá Cang, khai giảng vào năm học 1934–1935.

Đến thập niên 60, nhân vật ngời ở ghé Viện Trường Viện Quốc Gia Giáo Dục, trông ra Hồ Con Rùa, là ông *Đỗ Bá Khê*, một cựu học sinh của Trường Lê Bá Cang ở lứa 1936–1940, rồi ở Trường Petrus Ký (1940–1943).

Về phần Ban Giảng Huấn của Trường Lê Bá Cang, sau đó thấy bày bán quyển “*Triết Học Bergson*” của GS *Lê Chí Thiệp* (có vào dạy ở trường Petrus Ký sau 1945) và Cử Nhân Vạn Vật là GS *Trương Văn Huân* đứng bực giảng ở Đại Học Sài Gòn, ngụ tại ngôi nhà lâu ở đầu ngã vào trường ở gần Đại Học Khoa Học Sài Gòn.

Trường Đồng Nai (Institution Đồng Nai) - Dạy từ lớp 1 đến lớp 11, Hiệu Trưởng là ông Cử Nhân Văn Chương *Kiều Công Gia*. Đến thời Việt Nam Cộng Hoà, tác giả bài viết này có gặp ông đôi lần và Trường Đồng Nai dời về dãy nhà trồng bên hông Vườn Tao Đàn. Ông vẫn tiếp tục nghề “*Gỗ đầu thanh niên*” giọng nói vẫn sang sảng như thuở nào, thân mình vẫn quắc thước, có dạy một số giờ cho vài môn đệ.

Trường Bassac (Institution Bassac) - Qua tên gọi, người viết có thể đoán mò mà chẳng sai: trường này toạ lạc ở *miệt dưới*, trong tỉnh lỵ Cần Thơ, nằm về hữu ngạn sông Bassac như: Bạc Liêu, Cần Thơ, Long Xuyên, Sóc Trăng, v.v. hay rõ ràng hơn là ở vùng Tây Đô (địa danh chỉ châu thành Cần Thơ). Xin nhắc hồi thời Tây, nhân viên công lực, cảnh sát mặc đồng phục may bằng kaki, màu cà phê dợt pha sữa, ở ve áo có đính số 19 xi Crôm. Số 19 nằm trong 21 số thay danh xưng của tỉnh. Xin xem dưới đây:

(1) Gia Định, (2) Châu Đốc, (3) Hà Tiên (4) Rạch Giá, (5) Trà Vinh, (6) Sa Đéc, (7) Bến Tre, (8) Long Xuyên, (9) Tân An, (10) Sóc Trăng, (11) Thủ Dầu Một, (12) Tây Ninh, (13) Biên Hòa, (14) Mỹ Tho, (15) Bà Rịa, (16) Chợ Lớn, (17) Vĩnh Long, (18) Gò Công, (19) Cần Thơ (20) Bạc Liêu, (21) Cap Saint Jacques.

Rõ ràng là đủ 21 tên gọi là 21 Tỉnh ở Nam Kỳ. (les noms des province de la Cochinchine francaise avant la Guerre Mondiale).

Trường Nam Hưng (Institution Nam Hưng) - Là Tư Thục “*dền lái*” (sau chót). Toạ lạc trong châu thành Cần Thơ. Trong danh sách của 14 ngôi trường kỳ cựu, không phải kỳ cựu đâu nhé, có tên gọi tiếng Pháp là *COCHINCHINE*, mà cái bọn đứng hàng thứ Ba, sau nhứt Quý nhì Ma, nói trại tên đó thành ra cụm từ trào lộng là “*CÔ CHÍN CHỊ NÈ*”. Rồi cũng đám thứ Ba này, chúng tôi lại bèn đặt ra câu đùa “*VỎ CÁ BỤ LẠI RÈ*”, phiên âm “*tểu*” của danh từ Pháp là *vocabulaire* có nghĩa là “*từ vựng*” hay “*ngữ vựng*”.

Xin ghi thêm câu “*TỂU*” dùng kết thúc bài viết này, bằng cách ghép các con chữ đầu của danh xưng 4 ngôi trường kỳ cựu có đề cập trên đây nhằm làm cho bài viết bớt khô khan, mà có vẻ hóm hờ đón chào Xuân Canh Dần 2010. Câu chúc này như sau: *Ấa Bậy, Chó Cò, Chó Mực Ních hết!* (2)

<i>Ấa Bậy</i>	do danh xưng của trường	<i>Institution Bassac</i>
<i>Chó Cò</i>	do danh xưng của trường	<i>Collège de Cần Thơ</i>
<i>Chó Mực</i>	do danh xưng của trường	<i>Collège de Mỹ Tho</i>
<i>Ních Hết</i>	do danh xưng của trường	<i>Institution Nam Hưng</i>

Đến đây thiết tưởng thầy giáo quá ngưỡng bát tuần có thể chắm “*ong boong phi nan*” (*un point final*), có ký hiệu./.

Đắc-co? (*d'accord*). Quý vị có đồng ý không?

Non
Châu
Thới
tháng
ngày
cần
cối
đứng
sừng
chống
trời
trơ
gan
cùng
tuế
nguyệt



Sông
Đông
Nai
bao
độ
vời
đầy
uốn
mình
xoi
đất
phơi
ruột
vời
thời
gian

CỔ PHI SAN-NON CHÂU THỚI

Nhứt Lưu Lương Văn Lưu

(Biên Hoà, Việt Nam)

Trên con đường thiên lý nối liền hai cõi Bắc Nam, giữa khoảng từ thủ đô Sài Gòn lên Biên Hoà, qua khỏi ranh giới Gia Định, khách lữ hành trông thấy nơi phía hữu, một trái núi đứng sừng sững bên đường, cao lồi 80 thước, cây cỏ mọc sum sê lúc mưa sa, và cần cối qua mùa nắng cháy.

Từ lối đi vào, do một con đường đất đưa đến chân non rồi uốn mình vắn khu ốc khi dẫn lên chót núi. Nơi đây, một kiếng chùa ẩn núp trong khung cảnh u nhàn tịch mịch, có thể quyến rũ người tâm đạo dừng bước trên non cao, lòng không còn vương chút bụi trần.

Nhứt là vào buổi trời chiều bằng lăng hay canh khuya thanh vắng, từ trên chót núi thỉnh thoảng buông ra những hồi chuông u minh, buồn thảm, ngân dài, dư âm lan lặn xuống rồi tắt hẳn trong lòng người đang tưởng niệm đến cõi hư vô.

Về phương diện thắng cảnh, non **Cổ Phi** có một cảnh trí thần tiên, nhưng về mặt kinh tế, hòn núi này là chỗ sản xuất đá để dùng vào công việc kiến trúc hay xây lộ cất cầu. Đây cũng là nguồn lợi lớn lao của tỉnh.

Cổ Phi san là một tượng trưng hùng vĩ xứ Biên Hùng thân mến, tự nó cũng có một lịch sử riêng biệt, từ ngày có bàn chân thứ nhất của nhân loại đặt lên phiến đá trinh bạch của ngọn núi này.

Dưới đây là chút tài liệu của chúng tôi sưu tầm được.

Non Châu Thới, người Pháp đặt tên là “*Mont Blanchy*” nguyên của ông Palasne de Champeaux bán lại cho ông Paul Blanchy vào năm 1873. Ông Paul Blanchy đã từng làm Thị Xã Trưởng tại Sài Gòn, trước đây có một con đường (nay là đường Hai Bà Trưng) và một nhà ga xe điện (ga tại trường Taberd) mang tên ông.

Trước năm 1866, được người Pháp rất quan tâm để khuếch trương văn đề canh nông, định đem nhiều giống cây lạ trồng thử ở Nam Việt. Đến lúc ông Paul Blanchy làm chủ thì non Châu Thới bắt đầu được thương buôn để ý đầu tư canh tác. Sau mười một năm, không có dự án nào rõ rệt, non Châu Thới này lại lọt về tay một người Pháp khác làm chủ.

Ông này kêu cổ phần hùn lập một hội canh nông, lấy tên là “*Nông, Công Miền Nam Trung Việt*”. Ông tính dọn sạch mấy khoảnh đất không có đá trên núi, để trồng thử cà phê, giống cây này ở Nam Việt chưa ai đặng biết. Ông hy vọng nếu thành công thì sẽ có huê lợi lớn (xưa kia trên bàn ăn, những tách cà phê mùi thơm ngào ngạt, chỉ dành riêng cho bậc vương tôn và quý khách, chứ không phải như bây giờ).

Ông Hội trưởng canh nông này nhờ một người Tàu ở Sài Gòn gợi mượn một người đồng hương của y là một nhà trồng tía ở Brésil (Ba Tây, Nam Mỹ Châu) mua giùm hột giống cà phê.

Khi hột giống gợi qua đến, Ông vội vã viết thư mời tất cả hội viên tựu đến tại sở đất, trên núi, trước ăn tiệc mừng sau luôn dịp ngày tốt, sẽ cho dân trồng liền. Cái gói chính, ông cất kỹ lưỡng, không ai được phép mó tay vào. Tiệc rượu linh đình bày ra trong một nhà mát.

Ai cũng để lời ngợi khen ông là người có sáng kiến mới mẻ, ít năm sau, ông sẽ thu lợi nhiều. Lúc mở sâm-banh, ông chủ hạ lệnh cho “*cấp rần*” kêu dân vô lấy gói bột giống ra, chia nhau bỏ hai hột trong mỗi lỗ đất đào sẵn và sau khi lấp đất, phải lấy lá khô che đậy kỹ lưỡng. Ông uỷ thác cho “*cấp rần*” lo liệu còn ông bàn việc đãi khách.

Bên ngoài dưới ánh nắng, 10 người dân lom khom đi có hàng, làm phận sự, còn trong nhà tiệc vẫn tiếp tục huyền não vô hồi.

Một hội viên, bước ra đồng coi dân phu làm việc. Vài phút sau khi xem cách bỏ hột và che nắng, ông tò mò cúi xuống lấy nơi tay một người dân, một mớ hột định ngậm thử. Ông thấy có màu nâu ông ngửi thấy mùi thơm. Trong dạ ông mừng thầm.

Ông bỏ vào miệng một vài hột nhai chơi, không dè ông rùn mình, vì khi ông vừa cắn nó tan ra thành bột. Như một cái máy, ông giơ tay lên gần miệng hứng nhả ra một chất đen.

Ông liền trở mình cái vụt, rồi một, hai, ba, bốn,... bước lớn, ông đã lao mình vào giữa tiệc.

Anh phu để bao xuống, một tay giở nón lá, một tay kéo cái khăn quấn đầu, chùi giọt mồ hôi nhỏ nhại trên mặt, miệng thở phì phào, nhưng cặp mắt cũng trân trối nhìn vào đám tiệc. Anh thấy khách bu vây quanh người Pháp đưa tay, dậm chơn tia lia, làm cho cảnh đã ồn ào càng thêm náo nhiệt.

Trong lúc đó, mấy anh phu khác ngoài đồng, cũng vẫn thản nhiên tiếp tục lo phận sự như thường.

Đám tiệc tan rã, hơn mười lăm người khách chạy ra đồng, nhắm ngay mấy anh phu tiến tới, đưa tay chụp lấy mấy bao giấy nhỏ, làm họ cũng điếng hồn.

Sau một hồi xem xét theo cách người Pháp đã làm khi nãy, nghĩa là ai cũng ngửi, cũng nhai, cũng nhổ, trên tay mình...rồi cả thầy đều giơ tay lên trời, bật ngửa.

Họ xúm nhau kéo xեն Ông Chủ hội trở vào nhà tiệc, và la lối vang rân.

Sau một giờ cãi cọ ồn ào, họ bỏ ra về. Còn trơ lại một mình Ông Chủ hội nằm ngửa một cách uể oải, trên một chiếc ghế dài.

Được một hồi lâu, Ông đứng phắt dậy, bước ra, tay ngoắt, miệng kêu “*cấp rần*” lại bảo mấy anh phu moi lượm hết mấy trăm hột đã gieo, rồi đem luôn cả mấy gói lại vô cho Ông. Mấy hột dính đất, Ông bảo rửa sạch sẽ gói lại một gói riêng.

Ông lặng lẽ ôm mấy gói ra xe về tuốt, không có một lời từ giã “*cấp rần*” và dân phu.

Ngày kê, anh “*Cấp Rần*” xuống Sài Gòn, về thuật lại cho anh em biết, hột cả phê mà Ông Chủ mua đem lên gieo hôm qua, là những hột giống mà người ta đã rang rồi mới gởi qua bán cho Ông. Anh em cả thầy đều sững sốt. Thì ra họ đã lầm.

Thời ấy, không ai biết tại sao, khi đi ngang qua đó, một vài người Tàu ngồi trên xe thường hay vui vẻ chỉ vào non Châu Thới mà nói với nhau là “*Cố Phi San*”. Có người Việt tò mò tra cứu ra, mới hay nguyên do tên “*Cố Phi*” là do họ phiên âm chữ Anh “*Coffee*” (café theo chữ Pháp), còn san (hay sơn) có nghĩa là Non hay Núi. Chỗ danh sơn cao cả này được vô tình lấy ba pháp danh lịch sử của ba dân tộc: Mont Blanchy (Pháp), Cố Phi San (Tàu) và Châu Thới (Việt Nam) mà quyền sở hữu chủ lại thuộc về Ông *Bùi Văn Lố*, một đồng bào Việt Nam vốn là nhà hào phú đất Dĩ An.

Đỉnh non Châu Thới được gọi là “*Công Tước*”, có cảnh chùa ngự trên đỉnh, để làm chỗ tôn thờ Đại Đức Từ Bi. Chùa có pháp hiệu là “*Hội Sơn Tự*” do *Khai Long Thiền Sư* xây cất hồi đầu thế kỷ XIX với thánh điện của người Chân Lạp lưu truyền lại.

Ngược dòng lịch sử, non Châu Thới cũng là nơi trú ẩn của *Lý Tài* vào năm 1777, trong lúc bại tẩu trước quân Tây Sơn.

Đã trải qua bao thế kỷ rồi, non Châu Thới vẫn đứng trơ trơ dưới gầm trời Biên Hùng, dải dầu với nắng mưa sương gió.

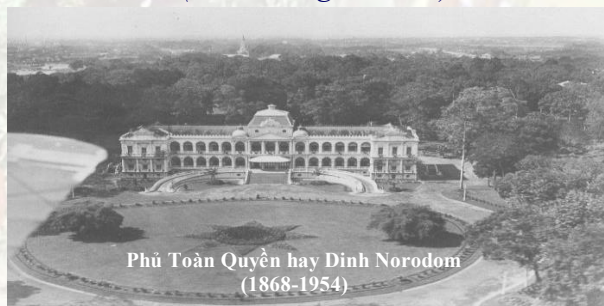
Đã bao năm tháng rồi, non Châu Thới vẫn phơi gan trải ruột ra cho người đời xoi đục lấy từng tảng đá.

Đã lâu rồi, non Châu Thới vẫn hy sinh thân đá để giúp ích cho đời. Và rồi đây, đến thiên niên vạn đại về sau nữa, non Châu Thới cũng vẫn còn sạm mặt với thời gian, để chứng kiến cảnh trí Biên Hùng bắt diệt với con sông Đồng Nai nước chảy xuôi dòng.

(Hội Ái Hữu Biên Hoà Chân thành cảm tạ Cố Văn Sĩ Nhứt Lưu Lương Văn Lự)

HUYỀN THOẠI DINH ĐỘC LẬP

Nguyễn Đình Lang
(Strasbourg, France)



Lời nói đầu: Chuyện khó tin nhưng có thật, phải chăng đây là một trường hợp hiếm hoi, tôi đã vào Dinh Độc Lập ba lần: lần đầu năm 1960 để nghe Tổng Thống Ngô Đình Diệm ban huấn từ cho Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh vừa tốt nghiệp (Khoá IV, 1960), lần thứ Hai thời Đệ Nhị Cộng Hoà vì công vụ, và lần chót mới gần đây thôi (2007), với tư cách khách du lịch, do đó tôi có cơ hội quan sát tường tận chốn này. Hơn nữa, tôi được may mắn có trong tay tạp chí INDOCHINE ra năm 1942, Nhâm Ngọ (thời Pháp thuộc) và tờ quảng cáo ra năm 2000 giới thiệu cái mà nay gọi là “Reunification Palace” nên có thể nói là “nói có sách, mách có chứng” để công hiến độc giả Đặc San Hội Ái Hữu Biên Hoà, Xuân Canh Dần, 2010.

Tại sao tôi gọi là “**Dinh Độc Lập**”. Đó là giải thích vài thắc mắc của tôi mà cũng có thể của một vài bạn đọc nữa, những thắc mắc đó là:

I.- *Toà Nhà Phủ Toàn Quyền* ngày trước còn gọi là *Palais Norodom* (Norodom 1^{er} (1859-1904), Vua xứ Cao Miên, nghe theo sự khuyên bảo của Giám Mục Miche, chấp nhận Pháp đô hộ xứ Chùa Tháp. Do đó Pháp dùng tên Ông đặt tên cho Dinh Thự này, cũng như Đại Lộ), rồi sau 1954 trở thành *Dinh Độc Lập*, cho đến ngày 30 tháng Tư năm 1975 thì bị đổi tên theo ý đồ của chủ mới mệnh danh *Hội Trường Thống Nhất* rồi *Dinh Thống Nhất*. Dinh thự này có phải nằm ở vị trí không được tốt *phong thủy* phải không?

II.- Người ta đồn rằng trong Dinh Độc Lập có một đường hầm ăn thông ra Dinh Gia Long. Mà còn có người nói là đường hầm ra tới Sở Ba Sơn (Hải Quân Công Xưởng của Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà) để phòng khi đảo chánh thì Tổng Thống và tuý tùng có đường thoát, tin này đúng hay sai?.

III. Đồ đạc trang trí trong Dinh Độc Lập (bàn ghế, tranh ảnh, thảm quý, ngà voi, chén ly bằng sứ, bằng thủy tinh đặt mua ở Limoges và Baccarat của Pháp có còn không?

Trước khi đề cập đến các vấn đề trên tôi xin ghi lại vài về lịch sử của cái công ốc, cái dinh thự lớn nhưt, nổi tiếng nhưt đã bị đổi chủ đến ba lần.

A. **Thời Pháp Thuộc:** *Phủ Toàn Quyền* hay *Dinh Norodom* (1868-1954) còn gọi là *Dinh Chánh Soái*. Tên gọi chánh thức lúc bấy giờ là *Palais du Gouverneur Général de l'Indochine*. Trước hết phải nói đây là một dinh thự cất theo kiểu Âu Châu, lớn nhưt và lâu đời nhưt ở Đông Dương vì theo tôi thấy thì nó lớn hơn cái Dinh Toàn Quyền ở Hà Nội nhiều. Người đặt viên đá đầu tiên là Phó Đô Đốc *De La Grandière*, Thống Đốc Nam Kỳ, ngày Chúa Nhật 23 tháng 02 năm 1868 (Mậu Thìn) và cũng chính Ông làm Lễ Khánh Thành ngày Thứ Bảy 25 tháng 9 năm 1869 (Kỷ Tỵ), sau khi xây xong phần đại quy mô của hoa đồ. Những phần thêm bớt, sửa chữa trang trí kéo dài đến năm 1879 (Kỷ Mão) mới hoàn tất. Phải nói đây là kỳ công kiến trúc đẹp đẽ và vĩ đại mà việc xây cất cũng mau lẹ dù rằng không phải không gặp nhiều khó khăn lúc bấy giờ.

Người ta kể lại rằng, ngày Chúa Nhật 02 tháng 02 năm 1868 (Mậu Thìn) một chiếc tàu có tên “Donnai” trọng tải 1551 tấn, chở từ Hồng Kông qua cập bến Sài Gòn với 03 thùng đựng giấy bạc (đồng “piastre”), 35 thùng rượu, 55 thùng hàng hoá vật liệu linh tinh, 02 thùng đồ vật bằng đồng, 1 bịch vàng lá cán mỏng (or en feuilles). Danh sách hành khách chỉ ngắn gọn: * *Hermitte* và gia nhân. * *Barnet* và gia nhân * *Tavera* thợ làm bánh mì và 4 người Tàu. Qua ngày 08 tháng 02 liền sau đó, ông Hermitte được ông Thống Đốc Nam Kỳ cũng còn gọi là *Phó Soái* ký giấy bổ nhiệm làm Kiến Trúc Sư Ngạch Thuộc Địa.

Từ ngày 07 đến 22 tháng 02, ông vẽ hoạ đồ và thảo chương trình xây cất. Ngày 23 tháng 02: Lễ Đặt Viên Đá Đầu Tiên do Thống Đốc De La Grandière chủ toạ và được Đức Giám Mục *Miche* làm phép trọng thể.

Viên đá đầu tiên đó như thế nào? Đó là một khối đá lấy từ hầm đá Biên Hoà vuông vức mỗi cạnh là 50cm khoét rỗng ruột trong đó người ta để một hộp bằng chì đựng nhiều đồng bạc các bằng vàng, bạc và đồng có khắc hình Hoàng Đế *Napoléon III* (trị vì từ năm 1852, Nhâm Tý đến 1870, Canh Ngọ). Tới đây tôi xin mở ngoặc, các người lớn tuổi bây giờ biết tại sao ở Sài Gòn ngày trước có 2 đường tên De La Grandière và Miche.

Ngày Thứ Bảy 25 tháng 9 năm 1869 (ngày 20 tháng 8 thiếu, năm Kỷ Ty): Lễ Khánh Thành sau khi xây xong phần chính của toà nhà, buổi lễ diễn ra thật long trọng, qui tụ nhiều quan khách có chức quyền quanh ông Kiến Trúc Sư Hermitte với lời nhiều lời ngợi khen, vậy mà chưa được hai năm thì ông ta từ trần (Thứ Bảy 11-3-1871), lúc còn trẻ mới 31 tuổi đời....có diêm gì đây! Chưa hết, ông Thống Đốc De La Grandière, người có công lớn trong việc xây cất cái toà nhà đồ sộ này, mãn nhiệm kỳ về Pháp không được bao lâu cũng lâm bệnh mà chết ở Quimper. Còn nữa, ông Toàn Quyền Paul Doumer, người có công xây cầu Long Biên ở Hà Nội, sau khi mãn nhiệm kỳ về Pháp được bầu làm Tổng Thống thì bị ám sát chết ở Paris năm 1931.

Vậy là sao? Báo "*Le Courrier de Saigon*", ra ngày 29 tháng 12 năm 1868, có tiết lộ rằng: để xây cất dinh thự này, Pháp đã tuyển mộ thợ từ Quảng Đông và Hồng Kông sang, nói là thợ mộc, thợ hồ giỏi... vậy mà ông Cai Tây có làm mịch lòng để mấy ông Ba Tàu này êm không? Người Pháp cũng giỏi về môn phong thủy địa lý, họ có ý đồ gì khi dùng khối đá lấy từ Biên Hoà về để bỏ tiền vàng, bạc....trong ngày lễ đặt viên đá đầu tiên?

B. Thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa:

Ngày thứ ba, 07-09-1954 (11 tháng 8 năm Giáp Ngọ) Dinh Toàn Quyền (Norodom Palace) được Pháp trao trả cho Chính Phủ Việt Nam: người trả là Tướng *Paul Ely*, Cao Ủy Pháp tại Đông Dương, người nhận là Thủ Tướng *Ngô Đình Diệm*, rồi liền sau đó cái dinh thự này được đổi tên là *Dinh Độc Lập* (*Independence Palace*). Từ ngoài ngó vô thì không thấy gì thay đổi mấy chỉ có lá cờ Pháp được thay thế bằng là cờ Quốc Gia. Thủ Tướng Diệm sau khi đắc cử Tổng Thống qua cuộc trưng cầu dân ý ngày thứ tư 26-10-1955, Ất Mùi, dọn từ Dinh Thống Đốc tức Dinh Gia Long (thời Pháp còn gọi là Dinh Phó Soái) về đây ở - có cả gia đình ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Đầu năm 1960, theo thông lệ, Tổng Thống tiếp Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh sau khi tốt nghiệp Khoá IV, nhờ đó mà tôi có dịp vào Dinh Độc Lập vừa nghe Huấn Từ vừa quan sát trong ngoài, mà ngày xưa - thời Pháp thuộc - có đi qua đây thì cũng chỉ ở ngoài song sắt ngó vào.

Rồi một ngày nọ - đúng ra là ngày thứ Ba 27-02-1962 (tức là 23 tháng Giêng năm Nhâm Dần) có 2 phi công phản loạn là *Nguyễn Văn Cử* và *Phạm Phú Quốc* lái máy bay AD6. nhân một phi vụ bay thẳng về Dinh Độc Lập, ném 02 trái bom làm sụp đổ hoàn toàn cánh trái của công thự này mà việc sửa lại như cũ thấy khó thực hiện và sẽ tốn kém nhiều nên Tổng thống quyết định cho phá luôn toàn diện để xây cất một cái mới, hoàn toàn theo đồ án của ông Kiến Trúc Sư *Ngô Viết Thụ*, người đã có thành tích là đạt giải ROMA về kiến trúc. Ở đây mới thấy sự uyên thâm về Nho Học của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và cái tài của ông Kiến Trúc Sư Thụ khi hai người phối hợp nhau để áp dụng văn hoá cổ truyền vào nghệ thuật kiến trúc hiện đại.

Đâu có ai biết bình tiền Dinh Độc Lập làm theo hình chữ "*Cát*" tức sự sung túc. Tầng trệt gian giữa nhà là Đại Sảnh hay Phòng Trình Ủy Nhiệm Thư của các ông Đại Sứ ; tầng lầu trên hết (tôi thấy để trống) là "*Từ Phương Vô Sự Lâu*" (*Peace in all directions Building*) có chữ "*Khâu*" ngậm hiểu học cao hiểu rộng và tự do ngôn luận. Nếu ai để ý thấy cây cột cờ đứng thẳng hoà hợp với tầng thượng đỉnh thì ra hình chữ "*Trung*" có nghĩa là nếu mình muốn đạt tới Dân Chủ thì phải kiên tâm trì chí. Bây giờ từ ngoài cổng nhìn vào thì sẽ thấy toàn thể kiến trúc có 3 vạch ngang từ trên xuống dưới có hình chữ "*Tam*" tức là theo quan niệm Dân Chủ phải gồm có 3 khía cạnh: *biết người, biết mình và biết nghệ thuật chiến đấu*. Chưa hết nếu phối hợp các vạch ngang và thẳng người ta còn đọc được chữ "*Vương*", chữ "*Chữ*" (sức mạnh của quốc gia), chữ "*Hung*" (sự phồn thịnh lâu dài).

Đó là chưa nói cái vẻ đẹp của cái Dinh này là cái mặt tiền coi như là một bức rèm bằng đá nháy theo bức màn trúc giống như người ta thấy ở cửa vào đền vua ở Kinh Đô Huế vậy. Đừng tưởng cái rèm đó chỉ để làm tăng vẻ đẹp của Dinh Độc Lập mà nó còn có tác dụng là đón ánh sáng mặt trời từ hướng Đông rọi vào.

Thật là một kỳ công một kiệt tác !!... Theo tài liệu người ta được biết Dinh Độc Lập có một diện tích hữu dụng là 20000m² gồm có tầng hầm và 3 tầng lầu, 2 gác lửng và 1 sân thượng với 95 phòng ốc và mỗi nơi (Đại Sảnh, phòng làm việc của Tổng Thống và Phó Tổng Thống, Phòng Khánh Tiết, Phòng Ăn, Phòng Ngủ....) được thiết kế và trang trí đúng theo công cụ của nó. Ngoài mục đích tạo một chỗ làm việc thoải mái Kiến Trúc Sư Thụ còn muốn tạo sự hài hoà giữa “bàn giấy” và “cảnh thiên nhiên” trên mảnh đất yên tĩnh rộng 12 mẫu này.

Tới đây xin nhắc lại, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã cho khởi công xây cất Dinh Độc Lập ngày Chúa Nhật 01 tháng 7 năm 1962, nhưng người chủ toạ Lê Khánh Thành ngày thứ Hai 31 tháng 10 năm 1966 lại là Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.



Dinh Độc Lập (Việt Nam Cộng Hoà)



Dinh Thống Nhất (Cộng Sản)

Ngày nay, tức từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, cái tòa nhà đồ sộ này được đổi tên là *Hội Trường Thống Nhất (Reunification Hall)* rồi sau đó lấy tên là “*Dinh Thống Nhất (Reunification Palace)*” không còn ai ở nữa mà Nhà Nước dành để cho các cuộc họp cao cấp, tiếp tân thượng khách và mở cửa cho du khách và dân chúng vào coi có thu tiền.

Ngày tôi đến viếng, nói là coi thì đúng hơn vì phải mua vé vào cửa thời đó là 15000 đồng (2007). Quầy bán vé là cái trạm canh ngày trước nay làm chỗ bán vé, và phòng trưng bày bán đồ lưu niệm hầm bà lán đủ thứ. Đi bộ qua cái sân quá lớn mà phía bên kia có mấy chiếc xe bus đậu chờ ai đó chắc là khách quý để khỏi đi bộ mỏi chân, người ta thấy có chung một chiếc máy bay F5E nói là của Trung Úy Phi Công đào ngũ Nguyễn Thành Trung, người đã ném 02 trái bom xuống đây ngày thứ Ba 08-4-1975, hồi 8:30 sáng. Khi vào bên trong thì có một cô hướng dẫn du khách đi thăm từng gian nhà và thuyết trình như con vẹt, khách không được vào các phòng lớn đó vì đã có dây giăng chặn ở mỗi cửa vô. Trên sân thượng thấy có một chiếc trực thăng loại HUIB mà có lẽ ngày xưa đã được Tổng Thống Thiệu sử dụng. Ngoài ra cũng ở tầng lầu này có một sân lộ thiên trồng cây cảnh theo kiểu hòn non bộ để gia đình ra ngồi chơi hóng gió....

Chuyện người ta đồn có đường hầm ăn thông ra Dinh Gia Long có không? Cái tầng hầm thì tôi thấy có, còn hầm thông dinh Gia Long thì (chắc chắn) là không có. Ở tầng hầm này thì có ngăn làm nhiều phòng nhỏ, cái làm Văn Phòng Chỉ Huy của Tổng Thống có treo nhiều bản đồ, cái làm Phòng Nghỉ Tạm của Tổng Thống có kê một cái giường nhỏ trái “*drap*” trắng, Phòng Làm Việc của các Cộng Sự Viên của Tổng Thống, Phòng Truyền Tin với đầy đủ máy móc... Tóm lại đây là *Phòng Có Thủ* để Tổng Thống sử dụng khi hữu sự.

Trở lại cái thắc mắc lớn của tôi là vị trí xây cất Phủ Toàn Quyền không được tốt theo phong thủy phải không? Những nhân vật, trực tiếp hay gián tiếp, dính líu trong việc xây cất hay sinh hoạt trong Dinh Thụ này, xây trên một cuộc đất thế nào, đều bị tai họa tuý vào nghiệp kiếp của họ.

* Ông Kiến Trúc Sư Pháp chết yểu. Ông này tên là Achille-Antoine Hermitte vẽ hoạ đồ và coi xây cất chưa xong hẳn thì đã chết ở tuổi 31 thôi. * Ông Toàn Quyền Paul Doumer sau khi mãn nhiệm trở về Pháp được bầu làm Tổng Thống thì bị ám sát chết ở Paris năm 1932. * Ông Toàn Quyền Jean Decoux sau khi hết giặc (1939-45) về Pháp bị đưa ra Toà về tội đã để Nhật đóng quân ở Đông Dương đánh Quân Đờng Minh. * Bà Decoux thì bị tai nạn lật xe chết 1944 trên đường đi Đà Lạt dàn xếp giùm vụ ghen tuông giữa Bà Nam Phương và Vua Bảo Đại * Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu bị chết thảm trong cuộc đảo chánh 01-11-1963. * Ông Dương Văn Minh làm Tổng Thống có 03 ngày rồi mất chức...

Đó là chưa nói tới trường hợp cô Ngô Đình Lệ Thủy cũng đã từng sống ở đây, vụ đụng xe chết ở Pháp. Thế là sao... vì phong thủy xấu hay bị ếm!

Còn chuyện sau ngày 30 tháng Tư, 1975, theo dư luận, đồ đạc trang trí trong Dinh bị tẩu tán thì sao điều này không rõ, tôi thấy trong các phòng lớn (Đại Sảnh, Khánh Tiết) bàn ghế, tranh ảnh, thảm quý, ngà voi vẫn còn đó, có mất chăng là chén bát, ly tách quý giá nên không thấy trưng bày.



CHÙA ĐẠI GIÁC

Trần Văn Trung

(Paris. France)

Ngược dòng lịch sử, xứ Đàng Trong, kể từ Thế Kỷ XV đến XVII, chưa có tên trên bản đồ nước Việt Nam. Thuở ấy, cuộc chiến tranh giành thế lực giữa hai chúa Trịnh-Nguyễn đã tạo bao sự đói khổ điều linh cho đám dân nghèo. Các vùng xứ Quảng thuộc Trung Bộ, đồng bằng Bắc bộ luôn bị đói kém, bão lụt triền miên, nên từng đám dân làng phải ngậm ngùi bỏ xứ tìm vào Nam sinh sống, khởi đầu cho cuộc Nam Tiến.

Mãi cho đến khi Chúa Nguyễn tuyên mộ dân cho vào lập nghiệp ở Mô Xoài-Bà Rịa; rồi đến năm 1679 khi hai tướng Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch, không phục nhà Mãn Thanh, Trung Hoa, bỏ nước đem 50 chiến thuyền cùng gia quyến vào cửa Từ Dung, xin thần phục Chúa Nguyễn, được cho vào khai khẩn đất phương Nam, thì xứ Đàng Trong bắt đầu phồn thịnh từ đây.

Những đoàn người di dân vào Nam tìm các nơi gò đồi, vùng có nước ngọt, dọc theo sông rạch, chủ yếu là các con sông chánh như Đồng Nai, Thị Vải, Nhà Bè....hình thành các thôn làng, gắn với nghề sông nước, ruộng rẫy và buôn bán. Nơi Xứ Đàng Trong họ sinh sống rất tự do và no ấm. Về phần tín ngưỡng thì nơi đâu họ ở, họ đều xây cất miếu, đình, chùa để thờ kính. Điều được chú trọng nhất thời kỳ này còn lưu lại là những di tích chùa cổ. Đáng tham khảo thuật kể trước tiên là sự tích ngôi Chùa Đại Giác tọa lạc ở Cù Lao Phố, đã có gần tròn 600 năm nay và vẫn tồn tại lưu danh đến bây giờ. Đó là niềm danh dự đất Biên Hùng.

I. Tiểu Sử Chùa Đại Giác:

Ngôi Chùa Đại Giác có từ năm Nhâm Thìn, 1412. Tính đến nay năm 2009 thì, được 597 năm. Năm 1412, nhằm cuối đời Nhà Hậu Trần (1407-1413), thời thuộc về nhà Minh, Trung Hoa lúc Vua Giản Định Đế và Trần Quý Khoách đuổi giặc Minh. *Trần Tân Hoà Thượng* thừa vâng Sắc Lệnh của Vua (1412) đến Chùa Quốc Ấn, tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa, thỉnh *Ông Trương Thọ Thạch Lão Hoà Thượng* qua nước Nam lập một ngôi chùa, danh hiệu là Đại Giác. Việc xây cất, sửa sang từ xưa đến nay trải qua nhiều giai đoạn:

1. - THỜI KỲ THỨ NHẤT:

- Từ năm Nhâm Thìn, 1412 đến năm Giáp Tuất 1694, Chùa này được cất bằng cây gỗ, lợp ngói, và được sửa chữa nhiều lần. Lúc đó nhằm thời nhà Hậu Lê, Vua Lê Hy Tông\Chúa Nguyễn Phúc Chu, lấy niên hiệu Hiến Tông Hoàng Đế (Tân Mùi, 1691-Ất Ty, 1725), Hoà Thượng Giác Liễu, húy Thiệt Truyền, dòng Tế Thượng 35 đời, lo trùng tu sửa sang Chùa lại. Xuất thế hồi ấu niên, Ông viên tịch 81 tuổi. Tháp và Linh Vị thờ tại Chùa. Kế nghiệp Ông, với thời gian, có các vị:

- Hoà Thượng Thành Đăng, húy Nguyệt Kiều, dòng Lâm Tế Chánh Tông 34 đời, trụ trì 80 năm (Giáp Tuất, 1694 - Giáp Ngọ, 1774). Tịch ngày Rằm tháng Tư đũa, 15-04-1774, hưởng thọ 71 tuổi.

- Hoà Thượng Linh Nhạc, húy Phật Ý, dòng Lâm Tế Chánh Tông 35 đời. Thuở đó, nhằm lúc Trịnh-Nguyễn phân tranh (Đinh Tỵ, 1797), Bà Công Chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh tỵ nạn vào ẩn tại Chùa Đại Giác cùng với binh gia, toàn thể đều được Chùa ân cần tiếp đãi. Đến sau, Vua Gia Long phục quốc rồi (Nhâm Tuất, 1802), Vua nhớ ơn ấy, ban chiếu chỉ trùng tu ngôi chùa, có cấp voi đến dặm nền. Từ khi ấy, Chùa có lầu trống, chuông, lên cột Phật lớn, làm Lễ Khánh Lạc. Vua ban y bát cho Sư trụ trì và tôn lên Phương Vị Hoà Thượng. Đến đời Vua Minh Mạng nguyên niên (Canh Thìn, 1820), Bà Công Chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh cúng một tấm biển sơn son thếp vàng, để hiệu Chùa bằng chữ Hán “**Đại Giác Tự**”. Tấm biển trên vẫn được treo trước ngôi Chùa kể từ 1820, tính đến nay gần tròn hai thế kỷ. Hai bên tấm biển này có viết tên họ Công Chúa bằng chữ Hán như sau:

Minh Mạng nguyên niên mạnh Đông cốc nhựt.

Tiên Triều Hoàng Nữ Đệ Tam Công Chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh phụng cúng



Tám biển trên vẫn được treo trước ngôi Chùa kể từ năm 1820, tính đến nay gần hai thế kỷ.

2. - THỜI KỲ THỨ HAI:

Sau khi được các vị vua tiên đế hậu đáp nghĩa ân, chỉnh trang thiền tự, các vị chân tu trụ trì Chùa Đại Giác, tiếp tục công trình của các bậc tiền bối chuyên lo phật sự tu hành.

Thời kỳ tiếp nối nhiệm vụ cao cả này được thực hiện qua thành tích các vị điều khiển , cai quản Chùa Đại Giác sau đây:

- Hoà Thượng Mật Hoàng, húy Tổ Ân, dòng Lâm Tế 36 đời, Ông họ Nguyễn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Ông xuất gia lúc 25 tuổi, tại Chùa Đại Giác (triều đại Gia Long XIII/Giáp Tuất, 1814). Sau đó Vua Minh Mạng (triều XVI/Át Mùi, 1835) triệu Ông về Kinh, phong làm Pháp Sư tại Chùa Thiên Mụ (làng An Ninh Hạ, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên bây giờ). Viên tịch ngày 01 tháng 10 âm lịch, hưởng thọ 100 tuổi, được thờ tại Chùa Thiên Mụ.

Một sự tích quan trọng đã xảy ra trong khoản thời gian này, liên quan đến Chùa Đại Giác ở Cù Lao Phố, Biên Hòa, đến đột ngột với Thiền Sư Liễu Đạt Thiết Thành hay Hoà Thượng Liên Hoa. Trong thời gian Hoà Thượng Phật Ý Linh Nhạc hoằng hoá ở Chùa Từ Ân, Gia Định (từ năm Giáp Tý, 1744 đến năm Tân Ty, 1821), Thiền Sư Liễu Đạt Thiết Thành được cử làm thủ toạ chùa này. Năm Đinh Sửu, 1817, niên hiệu Gia Long thứ XVI, Vua xuống sắc triệu Thiền Sư ra Huế làm Tăng Cang Chùa Thiên Mụ (1817-1823). Thiền Sư Liễu Đạt còn được cử làm Pháp Sư thuyết giảng phật pháp trong nội cung Gia Long. Sau đó Vua phong cho Ông danh hiệu Hoà Thượng Liên Hoa. Một sự kiện tình cảm trái ngang đã xảy ra đến Hoà Thượng Liên Hoa ngoài ý muốn buộc Ông phải về Chùa Từ Ân và đây tình oan trái, nghiệp chướng tiền khiên vẫn đeo đuổi đã khiến Ông rời Chùa Từ Ân đến ẩn tại Chùa Đại Giác để nhập thất hai năm và sau đó viên tịch tại Chùa Đại Giác. Vì không có nhiệm vụ cai quản trực tiếp Chùa Đại Giác, nên xin tạm ngưng nơi đây về đời tư của Hoà Thượng Liên Hoa (7-1823).

- Hoà Thượng Đại Sư, húy Tổ Chơn, dòng Lâm Tế 36 đời, thay thế Hoà Thượng Mật Hoàng được triệu về Kinh, tịch ngày 08 tháng 4, âm lịch, Linh Vị có thờ tại Chùa.

- Ông anh là Hoà Thượng Tịnh Cãng, húy Tiên Bồn thay thế. Ông mất, hưởng thọ 70 tuổi .

- Ông em là Hoà Thượng Chánh Trì, húy Tiên Căn, thay thế. Lúc còn sanh tiền, Vua Minh Mạng (triều XVI/ 1835) triệu Hoà Thượng Chánh Trì về triều thuyết pháp, văn võ bá quan, thập phương bá tánh thầy đều khâm phục tài đức Ông, một nhà Nho uyên thâm. Nhà Vua trọng thưởng Ông khi trở về Chùa Đại Giác rồi mất tại đây.

- Hoà Thượng Chánh Trung, dòng Lâm Tế 38 đời (triều Thiệu Trị, Tân Sửu, 1841), viên tịch năm Tân Ty, 1881.

- Hoà Thượng Lập Vò (tỉnh Sa Đéc), tự Hải Huệ, húy Minh Thông; dòng Lâm Tế 39 đời ở tại Chùa Đại Giác 03 năm (1893-1896). Về thăm tổ đình, Ông tịch tại Lập Vò (năm Bính Thân, 1896), Tháp tại đây, Linh Vị tại Chùa Đại Giác.

- Trụ Trì Thượng Chiêu, húy Tâm An, dòng Tế Thường 42 đời, xuất gia 30 tuổi. Ông sửa sang Chùa, lên cột đức Hộ Pháp, đức Đại Hồng Chung, tịch năm Quý Ty, 1893, thọ 80 tuổi, Linh Vị thờ tại Chùa.

- Hoà Thượng Hoằng Đạo, húy Như Hoá, dòng Lâm Tế 39 đời, học phật pháp thâm nhuần hành đạo tại Chùa Giác Lâm, Chợ Lớn, cai quản Chùa Đại Giác. Trong 30 năm, Ông sửa sang Chùa khai Trường Hương và Trường Kỳ. Tịch năm Bính Dần, 1926, thọ 61 tuổi.

3. - THỜI KỲ THỨ BA:

Thời kỳ hiện đại đánh dấu từ đầu Thế Kỷ XX, vì ảnh hưởng thời cuộc chánh trị quốc tế và quốc nội, từ hai cuộc thế chiến đến gần đây, dù thế sự đổi thay, lòng người biến thể, thiện ác vô lường, bậc tu hành vẫn kiên quyết chuyên lo phật sự, và thiện nam tín nữ vẫn giữ đạo chăm tu. Thời gian này nên ghi thuật những sự kiện sau:

- Năm 1926-1928: Hoà Thượng Thiện Hương, huý Đông Hồ, dòng Lâm Tế 40 đời, Ông trụ trì và trùng tu Chùa Thủ Hoàng (Chúc Thọ Tự, tại Tân Vạn) và Chùa Đại Giác. Tịch ngày Chúa Nhật 21-5, năm Mậu Thân, 1928.

- Năm Canh Ngọ, 1930, Hoà Thượng Định Hạ Tông, huý Kiều Giáp, dòng Lâm Tế 40 đời. Sinh năm Giáp Tuất, 1874 và tịch ngày 24-9-1943, năm Quý Mùi.

- Năm Giáp Thân, 1944, Yết Ma Thượng Trí Hạ Huyền, huý Nhựt Nhơn, dòng Lâm Tế 41 đời, sinh năm Đinh Mùi, 1907, tịch ngày thứ Hai 03-9, năm Canh Dần, 1950. Sau khi tịch, Ông được đệ tử Ông là Giáo Thọ Thiện Hi thay thế.

- Giáo Thọ Thiện Hi được thăng lên chức Yết Ma từ năm Ất Ty, 1965, nguyên thuộc dòng Lâm Tế 42 đời. Ông sinh ngày thứ Hai 30-5 âm lịch, năm Nhâm Tuất (1922) tại xã Tân Thành, Biên Hoà, hành đạo năm Nhâm Thân, 1932, rất thông minh, hiền lành và đức độ, được sự cảm mến mọi người.

II. - QUANG CẢNH CHÙA ĐẠI GIÁC

Địa danh Biên Hoà được nổi tiếng, ngoài lý do địa lý phong thủy, cảnh đẹp, người hiền, nước sông trong xanh, buổi thanh ngọt dịu,....còn nhờ danh tiếng các chùa chiền, đình, miếu. Những di tích các chùa được xây cất từ lâu tại Biên Hoà, chúng tôi xin liệt kê vài nơi tượng trưng, gồm có:

- Chùa Bửu Phong Tự trên núi Bửu Long, quanh chùa có nhiều cây cổ thụ và khối đá mọc cao
- Chùa Bảo An Cổ Tự tại Bến Gỗ do Hoà Thượng Khuê trụ trì, bị mất tích trong một đêm mưa với đại hồng chung của chùa. - Chùa Ông Quan Thánh Đế Quân xã An Hoà (Bến Gỗ). - Chùa Thủ Hoàng (Chúc Thọ Tự) tại Tân Vạn. Sự tích Chùa này do Ông Thủ Hoàng (Võ Thủ Hoằng) tỉnh Gia Định, huyện Phúc Chính, cải ác vi thiện, lập cất lúc ban sơ, và được Hoà Thượng Thiện Hương trùng tu năm 1926, cùng lúc với Chùa Đại Giác. Tại ngôi Chùa Thủ Hoàng, còn có ba pho tượng Phật do Vua Đạo Quang bên Trung Hoa dâng cúng vì ngưỡng mộ, tin truyền thuyết Ông Thủ Hoàng tái sanh tại Việt Nam làm phước lớn. - Chùa Đại Giác Cổ Tự thuật kể phần trước.....

Vì sao ngôi chùa xưa lớn nhất này có danh hiệu “Đại Giác”?

Ý nghĩa Chùa Đại Giác là “Chùa Phật Lớn”. Lúc vua Gia Long phục quốc rồi (1802), Vua ban chiếu chỉ cho voi dậm nền (nền còn gọi là “Chùa Tượng”) và cho xây cất Chùa lại, lên cột Phật A Di Đà thật lớn bằng gỗ bè cao 02 thước 25 phân, và ngang 01 thước 50 phân do Vua Gia Long phụng cúng, nên dân chúng trong làng có thói quen gọi là “Chùa Phật Lớn”, tức “Đại Giác Tự” vậy.....

Đó là lối giải thích theo quan niệm thời bấy giờ. Theo thiển ý, nghĩa của chữ Hán Việt, “Giác” là tỉnh biết, giác ngộ, liên quan đến cõi Phật (lộ giác-đường giác ngộ, ngạn giác-cái bờ giác ngộ, đi qua bến mà đến bờ, tức là cõi Phật).

Mặt tiền Chùa có hiên rộng rãi, các cột phía trước có câu đối, dùng hai chữ Đại và Giác làm vần thơ:

*Đại diện huy hoàng y bát hoa khai nghinh thuy nhựt
Giác lâm tịch tĩnh bờ đề thụ trường tống xuân phong*

Vị trí chùa này tọa lạc tại làng Nhị Hoà, Cù Lao Phố. Cù Lao Phố gồm 3 làng: Nhứt Hoà, Nhị Hoà, Tam Hoà, hợp lại thành ra xã Hiệp Hoà, Biên Hoà.

Về diện tích, Chùa này được cất trên một miếng đất cao ráo, khoảng khoát, mát mẻ, chiếm gọn gần một mẫu vuông đất. Quanh Chùa có trồng cây trái, bông hoa rất đẹp.

Năm Quý Mão, 1903, Chánh Quyên thời Pháp thuộc cho xây cất hai cầu sắt do hãng EIFFEL thiết kế xây cất: Cầu Rạch Cát (3 nhịp) và Cầu Gành (4 nhịp).

Nhờ hai cầu này mà Cù Lao Phố, xã Hiệp Hoà, nối liền hai mặt: một bên là Châu Thành Biên Hoà và một bên là xã Bửu Hoà.

BÀI THƠ SỰ TÍCH CHÙA ĐẠI GIÁC

*Biên Hoà Tỉnh, Phú Phước Long (1)
Cù Lao Phố mới dựa dòng Đồng Nai*

*Đường xe lửa bắt cầu hai cái
Dòng con sông Rạch Cát lộn quanh
Minh đường ruộng đất bốn manh
Lưng nương gò cát, cây đanh cụm rìng*

*Hữu đường chợ ước chừng trăm thước
Tả ra cầu cũng được bấy nhiêu
Văng lai danh lợi cũng nhiều
Kẻ trưa người sớm đập diu mặc ai*

*Chùa Đại Giác Như Lai minh chiếu
Chón thiền môn Bồ Tát tu trì.*

(1) Hồi xưa Cù Lao Phố thuộc Phú Phước Long, Biên Hoà.

Đến năm 1919, Ông Nguyễn Hữu Bồn, một Phật tử, bác của Ông Nguyễn Hữu Điều, hoạ viên xã Hiệp Hoà, đầy nhiệt tâm, cúng cho chùa một cái nhà 3 căn, 2 chái, bằng cây, lợp ngói để làm nhà Hậu Tổ. Ông sanh năm Đinh Mão, 1867, mất ngày thứ Năm 10 tháng 3 âm lịch, năm Ất Sửu, 1925.

Năm Kỷ Hợi, 1959, nhận thấy ngôi Chùa Chánh Tổ đã được cất lâu năm và hư nhiều, các Nhà Mạnh Thường Quân và Phật Tử hảo tâm cúng dường, chỉnh trang tu bổ. Hoàn tất và khánh lạc ngày Chúa Nhật 12-2-1961, năm Tân Sửu, Chùa Đại Giác trở nên nguy nga tráng lệ, có hai lầu chuông trống, mái hiên mát mẻ; có đánh lễ thỉnh cốt Phật A Di Đà, an bày nơi chánh điện.

Ngày thứ Bảy 04-02-1967, nhận xét nhà Hậu Tổ do Ông Bồn cúng dường từ nửa thế kỷ đã hư, nhiều Đại Thí Chủ và Phật Tử hảo tâm, sốt sắng góp công của sửa sang. Nhà Hậu Tổ được tân trang và khánh lạc ngày thứ Hai 10-07-1967.

Ngày thứ Bảy 11-01-1969, năm Kỷ Dậu, Ông Bà Lê Văn Lộ, nghiệp chủ vừa là vị Mạnh Thường Quân, có lòng nhiệt tâm cúng phụng cho Chùa, xây một hàng rào bằng bê tông cốt sắt và 02 cổng ra vào, bên hữu viết chữ Việt, bên tả viết bằng chữ Hán: “**ĐẠI GIÁC CỔ TỰ**”

Trước cổng chùa, có cây Bồ Đề được trồng ngày 15 tháng Giêng năm Kỷ Mão, 1939, tính đến nay năm Kỷ Sửu, 2009, được 70 năm. Sự chăm sóc hoa viên, cây kiểng, quang cảnh ngôi Chùa Đại Giác nhờ nhiều bàn tay từ bi của nhiều vị tu hành, lòng hảo tâm vô lượng của Phật tử gần xa đất Biên Hùng cùng du khách thập phương biến tạo cảnh Chùa Đại Giác ngày càng mỹ lệ, đẹp xinh.

Từ sau năm 1975, những vị sư trụ trì Chùa Đại Giác không được biết rõ danh tánh và xuất xứ, hoàng pháp nơi nào. Chúng ta được nghe lại sinh hoạt Chùa qua những thân nhân xa xứ trở về thăm quê quán, mô tả được chôn cất sau khuôn viên Chùa, nơi có nghĩa địa từ lâu.



Ông Bà Lê Văn Lộ về thăm Chùa Đại Giác

Được nghe biết là có một lúc, hai ông từ Bắc vào Nam cai quản chùa, với ý định nhập chùa vào Hội Phật Giáo Việt Nam và biến Chùa thành một di tích cổ tự để khách du lịch đến xem. Kết quả thế nào không được rõ. Chỉ được biết là đầu năm 2009, có vài vị cao niên, du lịch về thăm quê hương, dù tuổi già sức yếu vẫn đến viếng Chùa lễ Phật.

Vì có niềm tin mạnh mẽ về Phật pháp nhiệm màu, hay đã phụng cúng công đức khi xưa. Các vị cao niên cho biết là vị trụ trì hiện nay, năm 2009 là Sư Cô Diệu Trí, ái nữ bà Nguyễn Thị Tỏ, quê tại một ấp xã Hiệp Hoà. Trước đây, Sư Cô đã trụ trì Chùa Bình Tự.

Với tư cách khả kính, phong độ hiền lành, vui vẻ bất thiệp, hiếu khách trọng người, Phật Tử địa phương đã đề nghị thỉnh cầu Sư Cô này về trụ trì Chùa Đại Giác. Năm Đinh Sửu 1937, Cư Sĩ Tịnh Gia Trang đã làm bài thơ ca ngợi ngôi Cổ Tự này:

BÀI THƠ CHÙA ĐẠI GIÁC

<i>Đại Giác Đồng Nai tiếng đã dương</i>	<i>Tiên tổ khai cơ công đã trọng</i>
<i>Danh lam thắng cảnh tinh soi gương</i>	<i>Hậu non kế thế khá xem thường</i>
<i>Gia Long ngự ẩn cơn điên đảo</i>	<i>Mỗi đời đều có phần công nghiệp</i>
<i>Công chúa biển dâng lúc thời hường</i>	<i>Miên viễn lưu truyền nổi lửa hương</i>

Từ 1969 đến 1975, vì cảnh chùa khá rộng lớn từ Chánh Điện ra đến Hậu liêu, cho nên còn vài việc quan trọng đang lơ dờ. Hai ông Lê Văn Lộ và Nguyễn Hữu Điều, họa sĩ Sở Công Chánh phải đến vận động các Nhà Mạnh Thường Quân tại tỉnh nhà như các ông Hồ Văn Gia (Pharmacie Lâm), Kinh Lý Võ Văn Dệ, Phan Văn Tại, Phan Văn An cùng nhau đến chùa để xem xét nhu cầu và hỗ trợ, ngõ hầu lợp mái ngói, và lát gạch bông từ trước đến sau chùa. Đặc biệt lưu ý là còn có một ngôi chùa Đại Giác khác được lập tại đường Công Lý hướng dẫn lên Phi Trường Tân Sơn Nhứt, gần Bộ Tổng Tham Mưu cũ Sài Gòn, cất sau ngôi Cổ Tự Đại Giác được thuật kể trên.

Sau vụ Nhứt đảo chánh chiếm Biên Hoà năm 1945, ven bờ sông Đồng Nai gần chùa, dưới tàng cây lùm buội, quân đội Nhứt đặt cây Đại Liên có xích sắt dùng công chân lính phòng thủ hai cầu Rạch Cát và Cầu Gành lo ngại phi cơ Mỹ đến dội bom. Rất may là cầu được vô sự, nếu không Chùa cũng bị vạ lây.

Bài khảo cứu ngôi chùa cổ này được căn cứ phần lớn theo tài liệu do Ông Cư Sĩ Nguyễn Thành Phách, Pháp Danh Thiện Chánh, sanh năm 1906, tại Biên Hoà, đã tạ thế và lưu lại trước thời cuộc 1975. Ông là một nhà mô phạm đạo đức, thân phụ của Bác Sĩ Nguyễn Thành Phước.

Để kết luận, vạn vật đều không thoát khỏi luật thành trụ hoại diệt. Ngôi Chùa Đại Giác Cổ Tự được trường tồn với thời gian lâu dài gần 600 năm, gần 10 thế hệ nhân sinh, là một việc hy hữu. Di tích lịch sử hiếm có tại tỉnh Biên Hoà là nơi tôn nghiêm sùng bái đạo Phật, từ nhà Vua Việt Nam đến dân chúng địa phương; đồng thời là thắng cảnh an nhàn thanh tịnh của bá tánh thập phương tìm đến để trước lễ bái đức Phật, viếng Chùa, sau là tạo cho Phật Tử được thân tâm an lạc, sau bao năm tháng sinh sống chật vật, đua chen với đời, cho chính bản thân, cho gia đình và xã hội.

Vì lẽ trên 60 năm về trước, lúc thiếu thời tôi có dịp đi với người Anh tôi bằng đường bộ gần 20 cây số từ Bến Gỗ đến bến đò An Hảo, tiếp tục đến xã Hiệp Hoà thăm gia đình nho giáo đạo đức họ Lê, bạn thân Anh tôi và kế tiếp đi bộ đến chiều tối trú ngụ qua đêm tại Chùa Đại Giác, Cù Lao Phó. Sau khi dùng cơm chay tại Chùa, tôi ngủ ngon trên bộ ván Chùa, vì đi mệt suốt ngày. Vị Hoà Thượng đương thời đàm đạo với Anh tôi dưới ánh đèn dầu suốt đêm để rồi sáng tinh sương hôm sau Anh em tạ từ Thầy đón xe lửa Biên Hoà tại Chợ Đồn để thẳng hướng về Sài Gòn. Kỷ niệm ấy vẫn lưu giữ mãi trong lòng tôi về hình ảnh Chùa Đại Giác cũng như những dịp sau đến viếng Cổ Tự. Với niên đại khá lâu, Chùa Đại Giác chẳng những là một danh lam thắng cảnh mà còn được xem cùng vài ngôi Chùa khác tỉnh nhà là cái nôi trung tâm truyền bá Phật Giáo đầu tiên vào vùng đất Biên Hùng.

Để tỏ bày cảm tưởng cá nhân khi khảo cứu viết bài, xin có vài vần thơ cảm xúc về tiểu sử ngôi Chùa danh tiếng này như sau:

ĐẠI GIÁC CỔ TỰ

*Đại Giác chùa xưa tỉnh Biên Hoà
Lưu danh gần sáu thế kỷ qua
Đồng Nai nước ngọt tô thấm đất
Rạch Cát, Cầu Gành, xã Hiệp Hoà
Công Chúa Ngọc Anh cùng binh gia
Đến chùa trú ẩn lúc can qua
Phục quốc, đáp đền ơn Cổ Tự
Biển vàng phụng cúng, lễ Hoàng Gia
Phong cảnh ngôi Chùa được nguy nga
Luôn nhờ công đức của tỉnh nhà
Hoà Thượng một lòng hành chánh đạo
Phật Tử mười phương, tánh vị tha*



THÁNH ĐỊA ĐỨC MẸ ĐEN JASNA GÓRA TẠI CZESTOCHOWA (BA LAN)

*Trần Văn Trung
(Paris, France)*

Thánh địa CZESTOCHOWA vừa là biểu tượng đức tin Thiên Chúa Giáo, đồng thời là biểu tượng tinh thần Quốc Gia của người Ba Lan (Poland) trước nạn ngoại xâm.

Địa danh tỉnh nhỏ này nằm trong khu vực Tiểu Ba Lan (La Petite Pologne), cách 114 cây số Tây Bắc tỉnh Cracovie, và 222 cây số Tây Nam tỉnh Varsovie.

Thánh địa này còn được gọi là *Thánh Địa Lộ Đức Ba Lan* (Lourdes Polonaise). Thánh Mẫu Ba Lan (Reine de la Pologne), còn được gọi là Vierge Noire (Nữ Thánh Đen) CZESTOCHOWA, và lúc nào cũng hiện thực, với những cha Dòng Thánh Paul (Pères Paulins) tại Thánh địa.

1. - VI TRÍ TU VIỆN ĐỨC MẸ ĐEN

Được thiết lập trên đồi Jasna Góra, thuộc một thành phố nhỏ Ba Lan tên Czestochowa, cạnh dòng sông Warta. Nơi này được vang danh là mỏ sắt, được khai thác và luyện kim từ thế kỷ XIII. Sau một thế kỷ rưỡi, tu viện được cất trên đồi đá vôi kế cận và trở thành nơi hành hương danh tiếng. Người mộ đạo đến tập nập và kể cả bọn trộm cướp lợi dụng xâm nhập. Mỗi năm có gần năm triệu khách hành hương và du lịch đến hành lễ, thăm viếng và gần 200 000 người địa phương Ba Lan đi bộ đến chiêm ngưỡng Đức Mẹ, vào ngày lễ chánh 15 tháng 8 Dương Lịch, lễ Đức Bà Mông Triệu (Assomption).

Từ thế kỷ XIX, đại lộ mang tên NMP (Najswietszej Marii Panny/Très Sainte Vierge Marie) nối liền thánh địa đến tỉnh lỵ. Qua thế kỷ XX, nhà cầm quyền Cộng Sản mưu xâm chiếm thánh địa nhưng vô hiệu quả, trước sự phòng thủ mãnh liệt của giáo xứ tỉnh này, đã biến căn cứ địa phương thành trung tâm kỹ nghệ quan trọng.

2. - TU VIỆN JASNA GÓRA TẠI CZESTOCHOWA

1. - SỬ LƯỢC:

a/ -Thành Phố Czestochowa

Tỉnh nhỏ này xuất hiện vào khoảng năm 1220. Đến thế kỷ XIV, Vua Ba Lan Casimir Le Grand đặt tỉnh này, theo đạo luật Đức, thành một trung tâm thương mại quan trọng, trên lộ trình từ Nga Sô đến Basse Silésie (Ba Lan) và Saxe (Đức). Giai đoạn kế là tỉnh được ưu tiên khai thác mỏ sắt và đúc sắt, vì địa điểm nằm gần sông Warta và cạnh Tu Viện Jasna Góra.

b/ -Tu Viện Jasna Góra

Thoạt tiên, tu viện do các cha Dòng Thánh Paul điều hành, sau khi tập trung dân chúng Ba Lan đến định cư đông đảo năm 1382. Sự tích hình Đức Mẹ Đen tại Jasna Góra (Montagne Lumineuse/Quang Sơn) này có nhiều giả sử đặc thù. Sách Thủ Ký Trung Cổ (Translatio Tabulae) đã thuật lại là ngoài những mẫu hình đã được phô tả, có hình ảnh do Thánh LUC (Saint LUC, người truyền giáo), vẽ sơn trên một tấm bảng của Sainte Famille de Nazareth được giữ kỹ tại Jérusalem (Israel), sau đó dời tượng ảnh về Constantinople (Thổ Nhĩ Kỳ), và sau cùng về Ukraine. Đến thế kỷ XIV, Hoàng Tử Ba Lan Ladislas D' Opole (Wladyslaw Opolczyk) mang bảng sơn ảnh đến Jasna Góra và giao cho Tu Viện.

Nhờ “*Hội Adislas*” và sự ủng hộ phước sương, Tu viện Jasna Góra được thành lập từ năm 1393, khuếch đại với vòng đai xây cất kiên cố vào những năm 1620-1644 bởi quý tộc Wladyslaw IV Waza. Địa điểm này trở thành một thành lũy phòng thủ quan trọng Ba Lan.

Năm 1655, tu viện đã chống cự hữu hiệu đạo quân Thụy Điển của vua Carol X Gustave, đến xâm chiếm. Địch quân bao vây cứ điểm và tấn công với lực lượng gồm 4000 quân và 36 đại pháo (canons). Đội phòng thủ do ông Augustin Kordecki, trụ trì tu viện (prieur) chỉ huy, chỉ có 160 lính, 70 tu sĩ và 24 đại pháo, nhưng đã đẩy lui địch quân Thụy Điển trước ngày Lễ Giáng Sinh 1655, sau cuộc tấn công tối hậu thất bại. Tinh thần dân Ba Lan phấn khởi, tín đạo tới tu viện dập dìu. Vua Ba Lan Jan Kasimierz tuyên bố long trọng Đức Mẹ Đồng Trinh là Nữ Vương Ba Lan (Reine de Pologne).

Liên tiếp các năm 1702, 1704 và 1705, pháo đài phòng thủ Jasna Góra đã bảo vệ hữu hiệu các cuộc xâm chiếm quân Thụy Điển. Kế tiếp là các cuộc xâm chiếm của quân đội Nga trong ba năm liên đều thất bại. Sau cùng là đạo quân Pháp của Đại Đế Napoléon 1er, và quân đội Áo đến xâm chiếm cũng vô hiệu quả. Sau sự thất bại, đội viễn chinh Pháp của Napoléon rút lui, quân đội Nga Sô đến chiếm cứ điểm phòng thủ và phá hủy các tường thành. Qua bao thế kỷ, triều đại, chánh phủ, nhà cầm quyền Ba Lan vẫn yểm trợ bảo vệ cứ điểm này, và dưới thời bị đô hộ ngoại bang, Thánh địa Czestochowa vẫn được vinh danh là Quốc Gia Ba Lan tự chủ và tồn tại cuối cùng. Hiện nay, tu viện gồm có thánh đường nhỏ, tượng ảnh Đức Mẹ Đen được đặt tại bàn thờ bên trong cùng, chật hẹp. Nhà Thờ được xây cất thông liền với Nhà Nguyễn theo kiểu mẫu “*baroque*” xưa của Ba Lan.

c/ -Sự quý báu của Tượng Ảnh Đức Mẹ Đen

Sự khảo cứu của khoa học hiện đại đã chứng minh bảng có chiều cao 121, 8 cm (1,218m) và 81, 3 cm chiều ngang. Tác phẩm được thực hiện dị thường, bảng vẽ được trình bày trên cây (gỗ) tilleul, có bọc toile. Tấm lót bằng ván (sous tableau) và dấu sơn đen xưa lưu dính lại còn được thấy bây giờ, có từ bán thế kỷ XIII.

Tượng ảnh Đức Mẹ (icône) bị trộm cắp năm 1430. Khi tìm lại được và lau rửa, thấy dấu phỉ bang, vẽ theo trên hình gò má Đức Mẹ.

Danh từ “*Thánh Mẫu Đen*” (*Madoine noire/Czarna Madona*) được gọi, theo lời giải thích của người có trách nhiệm tại tu viện, và được công nhận bởi tài liệu thông tin, do nơi màu sơn tượng ảnh Đức Mẹ bị trở màu, qua thời gian lâu năm, khác với những mẫu “Đức Mẹ Đen” được đúc, khắc tại Pháp.

Tượng Đức Mẹ được tô điểm bởi những nhánh lá (plaques), trang sức, hào quang (vòng ánh sáng quanh đầu), thường được gọi là “*icône*” (hoạ tượng), và trở thành một tác phẩm danh tiếng tại Trung Âu, Đông Âu và lan rộng đến các nước khác.

Đức Giáo Hoàng Jean Paul II, từ khi tại vị năm 1978, cựa Hồng Y Cracovie, Ba Lan, đã đến ban phép lành nhiều lần. Thánh địa được khách hành hương và du khách từ 80 nước trên thế giới đến viếng. Thành phố Czestochowa trở thành “*Tỉnh hạng nhứt*” nước Ba Lan, được lãnh giải Âu Châu, do “*Hội Đồng Âu Châu*” ban thưởng (Conseil de l' Europe).

Những tín đồ sùng bái đến Jasna Góra không phải chỉ cốt ngắm vẽ đẹp thanh tú Đức Mẹ, mà có ý trực giác cảm thông với Đức Thánh Mẫu qua tượng ảnh tiêu biểu Đức Mẹ.

Vì lẽ Đức Mẹ là nguyên nhân nhiều sự mâu nhiệm, là Vị mà tín đồ dâng lễ tạ ơn hoàn nguyện (exvoto). Nhưng sự tín ngưỡng lạ thường với Đức Mẹ Marie, Mẹ của Chúa, không thể có được, nếu tượng ảnh không có một sắc thái đẹp lạ, và nếu không có sự mâu nhiệm huyền bí liên hệ đến tượng Đức Mẹ.

Đôi với dân Ba Lan, tượng Đức Mẹ Đen tại Jasna Góra qua bao thế kỷ là một sự phù hộ độ trì (palladium), tránh khỏi nạn tai, và là tượng trưng cho xứ Ba Lan, như qua màu cờ quốc gia “*Trắng Đỏ*”.



Tu Viện Đức Mẹ Đen trên đồi Jasna Góra



Đồng Hương Trần Văn Trung
Du khách tự hợp trước sân Tu Viện chờ xem lễ
(5 ngày trước ngày Lễ Chính 15/ 8/ 2009)

MỎ MUỐI WIELICZKA

Trần Văn Trung
(Paris. France)

Wieliczka là tên một thành phố có gần 20 ngàn dân, cách đô thị Cracovie (cố đô) 14 cây số về phía Đông Nam, và được nổi tiếng trên thế giới địa danh Mỏ Muối Wieliczka vĩ đại với số lượng Kopalnia Soli hay Magnum Salt, thuộc vùng Tiểu Ba Lan (Petite Pologne/Poland).

Mỏ muối này được khai thác từ thế kỷ XIII. Đặc điểm là mỏ muối nằm dưới lòng đất, với nhiều khu vực đường hầm (galleries) nối dài 300 cây số, trải ra trên 9 tầng lớp muối, sâu đến 327 thước, với một diện tích tổng cộng là 10 cây số vuông. Đặc biệt hơn là nhờ khí hậu trong sạch, một nhà dưỡng bệnh (sanatorium hospital) được thiết lập dưới chiều sâu hơn 200 thước.

Muối mỏ (sel gemme/salt mine) là một trong những nguồn tài sản quý giá của những vị vua Ba Lan ngày xưa, tại Cracovie. Dưới triều đại Vua Casimir Le Grand, một phần ba tài nguyên của vương quốc do sự khai đào lấy muối, được ví như chất vàng xám (từ thế kỷ XI, do những hồ nước mặn bốc hơi đông đặc thành muối). Mãi đến giữa thế kỷ XIII, nguồn tài nguyên này dồi dào hơn nhờ những thợ đào hầm mỏ khai thác, với nhiều phương tiện thủ công. Sau bao thế kỷ, từ trong lòng mỏ muối, hồ nước mặn bốc hơi để lại nhiều khu vực trống không, nối tiếp ngoằn ngoèo quanh co, do đó, các thợ hầm mỏ xưa cũng như những nhà điêu khắc có dịp thi tài chạm trổ hình ảnh mỹ thuật về tôn giáo, huyền thoại...trên vách những tảng muối to. Ngoạn mục hơn là những Nhà Nguyện Thiên Chúa Giáo được kiến tạo dưới mỏ muối, có một không hai của Địa Cầu. Do đó, địa điểm này được Cơ quan UNESCO chọn là di sản thế giới tại Ba Lan, năm 1978.

DU NGOAN ĐỊA ĐẠO

Du khách phải đi xuống nơi khởi hành địa đạo muối ở chiều sâu 64 thước bằng cách đi bộ theo 378 bậc thang gỗ (theo luật lệ địa phương, mọi người phải đội một nón mũ cứng của thợ đào mỏ). Người hướng dẫn, trước khi khởi hành, phải đếm số du khách để kiểm soát khi xuống, lúc lên đầy đủ, vì nếu lạc, thì du khách không thể an toàn tánh mạng khi trải qua đêm tối dưới lòng đất âm u. Thắng cảnh dành cho du khách viếng, không phải là nơi xưa nhứt (từ thế kỷ XVII-XIX), mà là những chỗ ngoạn mục được chọn sẵn.

Dưới độ sâu khác nhau đến 135 thước, du khách sẽ được dịp chiêm ngưỡng những kỳ công nghệ thuật thiên nhiên cũng như nhân tạo, chúng tôi xin liệt kê vài địa danh. Đoạn đầu là phòng triển lãm *Janowice* với các tượng hình Nữ Chúa Kinga và thợ đào mỏ. Xa hơn là Thánh đường Saint Antoine, lập từ 1689. Nơi này, ngày xưa thợ mỏ nghe giảng và xin lễ trước khi khởi công. Vì tượng khắc trên muối, nên nhiều hình ảnh bị đổi do khí hậu ẩm thấp và hơi nước ảnh hưởng. Tiếp tục lộ trình, du khách sẽ gặp nhiều cảnh trí đẹp, trước khi viếng Thánh đường Sainte Kinga, lập từ năm 1896, với cảnh lồi lõm của những tinh thể muối mỏ. Nơi này âm thanh vang dội nên nhiều cuộc hoà nhạc hay thuyết trình được tổ chức, số lượng an toàn là có thể chứa khoảng hơn 1000 chỗ ngồi. Thấp hơn nữa là *hồ nước mặn (phòng Erazm Baracz)* phản chiếu màu xanh ngọc bích của nước. Vì chất muối rất mặn, nước hồ không thể làm tan loãng và không làm nguy hại hầm mỏ. Kế đó là *Phòng Weimar*, với sân quần vợt mang tên Warszawa, tạo sự ngạc nhiên cho du khách. Sau cùng, là một căn phòng lớn gọi tên *Staszic*, nơi mà quân đội Đức Quốc Xã lập ra năm 1944 để bắt tù nhân Do Thái chế tạo những bộ phận cơ khí phi cơ, sau đó chở họ đi đến lò diệt chủng *Belzec* để thủ tiêu. Cuộc viếng thăm hoàn tất độ hơn 2 giờ. Mỗi năm có độ 1 triệu hai trăm ngàn du khách đến thăm.



Các thắng cảnh ở Mỏ Muối

GIẢ SỬ VỀ MỎ MUỐI

- Công Chúa Kinga:

Giả sử (légendes) thuật lại có một nàng Công Chúa Hung Gia Lợi (Hung/Hongrie/Hungary) tên là Kinga (1224-1292), con của Vua Béla IV. Năm 1239, nàng kết hôn với Hoàng Tử Boleslas Le Honteux ở Cracovie (tên thành đô xưa của Ba Lan). Vì muốn cứu giúp nước của chồng có thêm tài nguyên để chống đỡ dân Thát Đát (thuộc Mông Cổ/Tatars hay Tartares) đến cướp của, chiếm đất, nàng tháo chiếc nhẫn đính hôn quý giá nhứt vút xuống Mỏ Muối Maramures ở Hung Gia Lợi, với lời nguyện cầu chiếc nhẫn sẽ mang muối đến dưới lòng đất tỉnh Wieliczka của Ba Lan để tạo tài sản cho xứ này. Nàng cũng báo trước là sẽ đến địa điểm này để tìm lại nhẫn.

Trên đường đi về Vương quốc Ba Lan, đoàn lính vệ sĩ hầu cận hộ tống cung xa chở Công Chúa từ nước Hung đến gần thành đô Cracovie, vì hành trình xa xôi gian khổ, Công Chúa ban truyền dừng chân nghỉ tạm, và cũng là dịp để đám binh gia lo vương kiệu ăn uống cũng như thú vật được dự phần nghỉ ngơi.

Vì nơi chọn để dừng chân thiếu nước uống và dùng nấu nướng, nàng Công Chúa truyền đào một hố sâu để tìm mạch nước dưới lòng đất. Địa danh này mang tên là *Wieliczka*. Một người hầu cận đã đào phải một tảng vật chi cứng rắn, bèn mang lên mặt đất bờ giếng để quan sát. Tinh cờ lại thấy một vật nhỏ chiếu sáng nằm giữa khối muối cứng ấy. Hoá ra là chiếc nhẫn đính hôn mà vị công nương xinh đẹp diễm kiều đã liệng xuống Mỏ Muối *Maramures* ở quê nhà Hung Gia Lợi trước kia, nay đã trôi giạt đến nơi đây. Ôi tuyệt diệu thay, chuyện tình giả sử hy hữu huyền hoặc này!

-Lý luận thực tế:

Một giả thuyết khác giải thích là những hình ảnh, tạc trở khác nhau trên thành tảng muối cứng rắn, tìm thấy dưới lòng đất này có một nguyên nhân khác. Đó là những biểu tượng có khả năng phù hộ độ trì, bảo vệ tránh tai nạn cho những người điều khiển, hay công nhân khai thác mỏ muối.

Lạ lùng hơn là một Thánh đường mang tên Sainte Kinga de Pologne (*Cunégonde*) toàn bằng chất liệu muối, được chạm trở tượng ảnh Thánh Nữ Kinga, từ mặt đất thành hình Nữ Chúa, với những hình nổi khuyết, chạm trở bóng láng. Nhiều cảnh tượng thuộc về thánh kinh đã tả như: cuộc tẩu thoát nơi Ai Cập, sự mâu nhiệm của Chúa Jésus biến nước thành rượu vang, lính của Vua Do Thái Hérode tái thiết điện Jérusalem giết người vô tội (massacre des Innocents), Chúa Jésus thuyết giảng, Thánh Saint Thomas (Ông là một trong 12 đệ tử của Chúa Jésus, biệt danh là *Didyme*, luôn được biết đến khi nói: không tin điều gì Ông không trông thấy (il ne croit que ce qu'il voit), những tượng tạc khác gồm có: buổi tiệc chót của Chúa với các môn đồ, Chúa bị đóng đinh trên thập tự giá, hình máng cỏ Giáng Sinh và những người hiện diện lúc Chúa sinh ra đời.

Lý do tạc tượng Thiên Chúa Giáo này rất dễ hiểu là vì dân Ba Lan là người Công Giáo luôn đặt niềm tin vào Đức Chúa Cha là Thiên Chúa, Chúa Jésus và Chúa Thánh Thần và thờ kính Mẹ Maria.

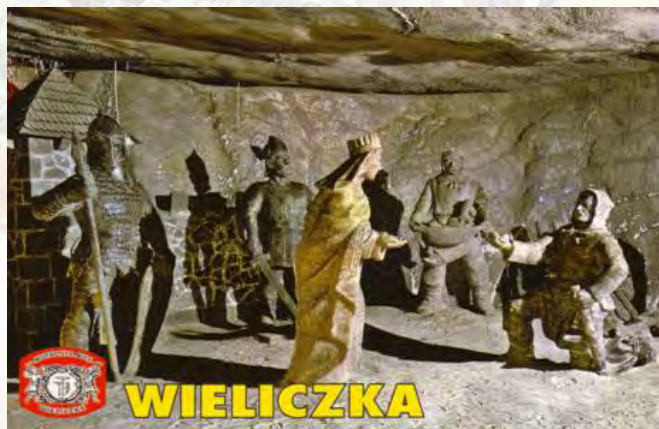
Du khách Á Châu khi xuống địa đạo xem tượng tạc trên vách muối có cảm tưởng như lạc vào đảo Đào Hoa của Tây Độc Hoàng Dược Sư, trong chuyện Quách Tĩnh-Hoàng Dung lạc trong động và khám phá võ công vẽ trên vách đá. Những hình ảnh này thành hình được nhờ thiên nhiên ưu đãi và lòng người kính trọng đem niềm tin và sự hiểu biết của mình để vinh danh Mỏ Muối Wieliczka, một tài nguyên thiên nhiên vĩ đại, một di sản của Ba Lan và cả Thế Giới và có thể nghĩ là sự huyền linh mà dân Ba Lan mãi khắc nhớ công đức của nàng *Công Chúa Kinga*.

Qua bao thế kỷ, du khách đến đây viếng thăm với sự chân thành ngưỡng mộ, gồm thượng vàng hạ cám. Những nhân vật nổi danh được ghi chép như Nicolaus Copernicus, Johann Wolfgang von Goethe, Alexander von Humboldt, Dmitri Mendeleev, Boleslaw Prus, Ignacy Paderewski, Robert Baden-Powell, Jacob Bronowski (đạo diễn quay một phần điện ảnh tại mỏ muối này trong phim *The Ascent of Man*), Karol Wojtyla (Đức Giáo Hoàng John Paul II), Tổng Thống Bill Clinton, Tổng Thống Mỹ Georges Bush đã đến viếng thăm và dự buổi hoà nhạc đặc biệt năm 1995,.....

Kho tàng Mỏ Muối Wieliczka bắt đầu được khai thác từ thế kỷ XIII cho đến năm 2007 thì sự sản xuất bị giảm thiểu và đình trệ vì những lý do như mỏ muối cũng gần cạn kiệt, giá thành muối trắng trên thị trường thương mại bị cạnh tranh, bị lụt lội và phải bơm nước biển vào để tránh sự sụp đổ hình tượng.

Kỹ nghệ du lịch thì vẫn là nguồn lợi lớn cho Ba Lan, địa danh Mỏ Muối Wieliczka luôn thu hút du khách khắp nơi nhất là Âu Châu về thăm, tạo sự thịnh vượng và hạnh phúc cho tỉnh lỵ Wieliczka.

Sau cuộc thăm viếng Mộ Muối Wieliczka, xúc cảnh sanh tình, có vài dòng thơ mộc mạc về chuyện tình Công Chúa Kinga như sau:



CÔNG CHÚA KINGA

*Công Chúa đẹp xinh tợ tiên nga
Nước Hung Gia Lợi, gọi Kinga
Hoàng Tử Ba Lan, trao nhẫn cưới
Vâng lệnh Vua Hung, tên Béla*

*Ba Lan vương quốc, xã Wieliczka
Tỉnh Cracovie, cách không xa
Trên đường thiên lý, thành hôn lễ
Gần nơi Mộ Muối, bão vật nhà*

*Khi xưa vì muốn giúp xứ chồng
Chiếc nhẫn rời tay với cầu mong
Ba Lan thêm của chóng Thát Đát
Mỏ muối nhẫn kia sẽ xuôi dòng*

*Vương kiêu gian nan, nhiều ngày qua
Dừng chân trạm cuối, vì binh gia
Thiếu nước nấu ăn, và giải khát
Gắn công đào mạch, ẩn sâu xa*

*Bỗng một quân binh khám phá ra
Tàng muối lung linh ánh sáng nhoà
Khuôn lên bờ giếng, khai tìm thấy
Nhẫn cưới Công nương của Hoàng gia*

Wieliczka, ngày 09 tháng 8 năm 2009



XUÂN VÀ CẢNH CHÙA

Trịnh Văn Kiều & Lê Kim Oanh

(Alexandria, Virginia, USA)

*Thuyền bơi lướt trên sóng xanh biết bao êm đềm
Con thuyền đưa tôi đến nơi thần tiên
Chùa Hương với đồi núi cao biết bao êm đềm?
Phút mơ màng quên hết ưu phiền*

*Chiều sương rơi còn đâu đây vang tiếng trầm theo gió
Tiếng nam mô lảng đãng hồn tôi bay theo tiếng chuông nơi xa mờ*

*Đường đi bước lằn thấp cao khác chi tới miền
Non bông muôn năm sống vui thần tiên
Chùa Hương giữa giòng nước xanh, biết bao êm đềm?*

*Phút mơ màng quên hết ưu phiền
Chùa Hương khói trầm ngát bay những khi nắng tàn
Trên đồi mơ non tiếng chuông dần tan
Ngàn cây với một tiếng chim sót trong nắng tàn
Đắm tâm hồn vào giấc mơ màng.....*

Tiếng hát Thanh Lan cao vút trong bài “Chùa Hương”, vang vọng bên tai, đưa tôi vào kỷ niệm của những ngày xa xưa, tôi miên man, mơ màng nhớ về những ngày tháng cũ...

Sinh trưởng trong gia đình Phật giáo, Mẹ tôi rất sùng kính lễ bái, Mẹ rất hay đi Chùa, nhất là vào những ngày đầu Xuân, đi Lễ lễ hái lộc đầu năm.

Thời ấu thơ của tôi rất vui bên cạnh ba mẹ. Những ngày còn bé ở Hà Nội, tôi hay được ba dắt đi chơi nơi các công viên, bờ hồ, xem hát ở nhà Hát Tây, v.v. thì ngược lại cũng hay được ngồi xe kéo với Mẹ đi lễ Chùa. Với trí óc non nớt của tôi lúc bé, tôi chưa hiểu nhiều về kinh kệ, đạo lý nhà Phật, nhưng tôi thích nhất được xúng xính trong những chiếc áo đầm xinh xắn do chính tay mẹ khâu, cắt may.

Theo Mẹ đi lễ Chùa, và vui nhất là sau mỗi buổi Lễ Phật, thì lúc nào tôi cũng được Sư Cụ hay Sư Cô phát bánh quà, chuối oản.

Những ngày còn ở Hà Nội, Mẹ hay dắt tôi đi lễ Đền Quan Thánh, Chùa Một Cột, Tô Đình, lâu lâu đi các chùa xa, nhưng vì còn quá bé cho nên tôi không nhớ tên Chùa, riêng Chùa Hương thì tôi rất khó quên, vì phải đi thuyền mới đến Núi Hương Tích và lên Chùa được, và lại Chùa Hương cũng là di tích nổi tiếng và có nhiều huyền thoại, hay được nhắc nhở thật nhiều trong các bài ca dao, bài hát, v.v., vì thế nên Chùa Hương đã in sâu vào tiềm thức mọi người như một danh lam, thắng cảnh tuyệt vời.

Năm 1954, gia đình tôi phải xuống Hải Phòng để theo Cơ Quan của Ba tôi lên máy bay vào Nam. Trong khi chờ đợi làm thủ tục và đợi chuyến bay, cũng phải mất 6 tháng cho nên ba mẹ tôi mượn tạm một căn nhà trên phố Hàng Cau. Gần nhà chúng tôi, đi vào khoảng vài chục mét, có một ngôi Chùa rất khang trang, gọi là Chùa Vén, mỗi tối chị em tôi thường hay lân la đến Chùa, ngồi nghe Sư Cụ giảng kinh, Chùa có ngôi chánh điện thờ Phật Tổ thật nghiêm trang, hai bên là 2 dãy nhà dùng làm Thư Viện, 2 tủ sách chứa đầy kinh kệ, và nơi đây cũng được dùng để các Phật Tử đến mượn sách kinh ngồi tịnh tâm tụng niệm.

Tuy còn rất bé, nhưng trí óc non nớt của tôi, nhờ nghe hằng ngày, nên cũng thuộc được chút ít kinh kệ cho tới bây giờ. Khi gia đình tôi di cư vào Nam, ở trong Phi Trường Biên Hoà, Mẹ tôi và các Bác, thường hay đi lễ Chùa Phúc Lâm, từ Ngã Ba Vườn Mít đi lên cùng hướng về phía Tân Mai-Hố Nai. Chùa Phúc Lâm được cất cùng phía với Nha Cảnh Sát Quốc Gia Vùng III, nhưng phải đi qua Chùa rồi mới đến Nha và đi lên nữa sẽ đến Tam Hiệp, Hố Nai và Tân Mai, v.v. Ngôi Chùa dài 3 gian, Chính Thất Thờ Phật, hai bên Thờ Quan Thánh, trước Công Chùa có 1 tượng Phật Bà Quan Thế Âm với gương mặt hiền hoà, Phật Bà đứng lộ thiên trên toà sen một tay cầm nhánh dương liễu, tay kia cầm bình nước Cam Lộ bằng pha lê, dưới chân ngài là dòng suối nước chảy róc rách, hai bên chánh điện là nhà chay tịnh.

Đặc biệt là cái giếng nước ở Chùa, tôi mê nhất là giếng nước xây gần bếp, một giếng nước chưa từng thấy ở đâu cả, nước trong veo và mực nước thì rất gần với thành, mỗi lần đến Chùa, khát nước thì tôi chỉ ngồi trên thành giếng, lấy cái gáo dừa múc nước lên uống, chứ không cần phải thông gàu xuống mức như những giếng nước khác, nước thật trong và ngọt làm sao! Vị ngon mát rượi của nước đã làm cho tôi tỉnh hẳn người (dù tôi đã vừa phải đạp xe một đoạn đường quá xa mới đến Chùa được). Vị ngon, mát của nước giếng thấm giọng và mát mẽ vô cùng! Ngon hơn cả nước mưa nữa. Giờ đây ngồi tưởng tượng lại ngậm nước giếng ở Chùa Phúc Lâm mà tôi vẫn còn nhớ cái hương vị ngọt ngào, tươi mát của dòng nước giếng tại Chùa, không biết bây giờ Chùa có còn giữ lại nguồn nước giếng trong mát đó nữa không? Trụ trì của Chùa Phúc Lâm lúc đó là Sư Cụ Phước Thành, Thầy rất hiền hoà và phúc hậu, lời kinh Thầy giảng thật thâm thúy, sâu xa, từng lời giảng của thầy ăn sâu vào tiềm thức, như đưa hồn người vào Phật Pháp nhiệm màu, sau này nghe nói Thầy đã mất.

Đến năm Đệ Tam, Đệ Nhị, chúng tôi lại chợt khám phá ra ở Cổng Một gần Phi Trường Biên Hoà, có 1 ngôi chùa gọi là Chùa Phật Học, lâu lâu khi có lớp học thêm, không về nhà kịp, tôi và các bạn chung lớp: *Ánh Tuyết, Thanh Tân, Mỹ Quế, Kim Phụng* thường hay rủ nhau đi vào thăm Chùa Phật Học.

Đó là một ngôi Chùa khang trang, đầy đủ tiện nghi và rất sạch sẽ, chúng tôi rất thích đi chung quanh Chùa, ngắm vườn rau do các Sư Cô vun trồng, và mê nhất là được thọ trai, những món cơm rau đậu rất ngon do các Sư Cô nấu, lần nào cũng vậy, chỉ thấp thoáng thấy tà áo trắng của chúng tôi thì các sư cô đã vẫy vẫy gọi chúng tôi vào ăn cơm chay, ngon nhất là món rau lang, rau muống hái ngoài vườn sau, đem vào luộc chấm nước tương Bò Đề do Sư Cô tự ủ đậu nành làm thành nước tương nguyên chất. Thỉnh thoảng, Sư Cô còn làm thêm cho chúng tôi món bì cuốn chay nữa. Ôi! sao mà ngon thế! Hương vị chay tịnh mà vẫn không kém đậm đà này, dù đã qua bao nhiêu năm, nhưng dư âm ngọt ngào, thanh khiết vẫn còn thấm mãi trên đầu lưỡi của tôi, tôi nghĩ chắc chắn là sẽ không bao giờ còn có dịp thưởng thức được những bữa cơm chay tinh khiết này ở bất cứ nơi đâu cả. Lúc đó, vì còn là học sinh, chúng tôi lại chẳng có tiền dư để cúng dường mà luôn luôn được sư cô đãi hậu những món ăn chay mà không bao giờ chúng tôi quên được những hương vị thanh thoát không dầu mỡ, không chất đạm, rất thanh khiết mà có lẽ khó có thể tìm thấy ở nơi đây. Có nhiều buổi tối sau những kỳ thi, thành thoi, không còn lo bài vở nữa, Ánh Tuyết & Thanh Tân lại rủ tôi vào Chùa nghe thầy giảng kinh. Lâu lắm rồi, không biết bây giờ, Ngôi Chùa Phật Học gần trường Ngô Quyền có còn như xưa nữa không? hay lại biến thể, thay hình đổi dạng? Chỉ nghĩ thế thôi mà lòng tôi chợt bồi ngùi, luyến tiếc, thương nhớ lại những hình ảnh thân thương của ngôi Chùa Phật Học đầy kỷ niệm.

Nhiều khi muốn thư giãn gân cốt và thích đi xa cho vui, Mỹ Quế rủ tôi đạp xe sang thăm mấy ngôi chùa bên Cù Lao Phố nữa, nhiều lắm mà tôi không tài nào nhớ hết, rồi đạp xe lên núi Bửu Long và chúng tôi lần theo tiếng chuông chùa lên viếng Chùa Bửu Phong, cảnh đẹp thiên nhiên và sự yên tịnh ở Chùa đã đem đến cho chúng tôi những giây phút thanh tịnh và êm đềm, không sao tả xiết.

Nói đến danh lam thắng cảnh cổ ở Biên Hoà thì Chùa Chiền là những di tích đáng kể nhiều nhất, tuy không sinh ra tại Biên Hòa, nhưng lớn lên nơi vùng đất đỏ từ 1954-1978 thì kỷ niệm của tôi đã có với quê hương của chồng tôi còn nhiều hơn cả Hà Nội “Ba Mươi Sáu Phố Phường” của tôi nữa.

Ngày còn đi học, tôi cùng các bạn hay đạp xe đi tung tăng khắp nơi, qua Chợ Đồn sang Cù Lao Phố, Dĩ An, Tân Uyên, Tân Ba, Tân Lại, Bửu Long, Châu Thới, v.v. chỗ nào yên bình, hễ có thì giờ rảnh rỗi thì chúng tôi đều đến thăm viếng, thời thơ ấu thật vui, không tài nào quên được. Mới đây tôi lại được cô bạn thân Châu Mỹ Quế, người đẹp “Bến Đò Trạm” Tân Ba, thời còn mài đũng quần trên ghé Ngô Quyền. Quế làm thơ và viết văn rất hay, văn vần, văn xuôi của Quế lúc nào cũng được Cô Hoà, Cô Tâm và thầy Nguyễn Thế Văn cho điểm cao nhất. Mỹ Quế vừa gởi cho tôi một số danh lam, địa lý về các di tích của các ngôi chùa cổ ở Biên Hoà. Xin được giới thiệu đến quý vị một ngày gần đây trên báo Hội Ái Hữu Biên Hoà.

Gần đây, trong chuyến du lịch China, tôi cũng có dịp đi thăm viếng một số di tích lịch sử và các ngôi chùa ở Trung Quốc. Nổi tiếng thanh tịnh và đẹp nhất là Hàn Sơn Tự, chúng tôi được anh bạn đồng hành gửi tặng cho bức ảnh đêm trăng tĩnh mịch của Hàn Sơn Tự thật đẹp, mà tôi đã mạn phép ghi một bài thơ, xin chia sẻ để tất cả đồng hương cùng đọc.



TĨNH MỊCH CẢNH CHÙA

Thấp thoáng xa xa đôi bóng người
Vàng trắng soi bóng, ánh trăng vui
Chuông chùa vang vọng từ xa tới
Rộn rã đâu đây tiếng ai cười?

Ai mãi tìm ai trong bóng đêm?
Hương hoa ngào ngạt gió bên thềm
Trên không lơ lửng làn mây tím
Tĩnh mịch công chùa, ánh trăng đêm.

Đường trăng đêm ấy thoáng liêu trai
Mờ mờ, ảo ảo ánh trắng phai
Trăng soi đôi bóng mình trên cát
Lăn tăn gợn sóng bên sông dài

Liều rữ mơ màng hình dáng ai?
Tay trong tay bước, vai sánh vai
Hằng Nga e ấp vào mây tím
Văng vẳng như nghe tiếng **Thở Dài!!**

Cảm xúc bức hình đẹp chụp trước Cổng
Chùa Hàn Sơn Tự.
Xin gửi bài Thơ "Tĩnh Mịch Cảnh
Chùa" họa theo ảnh chụp của:
Nhiếp Ảnh Gia Văn Q. Kiệt

Nhân dịp Xuân Canh Dần, xin gửi lời chào thân ái đến tất cả các bậc Trưởng Thượng, quý vị Đồng Hương Biên Hoà, các bạn bè luyện ái khắp nơi, cũng như các bạn thân hã còn sinh sống tại Biên Hoà.

Tuy không sinh trưởng ở Biên Hoà, nhưng tôi đã lớn lên và có thật nhiều kỷ niệm với những con đường, những di tích dấu yêu và nhất là với mái trường Ngô Quyền thân yêu, nơi đó tôi đã tìm thấy tất cả sự ấm cúng, thương yêu trong tình thầy trò và bạn bè thân mến, nơi đây tôi đã sống những ngày vui của tuổi học sinh, những kỷ niệm với các thầy cô yêu mến, và tôi cùng không khỏi bùi ngùi xót xa khi nghĩ đến các thầy cô: thầy Đinh Văn Soái, thầy Dương H. Huân, thầy Phan Văn Dật, cô Vương Chân Phương..... (nay đã không còn nữa) cùng một số bạn bè của tôi đã ra đi khi tuổi còn xanh. Hơn nửa đời người, sống xa quê, nhiều lúc bùi ngùi nhớ lại những ngày xưa thân ái, hình tượng lại hình ảnh ngày xưa xa xưa mà cứ ngỡ như mới vừa hôm qua, tóc xanh nay đã điểm màu, có chăng chỉ còn giữ lại những hình ảnh và dư âm ngày tháng cũ.

Trước thềm Xuân mới, xin cầu xin ơn trên ban chúc Phúc đến tất cả Đồng Hương Biên Hoà, trong và ngoài nước, mãi mãi được dồi dào sức khoẻ, toàn gia Hạnh Phúc, mong rằng Năm Canh Dần sẽ đem lại nhiều niềm vui và may mắn đến tất cả Đồng Hương xứ Bưởi, và hương hoa Bưởi cũng sẽ lan dần, lan xa mãi khắp bốn phương trời, lan tràn trên toàn Thế Giới.

TB: Xin gửi lời cảm ơn đến người bạn rất thân của tôi--Châu Mỹ Quế, người đã cùng tôi có rất nhiều kỷ niệm vui buồn của những năm tháng mài dũa quần trên ghé TH Ngô Quyền, và cũng là người giúp cho tôi ý kiến cùng tài liệu để viết bài này vào dịp Xuân sang....



Cầu Sítny (Sydney)

*Cầu Sítny (Sydney), một kỳ quan thế giới
Với công trình kiến trúc thật văn minh
Tám làn đường một nhịp rộng kinh vinh
Hơn trăm thước chiều cao về mặt nước
Viếng chân cầu tôi và Tư rảo bước
Phổ lên đèn ngắm cảnh thật nên thơ
Sóng về đêm nước cuốn chảy lờ đờ
Bên dòng nước một toà nhà trắng xoá
Ô-bê-ra-hao (Opera House) là tên của nó
Hình vờ sò tăng vẻ đẹp hồn nhiên
Sítny (Sydney) ơi! Có phải cảnh thần tiên
Mà thu hút lòng người lưu luyến mãi
Trên dòng sông những con tàu qua lại
Chở ngáp đây du khách viếng Man Ly (*)
Nhìn biển khơi tôi nhớ lại ngày đi
Con thuyền nhỏ xá gì trên mặt biển
Tôi đã chấp nhận những gì nguy hiểm
Đến với tôi và đến với cả người thân
Nhờ ơn Trời, đưa tôi đến bến bờ
Tuy một quốc gia không cùng dân tộc
Nhưng với tấm lòng quảng đại từ bi
Cưu mang cứu nạn người tìm ánh sáng
Tự do hoà bình hạnh phúc từ đây...
Viếng Sítny (Sydney) lần này tôi nhớ mãi
Dù xác có tan, hồn vẫn như cầu
Đứng vững giữa trời ĐỘC LẬP TỰ DO*

Đào Minh

Australia 30-4-2009

(*) Manly: tên bãi biển ở bắc Sydney

BỐN MÙA NƠI THỦ PHỦ WASHINGTON, D.C.

Trịnh Văn Kiều & Lê Kim Oanh

(Alexandria, Virginia. USA)



Pepperdine University
Washington Internship Program - Summer, 2004



Lại thêm một Mùa Xuân nơi đất khách, 31 năm viễn xứ, mấy chục mùa Xuân xa quê, biết bao nhiêu thay đổi, trẻ con lớn dần, mình càng ngày càng già, chắc chắn đa số chúng ta ai cũng đều đang là ông bà nội, ngoại cả rồi? Thời gian trôi thật nhanh, thoáng chốc các mái đầu mới ngày nào còn xanh mượt, mượt mà, nay đang từ từ bạc trắng.

*Tóc đã phai màu theo gió sương
Sợi đen, sợi bạc lấm tơ vương...*

Đặt chân đến nước Mỹ và cư ngụ tại Tiểu Bang South Carolina được 1 năm thì gia đình tôi dọn lên sinh sống tại Alexandria, Virginia, một thành phố giáp ranh với Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Hơn 30 năm nơi xứ lạ, quê người, trải qua những mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, thời gian xoay nhanh như con thoi, bao nhiêu diễn biến, Xuân qua, Hè đến, Thu tàn, rồi Đông tới, hôm nay xin viết một bài về bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông ở Washington, D.C. để góp thêm vào Đặc San 2010 Hội Ái Hữu Biên Hoà, Xuân Canh Dần.

XUÂN VỀ, MÙA XUÂN WASHINGTON, D.C. CÓ GÌ LẠ?

Hằng năm cứ vào giữa tháng Ba, Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn thật tung bừng, nhộn nhịp, du khách bốn phương đổ về xem hoa *Anh Đào* nở. Phố phường Washington, D.C. náo nhiệt vô cùng, thiên hạ không cần chỉnh tề quần là, áo lượt, đi thăm viếng và chúc tụng nhau như những ngày đầu Xuân ở Việt Nam, mà nơi đây, người ta đón Xuân bằng cách cùng về Thủ Đô để chiêm ngưỡng hoa Anh Đào, trang phục thật giản dị, miễn sao cho thoải mái, quần Jean, áo T-shirt đi bộ dưới nắng Xuân ấm áp. Du khách đeo trên vai máy chụp hình, máy quay phim, cầm theo chai nước lọc, thế là mọi người cứ tản bộ trên đường, qua các khu phố, Tòa Bạch Ốc, Tháp Washington Monument, Đài Kỷ Niệm, v.v., và đẹp nhất là hai bên bờ sông Potomac, nơi có hàng loạt những cây hoa Anh Đào màu hồng, cành hoa rủ xuống lả lướt theo gió Xuân, đong đưa trong nắng ấm, rung rinh theo từng cơn gió nhẹ. Đôi khi, bất chợt một trận mưa Xuân dạt dào bay tới làm rụng hàng loạt những cánh hoa màu hồng nhỏ xíu xuống đường trông như:

*Pháo hồng đưa tiễn người sang sông
Áo tím ngày xưa đi lấy chồng....*

Khoảng giữa tháng Tư mới là những ngày tung bừng nhất ở Thủ Đô, “Ngày Đại Hội Hoa Anh Đào”, hàng loạt xe kết đầy các loại hoa, đủ hình, đủ dạng, những ban nhạc với nhạc cụ thật hùng hậu, thanh thiếu niên trong các bộ đồng phục đẹp đẽ ngồi trên những chiếc xe treo đèn kết hoa. Thôi thì muôn vạn sắc màu, rực rỡ, ngàn hoa đua nở, hoa Anh Đào đem đến cho Thủ Đô một khung cảnh rất nên thơ, vô cùng hấp dẫn, đã thu hút hàng chục ngàn khách thập phương rủ nhau về ngắm Hoa. Vào những ngày này, xe cộ dập dìu, các toa xe điện, xe bus thì chật khách.

Dưới đây là vài bức ảnh do anh bạn đã chụp cảnh “Mùa Hoa Anh Đào” ở Washnton, D.C., xin mạn phép đề ít vần thơ và gửi đến quý vị cùng đọc cho vui:

Hội Hoa Anh Đào

*D.C. mở Hội Anh Đào
Sông Po-to-mac ngọt ngào yêu thương
Hàng năm đại hội mừng Xuân
Tưng bừng du khách thập phương đổ về
Nhìn màu hoa thắm đậm mê
Ảnh hồng rực rỡ bốn bề lá hoa
Tháp cao sừng sững một toà
Nghiêng nghiêng giọt nắng, chan hoà gió Xuân
Tháp cao, ngút tận trời xanh,
Long lanh, bàng bạc, nước mênh mông buồn*

*Lã lơi hoa lá vẫn vương
Nắng soi mặt nước, sóng tuôn đôi dòng
Xuân về, ấm áp bên sông
Nhìn màu hoa thắm, ấm lòng chinh nhân
Xuân nay đã mấy mùa Xuân
Lòng người viễn xứ, nhớ Xuân quê nhà
Bao nhiêu năm tháng dân qua
Thời gian vẫn cứ thiết tha miệt mài
Cuộc đời dâu bể sớm mai
Nỗi sầu xa xứ nhớ hoài khó quên*



Ảnh Chụp Mr. Văn Quốc Kiệt

*Kìa sừng sững, đây kỳ Đài Kỷ Niệm
Bến sông xanh, dòng nước lững lờ trôi
Ở trên cây, hoa lá đã đậm chồi
Màu thủy ngọc, ánh vầng hồng rực rỡ*

*Hoa Đào thắm, lung linh và bờ ngõ
Đón nàng Xuân Hoa Thịnh Đón hân hoan
Cứ hàng năm hoa thắm nở rộn ràng
Sau những tháng mùa Đông dài giá lạnh*

*Tháng Tư sang, trời vào Xuân ấm áp
Hoa Anh Đào và dáng đẹp Phù Tang
Trên mặt sông gợn gợn sóng lăn tăn
Đào thơ mộng, vươn trên cánh ẽo lả*

*Hãy về đây, hỡi các chàng/nàng khách lạ
Khẽ nâng niu, nhẹ nhẹ cánh hoa xinh
Nhớ ghé thăm Hoa Thịnh Đón nhiệt tình
Cùng chiêm ngưỡng, danh lam và thắng cảnh*

Đó là phong cảnh và sinh hoạt của những ngày Xuân và Đại Hội Hoa Anh Đào ở Thủ Đô, khác với Xuân quê hương, chúng ta đón Xuân, ăn Tết với dưa hành, thịt mỡ, bánh chưng xanh, câu đối đỏ, cùng mai, lan, cúc, thược dược, vạn thọ, v.v. Xuân ở đây tung bừng rực rỡ, trăm hoa đua nở, Anh Đào rộn rã, mưa Xuân chan hoà trên lá hoa, quyến rũ khách thập phương, gần xa nô nức tìm về ngắm cảnh. Thời tiết vào các tháng Ba, Tư đến cuối tháng Năm thì thật đẹp, cây cối đâm chồi, nảy lộc, đơm bông kết trái, ngồi trên đồi cao nhìn xuống, ta sẽ thấy một vùng bao la xanh mướt như nhung của những sân cỏ được cắt tỉa thật ngay hàng, thẳng lối, điểm tô bên những luống hoa, đủ màu sắc rất nên thơ. Xuân đang phục hồi sức sống, mọi người hân hoan đổ xô ra phố, sau những tháng ần mình trong nhà vào những ngày mùa Đông giá lạnh, nhà nhà rộn rã chăm lo, vun sỏi mảnh vườn cho gọn ghẽ để đón mừng nắng Xuân ấm áp, tiết Xuân mát mẻ, trọn vẹn 3 tháng, rồi khí hậu bắt đầu nóng dần, chuyển sang mùa Hè.

VÀO HẠ

Mặc dù miền Đông Bắc, Hoa Kỳ rất lạnh, nhưng Thủ Đô vào Mùa Hè cũng nóng không thua những Tiểu Bang miền Nam, hôm nào gặp *heatway* thì sức nóng có thể lên tới hơn 100°F, nóng như thiêu đốt, nếu có việc ra đường thì phải mau mau, ba chân, bốn cẳng về nhà hay tìm vào những nơi mát mẻ, có máy lạnh hầu tránh bớt sức nóng bỏng của nắng Hè, có lẽ vì quen với thời tiết mát, mà dân chúng ở đây chịu nóng dờ chảng? Người ta mặc quần short, áo ngắn tay, trang phục nhẹ nhàng trong những bộ quần áo mùa Hè, để bảo vệ các sân cỏ không bị cháy vàng, nhà nhà phải mở máy nước tưới cỏ, các hồ bơi lộ thiên đều được mở cửa.

Để tránh tai nạn và bệnh hoạn do sức nóng gây ra, đài truyền hình, radio luôn luôn kêu gọi mọi người nên dùng xe bus, xe điện đi làm để giảm tình trạng kẹt xe phải ngồi cả tiếng đồng hồ trên xa lộ, dưới sức nóng mặt trời mùa Hè. Thịnh thoảng có được một vài trận mưa thì khí hậu mới dịu bớt phần nào sự nóng bức này. Mặc dù thời tiết chói chang như thế, mà trong vườn thì vẫn có những loại hoa mùa Hè cũng không kém phần rực rỡ.

Đây là vài loại hoa do anh Kiều trồng trong vườn nhà vào mùa Hè.

Hoa Với nắng Hè

*Hoa thương ai? hoa nhớ ai?
Cánh hoa soan đỏ, thắm hoài lòng nhau
Trên cành hoa nụ, xôn xao
Nhờ người yêu mến, chuốt trao, sớm chiều
Kể ra sức, vun trồng triu mến
Người gắng công, chụp đến mỗi tay
Ngắm sao cho nụ hoa đầy
Cho màu hoa thắm, cuốn mây lưng trời.
Đài trang diệu mát ngàn nơi
Ngắm hoa mà ngỡ đến nàng Giáng Tiên
Đó là, nhờ Nhiếp ảnh viên
Nghệ thuật Thứ Bảy, triển miên chụp hoài
Cánh hoa xinh xắn mỹ miều
Ngẩn ngơ trong nắng hanh chiều nhớ ai?
Lung linh thoải thoải non đồi
Hoa khoe sắc thắm, mảnh mai dịu dàng
Hoa cười trong nắng Hè sang
Hoa vương lối mộng, miên man Hạ về
Hoa lòng gọi chút đam mê
Áo vàng hoa mặc, gió Hè thổi phai*



Ảnh Chụp Mr. Văn Quốc Kiệt

*Hè tan Thu lại sắp sửa sang
Ngon gió heo may đón Thu vàng
Từng đàn bướm lượn khoe hương sắc
Hoa lau nhẹ nhẹ đợi Thu sang*

*Nhìn qua song cửa một mình tôi
Trộm ngắm hoa lau lay nhẹ rơi
Ngơ ngẩn nhìn hoa bay theo gió
Lòng tôi rộn rã vạn niềm vui*

Vào những tháng Hè nóng nực này, phụ huynh nghỉ phép dắt con em đi thăm viếng những nơi mát mẻ hơn như: New York, Canada, Minnesota, Chicago, Alaska, v.v. hoặc đi nghỉ hè vùng biển: Virginia Beach, Myrtle Beach, Outbank, Miami Beach, v.v. để rồi sau đó sửa soạn đón chào mùa Thu tới.

SANG THU

Mùa Thu Washington, D.C., Virginia tuyệt đẹp, du khách lại được dịp viếng Thủ Đô, vào vườn cây hái táo, lê, đào, mận, v.v. hoặc đi thưởng ngoạn những vùng đồi núi. Lên cao nhìn xuống thung lũng lá vàng, ngắm lá Thu phai rơi tan tát trên mặt hồ vào những chiều Thu tím.

Mùa Thu là mùa của thi nhân, Thu đẹp, Thu buồn, Thu mang muôn vàn sắc thái, muôn ngàn lời thơ, tất cả đều dùng để ca tụng vẻ đẹp, vẻ quyến rũ của mùa Thu.

Thu Khói Sương

*Chiều nay mây xám giăng sầu
Bên bờ sông vắng, quỳên màu hương Thu
Rừng kia, thay lá giao mùa
Lá xanh đang ngả sang Thu màu vàng
Gió Thu lất phất, miên man
Mưa Thu tí tách, xuyên cành lá khô
Mong manh từng chiếc nhẹ đùa
Lã lơi theo gió, đong đưa thật buồn
Bên sông khói phủ lưng chừng
Mây giăng thật thấp, ngập ngừng lá rơi!*

*Nhìn xem cánh vật nơi nơi
Trời giăng mây xám, bồi hồi tâm tư
Chụp vài bức ảnh nên thơ
Ghi vào nét đẹp nàng Thu tuyệt vời
Chiều Thu áo tím ngậm ngùi
Tình nàng cô phụ, đón chàng chinh nhân
Người ơi, mau hãy dừng chân
Tàn con chinh chiến, nương thân quê nghèo
Cố Đô quanh quẽ đìu hiu
Người về sum họp, phố chiều ngát hương*

Cứ vào đầu Thu, khoảng 21 Tháng 9 cho đến hết tháng 10, ta hãy cùng nhau lên thưởng ngoạn những ngọn đồi cao, nhìn xuống thung lũng, ngắm lá Thu rơi, những hàng cây đang từ từ thay lá, thoảng nghe những bước chân nai xào xạc trên lá khô. “*Tiếng Thu*” của Lưu Trọng Lư và “*Mùa Thu Cho Em*” của Ngô Thụy Miên đã ca ngợi cảnh Thu đẹp, nhưng chắc chắn mấy ai được nhìn thấy: “*Con nai vàng ngơ ngác, đạp trên lá vàng khô*”?

Thì đây, xin mời quý vị xem nàng nai lạc bầy đang lang thang trên đồi Outlook, khu Bren Mar Park gần nhà chúng tôi, vào một buổi sáng đầu Thu, khi cả bọn chúng tôi đang bách bộ lên đồi thì nàng nai lạc bầy đang ngơ ngác mắt nai tìm bạn.

Nai Vàng

*Trong rừng Thu lạc mênh mang
Nai vàng ngơ ngác, xạc xào lá khô
Nắng hanh rủ xuống mặt hồ
Đôi chân thon nhỏ, nháp nhô lá vàng*

*Trời mây, non nước thênh thang
Qua bao rừng núi, thác ngàn dừng chân
Tang bồng hồ thủy mênh mông
Sương Thu bàng bạc, núi sông chập chùng*

*Làn mây lơ lửng không trung
Nai rừng lạc bạn, bàng hoàng lẻ loi
Khói lam chiều toả lưng trời
Bâng khuâng nhớ lại một thời xa xưa*

*Nhớ về một sớm mùa Thu
Ta ngồi đếm lá Thu lay mặt hồ
Để rồi khoác áo vàng khô
Để rồi, nhớ lại giấc mơ thuở nào*

*Mơ về nơi chốn nương rau
Hoa xoan hé nụ, vườn đào nở hoa
Mơ vui trong cảnh Thái Hoà
Mơ cùng nhau ngắm quê nhà Thịnh Hưng*

Hãy cùng nhau sánh bước lên đồi Skyline, ngồi trên cao nhìn xuống thoải lưng đeo, trùng trùng bao la, lá vàng rực rỡ, dưới làn gió Thu nhẹ đong đưa, mơn man trên từng chiếc lá, đẹp như cảnh Lưu Nguyễn lạc Thiên Thai thuở nào, nắng Thu miên man, tình Thu lai láng, Thu vàng khắp nẻo, mùa Thu tuyệt đẹp.

Thu Trên Đồi Cao

*Trùng trùng, điệp điệp núi đồi cao
Đốc mơ, ghềnh đá cheo leo trải dài
Lưu Nguyễn Thiên Thai, cùng lạc bước
Lá vàng xào xạc gót chân ai?*

*Đây cánh lá vàng, vương nhớ nhung
Nghe sao quạnh quẽ, lạnh vô cùng
Vàng Thu thay lá, màu nhung nhớ
Tựa cửa mong chờ bóng cố nhân*



Thu Tím, Lá Vàng

*Em ngồi bên bờ vắng
Lặng ngắm áng mây trôi
Bàng bạc màu khói ám
Lác đác, lá vàng rơi*

*Bây giờ là mùa Thu
Nai vàng đứng bơ vơ
Bên bờ hồ than thở
Ngậm ngùi đạp lá khô*

*Hôm nay Trời vào Thu
Mây mù khắp Thành Đô
Mưa phùn bay bay thổi
Áo tím nàng ngẩn ngơ*

*Đong đưa ánh mắt buồn
Nhìn Thu tím lá tuôn
Nắng Thu vàng muôn thuở
Mộng ước về Cố Đô*

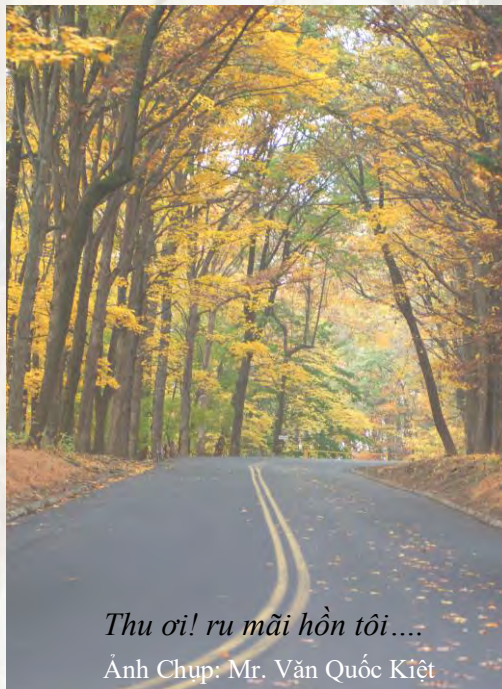
*Nơi ấy, giờ đây xa thật xa
Buồn vương ánh mắt chợt nhạt nhoà
Sương Thu lành lạnh, màu Thu tím
Ôm lòng cô quạnh nhớ quê xa*

*Hôm nay chợt tỉnh giấc mơ hoa?
Ngơ ngẩn chiều tà những ngày qua
Ngàn Thu áo tím vương màu mắt
Lòng còn ngây ngất giấc Nam Kha*

Rời Skyline, ta đến thăm rừng Reading, nơi đây phong cảnh hữu tình, đường dài thăm thẳm, hai bên hàng cây, lá vàng óng ánh, con đường độc đạo xuyên sơn. Lơ lửng trời cao, mây xanh ngút ngàn, vi vu làn gió Thu rì rào rung rinh cành lá úa.

Đường Chiều Mùa Thu

*Đường mòn độc đạo xuyên sơn
Rừng phong Thu chớm nắng vươn trải dài
Chợt bình tĩnh giấc Nam Ai
Mộng du như lạc bước hoài Thiên Thai
Lá Thu xào xạc bên tai
Chiều Thu thăm thẳm, sương mai ngọt ngào
Gió ru nhẹ nhẹ xôn xao
Cùng nhau thăm chốn non cao xa vời
Xin cho một thoáng hương đời
Cho tôi một chút bụi ngùi tuổi thơ
Tôi về phố thị năm xưa
Nhớ người thuở trước, thuở chưa biết buồn
Mưa tuôn, từng hạt mưa tuôn
Mưa qua khung cửa, mưa buồn mái tranh
Mưa rơi, rơi mãi thật nhanh
Mưa vào xóm vắng, mong manh đợi chờ*



Thu ơi! ru mãi hồn tôi....

Ảnh Chụp: Mr. Văn Quốc Kiệt

ĐÔNG ĐẾN

Mùa Thu trôi qua, Thủ Đô vào những tháng Mười Một, Mười Hai, bắt đầu trở lạnh, nhà nhà lo sửa soạn mừng Lễ Tạ Ôn, quét dọn nhà cửa để đón chào Giáng Sinh và mừng Năm Mới, mọi người thi nhau nhộn nhịp mua sắm, chưng bày nhà cửa, treo đèn kết hoa lên cây Noel, viết thiệp, mua quà tặng nhau, các cửa tiệm thi nhau bày quần áo thời trang mùa Đông, màu sắc cũng thay đổi. Mùa Đông đã đến.

Mùa Đông Thủ Đô rất lạnh, và thường có tuyết, tuyết phủ khắp thành đô, trắng xoá các nẻo đường, phải theo dõi tin tức hay nghe thông báo của đài khí tượng về thời tiết để mà cẩn thận trong việc di chuyển và lái xe, bộ công chánh luôn luôn trang bị đầy đủ xe xúc tuyết, muối, cát rắc đường, v.v. sẵn sàng quét dọn đường phố đông băng hầu tránh sự gián đoạn lưu thông. Những ngày này, nếu không phải ra đường, ở trong nhà nhìn xuyên qua khung cửa, dưới làn gió Bắc mà ngắm tuyết rơi kín khắp khung trời, rơi đều, rơi mãi, rơi trên nóc nhà, rơi lên cành cây, rơi vào sân cỏ, tất cả được phủ đều một màu tuyết trắng ngàn tuyết đẹp.



*(vì phải cào tuyết đến bá thờ luôn)
Ảnh Chụp: Mr. Văn Quốc Kiệt*

Mưa Tuyết Ở Bren Mar Park, Virginia

*Thu qua, Đông đến lạnh lùng
Tuyết rơi, toả khắp nẻo đường Bren Ma,
Cây khô rũ xuống mọi nhà
Thân cây nặng trĩu, tuyết phà khói sương
Chập chùng mây toả bốn phương
Và màu tuyết trắng, quỳên hương gió lùa
Rung rinh tuyết phủ suối mơ
Vừa tàn lá rụng, bây giờ tuyết rơi
Nhìn theo cảnh vật ngậm ngùi
Nước trôi rách rách, tuyết mời gió qua
Từng cơn lạnh buốt thấu da
Tuyết xuyên khe suối khiến ta sứt sùi
Xin đừng rơi nữa tuyết ơi
Để ta tạm được thành thoi an nhàn
Nếu mà tuyết chẳng chịu tan
Thân này chắc phải cơ hàn, lạnh căm*

Đó là bốn mùa ở Thủ Phủ Hoa Thịnh Đốn, mỗi mùa một vẻ đẹp, một tính chất đặc thù riêng, tóm lại, mùa nào cũng có cái đẹp, cái hay mà cũng rất cần cho sự sinh tồn của hoa cỏ, mùa màng và thực vật, nhờ vào sự biến đổi của thời tiết nên mới tạo được:

Mùa Xuân – cây cỏ, lá hoa đâm chồi, nảy lộc, mưa Xuân nhẹ nhẹ, nắng Xuân ấm áp, tình Xuân miên man, hoa Xuân rộn ràng, thiên hạ vui mừng đón mùa Xuân mới với muôn vàn sắc thái.

Mùa Hè – nóng bức, nực nội, người ta nô nức rủ nhau về các miền biển để tắm nắng, hóng gió biển, câu cá hoặc bơi lội, v.v. Rất tiếc là mùa Hè ở đây, thiếu tiếng ve sầu kêu trên cành phượng vĩ!

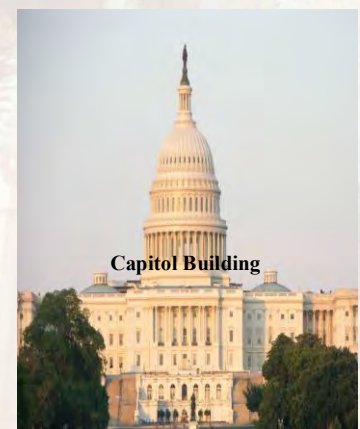
Mùa Thu – đi thăm vườn trái cây, vào rừng lá vàng, ngắm đàn nai ngơ ngác, lên đồi cao nhìn xuống thung lũng mờ ảo khói mây, mưa Thu bay lất phất, gió Thu rì rào, xào xạc, mơn man trên cành lá, sương Thu long lanh, mây trời bàng bạc tạo thành những khung cảnh thật nên thơ, tuyệt vời.

Rời vào Đông – trời trở lạnh, là lúc thiên hạ sửa soạn cho những ngày Lễ Halloween, Thanksgiving, Christmas rồi New Year, v.v., mọi người thi nhau mua sắm chũng dọn, trang hoàng nhà cửa, để đón mừng Giáng Sinh, và cũng bắt đầu vật lộn với những cơn bão tuyết, phủ kín phố phường.

Tóm lại, ở đây, chúng ta phân biệt rất rõ ràng các sự biến chuyển của bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Không biết các ông thì sao? Chứ đàn bà tui tui rất thích, vì cứ mỗi khi đổi mùa là phụ nữ chúng tui lại được dịp mua sắm quần, áo, giày, dép thời trang, “à la mode” “On Sale”, chẳng cần phải đợi đến Tết để được may quần áo mới như ở Việt Nam. Thôi nhè, xin tạm dừng nơi đây, chút tài hèn, sức mọn, mong đóng góp ít bài vở vào Đặc San 2010 của Hội Ái Hữu Biên Hoà.

Kính chúc Quý Niên Trưởng, Quý Bạn Hữu, Quý Anh Chị và toàn gia quyền một năm **An Khang Thịnh Vượng**. Bước sang năm Canh Dần: **Vạn Sự Cát Tường, Thân Tâm An Lạc**, nhất là thật dồi dào sức khoẻ, và mãi mãi mong có được nhiều dịp họp mặt thường xuyên hơn.

Danh Lam Thắng Cảnh ở Washington, D.C. và nhiều nơi khác.....



VỊT QUAY HẠNH PHƯỚC BIÊN HOÀ

Hoàng Quỳnh Hương
(San José, California, USA)

Ở Biên Hoà, ngoài những món ăn đặc sản như thịt thú rừng, những món ăn dân dã như: dơi, chuột, chim, chồn, nhím... còn có món vịt quay của **Chú Phùi** nổi tiếng trên 30 năm.

Nhắc về vịt quay, chúng ta nghĩ ngay đến món ăn của người Trung Hoa, nguồn gốc từ tỉnh Quảng Đông mà thương hiệu nổi tiếng nhất là *Vịt Quay Bắc Kinh*.

Ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới hiện nay, món vịt quay luôn luôn là món ăn chủ lực của các nhà hàng bậc trung, một món ăn khoái khẩu, sẵn sàng phục vụ cho thực khách trong vòng năm đến mười phút. Có nhiều người vẫn giữ thói quen, khi có khách đến thăm nhà bất chợt, thì cứ ra các tiệm chuyên môn bán vịt quay, heo quay mua một, hai con vịt quay hay một, hai ký heo quay và bánh mì nóng giòn đem về đãi khách, vừa gọn, vừa tiện không tốn nhiều thời gian... Ở Sài Gòn, thập niên 60 có vài tiệm vịt quay ở khu Chợ Cũ đường Hàm Nghi và Chợ Lớn cũ có nhiều tiệm vịt quay gần Khu Đèn Năm Ngọn, nổi tiếng nhất là tiệm *Xảo Ích* đường Paris (cũ), ... Đến thập niên 70, các tiệm vịt quay đồng loạt nổi lên ở đường Tôn Thọ Tường, Quận 5, th à nh ph ô ô Sài Gòn...

Tại thành phố Biên Hòa, người khai sinh ra “*Vịt Quay Hạnh Phước*”, “*Vịt Quay Bội Kỳ*” “*Vịt Quay Mạnh Kỳ*”... là ông **Giản Bội**, dân chúng buôn bán ở chợ Biên Hòa thường gọi **Chú Phùi**.

Năm 1939, từ Quảng Châu, Trung Quốc, Ông theo người cậu là ông *Lương Kiên* qua Việt Nam để tìm kế mưu sinh, lúc đó mới được 13 tuổi. Đến Biên Hoà, ông Lương Kiên mở lò tương đầu tiên lấy bằng hiệu là *Kiên Ký*. Sống với người cậu làm tương ròn rã được 6 năm thì đến năm 1945, khi được 19 tuổi, Ông lên Sài Gòn ở nhà người bà con bên khu Xóm Củi, Chợ Lớn, Quận 8, bắt đầu học nghề quay vịt.

Trong bốn năm mang tiếng đi học nghề, nhưng thực ra chỉ là làm công, nhưng chàng trai dân Biên Hoà gốc Hoa này rất siêng năng, sáng dạ, quyết tâm tiên thân, hết lòng học hỏi; nhờ vậy, Ông đã nắm vững kỹ thuật tẩm ướp bí truyền về quay vịt kiểu Quảng Đông (vịt quay Quảng Đông, vịt quay Bắc Kinh hay Tứ Xuyên đều là những món vịt quay ngon và nổi tiếng của Trung Quốc).

Sau đó Ông lập gia đình, vợ ông là bà *Hùng Thuyền*, con gái của một gia đình cũng chuyên sống về nghề quay vịt ở Xóm Củi, nơi ông đang theo học nghề.

Tim đất dụng võ, Chú Phùi đưa vợ về Biên Hoà, nơi mà khi còn nhỏ đã theo người cậu đến lập nghiệp. Nhà Chú cạnh bờ sông Đồng Nai, trong khu gia cư đối ngang Bệnh Viện Bác Sĩ Nguyễn Sơn Cao, đường Hàm Nghi, Biên Hoà, và gia đình ông bắt đầu cuộc sống mới: **mở lò quay vịt: “Lò Bội Kỳ”**.

Ban đầu mới ra nghề, hai vợ chồng ông gánh vịt quay ra khu Chợ Cá gần bờ sông Biên Hoà bán. Sau một thời gian được mọi người biết đến thì vợ chồng ông sắm xe đẩy đi bán và đặt ngay bên hông chợ Biên Hoà, phía trước tiệm cà phê Hoà Lợi, góc đường Lý Thường Kiệt và Hiền Vương: *Quầy Vịt Quay Chú Phùi*.

Theo thời gian, các con Ông lớn lên cũng vào ngành buôn bán, nối nghiệp cha như anh Xòn (Giản Xù), anh Đệ (Giản Đệ) và anh Mạnh (Giản Tân).



Để có được một con vịt quay ngon, vịt phải được tẩm ướp trước vài tiếng đồng hồ cho ngấm đều những gia vị đặc biệt. Sau khi đã đủ thời gian, con vịt mới được đem quay. Khi quay vịt phải thường xuyên trở để đảm bảo độ chín và vàng đều. Những món quay luôn luôn phải có màu sắc đẹp và hương vị thơm ngon. Đó là sự kỳ công và tỉ mỉ của người đầu bếp trong quá trình chế biến, và cũng là thể hiện sự tôn trọng khách hàng, luôn muốn đem đến sự hấp dẫn cho thực khách, những người sành ẩm thực, món ăn ngon nhất của vịt từ thương hiệu của mình.

Quả là từ đó, món vịt quay của *Lò Bội Kỳ* trở nên đắt hàng. Anh Xòn bắt đầu đưa xe vịt quay đến bán ở Ngã Ba Thành: đường Phan Đình Phùng và đầu đường Hưng Đạo Vương.

Sau đó, để mở rộng cửa tiệm vịt quay, anh về địa điểm mới ngay bên cạnh nhà hàng Hạnh Phước thì tên gọi “**Vịt Quay Hạnh Phước**” được nhiều người biết đến và đã trở thành thương hiệu nổi tiếng ở Biên Hoà.

Vịt quay nơi này, ngoài bí quyết tẩm ướp, đặc biệt trong lựa chọn vịt rất kỹ lưỡng, đúng tiêu chuẩn, vịt phải từ 2 kg 5 đến 3 kg/con là loại vịt ngon nhất, tuy mập nhưng không nhiều mỡ, đặc biệt da không bị trầy, để khi quay xong thành phẩm như ý thì mới ngon (không chọn mua vịt nhỏ, ốm, hay bị bệnh).

Một điểm đặc biệt nữa là vào mùa Thu khi đồng lúa chín vàng là lúc thịt vịt ngon nhất trong năm. Da vịt căng, ít mỡ, thịt chắc và dai hơn. Khác với lối làm trước kia là quay vịt chỉ quay một lần trong ngày, khi bán chậm hay thậm chí bị ế thì thịt vịt sẽ mất ngon vì bị bunn, do đó đã được cải tiến bằng cách chia ba ca quay thịt trong ngày, nên vịt mua lúc nào cũng luôn nóng và thơm giòn.



“**Vịt Quay Hạnh Phước**”, “**Vịt Quay Bội Kỳ**”, “**Vịt Quay Mạnh Kỳ**”...những cửa hàng chi nhánh của Lò Bội Kỳ, mà chủ nhân là những người con của ông Giản Bội. **Vịt Quay Hạnh Phước** của anh Giản Xú, **Vịt Quay Bội Kỳ** của anh Giản Đệ, **Vịt Quay Mạnh Kỳ** của anh Giản Tân. **Vịt quay Lò Bội Kỳ** bây giờ đã được mở rộng và bày bán nhiều nơi như chợ Hồ Nai, chợ Phúc Hải, cạnh trường Trung Học Ngô Quyền....

Nhiều bà con người Việt gốc Hoa ở khắp nơi trong từ Long Khánh, Tân Phú, Định Quán, Long Thành, Nhơn Trạch, thậm chí ở tận Bà Rịa - Vũng Tàu, mỗi khi biết có người thân hay bạn bè về thành phố Biên Hoà thường nhờ mua giùm một con **vịt quay Lò Bội Kỳ**.

Ngoài ra những ngày lễ, ngày nghỉ cuối tuần, khách đến cửa hàng mua vịt quay, phải chờ hơi lâu vì do lượng khách mua khá đông, để mở tiệc trong gia đình hoặc đi du lịch hay cắm trại, ăn chơi dã ngoại.

Có nhiều gia đình cứ mỗi khi cúng giỗ hoặc lễ tiệc, nhiều người vẫn chọn giải pháp mua sẵn heo, gà, vịt quay vừa tiện vừa ngon. Vì với một con vịt quay cùng vài ổ bánh mì đã trở thành bữa tiệc nhỏ ngon lành; thêm vào đó, những cửa tiệm vịt quay cũng là chỗ hẹn lý tưởng của dân nhậu tìm đến để ngồi tâm sự và lai rai vài xị để với món chân vịt, lưỡi vịt hoặc lòng vịt phá lẩu thì còn gì thú vị bằng.

Vịt quay là món ăn được nhiều người biết đến từ lâu của Bắc Kinh, Tứ Xuyên, Quảng Đông bên Trung Quốc, nhưng vịt quay theo kiểu Quảng Đông Lò Giản Bội phải nói là rất đặc trưng của món vịt quay mà gia đình ông đã làm được nổi tiếng ở Biên Hoà. Ngon nhờ áp dụng những kỹ thuật cổ truyền rất cầu kỳ, từ cách nuôi, mổ vịt đến tẩm ướp vịt bằng phương pháp và kinh nghiệm của gia đình, làm vàng da vịt mà không vương mùi khói, vẫn giữ nguyên độ thơm ngậy đặc thù của vịt quay, thịt mềm, ngon đậm đà.

Cách canh lửa để da vịt chín vàng nổi màu cánh gián, mỏng lại giòn rụm là cả một nghệ thuật, vì nếu chín quá thì sẽ dai, còn non lửa quá thì thịt bên trong không kịp chín.

Món vịt quay khiến cho nhiều thực khách e dè, bởi sợ món ăn khi không còn nóng sẽ không còn vị ngọt đặc trưng của vịt nữa, nhưng đến khi thưởng thức vịt quay của Lò Giản Bội thì những nỗi lo ấy sẽ tan biến ngay, bởi miếng thịt vẫn mang vị ngọt đậm đà. Món ăn không hề bị khô mà ngược lại còn mềm, không bở mà rất chắc. Phần da vịt béo giòn cộng với phần thịt nạc mềm mà ngọt, chấm với nước chấm (nước chấm lấy từ bụng con vịt đã được quay chín, nêm thêm gia vị cho vừa ăn) đã khiến thực khách suýt xoa khen mãi. Ăn kèm với bánh bao chiên, bánh bao hấp; bánh mì hoặc ăn với xôi cũng rất ngon. Nếu khi nào trong gia đình có nấu mì thì món mì vịt quay cũng không kém phần khoái khẩu.

Người dân Biên Hoà ra đến hải ngoại mà còn nhắc đến vịt quay của gia đình ông Giản Bội quả là một điều khá hy hữu. Ngoài ra, còn có một điều cũng cần nhắc đến...là ông Giản Bội tự Phui có tinh thần thể thao rất cao, rất thích môn đá banh.

Ông một thời là *Mạnh Thường Quân* của đội banh *Kiều Biên* ở Biên Hoà. Ông sẵn sàng ủng hộ mọi chi phí rước các cầu thủ nổi danh ở Xóm Củi như *Hùng, Há, Chạc, Ngàu (tức Hùng 2)*...lên tăng cường cho đội *Kiều Biên* đấu với đội *Biên Hùng*, tạo thế cân bằng nghệ thuật, gây hào hứng trận đấu, làm say sưa khách mộ điệu thể thao này.

Ông Giản Bội và đại gia đình con cháu ông đã góp công không ít tạo dựng danh thơm cho một trong những đặc sản nổi danh miền Đông, đặc biệt cho tỉnh nhà Biên Hoà.

ĐẶC SẢN ĐUÔNG CHÀ LÀ

Hoàng Quỳnh Hương
(San Jose, California. USA)

Biên Hoà nơi mà chúng ta đã sống thuở nhỏ là hình ảnh khác xa những gì đang có ngày hôm nay, điều mà cách đây hơn nửa thế kỷ người ta không bao giờ hình dung nổi. Biên Hoà ngày xưa chưa văn minh, chưa hiện đại nhưng lại có một cái gì đó rất đặc trưng khiến cho ta khó mà quên được.

Nét lạ là ngày nay ban ngày lao động vất vả với đủ mọi công việc khác nhau nhưng cứ chiều về tắm rửa xong là đi ăn tiệm. Người khá giả thì vào tiệm sang, người ít tiền thì vào các quán bình dân và đến khuya mới về. Hầu như đã thành thói quen.

Mỗi dân tộc đều có món ăn riêng, ăn mãi dễ chán, nhưng lâu ngày không ăn lại nhớ, người lăm của nhiều tiền nhưng vẫn nhớ đến món ăn bình dân, ăn với bạn bè trong không khí riêng.

Hầu hết các nhà hàng sang trọng nổi tiếng ở Biên Hoà đều có quảng cáo và giới thiệu trong thực đơn một số món ăn “*đồng quê*” và món “*thịt rừng*”. Có thể kể đó là các món rắn, trăn, rùa, dơi, kỳ đà, nai, mang, chồn cheo, nhím, tê tê,... một số loại côn trùng: thằn lằn núi, bò cạp, dế cơm...

Còn có những món ăn cổ xưa nghe như chuyện hoang đường, nhưng món ăn đó lại được liệt vào loại “*thời trân*”, đắt giá. Món ăn tiến vua hay món chế biến khác thường ... xin ghi lại đặc sản nổi tiếng không kém để quý vị thưởng thức món ngon “**Đệ Nhất Nam Bộ**”. Đến bậc vua chúa còn thèm đó là: “**Con Đuông Chà Là**”.



Nhà văn *Sơn Nam* thường ví con *Đuông Chà Là* bằng cái tên thật ngộ: “*Hồ Đa Tử*”. “*Hồ Đa*” là cây dừa rừng, tức cây chà là hoang dại, đặc biệt mọc ở rừng ngập mặn Cần Giờ - Rừng Sác.

Ông Nguyễn Nhã Ý tác giả lỗi lạc của bộ *Đại Từ Điển Việt Nam* sau nhiều lần thưởng thức qua, ông nhận xét và cho đuông là món ăn độc đáo, ngon và quý.

Con đuông chính là con nhộng của con *bọ quýt dương* (cũng còn gọi là *kiếng dương*), nó chuyên ăn đọt dừa đọt chà là, đọt cây cau hay cây đùng đĩnh. Dọc theo cửa sông Soài Rạp, Đầm Dơi Rừng Sác là dãy rừng ngập mặn mênh mông. Bên cạnh vô số các loại hải sản nổi tiếng và giàu dinh dưỡng như: tôm, cua, cúm, ghẹ, nghêu, sò huyết, cá...v...v... chúng ta thấy có rất nhiều những loại cây mà phổ biến như: cây bần, cây đước, cây mắm, vẹt mọc um tùm ngút ngàn.

Xen kẽ với các loại cây này là những bụi chà là, mọc thành từng khóm như những bụi cây cau cảnh ngoài những bãi bồi nên đuông cũng nhiều, đến độ có nhiều gia đình sống bằng nghề khai thác đuông bán cho các nhà hàng, quán nhậu.

Cây *chà là* thân nhỏ chỉ bằng cổ chân người lớn, cây sống lâu năm có thân dẻo, chắc dùng làm đòn khiêng hoặc làm cột kèo cho loại nhà nhỏ đơn sơ miệt quê. Mỗi bụi chà là rừng có nhiều nhánh cây đầy gai rất bén và nhọn.

Ông bà ta thường gọi *chà là rừng* cũng để phân biệt với một loại chà là có trái to dùng làm mút mà ta thường thấy bày bán vào mỗi dịp Tết cổ truyền dân tộc.

Chà là trưởng thành cho nhiều quày trái, có khi đến hàng trăm trái nhỏ, những quả lớn chỉ bằng đầu đũa, quả già có vị chát, các cụ thường tạm hái để ăn trà, trẻ con rất ưa thích ăn chơi.

Vì thuộc họ dừa nên chà là rừng có bấp củ hũ mềm, đặc biệt rất ngọt và thơm, nhiều chất dinh dưỡng, do đó, bọ cánh cứng thích xâm nhập sinh sản trên đó, để có thức ăn nuôi ấu trùng đũa sau này khi lớn lên trong đọt của cây. Hình thù đũa chà là cũng giống đũa dừa nhưng to hơn.

Đũa sống nhờ chất ngọt, tức là phần lõi non nhất, là phần “*tủy sống*” béo nhất của cây chà là, cây dừa hay cây cau nên béo tròn, mập ú, đầu bằng đít. Sắc đũa trắng nõn như sữa, không chân, nhưng có màu đen ở đầu và đít. Vì thế, ăn đũa không phải chỉ ăn một con sâu, mà là ăn cả một sự diễn tiến của mấy kiếp sống vào lòng, ăn đũa còn là ăn cả hương hoa của đất thơm, là ăn cả cây mây nước...

Đũa có nhiều loại nhưng những người sành ăn thường ưa chuộng nhất là đũa chà là, sau đó đến đũa đưng đình, rồi mới đến đũa dừa, đũa cau... Nhưng đũa sống và lớn lên thì cây chà là, cây dừa hay cây cau bị héo đi, đứt cụt, bẹ lá ủ rũ, cây không còn tươi tốt cũng như phần nhiều những cây đó sẽ không sống được bao lâu nữa.

Nhờ kinh nghiệm mà người dân sống ở miệt vườn, hay những người chuyên nghiệp sống bằng nghề khai thác đũa, lũng sục trong vùng nước ngập mặn, người thợ săn này biết con mồi mình đang tìm kiếm ẩn mình trong đó, chỉ cần nhìn qua là đã biết cây nào có đũa hay không, chân tay họ phải được bao bọc kỹ mới dám xông vào đám chà là đầy gai góc, để bắt được con đũa cũng không phải chuyện đơn giản.

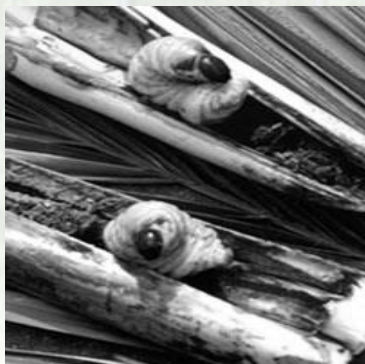
Muốn bắt đũa chà là rừng, người ta phải chặt nguyên bấp chứ không bỏ ra để bắt từng con như đũa dừa. Mỗi cây chà là chỉ có một con đũa. Chỉ khi nào cần chế biến món ăn người ta mới chặt thân chà là lấy đũa ra và cũng để bảo vệ đũa không bị chết khi mang đi xa bán.

Mùa đũa chà là mập béo là vào tháng mười đến tháng hai âm lịch. Sau mùa giao hoan, đũa tìm một cây chà là tươi tốt để xâm nhập, đũa mẹ có mỏ nhọn, hai cánh cứng như thép, có thể khoét thủng ngọn để vào đẻ trứng. Trứng nở thành ấu trùng.

Ngày xưa theo truyền thuyết được ông bà kể lại rằng, món đặc sản đũa dừa nướng lửa than ở Nam Bộ đã được tiến cống cung đình triều Nguyễn, dưới thời Hoàng thái hậu Từ Dũ và Hoàng hậu Nam Phương.

Nhiều chuyên gia ẩm thực đã ví ấu trùng đũa được sánh với “*son dương trùng*” mà Tây Thái Hậu thường đem thết đãi sứ thần phương Tây, cũng không có gì quá đáng.

Thật ra không hẳn chỉ chà là mới có đũa. Đũa có trong dừa, trong cau, trong cây đưng đình, ...nhưng đặc biệt đũa chà là có hương vị rất độc đáo. Mùi thơm vị béo bởi chất sữa trong cơ thể ấu trùng ngon nhất, con đũa to nhất, béo nhất nên đã trở thành món ngon nổi tiếng.



Nếu chưa lần nào nhìn thấy con đũa, chắc chắn bạn sẽ kinh sợ khi thấy nó thun thun, uốn qua ngoắc lại như con sâu. Vậy mà nó lại là món khoái khẩu của nhiều người. Chỉ cần ăn một lần sẽ thêm hoài vì nó béo ngậy. Đũa không có mùi, mà chỉ có vị thôi, nhưng cái vị của đũa thì quả là đặc biệt.

Con đũa là loại côn trùng sạch, thức ăn của nó chủ yếu củ hũ non của chà là, cây dừa, nó không sống được ở môi trường dơ bẩn.

Những món đũa được mọi người ưa chuộng và ngon nhất là món đũa chiên bơ. Ngoài ra còn có món đũa đút lò, hun khói, đũa nướng lửa than hoặc nướng phô mai...

Trước hết, đầu bếp sành điệu sẽ chế thân cây chà là ra, bắt con đũa thả vào tô nước mắm, đũa bị ngộp mà nhả ra các chất bẩn ở đường tiêu hoá, cho thân đũa hoàn toàn sạch sẽ, cũng như để mình đũa ngâm trong nước mắm thơm ngon cho có vị hơi mặn mặn. Xong người ta vớt đũa thả vào hỗn hợp bột gạo và bột năng đã được chế biến, rồi múc từng con cho vào chảo bơ tươi. Lửa liu riu, con đũa được trở đều trên chảo cho đến khi vàng, cùng với mùi thơm của bơ thì vớt ra đĩa.

Vị béo ngọt của đuông chà là không lẫn vào đâu được, cộng với sự giòn thơm của bột năng, bột gạo, hoà quyện với mùi thơm của bơ, đã tạo nên cảm giác ngon tuyệt vời cho người thưởng thức.

Ngoài ra còn có một cách ăn khác là đuông chà là tắm nước mắm mà dân sành điệu thường gọi “*đuông lội sông*”. Những con đuông vàng rộm dài khoảng 2-3 cm, mình tròn, di chuyển trong đĩa nước mắm. Gắp lấy một con cho vào miệng nhai sống, đuông vỡ ra, chất protein loại albuminoid hoà tan chứa trong mình con đuông lan toả ra miệng, tạo hương vị giòn ngọt, bùi bùi, ăn từ tốn để cảm nhận hết cái ngon, béo ngậy từ con đuông mập tròn, chiều thêm một ngụm rượu chát trắng nhẹ, mà nhắm nháp thủng thỉnh nữa thì mới biết thế nào là đuông Cần Giò - Rừng Sác, không ăn vội quá để tận hưởng hương vị độc đáo, đất trời cũng phải sụp đổ vì thơm ngon, chỉ còn biết “*ngâm mà nghe*”.



Đặc biệt, món đuông “*ngâm*” nước mắm rất bổ dưỡng cho quý ông, còn đuông xay sinh tố thì được xem là “*thần dược*”, bổ dưỡng cho cả quý ông lẫn quý bà...”

Riêng món đuông xay sinh tố phải chế biến đúng cách thì mới ngon. Trước hết, rửa đuông thật sạch, cắt đầu, đem luộc khoảng 15 phút, sau đó cho vào máy sinh tố xay chung cùng với đậu xanh và đậu nành đã lột vỏ, nấu chín mềm. Món sinh tố đuông phải được uống lạnh sẽ có vị béo, thơm hơn cả sữa tươi.

Riêng đuông đùng đỉnh được ưa chuộng và cũng được dùng nấu cháo với nước cốt dừa thật ngon.

Độc đáo nhất có lẽ là món đuông *hấp* xôi. Ngày xưa tôi được bà Ngoại kể lại, cứ sáng mừng một Tết nấu một nồi xôi đuông ăn với gà ram mặn thì vào thời đó chỉ có vua mới được nếm. Nấu xôi vừa cạn nước, để đuông vào miếng lá chuối đặt trên mặt rồi đậy nắp lại. Khi nồi xôi chín thì đuông cũng chín.

Theo sử sách ghi lại, thời nhà Nguyễn có hai ông vua rất thích ăn xôi đuông là Gia Long và Minh Mạng. Và tôi cũng được nghe ông bà xưa kể lại, dòng họ vua, lúc ở Bến Tre được dân bắt đuông về hấp xôi dâng lên khoai khẩu, sau này bắt tiền kinh hàng năm.

Vua Minh Mạng còn cho khắc trái bần và con đuông lên cửa đình đặt ở Thê miếu ngoài cung đình Huế, được xem là sản vật quý của nước Nam.

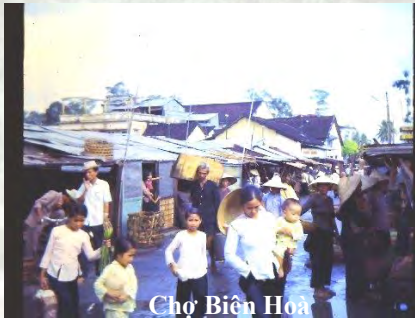
Với những người có tâm hồn ăn uống lại thích sưu tầm những món ăn “*độc chiêu*” như bò cạp rang me, bò cạp chiên giòn, thần lằn núi chiên, dế cơm chiên nước mắm, dế cơm kho quẹt, kho tiêu... thì đuông được liệt vào món ăn cao cấp trong hàng thực phẩm côn trùng.

Đuông chà là, đuông cau, đuông dừa ăn đã ngon “*tuyệt vời*” rồi; nhưng có người cho thể vẫn chưa đủ ngọt, lại nuôi đuông cho ăn mía. *Đuông mía* không phải đuông trong đọt mía như chà là, đọt dừa hay đọt cau mà là đuông được nuôi trong cây mía, người ta khoét lỗ to ở giữa cây mía rồi bắt đuông sống cho vào lỗ đó, đậy kín lại, cho đuông ăn rong cây mía là lúc có thể ăn thịt được, mỗi cây mía là một con đuông. Ăn như thế, không thể nào chê vào đâu được.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là tỉnh Bến Tre có rất nhiều dừa, cây dừa thường bị đuông ăn cho đến khi xuyên thủng ngọn dừa, làm cây dừa kiệt sức rồi úa tàn dần đến chết. Chủ vườn phải đốn để bắt đuông. Trung bình mỗi cây dừa có hàng trăm con đuông, có khi cả một thúng cái đuông. Nhưng phần nhiều cây mà bị đuông ăn thì cây đó cũng đã sống vài chục năm.

Tuy đuông là món ăn đặc sản dân dã ngon bổ nhưng thời nay đã trở nên quý hiếm, rất đắt tiền, sơn hào hải vị cũng khó sánh kịp. Yếu cũng không quý bằng, không phải lúc nào cũng có. Vì muốn ăn một con đuông người ta phải hạ cả cây dừa hay cây chà là xuống chẻ ngọn ra mới bắt được. Ngay cả những bậc lão ông lẫn lộn với ruộng đồng, vườn tược, trong đời cũng chỉ thưởng thức món này được vài ba lần. Đuông là món ăn “*độc lập*”. Nên đuông không thể ăn kèm với rau, cũng như với đồ chua như củ cải hay cà rốt ngâm giấm, vì gia thêm một món cay, chua, đắng... đều làm món đuông mất hết hương vị đặc biệt của nó. Tuy nhiên muốn ăn cách gì thì ăn, thưởng thức con đuông cũng phải theo đúng quy tắc thì mới cảm nhận hết cái tinh túy của nó. Bởi vì đuông là một miếng ngon “*siêu hạng*” khó sánh được với các món ăn khác. Thêm vào đó bạn thử tưởng tượng cái ngon đó mà đưa cay với ly rượu đế thì lại càng không nên.

Ồi những món ăn đặc sắc, những tinh hoa ẩm thực Việt Nam, làm sao dám nói hết, chuyện muôn đời vẫn còn dài, đời đời, kiếp kiếp, bởi ăn uống đã từ lâu là một nền văn hoá cổ truyền, nhưng vẫn theo kịp hiện đại nên cũng tạo được một chỗ đứng xứng đáng để chúng ta còn có dịp thưởng thức những món ăn dân tộc, độc đáo, đặc sản của vùng sông nước quê hương.



DƯA MẮM NÊM BIÊN HOÀ

Ngọc Tâm - Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm
(Houston, Texas. USA)

Tiết trời lạnh lạnh, trời gió giao mùa, lấy một chén cơm nóng để trước mặt với chén dưa mắm nêm trộn vài miếng thơm chín rệu, tỏi, ớt sang sang cho vài miếng tóp mỡ trắng vàng giòn, kèm thêm đĩa rau dền com, luộc bóc khói, cứ tí tí mà lừa com ăn, thật không có gì bằng. Ngon hết biết!

Món ăn quê nhà nó đơn giản, mộc mạc như vậy đó! Đi xa bồi hồi nhớ lại, dù đã được ăn những món lạ đặc biệt các nơi, nhưng người dân Biên Hoà chắc không sao quên được món dưa mắm nêm địa phương.

Dưa Mắm Đồng miền Tây khác cách gài Dưa Mắm Nêm Biên Hoà. Đi chợ gặp vài người bán dưa mắm nêm đựng trong cái thau lớn là những miếng dưa gài thắm mắm nêm đủ độ mặn và thơm. Miếng dưa giòn vàng mua về nhà chỉ việc cắt vừa ăn, bằm miếng thơm chín nêm tỏi, ớt, chanh, đường là có được món mặn trên mâm cơm rồi.

Các Mợ đọc bài viết về **Dưa Mắm Nêm Biên Hoà** để tìm hiểu món ăn quê nhà, chắc các Mợ không rảnh tay làm món ni mô, thôi thì các Mợ ăn món đầu cá hấp hay bò nhúng giấm, ra chợ mua chai mắm nêm pha sẵn ăn cho được việc, hi?

Bây giờ mời các Mợ coi cách thức Má chồng tôi, cô Tư Thạnh, tự tay làm mắm nêm một thời có tiếng ở nhà hàng Tuyết Hồng.

Cách làm:



- 1 thùng thiết cá com đã ướp muối (bán sẵn ở hàng mắm)
- 10 trái thơm chín rệu
- Thính gạo
- Đường vàng thắng kẹo lại
- Dưa gang hay dưa chuột

Cá com lật bỏ đầu để riêng; giữ lại nước muối trong thùng để nấu với đầu cá
Đầu cá nấu xong, lọc lấy nước trong, bỏ xác để nguội

Thơm cắt miếng, sên đường vàng kẹo. Trộn mình cá com vô thơm

Thính gạo rang xong, xay nhuyễn

Dưa nạo ruột ướp muối mặn, ráo nước phơi hơi héo

Trộn chung tất cả, cho vô khay gài nan tre

Khoảng ba tuần mắm nêm đã chín, dưa thắm vàng giòn, mắm thơm dịu

Lấy ra cắt nhỏ, thêm tỏi, ớt, giấm, đường

Trộn đều vừa ăn. Rắc trên mặt một chút tiêu

Đựng trong một cái vại bằng sành lớn

Vậy là đã thành món mắm nêm riêng của nhà hàng Tuyết Hồng xưa: khi khách đến ăn đầu cá hấp không quên trong chén mắm nêm có miếng dưa nhỏ cắn một miếng giòn rụm, thơm ngon vô cùng.

Cách làm mắm nêm của Má tôi rất nhiều khê công khó, nhưng muốn tạo một món ăn ngon và đặc biệt cho nhà hàng mình thì thật vất vả. Tôi còn nhớ phụ Má tôi, ngồi lật đầu từng con mắm nêm, Má tôi vừa làm vừa cười, vừa nói vui: “*Thà theo đàn bà xức dầu thơm còn hơn theo đàn bà có vựa mắm nêm*”.

Bây giờ Má tôi đã trên chín mươi tuổi, nhưng còn tinh tấn nhớ nhiều việc; tôi ngồi kể lại bao kỷ niệm xưa Má tôi vẫn còn nhớ và muốn học hỏi, tìm hiểu thêm các món ăn khác lạ ở xứ người.

Thỉnh thoảng, tôi cũng mua dưa gài một keo Dưa Mắm Nêm cho Má tôi và gia đình ăn. Chắc chắn không ngon bằng chính tay Má tôi làm, nhưng cũng tạm có hương gây mùi nhớ đến kỷ niệm làm Dưa Mắm Nêm của Má tôi, món ăn đượm tình dân tộc quê hương - Biên Hoà.



TRÁI THANH LONG

*Ngọc Tâm - Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm
(Houston, Texas. USA)*

Hiện nay trái *Thanh Long* đã có mặt khắp nơi. Nhìn trái cây này thật bắt mắt; tên đã đẹp, trái đỏ mọc nhiều vẩy, càng ưa nhìn, nhưng mấy ai biết được xuất xứ của trái *Thanh Long*.

Ở Việt Nam nơi trồng nhiều nhất là Phan Thiết và Phan Rang; bây giờ ở miền Tây cũng đã trồng được để xuất cảng, nhưng xuất xứ loại trái cây này chính là ở Nha Trang, cách thành phố hơn mười cây số, địa danh xưa là Diên Khánh, một phủ của tỉnh Khánh Hoà.

Xin tìm hiểu gốc tích lịch sử: Lúc còn chinh chiến, Vua Gia Long đặt Hoàng Tử Cảnh dưới sự bảo trợ của Đức Cha Bá Đa Lộc, giao nơi này là chiến lược quân sự có Thành Gạch bao quanh, di tích nay vẫn còn tồn tại mà người dân gọi là Thành.

Hoàng Tử Cảnh giữ thành Diên Khánh năm 1793, rất được lòng dân. Ông thông suốt kinh sử, tư chất thông minh, thích nghe những lời nói thẳng. Dân Diên Khánh đa số người Tàu đến trú ngụ, nay không thuộc địa danh chánh nữa nhưng họ vẫn còn con cháu bao nhiêu đời ở đó và được một số người dân truyền lại cho biết sự tích trái *Thanh Long*.

Năm Giáp Dần 1794, quân Tây Sơn vây đánh thành Diên Khánh; lương thực thiếu thốn, người dân tiếp tế cho quân lính thức ăn trong đó nhiều loại trái cây có một trái ăn rất ngon ngọt. Hoàng Tử Cảnh thấy lạ, lại được tin Vua Cha đích thân cứu viện nên rất vui mừng. Hoàng Tử cho là điềm tốt đặt tên trái này là *Thanh Long*, không gọi là *Hồng Long*; đây là điều ít ai hiểu.



Trái Thanh Long

Trái *Thanh Long* trồng tại đất Diên Khánh, trái mập, cân tròn đều, đầy đặn, rất ngọt thanh không chua tí nào cả; nhìn kỹ lớp da ứng đỏ tía, ẩn màu xanh đậm mà người dân ở đây gọi là *Thanh Long hai da*. Đất Diên Khánh tạo ra những trái *Thanh Long* rất ngọt ngào và đặc biệt. Các vị có dịp ăn trái *Thanh Long* trồng tại đất Diên Khánh và *Thanh Long* trồng các nơi khác sẽ phân biệt được ngay.

Tôi về làm dâu gia đình bên chồng ở Biên Hoà, khi mang trái *Thanh Long* vào cho cả nhà, không ai biết trái này; mọi người rất ngạc nhiên khi cắt trái ra trong ruột đầy hạt lấm tấm như mè, ăn mát miệng và rất ngọt. Cũng như giống Bưởi Biên Hoà ở Tân Triều ngon không nơi nào sánh bằng được.

*Trái *Bòn Bòn*: Vua Gia Long lánh nạn đói lòng chỉ có trái cây rừng ăn được, Ngài đặt tên trái *Bòn Bòn* là trái *Nam Trân*, gốc ở Quảng Nam mới ngọt.

* Trái *Bồng Quân* cũng giúp Vua đỡ đói trong lúc sa cơ thất thế nên trái *Bồng Quân* được Ngài đặt tên trái *Phù Quân* (hay *Muồng Quân*).

Người dân Diên Khánh rất kính trọng Hoàng Tử Cảnh. (Hồi tưởng lại quê nhà, các vị gốc Nha Trang chắc hẳn không quên con đường mang tên Hoàng Tử Cảnh song song đường Phan Bội Châu và Chợ Đầm, cuối đường có Sở Lục Lộ. Đường Bá Đa Lộc với hai hàng cây rợp mát có tên các trường hiện diện: Võ Tánh, Bá Ninh Collège và Thánh Tâm.

Không ít thì nhiều con đường rất đẹp này mang biết bao là kỷ niệm học trò của các Cô, Cậu bắt đầu tuổi chập chững trước cửa mơ mộng ươm thơ, len lén làm cái đuôi theo các nữ sinh, mần rãng mà quên được đây, hè!). Là vị Hoàng Tử thứ Hai của Vua Gia Long, được ban Ấn Đông Cung, học mọi chính trị, quân sự để tiếp nối ngôi mà Vua Cha đã định sẵn. Rất tiếc Ông mất còn trẻ, lúc hai mươi hai tuổi vì bệnh đậu mùa. Vua Gia Long rất thương tiếc ban Thụy là Anh Duệ Hoàng Thái Tử.

Ông và con cháu mở ra: -Phòng Một -thuộc- Đệ Nhất Chánh Hệ- Phiên Hệ Thi- dành cho Phòng Một này là:

- Mỹ - Duệ - Tăng - **Cường** - Tráng
- **Liên** - Huy - Phát - Bôi - Hương
- Lệnh - Nghi - Hàm - Tôn - Thuận
- Vỹ - Vong - Biểu - Khôn - Quang

Đây là họ của Phòng Hoàng Tử Cảnh. Các con cháu của Ông theo thứ tự như:

* Kỳ Hoại Hầu **Cường Đệ**

Là cháu năm đời của Vua Gia Long; lúc Vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, năm 1888, Ông được Cụ Phan Đình Phùng và Sứ Giả Hồ Quý Châu đón Ngải ra Hà Tĩnh để thay Vua, nhưng việc không thành Ông sang Nhật đứng đầu Nghĩa Hội của Cụ Phan Bội Châu, lưu lạc khắp Âu Á. Ông từ trần tại Nhật năm 1951, được Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho con trai Ngải Cường Đệ rước long trọng hải cốt Ngải về nước an táng tại đất Hoàng Tộc.

* Đời này có Ông Thiếu Tá **Liên Thành** của Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà và Nhạc Sĩ **Liên Kỳ** tiếp nối Phiên Hệ Thi của giòng Hoàng Tử Cảnh

Quê hương Việt Nam ta mỗi tỉnh, mỗi miền có những món ngon vật lạ thật đặc biệt. Mỗi một mảnh đất ướp vào những dòng nước ngọt ngào của các con sông, tạo riêng rẽ, đặc trưng của một miền đó, để sanh ra những cây lành trái ngọt. Biết bao giờ cho tới bao giờ mọi người chúng ta, những kẻ ly hương được tự do đi lại trên mỗi miền đất nước, để hưởng lại hương vị Đất Trời của quê hương đây. Đành thả hồn tưởng tượng quay về nơi cố quốc.

Tìm đến Cố Đô Huế, một thời vang bóng, kính cẩn hôn dưới nền đất của Đàn Xã Tắc nghĩ rằng mình đã về quê hương và giang tay ôm tất cả vào lòng mình những miền đất thương quý.

Theo tài liệu lịch sử Triều Nguyễn, năm Bính Dần, 1806, Vua Gia Long, năm thứ Năm, đã ra lệnh mỗi tỉnh trên toàn quốc tuyển chọn hai ghe đất tốt, trình sạch chở bằng đường biển về Kinh Đô Huế, đổ vào để tạo nên Đàn Xã Tắc thờ Thần Đất và Thần Lúa. Đích thân nhà Vua ngự giá chủ Lễ, cách ba năm đến cúng bái. Những năm còn lại, các Ban Đại Thần trong Triều thay phiên nhau thực hiện việc này.

Triều đình nhà Nguyễn coi việc tế lễ Đàn Xã Tắc và Đàn Nam Giao giữ một nhiệm vụ rất quan trọng là cầu nối giữa Vua, Quan với Thánh Thần, giữa người Dân và Vua của mình.



Buổi Lễ Tế Cúng Đàn Xã Tắc tại Huế

Đền nay đã bao nhiêu năm thăng trầm của lịch sử nhưng những hạt đất đại diện cho từng nơi chốn sinh ra mình vẫn còn tồn tại mãi mãi nơi Đàn Xã Tắc.

Năm Dần viết về Trái Thanh Long

*Con Cọp Trắng nằm cầu Bạch Hổ
Chiếc Thuyền Rồng đậu bến Thanh Long
(Thơ mượn của Huế)*



Toa Thuốc Trường Sinh



Bài Thuốc Phong Thấp Khớp Các Khớp Xương Sưng Đỏ, Đau Nhức Co Rút...

* Tang Ký Sinh	5 chỉ
* Độc Hoạt * Ngưu Tất	3 chỉ
* Tần Giao * Phục Linh	3 chỉ
* Phòng Phong * Bạch Thuộc	3 chỉ
* Đẳng Sâm * Dương Qui	3 chỉ
* Hoàng Kỳ * Phòng Kỳ	3 chỉ
* Uy Linh Tiên * Bạch Truật	3 chỉ
* Xuyên Khung	3 chỉ
* Tế Tân * Nhục Quế	1 chỉ
* Nhân Sâm	2 chỉ
* Cam Thảo	1 chỉ ½

Sắc nước uống. Kiên các thứ làm giã thuốc. Bài thuốc này đã chữa được nhiều người. Chị Hoàng Thị L. bị sưng các khớp xương, nhiều lần co rút chân tay lại. Chị đã bị trên 8 năm, cứ 3 tuần phải đi nhà thương, để tiêm thuốc đặc biệt, mỗi lần tốn nhiều tiền. Khi uống thuốc này được 9 thang thấy hết sưng, hết đau. Nay chỉ còn đi bệnh viện 3 tháng 1 lần để khám nghiệm.

*(Hội Ái Hữu Biên Hoà Chân thành cảm tạ TS Nguyễn An Kh.
L.M. James Vũ, CMC & Nhóm Anh Em ĐC)*

Y HỌC LƯỢM LẶT

*** PHƯƠNG THUỐC CHỮA TRI BỆNH GOUT RẤT ĐƠN GIẢN & RẺ TIỀN

Mua Cải Bẹ Xanh (lá cải có vị nhần nhần mà người ta gọi là cải đắng, thường được dùng để cuốn bánh xèo ăn, ngon hơn là cuốn bánh xèo với lá xà lách). Cải bẹ xanh vị nhần nhần chứ không phải là cải ngọt, xin hãy phân biệt đúng. Mỗi ngày đều nấu cải bẹ xanh này để uống thay nước thì cơ thể sẽ thải ra ngoài chất acid uric là chất gây nên bệnh gout để ta sẽ không còn bị bệnh gout này hành hạ nữa. Kiên trì nấu uống mỗi ngày, còn xác cải thì ăn để khỏi phí. Vẫn tiếp tục dù thấy bệnh đã khả quan. Tiếp tục uống nước cải bẹ xanh này để chất acid uric không có cơ hội tái tạo và tích tụ lại trong cơ thể nữa. Rất nhiều người Á Châu ở Mỹ & Canada đã chữa lành được bệnh gout bằng phương pháp rất đơn giản và rẻ tiền này.

*** BỆNH RỤNG TÓC, MỘT VÀI TOA THUỐC

Toa 1: - Hà Thủ Ô - Mè Đen. Cùng liều lượng, đem nghiền nát. Mỗi lần uống 6g với nước ấm sau khi ăn, ngày 3 lần.

Toa 2: - Hà Thủ Ô đồ 30g - Trứng Gà 2 quả. Bỏ cả hai vào nồi, thêm 2 lít nước nấu cho trứng chín, bỏ vỏ, nấu thêm 15, 20 phút nữa. Chờ nguội, lấy 2 quả trứng ra ăn lúc còn ấm, và uống hết nước Hà Thủ Ô trong một ngày. Uống như vậy trong 5 ngày liên tiếp, sau đó ngưng 2 ngày.

Toa 3 (thoa ngoài da đầu): - Yaout 1 hũ, Dầu Mè 1 muống canh - Hột Gà 1 quả. Tất cả đánh thành kem. Thoa lên da đầu sau khi gội đầu, ma sát da đầu lúc thoa, sau đó trùm khăn giữ khoảng 5 – 10 phút trước khi gội sạch. Mỗi tuần 1 lần, làm từ 6 - 8 lần (khoảng 2 tháng).

*(Hội Ái Hữu Biên Hoà Chân thành cảm tạ Ông Thanh Nhàn & Đông Y Sĩ Cảnh Thiên, và Tác Giả
bài Phương Thuốc Chữa Trị Bệnh Gout)*



PHƯƠNG PHÁP DƯỠNG SINH

I. - ĐẠI CƯƠNG:

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp rèn luyện cơ thể một cách toàn diện để bảo vệ sức khoẻ. Nhà y học nổi tiếng Tuệ Tĩnh tóm kết phương pháp dưỡng sinh ở hai câu thơ:

*Bế kinh, dưỡng khí, tồn thần
Thanh tâm, quả đục, thủ châu, luyện hình*

Hai câu thơ trên đã tổng kết sâu sắc cách sinh hoạt, cách lao động, cách suy nghĩ, cách luyện tập như thế nào để bảo vệ sức khoẻ. Hay nói một cách khác hơn, phương pháp luyện tập như thế nào để làm cho thể xác và tinh thần đều khoẻ mạnh, làm chủ được mình để sống lâu và có ích.

II. - NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG PHÁP DƯỠNG SINH:

Gồm có mấy phần sau:

1/- ĂN UỐNG CHO ĐÚNG CÁCH:

Trước hết cần xác định ăn uống là đưa chất dinh dưỡng vào cho cơ thể phải đưa vào cho đủ không thiếu cũng như không thừa, thiếu quá hoặc thừa quá đều có hại. “*Thái quá bất cập*”.

Đề ăn biết ngon, cần tạo không khí vui vẻ trong bữa ăn, mỗi bữa ăn không nên ăn quá no. Làm thế nào để sau khi ăn ta có cảm giác còn có thể ăn được nữa, như vậy bữa ăn sau không bao giờ cảm thấy chán ăn. Phải hiểu là các chất kích thích như thuốc lá, thuốc Lào là có hại; cà phê, trà nên dùng vào buổi sáng mai giúp ta tỉnh táo để làm việc trong ngày, không nên dùng trước khi đi ngủ.

Uống rượu khi cần thiết, nhất là lúc gặp lạnh, không nên uống quá say, nghiện ngập. Về vấn đề này nhà y học nổi tiếng nước ta ở thế kỷ XVIII là Hải Thượng Lãn Ông cũng đã đúc kết trong hai câu thơ:

*Muốn cho ngũ tạng được yên
Bớt ăn mấy miếng, nhịn thèm hơn đau*

2/- THỞ CHO ĐÚNG CÁCH:

Trong đời sống hằng ngày, nhịp thở của mỗi người luôn luôn thay đổi: khi ngủ thở chậm, khi dậy thở nhanh hơn lúc bình thường. Do trung khu hô hấp chỉ huy, cơ thể đã tự động điều chỉnh hơi thở theo yêu cầu lao động, còn rèn luyện thở do ý thức chỉ huy gọi là thở theo ý muốn.

Về điểm này nhà y học Hải Thượng Lãn Ông cũng đã hướng dẫn trong mấy câu thơ sau:

*Hàng ngày luyện khí chớ quên
Hít vào thanh khí độc liền thải ra
Làm cho khí huyết điều hoà
Tinh thần giữ vững bệnh tà khó xâm*

Thở theo phương pháp dưỡng sinh một là để đưa Ôxy (O₂) vào cơ thể tốt hơn, hai là thông qua sự thay đổi áp lực trong ổ bụng để xoa bóp nội tạng, và ba là thở có chỉ huy để luyện tập quá trình hưng phấn và ức chế của hệ thống thần kinh có ý thức, nhờ đó để điều hoà lại sự mất cân bằng của hệ thống thần kinh, kể cả hệ thần kinh thực vật. Hệ thống thần kinh thực vật hoạt động tốt làm việc điều hoà sẽ giúp cho các nội tạng hoạt động tốt.

3/- NGHỈ CHO ĐÚNG CÁCH:

Trên thực tế thường có hai cách nghỉ: nghỉ chủ động và nghỉ bị động.

Khi làm việc mệt mỏi cơ thể đòi hỏi phải nghỉ, ngủ là một hình thức nghỉ, làm việc mệt không muốn làm nữa, đó là nghỉ bị động.

Nhưng trong cuộc sống cần phải biết nghỉ ngơi một cách chủ động, thí dụ: làm việc trí óc nghỉ bằng lao động chân tay, giải trí bằng hoạt động trí óc.

Mọi người đều phải có cách nghỉ cho đúng cách.

4/- HẰNG NGÀY PHẢI TỰ VẬN ĐỘNG VÀ XOA BÓP:

Xoa bóp thường áp dụng ở ngũ quan. Vận động thường chú ý vận động các khớp ở mức độ tối đa để tăng cường dinh dưỡng, nâng cao hoạt động của toàn thân và chống các quá trình xơ cứng, nhất là những người già.

Thở, xoa bóp và vận động có tác dụng làm cho tinh thần ở trạng thái yên tĩnh, giúp cho ta chủ động trong cuộc sống.

5/- PHẢI BIẾT CÁCH LAO ĐỘNG:

Muốn cho cơ thể khoẻ mạnh ta phải biết lao động, lao động phải có năng suất cao, nhưng lại không lãng phí sức lực, nghĩa là phải làm việc có trách nhiệm, thành thạo kỹ thuật, mặt khác phải biết giữ gìn bản thân để làm việc lâu dài và đạt hiệu quả cao.

Muốn vậy phải biết xen kẽ sự nghỉ ngơi cần thiết trong quá trình lao động. Sự nghỉ ngơi chủ động và bị động kể trên giúp ta đạt mục đích này.

6/- PHẢI CÓ CÁCH NHÌN ĐÚNG ĐẸN:

Trong cuộc sống hằng ngày, giữ cho tinh thần luôn luôn vui vẻ, không có những gánh nặng vô ích, những chấn thương tinh thần khác. Về hoạt động tình cảm không được thái quá:

*Vui quá hại tâm
Sợ quá hại thân
Giận giữ hại can
Lo lắng quá hại phế
Suy nghĩ nhiều hại tỳ vị*

Những sự thái quá như trên làm cho hoạt động thần kinh mất cân bằng, gây rối loạn thần kinh chức năng. Trong cuộc sống phải lấy suy nghĩ đúng thay cho suy nghĩ sai, trong lao động phải tập trung tư tưởng, lấy chánh niệm thay ác niệm, gạt bỏ tạp niệm.

7/- PHẢI BIẾT CHỐNG NHỮNG TÁC NHÂN GÂY BỆNH:

Phải giữ cho bản thân mình mạnh khoẻ để khi thay đổi thời tiết, các vi khuẩn xâm phạm vào trong cơ thể không gây bệnh được ở đường tiêu hoá, hô hấp, da v.v...

Phải giữ vệ sinh cá nhân, giữ vệ sinh hoàn cảnh xung quanh cho sạch.

Về điểm này, y học hiện đại đã có nhiều biện pháp tích cực như tiêm chủng, giải quyết các vấn đề: phân, nước, rác v.v....

Thời điểm chuyển mùa, các bệnh mãn tính của hệ thống hô hấp dễ bộc phát. Nếu biết cách kết hợp điều lý dưỡng sinh, cơ thể sẽ không dễ sinh bệnh.

Bảy phương cách nêu trên nếu thực hiện được thì sẽ giúp cho chúng ta một cuộc sống vui khoẻ.

III. - KẾT LUẬN:

Để kết luận chúng tôi xin trích đăng bài thơ của Hải Thượng Lãn Ông hướng dẫn về phương pháp dưỡng sinh như sau:

*Nội thương bệnh chứng phát sinh
Thường do xúc động thất tình gây nên
Lợi dục đầu mối thất tình
Chặn lòng mong muốn thì mình được an*

*Cần nên tiết dục thanh tâm
Giữ lòng liêm chính chẳng tham tiền tài
Chẳng vì danh vị đua đòi
Chẳng vì sắc đẹp đắm người hại thân*

*Giữ tinh dưỡng khí tồn thân
Tinh không hao tán thì thân được an
Hằng ngày luyện khí chó quên
Hít vào thanh khí, độc liền thải ra*

*Làm cho khí huyết điều hoà
Tinh thần giữ vững bệnh tà khó xâm
Lại cần tiết chế nói năng
Tránh làm quá sức dự phòng khí hao*

*Thức đêm lo nghĩ quá nhiều
Say mê sắc dục cũng đều hại tâm
Nhìn xem thân đã bao người
Làm ăn chất phác, chơi bời chẳng hay*

*Ngô khoai rau cháo hàng ngày
Ấy mà khoẻ mạnh hơn người cao lương
Rạng đông cây cước luyện mình
Đồng không hít thở thân hình nở nang*

*Lo sâu vì bệnh giàu sang
Vui nghèo khoẻ mạnh, hiên ngang trong lòng*

Tóm lại, phương pháp dưỡng sinh chú ý 4 phần:



Biết cách thở



Biết cách ăn uống



Biết cách suy nghĩ



Biết cách vận động

(Hội Ái Hữu Biên Hoà Chân thành cảm tạ Y Học Dân Tộc)



TẢN MẠN VỀ “BÁCH NIÊN GIA TRANG”

Nguyễn Kim Lộc & Trương Văn Mạnh

(Chicago, Illinois & Kettering, Ohio, USA)

Một sự ngạc nhiên vô cùng lý thú, khi nhận ra tiếng nói bên kia đầu dây điện thoại là anh Trương Văn Mạnh, một người bạn cùng khu phố chợ Biên Hoà, mà thân phụ của anh là ông *Mười Chiêm*, nhà kinh doanh lớn, chủ tiệm tạp hoá Vĩnh Phát (đường Nguyễn Hiền Vương), chủ nhà thuốc tây Vĩnh Đạt và tiệm vải hàng tơ lụa (đường Phan Chu Trinh) ngày xưa.....

Mặc dù ở cùng xóm, nhưng vì quê hương Việt Nam đang thời lửa loạn, chúng tôi ít có dịp gặp nhau. Chúng tôi, mỗi người phục vụ ở một đơn vị xa xôi. Tôi làm việc tại tỉnh Phước Tuy, còn anh Mạnh làm Thông Dịch Viên cho Văn Phòng Cố Vấn Mỹ thuộc Phòng 5/Sư Đoàn 5 tại Bình Dương ...

Sau hơn 30 năm trôi giạt nơi xứ người, chúng tôi được dịp liên lạc với nhau nhờ Hội Ái Hữu Biên Hoà. Qua cuộc điện đàm kỳ này, và sau khi trao đổi tâm tình, tôi thấy anh Mạnh đang say sưa nghiên cứu về y dược thiên nhiên và tuổi thọ của kiếp con người, với lòng mong mỏi giúp cho quý đồng hương cao niên có một cơ thể khoẻ mạnh, một tinh thần thoải mái, một cuộc sống vui tươi để kéo dài tuổi thọ Và sau đó, cũng trong ý hướng vừa kể, anh Trương Văn Mạnh gửi cho tôi lá thư sau đây:

Kettering, ngày 08 tháng 3 năm 2009

Anh Lộc và Gia Đình thân mến,

Bà con xa, láng giềng gần: Mặc dù mình không gặp nhau ở thời niên thiếu khi khói lửa chiến tranh đang lan tràn trên miền Nam nước Việt, gia đình Dì Hai Hát Bóng và gia đình tụi này cách nhau không xa, cùng chung khu phố chợ. Và bây giờ, ở cái xứ xa quê hương hơn ngàn dặm, anh và tôi vẫn gần nhau nơi cư ngụ hơn những người thân quyến khác. Thật là hữu duyên thiên lý năng tương ngộ.

Qua vài lần điện đàm, tôi mong rằng anh hiểu phần nào về tư tưởng và đường hướng tôi sắp đi trong những tháng năm còn lại của cuộc đời ngắn ngủi, hầu mong đem những điều hữu ích đến bà con đồng hương, để không hổ thẹn, mà còn xứng đáng là người con trai Biên Hoà. Việc làm này có mang lại thành quả hay không còn tùy thuộc vào sự hợp tác chặt chẽ và sự biên soạn của anh. Tôi ví anh như người thợ nấu giỏi, dù nguyên liệu tôi trao cho anh quá lung tung, nhưng anh vẫn xào nấu theo cách nào đó, để nó trở thành một món ăn đầy hương vị và ngon miệng... với lời văn bình dị và chân thành giúp cho quý vị cao niên tham gia và tự lo sức khoẻ cho mình để kéo dài tuổi thọ một cách hữu hiệu trong lúc bóng ngả hoàng hôn.

*Và sau đây là những gì sẽ xảy ra trong một làng do tôi hoạch định: Câu chuyện về sức khoẻ là chuyện thật, còn quang cảnh và những điều mơ ước cho khu làng này trong tương lai là hoàn toàn do tôi tưởng tượng. Tôi tạm đặt tên cho khu làng ven biển này là “**Bách Niên Gia Trang**”, hay là “**Thiên Đàng Của Người Cao Niên**”.*

Và cũng trong lá thư này, anh Trương Văn Mạnh lần lượt giải thích những điều tôi thắc mắc.....

1. Tại sao gọi là Thiên Đàng?

Vì ở đây mọi người đều khoẻ mạnh, hiểu biết mọi mưu sinh và nhiều kinh nghiệm sống, và trước khi lìa đời, họ không còn mọi thắc mắc sống và chết mà chỉ cống hiến bản thân họ của cuộc đời còn lại cho sự Học Hỏi, Nghiên Cứu, và Thực Tập (Study, Research, and Practice) sao cho hưởng sống của mọi người ở trong làng được thành quả hữu ích để phục vụ cho thế hệ mai sau.

2. Như vậy những người sống trong làng phải thật là mạnh khoẻ. Chương trình nào giúp họ được khoẻ mạnh và có hướng sống tốt như vậy?

Anh Mạnh ghi ra **Sáu Liều Thuốc Hỗn Hợp Phục Vụ Đời Sống/Six Integrated Medicines for Life** như sau:

**1. Thức Ăn/Foods *2. Nước Uống/Drinks *3. Thường Xuyên Khám Sức Khỏe/Routinized Medical Checkups *4. Dùng Thuốc Thiên Nhiên/Vitamins and Supplements *5. Năng Tập Thể Dục cho cả Tinh Thần lẫn Thể Xác/Physical and Mental Exercises *6. Thực Hiện Hướng Đi/Pursuit of A Life Goal.*

3. Làm sao phân biệt giữa Thuốc Thiên Nhiên và các loại thuốc khác như Thuốc Bắc và Thuốc Nam ta chẳng hạn?

Hiện nay ở Mỹ, người ta thường dùng thuốc Tây (Medication) do Bác Sĩ cho toa và được các hãng bảo hiểm sức khoẻ trả tiền mua thuốc tại các dược phòng (Pharmacy). Nhưng dùng thuốc Tây trường kỳ, thường bị phản ứng phụ, làm thương tổn các bộ phận khác trong cơ thể, hoặc thậm chí làm nảy sinh các bệnh khác và bị lệ thuộc vào thì giờ lấy hẹn khám bệnh, rồi tái khám, rồi thử nghiệm đủ thứ.... Một số người Mỹ và người Á Châu thích tự lo cho sức khoẻ của bản thân và gia đình nên họ thường tự nghiên cứu và dùng thuốc thiên nhiên (Vitamins and Supplements). Lẽ dĩ nhiên họ phải bỏ ra một số tiền để mua sự hiểu biết về cách sử dụng chuẩn xác các loại thuốc thiên nhiên. Thuốc thiên nhiên hiện tại có ba loại: thuốc Bắc, thuốc Nam (đều phải nấu thành nước trước khi uống), và một loại khác được biến chế từ thảo mộc thành viên dạng thuốc Tây, mà thành phần thuốc thiên nhiên gồm có:

- *1. Vitamins-micronutritions/Chất siêu dinh dưỡng*
- *2. Minerals/Khoáng chất*
- *3. Amino Acids/Loại này có phần nào do cơ thể ta sản xuất và kết hợp cùng các thứ hoá chất khác để tạo ra proteins/Chất dinh dưỡng nuôi cơ thể ta.*
- *4. Fatty Acids/Các loại dầu cá và dầu thực vật thường gọi là OMEGA 3-6-9*
- *5. Herbal Medicines/Thuốc dược thảo/do các loại thảo mộc được điều chế theo kiểu Tây Phương.*
- *6. Green Algae, Fruits and Vegetables/Những loại thuốc rong biển, thuốc rau cải và trái cây cũng thịnh hành trên thị trường vì nó đem lại nhiều dinh dưỡng cho sức khoẻ.*
- *7. Fibers/Chất xơ dùng cho tim và đường ruột.*

Ngoài ra, còn một ngành thuốc thiên nhiên cũng rất thịnh hành và đang phát triển gọi là: **HOMEOPATHY**. Quan niệm ngành thuốc này là **lấy độc trị độc/like cures like**. Loại thuốc này hiện còn đắt giá, nên chưa thu hút được người tiêu dùng.

4. Hiện tại các loại thuốc Vitamins và Supplements đặt bán ở đâu và buôn bán giá cả ra sao?

Thị trường thuốc Vitamins và Supplements hiện tràn ngập, bày bán ở các tiệm thuốc Tây, ở tại các siêu thị, các tiệm bán thuốc thiên nhiên, và những nhà cung cấp Catalogs bán theo đơn đặt hàng.

Khi mua thuốc này phải chú ý những điểm cần thiết như sau:

- *1. Xem số lượng gồm bao nhiêu viên.*
- *2. Phải là viên Tablets, Caplets, Capsules, hay Solfgels vì nhiều người lớn tuổi thường không nuốt được viên cứng.*
- *3. Thành phần, tức Ingredients, gồm các chất mà mình cần cho sự dinh dưỡng. Nhiều nhà sản xuất vì cạnh tranh giá cả nên chế thuốc dung lượng kém hơn.*
- *4. Dung lượng/Serving size tức bao nhiêu viên gồm trong thành phần trên. Nếu dung lượng 2 thì 2 viên gồm trong thành phần/Ingredients trên. Phải lưu ý điểm này nếu không ta bị mua hớ và trả giá cao vì không đủ chất lượng thuốc cần thiết.*
- *5. Điểm sau cùng là mặc cả vì không ta phải trả giá gấp đôi. Thông thường nhìn xem hiệu thuốc nào hiện đang bán **"ON SALE/BUY ONE GET ONE FREE"**, mua một tặng một, rồi liếc qua thành phần/ingredients gồm các chất có giống nhau không.*

5. Nhiều đồng hương hiện hơn 60 tuổi nên dùng loại thuốc nào để được khoẻ mạnh như những người trong làng này?

Những người trong làng này dùng tất cả những sản phẩm trên thế giới để thí nghiệm và kiểm chứng trước khi phổ biến cho người khác. Nhưng thông thường họ dùng những thuốc Vitamins và Supplements được chế tạo và có kiểm nghiệm/clinical-proven, qua các Viện Chẩn Bệnh do nhiều bác sĩ điều hành (Institutes of Clinics). Xin tham khảo bảng đề nghị sau cho những người sau 60 tuổi mà nhiều vị cao niên trong làng này đang dùng (For your health after sixty, the below vitamins and supplements are necessary for heart health and longevity):

***1. Multi-Vitamins, *2. B-Complex, + 50, or +100, *3. Vitamins E-400 to 800 IU, *4. Calcium and 1/2 Magnesium dose *5. Coenzyme Q10 - 100 to 200mg - Rất cần thiết cho tim và chống lão hoá. *6. L' Acetyl Carnitine - 1000 to 2000 milligrams - cho tim và trí nhớ. *7. Fatty acids - Omegas 3-6-9 *8. Fibers, *9. Some Antioxidants - Selenium 100 to 200 mcg. *10. Some green foods. *11. Vitamin C -1000 to 2000 mg. *12. Hawthorn Berry – Herb - Dược thảo cho tim *13. Milk Thistle Combination - Các hợp chất cho gan.** Nhiều người đã dùng các loại thuốc nêu trên nhiều năm và không bị phản ứng thuốc nếu dùng đúng liều.

6. Làng này do ai sáng lập và có từ bao giờ?

Làng này được thành lập vài chục năm qua. Do một số nhà khoa học, những người thích học và nghiên cứu, những cựu nghị sĩ, bác sĩ, và những nhà hảo tâm. Tất cả đều nhận định rằng “muốn cho đời sống của những người về hưu có được bảo đảm về sức khoẻ, sống thoải mái, sống hữu ích và sống trường thọ thì trước hết phải có chỗ tụ họp, sống chung như cắm trại, rồi từ từ thực hiện sáu điểm nói trên, như là tôn chỉ của trại. Trong khi thực hành, nên chú trọng thực hiện từng bước một như sau:

***1. Thường xuyên học hỏi lẫn nhau *2. Tổ chức xây dựng cơ sở có cấu trúc phong thuỷ thiên nhiên. Không kiến trúc quy mô *3. Tổ chức trồng trọt thực phẩm tự túc, chú trọng nhiều đến những cây thảo mộc có tính chất y học *4. Tổ chức du lịch thăm viếng những làng có nhiều bô lão sống hơn trăm tuổi mà còn khoẻ mạnh để học hỏi và rút tĩa kinh nghiệm *5. Tổ chức thám hiểm để tìm cây dược thảo lạ mang tính chất y học trong Vũ Trụ.**

7. Điều kiện nào để gia nhập làng này?

Những người trên 60 tuổi, khoẻ mạnh hoặc có mang bệnh với niềm hy vọng chữa trị bằng 6 điểm trên, thường xuyên lui tới viếng thăm sinh hoạt trại. Họ có thể đến hằng tuần một lần, hoặc vài ba tuần hay vài tháng một lần đến khi họ nhận thấy làng có hữu ích cho họ, đi đúng tôn chỉ, và mọi người trong làng đều khoẻ mạnh. Thông thường họ có thể gia nhập sớm hoặc trễ, từ 60, 65, 70, 75 tuổi, tùy hoàn cảnh gia đình, và điều kiện kinh tế và chính trị của xã hội đương thời.

“**Bách Niên Gia Trang**” là một cái làng ven biển, chung quanh có kỳ hoa di thảo, mang nhiều tính dược thiên nhiên, diệu dụng, có khả năng chữa trị nhiều thứ bệnh, đặc biệt dành cho những vị cao niên, có hồ Tịnh Tâm bốn mùa sen nở, có suối Tham Thiên nước chảy quanh năm, có gió mát trăng thanh... từng nhóm cao niên vui vẻ luận bàn với nhau về những vấn đề đời, từng nhóm cao niên khác thảo luận về văn thơ, từng nhóm cao niên khác nữa đang nhặt những cánh hoa đào rơi rất lồi thiên thai... tạo thành một thiên đàng. Một cái làng hoàn toàn nằm trong trí tưởng tượng của anh Trương Văn Mạnh, nhưng trên thực tế, anh Mạnh đang tích cực nghiên cứu về y dược thiên nhiên và đời sống, góp phần biến sự tưởng tượng thành hiện thực để sẵn sàng phục vụ quý vị cao niên tăng tuổi thọ trong tình trạng sức khoẻ dồi dào và tinh thần minh mẫn.

Nếu quý đồng hương cao niên có điểm nào thắc mắc liên quan đến vấn đề nêu trên, xin gửi câu hỏi về Hội Ái Hữu Biên Hoà tại Texas, để được anh Trương Văn Mạnh giải đáp tận tường hoặc hướng dẫn rõ ràng hơn. Mong lắm thay.



Tâm Sự Của Nhạc Sĩ Bằng Giang Nói Về “Thơ” Được Phổ Nhạc

Bằng Giang
(Duluth, Georgia, USA)

đã hỏi tôi: “Sau 75, một khoảng thời gian dài từ khi qua Mỹ, sao không thấy anh sáng tác?”

Thực tình, khi đến định cư ở Mỹ, tự nhiên tôi không còn cảm hứng để sáng tác như trước đây khi còn ở Việt Nam. Nhưng tình cờ tôi liên lạc được Ông Lâm Sĩ Đắc, Hội Trường Hội Ái Hữu Biên Hoà và cũng là một người thích làm thơ. Đọc thơ của Ông ta, bút hiệu Lâm Sông Đông, tôi thấy có những nét “**Đĩ**”, mà theo tôi, đó là những ưu điểm trong văn thơ.

Từ đó, tôi cứ mãi suy tư và có ý định là làm sao để đưa những bài thơ của ông đến gần độc giả hơn, không nhằm mục đích để “*lancé*”, mà chỉ cốt ý phổ biến sâu rộng trong Hội Ái Hữu Biên Hoà mà thôi. Nhưng việc này cũng gặp nhiều trở ngại vì phải làm sao để được đại chúng biết đến những bài thơ, ngoài việc in thành tập thơ xuất bản hoặc phổ biến thông thường.

Do đó, tôi mới thử nghĩ ra một cách là: *kết hợp âm thanh (giai điệu) đưa vào lời thơ, và dùng những quy tắc tối thiểu của luật sáng tác ca khúc phổ thông thường gặp.*

Thay vì bài thơ được “**Đọc**” lên, mà ở đây, bài thơ được “**Hát**” lên. Và muốn được như vậy, chúng ta phải dùng tuyệt đối “*Giai Điệu*” thật đơn giản để không gây khó khăn cho ca sĩ cũng như những người biết hát thông thường. Hơn thế nữa, chúng ta cũng phải giữ một số quy tắc căn bản về luật sáng tác ca khúc như luật “*trường canh*”, luật “*cân phương*”, luật “*đối âm*”, “*đối điểm*” (câu cú) và nhất là sử dụng tối đa về “*Chủ Âm*”, do đó ta thấy có nhiều sự lặp đi, lặp lại “*Chủ Âm*” trong câu nhạc mà tôi đã dùng.

Một điều trở ngại khó khăn nữa là có nhiều bài thơ quá dài hoặc quá ngắn, mà làm thế nào chúng ta có thể giữ được “*nguyên tác*” của tác giả và rất giới hạn dùng “*luyến, láy*” quá nhiều gây khó khăn cho người hát và khó phổ biến...

Việc thơ được phổ nhạc từ trước đến nay, không phải là việc mới lạ gì, nhưng chúng ta thấy trong nền âm nhạc, thơ được phổ nhạc xuất hiện rất hiếm hoi, đa số các nhạc sĩ dùng thơ phổ nhạc sẽ phải đối diện với một số quy tắc cần thiết, bắt buộc trong luật sáng tác.

Như đã nói trên, việc lựa chọn thơ để phổ nhạc rất ít, bởi vì khi vào lãnh vực này, nhạc sĩ sẽ mất rất nhiều thời gian suy nghĩ và biên soạn, ngoài ra còn phải hỏi ý tác giả của bài thơ.

Ở đây, với lời tâm sự này, tôi xin chân thành biết ơn những thân hữu, đồng nghiệp, đã gọi ủng hộ và khuyến khích tôi đã thực hiện con đường sáng tác giản dị này, ngõ hầu những bài thơ hay của những người thích làm thơ được “*hát lên*” thay vì “*đọc lên*” để góp phần vào vườn hoa nghệ thuật, mỗi ngày thêm phong phú, và đồng hương và thân hữu Hội Ái Hữu Biên Hoà được dịp thưởng lãm những ca khúc mới trong những thì giờ nhàn rỗi quý báu.

Trân trọng kính chào

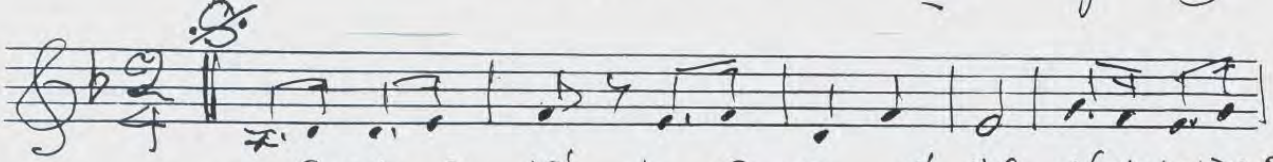


Bằng Giang

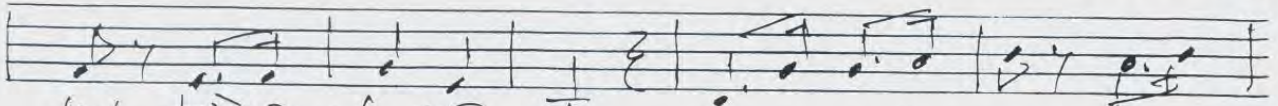
nhịp đi

Biển Hoa Cờ

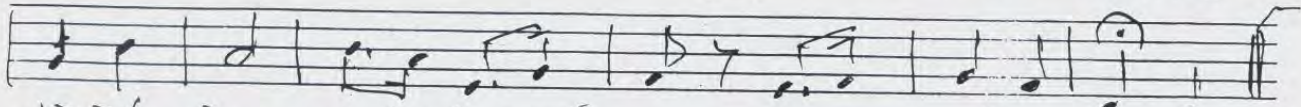
đàn sĩ Đ'at
Bằng Giang



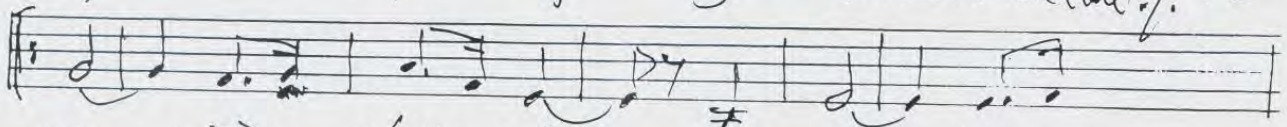
về Quê ta yêu dấu ta sẽ cũng viếng thăm đất thắm đời bền
Cả Quê ta yêu dấu nơi có Mẹ ~~Ch~~ Cha đã bao lần trải



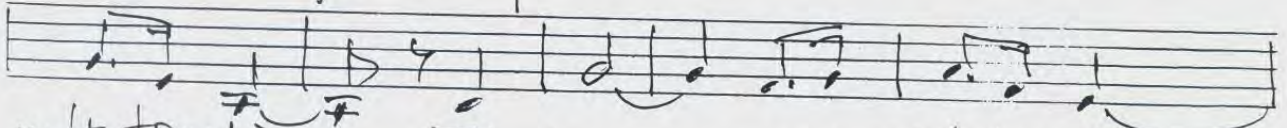
lành trời sông núi hữu tình về nơi xưa Bến Trầm nơi những
qua trời Qua chốn an lành ngày đêm ta mơ ước với khát



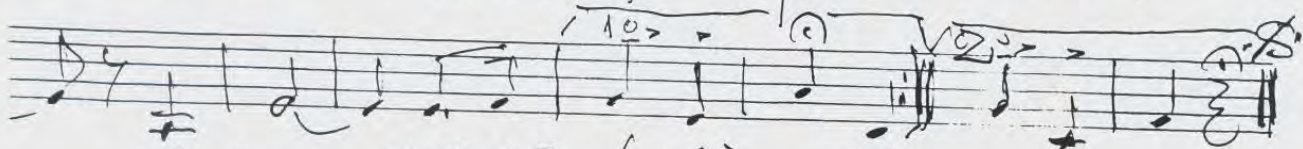
đời sương Dấu chôn đóm mới sĩ nhân thời Nam Triều xây thành. Miền
vọng thiết tha khắp nơi cũng hát vang bài Tâm Ca Biển Hoa. về



Đông miền no ấm thanh bình Đông Nai đồng bào
Hiềm vườn cây trái long thành về thăm vườn hoa



mắt trong lành Trì An xa nghe thác tuôn tràn
Gười Tân Triều Miền Đông Rừng Sâu thú muôn loài



Biển Long chiều trên núi ulin xa... (về...)
Miền Đông vùng tôm..... cá tại nguyên.

Napoléon Đỗ Cao Trí

Vinh danh cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí

Lmst2005

(Kèn dạo nhạc xuất quân) Đất Biên
Hùng sanh ra Đỗ Cao Trí* Trương Trương Vinh Ký đào tạo lúc tuổi
xanh* Trong Quân Đội, đất luyện thép, hùng anh Việt tên lịch
sử tướng tài miền Nam Biên Hùng, tướng vùng anh hùng Trương Vinh
Ký, Đỗ Cao Trí cao ý chí Biên Hùng, tướng vùng anh
hùng Đỗ Cao Trí là Na - po - lé - on Việt Nam Ba
vùng** càng quét địch quân Oai danh mũ đỏ từ trời giáng

Copyright Lmst2005

lâm Tùng lâm khiếp đảm Cộng quân Dựng binh thần tốc, binh thơ, mưu
lược Cao Nguyên "Anh Cả Trường Sơn" Đuổi giặc qua đất Cao Miên ngàn
dặm Vùng Ba trấn thủ lưu đồn Tây Ninh gầy
cánh đại bàng Việt Nam* (Kèn 2. Ba trấn thủ lưu
đồn Tây Ninh gầy cánh đại bàng Việt Nam*

*Theo sách "Biên Hùng Liệt Sử" của Thái Thụy Vy

**Ông đã lần lượt làm Tư Lệnh Vùng I, II và III Chiến Thuật

Tướng Trần Quang Khôi

Để vinh danh toàn thể Lữ Đoàn III Kỳ Binh và Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III còn sống hay đã chết, đã hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ Quốc, nhất là trong những ngày 29 và 30 tháng 4 tử thủ Biên Hòa.

Lmst2005

Kèn dạo nhạc xuất quân
Tướng Trần Quang Khôi khi nước nhà lâm nguy
Kiên gan tử thủ tuyến Biên Hòa ngan chống
giác cộng tiến quân đổ xô vào đổ thành
Đem quân tiếp cứu thủ đô bị vây khốn
Tướng Trần Quang Khôi trên chiến trường nơi nơi
Oai danh sát thép Lữ Đoàn III Thiết Giáp
Lực Lượng Kỳ Binh Xung Kích vận tốc hành

Copyright Lmst2005

Khu Tam Giác Sát, chiến trường Cam - pu - chia
Ra quân sấm sét điều khiển binh thần tốc
Thiết giáp, Kỳ binh cùng chiến xa tung hoành
Phản công chớp nhoáng cứu Cần Cứ Đức Huệ
Rom - mel, Pat - ton cũng ngang tài bằng ông
Số trời giang sơn đã đến ngày suy vong
Ông không trốn tránh chức năng một viên tướng
Tù mười bảy năm vẫn phong độ tướng hùng
1. Tên ông xứng đáng mãi lưu truyền sử xanh.
2. Tên ông xứng đáng mãi lưu truyền sử xanh.

HÌNH ẢNH LƯU NIỆM NGÀY HỘI NGỘ BIÊN HOÀ TẠI VIRGINIA



Hẹn nhau đón tiếp tại phi trường
Chi-Đỉnh-Tài-Lai Kim-Chị Ba-Đỉnh-Nghĩa-Huệ-Vinh-
-Chị Ba-Lan-Anh Chị Vinh-Vinh



Hình lưu niệm trước Nhà Hàng Four Sisters
Bửu-Thiên-Tài-Lai Kim-Chị Ba-Đỉnh-Nghĩa-Huệ-Vinh-
Dung-Chị Lai Kim-Đất-Anh Chị Thể-Chi-Mai-Chị Vĩnh-
Phượng-Vinh-Phi-Lộc.



Hình lưu niệm tại Nhà Hàng Four Sisters
Đứng: Lộc-Vinh-Bửu-Vinh-Anh Thể-Tài-Anh Chị Lai
Kim- Thiên-Chị Thể-Chị Ba- Phi-Chị Vinh-Đất-Long.
Ngồi: Nghĩa-Đỉnh-Huệ-Mai-Phượng-Dung-Chi



China Town, New York vui vẻ:
Hong-Tuyết-Huệ-Đỉnh-Mai-Anh Chị Lộc



Hình lưu niệm tại đảo Ellis/Bảo Tàng Viện Di Dân
Đứng: Tài-Vinh- Anh Chị Vinh- Đỉnh-Mai-Chi-Phượng
-Tuyết-Huệ-Hồng-Đất- Nghĩa-Dung-Thiên-Bửu-Con của ĐH
Nguyễn Đạo-Lộc



Hình lưu niệm tại đảo Tượng Nữ Thần Tự Do
Thiên-Đất-Dung-Nghĩa Lộc-Hồng-Con của ĐH Nguyễn Đạo
-Phượng-Huệ-Tài-Chi-Đỉnh-Mai-Chị Vinh-Tuyết

HÌNH ẢNH LƯU NIỆM NGÀY HỘI NGỘ BIÊN HOÀ TẠI VIRGINIA



Phái đoàn rời sông bài Atlantic City, New Jersey ghé nhà hàng cơm tấm Thuận Kiều ăn sáng, trước khi về lại Virginia



Phái đoàn viếng hải cảng Baltimore đẹp trứ danh thuộc tiểu bang Maryland trên đường về Virginia



Phái đoàn viếng khu đền đài tưởng niệm nơi Thủ Phủ Washington, D.C.



Ông Bà Bác Sĩ Nguyễn Sơ Đông đãi tiệc mời phái đoàn ăn cơm tại nhà hàng Hoàng



Ảnh lưu niệm ngày Hội Ngộ Biên Hoà, Virginia



Ông Bà Bác Sĩ Nguyễn Sơ Đông mời nhóm người còn lại ăn sáng tại Thương Xá Eden, trước khi chia tay hẹn năm sau: Bà Bs Đông-Nghĩa-Anh Chị Vĩnh- Đát-Lộc-Vinh-Bs Đông.

HÌNH ẢNH LƯU NIỆM NGÀY HỘI NGỘ BIÊN HOÀ TẠI PARIS



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
được đón tiếp tại nhà hàng của con gái
đồng hương Nguyễn Văn Tài: Đinh-Sương-
Chị Phước-Trí-Nghĩa-Đất-Anh Phước-Phò-
Tài-Thủ-Lộc-Lang**



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
được đón tiếp tại Anh Quốc:
Trung-Lang-Đậm-Tiết-Thủ-Thành-Đất-Đinh-
Tài-Trí-Sương-Nghĩa-Lộc-Tài**



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
được đón tiếp tại nhà anh Phước:
Trí-Nghĩa-Sương-Đậm-Chị Long-Tiết**



**Tiệc Hội Ngộ Biên Hoà, Paris:
George Achats-Long-Bs Hậu-Lộc-Côn-Son-
Châu-Tài-Đinh**



**Tiệc Hội Ngộ Biên Hoà, Paris
Hai Bác Lê Văn Lộ-Bác Quách Tông Đức
-Trung-Đất**



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
được Bác Sĩ Xuyên và Anh Trung đãi tiệc:
Tài-Trí-Nghĩa-Dương-Xuyên-Đất-Tài-
Thủ-Tiết-Trung**

HÌNH ẢNH LƯU NIỆM NGÀY HỘI NGỘ BIÊN HOÀ TẠI PARIS



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
viếng Versailles, France:
Tài-Lang-Sương-Lộc-Tri- Đỉnh-Nghĩa-Đậm-Tiết**



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
viếng Thánh Đường Thánh Tâm, France:
Sương-Trung-Tiết-Đỉnh-Nghĩa-Đậm-Chị-Long-Tri-Tài**



**Ông Lang ngồi để họa sĩ vẽ chân dung
tại khu phố nghệ thuật Montmartre**



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
được Cô Ba Biên Hoà đón tiếp tại Thụy Sĩ**



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
thăm viếng khu Hồ Léman, Thụy Sĩ
chụp hình lưu niệm tại công viên đồng hồ trên thảm cỏ:
Tài-Nghĩa-Đậm-Thủ-Đất-Tri-Đỉnh-Sương**



**Phái đoàn Hoa Bưởi Vượt Đại Dương
viếng thủ phủ Berne, Thụy Sĩ, chụp hình lưu niệm:
Nghĩa-Lộc-Cô Ba Biên Hoà-Tri-Lang**

Danh Sách Đồng Hương và Thân Hữu Cúng Lễ Vía Đức Ông Năm 2009

Nguyễn Văn Tài (Paris, France) \$70 Euros, Nguyễn Hữu Hùng (Wichita, KS) \$20 trái cây cúng, Lâm Sĩ Đắt (Houston, TX) com chiên Dương Châu, chả giò và chả lụa Chợ Tân Bình, Lôi Phát (Milano, Italy) \$50, Liêng Nữ Trung \$20, Giang Đông (New Orleans, LA) 01 con heo quay, Từ Phước Hạnh (Houston, TX) 01 con heo quay, Bà Giản Bội (Biên Hoà, Việt Nam) 01 con heo quay, La Nhung (San Jose, CA) \$100, Trần Anh (Australia) \$35, Trần Bông (Australia) \$35, Từ Liên (Chicago, IL) \$20, Nguyễn Liễu (Houston, TX) \$50, Nguyễn Mai (Houston, TX) \$30, Trần Thị Ánh (Lawrenceville, GA) \$30 trái cây cúng, Lý Văn Tâm (Norcross, GA) \$30, Trương Tô Quyên (Ontario, Canada) \$20, Hà Diệu Minh (Houston, TX) bông cúc, nhang đèn và kim hoa, Giản Lê Văn và Tiên (Stafford, TX) rượu cúng, Bành T. Mai & Tài (Houston, TX) gà xì dầu và bánh mì, Lý Thu Cúc (Virginia) \$30, Trần Muội (San Jose, CA) \$30, La Minh (Seattle, WA) \$50, Thái Sanh (Seattle, WA) 1 mâm quít + 1 mâm Bánh Bao. Trần Châu (San Jose, CA) 1 mâm quít + 1 mâm bánh bao, GĐ La Nam (Houston, TX) 2 nồi chè đậu trắng, 10 cái bánh sương sa, Vũ Hà (Houston, TX) \$30. Cường & Hạnh (Dallas, TX) 2 mâm com chiên, 2 mâm nắm đông cô xào cải lùn, 2 mâm mì xào chay, Bà Vương Tô (Houston, TX) \$20, Cao Thị Chung & Huỳnh Kiệt (Garden Grove, CA) \$50, Trương Thị Ngọc Hương (Thuy Sĩ) \$50, Giản Đức (Hoà Lan) \$20, Lương Bác (Italy) \$20, Giản Huệ (Đan Mạch) \$20. Gđ Lâm Thông Huyền (San Jose, CA) 01 thùng đồ thủ công nghệ bán gậy quỳ và \$20, Nance Lru & Ngọc K. Huỳnh (San Gabriel, CA) \$50, Thân Thị Ngọc Mai & Nguyễn Văn Lợi (Garden Grove, CA) \$50, Nguyễn Văn Ngân (Houston, TX) \$50, Nguyễn Thái Bửu (Houston, TX) \$100, Lưu Phước (Houston, TX) \$40, Trần Ngọc Thạch (Houston, TX) \$50, Lê Văn Năm (Houston, TX) \$50, Đỗ Cao Tuy (Houston, TX) \$25, Nguyễn Kim Sơn (France) \$30 Euros, Chị Ba Thanh Hội (Virginia) \$30, Thái Ngọc Dung (Virginia) \$50, Vu Thu Anh (Westminster, CA) \$100, Nguyễn Tấn Xê (Glenview, IL) \$20, Lý Hữu Tài (Anh Quốc) \$20, Bà Lý Kiều (Houston, TX) 1 mâm bánh bao, Gđ Từ Kim Anh (Hòa Lan) 1 thùng quít, Diệp Kỳ Quang (Pearland, TX) 1 mâm dưa chua, Lâm Văn Sơn (Houston, TX) 6 case nước lọc, Thomas Thái (Spring, TX) \$20 và 1 mâm bưởi, Ngủ Anh Vân (Katy, TX) 3 mâm xôi, Bác Lý Kiều (Houston, TX) 1 mâm bánh bao ngọt, Quyên Văn Video (Houston, TX) \$20, Nguyễn Thành Long (Houston, TX) \$30, Chu Quang Bảo (Dallas, TX) \$100, Nguyễn Văn Đức (San Antonio, TX) \$100, Huỳnh Văn Bé (Houston, TX) \$30, Trần Văn Láng (Katy, TX) \$100, Trương Hiệp Khánh (Houston, TX) \$20, Nguyễn Thị Thu Lan (San Antonio, TX) \$50, Nguyễn Hoàng (Houston, TX) \$20, Võ Kim Ngân (Houston, TX) \$20, Lê Văn Dữ (Houston, TX) \$40, Trần Đình Vinh (Houston, TX) \$50, Võ Kim Hùng (Houston, TX) \$20, Happy Hair Salon (Houston, TX) \$30, Huỳnh Tâm (Houston, TX) \$30, Nguyễn Nhung (Houston, TX) \$40, Hồng Ledford (Houston, TX) \$20, Từ Minh Hải (Sugar Land, TX) \$20.



Khung cảnh ngày Lễ Vía Đức Ông: Cử soát tế vật chuẩn bị khởi hành nghi lễ. Con dân Biên Hoà, sau phần Lễ Tắt, lần lượt dâng hương cảm tạ công đức tiền nhân.

Danh Sách Ủng Hộ Quỹ Hội Năm 2009 & Đặc San 2010

Giản Xú (VN) \$200, Nguyễn Phúc Thọ (Annadale, VA) \$30, Nguyễn Đ. Sang (Fort Wort, TX) \$20, Phạm Thanh Quang (Anaheim, CA) \$50, Trương Minh (Houston, TX) \$10, Liz Hoa Giang (San Jose, CA) \$50, Lâm Văn Sơn (Arlington, TX) \$20, Nguyễn Văn Thái (Sacramento, CA) \$10, Huỳnh Thị Quê Hương (Houston, TX) \$50, Bành T. Mai. (Houston , TX) \$30, Lâm Ngọc Sơn (Katy, TX) \$10, Lữ Công Tâm (Westminster, CA) \$30, Phan Văn Tại (Garden Grove, CA) \$10, Trương Minh Sung (Elk Grove, CA) \$25, Nguyễn Văn Hoà (Houston, TX) \$10, Phan Lê Nga (Dorchester, MA) \$20, Võ Ngọc Nữ (Stanton, CA) \$20, Võ Hồng Nhung (Hayward, CA) \$50, Ann Đặng (Honolulu, HI) \$25, Ngũ Ảnh Nga & Bùi Văn Huân (Cypress, TX) \$50, Ngũ Ảnh Vân (Cypress, TX) \$50, Bs Vũ N. Thanh (Wichita, KS) \$100, Dung Van Lai (San Diego, CA) \$20, Zun Thai Chan (Arlington, VA) \$50, Hillary Hạnh Dương (Falls Church, VA) \$100, Nguyễn Phú Cường & Đinh Thị Hồng (Wilson, NC) \$50, Nguyễn Thanh Hoàn (Austin, TX) \$20, Nguyễn Hữu Hoàng Châu (Worcester, MA) \$25, Hoàng Chí Thanh (Tifton, GA) \$50. Phạm D. Huê (Houston , TX) \$30, Vũ Trần Đông (Houston , TX) \$30, Anh Thành (Không Quân, Houston , TX) \$20, Hồ Thị Đạm (Louisville , KY) \$20, Lê Văn Cồn (Waipahu, HI) \$100, Trang Tú (San Jose, CA) \$30, Mai Ngọc Trai (Lincoln, NE) \$100, Lâm Thị Ngọc Dung (Houston, TX) \$50, Trần Thị Tài (Lawrenceville, GA) \$30, Nguyễn Văn Đáng (Cary, NC) \$70, Trịnh Văn Kiều & Oanh (Alexandria, VA) \$50, Võ Thị Tuyết (La Verne, CA) \$20, Mauric Trang (Nanterre, France) \$50, Trần Như Hoà (Philadelphia, PA) \$20, Phan Thành Lễ (Honolulu, HI) \$20, Nguyễn Tấn Xê (Glenview, IL) \$10, Lý Cúc Anh (Milpitas, CA) \$20, Từ Phước Hạnh (Houston, TX) \$30, Ngô Văn Thương (Hawthorne, CA) \$50, Nguyễn Ngọc Sơn (Garden Grove, CA) \$30, Trương Vĩnh Hào & Huệ (Des Moines, IA) \$50, Nguyễn Tinh (Hammond, IN) \$10, Võ Thị Ngọc Dung (Lawndale, CA) \$50, Võ Văn Biên (Gardena, CA) \$50, Nguyễn Thị Huệ (Chamblee, GA) \$20. Tô Hoà Dương (San Jose, CA) \$20, Lê Hồng Sanh (Fairfax, VA) \$50, Gs Nguyễn Văn Phú (Montréal, Canada) \$20, Bs Đặng Hiếu Điền (Rockville, MD) \$100, Trần Đình Ry (Houston, TX) \$20, Nguyễn Long Thành (Buffalo, NY) \$20. Gs Phan Kiều Dương (Pháp) \$300, Gs Nguyễn Khoa Hiền (Pháp)\$100, Phạm Ngọc Duyên (Pháp) \$20, Nguyễn Văn Phó \$10, Nguyễn Thị Tuyết (Belgium) \$50, Henri Oliot Dung \$50, Bs Bùi Thị Hai \$50 (Belgium), Vũ Công Vỹ (Pháp) \$20, Võ Thị Chín (Pháp) \$10, Đỗ Cao Thông (Pháp) \$10, Bs Nguyễn Văn Hậu (Pháp) \$10, Ls Trần Văn Hoà (Pháp) \$50, Nguyễn Thị Dung (Pháp) \$40, Huỳnh Lê Thị Hạnh (Pháp) \$30, Nguyễn Đình Lang (Pháp) \$25, Nguyễn Kim Sơn (Pháp) \$30, Bs Trần Kim Xuyên (Pháp) \$30, Trần Doãn Cung (Pháp) \$30, Huỳnh Ngọc Nữ (Pháp) \$30, Phan Thành Long (Pháp) \$35, Nguyễn Văn Tài (Pháp) \$25, Nguyễn Văn Tài+Võ Văn Phước+Trần Văn Trung (Pháp) \$150, Trương Thị Ngọc Hương (Thụy Sĩ) \$200, Lương Bác (Italy) \$15, Nguyễn T. Tình (Houston, TX) \$40, Lý Mai Hương (San Jose, CA) \$100, Lưu Phước (Sugar Land, TX) \$20, Giản Lê Vân (Hou., TX) \$200, Huỳnh T. Từ (Westminster, CA) \$20, Hoàng Thi (Westminster, CA) \$20, Ngô Tấn Phước (Seattle, WA) \$30, Nguyễn Mai (Hou., TX) \$50, Nguyễn Minh Mẫn (Wichita, KS) \$30, Nguyễn Kim Huệ (Garden Grove, CA) \$20, Hồ Ngọc Sơn (Hon. HI) \$50, Lê Ngọc Sâm (Virginia Beach, VA) \$50, Ngô Văn Minh (San Jose, CA) \$50, Phạm Quốc Thái (Forth Worth, TX) \$20, Nguyễn Văn Đáng (Cary, NC) \$70, Huỳnh Bá Hoàn (Santa Anna, CA) \$30, Huỳnh Văn Nhuận (Philadelphia, PA) \$30, Nguyễn Thị Bạch Liêng (Sunnyvale, CA) \$60, Bùi Kim Anh (Wheeling, IL) \$50, Trần Thị Tài (Lawrenceville, GA) \$30, Hồ Tường Vi (Houston, TX) \$50, Trần Cẩm Phiêu (Australia) \$100, Nguyễn Thị Đề (Pháp) \$50, Ông Náo (Burien, WA) \$100, Huỳnh Văn Bé (Houston, TX) \$50, Diệp Kỳ Quang (Pearland, TX) \$50. Thầy Nguyễn Tường Triệu (Canada) \$100, Thầy Nguyễn Tường Lưu (Australia) \$100, Thầy Huỳnh Bá Hạnh (Midway, CA) \$50, Cựu Đại tá Nhan Minh Trang (Houston, TX) \$100, Nguyễn Thái Bửu (Houston, TX) \$150, Lâm Sĩ Đát \$500, Hồ Ngọc Sơn (Hon. HI) \$20, Nguyễn Thị Bạch Liêng (Sunnyvale, CA) \$20. Bác Đỗ Cao Minh (Pháp) \$200, Bác Lê Văn Nhơn (Long Beach, CA) \$100, Thầy Lê Hồng Sanh (Fairfax, VA) \$100, Thanh Vân Anderson (Tucson, AZ) \$100, Phan Mỹ Thế (South Riding, VA) \$50, Nguyễn Hữu Hùng (Wichita, KS) \$10, Đồng Hương Maryland \$100. Vĩnh Liêm & Nguyễn Thị Thành (Alex., VA) \$310 (Bán sách gây Quỹ Hội), Trần Đình Vinh (Hou., TX) \$50, Gs Nhã Ý (River Ridge, LA) \$50. Chị Ba (Orange, CA) \$350, Nguyễn Hữu Hùng (Wichita, KS) \$10, Nguyễn Thị Nhuận (N. Carolina) \$20, Nguyễn Thị Ba (Chi) (Hou., TX) \$20, Võ Thị Tuyết (La Verne, CA) \$50, Nguyễn Thái Bửu (Hou., TX) \$60, Xuân Driscoll (VA) \$20, Phạm Thị Phương & Ma T. Xuân (CA) \$20, Đỗ Tấn Tài (Arlington, TX) \$20, Nguyễn Thị Hồng (Ohio) \$20, Phan Lê Hoa (San Jose, CA) \$20, (tiếp tục trang kế)

Liêng Nữ Trung (Anaheim, CA) \$30, Lâm Xuân Hương (Stanton, CA) \$50. Bùi Tín (Tomball, TX) \$20, Nguyễn Mai (Hou., TX) \$70, Lý Văn Tâm (Norcross, GA) \$30, Huỳnh Châu (Livington, NJ) \$50, Nguyễn Tinh (Hou., TX) \$30, Trương Tô Quyên (Ontario, Canada) \$20, Hồ Thuỷ (Sugar Land, TX) \$30, Trần Thị Hường (Koln, Germany) \$30, Trần Thị Ánh (Lawrenceville, GA) \$30, Nguyễn Văn Tài (Paris, France) \$20, Nguyễn Văn Điều (France) \$20. Bs Nguyễn Sơ Đông (Annandale, VA) \$125, Gs Trần-thương Thủ (Hou., TX) \$100, Hồ Thị Đậm (Louisville, KY) \$50, Tăng Trọng Hiếu (Vitry/Seine, France) \$50, , Hàn Thiên Lương & Trần Ngọc Liên (Portland, OR) \$50, Huỳnh Châu (Livington, NJ) \$50, Nguyễn Kim Sơn (Gonesse, France) \$40 Euros, Nguyễn Tinh (Houston, TX) \$20, Trương Tô Quyên (Ontario, Canada) \$20, Hồ Thuỷ (Sugarland, TX) \$20, Nguyễn Văn Đáng (Cary, NC) \$50, Trần Thị Hường (Koln, Germany) \$20, Trịnh Văn Kiều & Lê Thị Kim Oanh (Alexandria, VA) \$50, Đào Văn Công (Louisville, KY) \$50, Từ Liên (Chicago, IL) \$20, Nguyễn Thị Sang (Dallas-Ft. Worth, TX) \$20, Nguyễn Thu Xuân (New Jersey) \$20, Trần Thị Ánh (Lawrenceville, GA) \$10. Nguyễn Văn Tài (Paris, France) \$60, Trần Đại Tân Á (Skokie, IL) \$50, Nguyễn Văn Đáng (Cary, NC) 20 con tem. Huỳnh Văn Thôi (Carnsville, GA) \$50, Trần Thị Tài (Lawrenceville, GA) \$30, Lê Phước Thiện & Tô Hoa (Chicago, IL) \$20, Vương Hồng Ngọc (Burien, WA) \$20, Đỗ Tấn Tài (Arlington, TX) \$100, World Time Services (Hous., TX) \$20, Đỗ Cao Tuy (Hou., TX) \$25, Lê Văn Năm (Hou., TX) \$50, Trần Ngọc Thạch (Hou., TX) \$50, Nguyễn Văn Bi (Richmond, TX) \$20, Lê Ngọc Sâm (Virginia Beach, VA) \$60, Trần Đức An (Virginia Beach, VA) \$50, Lê Quốc Tuý (Houston, TX) \$50, Marie Trần (Houston, TX) \$20, Kelvin Đức Nguyễn & Đỗ Thị Minh Tâm (Hou., TX) \$200, Nguyễn Long Thành (Houston, TX) \$20, Huỳnh Thị Phấn (Marietta, GA) \$50, Nguyễn Thái Bửu (Houston, TX) \$100, Lê Văn Lý (Canoga Park, CA) \$50, Lê Văn (Raleigh, NC) \$100, Tề Quốc Kim (Santa Ana, CA) \$30, Nguyễn Văn Ngân (Houston, TX) \$20, Lê Minh Thi, Lê Hiền Đức, Lê Trương Minh Phương (Lawndale, CA) \$40, Võ Văn Biên & Võ T, Ngọc Dung (Lawndale, CA) \$50, Carly Trịnh (Chicago, IL) \$30, Thanh Trần (San Jose, CA) \$20, Mr. Giản (Việt Nam) \$100, Cao Thị Chung & Huỳnh Kiệt (Garden Grove, CA) \$50, Lương Bác (Italy) \$30, Giản Đức (Holland) \$30, Trương Thị Ngọc Hương (Thuy Sĩ) \$50, Giản Huệ (Denmark) \$50, Huỳnh Thị Thạnh (Fresno, CA) \$50, Ngô Văn Minh (San Jose, CA) \$50, Ngô Văn Dân (San Jose, CA) \$50, Nguyễn Văn Tấn (Greensboro, NC) \$20, Nguyễn T, Xuân Hương (Garden Grove, CA) \$20, Nance Lưu & Ngọc K. Huỳnh (San Gabriel, CA) \$50, Vũ Hà (Houston, Texas) \$20, Thái Ngọc Dung & Chan (Virginia) \$70, Chị Ba Thạnh Hội \$20. Huỳnh Thị Hạnh (Paris, France) \$20E, Bà Nguyễn Thị Đề (La Chapelle/Erdre, France) \$20E, Bs Trần Kim Xuyên (Nemours, France) \$60 E, Lê Văn Lô (Paris, France) \$20Eu, Ls Trần Văn Trai (France) \$20E, Ls Vương Văn Bắc (France) \$20E, Nguyễn Đức Tăng (France) \$20E, Trần Tuyết Vân (Paris, France) \$50E, Monica Huỳnh Văn (Creteil, France) \$30E, Nguyễn Thị Cúc (Agawam, MA) \$20, Nguyễn Thị Sáng (CA) \$20, Nguyễn Thị Xuân (CA) \$20, Quảng Thị Y (CA) \$20, Nguyễn Thị Kim Huê (CA) \$20, Zun Thái Chan (Arlington, VA) \$100, Nguyễn Amy Huê (Chamblee, GA) \$20. Hồ Thị Nguyệt và Hoàng Anh Thái (San Jose, CA) \$300, Liêng Nữ Trung (Anaheim, CA) \$100, Lôi Phát và Châu Kim Mỹ (Milano, Italy) \$50, Nguyễn T. Minh Thuỷ và Hoàng M. Đạt (Westminster, CA) \$50, Võ, Dung và Trương Đình Trí (Galveston, TX) \$100, Nguyễn Thị Xuân Hương (Garden Grove, CA) \$20, Quảng Thị Y (Garden Grove, CA) \$50, Mai Liêm (Garden Grove, CA) \$50, Huỳnh Nào (Wyoming, MI) \$50, Võ Văn Ớt (N Charleston, N.C.) \$100, Lê Hữu Liêm (Garden Grove, CA) \$50, Trần Văn Thu (Paris, France) \$41.37, Nguyễn Văn Giác và Ánh (Houston, TX) \$100. Liêng Nữ Trung (Anaheim, CA) \$30. Phạm Kim Ngôn (Valrico, FL) \$20, Mai Liêm (Garden Grove, CA) \$50, Đặng Nhân Khang (Hou., TX) \$50, Nguyễn Kim Quang (Tullahoma, TN) \$100, Phạm Mỹ Dung (Diamond Bar, CA) \$20, GĐ Trần Văn Láng (Katy, TX) \$100, Lê Hữu Liêm (Garden Grove, CA) \$50, Võ Văn Phước (Champs Sur Marne, France) \$50, Trần Văn Xuân (Arlington, TX) \$20, Trần Văn Ngọc (Ft. Worth, TX) \$30, Du Su (San Jose, CA) \$50, Trần Đình Ry (Hou., TX) \$40, Võ Thị Hồng Nhung (Hayward, CA) \$50, John T. Nguyễn (Buffalo, NY) \$10, Huỳnh Nhuận (Phila, PA) \$20, Trương Văn Mạnh (Dayton, OH) \$20, Quách Hải (Dallas, TX) \$50, Trần Như Hoà (Phila, PA) \$20, Nguyễn Thị Ngọc Tảo (Riverside, CA) \$20, Trương Kim Loan (Wichita, KS) \$30, Trương Hiệp Khánh (Houston, TX) \$25, Nguyễn Hoàng (Hou., TX) \$50, Võ Kim Ngân (Hou., TX) \$20, Lê Văn Thôi (Hou., TX) \$30, Từ Minh Hải (Sugar Land, TX) \$20, Lê Văn Nhon (Long Beach, CA) \$100, Đinh Cẩn Cấp (Seattle, WA) \$100, Công Ty Nam Bắc Xuất Nhập Cảng (Westminster, CA) \$100, Hồ Thị Nguyệt (San Jose, CA) \$50, Bs Đào Thê Xương (Baton Rouge, LA) \$1000. ***Kính Chúc Quý Vị Năm Canh Dần: Sức Khỏe Dồi Dào-Tài Lộc Vượng Phát.***

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

Chân thành cảm tạ Quý Đồng Hương và Thân Hữu đã nhiệt tình ủng hộ Hội trong những năm qua.

AUSTRALIA: *Mr. Lê Tấn Tài *Mr. Nguyễn Hữu Mạnh *Mr. Dương Minh Hoàng *Mr. Liêng Khắc Văn *Mr. Lê Xuân Lộc *Mr. Nguyễn Tường Lưu *Mrs. Huỳnh Kim *Mr. Trần Cẩm Phiu * Mr. Trần Anh * Mr. Trần Bông *Nguyễn Thy Tài *Mr. Phạm Việt Hưng *Mrs. Phạm Thị Hương *Mr. Phạm Phú Hoa *Mrs. Trần Thị Diệu
BELGIUM: *Mrs. Bùi Thị Hai *Mr. Trần Văn Tốt. *Mrs. Nguyễn Quỳnh Mai *Mrs. Nguyễn Thị Tuyết
CANADA: *Mr. Khương Lê *Mr. Nguyễn Phú Cường *Mr. Trương Tô Quyên *Mr. Ngô Văn Siêng *Dr. Lý Văn Ba *Mr. Huỳnh Hoa Phước *Mr. Nguyễn Hiến Dân *Mrs. Nguyễn Thị Nga *Nhạc sĩ Nguyễn Đức *Mrs. Phạm Kim Hoa *Mr. Nguyễn Văn Phú *Mrs. Hồng Loan *Mr. Nguyễn Tường Triệu *Mr. Hứa T. Năm *Mr. Thái Quang Đăng *Mr. Nguyễn Văn Châu *Mr. Lê Văn Thiên *Mr. Huỳnh Công Ân *Mrs. Hoàng Thủy Trang *Mr. Vương Tiến
DENMARK: * Vương Đẹp. **ENGLAND:** *Mr. Lý Hữu Tài *Mr. Vũ Khánh Thành *Mr. Lê Thanh Liêm.
FRANCE: *Mr. Đỗ Cao Minh *Mr. Nguyễn Văn Hậu, M.D. *Mrs. Huỳnh Thị Minh *Mr. Trần Văn Trung *Mr. Tăng Trọng Hiếu *Mrs. Trần Quốc Bửu *Mr. Lê Văn Lộ *Mr. Phan Kiều Dương *Mr. Võ Văn Phước *Mrs. Nguyễn Thị Đề *Mrs. Lê Thị Hạnh *Bs. Phạm Kim Xuyên *Mr. Tăng Thế Long *Mr. Nguyễn Đình Lang * Mr. Nguyễn Văn Tài *Mr. Nguyễn Kim Sơn *Mrs. Hồng Thị Loan *Mr. Maurice Trang *Mr. Phan Thành Long *Mrs. Veuve Apretna Guy *Mr. Trần Doãn Cung *Mr. Bùi Trọng Tuấn *Mr. Trần Đại Sỹ *Mr. Thái Văn Kiềm *Mr. Trần Văn Trai *Mr. Tăng Kim Đông *Mr. Vũ Quốc Thúc *Mr. Vương Văn Bắc *Mr. Nguyễn Đức Tăng *Mr. Nguyễn Khoa Hiền * Mrs. Nguyễn Thị Dung *Mr. Trần Văn Thu *Mr. Nguyễn Văn Điều *Nguyễn Châu & Nét *Mrs. Monica Huỳnh Văn *Trần Tuyết Vân **GERMANY:** *Mrs. Hương T. Trần *Mr. Nguyễn Minh Đồng.
HOLLAND Mr. Giã Đức. **ITALY:** *Mr. Lương Bác *Mr. Lôi Phát **SUISSE:** Mrs. Ngọc Hương Trương Vernaz. **VIỆT NAM:** *Mr. Giã Xú *Mr. Nguyễn Văn Hào *Mr. Phan Văn Cảnh *Mr. Trần Doãn Trị *Mr. Lương Văn Thành *Đỗ Công Trường. **ARIZONA:** *Mr. Đỗ Khoa Luật *Mrs. Lê Kim Huệ *Mrs. Liêng Trúc *Mr. Nguyễn Thanh Vân. *Mrs. Thanh Vân Anderson. **CALIFORNIA: (Bắc California)** *Mrs. Bùi Thị Hào *Mr. Du Su *Mrs. Giang Hoa *Mrs. Huỳnh Kim *Mrs. Hồ Thị Nguyệt *Dr. Minh Quan Huỳnh M.D. *Ms. Lâm Diễm *Mr. Lâm Đường *Lâm Thông Huyền *Mr. Lê Văn Đông *Mr. Lê Hùng *Mrs. Lê Thị Lộc *Mrs. Lê Thị Nghĩa *Mr. Lôi Ngọc Long *Mrs. Lý Mai *Mrs. Mai T. Thanh Nhân *Mrs. Kathy Ngô *Mr. Ngô Văn Minh *Mr. Nguyễn Minh Chánh *Mrs. Chính Thị Nguyễn *Mr. Nguyễn Hào *Mrs. Nguyễn Thị Cúc Hương *Mrs. Nguyễn Thị Giàu *Mrs. Nguyễn T. Diệu Hương *Mrs. Nguyễn Phượng Kim *Mr. Nguyễn Văn Long *Mrs. Nguyễn T. Bạch Liêng *Mrs. Nguyễn Thị Lý *Mr. Nguyễn Văn Thái *Mr. Phạm Dung *Mr. Phạm Đình Thanh *Mrs. Phan Lệ Hoa *Mr. Phan Kim Lực *Mr. Phan Kim Lượng *Mr. Phan Kim Phẩm *Mr. Tô Hoà Dương *Mr. Tống Văn Hồ *Mr. Trần Minh *Mr. Trang Liệt Tường *Mrs. Trần Lan Anh *Mr. Trần Quốc Huy *Mrs. Trần, Thuận Perkins *Mrs. Trịnh Thị Nhơn *Mr. Trương Vạch Số *Mr. Trương Minh Tân *Mr. Trương Minh Sung *Mr. Võ Kim Điền *Mrs. Võ Thị Hồng Nhung *Mrs. Lý Cúc Anh *Mr. Đào Văn Bình *Mr. Trần Phú Thạnh *Hoàng *Hiệp. *Mrs. La Nhung *Mr. Dương Thế Vinh *Mr. Dương Minh Đức *Mr. Huỳnh Tấn Tài *Mr. Nguyễn Điệp *Mr. Dương Văn A *Dr. John Hậu Liêng (**Nam California**) *Mrs. Bùi Tuyết Mai *Mrs. Cao Thị Chung *Mr. Dương Văn An *Mrs. Dương Ngọc Như *Mr. Dương Ngọc Sum *Mrs. Dương T. Ngọc Sương *Mr. Đặng Quỳnh *Mr. Yên Đoàn *Mr. Đỗ Hữu Phương *Mr. Đỗ Văn Bảy *Mr. Đỗ Trung Quân *Mr. Đỗ Cao Thanh *Mr. Hà Văn Bảy *Mrs. Hoàng Sĩ Cư *GS Hoàng Minh Nguyệt *Mrs. Hồ Ái Hoa *Mr. Hồ Tâm *Mr. Hồ Văn Trung *Mr. Huỳnh Công Chúc *Mr. Huỳnh Đông *Mr. Huỳnh Văn E *Mr. Huỳnh Bá Hạnh *Mr. Huỳnh Bá Hoành *Mrs. Huỳnh Thị Nhị *Mr. Huỳnh Vinh Quang *Mrs. Huỳnh Thị Thanh *Mrs. Huỳnh T. Từ *Mr. Huỳnh Hữu Thọ *Mr. Huỳnh Thành *Mr. Lại Văn Đùng *Mrs. Lâm Xuân Hương *Mr. Lê Văn Châu *Mr. Lê Bằng Dục *Mrs. Lê Thị Hương *Mr. Lê Văn Lý *Anh Năm *Mr. Lê Văn Nhơn *Mr. Lê Văn Nghiêm *Mr. Lê Văn Trí *Mr. Lê Văn Út *Mrs. Liêng Nữ Trung *Mr. Lữ Công Tâm *Mrs. Nance Lưu *Mr. Lý Thanh Phương *Mrs. Mã Thị Ngọc Huệ *Mr. Mã Phiêu *Mr. Mã Thành Tâm *Mr. Mai Thế Hiệp *Mr. Mai Liêm *Mr. Nguyễn Châu *Mr. Nguyễn Văn Chớ *Mr. Nguyễn Hữu Dũng *Mr. David Nguyễn *Mrs. Nguyễn Thị Hạnh *Mr. Nguyễn Hữu Hạnh *Mr. Nguyễn Hữu Hồng *Mrs. Nguyễn Thị Huệ *Mr. Huệ Nguyễn *Mrs. Nguyễn Thị Hương *Mr. Nguyễn Văn Linh *Mr. Nguyễn Văn Lợi *Mr. Nguyễn Lợi *Mr. Nguyễn Văn Lung *Mrs. Nguyễn Thị Mỹ *Mr. Nguyễn Đình Nguyên *Mr. Nguyễn Duy Nghi *Mr. Nguyễn Khắc Phước *Mr. Paul Nguyễn *Mr. Nguyễn Văn Sơn *Mr. Nguyễn Trung Tâm *Mr. Nguyễn Quang Tầm (xem kế tiếp)

*Mr. Nguyễn Văn Tân *Mr. Nguyễn Văn Tấn *Mrs. Nguyễn T. Ngọc Tảo *Mr. Nguyễn Văn Tị *Mr. Nguyễn Tấn Thanh *Mr. Nguyễn Văn Thọ *Mrs. Nguyễn T. Minh Thủy *Mr. Nguyễn Đức Trạch *Mrs. Nguyễn Duyên Trang *Mr. Huỳnh Văn Tùng *Mr. Nguyễn Văn Xa *Mr. Phạm Quốc Bửu *Mrs. Phạm T. Mỹ Dung *Mr. Phạm Thanh Quan *Mr. Phạm Lê Việt Quốc *Mrs. Phan Trần Đào *Mrs. Phan Bích Phượng *Mr. Phan Văn Tại *Mr. Phan Văn Tình *Mrs. Trầm Tuyết *Mr. Tăng Toàn Trung *Mr. Tô Anh Tuấn *Mr. Trần Văn Anh *Mrs. Trần T. Bảy *Mr. Trần Văn Châu *Mr. Trần Văn Hải *Mrs. Lê Trần Quỳnh Hoa *Mrs. Trần Thị Huệ *Mrs. Trương Ngọc Lê Minh Phương *Mr. Trần Văn Rung *Mr. Trần Sâm *Mr. Trần Q. Tuyền *Mr. Thuý Trương *Mr. Võ Văn An *Mr. Biên Võ *Mr. Võ Thành Danh *Mr. Võ T. Ngọc Dung *Mrs. Võ Thị Đáng *Mrs. Võ Ngọc Nữ *Mr. Võ Hà Phi *Mr. Võ Thành Tường *Pagone Tuyết Võ *Hoàng Thi *Thanh Tùng *Ms. Kim-Tê Mr. John Hậu Liên *Anh Chị Sáu Lập *Sư Cô Liên Chiêu *Chị Thành Mr. Trương Quang Vinh *Mr. Trương Quang Giang *Mr. Dương Minh Đức *Mr. Phùng Văn Yên *Mrs. La Nhung *Mr. Dương Văn A *Mr. Diệp Nguyễn *Mr. Huỳnh Tấn Tài *Mr. Nguyễn Văn Thái *Mr. Ngô Dân *Mr. Nguyễn Văn Hưng *Mr. Lê Minh Thi *Mr. Lê Hiền Đức *Mr. Nguyễn Phương *Mr. Ngô Minh Phụng *Mrs. Cẩm Hồng *Mrs. Trần Muội *Nguyễn Thị Ngọc Tảo *Nguyễn Văn Phô *Đặng Cao Ruyên *Luu Quang Dương *Nguyễn Văn Quan *Hồ Thiên *Trần Việt *Nguyễn Ngọc Sơn *Nguyễn Thái Hiền *Trang Tú *Bùi Cẩm Hà *Nguyễn T. Tuyết Mai *Luong Minh *Vũ Thu Anh *William Tang *Nguyễn Thất Hiệp *Duong Nguyệt Ánh *Mr. Tăng Trọng Nghĩa *Mr. Đinh Viết Tú *Mr. Mai Trọng Ngải * Nguyễn Kim Huệ *Mrs. Nguyễn Xuân Hương *Mr. Châu Hoàng *Thiên Sư Thích Thông Triệt **NORTH CAROLINA:** *Mr. Anthony Lê Nguyễn *Mr. Nguyễn Văn Tấn *Nguyễn Phú Cường *Mr. Nguyễn Văn Đáng *Mr. Lê Văn *Mr. Ngô Tín *Mrs. Bùi Thị Kim Phượng **SOUTH CAROLINA:** *Mr. Nguyễn Văn Cường *Mr. Răng V. Phan *Mr. Võ Văn Ót * Mr. Nguyễn Văn Quý *Mr. Nguyễn Đức Trọng. **DISTRICT OF COLUMBIA:** *Mrs. Hứa Thị Gám *Ms. Diễm Phương Lê. **COLORADO:** *Mr. Ngô Văn Sen *Mr. Tạ Nguyễn *Mr. Tường Hồ & Lan Chi Trần. Mr. Đoàn Văn Khai **CONNECTICUT:** Mrs. Dao Nguyệt Hữu **FLORIDA:** *Mrs. Lan Trần *Mr. Lê Phương Lý+Tài *Mr. Nguyễn, Dave & Thụy *Mr. Phạm Kim Ngôn *Mr. Trần Ngọc Đường *Mr. Trần Đức Tuấn *Mr. Trương Vĩnh Thuận *Mr. Trương Văn Noi *Mr. Lâm Văn Xui *LMST *Mr. Nguyễn Đông Thịnh **GEORGIA:** *Mr. Hoàng Chí Thanh *Mr. Lý Văn Tâm *Mr. Nguyễn Văn Ân *Mrs. Nguyễn Thị Hồng *Mr. Nguyễn Thị Giàu *Mr. Nguyễn Văn Nhi *Mr. Tạ Đức Thanh *Mrs. Trần Thị Ánh *Mr. Trần Bạch *Mr. Trần C. Khanh *Mr. Trọng Trần *Nhạc Sĩ Bằng Giang *Mr. Nguyễn Văn Rông *Mr. Nguyễn Văn Tốt *Mrs. Trần Thị Tài *Mr. Phạm Hoàng Minh *Mrs. Nguyễn Thị Huệ *Mrs. Huỳnh Thị Phần *Mr. Trần Văn Vĩnh. *Mr. Huỳnh Văn Thôi **HAWAII:** *Mr. Hồ Ngọc Sơn *Mr. Lê Văn Côn *Mr. Phan Thành Lê *Mrs. Trương Thu Hà *Mr. Lưu Thiên *Mrs. Ann Đặng **ILLINOIS:** *Mr. Du Bình *Mrs. Froom *Mr. Lưu Huệ *Mr. Mạch Kính Huy *Mr. Nguyễn Kế Hùng *Mrs. Nguyễn T. Xuân Lang *Mr. Nguyễn Kim Lộc *Mr. Nguyễn Tấn Xê *Mr. Thái Lâm Nghĩa *Mr. Trần Đại Tân Á *Mr. Trần Văn Phước *Mr. Trịnh Văn Bé *Mrs. Trương Thương *Mrs. Từ Liên *Mrs. Carly Trinh *Mrs. Suzie Nguyễn. *Mr. Thiên Lê & Hoa Nguyễn *Mrs. Bùi Thị Kim Anh **INDIANA:** *Mr. Nguyễn Lan **IOWA:** *Mr. Trần Văn Nguyên *Trương Vĩnh Hào *Mr. Hoàng Văn Việt. **KANSAS:** *Mr. Bùi Văn Thương *Mr. Nguyễn Hữu Hùng *Mr. Nguyễn Minh Mẫn *Mrs. Trần Hồng Mai *Mrs. Trương T. Kim Loan *Mr. Thanh N. Vũ, D.O. **KENTUCKY:** *Mr. Đào Văn Công *Mrs. Hồ Thị Đạm *Mr. James Nguyễn *Mr. Hà Đăng Minh. **LOUISIANA:** *BS. Đào Thế Xương *Mr. Đặng Hoàng *Mr. Nguyễn Ngọc Báu *Mr. Nguyễn Đức Mỹ *Mr. Trần Văn Linh *Gs Nhã Ý *Đồng Khánh Market *Mrs. Lê Thị Nhi *Võ Văn Hiệp. **MARYLAND:** *Mr. Châu Kim Nhân *Mr. Thiên Hải Đoàn *Mr. Lanh Văn Hà *Mr. Tiết Văn Long *Mr. Võ Đáng *Mrs. Hạt Huyền *Mr. Đặng Hiếu Điền *Mr. Hoàng Quý Nam. **MASSACHUSETTS:** *Mr. Bì Văn Nhung *Cao Văn Tánh *Mr. Đinh Thị Mười *Mrs. Lương Thị Khả *Mr. Nguyễn H. H. Châu *Mrs. Nguyễn Thị Cúc *Mr. Phan Thành Tâm *Mr. Trần Văn Xinh *Trần Như *Phan Lệ Nga *Mr. Nguyễn Ngọc Bản *Mrs. Nguyễn Thị Phương. **MINNESOTA:** *Mrs. Lê Kim Hoàng *Mr. Dũng Trần. **MICHIGAN:** *Mrs. Châu Thị Gái *Mr. Huỳnh Nào. **MISSOURI:** *Mr. Bùi Quốc Hương *Mr. Đặng Văn Từ *Mr. Lê Văn Siêng *Mrs. Trần Thị Hoa *Lê Hữu Phước *Mr. Nguyễn Thanh Liêm **NEBRASKA:** *Mr. Hà Hữu Đức *Mr. Ngô Khánh *Mrs. Nguyễn Thị Hải *Mr. Henry Nguyễn *Mr. Mai N. Trai. **NEVADA:** *Mr. Diệp Quan Hồng *Mrs. Nguyễn Thị Phương. **NEW JERSEY:** *Mr. Huỳnh Châu *Mrs. Nguyễn Thu Xuân. **NEW YORK:** *MR. Nguyễn Thành Long **OKLAHOMA:** *Mrs. Cổ Thị Phương Mai *Mr. Ngô Thành Biên *Ngô Thu Anh *Mr. Nguyễn Minh Châu *Mr. Nguyễn Văn Huệ *Mrs. Thanh Vân Anderson. (xem kế tiếp)

OHIO: *Mr. Hứa Tấn Đức *Mr. Lê Văn Tuý *Mrs. Nguyễn Thị Hồng *Mr. Nguyễn Minh *Mr. Trương Văn Mạnh *Mr. Võ Văn Lương. **OREGON:** *Mr. Phạm Văn Tốt & Liên *Hải/Hạnh *Mr. Đoàn Minh Tuấn. **PENNSYLVANIA:** *Mr. Đinh Hạnh *Mr. Huỳnh Văn Của *Mr. Huỳnh Văn Nhuận *Mr. Tạ Xuân Khoa *Mr. Trần Háo Đức *Mrs. Trần Tuyết Hoa *Mr. Trần Như Hoà *Mr. Minh Trần *Mr. Võ Đình *Mrs. Võ Tuyết Hà *Mrs. Song Hạnh *Mr. Sơn Hồ. **TENNESSE:** *Mr. Vy Nguyễn *Mr. Nguyễn Kim Quan. **TEXAS:** *Mr. Chu Quang Bảo *Mrs. Diệu Quang *Mr. Dương Thọ *Mr. Đỗ Hữu Phát *Mr. Đỗ Tấn Tài *Mr. Giã Cường *Mrs. Hồ Thị Mỹ Lan *Mr. Hồ Phong Linh *Mr. Hồ Quyên Liễu *Mr. Hối Vương Lê *Mr. Huỳnh Bá Thanh *Mr. Huỳnh Văn Phước *Mr. Lâm Phú *Mr. Lâm Văn Sơn *Ms. Nhật Khanh Lê *Mr. Lý Chính *Mr. Hoàn Nguyễn *Mr. Nguyễn Văn Chánh *Mr. Nguyễn Thanh Nhàn *Mr. Minh Nguyễn *Mr. Nguyễn Văn Đức *Mrs. Nguyễn Thị Sang *Mr. Phạm Quốc Thái *Mr. Phạm Hoài Thu *Mr. Quách Hải *Mr. Tăng Sanh *Mr. Tăng Vinh *Mr. Tống Đình Bắc *Mr. Trần Đức *Mr. Trần Nguơn Phiêu *Mr. Trần Văn Ngọc *Mr. Phương Trần *Mr. Trần Minh Hải *Mr. Trần Đại Trung *Mrs. Trần Mai *Mr. Trương Đình Trí *Mr. Võ Châu *Võ Hà Phương *Đồng Nai Restaurant *Mr. Đinh Văn Sược *Mrs. Trần Thị Lan *Mrs. Bùi Thị Hội *Mr. Bùi Văn Hồng *Mr. Bùi Văn Huân *Mr. Bùi Huy *Mr. Bùi Tuấn *Mr. Bùi Thanh Tùng *Mrs. Bùi Thúy *Mr. Cao Hữu Bá *Mr. Cao Đình Danh *Mr. Diệp Kỳ Quang *Mrs. Dương T. Thu Hương *Mr. Dương B. Thái *Mrs. Đàm Diệu Chi *Mr. Đặng Căn Chánh *Mr. Đặng Kiệt *Mr. Đặng Nghĩa *Mr. Đinh Tâm Điệp *Mr. Henry Đinh *Mrs. Đinh Thị Lan *Mr. Đinh Gia Rừng *Mr. Đinh Viết Văn *Mrs. Đỗ Kim Phụng *Mr. Đỗ Cao Tuy *Mrs. Giã Lệ Vân *Mrs. Hà Diệu Minh *Mr. Hoàng Xuân Chinh *Mrs. Hồ Diana Hạnh *Ms. Hồ Tây *Ms. Hồng Trang Kim *Mr. Huỳnh Phước Hải *Mrs. Ledford, Hong Bach *Mrs. Lâm N. Dung *Mrs. Lâm N. Diễm Huyền *Mr. Lâm Sơn Hải *Mr. Lâm Kim Long *Mrs. Lucy Lâm *Mr. Lâm Lộc Sơn *Mr. Lâm Kim Sơn *Mrs. Lâm T. Ngọc Trang *Mr. Lê Văn Chuyện *Mr. Lê Văn Dữ *Mr. Lê Hà *Mr. Lê Văn Hiều *Mr. Lê Năm *Mrs. Lê Thị Năm *Mrs. Lê Thị Lan *Mr. Lê Văn Năm *Mr. Lê Đức Thọ *Mr. Lê Quang Tài *Mr. Lê Văn Thới *Mrs. Teri Lê *Mr. Lê Văn Trường *Mr. Lê Thành Xương *Mr. Lê Văn Yên *Mr. Lu Tấn Hồng *Mr. Lương Tru Công *Mr. Lưu Phước *Mr. Lý Phi Sơn Hồ & Hoa *Mr. Lý Chấn Khâu *Mr. Mạch Kính Hoàng *Mr. Mai Xuân Cảnh *Mr. Mai Văn Hưng *Mr. Nguyễn Tấn Bộ *Mr. Nguyễn Văn Bi *Mr. Nguyễn Thái Bửu *Mr. Nguyễn Canh *Mr. Nguyễn K. Đoàn *Mr. Nguyễn Thành Đạt *Mr. Nguyễn Văn Đò *Mr. Nguyễn Chí Đức *Mr. Nguyễn Giác *Mr. Nguyễn Hậu *Mr. Marcel Hiệp Nguyễn *Mr. Nguyễn Henry *Mr. Nguyễn Hoà *Mr. Nguyễn Đ. Trung Hiều *Mr. Nguyễn Văn Học *Mr. Kelvin Đức Nguyễn *Mrs. Nguyễn Lan *Mr. Nguyễn Bửu Lâm *Mr. Nguyễn Liên *Mr. Nguyễn Liễu *Mr. Nguyễn Thành Long *Mr. Nguyễn Thành Long *Mr. Nguyễn Hòa Lộc *Mr. Nguyễn Mai *Mrs. Nguyễn Thị Mai *Mr. Martin Nguyễn *Mr. Nguyễn Hữu Minh *Mr. Nguyễn Văn Ngân *Mr. Nguyễn Nam Nhân *Mr. Nguyễn Nguơn *Mr. Nguyễn Văn Phong *Mr. Nguyễn Phương *Mr. Nguyễn Văn Quỳnh *Mr. Nguyễn Phú Sơn *Mr. Nguyễn Thanh Steve *Mr. Nguyễn Văn Tài *Mr. Nguyễn Trung *Mrs. Nguyễn Tuyết *Mr. Nguyễn Đức Thắng *Mr. Tinh Nguyễn *Mrs. Nguyễn T. Thu Thủy *Mr. Nguyễn Xuân *Mr. Nhan Minh Trang *Mr. Ngũ Minh Châu *Ms. Ngũ Ánh Vân *Mr. Phạm Xuân Bằng *Mr. Phạm Bình *Mr. Phạm T. Châu *Mr. Phạm Dũng *Mr. Phạm Hữu Đức *Mr. Phạm Huyền Đức *Mr. Phạm Huệ *Mr. Phạm Duy Nhân *Mr. Quang Phạm *Mr. Phạm Kim Thành *Mr. Phạm Tuấn Tài *Mr. Phạm Hữu Thế *Mrs. Phan Thị Mai *Mr. Thomas Thái *Mr. Trần Lãng *Mr. Trần Dũng *Mr. Trần Thanh Hùng *Mr. Trần Văn Hải *Mr. Trần Tuấn Kiệt *Mr. Trần Văn Láng *Mrs. Marie Trần *Mr. Nam Trần *Mrs. Trần Lưu Bích Phượng *Mr. Trần Đình Ry *Mr. Trần Tân *Mr. Trần Đình Tắc *Mr. Trần Ngọc Thạch *Mr. Trần Văn Thanh *Mr. Trần Văn Thôn *Mr. Trần-thượng Thủ *Mr. Trần Nhật Trung *Mrs. Trần Túy Vân *Mr. Trần Đình Vinh *Mrs. Trần Kim Vy *Mr. Trịnh Đình Hoà *Mr. Trương Khánh *Ms. Trương Hoài Lê *Mr. Trương Minh *Mrs. Thục Nu Vàng Trương *Mr. Từ Phước Hạnh *Mrs. Từ Kim Hoa *Mr. Từ Nam Sơn *Mrs. Từ Kim Thành *Mr. Võ Đoàn Hồng *Mr. Võ Kim Hùng *Mrs. Võ Tuyết Hương *Mrs. Võ Thị Thu Hương *Mr. Võ Văn Mạnh *Mrs. Võ Kim Ngân *Mr. Võ Thành Tân *Ms. Võ Thị Túy *Mr. Vũ Kim Bài *Mr. Vũ Đình Cung *Mr. Vũ Đức Dũng *Mr. Vũ Trần Đông *Mr. Vũ Văn Hoa *Mrs. Lan Vũ *Mrs. Vũ Kim Oanh *Mrs. Tina Vũ *Mr. Vương Tô *Ms. Thi Lang Wells *Mr. Huy Lực Bùi Tiên Khôi *Thầy Thích Minh Đạo *Mr. Quang *Mỹ Huệ & Minh *Duy Nghi *Mr. Hải Việt *Ls Tom Tùng Hoàng *American Tax Center *Saigon Houston Radio *Little Saigon Radio *V.O.V.N. *Bs Hồ Vương Minh (xem kế tiếp)

*Bs Phạm Hồng Hải *Tân Tân Pharmacy *Farmers Insurance Mr. Hứa Văn Nhân *Thi sĩ Vô Tình *First National Lending Services Mrs. Julie Võ *TNT Radio Houston *Vinh Auto Services *Nha sĩ Đặng T. Mỹ Lan *Hoàng Sơn *Mr. Đoàn Hữu Đức *Gs Nguyễn Thành Nhơn *Mr. Từ Minh Hải *Mr. Hoàng Ngọc Phách *Mr. Lương Minh Hùng *Mr. Nguyễn Hoà Phùng *Mrs Võ T. Kim Huê *Mr. Bùi Văn Tiền *Mr. Trương Văn Bình *Mr. Lê Quốc Tuý *Mrs. Tiên Hạnh Yên *Bác Viên Ý *Mrs. Phương Liên *Mr. Trần Vinh *Mr. Lê Minh Phước *Mr. Quân Trần *Mr. Lâm Sơn *Mrs. Bành Thiều Mai *Mr. Nguyễn Văn Nam *Mr. Đặng Nhân Khang *Mr. Lương Quang Bình *Mrs. Vũ Hà *Mrs. Thủy Hồ *Mr. Huỳnh Hiền *Ms. Nguyễn Thị Khôi Nguyên *Mrs. Khuu Cẩm Vân **UTAH:** *Mr. Võ Thanh Long *Mrs. Võ Thị Tuyết Mai *Mr. Vương Lộc Tùng. **VIRGINIA:** *Mrs. Dương Thị Hạnh *Mr. Đỗ Thiện Bảo *Mr. Đỗ Cao Đăng *Mrs. Đỗ Bích Hằng *Mrs. Đỗ Kim Loan *Mr. Đỗ Cao Thượng *Mr. Lê Hồng Sanh *Mr. Liêng Thất Bửu, M.D. *Mr. Lý Thanh Phi *Mrs. Lý Thị Út *Mr. Nguyễn Đạo *Mr. Nguyễn T. Minh *Mr. Nguyễn Phúc Thọ *Mrs. Nguyễn Thị Thành *Mr. Xuân & Tiến Nguyễn *Mrs. Phan Mỹ Thê *Mr. Trần Đức An *LS Trần Minh Đức *Mr. Trần Hữu Hoàng *Hương Quê *Kiều-Oanh Trịnh *THO's Watch Jewelry Repair *Bs Nguyễn Sơ Đông *Mrs. Nguyễn Thị Cẩm Hà *Mrs. Lý Thu Cúc *Mrs. Võ Thị Nhung *Mrs Võ Thảo *Mrs. Beatrice Beauchamp *Mr. Ngô Long *Mrs. Thái Ngọc Dung *Mrs. Nguyễn Thị Hồng Hà *Mr. Phạm Gia Hưng *Mr. Lê Văn Tú *Mr. Châu Chương Thành *Mrs. Xuân Driscoll *Mr. Thái Thảo **WASHINGTON:** *Kính gửi Chú Sáu *Mr. Đinh Cận Cấp *Mr. La Minh *Mr. La Sơn *Mr. Lê Thành Tâm *Mr. Ngô Tấn Phước *Mr. Nguyễn Văn Cửu *Mr. Ký & Kim Nguyễn *Mr. Nguyễn Văn Rót *Mr. Nguyễn Kim Anh Tuấn *Mr. Ông Bền *Mr. Ông Náo *Mr. Phạm Công Tấn *Mr. Thịnh Trần *Mr. Võ Hà Khuê *Drs. Thai & Audrey Nguyễn, PLLC *Mr. Trần Sáng *Mrs. Vương Hồng Ngọc.

MỤC LỤC

Lá Thư Xuân	1
Ban Chấp Hành & Ban Biên Tập	2
Câu Đối Mừng Xuân Canh Dần – Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.	3
Cung Chúc Tân Xuân	4
Chúc Mừng Năm Mới Canh Dần 2010 - Hoàng Biên	5
Chúc Xuân – Minh Lương Trương Minh Sung	6
Sớ Táo Quân – Táo Bà Thân Ngọc Mai	7
Săn Cọp Đồng Nai – Bình Nguyên Lộc	8
Chuyện Lạ Về Cọp - Nguyễn Kim Lộc	14
Năm Canh Dần Nói Chuyện Cọp – Hoàng Anh Tài	17
Tán Mạn Về Cọp Ba Móng.....- Nguyễn Kim Lộc	22
Ngài Hồ Trị Vì Năm Dần - Ngọc Tâm-Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm	28
Ba Con Cáo – Bình Nguyên Lộc	30
Những Nẻo Đường Đất Nước – Huy Lực Bùi Tiên Khôi	34
Văn Miếu Ở Nam Kỳ - Phan Văn Hùm	35
Từ Cảnh Đồng Texas Nhớ ...Dân Sông Cửu – Bác Sĩ Trần Nguơn Phiêu	37
Qua Sông Học Trường Mỹ Lộc - Trần Văn Linh	42
Chiều Sang Sông - Trần Văn Linh	46
Đại Tướng Đỗ Cao Trí - Nguyễn Kim Lộc	47
Đại Tướng Đỗ Cao Trí – Thân Thế Và Binh Nghiệp - Nguyễn Kim Lộc	60
Trung Sĩ Nhất Vũ Tiến Quang – Yên Tử Cư Sĩ Trần Đại Sỹ	63
Con Chó Vện Và Người Tù Cải Tạo - Nguyễn Vĩnh Long Hồ	69
Xương Ca – Hoàng Anh Tài	79
Hương Tình Xứ Bưởi - Thơ Vĩnh Liêm, Nhạc Nguyễn Nhật Tân	86
Trữ Lòng Thương Ai – Thơ Thế Nhân, Nhạc Bằng Giang	88
Hương Kỷ Niệm – Thơ Hoàng Ánh Nguyệt, Nhạc Bằng Giang	89
Người Có Kịp Về Mùa Lá Đỏ - Thơ Vương Hồng Ngọc, Nhạc LMST	90

Lưu Bút Ngày Xanh – Thơ Võ Thị Tuyết, Nhạc LMST	91
Trúc Tiên Nữ Sĩ – Lâm Sông Đồng	92
Thơ Thế Nhân & Phong Trần	95
Thơ Hoàng Ánh Nguyệt	96
Thơ Lâm Sông Đồng	98
Thơ Vương Hồng Ngọc & Hàn Thiên Lương	101
Thơ Vĩnh Liêm & Đào Văn Bình	102
Thơ Thy Lê Trang Nguyễn Thị Cúc	103
Thơ Tường Dung	104
Thơ Võ Thị Tuyết	105
Thơ Lê Kim Oanh	106
Thơ Minh Lương Trương Minh Sung & Lê Kim Oanh	108
Thơ Nguyễn Văn Tị Nạn & Lam Điền Nguyên Thử	109
Minh Tân Tên Một Ngôi Trường - Nguyễn Hữu Hạnh	110
Nhớ Ông Thầy Xưa - Trần Văn Trung	112
Nghị Viên Vũ Khánh Thành – Phóng Viên Võ Triều Sơn	117
Truyền Thống Hiếu HọcHuy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.	124
Alexander Solzhenitsyn – Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.	127
Sống Lâu Trăm Tuổi – Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Ph.D.	130
Diễn Đàn Thị Trường Chứng Khoán - Quảng Thị Y	133
Tết Nói Về Chuyện Thời Gian – Hàn Thiên Lương	135
Nhịp Điệu Thời Gian Trong Không Gian Vô Tận - Nguyễn Kim Lộc	139
Đường Xưa Lối Cũ - Nguyễn Văn Lợi	145
Bạn Cũ Trường Xưa - Trường Phan Hồ Thị Đạm	148
Hương Bưởi - Nguyễn Quỳnh Mai	153
Đường Vào Rừng Y - Nguyễn Thị Khôi Nguyên & Nhất Nguyên	155
Quyên Đặc San Hội Ái Hữu Biên Hoà.....N.A.	158
Lời Tự Tình Ở Hai Đầu Nối Nhớ - Châu-Oanh	160
Thật Hay Phịa Tận Thế - Trần-thượng Thủ	164
Một Số Ngôi Trường Kỳ Cự Ở Nam Kỳ - Trần-thượng Thủ	166
Cổ Phi San – Non Châu Thới - Lương Văn Lựu	169
Huyền Thoại Dinh Độc Lập - Nguyễn Đình Lang	171
Chùa Đại Giác - Trần Văn Trung	174
Thánh Địa Đức Mẹ Đen Jasna Góra - Trần Văn Trung	179
Mỏ Muối Wieliczka - Trần Văn Trung	181
Xuân Và Cảnh Chùa - Trịnh Văn Kiều & Lê Kim Oanh	184
Bốn Mùa Núi Thủ Phủ Washington, D.C.- Trịnh Văn Kiều & Lê Kim Oanh	188
Vịt Quay Hạnh Phúc Biên Hoà - Hoàng Quỳnh Hương	194
Dưa Mắm Nêm Biên Hoà - Ngọc Tâm-Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm	199
Trái Thanh Long - Ngọc Tâm-Nguyễn Phước Huyền Tôn Nữ T. Sâm	200
Toa Thuốc Trường Sinh	202
Phương Pháp Dưỡng Sinh - Y Học Dân Tộc	203
Tản Mạn Về “Bách Niên Gia Trang”	206
Tâm Sự Của Nhạc Sĩ Bằng Giang Nói Về Thơ Được Phổ Nhạc	209
Biên Hoà Ca - Thơ Lâm Sĩ Đất, Nhạc Bằng Giang	210
Napoléon Đỗ Cao Trí - Nhạc LMST	211
Tướng Trần Quang Khôi - Nhạc LMST	212
Hình Ảnh Sinh Hoạt	213
Danh Sách Hội Viên - Cúng Lễ Vía và Ủng Hộ Quỹ Hội	217
Mục Lục	223

Biển



Hòa

Trúc
Báo
Sinh
An
Tài
Lộc
Tiền

Mai
Khải
Phù
Quy
Lộc
Quyển
Lai

XUÂN CANH DẦN

2010